Tuần 19

Thứ hai ngày .... tháng ... năm 20....

Tập đọc:

Bốn anh Tài

I, Mục tiêu:

- Biết đọc với giọng kể chuyện, bước đầu biết nhấn giọng những từ ngữ thể hiện tài năng, sức khoẻ của bốn cậu bé.
- Hiểu ND: Ca ngợi sức khoẻ, tài năng, lòng nhiệt thành làm việc nghĩa của bốn anh em Cẩu Khây (trả lời được các câu hỏi trong SGK).

****** KNS:***

- Tự nhận thức, xác định giá trị cá nhân.
- Hợp tác
- Đảm nhận trách nhiệm

II, Đồ dùng dạy học:

- Tranh minh học SGK, bảng phụ ghi đoạn văn cần luyện đọc.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	*Hoạt động của trò*
****. Giới thiệu bài*** ****. HĐ1: Luyện đọc*** +Yêu cầu 5 HS nối tiếp nhau đọc 5 đoạn của truyện. + Giáo viên sửa lỗi phát âm, hoặc ngắt giọng. + Giúp HS hiểu nghĩa các từ khó trong bài (Cẩu Khây, tinh thông, yêu tinh). + Đọc mẫu toàn bài giọng kể khá nhanh, nhấn giọng ở từ ngữ ca ngợi tài năng, sức khỏe, lòng nhiệt thành làm việc nghĩa của 4 cậu bé. ****. HĐ2: Tìm hiểu bài*** - YC HS đọc đoạn 1 trao đổi và trả lời câu hỏi. *+ Sức khỏe và tài năng của Cẩu Khây có gì đặc biệt?*	 + 5 HS nối tiếp nhau đọc 5 đoạn của truyện (3 lượt). + HS đọc chú giải SGK (sau lượt đọc thứ 2) +HS luyện đọc theo cặp. 1-2 HS đọc lại toàn bài. - 1 HS đọc to. Lớp đọc thầm trao đổi và trả lời. + ***Về sức khỏe****: Cẩu Khây nhỏ người nhưng ăn một lúc hết 9 chõ xôi, 10 tuổi sức đã bằng trai 18.*

+ Có chuyện gì xảy ra với quê hương Cẩu Khẩy? - YC HS đọc đoạn còn lại, trao đổi và trả lời các câu hỏi. *+ Cẩu Khây lên đường đi diệt trừ yêu tinh cùng những ai?* *+ Mỗi người bạn của Cẩu Khây có tài năng gì?* + YC 1 HS đọc lại toàn truyện. + Truyện này nói về điều gì? ****. HĐ3: Hướng dẫn HS đọc diễn cảm*** + Gọi HS đọc phân vai. + Khi đọc bài này ta cần nhấn giọng ở những từ ngữ nào? + Nhận xét, cho điểm. ***C, Củng cố, dặn dò:*** - Củng cố lại nội dung bài. - Dặn HS chuẩn bị bài sau.	*+ **Về tài năng**: 15 tuổi đã tinh thông võ nghệ, có lòng thương dân, có chí lớn, quyết diệt trừ cái ác.* *- Yêu tinh xuất hiện, bắt người và súc vật khiến làng bản tan hoang, nhiều nơi không còn ai sống nổi.* - Đọc đoạn còn lại, trao đổi, trả lời câu hỏi. *+ Cùng 3 người bạn: Nắm Tay Đóng Cọc, Lấy Tai Tát Nước, và Móng Tay Đục Máng.* *+ Nắm Tay Đóng Cọc có thể dùng tay làm vồ đóng cọc. Lấy Tai Tát Nước có thể lấy tai để tát nước. Móng Tay Đục Máng có thể đục gỗ thành lòng máng để dẫn nước vào ruộng.* + 1 HS đọc toàn truyện. Lớp đọc thầm. + 1 số HS nêu ý kiến, lớp nhận xét. ***Nội dung: Truyện ca ngợi sức khỏe tài năng, lòng nhiệt thành làm việc nghĩa cứu dân lành của bốn anh em Cẩu Khây.*** + 5 HS đọc phân vai, Lớp theo dõi để tìm ra cách đọc hay + Chín chõ xôi, võ nghệ tinh thông, tan hoang, quyết chí, giáng xuống, thụt sâu hàng gang tay, sốt sắng, hầm hầm, hăm hở, hăng hái. + HS luyện đọc theo cặp. 3 HS thi đọc. + Lớp theo dõi, nhận xét.

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Toán:

Ki lô mét vuông

I, Mục tiêu: Giúp học sinh

- Biết ki-lô-mét vuông là đơn vị đo diện tích.
- Đọc, viết đúng các số đo diện tích theo đơn vị ki-lô-mét vuông.
- Biết 1 km^2 = 1000000 m^2 .
- Bước đầu biết chuyển đổi từ km2 sang m2 và ngược lại.

II, Đồ dùng dạy học:

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	*Hoạt động của trò*
A. Bài cũ	
B. Dạy học bài mới	
****. Giới thiệu bài***	
****. HĐ1: Giới thiệu ki-lô-mét-vuông***	
+ Giới thiệu 1km x 1km = 1km^2. Ki-lô-mét-vuông chính là diện tích của hình vuông có cạnh dài 1km.	+ 1 số HS nêu miệng. 1km x 1km = 1km^2
+ Ki-lô-mét-vuông viết tắt là km^2, đọc là ki-lô-mét-vuông.	+ HS nhìn bảng và đọc ki-lô-mét-vuông.
+ 1km^2 = 1000 000 m^2.	+ Vài HS nhắc lại.
****. HĐ2: Luyện tập***	
Bài 1+2: Gọi HS đọc yêu cầu và nội dung.	
+ GV củng cố lại mối quan hệ giữa các đơn vị đo diện tích.	+ Làm bài tập vào vở. 2 HS đọc. + HS tự làm bài vào vở. Bài 1: 1 số HS nêu miệng kết quả. Bài 2: + 3 HS lên bảng chữa. + 2 HS đọc đề bài. + Lớp tự làm vào vở.
<u>Bài 4b:</u> Gọi HS đọc đề bài + YC HS tự làm bài. + Hướng dẫn HS nhận xét, bổ sung. + Chốt lại lời giải đúng +GV củng cố lại cách tính diện tích hình chữ nhật và lưu ý HS viết đơn vị đo diện tích cho đúng.	Bài 4: - Diện tích phòng học: 40 m^2 - Diện tích nước Việt Nam là: 330991km^2
C, Củng cố, dặn dò: - Củng cố lại nội dung bài. - Dặn HS chuẩn bị bài sau	

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Địa lí:

THÀNH PHỐ HẢI PHÈNG

I. Mục tiờu:

- Nêu được một số đặc điểm chủ yếu của thành phố Hải Phũng:
  + Vị trớ: ven biển, bờn bờ sụng Cấm.
  + Thành phố cảng, trung tõm cụng nghiệp đóng tàu, trung tâm du lịch,…
- Chỉ được Hải Phũng trên bản đồ (lược đồ).

II. Đồ dùng dạy- học

-Bản đồ, lược đồ Việt Nam và Hải Phũng.

-Tranh ảnh, hỡnh 2, 3, 4 trong SGK và sưu tầm được

III.Các hoạt động dạy- học

Hoạt động của GV	***Hoạt động của HS***
1.Bài cũ -Y/c hs tìmdẫn chứng Hà Nội là trung tõm chớnh tri , văn hóa, kinh tế, khoa học hàng đầu của nước ta.	-2hs trỡnh bày 4 ý
2.Bài mới: ****Giới thiệu bài: Ghi đề bài lên bảng.*** ****HĐ1:Hải Phũng- thành phố cảng*** ***a. Vị trớ của Hải Phũng*** -Treo bản đồ Việt Nam và lược đồ TP Hải Phũng -Y/c hs quan sát bản đồ và lược đồ cho biết Hải Phũng giỏp với các tỉnh nào? +Cho biết từ Hải Phũng cú thể đi tới các tỉnh khác bằng các loại đường giao thông nào?	-Đọc đề bài -1hs lên chỉ và nêu vị trí nước ta trên bản đồ -Đường bộ. đường sắt, hàng không, đường thủy
b. Hải Phũng- thành phố cảng , là trung tõm du lịch. - Cho hs hoạt động nhóm đôi với 2câu hỏi: +Nêu một số điều kiện để Hải Phũng trở thành một cảng biển.	-Thảo luận nhóm đôi. -Nằm bờn bờ sụng Cấm, cú nhiều cầu tàu lớn, nhiều bói rộng và nhà kho chứa hàng, nhiều phương tiện phục vụ bốc dỡ chuyên chở hàng. -Thường xuyên có nhiều tàu trong và ngoài nước cập bến. Tiếp nhận, vận chuyển một khối lượng hàng

+Mô tả hoạt động của Hải Phũng	lớn.
HĐ2: Đóng tàu- ngành công ghiệp quan trọng của Hải Phũng. -Cho hs xem H3, đọc SGK thảo luận nhóm đôi với các câu hỏi: +Kể tên 1 số nhà máy đóng tàu. +Cụng việc chớnh của các nhà mỏy này là gỡ? +Kể tên 1số sản phẩm của ngành đóng tàu.	-Nhà máy đóng tàu Bạch Đằng, cơ khí Hạ Long, cơ khớ Hải Phũng -Đóng mới, sữa chữa các phương tiện đi biển. -sà lan, ca nô, tàu đánh cá, tàu du lịch, tàu chở khách trên sông, tàu vận tải lớn.
HĐ3: Hải phũng – Trung tõm du lịch - Y/c hs đọc sách, xem tranh 4 SGK thảo luận nhóm 4: Hải Phũng cú những điêu kiện gỡ để trở thành một trung tâm du lịch +Cửa biển Bạch Đằng gắn với sự kiện lịch sử gỡ?	-Cú bói biển Đồ Sơn, đảo Cát Bà với nhiềucảnh đẹp và hang động kĩ thú. -Có các lễ hội : Chọi trâu, đua thuyền trên biển….. -Cú nhiều di tớch lịch sử, thắng cảnh nổi tiếng -Hệ thống khách sạn, nhà nghỉ đủ tiện nghi.
HĐ4: Tìm hiểu về Hải Phũng qua tranh ảnh. -Cho hs hoạt động nhóm 6 -Y/c hs sắp xếp các tranh ảnh sưu tầm được về Hải Phũng theo 3 nhúm: +Thành phố cảng. + Thành phố duu lịch. +Ngành công nghiệp đóng tàu ***3.Củng cố- Dặn dũ*** -Y/c hs đọc phần ghi nhớ	- Hoạt động nhóm -Sắp xếp các tranh ảnh theo y/c của cụ -Đại diện nhóm lên trỡnh bày về tranh ảnh của nhúm mỡnh. -2 hs đọc

- -Nhận xét giờ học. -Dặn hs học bài- CBB:	

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Đạo đức:

Kính trọng biết ơn người lao động

I, Mục tiêu: Học xong bài này, học sinh có khả năng:

- Biết vỡ sao cần phải kớnh trọng và biết ơn người lao động.
- Bước đầu biết cư xử lễ phép với những người lao động và biết trân trọng, giữ gỡn thành quả lao động của họ.

II, Đồ dùng dạy học: - SGK, 1 số đồ chơi cho trò chơi Đóng vai.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	*Hoạt động của trò*
A. Giới thiệu bài ***B. Bài mới:*** ****. HĐ1: Thảo luận cả lớp*** - Kể câu chuyện: "Buổi học đầu tiên" - YC HS thảo luận 2 câu hỏi SGK. + Vì sao các bạn trong lớp lại cười khi nghe Hà giới thiệu về nghề nghiệp của bố mẹ mình? + Nếu là bạn cùng lớp với Hà, em sẽ làm gì trong tình huống đó. => ***Cần phải kính trọng người lao động, dù là những người lao động bình thường nhất.*** ****.HĐ2:Thảo luận nhóm đôi*** + YC 1 HS nêu yêu cầu bài 1. + YC 2 HS ngồi cạnh nhau trao đổi, thảo luận bài tập 2. - *ND, bác sĩ, người giúp việc, nhà khoa học, người đạp xích lô... đều là những người lao động (trí óc hoặc chân tay).* - *Những người ăn xin, những kẻ buôn*	- HS lắng nghe, ghi nhớ nội dung chính của câu chuyện. - Trao đổi, thảo luận. 1 số HS nêu ý kiến. + Vì các bạn cho rằng, bố mẹ bạn Hà làm nghề quét rác, không được kính trọng như những nghề khác. + Em sẽ không cười bạn Hà, và khuyên các bạn trong lớp không nên cười bạn. + 1 HS nêu yêu cầu bài tập. + 2 HS ngồi cạnh nhau trao đỏi, thảo luận, ghi kết quả bài tập 2 vào vở bài tập. + Đại diện 1 số cặp nêu ý kiến. + Lớp nhận xét, bổ sung.

bán ma túy, buôn bán phụ nữ không phải là người lao động. ***. HĐ3: Thảo luận nhóm*** + Chia nhóm giao nhiệm vụ cho mỗi nhóm thảo luận về một tranh.	
	+ Chia nhóm, nhận nhiệm vụ. + Các nhóm quan sát tranh, thảo luận. + Đại diện các nhóm lên chỉ tranh và nêu. - Tranh 1: *Đó là bác sĩ, nhờ có bác sĩ, xã hội mới được chữa nhiều bệnh.* - Tranh 2: *Đó là thợ xây. Nhờ có thợ xây, xã hội mới có những ngôi nhà đẹp, nhà cao tầng.* - Tranh 3: *Đây là thợ điện. Nhờ có thợ điện xã hội mới có điện để thắp sáng.*
+ Nhận xét các câu trả lời của HS. => ***Kết luận: Mọi người lao động đều mang lại lợi ích cho bản thân, gia đình và xã hội.*** **** HĐ4: Làm việc cá nhân*** + Gọi HS nêu yêu cầu bài tập 3. + Nhận xét, bổ sung chốt lại lời giải đúng.	
	+ HS tự làm vào vở bài tập 3, HS nêu ý kiến. + Lớp nhận xét, bổ sung. *a, Các việc làm (a), c, d, đ, e, g là thể hiện sự kính trọng, biết ơn người lao động.* *b, Các việc (b), (h) là thiếu kính trọng người lao động.*
+ Nhận xét → Rút ra bài học SGK. ***C, Củng cố, dặn dò:*** - Củng cố lại nội dung bài. Dặn HS chuẩn bị bài sau.	
	+ Vài HS đọc phần ghi nhớ SGK.

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Thứ ba ngày ..... tháng .... năm 20....

THỂ DỤC

(Giỏo viòn chuyòn dạy)

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Toán:

Luyện tập

I, Mục tiêu:

- Chuyển đổi được các số đo diện tích.
- Đọc được thông tin trên biểu đồ cột.

II, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	*Hoạt động của trò*
****. HĐ1: Bài cũ:***	
****. HĐ2: Luyện tập***	
Bài 1+2: Gọi 2 HS nêu yêu cầu + YC HS tự làm bài. + Hướng dẫn HS nhận xét, sửa chữa. ***Bài 1***: 530dm^2 = 53000cm^2 84600cm^2 = 846dm^2 10km^2 = 10 000 000m^2 ****Bài 3:*** YC HS đọc số đo diện tích của các thành phố, sau đó so sánh. + YC HS nêu lại cách so sánh các số đo đại lượng. + Giáo viên nhận xét, cho điểm. ***Bài 4:*** **HSKG** Gọi HS đọc đề bài. + YC HS tự làm bài. + Hướng dẫn HS nhận xét, cho điểm.	+ Tự làm bài tập vào vở. + 2 HS nêu yêu cầu. + Lớp tự làm vào vở, 4 HS lên bảng chữa. + Lớp đổi vở để kiểm tra kết quả lẫn nhau. 13dm^{2}29cm^2 = 1329 cm^2 300dm^2 = 3m^2; 9000000m^2 = 9km^2 + HS đọc số đo diện tích của các thành phố trước lớp, sau đó thực hiện so sánh. + Tự làm vào vở.1 số HS nêu miệng kết quả. + Lớp nhận xét, bổ sung. + 1 HS đọc đề bài + Lớp tự làm vào vở, 1 HS lên bảng chữa + Nhận xét bài làm của bạn trên bảng Giải Chiều rộng của khu đất đó là 3 : 3 = 1 (km) Diện tích của khu đất đó là: 3 x 1 = 3 (km^2) Đáp số: 3km^2
Bài 5: Giới thiệu về mật độ dân số. + YC HS đọc biểu đồ trang 101 SGK và trả lời 2 câu hỏi của bài vào vở bài tập. + Nhận xét, chốt lại câu trả lời đúng.	+ Đọc biểu đồ SGK. + Trả lời 2 câu hỏi SGK vào vở bài tập.

III, Củng cố, dặn dò: - Củng cố lại nội dung bài. - Giao bài tập về nhà.	+ 1 số HS nêu miệng câu trả lời, lớp nhận xét, bổ sung. *a, Thành phố Hà Nội có mật độ dân số lớn nhất.* *b, Mật độ dân số ở TP HCM lớn gấp đôi thành phố Hải Phòng.*

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Luyện từ và câu:
Chủ ngữ trong câu kể ai làm gì?

I, Mục tiêu:

- Hiểu được cấu tạo và ý nghĩa của bộ phận chủ ngữ (CN) trong câu kể Ai làm gỡ? (ND Ghi nhớ).
- Nhận biết được câu kể Ai làm gỡ?, xỏc định được bộ phận CN trong câu (BT1, mục III); biết đặt câu với bộ phận CN cho sẵn hoặc gợi ý bằng tranh vẽ (BT2, BT3).

II, Đồ dùng dạy học:

- 1 số tờ phiếu viết sẵn đoạn văn ở phần nhận xét và phần luyện tập.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

<table>
<tr><th>Hoạt động của thầy</th><th>Hoạt động của trò</th></tr>
<tr><td>
*. Giới thiệu bài
*. HĐ1: Tìm hiểu phần nhận xét
<u>Bài 1</u>: Gọi HS nêu yêu cầu và nội dung
+ YC 2 HS ngồi cạnh nhau trao đổi, thảo luận gạch dưới bộ phận chủ ngữ của câu kể Ai làm gì?
+ Hướng dẫn HS nhận xét, bổ sung.
+ Chốt lại lời giải đúng.
<u>Bài 2+3:</u> YC HS nêu yêu cầu bài 2, 3.
+ Hướng dẫn HS nhận xét.
+ Chốt lại lời giải đúng.
<table>
<tr><th>Các câu kể Ai làm gì?</th><th>ý nghĩa của CN</th><th>Loại từ ngữ tạo thành CN</th></tr>
<tr><td>Câu 1: Một đàn</td><td>Chỉ con</td><td>Cụm danh</td></tr>
</table>
</td><td>
+ 1 HS đọc. Lớp đọc thầm
+ 2 HS ngồi cạnh nhau trao đổi, thảo luận, viết các câu kể Ai làm gì và gạch chân dưới bộ phận chủ ngữ.

+ 1 HS lên bảng làm.
+ HS đọc lại các câu kể.
+ Lớp tự vào vở. Đổi vở kiểm tra chéo.
+ 1 số HS nêu miệng câu trả lời.
</td></tr>
</table>

ngỗng vươn… bọn trẻ.	vật	từ
Câu 2: Hùng đút vội… chạy biến.	Chỉ người	danh từ
Câu 3: Thắng mếu máo… lưng tiến.	Chỉ người	danh từ
Câu 5: Em liền nhặt… ra xa	Chỉ người Chỉ con	danh từ Cụm danh
Câu 6: Đàn ngỗng kêu… chạy miết.	vật	từ

+ Rút ra nội dung bài học SGK

3. HĐ2: Luyện tập

Bài 1: Gọi HS nêu yêu cầu

+ Hướng dẫn nhận xét, bổ sung.

+ Chốt lại lời giải đúng.

- Trong rừng, chim chóc hót véo von.

- Thanh niên lên rẫy.

- Phụ nữ giặt giũ bên giếng nước.

- Em nhỏ vui đùa trước sân nhà

- Các cụ già chụm đầu bên những ché rượu cần.

Bài 2+3: Gọi HS nêu yêu cầu

+ Hướng dẫn HS nhận xét, bổ sung.

+ Sửa lỗi dùng từ, diễn đạt cho HS.

4, Củng cố, dặn dò:

- Nhận xét giờ học.

- Dặn HS chuẩn bị bài sau

+ 3-4 HS đọc phần ghi nhớ SGK.

+ Tự làm bài tập vào vở bài tập

+1 HS nêu yêu cầu, lớp tự làm vào vở.

+ 1 HS lên bảng chữa. Lớp đổi vở kiểm tra chéo.

+ 2 HS nêu yêu cầu. Lớp tự làm vào vở

+ Từng cặp HS chữa bài cho nhau.

+ 1 số HS đọc câu mình vừa viết.

+ Lớp nhận xét, bổ sung.

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Khoa học:

Tại sao có gió

I, Mục tiêu: Học sinh biết

- Làm thí nghiệm để nhận ra không khí chuyển động tạo thành gió.
- Giải thích được nguyên nhân gây ra gió.

II, Đồ dùng dạy học:

- Chong chóng, hộp đối lưu, nến, diêm, vài nén hương.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu

Hoạt động của thầy	***Hoạt động của trò***
****. Giới thiệu bài*** ****. HĐ1: Trò chơi:*** "***Chơi chong chóng***" + YC HS báo cáo việc chuẩn bị chong chóng. + YC HS báo cáo kết quả theo các nội dung sau. *- Theo em tại sao chong chóng quay?* *- Nếu trời không có gió làm thế nào để chong chóng quay nhanh?* *- Khi nào chong chóng quay nhanh? Quay chậm?* + Nhận xét, tiểu kết. ****. HĐ2: Tìm hiểu nguyên nhân gây ra gió*** + YC HS trả lời các câu hỏi: *- Phần nào của hộp có không khí nóng? Tại sao?* *- Phần nào của hộp có không khí lạnh?* *- Khói bay qua ống nào?* *- Khói bay từ mẫu hương ra ống A mà chúng ta nhìnthấy là do có gì tác động?* + Nhận xét, tiểu kết. ****. HĐ3: Tìm hiểu sự chuyển động của không khí trong tự nhiên***	 + Tổ trưởng báo cáo việc chuẩn bị chong chóng của các bạn. + Tổ trưởng đôn đốc các bạn thực hiện. 1 số HS báo cáo kết quả. *- Chong chóng quay là do gió thổi.* *- Muốn chong chóng quay nhanh khi không có gió ta phải chạy.* *- Chong chóng quay nhanh khi có gió thổi mạnh, quay chậm khi gió thổi yếu.* +Theo dõi, quan sát các hiện tượng xảy ra. *- Phần hộp bên ống A có không khí nóng lên là do một ngọn nến đang cháy ở dưới ống A.* *- Phần hộp bên ống B có không khí lạnh.* *- Khói từ mẩu hương cháy bay vào ống A và bay lên.* *- Khói từ mẩu hương đi ra ống A mà mắt ta nhìn thấy là do không khí chuyển động từ B sang A.*

+ Treo tranh minh họa 6, 7 SGK, thảo luận cặp đôi nội dung sau. + Hình vẽ khoảng thời gian nào trong ngày? + Mô tả hướng gió minh họa trong hình. + Tại sao ban ngày có gió thổi từ biển → đất liền? + Tại sao ban đêm có gió thổi từ đất liền → biển? + Nhận xét, tiểu kết → Rút ra nội dung bài học. ***C, Củng cố, dặn dò:*** - Củng cố lại nội dung bài. Dặn HS chuẩn bị bài sau.	+ Quan sát SGK thảo luận cặp đôi. + Hình 6: Vẽ ban ngày và hướng gió thổi từ biển vào đất liền. + Hình 7: Vẽ ban đêm và hướng gió thổi từ đất liền ra biển. + Ban ngày không khí trong đất liền nóng, không khí ở biển lạnh → không khí chuyển động từ biển vào đất liền tạo ra gió thổi từ biển vào đất liền. + Ban đêm trong đất liền nguội nhanh hơn nên lạnh hơn ngoài biển, vì thế không khí chuyển động từ đất liền → biển hay gió từ đất liền → biển. + Vài HS đọc mục bạn cần biết.

Tập làm văn:

Luyện tập xây dựng mở bài
trong bài văn miêu tả đồ vật

I, Mục tiêu: Giúp học sinh

- Nắm vững hai cách mở bài (trực tiếp, gián tiếp) trong bài văn miêu tả đồ vật (BT1).
- Viết được đoạn mở bài cho bài văn miêu tả đồ vật theo hai cách đó học (BT2).

II, Đồ dùng dạy học:

- 4 tờ giấy khổ to và bút dạ.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	*Hoạt động của trò*
****. HĐ1: Kiểm tra bài cũ***	

.HĐ2: Hướng dẫn HS làm bài tập** ***Bài 1: Gọi HS đọc yêu cầu và nội dung. + YC HS làm bài theo cặp. + Gọi HS phát biểu ý kiến, YC HS khác bổ sung. + Nhận xét, tiểu kết. **Bài 2:** Gọi HS đọc yêu cầu bài tập. + YC HS làm việc theo nhóm. + YC các nhóm viết mở bài trực tiếp và gián tiếp để viết vào giấy. + Hướng dẫn HS nhận xét, sửa lỗi về câu, dùng từ (nếu có) cho bạn. + Giáo viên chữa bài trên bảng thật kĩ, nhận xét cho điểm bài viết tốt. + Gọi HS đọc 2 cách mở bài của mình. + Nhận xét từng bài và cho điểm bài viết tốt. ***C, Củng cố, dặn dò:*** - Nhận xét giờ học, củng cố lại nội dung bài	+ 2 HS nối tiếp nhau đọc. Lớp đọc thầm + 2 HS ngồi cùng bàn, đọc thầm từng đoạn mở bài, trao đổi, thảo luận. +1 số HS nêu ý kiến. Lớp nhận xét, bổ sung. ***- Giống nhau:*** *Các đoạn mở bài trên đều có mục đích giới thiệu đồ vật cần tả là chiếc cặp sách.* ***- Khác nhau:*** *Đoạn a, b là kiểu mở bài trực tiếp. Đoạn c là kiểu mở bài gián tiếp.* + 1 HS đọc yêu cầu SGK, lớp đọc thầm. + Chia nhóm. Các nhóm nhận đồ dùng. + Các nhóm trao đổi, thảo luận, thư kí viết bài vào giấy. + Đại diện các nhóm lên bảng dán kết quả và đọc bài của nhóm mình. + Các nhóm khác theo dõi, chữa bài cho bạn (nếu có) + 5-7 HS đọc.

Thứ tư ngày 28 thỏng 12 năm 2011

<u>Mĩ thuật</u>

Thường thức mĩ thuật:

Xem tranh dõn gian Việt Nam

I. Mục tiờu:

- Hiểu vài nột về nguồn gốc và giỏ trị nghệ thuật của tranh dõn gian Việt Nam

- Học sinh yêu quý, cú ý thức giữ gỡn nghệ thuật dõn tộc.

** **MT:** Yêu quý cảnh đẹp và có ý thức giữ gỡn cnahr quan mụi trường. Phê phán các hành động phá hoại thiên nhiên.

II. Chuẩn bị:

- SGK, SGV.
- Tranh dân gian trong bộ ĐDDH.
- Bỳt chỡ, màu, tẩy.

III. Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của giáo viên	*Hoạt động của học sinh*
- Ổn định lớp: **- Bài mới:** *** Hđ1: Giới thiệu sơ lược về tranh dõn gian.**	
- Tranh dân gian đó cú từ lõu, là một trong những di sản quý bỏu của mĩ thuật Việt Nam. Trong đó, có hai dũng tranh dõn gian nổi tiếng đó là tranh dân gian Đông Hồ (Bắc Ninh) và tranh Hàng Trống (Hà Nội).	- Lắng nghe để nhận biết về nguồn gốc và cách làm tranh.
- Vào mỗi dịp tết đến, xuân về nhân dân ta thường treo tranh dân gian nên cũn gọi là tranh Tết. + GV cho học sinh xem tranh và hỏi:	- Tranh Đấu vật, tranh Gà mái, Đinh Tiên Hoàng…
(?) Em hóy cho biết tờn các tranh dõn gian Đông Hồ và Hàng Trống mà em biết?	- Tranh Làng Sỡnh (Huế), Kim Hoàng (Hà Tõy)…
(?) Ngoài các dũng tranh trên em cũn biết thờm dũng tranh dõn gian nào nữa?	- Lắng nghe.
=> Nội dung tranh dân gian thường thể hiện những ước mơ về cuộc sống no đủ, đầm ấm, hạnh phúc, đông con, nhiều cháu…Bố cục chặt chẽ, có hỡnh ảnh chớnh, hỡnh ảnh phụ làm rừ nội dung. Màu sắc tươi vui, trong sáng, hồn nhiên.	
*** Hđ 2: Xem tranh Lí ngư vọng nguyệt (Hàng Trống) và Cá chép (Đông Hồ)**	
- GV tổ chức cho học sinh xem tranh theo nhúm	- Hỡnh thành nhúm.
- Mỗi nhóm gồm có 6 em và cử một trưởng nhóm, một thư ký ghi chộp nội dung thảo luận.	- Các nhúm thảo luận.
(?) Tranh Lý ngư vọng nguyệt có những hỡnh ảnh	- *Cá chép, đàn các con, ông trăng và*

nào? (?) Tranh Cỏ chộp cú những hỡnh ảnh nào? (?) Hỡnh ảnh nào là hỡnh ảnh chớnh ở hai bức tranh? (?) Hỡnh ảnh phụ của hai bức tranh được vẽ ở đâu? (?) Hỡnh hai con cỏ chộp được thể hiện như thế nào? (?) Hai bức tranh cú gỡ giống nhau và khỏc nhau? - Các nhúm trỡnh bày ý kiến sau khi thảo luận về tất cả các ý GV đó đưa ra. => Hai bức tranh Lí ngư vọng nguyệt và Cá chép là hai bức tranh đẹp trong nghệ thuật tranh dân gian Việt Nam. Hai bức tranh đều vẽ cá chép nhưng có tên gọi khác nhau. Hỡnh cỏ chộp ở tranh Hàng Trống nhẹ nhàng, nột thanh mảnh, trau chuốt; màu chủ đạo là màu xanh êm dịu. Cũn hỡnh cỏ chộp trong tranh ở tranh Đông Hồ mập mạp, nét khắc dứt khoát, khoẻ khoắn; màu chủ đạo là màu nâu đỏ ấm áp. *** Hđ 3: Nhận xét, đánh giá** - GV nhận xét tiết học và khen ngợi những học sinh cú nhiều ý kiến xõy dựng bài. *** Dặn dũ** - Sưu tầm tranh, ảnh về lễ hội của Việt Nam để chuẩn bị cho bài sau Vẽ tranh: Đề tài Ngày hội quê em. Mang đầy đủ dụng cụ học vẽ.	*rong rêu.* *- Cá chép, đàn các con, và những bông sen.* *- Cỏ chộp.* *- Ở xung quanh hỡnh ảnh chớnh* *- Hỡnh hai con cá chép như đang vẫy đuôi để bơi; vây, mang, vẩy của cá chép được cách điệu rất đẹp.* *- Đều là cá chép nhưng cách thể hiện khác nhau.* - Lắng nghe. - Lắng nghe. - Thực hiện.

Tập đọc:

Chuyện cổ tích về loài người

I, Mục tiêu:

- Biết đọc với giọng kể chậm rói, bước đầu biết đọc diễn cảm được một đoạn thơ.
- Hiểu ý nghĩa: Mọi vật trên trỏi đất được sinh ra vỡ con người, vỡ trẻ em, do vậy cần dành cho trẻ em những điều tốt đẹp nhất (trả lời được các câu hỏi trong SGK; thuộc ít nhất 3 khổ thơ).

II, Đồ dùng dạy học: - Tranh minh họa. Đoạn văn cần luyện đọc (viết sẵn)

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	***Hoạt động của trò***
A. Bài cũ	
B. Dạy học bài mới	
****. Giới thiệu bài***	
****. HĐ1: Hướng dẫn luyện đọc***	
+ Giáo viên kết hợp sửa lỗi về phát âm, cách ngắt nghỉ (nếu có)	+ Đọc nối tiếp nhau đọc 7 khổ thơ (3 lượt).
+ Sau lượt đọc thứ 2, YC HS đọc chú giải SGK.	+ 2 HS đọc chú giải SGK.
	+ HS luyện đọc theo cặp.
+ Đọc mẫu toàn bài với giọng kể chuyện chậm rãi, nhẹ nhàng.	+ 2 HS đọc toàn bài trước lớp.
****. HĐ2: Tìm hiểu bài***	
+ YC HS đọc khổ thơ 1 và trả lời câu hỏi.	+ HS đọc thầm trao đổi và trả lời câu hỏi.
- Trong "Câu chuyện cổ tích này, ai là người được sinh ra đầu tiên?"	*- Trẻ em là người được sinh ra đầu tiên trên trái đất.*
- Lúc ấy cuộc sống trên trái đất như thế nào?	*- Lúc ấy trái đất trụi trần, không dáng cây, cỏ.*
+ YC HS đọc thầm các khổ thơ còn lại, trao đổi trả lời câu hỏi:	+ 1 HS đọc to – Lớp đọc thầm, trao đổi, trả lời câu hỏi.
- Sau khi trẻ em sinh ra, vì sao cần có ngay mặt trời?	*- Vì mắt trẻ con sáng lắm, nhưng chưa nhìn thấy gì, nên cần có ánh sáng mặt trời để trẻ nhìn cho rõ mọi vật.*
- Vì sao cần có ngay người mẹ khi trẻ sinh ra?	*- Vì trẻ rất cần tình yêu và lời ru của mẹ, trẻ cần được mẹ bế bồng, chăm sóc.*
- Bố giúp trẻ những gì?	*- Bố giúp trẻ hiểu biết, bảo cho trẻ ngoan, dạy cho trẻ biết nghĩ.*
- Thầy giáo giúp trẻ em những gì?	*- Thầy giáo dạy trẻ học hành.*
- Trẻ em nhận biết được gì nhờ sự giúp đỡ của bố và thầy giáo?	*- Nhận biết được biển rộng, con đường đi rất dài, ngọn núi thì xanh và xa, trái đất*

- Bài học đầu tiên thầy dạy cho là gì? + Gọi HS đọc lại bài thơ. + Nội dung của bài thơ này là gì? ****. HĐ3: Hướng dẫn đọc diễn cảm và HTL bài thơ*** + Gọi 7 HS đọc nối tiếp 7 khổ thơ của bài. + YC HS chọn 2 -3 khổ thơ (liền nhau) trong bài mà em thích, sau đó đọc thuộc lòng, diễn cảm bài thơ. + Tổ chức cho HS thi đọc diễn cảm thuộc lòng đoạn thơ mà mình thích, giải thích vì sao mình thích khổ thơ đó. + Nhận xét, tuyên dương HS đọc tốt. ***C, Củng cố, dặn dò:*** - Nhận xét giờ học - Dặn HS chuẩn bị bài sau.	*hình tròn, cục phấn được làm từ đá.* *+ Đó là chuyện về loài người.* + HS đọc lại bài thơ. *+* ***Nội dung:*** *Mọi vật được sinh ra trên trái đất này đều vì con người, vì trẻ em. Hãy dành cho trẻ em những gì tốt đẹp nhất.* + 7 HS nối tiếp nhau đọc 7 khổ thơ của bài. + 2 HS đọc lại bài thơ. + HS tự chọn và học thuộc khổ thơ mà mình thích. + HS thi đọc bài. + Cả lớp bình chọn bạn đọc bài hay nhất.

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Toán:

Hình bình hành

I, Mục tiêu: Giúp HS Nhận biết được hỡnh bỡnh hành và một số đặc điểm của nó.

II, Đồ dùng dạy học: - Một số hình bình hành bằng bìa.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	*Hoạt động của trò*
A. Bài cũ ***B. Dạy học bài mới:*** ****. Giới thiệu bài*** ****. HĐ1: Đặc điểm của hình bình hành*** + YC HS quan sát hình bình hành ABCD trong SGK. + YC HS tìm các cạnh // với nhau có trong hình bình hành ABCD. + YC HS dùng thước thẳng để đo độ dài	 + HS quan sát theo yêu cầu của GV. + Tìm các cạnh // với nhau: AB // DC; AD // BC + HS đo và rút ra nhận xét. Hình bình

của các cạnh hình bình hành. => Giới thiệu: *Trong hình bình hành ABCD thì AB và CD gọi là 2 cạnh đối diện; AD và BC cũng gọi là 2 cạnh đối diện.* + Vậy trong hình bình hành các cặp cạnh đối diện như thế nào với nhau? + Ghi bảng điểm của hình bình hành. Nêu ví dụ trong thực tế. ****. HĐ2: Luyện tập*** ***Bài 1:*** Gọi HS nêu nội dung và yêu cầu. + Hướng dẫn HS nhận xét, đánh giá. + Giáo viên nhận xét, củng cố lại đặc điểm của hình bình hành. ***Bài 2:*** Gọi HS đọc nội dung và yêu cầu bài 2. + YC HS tự làm bài vào vở. + Hướng dẫn HS nhận xét, bổ sung. + Giáo viên khẳng định lại đặc điểm của hình bình hành. ***Bài 3:*** YC HS đọc đề bài. + YC HS quan sát kĩ 2 hình vẽ SGK rồi vẽ vào vở bài tập. ***C, Củng cố, dặn dò:*** - Nhận xét giờ học, củng cố lại nội dung bài	hành ABCD có 2 cặp cạnh bằng nhau là AB = DC; AD = BC. + Hình bình hành có 2 cặp cạnh đối diện // và bằng nhau. + 1 số HS tìm các đồ vật có dạng hình bình hành. + 1 HS đọc nội dung và yêu cầu bài 1. + Lớp đọc thầm. HS tự làm vào vở + Đổi vở để kiểm tra chéo kết quả lẫn nhau. + Hình (1), (2), (5) là hình bình hành. + 1 HS đọc nội dung và yêu cầu bài 2. + HS tự làm bài vào vở. + Đổi vở để kiểm tra kết quả lẫn nhau + 1 HS lên bảng chỉ vào hình vẽ và nêu. Hình bình hành ABCD có các cặp cạnh đối diện // và bằng nhau. + 1 HS đọc, lớp đọc thầm. + HS quan sát hình SGK và vẽ vào vở bài tập. +Đổi chéo vở để kiểm tra bài lẫn nhau

Kể chuyện:

Bác đánh cá và gã hung thần

I, Mục tiêu:

- Dựa theo lời kể của GV, nói được lời thuyết minh cho từng tranh minh hoạ (BT1), kể lại được từng đoạn của câu chuyện Bác đánh cá và gó hung thần rừ ràng, đủ ý (BT2).
- Biết trao đổi với các bạn về ý nghĩa của câu chuyện.

II, Đồ dùng dạy học: Tranh minh họa SGK.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	***Hoạt động của trò***
A. ***ổn định tổ chức:***	
B. Dạy học bài mới:	
****. Giới thiệu bài***	
****. HĐ1: Giáo viên kể chuyện***	
+ GV kể lần 1: Giọng kể thong thả, rõ ràng.	+ Theo dõi
+ GV kết hợp chỉ vào tranh minh họa.	+ Theo dõi và quan sát tranh
****.HĐ2: Hướng dẫn xây dựng lời thuyết minh***	
+ YC HS trao đổi theo cặp để tìm lời thuyết minh cho từng tranh.	+ 2 HS ngồi cùng bàn trao đổi, thảo luận và viết lời thuyết minh ra giấy nháp.
+ Gọi đại diện các cặp nêu ý kiến.	+ Đại diện một số cặp nêu lời thuyết minh. Lớp nhận xét, bổ sung.
+ Nhận xét, kết luận lời thuyết minh đúng.	
+ Viết lời thuyết minh dưới mỗi tranh.	+1 HS đọc thành tiếng lời thuyết minh
****. HĐ3: Tổ chức kể chuyện và tìm hiểu nội dung câu chuyện***	
+ Tổ chức cho HS kể truyện trong nhóm.	
+ YC các nhóm dựa vào tranh minh họa và lời thuyết minh, kể lại từng đoạn cho các bạn bổ sung và trao đổi về ý nghĩa câu chuyện.	+ HS chia nhóm (4 em/1nhóm), kể truyện trong nhóm.
+ YC HS kể trước lớp: YC các nhóm cử đại diện lên trình bày.	+ Dựa vào tranh minh họa kể chuyện cho các bạn trong nhóm nghe (lần lượt từng HS kể), các bạn khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.
+ YC HS nhận xét sau mỗi lần HS kể.	+ Đại diện các nhóm lên kể (mỗi nhóm chỉ kể một tranh).
+ Gọi HS nêu ý nghĩa câu chuyện.	+ Các nhóm khác nhận xét, đánh giá.
+ Tổ chức cho HS thi kể toàn bộ câu chuyện trước lớp.	+ 2 HS nêu – Lớp nhận xét, bổ sung
+ YC HS nhận xét và bình chọn bạn kể hay nhất.	+ 2 -3 HS kể toàn bộ câu chuyện.

C, <u>Củng cố , dặn dò:</u> - Nhận xét giờ học - Dặn HS chuẩn bị bài sau.	+ Nhận xét bạn kể.

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

<u>ÂM NHẠC</u>

Học hát bài: Chúc mừng

Một số hình thức trình bày bài hát

I. Mục tiêu

- Biết đây là bài hát nhạc nước ngoài.
- Biết hát theo gai điệu và lời ca.

II. Chuẩn bị:

- Sách giáo khoa, nhạc cụ, chép sẵn bài hát lên bảng.

III. Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	*Hoạt động của trò*
1. ổn định tổ chức ***2. Kiểm tra bài cũ*** ***3. Bài mới*** ***a. Giới thiệu bài:*** ***b. Nội dung:***	
- Giáo viên hát mẫu cho cả lớp nghe	- Học sinh lắng nghe
- Giáo viên giới thiệu sơ lược về tác giả tác phẩm	- Học sinh theo dõi
- Giáo viên dạy học sinh hát từng câu.	- Học sinh hát từng câu theo hướng dẫn của giáo viên
- Cho học sinh hát cả bài vài lần cho thuộc.	- Học sinh kết hợp hát cả bài
- Giáo viên cho học sinh hát kết hợp gõ đệm theo phách.	- Hát kết hợp gõ đệm theo phách
- Cho học sinh hát kết hợp với gõ đệm theo nhịp 3.	- Tập hát kết hợp với vận động phụ họa
- Giáo viên cho học sinh hát kết hợp vận động theo nhịp 3 rồi hướng dẫn học sinh vận động phụ họa.	
- Gọi một vài nhóm lên bảng thể hiện	- Đại diện 1 - 2 nhóm lên trình bày

trước lớp. ***4. Củng cố dặn dò*** - Gọi 1 em hát lại toàn bộ bài "Chúc mừng". - Cho cả lớp hát lại bài hát 1 lần. - Dặn dò: Về nhà tập hát kết hợp với vận động và chuẩn bị cho tiết sau.	trước lớp.

Thứ năm ngày 29 thỏng 12 năm 2011

Lịch sử:

Nước ta cuối thời Trần

I, Mục tiêu: Học sinh có thể

- Nắm được một số sự kiện về sự suy yếu của nhà Trần:

+ Vua quan ăn chơi sa đoạ; trong triều một số quan lại bất bỡnh, Chu Văn An dâng sớ xin chém 7 tên quan coi thường phép nước.

+ Nông dân và nô ỉ nổi dậy đấu tranh.

- Hoàn cảnh Hồ Quư Ly truất ngôi vua Trần, lập nên nhà Hồ:

- Trước sự suy yếu của nhà Trần, Hồ Quư Ly-một đại thần của nhà Trần đã truất ngôi nhà Trần, lập nên nhà Hồ và đổi tên nước là Đại Ngu.

II, Đồ dùng dạy học: - Tranh minh họa SGK.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	***Hoạt động của trò***
****. Giới thiệu bài*** ****. HĐ1: Tìm hiểu hình hình đất nước cuối thời Trần*** + Tổ chức cho HS hoạt động theo nhóm. + YC HS đọc SGK thảo luận nội dung sau. - *Nêu tình hình nước ta cuối thời Trần*	 + Chia 8 nhóm. Các nhóm đọc SGK thảo luận, trao đổi, ghi kết quả thảo luận vào phiếu. + Đại diện các nhóm nêu ý kiến, nhóm khác nhận xét, bổ sung. - *Vua quan ăn chơi sa đọa. Những kẻ có quyền thế ngang nhiên vơ vét của dân để làm giàu. Đời sống nhân dân khổ cực. Phía Nam quân Chăm pa luôn*

- Theo em, nhà Trần có đủ sức để gánh vác công việc trị vì đất nước nữa không?	*quấy nhiễu, phía Bắc quân Minh hạch sách đủ điều.* *+ Nhà Trần suy tàn, không còn đủ sức gánh vác việc trị vì đất nước, cần có một triều đại khác thay thế nhà Trần.*
****. HĐ2: Tìm hiểu nhà Hồ thay thế nhà Trần*** + YC HS đọc SGK + Trao đổi thảo luận nội dung sau: *- Em biết gì về Hồ Quý Ly.*	+ HS đọc SGK, trao đổi, thảo luận. + 1 số HS nêu ý kiến, Lớp bổ sung. *- Hồ Quý Ly là quan đại thần có tài của nhà Trần.*
- Triều Trần chấm dứt năm nào? Nối tiếp nhà Trần là triều đại nào?	*- Năm 1400, nhà Hồ thay thế nhà Trần đứng đầu là Hồ Quý Ly.*
- Hồ Quý Ly đã tiến hành những cải cách gì để đưa nước thoát khỏi tình hình khó khăn?	*- Thay các quan cao cấp của nhà Trần bằng những người thực sự có tài. Quy định các quan phải thường xuyên xuống thăm dân. Quy định lại một số ruộng đất, nô tỳ của quan lại, quý tộc, thừa nộp cho nhà nước. Những năm đói nhà giàu phải bán thóc và chữa bệnh cho nhân dân.*
- Theo em, việc Hồ Quý Ly truất ngôi vua nhà Trần và tự xưng làm vua là đúng hay sai? Vì sao.	*- Là hoàn toàn đúng, vì lúc đó nhà Trần lao vào ăn chơi, hưởng lạc không quan tâm đến phát triển đất nước, nhân dân đói khổ. Cần có triều đại khác thay thế để gánh vác giang sơn.*
- Theo em, vì sao nhà Hồ không chống lại được quân xâm lược nhà Minh?	*- Vì nhà Hồ chỉ dựa vào quân đội, chưa đủ thời gian thu phục nhân dân, chưa dựa vào sức mạnh đoàn kết của các tầng lớp xã hội.*
+ Nhận xét, tiểu kết → Rút ra nội dung bài học. **C. <u>Củng cố, dặn dò:</u>** - Nhận xét giờ học. Dặn HS chuẩn bị bài sau.	+ Vài HS đọc bài học SGK.

Toán:

Diện tích hình bình hành

I, Mục tiêu: Giúp học sinh Biết cách tớnh diện tớch hỡnh bỡnh hành.
II, Đồ dùng dạy học: - Mỗi HS chuẩn bị 2 hình bình hành bằng bìa như nhau, kéo, giấy...
III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	*Hoạt động của trò*
A. Bài cũ	
B. Dạy học bài mới:	
****. Giới thiệu bài:***	
****. HĐ1: Hình thành công thức tính diện tích hình bình hành***	
+ Tổ chức trò chơi cắt ghép hình.	+ HS thực hành cắt ghép hình.
+ YC HS cắt miếng bìa hình bình hành đã chuẩn bị thành 2 mảnh sao cho ghép lại thành 1 hình chữ nhật.	+ HS có nhiều cách cắt, ghép khác nhau. Ví dụ:
+ Diện tích hình chữ nhật ghép được như thế nào với diện tích hình bình hành ban đầu?	+ Diện tích hình chữ nhật bằng diện tích hình bình hành.
+ Hãy tính diện tích hình chữ nhật.	+ HS tính diện tích hình chữ nhật.
+ YC HS lấy hình bình hành hướng dẫn các em kẻ đường cao của hình bình hành.	+ HS kẻ đường cao của hình bình hành.
+ YC HS đo chiều cao của hình bình hành cạnh đáy và so sánh chúng với chiều dài, chiều rộng của hình chữ nhật đã ghép được.	+ HS thực hành đo và báo cáo. - Chiều cao của hình bình hành = chiều rộng hình chữ nhật.Cạnh đáy của hình bình hành = chiều dài hình chữ nhật.
+ YC HS nêu cách tính diện tích hình bình hành.	+ Lấy chiều cao nhân với đáy. + HS phát biểu quy tắc tính diện tích hình bình hành (như SGK).
+ Giới thiệu gọi S là diện tích hình bình hành, h là chiều cao và a là cạnh đáy. Ta có công thức tính S hình bình hành là: ***S = a x h***	+ Vài HS nhắc lại. + 1 HS nêu yêu cầu.

. HĐ2: Luyện tập **Bài 1:** Gọi HS nêu yêu cầu bài 1. + YC HS tự làm bài. + Gọi HS báo cáo kết quả tính trước lớp, củng cố lại cách tính S hình bình hành. **Bài 2:** Gọi HS nêu nội dung và yêu cầu. + YC HS tự làm bài. + Nhận xét, chốt lài câu trả lời đúng. **Bài 3:** Gọi HS nêu yêu cầu của bài. + Chữa bài, cho điểm HS. **C, Củng cố, dặn dò:** - Củng cố lại nội dung bài. - Giao bài tập về nhà.	+ HS áp dụng công thức tính diện tích hình bình hành để tính. + 3 HS lần lượt đọc kết quả tính của mình. + 1 HS nêu nội dung và yêu cầu. + HS tính diện tích hình chữ nhật, tính diện tích hình bình hành. + So sánh và rút ra nhận xét. $S_{h.b.h} = S_{h.c.n}$ + 1 HS nêu, lớp đọc thầm. + Lớp tự làm vào vở. 2 HS lên bảng chữa. + Lớp đổi vở để kiểm tra kết quả lẫn nhau.

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Luyện từ và câu:

Mở rộng vốn từ: Tài năng

I, Mục tiêu:

- Biết thêm một số từ ngữ (kể cả tục ngữ, từ Hán Việt) nói về tài năng của con người; biết xếp các từ Hàn Việt (có tiếng tài) theo hai nhóm nghĩa và đặt câu với một từ đó xếp (BT1, BT2); hiểu ý nghĩa câu tục ngữ ca ngợi tài trớ con người (BT3, BT4).

II, Đồ dùng dạy học:

- Viết sẵn nội dung bài tập 1.
- Viết sẵn các câu tục ngữ vào bảng phụ.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu

Hoạt động của thầy	*Hoạt động của trò*
****.Kiểm tra bài cũ*** ****. Hướng dẫn học sinh làm bài tập*** **Bài 1:** Gọi HS đọc nội dung và yêu cầu bài 1. + Tổ chức cho HS trao đổi, thảo luận theo cặp trước khi làm bài.	 + 1 HS đọc to, lớp đọc thầm. + 2 HS ngồi cùng bàn trao đổi, thảo luận. + Lớp tự làm vào vở. 1 HS lên bảng

+ Gọi HS nhận xét, chữa bài. + Nhận xét, kết luận lời giải đúng.	chữa. + HS nhận xét, chữa bài trên bảng. *a. Tài có nghĩa là: "Có khả năng hơn người bình thường": tài hoa, tài giỏi, tài nghệ, tài ba, tài năng.* *b. Tài có nghĩa là "tiền của": tài nguyên, tài trợ, tài sản.*
Bài 2: Gọi HS đọc yêu cầu bài 2. + YC HS tự đặt câu. + Gọi HS đọc câu mà mình vừa đặt. + GV sửa lỗi về câu, dùng từ cho từng HS.	+ 1 HS đọc to, lớp đọc thầm. + HS suy nghĩ và đặt câu. + HS tiếp nối nhau đọc nhanh các câu văn của mình. + 1 HS đọc thành tiếng, lớp đọc thầm.
Bài 3: Gọi HS nêu yêu cầu và nội dung bài 3. + YC 2 HS ngồi cùng bàn trao đổi, thảo luận theo cặp. + Gọi HS nêu ý kiến. + Nhận xét, kết luận lời giải đúng.	+ 2 HS ngồi cùng bàn, trao đổi, thảo luận với nhau. +1 số HS nêu ý kiến, lớp nhận xét, bổ sung. *a, Người ta là hoa đất.* *b, Nước lã mà vã nên hồ* *Tay không mà nổi cơ đồ mới ngoan.*
Bài 4: Gọi HS nêu yêu cầu của bài tập. + Hỏi HS về nghĩa bóng của câu. + YC HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi. + Nhận xét, chốt lại cách giải thích đúng, hay. **IV, Củng cố, dặn dò:** - Củng cố lại nội dung bài học. - Dặn HS chuẩn bị bài sau.	+ 1 HS đọc yêu cầu. + Giải thích theo ý hiểu. + 6 HS nối tiếp nhau phát biểu. + Lớp nhận xét, bổ sung.

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Khoa học:

Gió nhẹ, gió mạnh. Phòng chống bão

I, Mục tiêu: Học sinh biết

- Nêu được một số tác hại của bóo: thiệt hại về người và của.

- Nờu cách phũng chống:
  + Theo dừi bản tin thời tiết.
  + Cắt điện. Tàu, thuyền không ra khơi.
  + Đến nơi trú ẩn an toàn.

**** MT:** Trồng cõy chống bóo vựng ven biển, cần dự bỏo sớm nơi cơn bóo đi qua.

II, Đồ dùng dạy học:

- Tranh minh họa SGK, Phiếu học tập, Sưu tầm các hình vẽ, tranh ảnh về các cấp gió, về những thiệt hại do giông bão gây ra.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu

Hoạt động của thầy	*Hoạt động của trò*
A. Bài cũ: ***B. Bài mới:*** ****. Giới thiệu bài*** ****. HĐ1:***Tìm hiểu về một số cấp gió + Tổ chức cho HS làm việc nhóm. + YC HS đọc thầm mục bạn cần biết SGK. + YC HS quan sát hình vẽ và đọc các thông tin SGK hoàn thành bài tập trong phiếu bài tập. + Phát phiếu học tập cho các nhóm. + Nhận xét, kết luận lời giải đúng. ****. HĐ2:*** Thảo luận về thiệt hại do bão gây ra và cách phòng chống bão + Tổ chức cho HS học tập theo nhóm, thảo luận nội dung sau: - Em hãy nêu những dấu hiệu khi trời có giông? - Nêu những dấu hiệu đặc trưng của bão? + YC HS đọc mục bạn cần biết (trang 77 SGK), sử dụng tranh ảnh đã sưu tầm để nói về:	 + HS đọc thầm mục bạn cần biết. + HS qs hình vẽ và đọc thông tin SGK. + Chia nhóm. Nhận phiếu, thảo luận nội dung phiếu trao đổi và hoàn thành phiếu. + Đại diện các nhóm lên trình bày. + Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. a, Cấp 5; b, Cấp 9; c, Cấp 0; d, Cấp 2 đ, Cấp 7 e, Cấp 12 + Trao đổi, thảo luận. + Khi có gió mạnh, kèm theo mưa to là trời có giông. + Gió mạnh liên tiếp kèm theo mưa to, bầu trời đầy mây đen. + Đọc SGK. + Trưng bày tranh ảnh đã sưu tầm

- Tác hại do bão gây ra. - Một số cách phòng chống bão mà em biết. + Nhận xét, bổ sung, tiểu kết. ***C, Củng cố, dặn dò:*** - Củng cố lại nội dung bài học. - Dặn HS về nhà chuẩn bị bài sau.	được theo nhóm. + 4 nhóm cử đại diện trình bày, có kèm theo tranh, ảnh (đã sưu tầm)

Kĩ thuật :

Lợi ích của việc trồng rau hoa.

I,Mục tiêu :

- Biết được một số lợi ích của việc trồng rau, hoa.
- Biết liên hệ thực tiễn về lợi ích của việc trồng rau, hoa.

**** SDNLTK&HQ:**

- Cõy xanh cõn bằng khụng khớ giỳp giảm thiểu việc dùng năng lượng làm sạch không khí trong môi trường sống.
- Cây xanh cung cấp chất dốt giảm chi tiêu năng lượng điện trong đun nấu.

II,Đồ dùng dạy học :

+Sưu tầm tranh ảnh một số loại cây rau, hoa.

+Tranh minh hoạ ích lợi của việc trồng rau, hoa .

III,Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	*Hoạt động của trò*
****Giới thiệu bài :*** ****HĐ1:Tìm hiểu về lợi ích của việc trồng rau hoa*** + GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm đôi ND sau: - Quan sát H1 và liên hệ thực tế, em hãy nêu lợi ích của việv trồng rau? - Gia đình em thường sử dụng những loại rau nào để làm thức ăn ? - Rau được sử dụng ntn trong bữa ăn hằng ngày?	 + HS trao đổi, thảo luận + Các nhóm quan sát tranh, kết hợp với vốn hiểu biết của bản thân để trả lời. + Đại diện một số nhóm nêu ý kiến + Lớp nxét, bổ sung.

=> Trong rau chứa nhiều vi ta min và chất xơ có t/dụng tốt cho cơ thể. Vì vậy rau là thực phẩm quen thuộc và không thể thiếu được trong bữa ăn hằng ngày. ***HĐ2: Tìm hiểu điều kiện, khả năng phát triển cây rau, hoa ở nước ta.*** +YC HS đọc mục 2 SGK + với vốn kiến thức TN-XH, Địa lý để thảo luận ND sau: - *Nêu đặc điểm khí hậu ở nước ta* - *Vì sao có thể trồng rau, hoa quanh năm và trồng ở khắp mọi nơi?* => Điều kiện khí hậu của nước ta rất thuận lợi cho cây rau, hoa phát triển. Vì vậy, chúng ta có thể trồng rau, hoa quanh năm và trồng ở khắp mọi nơi. +YC HS đọc lại ND phần ghi nhớ SGK. ***C,Củng cố - dặn dò :*** - Dặn HS chuẩn bị bài sau.	+ HS đọc SGK + vốn hiểu biết để thảo luận YC của GV + Đại diện các nhóm nêu ý kiến. + Các nhóm khác nxét, bổ sung. +Vài HS đọc lại ND phần ghi nhớ SGK.

ଌ✻ଌ✻ଌ✻ଌ✻ଌ

Thứ sỏu ngày 30 hởng 12 năm 2011

THỂ DỤC

(Giỏo viờn chuyờn dạy)

ଌ✻ଌ✻ଌ✻ଌ✻ଌ

Toán:

Luyện tập

I, Mục tiêu: Giúp học sinh

- Nhận biết đặc điểm của hỡnh bỡnh hành.
- Tính được diện tích, chu vi của hỡnh bỡnh hành.

II, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	*Hoạt động của trò*
****. Kiểm tra bài cũ*** ****. Luyện tập*** ***Bài 1:*** + Gọi HS đọc yêu cầu bài 1. + YC HS tự làm bài. + Hướng dẫn HS nhận xét, yêu cầu học sinh	 + HS tự làm bài tập ở vở bài tập. + 1 HS nêu yêu cầu. HS tự làm bài + HS nêu cách tính từng hình, sau đó so

<table>
<tr><td colspan="2">giải thích tại sao lại khoanh tròn vào A.
+ Củng cố lại cách tính chu vi hình bình hành (lấy cạnh đáy + chiều cao) x 2.
<u>Bài 2:</u> Gọi HS nêu yêu cầu bài 2.
+ Hướng dẫn HS nhận xét, sửa chữa (nếu sai).
+ Củng cố lại cách tính diện tích hình bình hành, cạnh đáy, chiều cao cho H.</td><td colspan="2">sánh và lựa chọn để khoanh tròn.

+ 1 HS nêu
+ Lớp tự làm vào vở, 1 HS lên bảng chữa.
+ Lớp đổi vở để kiểm tra lẫn nhau.
+ Nhận xét, sửa chữa.</td></tr>
<tr><td>Độ dài đáy</td><td>7 cm</td><td>14 dm</td><td>23 m</td></tr>
<tr><td>Chiều cao</td><td>16 cm</td><td>13 dm</td><td>16 m</td></tr>
<tr><td>S hình bình hành</td><td>7 x 16 = 112 (cm^2)</td><td>14 x 13 = 182 (dm^2)</td><td>23 x 16 = 368 (m^2)</td></tr>
<tr><td colspan="2"><u>Bài 3:</u> Gọi 1 HS đọc đề bài
+ Hướng dẫn HS nhận xét, sửa lỗi (nếu sai)
+ Củng cố lại cách tính S hình chữ nhật, hình bình hành cho HS.

3, <u>Củng cố- dặn dò:</u>
- Nhận xét giờ học
- Dặn HS chuẩn bị bài sau.</td><td colspan="2">+ 1 HS đọc đề.
+ Lớp tự làm vào vở, 1 HS lên bảng giải
+ Lớp đổi vở để kiểm tra kết quả lẫn nhau.
Giải
Diện tích hình chữ nhật ABCD là:
3 x 4 = 12 (cm^2)
Diện tích hình bình hành là
4 x 3 = 12 (cm^2)
Diện tích hình H là:
12 + 12 = 24 (cm^2)
Đáp số: 24 cm^2</td></tr>
</table>

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Chính tả:

"*Kim tự tháp Ai Cập*"

I, Mục tiêu:

- Nghe-viết đúng bài CT; trõnh bày đúng hõnh thức bài văn xuôi.
- Làm đúng BT CT về âm đầu, vần dễ lẫn (BT2).

**** GDBVMT*** : GV giuựp Hs thaỏy ủửụùc veỷ ủeùp kỡ vú cuỷa caỷnh vaọt nửụực baùn, coự yự thửực baỷo veọ nhửừng danh lam thaộng caỷnh cuỷa ủaỏt nửụực vaứ theỏ giụựi .

II, Đồ dùng dạy học:

- 3 tờ phiếu viết sẵn nội dung bài tập 2, 3a.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	*Hoạt động của trò*
A. ổn định tổ chức: ***B. Bài mới:*** ****. Giới thiệu bài*** ****. HĐ1: Hướng dẫn nghe - viết chính tả*** *a. Tìm hiểu nội dung đoạn văn.* + Gọi HS đọc đoạn văn. + Đoạn văn nói về điều gì? *b. Hướng dẫn viết từ khó:* + YC HS tự phát hiện và tìm những từ ngữ thường dễ lẫn hoặc hay viết sai. + Đọc các từ khó cho HS viết vào vở nhỏp. *c. Đọc cho HS viết chính tả:* + Đọc thong thả cho HS chép bài vào vở. + Sau khi HS chép xong, đọc lại cho HS soát lại bài. *d. Thu bài chấm, chữa:* + Thu 1/2 số vở để chấm. + Nhận xét, sửa lỗi ****. HĐ2: Hướng dẫn làm bài tập*** ***Bài 2:*** + Gọi HS nêu yêu cầu bài tập 2 + Phát 4 tờ phiếu chép sẵn nội dung bài tập 2 cho 4 nhóm. + YC các nhóm tự phát hiện các từ viết sai rồi viết lại cho đúng. + Nhận xét, chốt lại lời giải đúng. **<u>Bài 3a:</u>** Gọi HS nêu yêu cầu. + Hướng dẫn HS nhận xét, bổ sung. + Nhận xét, chốt lại lời giải đúng.	 + 1 HS đọc to, lớp đọc thầm. + Ca ngợi Kim tự tháp Ai Cập là một công trình kiến trúc vĩ đại của người Ai Cập cổ đại. + HS tự tìm và nêu ý kiến. Lớp nhận xét. VD: nhằng nhịt, chuyên chở. + Tự chép bài vào vở + HS soát lại bài. + Tự sửa lỗi + 1 HS nêu yêu cầu + Thảo luận, trao đổi, gạch dưới các từ viết sai, rồi viết lại cho đúng. + Đại diện các nhóm lên bảng dán kết quả và đọc kết quả đoạn văn đã hoàn chỉnh. + 1 HS nêu yêu cầu bài tập 3a. + Lớp tự làm bài tập vào vở.

<table>
<tr>
<td>C, <u>Củng cố, dặn dò:</u>
- Củng cố lại nội dung bài. Giao bài tập về nhà.</td>
<td>+ 2 HS lên bảng chữa.
+ Từng em đọc kết quả.
<table>
<tr><th>Từ viết sai chính tả</th><th>Từ viết đúng chính tả</th></tr>
<tr><td>Sắp xếp; tinh sảo; bổ sung</td><td>sáng sủa; sản sinh; sinh động</td></tr>
</table>
</td>
</tr>
</table>

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Tập làm văn

Luyện tập xây dựng kết bài trong bài văn miêu tả đồ vật

I, Mục tiêu:

- Nắm vững hai cách kết bài (mở rộng, không mở rộng) trong bài văn miêu tả đồ vật (BT1).
- Viết được đoạn kết bài mở rộng cho một bài văn miêu tả đồ vật (BT2).

II, Đồ dùng dạy học: Giấy khổ to, bút dạ.

II, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	***Hoạt động của trò***
****. Kiểm tra bài cũ*** ****. Hướng dẫn làm bài tập*** ***Bài 1:*** Gọi HS đọc yêu cầu và nội dung của bài 1. + YC HS trao đổi theo cặp nội dung sau. - Bài văn miêu tả đồ vật nào? - Hãy tìm và đọc đoạn kết bài của bài văn miêu tả cái nón. - Theo em, đó là kết bài theo cách nào? Vì sao? + Nhận xét, kết luận chung. ***Bài 2:*** Gọi HS đọc yêu cầu bài tập. + YC HS tự làm bài, phát giấy khổ to cho 6 HS, 2 HS làm cùng 1 đề.	 + 1 HS đọc yêu cầu - Lớp đọc thầm + 2 HS ngồi cạnh nhau trao đổi, thảo luận. - Bài văn miêu tả cái nón. - Đoạn kết bài là: *Má bảo: "Có của... lâu bền". Vì vậy ... méo vành.* - Đó là kiểu kết bài mở rộng, vì tả cái nón xong còn nêu lời căn dặn của mẹ, ý thức giữ gìn cái nón của các bạn nhỏ. + 1 HS đọc - Lớp đọc thầm. + HS làm bài theo hướng dẫn của giáo viên.

+ YC HS dưới lớp nhận xét, sửa lỗi về câu, dùng từ (nếu có) cho bạn. + Gọi HS dưới lớp đọc đoạn kết bài của mình. + Nhận xét từng bài của HS và cho điểm những bài tốt. ***IV, Củng cố, dặn dò:*** - Nhận xét giờ học. - Dặn HS chuẩn bị bài sau.	+ 6 HS lên bảng dán kết quả và đọc bài. + Cả lớp theo dõi, nhận xét, sửa bài cho bạn. + 5-7 bạn HS đọc bài làm của mình. + Lớp theo dõi, nhận xét.

Sinh hoạt tuần 19

I. Mục tiêu:

- HS nhận ra những ưu, khuyết điểm của mình trong tuần để có hướng khắc phục.
- Phát huy những ưu điểm và khăc phục nhược điểm còn tồn tại.

II. Nội dung:

1. GV nhận xét chung những ưu điểm và nhược điểm của lớp:

a. Ưu điểm:

- t số em có ý thức học tập, đi học đều, đúng giờ, làm bài đầy đủ, không nói chuyện riêng trong giờ, chữ viết tương đối đẹp đó.

b. Nhược điểm:

- Nhiều em ý thức học tập chưa tốt, trong lớp hay nói chuyện riêng, lười học, không làm bài tập ở nhà.....
- Nhiều em nhận thức quá chậm, chữ viết xấu.....

Một số em vệ sinh cá nhân chưa sạch.....

2. Phương hướng:

- Những em có nhiều khuyết điểm phải cố gắng sửa chữa, khắc phục.
-Chuẩn b bài trước khi đến lớp.
- Tiếp tục phát huy những ưu điểm đã có.
- Chấm dứt tình trạng nói chuyện riêng trong giờ.
- Tuyên dương 1 số HS ý thức học tốt.

- Nhắc nhở 1 số HS có nhiều khuyết điểm.

Tuần 20

Thứ hai ngày 2 tháng 01 năm 2012

Tập đọc

Bốn anh tài (tiếp)

I. Mục tiêu:

- Biết đọc với giọng kể chuyện, bước đầu biết đọc diễn cảm một đoạn phù hợp nội dung câu chuyện.
- Hiểu ND: Ca ngợi sức khoẻ, tài năng, tinh thần đoàn kết chiến đấu chống yêu tinh, cứu dân bản của bốn anh em Cẩu Khây (trả lời được các câu hỏi trong SGK).

****** KNS:***

- Tự nhận thức, xác định giá trị cá nhân.
- Hợp tỏc
- Đảm nhận trách nhiệm

II. Đồ dùng dạy - học: Tranh minh họa, phiếu to viết câu dài.

III. Các hoạt động dạy và học:

Hoạt động của giáo viên	*Hoạt động của học sinh*
A. Kiểm tra bài cũ: **B. Dạy bài mới:** ***1. Giới thiệu:*** ***2. Hướng dẫn luyện đọc và tìm hiểu bài:*** *a. Luyện đọc:* - GV nghe, kết hợp sửa lỗi, giải nghĩa từ khó. - GV đọc diễn cảm toàn bài. *b. Tìm hiểu bài:* ? Tới nơi yêu tinh ở, anh em Cẩu Khây gặp ai và được giúp đỡ như thế nào ? Yêu tinh có phép thuật gì đặc biệt ? Thuật lại cuộc chiến đấu của bốn anh em chống yêu tinh ? Vì sao anh em Cẩu Khây chiến thắng được yêu tinh ? ý nghĩa của câu chuyện này là gì *c. Hướng dẫn HS đọc diễn cảm:* - GV đọc 1 đoạn mẫu trong bài. - GV và cả lớp nhận xét. ***3. Củng cố, dặn dò:*** - Về nhà đọc lại bài.Chuẩn bị bài giờ sau	- Nối tiếp nhau đọc 2 đoạn của bài. - HS: Luyện đọc theo cặp. - 1- 2 em đọc cả bài. HS: Đọc thầm từng đoạn để trả lời câu hỏi. + Gặp 1 bà cụ còn sống sót, bà nấu cơm cho họ ăn, cho họ ngủ nhờ. + Phun nước như mưa làm nước dâng ngập cả cánh đồng, làng mạc. + Yêu tinh trở về nhà, đập cửa ầm ầm yêu tinh núng thế phải quy hàng, + Anh em có sức khỏe và tài năng phi thường: Đánh nó bị thương, phá phép thần thông của nó. Họ dũng cảm đồng tâm hiệp lực nên đã thắng yêu tinh, buộc nó quy hàng. + Ca ngợi sức khỏe, tài trí đoàn kết, hiệp lực chiến đấu quy phục yêu tinh, cứu dân bản của 4 anh em Cẩu Khây. HS: 2 em nối nhau đọc 2 đoạn. - Luyện đọc theo cặp. - Thi đọc diễn cảm đoạn đó.

Toán

Phân số

I.Mục tiêu:

- Giúp HS bước đầu nhận biết về phân số, về tử số và mẫu số.
- Biết đọc, viết phân số. BT 1, 2

II. Đồ dùng: Các hình vẽ SGK.

III. Các hoạt động dạy- học:

Hoạt động của giáo viên	*Hoạt động của học sinh*
A. Bài cũ:	
B. Dạy bài mới:	
1. Giới thiệu:	
2. Giới thiệu phân số:	
- GV yêu cầu HS quan sát SGK và hỏi:	- Quan sát các hình trong sgk-TLCH
? Hình tròn được chia thành mấy phần bằng nhau	- chia làm 6 phần.
? Mấy phần đã được tô màu	- 5 phần.
- GV nêu: Chia hình tròn thành 6 phần bằng nhau, tô màu 5 phần. Ta nói đã tô màu năm phần sáu hình tròn.	
Năm phần sáu viết là: $\frac{5}{6}$	- Đọc năm phần sáu.
Ta gọi $\frac{5}{6}$ là phân số.	- Vài em nhắc lại.
Phân số $\frac{5}{6}$ có tử số là 5, mẫu số là 6.	- Vài em nhắc lại.
- Mẫu số viết dưới gạch ngang cho biết gì?	
- Tử số viết trên gạch ngang cho biết gì?	- Cho biết hình tròn được chia 6 phần bằng nhau.
* Làm tương tự với các phân số $\frac{1}{2}; \frac{3}{4}; \frac{4}{7}$	- Cho biết đã tô màu 5 phần.
3. Thực hành:	
+ Bài 1:	
- GV gọi HS chữa bài.	HS nêu nhận xét
+ Bài 2:	HS: Nêu yêu cầu và tự làm bài vào vở sau đó chữa bài.
- GV gọi HS lên bảng viết vào ô trống.	HS: Đọc yêu cầu, dựa vào bảng trong SGK để viết.
VD: Dòng 2: Phân số $\frac{8}{10}$ có tử số là 8 mẫu số là 10.	
+ Bài 3:HSKG	
- GV gọi HS lên bảng chữa bài.	HS: Đọc yêu cầu, tự viết phân số đó vào vở.
- GV và cả lớp nhận xét.	
4. Củng cố, dặn dò:	
- Về nhà học bài và làm bài vào vở bài tập.	

MĨ THUẬT

Bài 20: Vẽ tranh: Đề tài *Ngày hội quờ em*

I. Mục tiờu:

- Học sinh hiểu biết sơ lược về những ngày lễ truyền thống của quê hương.
- Học sinh biết cách vẽ và vẽ được tranh về đề tài ngày hội theo ý thớch.
- Học sinh thêm yêu quê hương, đất nước qua các hoạt động lễ hội mang bản sắc dân tộc Việt Nam.

II. Chuẩn bị:

- Sỏch giỏo khoa, sỏch giỏo viờn.
- Phim tư liệu về một số hoạt động lễ hội truyền thống.
- Một số tranh vẽ của thiếu nhi về lễ hội truyền thống.
- Tranh in trong bộ đồ dùng dạy học. Hỡnh gợi ý cách vẽ tranh.

III. Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
*** Ổn định lớp:** kiểm tra dụng cụ học vẽ của học sinh. *** Bài mới (3'):** Giới thiệu bài *** Hoạt động 1 (4'): Tìm, chọn nội dung đề tài** - GV yêu cầu học sinh xem tranh, ảnh về các hoạt động lễ hội và hỏi: (?) Trong tranh, ảnh này có những hoạt động lễ hội gỡ? (?) Hỡnh ảnh chớnh trong tranh, ảnh này là hỡnh ảnh nào? (GV chỉ vào tranh, ảnh). (?) Em cú nhận xét gỡ về màu sắc trong các tranh, ảnh này? (?) Ngoài các ngày hội các em được xem, em nào có thể kể về ngày hội ở quê mỡnh? *** Hoạt động 2 (4'): Cách vẽ tranh** - GV hỏi một số em: (?) Em chọn ngày hội gỡ ở quờ hương mỡnh để vẽ? - GV gợi ý để học sinh chọn một hoạt động	- Quan sỏt tranh, ảnh - Ảnh Hội làng, Rước kiệu, hát quan họ trên thuyền rồng. Tranh Chọi gà. - Quan sỏt và trả lời. - Xung phong trả lời. - Gọi vài em kể ngày hội ở quờ em. - Học sinh trả lời: Múa lân, đua thuyền, kéo co, hát quan họ, chọi gà, chọi trâu,... - Chỳ ý lắng nghe.

trong ngày hội . - Hỡnh ảnh chớnh phải thể hiện rừ nội dung, các hỡnh ảnh phụ phải phải phự hợp với cảnh ngày hội như cờ, hoa, sân đỡnh, người xem hội,… - GV cho học sinh xem một tranh đó hoàn chỉnh và giới thiệu cách vẽ. Để vẽ được tranh với hoạt động như thế này em phải tiến hành các bước sau: + Chọn một hoạt động lễ hội để vẽ. + Vẽ phỏc mảng chớnh, mảng phụ. + Vẽ phỏc hỡnh ảnh chớnh, hỡnh ảnh phụ. + Sửa hỡnh và vẽ màu theo ý thớch. Màu sắc ngày hội tươi vui, rực rỡ và có đậm, có nhạt. - Yêu cầu học sinh nhắc lại các bước để vẽ tranh. - Trước khi các em làm vẽ, cô cho các em xem một số bài về ngày hội của học sinh các lớp trước. (?) Các tranh này thể hiện cú rừ đề tài chưa? Màu sắc trong tranh như thế nào? - GV nhận xét chung để qua đó các em vẽ tốt hơn. *** Hoạt động 3 (20'): Thực hành** - hướng dẫn thêm cho những em cũn lỳng tỳng. *** Hoạt động 4 (4'): Nhận xét, đánh giá** - Chọn một số bài đó hoàn thành treo lờn cho cả lớp cựng nhận xét. - GV bổ sung … - Liờn hệ giỏo dục: *** Dặn dũ (1'):** - Bài sau: Vẽ trang trớ " Trang trớ hỡnh trũn" - Quan sát các đồ vật có ứng dụng trang trí hỡnh trũn như: Cái đĩa, cái khay trũn…	- Quan sỏt và theo dừi cách vẽ. - Gọi một học sinh nhắc lại cách vẽ. - Xem tranh. - Xung phong trả lời. - Học sinh thực hành. - Cả lớp cựng quan sỏt, nhận xét. - Lắng nghe và thực hiện.

Kể chuyện

Kể chuyện đã nghe đã đọc

I. Mục tiêu:

- Dựa vào gợi ý trong SGK, chọn và kể lại được câu chuyện (đoạn truyện) đó nghe, đó đọc nói về một người có tài.
- Hiểu nội dung chính của câu chuyện (đoạn truyện) đó kể.

II. Đồ dùng dạy - học:

- Một số truyện viết về những người có tài.

III. Các hoạt động dạy - học:

Hoạt động của giáo viên	***Hoạt động của học sinh***
1. Giới thiệu:	
2. Hướng dẫn HS kể chuyện:	
a. Hướng dẫn HS hiểu yêu cầu của đề bài.	HS: 1-2 HS đọc đề bài, gợi ý 1, 2.
- GV lưu ý HS: + Chọn đúng câu chuyện đã học về người có tài năng.	HS: Nối tiếp nhau kể, giới thiệu tên câu chuyện của mình. Nói rõ câu chuyện kể về ai, tài năng đặc biệt của câu nhân vật em đã nghe hoặc đã đọc.
b. HS thực hành kể chuyện, trao đổi về ý nghĩa câu chuyện: * Kể trong nhóm: * Thi kể trước lớp:	HS: 1- 2 em đọc lại dàn ý bài kể chuyện.
- GV mời những HS xung phong lên trước lớp kể chuyện. + Mở bảng phụ viết tiêu chuẩn đánh giá bài kể chuyện. - Viết lần lượt tên những em tham gia. - GV và cả lớp tính điểm theo tiêu chuẩn đã nờu	- Kể trong nhóm: Từng cặp HS kể chuyện, trao đổi về ý nghĩa câu chuyện. HS: 1 vài em lên kể hoặc đại diện nhóm lên kể. HS: Mỗi HS kể xong đều nói về ý nghĩa câu chuyện của mình hoặc đối thoại cùng thầy (cô) về các bạn về nhân vật chi tiết trong câu chuyện, ý nghĩa câu chuyện. VD: Bạn thích nhất chi tiết nào trong câu chuyện? Vì sao?
3. Củng cố, dặn dò: - Nhận xét giờ học. - Về nhà tập kể cho mọi người nghe.	

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Thứ ba ngày 11 tháng 01 năm 2011

THỂ DỤC

(Giỏo viờn chuyờn dạy)

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Toán

Phân số và phép chia số tự nhiên

I. Mục tiêu:

- Biết được thương của phộp chia 1 số tự nhiên cho 1 số tự nhiên (khác 0) cú thể viết thành một phõn số, tử số là số bị chia và mẫu là số chia. BT 1, 2, 3

II. Đồ dùng dạy học: Sử dụng mô hình hoặc hình vẽ trong SGK.

III. Các hoạt động dạy- học:

Hoạt động của giáo viên	*Hoạt động của học sinh*
A. Kiểm tra bài cũ: **B. Dạy bài mới:** **1. Giới thiệu:** **2. GV nêu từng vấn đề rồi hướng dẫn HS giải quyết từng vấn đề:** a. Có 8 quả cam, chia đều cho 4 em. Mỗi em được mấy quả?	HS: Tự nhẩm và trả lời: 2 quả. $8 : 4 = 2$
b. Có 3 bánh, chia đều cho 4 em. Hỏi mỗi em được? Phần của cái bánh? => Tức là chia đều 3 cái bánh cho mỗi em được $\frac{3}{4}$ cái bánh $\rightarrow$ kết quả là 1 phân số.	HS: Ta lấy $3 : 4 = \frac{3}{4}$ (cái bánh)
c. Nhận xét: **Thương của phép chia số tự nhiên cho số tự nhiên (khác 0) có thể viết thành 1 phân số, tử số là số bị chia và mẫu là số chia.**	VD: $8 : 4 = \frac{8}{4}$; $3 : 4 = \frac{3}{4}$; $5 : 5 = \frac{5}{5}$.
3. Thực hành: + Bài 1: - GV và cả lớp nhận xét. $8 : 4 = \frac{8}{4}$; $3 : 4 = \frac{3}{4}$; $1 : 3 = \frac{1}{3}$;	HS: Đọc yêu cầu và tự làm. - 2 HS lên chữa bài trên bảng. $7 : 9 = \frac{7}{9}$; $5 : 8 = \frac{5}{8}$; $6 : 19 = \frac{6}{19}$
+ Bài 2: Viết theo mẫu:	HS: Làm bài theo mẫu rồi chữa bài. $0 : 5 = \frac{0}{5} = 0$; $7 : 7 = \frac{7}{7} = 1$

$36:9=\frac{36}{9}=4$; $88:11=\frac{88}{11}=8$ + Bài 3: Viết theo mẫu a. $6=\frac{6}{1}$; $1=\frac{1}{1}$; $0=\frac{0}{1}$ b. Nêu nhận xét: => **Mọi số tự nhiên có thể viết thành 1 phân số có tử số tự nhiên đó và mẫu số là 1.** **4. Củng cố, dặn dò:** - Nhận xét giờ học. - Về nhà học bài và làm vào vở bài tập.	HS: Làm bài theo mẫu rồi chữa bài. $27=\frac{27}{1}$; $3=\frac{3}{1}$ HS: Vài HS nhắc lại.

Luyện từ và câu

Luyện tập về câu kể "Ai làm gì?"

I. Mục tiêu:

- Nắm vững kiến thức và kĩ năng sử dụng câu kể Ai làm gỡ? Để nhận biết được câu kể đó trong đoạn văn (BT1), xác định được bộ phận CN, VN trong câu kể tìm được (BT2).
- Viết được đoạn văn có dùng kiểu câu Ai làm gỡ? (BT3).

II. Đồ dùng dạy học: Phiếu học tập, tranh minh họa, bút dạ.

III. Các hoạt động dạy- học:

Hoạt động của giáo viên	*Hoạt động của học sinh*
A. Kiểm tra **B. Dạy bài mới:** **1. Giới thiệu:** **2. Hướng dẫn luyện tập:** + Bài 1: HS: Đọc nội dung bài tập, cả lớp theo dõi SGK. - GV nhận xét chốt lại lời giải đúng. + Bài 2: GV nêu yêu cầu của bài. - GV và cả lớp nhận xét, chốt lại lời giải đúng. + Bài 3:	- Đọc thầm lại đoạn văn, trao đổi cùng bạn để tìm câu kể "Ai làm gì?". - HS phát biểu, còn lại 1 số HS lên làm trên phiếu đánh dấu (*) vào trước các câu kể: 3, 4, 5, 7. HS: Đọc thầm lại yêu cầu, đọc thầm từng câu văn 3, 4, 5, 7 xác định chủ ngữ, vị ngữ trong mỗi câu vừa tìm được. - 3 HS lên bảng chữa bài vào phiếu.

- GV treo tranh minh họa và nói rõ yêu cầu: * Đề yêu cầu viết đoạn văn ngắn khoảng 5 câu kể về công việc trực nhật lớp. * Đoạn văn phải có 1 câu kể "Ai làm gì?" - GV nhận xét, chấm bài. - Ví dụ về đoạn văn: Sáng ấy, chúng em đến trường sớm hơn mọi ngày. Theo phân công của tổ trưởng, chúng em làm việc ngay. Hai bạn Hạnh và Hoa quét thật sạch nền lớp. Bạn Hùng và Nam kê dọn lại bàn ghế, bạn Thơm lau bàn cô giáo, lau bảng đen. Bạn tổ trưởng thì quét trước cửa lớp. Còn em thì sắp xếp lại các đồ dùng học tập và sách vở bày trong chiếc tủ con kê cuối lớp. Chỉ một thoáng chúng em đã làm xong mọi việc. **3. Củng cố, dặn dò:** - Nhận xét giờ học. - Về nhà học bài, làm bài tập.	HS: Đọc yêu cầu của bài, quan sát tranh minh họa. HS: Viết đoạn văn vào vở, 1 số viết vào phiếu. HS: Nối nhau đọc đoạn văn đã viết nói rõ câu nào là câu kể. HS: Dán phiếu lên bảng.

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Khoa học

Không khí bị ô nhiễm

I. Mục tiêu:

- Nêu những nguyên nhân gây ô nhiễm bầu không khí: khúi, khớ độc, các loại bụi, vi khuẩn.

******BVMT:*** Cần cú những việc làm cụ thể để hạn chế sự ụ nhiễm khụng khớ

II. Đồ dùng: Hình trang 78, 79 SGK; tranh ảnh sưu tầm.

III. Các hoạt động dạy - học:

Hoạt động của giáo viên	*Hoạt động của học sinh*
A. Kiểm tra bài cũ: ***B. Dạy bài mới:***	

1. Giới thiệu: 2. Hoạt động 1: Tìm hiểu về không khí ô nhiễm và không khí sạch. - GV yêu cầu HS lần lượt quan sát hình SGK và chỉ ra hình nào thể hiện không khí bị ô nhiễm? * Làm việc cả lớp: - GV yêu cầu HS nhắc lại 1 số tính chất của không khí từ đó rút ra nhận xét. => Không khí sạch là không khí trong suốt, không màu, không mùi, không vị chỉ chứa khói bụi vi khuẩn với tỷ lệ thấp, không làm hại đến sức khỏe con người. Không khí bẩn hay ô nhiễm là không khí có chứa 1 trong các loại chất khói, khí độc, các loại bụi, vi khuẩn quá tỷ lệ cho phép có hại cho sức khỏe. **3. Hoạt động 2: Thảo luận về những nguyên nhân gây ô nhiễm không khí.** - GV yêu cầu HS liên hệ thực tế và phát biểu: - Nguyên nhân làm không khí bị ô nhiễm nói chung và nguyên nhân làm không khí ở địa phương nói riêng. - GV nhận xét và kết luận. => KL: Nguyên nhân làm không khí bị ô nhiễm là: - Do bụi: Bụi tự nhiên, bụi núi lửa sinh ra, bụi do hoạt độngcủa con người (bụi nhà máy xe cộ, bụi phóng xạ, bụi than, xi măng...) - Do khí độc: Sự lên men thối của các xác sinh vật, rác thải, sự cháy của than đá, dầu khí, khói tàu xe, khói thuốc lá, chất độc khói. **4. Củng cố - dặn dò:** - Nhận xét giờ học. Về nhà học bài.	* HS: Làm việc theo cặp. - Một số HS lên trình bày kết quả: + H2: Không khí trong sạch, cây cối xanh tươi. +H3: Cảnh ô nhiễm do đốt chất thải ở nông thôn. + H4: Cảnh đường phố đông đúc, nhiều xe ô tô, xe máy đi lại xả khí thải và bụi - Do khí thải của các nhà máy, khói, khí độc, bụi. - Do các phương tiện ô tô thải ra. - Khí độc, vi khuẩn. - Do các rác thải sinh hoạt.

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Kỹ thuật

Vật liệu và dụng cụ trồng hoa

I/ Mục tiêu

-HS biết được đặc điểm, tác dụng của các vật liệu, dụng cụ thường dùng để gieo trồng, chăm sóc rau, hoa.

-Biết cách sử dụng một số dụng cụ lao động trồng rau, hoa đơn giản.

-Có ý thức giữ gìn, bảo quản và bảo đảm an toàn lao động khi dùng dụng cụ gieo trồng rau hoa.

II/ Đồ dùng dạy- học:

-Mẫu: hạt giống, một số loại phân hoá học, phân vi sinh, cuốc, cào, vồ đập đất, dầm xới, bình có vòi hoa sen, bình xịt nước.

III/ Hoạt động dạy- học:

Hoạt động của giáo viên	*Hoạt động của học sinh*
1.Ổn định: Hát. 2.Kiểm tra bài cũ: Kiểm tra dụng cụ học tập. 3.Dạy bài mới: a)Giới thiệu bài: b)Hướng dẫn cách làm: * Hoạt động 1: GV hướng dẫn tìm hiểu những vật liệu chủ yếu được sử dụng khi gieo trồng rau, hoa. -Hướng dẫn HS đọc nội dung 1 SGK.Hỏi: +Em hãy kể tên một số hạt giống rau, hoa mà em biết? +Ở gia đình em thường bón những loại phân nào cho cây rau, hoa? +Theo em, dùng loại phân nào là tốt nhất? -GV nhận xét và bổ sung phần trả lời của HS và kết luận. * Hoạt động 2: GV hướng dẫn HS tìm hiểu các dụng cụ gieo trồng, chăm sóc	-Chuẩn bị đồ dùng học tập. -HS đọc nội dung SGK. -HS kể. -Phân chuồng, phân xanh, phân vi sinh, phân đạm, lân, kali.... -HS trả lời. -HS lắng nghe. -HS xem tranh cái cuốc SGK. -Cán cuốc bằng gỗ, lưỡi bằng sắt.

rau,hoa. * Cuốc: Lưỡi cuốc và cán cuốc. +Em cho biết lưỡi và cán cuốc thường được làm bằng vật liệu gì? +Cuốc được dùng để làm gì ? * Dầm xới: + Lưỡi và cán dầm xới làm bằng gì ? +Dầm xới được dùng để làm gì ? * Cào: có hai loại: Cáo sắt, cào gỗ. -Cào gỗ: cán và lưỡi làm bằng gỗ -Cào sắt: Lưỡi làm bằng sắt, cán làm bằng gỗ. + Hỏi: Theo em cào được dùng để làm gì? * Vồ đập đất: -Quả vồ và cán vồ làm bằng tre hoặc gỗ. +Hỏi: Quan sát H.4b, em hãy nêu cách cầm vồ đập đất? * Bình tưới nước: có hai loại: Bình có vòi hoa sen, bình xịt nước. +Hỏi: Quan sát H.5, Em hãy gọi tên từng loại bình? +Bình tưới nước thường được làm bằng vật liệu gì? -GV nhắc nhở HS phải thực hiện nghiêm túc các quy định về vệ sinh và an toàn lao động khi sử dụng các dụng cụ ... -GV tóm tắt nội dung chính. 3.Nhận xét- dặn dò:	-Dùng để cuốc đất, lên luống, vun xới. -Lưỡi dầm làm bằng sắt, cán bằng gỗ. -Dùng để xới đất và đào hốc trồng cây. -HS xem tranh trong SGK. -HS trả lời. -HS nêu. -HS trả lời. -HS trả lời. -HS lắng nghe. -HS đọc phần ghi nhớ SGK. -HS cả lớp.

-Hướng dẫn HS đọc trước bài "Yêu cầu điều kiện ngoại cảnh của cây rau, hoa".	

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Thứ tư ngày .....tháng .....năm 20.....

Thể dục

(Giáo viên chuyên dạy)

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻

Tập đọc

Trống đồng Đông Sơn

I. Mục tiêu:

- Bước đầu biết đọc diễn cảm một đoạn phù hợp với nội dung tự hào, ca ngợi.
- Hiểu ND: Bộ sưu tập trống đồng Đông Sơn rất phong phú, độc đáo, là niềm tự hào của người Việt Nam (trả lời được các câu hỏi trong SGK).

II. Đồ dùng dạy học: ảnh trống đồng trong SGK.

III. Các hoạt động dạy- học:

Hoạt động của giáo viên	***Hoạt động của học sinh***

A. GV kiểm tra bài cũ: **B. Dạy bài mới:** **1. Giới thiệu bài:** **2. Hướng dẫn luyện đọc và tìm hiểu bài** a. Luyện đọc: - GV nghe, sửa sai, uốn nắn cách đọc, giải nghĩa từ. - GV đọc diễn cảm toàn bài. b. Tìm hiểu bài: ? Trống đồng Đông Sơn đa dạng như thế nào ? Hoa văn trên mặt trống được tả như thế nào ? Những hoạt động nào của con người được miêu tả trên trống ? Vì sao có thể nói hình ảnh con người chiếm vị trí nổi bật trên hoa văn trống đồng ? Vì sao trống đồng là niềm tự hào chính đáng của người Việt Nam c. Hướng dẫn HS đọc diễn cảm: - GV hướng dẫn HS đọc và thi đọc diễn cảm 1 đoạn. - GV và cả lớp nhận xét. **3. Củng cố, dặn dò:** - Nhận xét giờ học. Về nhà tập đọc lại bài.	HS: Nối tiếp nhau đọc đoạn 2- 3 lượt. HS: Luyện đọc theo cặp. 1- 2 em đọc cả bài. HS: Đọc thầm từng đoạn và trả lời câu hỏi: - Đa dạng cả về hình dáng, kích cỡ lẫn phong cách trang trí, sắp xếp hoa văn. - Giữa mặt trống là hình ngôi sao nhiều cánh, hươu nai có gạc . - Lao động, đánh cá, săn bắn, đánh trống, thổi kèn, cầm vũ khí bảo vệ quê hương, tưng bừng nhảy múa mừng chiến công, cảm tạ thần linh ghép đôi nam nữ. - Vì đó là những hình ảnh nổi rõ nhất trên hoa văn. Những hình ảnh khác (ngôi sao, hình tròn, hươu nai...) chỉ góp phần thể hiện con người, con người lao động làm chủ hòa mình với thiên nhiên, con người khao khát cuộc sống hạnh phúc, ấm no. - Trống đồng đa dạng hoa văn trang trí đẹp là 1 cổ vật quý giá phản ánh trình độ văn minh của người Việt Cổ xưa là một bằng chứng nói lên rằng dân tộc Việt Nam là 1 dân tộc có 1 nền văn hóa lâu đời bền vững. HS: 2 em đọc nối nhau 2 đoạn của bài. - Đọc theo cặp. - Thi đọc diễn cảm.

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻

Toán

Phân số và phép chia số tự nhiên (tiếp)

I. Mục tiêu:

- Biết được thương của phép chia số tự nhiên cho số tự nhiên khác 0 có thể viết thành phân số. (trong trường hợp tử lớn hơn mẫu).
- Bước đầu biết so sánh phân số với 1.

II. Đồ dùng: Mô hình hoặc hình vẽ SGK.

III. Các hoạt động dạy- học:

Hoạt động của giáo viên	*Hoạt động của học sinh*
A. Bài cũ: **B. Dạy bài mới:** **1. Giới thiệu:** **2. GV nêu ví dụ 1:** ? Có mấy quả cam ? Chia mỗi quả thành mấy phần ? Ăn mấy quả ? Viết phân số chỉ số phần quả cam đã ăn GV nói: Ăn 1 quả cam tức là ăn 4 phần hay $\frac{4}{4}$ quả, ăn thêm $\frac{1}{4}$ quả nữa tức là ăn thêm 1 phần, như vậy ăn tất cả $\frac{5}{4}$ quả cam. **3. GV nêu ví dụ 2:** - Chia đều 5 quả cam cho 4 người. Tìm phần cam của mỗi người. => Nhận xét: (SGK). **4. Thực hành:** + Bài 1: - GV gọi 1- 2 HS lên bảng làm bài trên bảng. $9 : 7 = \frac{9}{7}$; $8 : 5 = \frac{8}{5}$ $19 : 11 = \frac{19}{11}$ + Bài 2: **HSKG** - GV gọi HS lên bảng chữa bài.	HS: 1- 2 HS đọc lại. - 2 quả. - 4 phần bằng nhau. - Ăn 1 quả và $\frac{1}{4}$ quả. HS: Đọc lại ví dụ và tự nêu cách giải quyết để dẫn tới nhận biết: Chia đều 5 quả cam cho 4 người thì mỗi người được $\frac{5}{4}$ quả cam. Vậy: $5 : 4 = \frac{5}{4}$ (quả cam) HS: Đọc đầu bài, làm bài rồi chữa bài. HS: Đọc yêu cầu và làm bài vào vở. HS: Đọc yêu cầu và làm bài vào vở - 1 HS lên bảng chữa bài. a. $\frac{3}{4} < 1$; b. $\frac{24}{24} = 1$ $\frac{9}{14} < 1$; c. $\frac{7}{5} > 1$ $\frac{6}{10} < 1$; d. $\frac{19}{17} > 1$

+ Bài 3: - GV và cả lớp nhận xét. - GV chấm bài cho 1 số HS. **5. Củng cố, dặn dò:** - Nhận xét giờ học. Về nhà làm bài tập.	* Phân số $\frac{7}{6}$ chỉ phần đã tô màu của H1. * Phân số $\frac{7}{12}$ chỉ phần đã tô màu của H2.

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Tập làm văn

Miêu tả đồ vật (kiểm tra viết)

I. Mục tiêu:

Biết viết hoàn chỉnh bài văn tả đồ vật đúng yêu cầu của đề bài, có đủ 3 phần (mở bài, thân bài, kết bài), diễn đạt thành câu rừ ý.

II. Đồ dùng dạy - học:

- Tranh minh họa một số đồ vật trong SGK.
- Bảng lớp viết sẵn dàn ý.

III. Các hoạt động:

1. GV ghi các đề bài lên bảng (ít nhất là 4 đề) để HS có thể chọn 1 trong 4 đề mà mình thích.

Đề 1: Hãy tả đồ vật em yêu thích nhất ở trường. Chú ý mở bài theo cách gián tiếp.

Đề 2: Hãy tả đồ vật gần gũi nhất với em ở nhà. Chú ý kết bài theo kiểu mở rộng.

Đề 3: Hãy tả một đồ chơi mà em thích nhất. Chú ý mở bài theo cách gián tiếp.

Đề 4: Hãy tả quyển sách giáo khoa Tiếng Việt 4 tập II của em. Chú ý kết bài theo kiểu mở rộng.

2. HS suy nghĩ và làm bài vào vở.
3. GV thu bài về chấm.
4. Củng cố, dặn dò: Nhận xét giờ học. Về nhà viết lại bài cho hay hơn.

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Âm nhạc

Học hỏt bài: BÀN TAY MẸ

I. Mục tiờu

- Hát đúng giai điệu và lời ca.
- Cho học sinh tập cách hát có luyến xuống, mỗi tiếng là 2 móc đơn (một phách).
- Qua bài hát nhắn như các em càng thêm biết ơn và kính yêu mẹ.

II. Chuẩn bị

- Giáo viên: Chép sẵn nhạc và lời của bài hát lên bảng, thanh phách.
- Học sinh: Nhạc cụ, sách giáo khoa.

III. Các hoạt động dạy học chủ yếu

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*
1. ổn định	
2. Kiểm tra bài cũ	
3. Bài mới	
a. Giới thiệu bài:	
b. Nội dung:	
**** Hoạt động 1:*** Dạy học sinh hát từng câu theo lối móc xích.	- Học sinh lắng nghe
- Cho học sinh hát kết hợp cả bài (2 - 4 lần).	- Học hát từng câu theo hướng dẫn của giáo viên
**** Hoạt động 2:***	- Hát kết hợp với gõ đệm theo phách, theo nhịp.
- Cho học sinh hát kết hợp với gõ nhịp theo phách, theo nhịp.	
- Cho học sinh hát kết hợp với một số động tác phụ họa (giáo viên hướng dẫn mẫu).	- Thi biểu diễn trước lớp.
- Gọi 1 vài cá nhân, hoặc nhóm lên bảng biểu diễn trước lớp.	- Lời ru của mẹ, chỉ có một trên đời …
**** Hoạt động 3:***	- Học sinh hát
? Em hãy kể tên một số bài hát viết về mẹ mà em biết	
? Em có thể hát bài hát mà ca ngợi về mẹ cho cả lớp nghe được không	- Học sinh lắng nghe.
- Giáo viên nhận xét, tuyên dương học sinh.	
4. Củng cố dặn dò	
- Bắt nhịp cho cả lớp hát lại bài hát 1 lần.	
- Dặn dò: Về nhà ôn lại bài và chuẩn bị bài tiếp sau.	

Thứ sỏu ngày 14 tháng 01 năm 2011

Luyện từ và câu

Mở rộng vốn từ: **sức khỏe**

I. Mục tiêu:

Biết thêm một số từ ngữ nói về sức khoẻ của con người và tên một số môn thể thao (BT1, BT2); nắm được một số thành ngữ, tục ngữ liên quan đến sức khoẻ (BT3, BT4).

II. Đồ dùng dạy học: Bút dạ, phiếu khổ to viết nội dung bài 1, 2, 3.

III. Các hoạt động dạy- học:

Hoạt động của giáo viên	***Hoạt động của học sinh***
A. Bài cũ: Gọi HS đọc ghi nhớ bài trước. **B. Dạy bài mới:** ***1. Giới thiệu:*** ***2. Hướng dẫn HS làm bài tập:*** + Bài 1: - GV chia nhóm, phát phiếu cho một số nhóm. VD: a. Từ ngữ chỉ hành động có lợi cho sức khỏe là: b. Từ ngữ chỉ đặc điểm của một cơ thể khỏe mạnh: - GV và cả lớp nhận xét, kết luận nhóm thắng cuộc. + Bài 2: - GV nêu yêu cầu bài tập. - GV dán 1 số tờ phiếu lên bảng cho các nhóm lên thi tiếp sức. - GV và tổ trọng tài nhận xét. + Bài 3: - GV gọi HS đọc lại các câu thành ngữ sau khi đã điền hoàn chỉnh. + Bài 4: - GV gọi HS phát biểu: 3. Củng cố - dặn dò: - Nhận xét giờ học. Yêu cầu về thuộc các thành ngữ tục ngữ trong bài.	HS: 1 em đọc nội dung bài 1 (cả mẫu). - Cả lớp đọc thầm lại yêu cầu, trao đổi nhóm nhỏ để làm bài. - Tập luyện, tập thể dục, đi bộ, chạy chơi thể thao, ăn uống điều độ, nghỉ ngơi,an dưỡng, nghỉ mát, du lịch. - Vạm vỡ, lực lưỡng, cân đối, rắn rỏi, rắn chắc, săn chắc, chắc nịch, cường tráng, dẻo dai, nhanh nhẹn. HS: Trao đổi nhóm tìm từ ngữ chỉ tên các môn thể thao. HS: Các nhóm lên thi tiếp sức, các nhóm khác làm vào vở bài tập. VD: Bóng đá, bóng chuyền, bóng chày, bóng bầu dục, cầu lông, quần vợt, chạy, nhảy cao, nhảy xa, đẩy tạ. HS: Đọc yêu cầu bài tập và tự làm bài vào vở. VD: a. Khỏe như voi (Trâu, hùm) b. Nhanh như cắt (chim cắt, gió, điện, sóc). HS: Đọc yêu cầu của bài và gợi ý để giải nghĩa. + Tiên: Những nhân vật trong truyện cổ tích

	sống nhã nhặn, thư thái trên trời, tượng trưng cho sự sung sướng. + Ăn được ngủ được nghĩa là có sức khỏe tốt. + Có sức khỏe tốt sung sướng chẳng kém gì tiên.

Toán

Luyện tập

I. Mục tiêu:

- Biết đọc, viết phân số,
- Biết quan hệ giữa phép chia số tự nhiên và phân số. Làm được bài 1, 2, 3

II. Các hoạt động dạy- học:

Hoạt động của giáo viên	*Hoạt động của học sinh*
A. Bài cũ: ***B. Dạy bài mới:*** ***1. Giới thiệu:*** ***2. Hướng dẫn luyện tập:*** + Bài 1: Đọc các đại lượng. + Bài 2: Viết các phân số. - GV gọi 2 HS, cả lớp nhận xét, chốt lời giải đúng: $\frac{1}{4}$; + Bài 3: - GV gọi HS lên chữa bài. 8 = $\frac{8}{1}$; 14 = $\frac{14}{1}$ + Bài 4: HSKG + Bài 5: HSKG - GV hướng dẫn HS làm theo mẫu - GV chấm bài cho HS.	HS: Từng em đọc phân số đo đại lượng $\frac{1}{2}$ kg: Một phần hai ki- lô - gam. $\frac{5}{8}$ m: Năm phần tám mét. $\frac{19}{12}$ giờ: Mười chín phần mười hai giờ $\frac{6}{100}$ m: Sáu phần một trăm mét. $\frac{6}{10}$ $\frac{18}{85}$ HS: Đọc yêu cầu và tự làm bài rồi chữa bài. - 2 HS lên bảng làm. 32 = $\frac{32}{1}$; 0 = $\frac{0}{1}$; HS: Đọc yêu cầu, tự làm bài. - 1 em lên bảng làm. a. $\frac{3}{4}$ b. $\frac{4}{4}$; $\frac{6}{4}$ HS: 1 em lên bảng viết. a. CP = $\frac{3}{4}$ CD ; PD = $\frac{1}{4}$ CD. b. MO = $\frac{2}{5}$ MN ; ON = $\frac{3}{5}$ MN.

3. Củng cố, dặn dò: - Nhận xét giờ học. - Về nhà học bài.	

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Chính tả (Nhớ – Viết)

CHUYỆN CỔ TÍCH VỀ LOÀI NGƯỜI

PHÂN BIỆT r/d/gi , dấu hỏi / dấu ngó

I.MỤC TIấU :

- Nghe-viết đúng bài CT; trỡnh bày đúng hỡnh thức bài văn xuôi.
- Làm đúng BT CT phương ngữ (2a) hoặc (3a).

II. CHUẨN BỊ :

-3,4 tờ giấy khổ to ghi nội dung BT 2a,3a.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC :

Hoạt động dạy	***Hoạt động học***
1. KTBC: ***2. Bài mới:*** ***a). Giới thiệu bài:*** ***b). Nhớ - viết:*** **** Hướng dẫn chính tả.*** -GV yêu cầu HS viết một đoạn trong bài: Chuyện cổ tích về loài người (Từ Mắt trẻ con sáng lắm … hỡnh trũn là trỏi đất). - Cho HS đọc thuộc lũng 4 khổ thơ viết chính tả và viết những từ ngữ dễ viết sai: sáng rừ, rộng … -GV nhắc HS cách trỡnh bày bài. **** Cho HS viết bài.*** -GV cho HS viết. **** Chấm, chữa bài.*** -GV chấm 5 – 7 bài. -Nhận xét chung. **** Bài tập 2:***	-HS đọc thuộc lũng bài CT. -1 HS viết những từ ngữ dễ viết sai. -HS nhớ – viết bài chớnh tả. -HS đổi tập cho nhau chữa lỗi. -1 HS đọc yêu cầu BT, lớp đọc thầm.

b). Đặt dấu hỏi hay dấu ngó sao cho đúng. -Lời giải đúng: mỗi - mỏng - rừ - rải - thoảng - tản. **** Bài tập 3:*** -Cách tiến hành như ở BT 2a. -Lời giải đúng: Những tiếng thích hợp trong ngoặc đơn cần chọn là: dáng - dần - điểm - rắn - thẫm - dài - rỗ - mẫn. ***3. Củng cố, dặn dũ:*** GV nhận xét tiết học. -Yêu cầu HS về nhà xem lại các bài tập để ghi nhớ các từ ngữ đó luyện tập, khụng viết sai chớnh tả.	-3 HS lờn làm bài trên giấy. -HS cũn lại làm bài cỏ nhõn. -Lớp nhận xét. -HS chép lời giải đúng vào vở.

Lịch sử

Chiến thắng Chi Lăng

I. Mục tiêu:

- Nắm được một số sự kiện về cuộc khởi nghĩa Lam Sơn tập trung vào trận Chi Lăng.

+ Lê Lợi chiêu tập binh sĩ xây dựng lực lượng tiến hành khởi nghĩa chống quân Minh xâm lược. Trận Chi Lăng là một trong những trận quyết định thắng lợi của khởi nghĩa Lam Sơn.

+ Diễn biến trận Chi Lăng.

- í nghĩa đập tan mưu đồ cứu viện thành Đông Quan của quân Minh, quân Minh phải hàng và xin rút về nước.

- Nắm được việc nhà Hậu Lê thành lập:

+ Thua trận ở Chi Lăng và một số trận khác, quân Minh phải xin hàng, rút về nước. Lê Lợi lên ngôi Hoàng đế năm 1428, mở đầu thời Hậu Lê.

- Nờu các mẩu chuyện về Lờ Lợi.

- Cảm phục sự thông minh sáng tạo trong cách đánh giặc của ông cha ta qua trận Chi Lăng.

II. Đồ dùng dạy - học: Hình trong SGK phóng to, phiếu học tập.

III. Các hoạt động dạy - học:

Hoạt động của giáo viên	***Hoạt động của học sinh***

A. Bài cũ: **B. Dạy bài mới:** **1. Giới thiệu** **2. Hoạt động 1: Làm việc cả lớp.** - Cuối năm 1406 quân Minh xâm lược nước ta. Nhà Hồ không đoàn kết được toàn dân nên cuộc kháng chiến đã thất bại (1406). Dưới ách thống trị của nhà Minh nhiều cuộc khởi nghĩa của nhân dân đã nổ ra. Tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa Lam Sơn do Lê Lợi khởi xướng. - Năm 1418, từ vùng núi Lam Sơn đường Lạng Sơn. 3. Hoạt động 2: Làm việc cả lớp. **4. Hoạt động 3: Thảo luận nhóm.** - GV đưa các câu hỏi: + Khi quân Minh đến trước ải Chi Lăng, kị binh ta đã hành động như thế nào? + Kị binh nhà Minh đã phản ứng thế nào trước hành động của quân ta? + Kị binh của nhà Minh đã thua trận như thế nào? **5. Hoạt động 4: Làm việc cả lớp.** - GV nêu câu hỏi cho cả lớp thảo luận: + Trong trận Chi Lăng, nghĩa quân Lam Sơn đã thể hiện sự thông minh như thế nào? + Sau trận Chi Lăng thái độ của quân Minh ra sao? => Rút ra kết luận như SGK. 6. Củng cố, dặn dò: - Nhận xét giờ học.	HS: Đọc SGV và nghe GV trình bày bối cảnh dẫn đến trận Chi Lăng. HS: Quan sát lược đồ trong SGK và đọc các thông tin trong bài để thấy được khung cảnh của ải Chi Lăng. HS: 1-2 em dựa vào dàn ý trên để thuật lại diễn biến của trận Chi Lăng.

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Đạo đức

Kính trọng và biết ơn người lao động (tiết 2)

I.Mục tiêu: Học xong bài HS có khả năng:

- Biết vỡ sao cần phải kớnh trọng và biết ơn người lao động.
- Bước đầu biết cư xử lễ phép với những người lao động và biết trân trọng, giữ gỡn thành quả lao động của họ.

******KNS:***

- Kĩ năng tôn trọng giá trị sức lao động
- Kĩ năng thể hiện sự tôn trọng, lễ phép với người lao động

II. Đồ dùng: Đồ dùng chơi đóng vai.

III. Các hoạt động dạy, học:

Hoạt động của giáo viên	***Hoạt động của học sinh***
A. Bài cũ: ***B. Dạy bài mới:*** ***1. Giới thiệu:*** ***2. Hoạt động 1: Đóng vai (bài 4 SGK).*** - GV chia nhóm HS, giao nhiệm vụ. - GV phỏng vấn các HS đóng vai: ? Cách xử sự với người lao động như vậy phù hợp chưa? Vì sao ? Em cảm thấy như thế nào khi ứng xử như vậy - GV kết luận về cách xử sự cho phù hợp. ***3. Hoạt động 2: Trình bày sản phẩm (bài 5, 6 SGK).*** - GV nhận xét chung. => Kết luận chung: - GV gọi 1- 2 HS đọc ghi nhớ. ***4. Củng cố, dặn dò:*** - Nhận xét giờ học.Về nhà học bài.	HS: Các nhóm thảo luận và chuẩn bị đóng vai. - Các nhóm lên đóng vai. - Thảo luận cả lớp. HS: Trình bày sản phẩm theo nhóm. - Cả lớp nhận xét. HS: Đọc ghi nhớ.

Thứ sỏu ngày 14 tháng 1 năm 2011

<u>Khoa học</u>

Bảo vệ bầu không khí trong lành

I. Mục tiêu:

- HS nêu được những việc nên làm và không nên làm để bảo vệ bầu không khí trong sạch: thu gom, xử lớ phõn, rỏc hợp lớ, giảm khớ thải bảo vệ rừng và trồng cõy...

*** BVMT: GD ý thức quan tõm đến mụi trường, bảo vệ bầu khụng khớ trong lành.

II. Đồ dùng dạy học:

- Hình trang 80,81 SGK.

- Các tư liệu, hình vẽ, tranh ảnh

III. Các hoạt động dạy - học:

Hoạt động của giáo viên	***Hoạt động của học sinh***
A. Bài cũ: Gọi HS đọc bài học. **B. Dạy bài mới:** ***1. Giới thiệu:*** ***2. Hoạt động 1: Tìm hiểu những biện pháp bảo vệ bầu không khí trong sạch*** - Làm việc theo cặp: - GV gọi 1 số HS lên trình bày kết quả: * Những việc nên làm để bảo vệ bầu không khí trong sạch là: * Những việc không nên làm: - Liên hệ địa phương gia đình. => Kết luận (SGK). ***3. Hoạt động 2: Vẽ tranh cổ động bảo vệ bầu không khí trong sạch.*** - GV chia nhóm, giao nhiệm vụ cho các nhóm: + Xây dựng bản cam kết bảo vệ bầu không khí trong sạch. + Thảo luận để tìm ý cho nội dung tranh. + Phân công từng thành viên của nhóm vẽ hoặc viết từng phần của bức tranh. * GV đi tới các nhóm kiểm tra và giúp đỡ. - Trình bày và đánh giá. - GV đánh giá và nhận xét, tuyên dương các nhóm vẽ đẹp . ***3. Củng cố, dặn dò:*** Nhận xét giờ học. Về nhà học bài.	HS: Quan sát hình trang 80, 81 SGK và trả lời câu hỏi. - 2 em quay lại với nhau trả lời những việc nên làm và không nên làm để bảo vệ bầu không khí. H1; H2; H3; H5; H6; H7 H4 - Nhóm trưởng điều khiển các bạn làm việc như đã hướng dẫn. - Các nhóm treo sản phẩm của nhóm mình. Cử đại diện phát biểu bản cam kết và nêu ý tưởng của bức tranh cổ động.

ꕥ ✻ ꕥ ✻ ꕥ ✻ ꕥ ✻ ꕥ

Toán

Phân số bằng nhau

I. Mục tiêu:

- Giúp HS bước đầu nhận biết tính chất cơ bản của phân số.

- Bước đầu nhận ra sự bằng nhau của hai phân số.

II. Đồ dùng:Các băng giấy hoặc hình vẽ SGK.

III. Các hoạt động dạy- học:

Hoạt động của giáo viên	*Hoạt động của học sinh*
A. Kiểm tra bài cũ: **B. Dạy bài mới:** **1. Giới thiệu:** **2. Hướng dẫn HS hoạt động để nhận biết $\frac{3}{4}=\frac{6}{8}$ và tự nêu được tính chất cơ bản của phân số:** - GV hướng dẫn HS quan sát 2 băng giấy (như SGK). **+ Băng thứ nhất chia làm mấy phần bằng nhau?** + Đã tô màu mấy phần? +Băng thứ hai chia làm mấy phần? **+ Đã tô màu mấy phần?** **+ Phần tô màu của hai băng giấy này như thế nào?** **=> Vậy $\frac{3}{4}=\frac{6}{8}$** **3. Thực hành:** **+ Bài 1:** - GV và cả lớp nhận xét, chốt lời giải đúng: $\frac{2}{5}=\frac{2\times3}{5\times3}=\frac{6}{15}$ Ta có: $\frac{2}{5}=\frac{6}{15}$ **+ Bài 2:** **+ Bài 3:** HS tự làm rồi chữa bài. - GV chấm bài cho HS. **4. Củng cố, dặn dò:** - Nhận xét giờ học. - Về nhà làm bài tập ở vở bài tập. Chuẩn bị bài sau	HS: Quan sát 2 băng giấy để nhận biết. HS: chia làm 4 phần. - Tô màu 3 phần hay $\frac{3}{4}$ băng giấy. - Chia làm 8 phần bằng nhau. - Tô màu 6 phần hay $\frac{6}{8}$ băng giấy. - Bằng nhau. HS: Tự viết: ..... Và $\frac{6}{8}=\frac{6:2}{8:2}=\frac{3}{4}$ HS: Đọc lại nhiều lần. - Cho HS tự làm bài rồi đọc kết quả. HS: Tự làm rồi nêu nhận xét của từng phần a, b (như SGK). - 2 em lên bảng làm. - Cả lớp làm vào vở. a. $\frac{50}{75}=\frac{10}{15}=\frac{2}{3}$ b. $\frac{3}{5}=\frac{6}{10}=\frac{18}{30}=\frac{9}{15}$ a. $\frac{50}{75}=\frac{10}{15}=\frac{2}{3}$ b. $\frac{3}{5}=\frac{6}{10}=\frac{18}{30}=\frac{9}{15}$

Tập làm văn

Luyện tập giới thiệu địa phương

I. Mục tiêu:

- Nắm được cách giới thiệu về địa phương qua bài văn miòu tả (BT1).
- Bước đầu biết quan sát và trõnh bày được một vài nét đổi mới ở nơi HS đang sống (BT2).

II. Đồ dùng: Tranh minh họa, bảng phụ.

III. Các hoạt động dạy- học:

Hoạt động của giáo viên	***Hoạt động của học sinh***
A. Kiểm tra bài cũ: ***B. Dạy bài mới:*** ***1. Giới thiệu:*** ***2. Hướng dẫn HS làm bài tập*** ***+ Bài 1:*** **a.** Bài văn giới thiệu những đổi mới của địa phương nào? b. Kể lại những nét đổi mới nói trên. - GV treo bảng phụ ghi sẵn dàn ý. + Bài 2: Xác định yêu cầu của đề. - GV phân tích đề, giúp HS nắm vững yêu cầu, tìm được nội dung cho bài giới thiệu. - Cả lớp bình chọn người giới thiệu hay nhất ***3. Củng cố, dặn dò:*** - GV nhận xét tiết học. **- Về nhà viết lại vào vở bài giới thiệu của em.**	- 1 em đọc, cả lớp theo dõi SGK. - Đọc thầm bài mẫu và làm bài cá nhân vào vở. - Đã biết trồng lúa nước 2 vụ/ năm. - Nghề nuôi cá phát triển. - Đời sống của nhân dân được cải thiện: 10 hộ thì 9 hộ có xe máy có điện dùng. HS: 1 em nhìn bảng đọc lại dàn ý . a. Mở bài: GT chung về địa phương nơi em sống. b. Thân bài: Giới thiệu những đổi mới. c. Kết bài: Nêu kết quả đổi mới. HS: Đọc yêu cầu của đề.HS: Nối nhau nói nội dung các em chọn giới thiệu. VD: Tôi muốn giới thiệu với các bạn về phong trào giữ gìn xóm làng sạch đẹp ở xã Tịnh Bõnh quê tôi. HS: Thực hành giới thiệu. - Giới thiệu trong nhóm. - Giới thiệu trước lớp.

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Địa lí:

Đồng bằng Nam Bộ

I, Mục tiêu: Học sinh có khả năng

- Nêu được một số đặc điểm về địa hỡnh, đất đai sông ngũi của đồng bằng Nam Bộ.

+ Đồng bằng Nam bộ là đồng bằng lớn nhất nước ta do phù sa của sông MêKông và sông Đồng Nai bối đắp.

+ Đồng bằng Nam bộ có hệ thống sông ngũi, kờnh rạch chằng chịt.

+ Ngoài đất phù sa màu mỡ đồng bằng cũn cú đất phèn đất mặn cần phải cải tạo.

- Chỉ được vị trí đồng bằng Nam bộ, sông Tiền, sông Hậu trên bản đồ tự nhiên Việt Nam.

- Quan sỏt hỡnh tìm, chỉ và kể tờn một số sụng lớn ở đồng bằng Nam bộ: sông Tiền, sông Hậu.

*** BVMT: cải tạo đất chua ở Đồng bằng Nam bộ

II, Đồ dùng dạy học:Bản đồ địa lí TNVN. Lược đồ tự nhiên ĐBNB.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	*Hoạt động của trò*
A. Bài cũ: **B. Dạy học bài mới:** ***. Giới thiệu bài** ***. HĐ1: Làm việc cặp đôi** + YC HS quan sát lược đồ địa lí TNVN, thảo luận cặp đôi nội dung sau: - Đồng bằng Nam Bộ do những sông nào bồi đắp nên? - Em có nhận xét gì về diện tích ĐBNB (so sánh với diện tích ĐBBB). - Kể tên 1 số vùng trũng do ngập nước thuộc ĐBNB. - Nêu các loại đất có ở ĐBNB. + Nhận xét, tiểu kết. ***. HĐ2: Làm việc theo nhóm** + YC HS đọc SGK, quan sát hình 2 SGK thảo luận nội dung sau: - Nêu tên 1 số sông lớn, kênh rạch ở ĐBNB. - Hãy nêu nhận xét về mạng lưới sông,	 + HS quan sát lược đồ, bản đồ địa lí TNVN. + 2, 3 cặp đôi trả lời. Lớp nhận xét, bổ sung. - Do hệ thống sông Mê Công và Đồng Nai bồi đắp. - Có diện tích lớn nhất nước ta lớn gấp 3 lần ĐBBB. - Đồng Tháp Mười, Kiên Giang, Cà Mau. - Đất phù sa, ngoài ra còn có đất chua và đất mặn. + Đọc và quan sát hình 2 SGK. + Đại diện 1 số nhóm trình bày ý kiến. Lớp nhận xét, bổ sung.

kênh rạch đó. - Từ đặc điểm về sông ngòi, kênh rạch như vậy em có nhận xét gì về đặc điểm đất đai của ĐBNB? + Rút ra nội dung bài học. **C, Củng cố, dặn dò:** Dặn HS chuẩn bị bài sau.	- Sông Mê Công, sông Đồng Nai, kênh Rạch Sỏi, kênh Phụng Hiệp, kênh Vĩnh Tế. - Mạng lưới sông ngòi, kênh rạch chằng chịt và dày đặc. - Đất ở ĐBNB là đất phù sa vì có nhiều sông lớn bồi đắp, đất ở đây rất màu mỡ, thích hợp cho việc trồng lúa nước. + 2 HS đọc lại nội dung bài học SGK.

An toàn giao thụng

Bài 2: VẠCH KẺ ĐƯỜNG, CỌC TIấU VÀ RÀO CHẮN

I.MỤC TIấU: HS biết:

Vạch kẻ đường, cọc tiờu hoặc tường bảo vệ và hàng rào chắn là những tớn hiệu trong hệ thống bỏo hiệu giao thụng đường bộ.

II.CHUẨN BỊ:

- Hỡnh ảnh các ngó tư ngó ba cú vạch kẻ đường,..

III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

Hoạt động dạy	Hoạt động học
**** Giới thiệu:*** Ghi tựa bài. **** Hoạt động 1*** : ******Vạch kẻ đường*** GV giới thiệu một vài hỡnh ảnh cú vạch kẻ đường cho HS quan sỏt *+Vạch kẻ đường dựng để làm gỡ?* *+ Cú mấy loại vạch kẻ đường?* ******Cọc tiờu và tường bảo vệ*** GV giới thiệu một vài hỡnh ảnh cú Cọc tiờu và tường bảo vệ cho HS quan sỏt *+ Cọc tiờu và tường bảo vệ dựng để làm gỡ?* *+ Em hóy mụ tả cỏi cọc tiờu?* ******Hàng rào chắn*** GV giới thiệu một vài hỡnh ảnh cú hàng rào chắn cho HS quan sỏt *+Cú mấy loại hàng rào chắn? người ta dựng rào chắn để làm gỡ?*	-Lắng nghe và theo dừi. - HS quan sỏt - HS trả lời - HS quan sỏt - HS trả lời - HS quan sỏt - HS trả lời

- Chỳng ta cần làm gỡ để bảo vệ cọc tiờu, hàng rào chắn và tường bảo vệ? -GV yêu cầu HS đọc ghi nhớ **** Hoạt động 4 :*** Củng cố, dặn dũ	- HS trả lời -HS đọc ghi nhớ. -HS thực hiện.

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Hoạt động tập thể

I. Mục tiêu: HS nắm được những ưu điểm, khuyết điểm của mình trong tuần để có hướng sửa chữa.

II. Nội dung:

1. GV nhận xét chung về ưu điểm, nhược điểm của lớp:

- Đi học đều, đúng giờ, khăn quàng guốc dép đầy đủ; ý thức học tập có tiến bộ hơn.
- Một số em có ý thức học tốt hơn như:
- Một số em viết chữ tương đối đẹp:
- Một số em ý thức học tập chưa tốt như:.....
.....1
- Một số em viết chữ rất xấu như: .....
- Một số em vệ sinh cá nhân chưa sạch như: .....

Tuần 21

Thứ hai ngày 9 tháng 1 năm 2012

Tập đọc
ANH HÙNG LAO ĐỘNG TRẦN ĐẠI NGHĨA

I.Mục tiờu:

-Đọc trôi chảy, lưu loát toàn bài. Biết đọc diễn cảm một đoạn phự hợp với nội dung tự hào, ca ngợi.

-Hiểu ý nghĩa bài: Ca ngợi Anh hùng lao động Trần Đại Nghĩa đó cú những cống hiến xuất sắc cho sự nghiệp quốc phũng và xõy dựng nền khoa học trẻ của đất nước. Trả lời được các câu hỏi SGK

******KNS:***

-Tự nhận thức xác định giá trị cá nhân

-Tư duy sỏng tạo.

II. Chuẩn bị : Đoạn văn cần luyện đọc. Tranh minh hoạ bài tập đọc.

III. Các hoạt động dạy học

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*
1.Kiểm tra bài cũ: **2. Bài mới:** **a.Giới thiệu bài:** **b. Hướng dẫn luyện đọc và tìm hiểu bài:** *** Luyện đọc:** -Gọi 1 HS đọc toàn bài. -1HS đọc phần chú giải. -GV cho HS luyện đọc phát âm một số từ ngữ HS thường đọc sai. -Gọi HS nối tiếp nhau đọc từng đoạn của bài (3 lượt HS đọc). GV sửa lỗi phát âm, ngắt giọng cho từng HS. -GV đọc mẫu. *** Tìm hiểu bài:**	 -1 HS đọc bài -1 HS đọc thành tiếng. -HS thực hiện theo yêu cầu. -HS thực hiện đọc. -HS nối tiếp nhau đọc theo trỡnh tự. -HS lắng nghe. -1 HS đọc thành tiếng

-Yêu cầu HS đọc đoạn 1, trao đổi và trả lời câu hỏi. + Em hóy nờu lại tiểu sử của Trần Đại Nghĩa trước khi theo Bác hồ về nước ? =>Ngay từ khi đi học ông đó bộc lộ tài năng xuất sắc. -Yêu cầu HS đọc thầm đoạn 2,3. +Em hiểu "nghe theo tiếng gọi thiờng liờng của Tổ quốc" nghĩa là gỡ ? +Giáo sư Trần Đại Nghĩa đó cú đóng góp gỡ lớn trong khỏng chiến ? +Nêu đóng góp của ông Trần đại Nghĩa cho sự nghiệp xây dựng Tổ quốc. +Nhà nước đánh giá cao những cống hiến của ông như thế nào ? +Nhờ đâu ông Trần Đại nghĩa có được những cống hiến lớn như vậy ? +Nội dung chớnh của bài này là gỡ ?	+Trần đại Nghĩa tên thật là Phạm Quang Lễ; quê ở Vĩnh long; học trung học ở Sài Gũn, năm 1935 sang Pháp học đại học, theo học đồng thời cả ba ngành: kĩ sư cầu cống, điện, hàng không; ngoài ra cũn miệt mài nghiờn cứu kĩ thuật chế tạo vũ khớ. -HS thực hiện. +Đất nước đang bị giặc xâm lăng, nghe theo tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc là nghe theo tõnh cảm yêu nước, trở về xây dựng và bảo vệ đất nước. +Trên cương vị Cục trưởng Cục Quân giới, ông đó cựng anh em nghiờn cứu, chế ra những loại vũ khớ cú sức cụng phỏ lớn: súng ba-dô-ca, súng không giật, bom bay tiêu diệt xe tăng và lô cốc giặc… +ễng cú cụng lớn trong việc xõy dựng trong nền khoa học trẻ tuổi của nước nhà. Nhiều năm liền, giữ cương vị Chủ nhiệm uỷ ban khoa học và Kĩ thuật Nhà nước. +Năm 1948, ông được phong Thiếu tướng. Năm 1952, ông được tuyên dương Anh hùng Lao động. Ông cũn được Nhà nước tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh và nhiều huân chương cao quý. +Trần Đại Nghĩa có những đóng góp to lớn như vậy là nhờ ông có lũng yêu nước, tận tuỵ hết lũng vỡ

-Ghi nội dung chớnh của bài. *** Đọc diễn cảm:** -Yêu cầu HS tiếp nối nhau đọc từng đoạn của bài. HS cả lớp theo dừi. -Tổ chức cho HS thi đọc toàn bài. -Nhận xét và cho điểm học sinh. **3. Củng cố – dặn dũ:** -Nhận xét tiết học. Dặn HS về nhà học bài.	nước, ông lại là nhà khoa học xuất sắc, ham nghiên cứu, học hỏi. +Bài ca ngợi Anh hùng lao động Trần Đại Nghĩa đó cú những cống hiến xuất sắc cho sự nghiệp quốc phũng và xõy dựng nền khoa học trẻ của đất nước. -HS nhắc lại. - HS tiếp nối nhau đọc - HS thi đọc toàn bài. -HS lắng nghe và thực hiện.

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Toỏn

RÚT GỌN PHÂN SỐ

I.Mục tiờu: Giỳp HS:

- Bước đầu biết cách rút gọn phõn số và nhận biết phõn số tối giản (trường hợp các phân số tối giản).
- Làm bài tập1a, 2a

II. Chuẩn bị

III. Các hoạt động dạy học

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*
1.Ổn định: ***2.KTBC:*** ***3.Bài mới:*** ***a).Giới thiệu bài:*** ***b).Thế nào là rút gọn phõn số ?*** -GV nêu vấn đề: Cho phân số $\frac{10}{15}$. Hóy tìm phõn số bằng phõn số $\frac{10}{15}$ nhưng có tử số và mẫu số bé hơn.	-HS lắng nghe. -HS thảo luận và tìm cách giải quyết vấn đề.

-GV yêu cầu HS nờu cách tìm và phõn số bằng $\frac{10}{15}$ vừa tìm được. * Hóy so sỏnh tử số và mẫu số của hai phõn số trên với nhau. -Kết luận: Có thể rút gọn phân số để có được một phân số có tử số và mẫu số bé đi mà phân số mới vẫn bằng phân số đó cho. ***c).Cách rú gọn phõn số, phõn số tối giản*** * Vớ dụ 1 -GV viết lờn bảng phõn số $\frac{6}{8}$ và yêu cầu HS tìm phõn số bằng phõn số $\frac{6}{8}$ nhưng có tử số và mẫu số nhỏ hơn. * Khi tìm phõn số bằng phõn số $\frac{6}{8}$ nhưng có tử số và mẫu số đều nhỏ hơn chính là em đó rút gọn phõn số $\frac{6}{8}$. Rút gọn phõn số $\frac{6}{8}$ ta được phân số nào ? * Hóy nờu cách em làm để rút gọn từ phân số $\frac{6}{8}$ được phân số $\frac{3}{4}$? * Phõn số $\frac{3}{4}$ cũn cú thể rút gọn được nữa không? Vỡ sao ? +Kiểm tra phân số vừa rút gọn được, nếu là phân số tối giản thì dừng lại, nếu chưa là phân số tối giản thì rút gọn tiếp. ***d).Luyện tập – Thực hành*** Bài 1a -GV yêu cầu HS tự làm bài. Nhắc các em rút gọn đến khi được phân số tối giản	-Ta cú $\frac{10}{15} = \frac{2}{3}$. -Tử số và mẫu số cựa phõn số $\frac{2}{3}$ nhỏ hơn tử số và mẫu số của phân số $\frac{10}{15}$. -HS nhắc lại. -HS thực hiện: $\frac{6}{8} = \frac{6:2}{8:2} = \frac{3}{4}$ -Ta được phân số $\frac{3}{4}$. -Ta thấy cả 6 và 8 đều chia hết cho 2 nên ta thực hiện chia cả tử số và mẫu số của phân số $\frac{6}{8}$ cho 2. -Khụng thể rút gọn phõn số $\frac{3}{4}$ được nữa vỡ 3 và 4 khụng cựng chia hết cho một số tự nhiên nào lớn hơn 1. -HS nhắc lại. -HS nêu trước lớp.

thì mới dừng lại. Khi rút gọn cú thể cú một số bước trung gian, không nhất thiết phải giống nhau. Bài 2a -GV yêu cầu HS kiểm tra các phân số trong bài, sau đó trả lời câu hỏi. Bài 3 HSKG -GV hướng dẫn HS như cách đó hướng dẫn ở bài tập 3, tiết 100 Phân số bằng nhau. ***4.Củng cố:*** GV tổng kết giờ học. -Dặn dũ HS ghi nhớ cách thực hiện rút gọn phõn số, làm các bài tập hướng dẫn luyện tập thêm và chuẩn bị bài sau.	+Bước 1: Tìm một số tự nhiên lớn hơn 1 sao cho cả tử số và mẫu số của phân số đều chia hết cho số đó. +Bước 2: Chia cả tử số và mẫu số của phân số cho số đó. -HS đọc, 2 HS lờn bảng làm bài. HS cả lớp làm bài vào VBT. a). Phõn số $\frac{1}{3}$ là phõn số tối giẻn vỡ 1 và 3 khụng cựng chia hết cho số nào lớn hơn 1. HS trả lời tương tự với phân số $\frac{4}{7}$, $\frac{72}{73}$. b) Rút gọn: $\frac{8}{12}=\frac{8:4}{12:4}=\frac{2}{3}$; $\frac{30}{36}=\frac{30:6}{36:6}=\frac{5}{6}$ -HS làm bài: $\frac{54}{72}=\frac{27}{36}=\frac{9}{12}=\frac{3}{4}$ -HS cả lớp.

ĐỊA LÍ

Người dân ở đồng bằng Nam Bộ

I. Mục tiêu:

- Nhớ được tên một số dân tộc sống ở đồng bằng Nam Bộ như Kinh, Khơme, Chăm, Hoa,...
- Trỡnh bày một số đặc điểm tiêu biểu về nhà ở, trang phục của người dân ở đồng bằng Nam bộ:

+ Người dân ở Tây Nam Bộ làm nhà dọc theo các sụng ngũi, kờnh rạch; nhà cửa đơn sơ.

+ Trang phục phổ biến của người dân ở đồng bằng Nam bộ trước đây là đồ bà ba, khăn rằn.

*** BVMT: Giảm tỉ lệ sinh, bảo vệ nguồn nước.

II. Đồ dùng dạy học:

- Bản đồ phân bố dân cư Việt Nam.

- Tranh ảnh về nhà ở, làng quê, trang phục, lễ hội.

III. Các hoạt động dạy học

Hoạt động của giáo viên	*Hoạt động của học sinh*
A. Kiểm tra: **B. Dạy bài mới:** **1. Giới thiệu:** **2. Nhà ở của người dân:** * HĐ1: Làm việc cả lớp. + Người dân sống ở đồng bằng Nam Bộ thuộc những dân tộc nào? + Người dân thường làm nhà ở đâu? Vì sao? + Phương tiện đi lại phổ biến của người dân nơi đây là gì? * HĐ2: Làm việc theo nhóm. **3. Trang phục và lễ hội:** * HĐ3: Làm việc theo nhóm: + Trang phục thường ngày của người dân đồng bằng Nam Bộ trước đây có gì đặc biệt? + Lễ hội của người dân nhằm mục đích gì? + Trong lễ hội thường có những hoạt động nào? + Kể tên 1 số lễ hội ở đồng bằng Nam Bộ nổi tiếng? - GVcùng cả lớp nhận xét. => Kết luận (SGK): Ghi bảng. **4. Củng cố- dặn dò:** - Nhận xét giờ học. - Về nhà học bài.	HS: Dựa vào SGK, bản đồ phân bố dân cư Việt Nam và vốn hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi: - Kinh, Khơ - me, Chăm, Hoa. - dọc theo các sông ngòi, kênh rạch để thuận lợi cho việc đi lại. - Xuồng, ghe. HS: Các nhóm quan sát SGK hình 1 để làm bài tập. Đại diện các nhóm trình bày kết quả. HS: Các nhóm dựa vào SGK, tranh ảnh thảo luận theo gợi ý. - Quần áo bà ba và chiếc khăn rằn. - Cầu được mùa và những điều may mắn trong cuộc sống. - Đua ghe. - Lễ hội Bà Chúa Xứ ở Châu Đốc (An Giang); Hội xuân núi Bà (Tây Ninh); Lễ cúng trăng của đồng bào Khơ - me; Lễ tế thần cá Ông (cá voi) của các làng chài ven biển . => Đại diện các nhóm trả lời câu hỏi của nhóm mình.

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Đạo đức

LỊCH SỰ VỚI MỌI NGƯỜI (Tiết 1)

I.Mục tiờu: Học xong bài này, HS có khả năng:
- Biết ý nghĩa của việc cư xử lịch sự với mọi người.
- Nờu được vớ dụ về cư xử lịch sự với mọi người.
- Biết cư xử lịch sự với những người xung quanh.

****** KNS:***
- Kĩ năng thể hiện sự tự trọng và tụn trọng người khỏc.
- Kĩ năng ứng xử lịch sự với mọi người.

II. CHUẨN BỊ :
- SGK Đạo đức 4
-Nội dung một số câu ca dao, tục ngữ về phộp lịch sự .
- Nội dung các tỡnh huống, trũ chơi, cuộc thi .

III/ CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY –HỌC CHỦ YẾU :

Hoạt động dạy	***Hoạt động học***
1/ Ổn định: 2/ Kiểm tra bài cũ: 3/ Bài mới * Hoạt động 1 : Bày tỏ ý kiến - Yêu cầu các nhóm lên đóng vai, thể hiện tỡnh huống của nhúm. + Các tỡnh huống mà các nhúm vừa đóng đều có các đoạn hội thoại. Theo em, lời hội thoại của các nhân vật trong các tỡnh huống đó đó hợp lí chưa ? Vỡ sao? -Kết luận: Những lời nói, cử chỉ đúng mực là một sự thể hiện lịc sự với mọi người . * Hoạt động 2: Phân tích truyện “chuyện ở tiệm may” - GV đọc (kể) lần 1 câu chuyện “Chuyện ở tiệm may” - Chia lớp thành 4 nhúm. Yêu cầu thảo	- Lần lượt từng nhóm lên đóng vai . -HS dưới lớp ghi nhớ nội dung tỡnh huống của các nhúm để nêu nhận xét . +Nhúm 1: Đóng vai một cảnh đang mua hàng, có cả người bán và người mua. +Nhúm 2: Đóng vai một cảnh cô giáo đang giảng bài cho HS. +Nhúm 3: Đóng vai hai bạn HS đang trên đường về nhà, vừa đi vừa trao đổi về nội dung bài học ngày hôm nay. + Nhúm 4: Đóng vai cảnh bố mẹ chở con đi học buổi sáng. - HS nhận xét, bổ sung . - Tiến hành thảo luận nhúm -Đại diện các nhóm trỡnh bày kết quả. (Nhúm trỡnh bày sau khụng trỡnh bày trựng lặp ý kiến với nhúm trước. chỉ bổ sung thêm).

luận nhúm, trả lời các câu hỏi sau: 1/ Em cú nhận xét gỡ về cách cư xử của bạn Trang và bạn Hà trong câu chuyện trên ? 2/ Nếu là bạn của Hà, em sẽ khuyên bạn điều gỡ? 3/ Nếu em là cô thợ may, em sẽ cảm thấy như thế nào khi bạn Hà không xin lỗi sau khi đó núi như vậy ? Vỡ sao ? -Kết luận: Cần phải lịch sự với người lớn tuổi trong mọi hoàn cảnh . * Hoạt động 3: Xử lí tỡnh huống - Chia lớp thành 4 nhúm : - Yêu cầu các nhóm thảo luận, đóng vai xử lí các tỡnh huống sau đây : +Giờ ra chơi, mải vui với bạn, Minh sơ ý đẩy ngó một em HS lớp dưới . +Đang trên đường về, Lan trông thấy một bà cụ đang xách làn đựng bao nhiêu thứ, tỏ vẻ nặng nhọc. +Nam lỡ đánh đổ nước, làm ướt hết vở học của Việt. +Tốp bạn HS đang trêu chọc và bắt chước hành động của một ông lóo ăn xin . *Kết luận : -Lịch sự với mọi người là có những lời nói cử chỉ hành động thể hiện sự tôn trọng với bất cứ người nào mà mỡnh gặp gỡ hay tiếp xỳc. - Rút ghi nhớ. 4/ Củng cố: Gọi học sinh nờu ghi nhớ. 5/ Dặn dũ: GV nhận xét tiết học.	-Câu trả lời đúng: 1. Em đồng ý và tán thành cách cư sử của cả hai bạn. Mặc dù lúc đầu bạn Hà cư xử như thế chưa đúng, nhưng bạn đó nhận ra và sửa lỗi của mỡnh. 2. Em sẽ khuyờn bạn là : "Lần sau Hà nờn bỡnh tĩnh để có cách cư xử đúng mực hơn với cô thợ may" 3. Em sẽ cảm thấy bực mỡnh, khụng vui vỡ Hà là người bé tuổi hơn mà có thái độ không lịch sự với người lớn tuổi hơn . - Các nhúm khỏc nhận xét, bổ sung . - Tiến hành thảo luận nhúm -Đại diện các nhóm đóng vai xử lí tỡnh huống +Minh nên đỡ em bé đó dậy, hỏi xem em có sao không và nói lời xin lỗi với em HS đó. +Lan sẽ chạy lại, đề nghị giúp bà cụ đó một tay. +Nam xin lỗi Việt, sau đó gắng khắc phục, lau khô ở cho Việt. +Sẽ yêu cầu nhúm bạn HS này dừng lại trũ chơi đó ngay lập tức, ở đây có thể nhờ sự can thiệp của người lớn. -HS các nhúm nhận xét, bổ sung . - 1 HS nhắc lại .

Thứ ba ngày 10 tháng 1 năm 2012

Thể dục

Giỏo viờn chuyờn dạy

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Toỏn

LUYỆN TẬP

I.Mục tiờu: Giỳp HS:

- Rút gọn được phõn số.

-Nhận biết được tớnh chất cơ bản của phõn số. Bài tập cần làm 1; 2; 4a, b

II. Chuẩn bị

III. Các hoạt động dạy học

Hoạt động dạy	***Hoạt động học***
1.Ổn định: ***2.KTBC:*** ***3.Bài mới:*** ***a).Giới thiệu bài:*** ***b).Hướng dẫn luyện tập*** ***Bài 1*** -GV yêu cầu HS tự làm bài. -Nhắc HS rút gọn đến khi được phân số tối giản mới dừng lại. -GV nhận xét và cho điểm HS. Bài 2 * Để biết phân số nào bằng phân số $\frac{2}{3}$ chúng ta làm như thế nào ? -Yêu cầu HS làm bài. Bài 3 -GV yêu cầu HS tự làm bài.	-2 HS lờn bảng làm bài, mỗi HS rút gọn 2 phõn số, HS cả lớp làm bài vào VBT. -Chúng ta rút gọn các phân số, phân số nào được rút gọn thành $\frac{2}{3}$ thì phõn số đó bằng phân số $\frac{2}{3}$. -HS rút gọn các phân số và báo cáo kết quả trước lớp. -HS tự làm bài. Có thể rút gọn các phân số để

Bài 4 -GV viết bài mẫu lên bảng, sau đó vừa thực hiện vừa giải thích cách làm: *+Vỡ tớch ở trên gạch ngang và tớch ở dưới gạch ngang đều chia hết cho 3 nên ta chia nhẩm cả hai tích cho 3.* *+Sau khi chia nhẩm cả hai tích cho 3, ta thấy cả hai tích cũng cùng chia hết cho 5 nên ta tiếp tục chia nhẩm chúng cho 5. Vậy cuối cùng ta được* $\frac{2}{7}$. -GV yêu cầu HS làm tiếp phần b và c. 4.Củng cố: -GV tổng kết giờ học. 5. Dặn dũ: -Dặn HS về nhà làm các bài tập hướng dẫn luyện tập thêm và chuẩn bị bài sau.	tìm phõn số bằng phõn số $\frac{25}{100}$, cũng cú thể nhõn cả tử số và mẫu số của $\frac{5}{20}$ với 5 để có $\frac{25}{100} = \frac{5}{20}$. -HS thực hiện theo hướng dẫn của GV. b). Cùng chia nhẩm tích ở trên và ở dưới gạch ngang cho 7, 8 để được phân số $\frac{5}{11}$. c). Cùng chia nhẩm tích ở trên và ở dưới gạch ngang cho 19, 5 để được phân số $\frac{2}{3}$.

Luyện từ và câu

CÂU KỂ *AI THẾ NÀO ?*

I.Mục tiờu:

1. Nhận diện được câu kể Ai thế nào ? Xác định được bộ phận CN và VN trong câu kể tìm được.
2. Biết viết đoạn văn có dùng các câu kể Ai thế nào ?

II. Chuẩn bị

-2, 3 tờ giấy khổ to viết đoạn văn ở phần nhận xét.

-1 tờ giấy viết các câu ở BT 1 (phần luyện tập).

III. Các hoạt động dạy học

Hoạt động dạy	***Hoạt động học***
1. KTBC:	
2. Bài mới:	
a). Giới thiệu bài:	
b). Phần nhận xét	
****. Bài tập 1+2:***	
-Cho HS đọc yêu cầu của BT.	-1 HS đọc, cả lớp đọc thầm theo.
-Cho HS làm việc và trỡnh bày kết quả.	-HS làm việc cỏ nhõn.
-GV nhận xét, chốt lại lời giải đúng:	-Một số HS phỏt biểu ý kiến.
+Câu 1: Bên đường cây cối xanh um.	-Lớp nhận xét.
+Câu 2: Nhà cửa thưa thớt dần.	
+Câu 3: Chỳng thật hiền lành.	
+Câu 4: Anh trẻ và thật khỏe mạnh.	
**** Bài tập 3:***	
-Cho HS đọc yêu cầu của BT.	
-Cho HS làm bài. GV đưa những câu văn đó viết sẵn trên giấy khổ to trên bảng lớp cho HS nhỡn lờn bảng đọc và trả lời miệng.	-1 HS đọc, lớp theo dừi trong SGK. -HS đọc những câu văn trên bảng và trả lời miệng.
-GV nhận xét và chốt lại lời giải đúng:	-Lớp nhận xét.
+Câu 1: Bên đường cây cối thế nào ?	
+Câu 2: Nhà cửa thế nào ?	
+Câu 3: Chúng (đàn voi) thế nào ?	
+Câu 4: Anh (người quản tượng) thế nào ?	-1 HS đọc, lớp lắng nghe. -HS đọc lại các câu trên bảng.
**** Bài tập 4:***	
-Cho HS đọc yêu cầu của BT.	-HS lần lượt phát biểu.
-Cho HS làm việc: GV đưa lên bảng lớp những câu văn đó chuẩn bị trước trên giấy.	-Lớp nhận xét.
-Cho HS trỡnh bày.	
=> Những từ ngữ chỉ các sự vật được miêu tả trong mỗi câu là:	
+Câu 1: Bên đường, cây cối xanh um.	

+Câu 2: Nhà cửa thưa thớt dần. *+Câu 3: Chỳng thật hiền lành.* *+Câu 4: Anh trẻ và thật khỏe mạnh.* **** Bài tập 5:*** -Cho HS đọc yêu cầu của BT. -GV giao việc. Cho HS làm bài. -Cho HS trỡnh bày. -GV nhận xét và chốt lại lời giải đúng: *+Câu 1: Bên đường, cái gỡ xanh um ?* *+Câu 2: Cỏi gỡ thưa thớt dần ?* *+Câu 3: Những co gỡ thật hiền lành ?* *+Câu 4: Ai trẻ và thật khỏe mạnh ?* ***c). Ghi nhớ:*** -Cho HS đọc lại phần ghi nhớ. -Cho HS phỗn tớch lại câu kể Ai thế nào ? ***d). Phần luyện tập*** **** Bài tập 1:*** -Cho HS đọc yêu cầu của BT. -GV giao việc. Cho HS làm bài. -Cho HS trỡnh bày bài: GV dỏn tờ giấy đó chuẩn bị trước các câu văn. +Chủ ngữ của các câu trên là : *Rồi những người con* *Căn nhà* *Anh Khoa* *Anh Đức* *Cũn anh Tịnh* **** Bài tập 2:*** -Cho HS đọc yêu cầu BT 2. -GV giao việc. Cho HS làm bài. -Cho HS trình bày kết quả. -GV nhận xét và khen thưởng những HS làm bài hay. ***3. Củng cố, dặn dũ:*** GV nhận xét tiết	-HS đọc yêu cầu BT. -HS làm bài (đặt câu hỏi cho các từ ngữ vừa tìm được ở BT 4). -Một số HS đặt câu. -Lớp nhận xét. -3 HS đọc phần ghi nhớ. -1 HS phỗn tớch. -1 HS đọc, cả lớp đọc thầm. -HS làm bài theo cặp. -HS lần lượt phát biểu ý kiến. 1 HS lờn bảng làm bài. Lớp nhận xét, +Vị ngữ của các câu trên là : *cũng lớn lờn và lần lượt lên đường.* *trồng vắng.* *hồn nhiờn, xởi lởi.* *lầm lỡ, ớt núi.* *thì đĩnh đạc, chu đáo.* -HS đọc to, lớp lắng nghe. -HS làm bài cá nhân, ghi nhanh ra giấy nháp. -HS nối tiếp nhau kể về các bạn trong tổ. -Lớp nhận xét.

học. -Yêu cầu HS về nhà viết lại vào vở bài em vừa kể về các bạn trong tổ, cú dựng các câu kể Ai thế nào ?	

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Khoa học

ÂM THANH

I.Mục tiừu: Giỳp HS:

-Nhận biết âm thanh do vật rung động phỏt ra.

-Nêu được VD hoặc tự làm thí nghiệm đơn giản chứng minh được mối liên hệ giữa rung động và phát ra âm thanh.

II. Chuẩn bị

-Mỗi nhúm chuẩn bị 1 vật dụng cú thể phỏt ra õm thanh.

+Trống nhỏ, một ớt giấy vụn hoặc 1 nắm gạo.

+Một số vật khác để tạo ra âm thanh: kéo, lược, compa, hộp bút, …

+Ống bơ, thước, vài hũn sỏi.

-Chuẩn bị chung:

+Đài, băng cat-xét ghi âm thanh của : Sấm, sét, động cơ, …

+Đàn ghi-ta.

III. Các hoạt động dạy học

Hoạt động dạy	***Hoạt động học***
1/.KTBC: ***2/.Bài mới:*** **** Giới thiệu bài:*** ****Hoạt động 1:*** Tìm hiểu các âm thanh xung quanh -GV yêu cầu: Hãy nêu các âm thanh mà em nghe được và phân loại chúng theo các nhóm sau: *+Âm thanh do con người gây ra.* *+Âm thanh không phải do con người gây ra.* *+Âm thanh thường nghe được vào buổi sáng.* *+Âm thanh thường nghe được vào ban*	-Tai dùng để nghe. -Lắng nghe. -HS tự do phỏt biểu. -HS hoạt động nhóm 4. -Mỗi HS nờu ra một cách và các thành

ngày. *+Âm thanh thường nghe được vào ban đêm.* ***Hoạt động 2:** Các cách làm vật phát ra âm thanh. -Tổ chức cho HS hoạt động trong nhóm 4 HS. -Hãy tìm cách để các vật dụng mà em chuẩn bị như ống bơ, thước kẻ, sỏi, kéo, lược, … phát ra âm thanh. -GV đi giúp đỡ từng nhóm HS. -Gọi HS các nhúm trỡnh bày cách của nhúm mỡnh.	viên thực hiện. -HS các nhóm trình bày cách làm để tạo ra âm thanh từ những vật dụng mà HS chuẩn bị. *+Cho hòn sỏi vào trong ống bơ và dúng tay lắc mạnh.* *+Dùng thước gừ vào thành ống bơ.* *+Dựng 2 hũn sỏi cọ vào nhau.* *+Dựng kộo cắt 1 mẫu giấy.* *+Dùng lược chải tóc.* *+Dúng bút để mạnh lên bàn.* *+Cho bỳt vào hộp rồi cầm hộp lắc mạnh…* -HS trả lời: Vật có thể phát ra âm thanh khi con người tác động vào chúng....
-GV nhận xét các cách mà HS trỡnh bày và hỏi: Theo em, tại sao vật lại cú thể phỏt ra õm thanh? ***Hoạt động 3:**Khi nào vật phỏt ra õm thanh. *Thớ nghiệm 1: -GV nờu thớ nghiệm: Rắc một ớt hạt gạo lờn mặt trống và gừ trống. -GV yêu cầu HS quan sát hiện tượng xảy ra khi làm thí nghiệm và suy nghĩ, trao đổi trả lời câu hỏi *Thớ nghiệm 2: -GV phổ biến cách làm thí nghiệm: dúng tay bật dây đàn, quan sát hiện tượng xảy ra, sau đó đặt tay lên dây đàn và cũng	-HS nghe GV phổ biến cách làm thớ nghiệm. -Quan sát, trao đổi và trả lời câu hỏi. -Một số HS thực hiện bật dây đàn, sau đó lại đặt tay lên dây đàn như hướng dẫn. -HS cả lớp quan sát và nêu hiện tượng -Cả lớp làm theo yêu cầu. *+Khi núi, em thấy dõy thanh quản ở cổ rung lờn.*

quan sát hiện tượng xảy ra. -Yêu cầu HS đặt tay vào yết hầu mỡnh và cả lớp cỳng núi đồng thanh: Khoa học thật lí thú. +*Khi núi, tay em cú cảm giỏc gỡ ?* +*Khi phỏt ra õm thanh thì mặt trống, dõy đàn, thanh quản có điểm chung gỡ ?* 3/.Củng cố: chơi trũ chơi: Đoán tên âm thanh. 4/.Dặn dũ: -Nhận xét tiết học. -Về học bài và chuẩn bị bài tiết sau	-*Khi phỏt ra õm thanh thì mặt trống, dõy đàn, thanh quản đều rung động.* -HS tham gia trũ chơi. -HS nghe.

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Tập làm văn

TRẢ BÀI VĂN MIÊU TẢ ĐỒ VẬT

I.Mục tiờu:

1. Biết rút kinh nghiệm về bài TLV tả đồ vật.
2. Biết tham gia sửa lỗi chung: biết tự sửa lỗi đó mắc trong bài viết theo yêu cầu của thầy cụ.
3. Thấy được cái hay của những bài thầy cô khen.

II. Các hoạt động dạy học

Hoạt động dạy	***Hoạt động học***
1. Bài mới: a). Giới thiệu bài: b). Nhận xét chung: -GV viết lờn bảng đề bài đó kiểm tra. -GV nhận xét. +Ưu điểm. +Hạn chế. -Những HS viết bài chưa đạt yêu cầu, GV cho về nhà viết lại. -GV trả bài cho từng HS. c). Chữa bài: + Hướng dẫn HS sửa lỗi.	-1 HS đọc lại, lớp lắng nghe. -HS tự sửa lỗi, đổi tập sửa lỗi cho bạn.

+ Hướng dẫn chữa lỗi chung. -GV đọc một số đoạn, bài văn hay. 2. Củng cố, dặn dũ: -Yêu cầu những HS viết chưa đạt về nhà viết lại bài. -Dặn HS về nhà đọc trước bài TLV tới, quan sát một cây ăn quả quen thuộc.	-Một số HS lờn chữa lỗi trên bảng, cả lớp chữa trên giấy nhỏp. -HS chép bài chữa đúng vào vở. -HS trao đổi thảo luận dưới sự hướng dẫn của GV. -HS rút kinh nghiệm cho mỡnh khi làm bài.

Thứ tư ngày 11 tháng 1 năm 2012

Mỹ thuật

VẼ TRANG TRÍ : TRANG TRÍ HèNH TRềN

I.Mục tiờu:

-HS hiểu, biết cách trang trớ hỡnh trũn và ỏp dụng vào cuộc sống.

-HS biết trang trớ được hỡnh trũn đơn giản.

-HS cảm nhận được vẽ đẹp của bài trang trí hỡnh trũn.

***** MT:** Yêu quý cảnh đẹp và có ý thức giữ gỡn cảnh quan, phờ phán những hành động phá hoại thiên nhiên.

II. Chuẩn bị -SGK, Một số đồ vật có dạng trang trí hỡnh trũn, Một bài trang trớ hỡnh trũn,....

III. Các hoạt động dạy học

Hoạt động dạy	Hoạt động học
*** Giới thiệu:** Ghi tựa bài. *** Hoạt động 1** : Quan sỏt - nhận xét . GV giới thiệu một vài bài trang trớ hỡnh trũn cho HS quan sỏt. +Em nêu các hoạ tiết trong bài được sắp xếp như thế nào ? +Hoạ tiết chính và phụ nằm ở vị trí như thế nào? *** Hoạt động 2 :** Cách tạo dỏng.. +Kẻ các trục. +Tìm và vẽ các mảng trang trớ, các hoạ tiết đó chọn.	-Lắng nghe và theo dừi. +Các hoạ tiết được sắp xếp đối xứng qua các đường chéo và đường trục. +Hoạ tiết chính to hơn và ở giữa, hoạ tiết phụ nhỏ hơn và nằm ở 4 phía, những hoạ tiết giống nhau thì vẽ bằng nhau và cựng màu cùng độ đậm nhạt. -HS lắng nghe và quan sỏt. -HS nờu.

-GV yêu cầu HS nhắc lại. *** Hoạt động 3** : Thực hành -GV yêu cầu HS nờu lại cách thực hiện. -Cho HS tự hoạt động để thực hiện. -GV quan sát giúp đỡ những em yếu. *** Hoạt động 4 :** Nhận xét, đánh giá. -GV cho HS trỡnh bày sản phẩm. -GV nhận xét đánh giá bài của HS.	 -HS nờu. -HS thực hiện. -Lắng nghe về nhà thực hiện.

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Tập đọc

Bẩ XUễI SễNG LA

I.Mục tiờu:

1.Đọc trôi chảy lưu loát bài thơ. Biết đọc diễn cảm bài thơ với giọng nhẹ nhàng, trữu mến.

2. Hiểu nội dung ý nghĩa của bài thơ: Ca ngợi vẻ đẹp của dũng sụng La; núi lờn tài năng, sức mạnh của con người Việt Nam trong công cuộc xây dựng quê hương đất nước, bất chấp bom đạn của kẻ thù.

3. Học thuộc một đoạn thơ, và trả lời được câu hỏi SGK.

***** *BVMT:*** GD HS cảm nhận vẻ đẹp thiờn nhiờn từ đú cú ý thức bảo vệ mụi trường thiờn nhiờn.

II. Chuẩn bị Tranh minh hoạ bài đọc trong SGK.

III. Các hoạt động dạy học

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*
1. KTBC: **2. Bài mới:** **a). Giới thiệu bài:** **b). Luyện đọc:** - Yêu cầu 1 HS đọc cả bài. - HS đọc nối tiếp 3 khổ thơ. -Cho HS luyện đọc từ ngữ dễ đọc sai: trong veo, mươn mướt, long lanh … - Cho HS đọc chú giải và giải nghĩa từ. -Cho HS luyện đọc. -GV đọc diễn cảm toàn bài.	 -HS đọc nối tiếp 3 lượt. -HS luyện đọc từ ngữ. -Cho HS quan sát tranh và nghe GV hướng dẫn. -Từng cặp HS luyện đọc.

c). Tìm hiểu bài: -Cho HS đọc khổ 1 + 2. * Sông La đẹp như thế nào ? * Chiếc bè gỗ được ví với cái gỡ ? Cách núi ấy cú gỡ hay ? -Cho HS đọc khổ 3. * Vỡ sao đi trên bè, tác giả lại nghỉ đến mùi vôi xây, mùi lán cưa và những mái ngói hồng ? * Hỡnh ảnh "Trong đạn bom đổ nát Bừng lờn nụ ngúi hồng" Nói lên điều gỡ ? * Bài thơ có ý nghĩa gỡ ? **d). Đọc diễn cảm và học thuộc lũng:** -Cho HS đọc nối tiếp. -GV hướng dẫn cả lớp luyện đọc khổ 2. -Cho HS thi đọc diễn cảm và HTL bài thơ. -Cho HS thi đọc thuộc lũng. -GV nhận xét và khen thưởng những HS đọc hay, đọc thuộc. **3. Củng cố, dặn dũ:** GV nhận xét tiết học. -Yêu cầu HS về nhà tiếp tục HTL bài thơ.	-2 HS đọc cả bài. -1 HS đọc thành tiếng → HS đọc thầm. * Nước sông La trong veo như ánh mắt. Hai bên bờ, hàng tre xanh mướt như đôi hàng mi. những gợn sóng được nắng chiều chiếu xuống long lanh như vẩy cá. Tiếng chim hót trên bờ đê. * Chiếc bè gỗ được ví với đàn trau đằm mỡnh thong thả trụi theo dũng sụng : Bố đi … êm ả. -Cách so sánh làm cho cảnh bè gỗ trôi trên sông hiện lên rất cụ thể, sống động. -1 HS đọc khổ 3. * Vỡ tỏc giả mơ tưởng đến ngày mai: Những chiếc bè gỗ được chở về xuôi góp phần vào công cuộc xây dựng quê hương. * Nói lên tài trí, sức mạnh của nhân dân ta trong công cuộc xây dựng đất nước, bất chấp bom đạn của kẻ thù. ** Bài thơ ca ngợi vẻ đẹp của dũng sụng La và núi lờn tài năng, sức mạnh của con người Việt Nam trong công cuộc xây dựng quê hương đất nước, bất chấp bom đạn của kẻ thù.* -3 HS đọc tiếp nối 3 khổ thơ. -Cả lớp luyện đọc khổ thơ 2. -HS thi đọc diễn cảm khổ thơ 2. -Cả lớp nhẩm HTL. -3 HS lên thi đọc học thuộc lũng. -Lớp nhận xét.

Toỏn

QUY ĐỒNG MẪU SỐ CÁC PHÂN SỐ

I.Mục tiờu: Giỳp HS:

-Bước đầu biết cách quy đồng mẫu số hai phân số trong trường hợp đơn giản.

-Bài tập cần làm 1(a,b); 2 (a,b)

II. Chuẩn bị

III. Các hoạt động dạy học

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*
1.Ổn định: ***2.KTBC:*** ***3.Bài mới:*** ***a).Giới thiệu bài:*** ***b).Hướng dẫn cách quy đồng mẫu số hai phân số*** * Vớ dụ: Cho hai phõn số $\frac{1}{3}$ và $\frac{2}{5}$. Hóy tìm hai phõn số cú cựng mẫu số, trong đó một phân số bằng $\frac{1}{3}$ và một phõn số bằng $\frac{2}{5}$. * Nhận xét *Hai phõn số $\frac{5}{15}$ và $\frac{6}{15}$ có điểm gỡ chung ? * Hai phõn số này bằng hai phõn số nào ? * Thế nào là quy đồng mẫu số hai phân số ? * Cách quy đồng mẫu số các phân số * Em cú nhận xét gỡ về mẫu số chung	-HS trao đổi với nhau để tìm cách giải quyết vấn đề $\frac{1}{3} = \frac{1x5}{3x5} = \frac{5}{15}$ $\frac{2}{5} = \frac{2x3}{5x3} = \frac{6}{15}$ -Cựng cú mẫu số là 15. -Ta cú $\frac{1}{3} = \frac{5}{15}$; $\frac{2}{5} = \frac{6}{15}$ -Là làm cho mẫu số của các phân số đó bằng nhau mà mỗi phân số mới vẫn bằng phân số cũ tương ứng. -Mẫu số chung 15 chia hết cho mẫu số của hai phõn số $\frac{1}{3}$ và $\frac{2}{5}$. -Nhõn cả tử số và mẫu số của phõn số

của hai số $\frac{5}{15}$ và $\frac{6}{15}$ vàmẫu số của các phõn số $\frac{1}{3}$ và $\frac{2}{5}$? *Từ cách quy đồng mẫu số hai phân số $\frac{1}{3}$ và $\frac{2}{5}$, em hóy nờu cách chung quy đồng mẫu số hai phân số ? ***c).Luyện tập – Thực hành*** ***Bài 1 a,b*** -GV yêu cầu HS tự làm bài. +Khi quy đồng mẫu số hai phân số $\frac{5}{6}$ và $\frac{1}{4}$ ta nhận được hai phân số nào ? +Hai phân số số mới nhận được có mẫu số chung bằng bao nhiêu ? ***Bài 2 a,b*** -GV tiến hành tương tự như bài tập 1. **4.Củng cố:** -GV yêu cầu HS nêu lại cách thực hiện quy đồng mẫu số các phân số. **5. Dặn dũ:** -GV tổng kết giờ học, dặn dũ HS về nhà làm các bài tập hướng dẫn luyện tập thêm và chuẩn bị bài sau.	$\frac{2}{5}$ với 3. -HS nêu như trong phần bài học SGK. -3 HS lờn bảng làm, cả lớp làm bài vào VBT. +Khi quy đồng mẫu số hai phõn số $\frac{5}{6}$ và $\frac{1}{4}$ ta được hai phân số $\frac{20}{24}$ va $\frac{6}{24}$. -Mẫu số chung của hai phõn số mới là 24. -HS phỏt biểu ý kiến. -HS cả lớp.

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

<u>Kể chuyện</u>

KỂ CHUYỆN ĐƯỢC CHỨNG KIẾN HOẶC THAM GIA

I.Mục tiờu:

- Dựa vào gợi ý trong SGK, chọn được câu chuyện (được chứng kiến hoặc tham gia) nói về một người có khả năng hoặc sức khoẻ đặc biệt.
- Biết sắp xếp các sự việc thành một câu chuyện để kể lại rừ ý và trao đổi với bạn về ý nghĩa câu chuyện.

***** KNS:** -Giao tiếp
-Thể hiện sự tự tin
-Ra quyết định
-Tư duy sáng tạo

II. Chuẩn bị -Bảng lớp viết sẵn đề bài.
-Bảng phụ viết tiêu chuẩn đánh giá bài kể chuyện.
-Một tờ giấy khổ rộng viết dàn ý 2 cách kể.

III. Các hoạt động dạy học

Hoạt động dạy	***Hoạt động học***
1. KTBC:	
2. Bài mới:	
a). Giới thiệu bài:	
b). Tìm hiểu bài:	
-Cho HS đọc đề bài.	-1 HS đọc đề bài, 3 HS đọc tiếp nối 3 gợi ý.
-GV gạch dưới những từ ngữ quan trọng trong đề bài.	
-Cho HS núi về nhõn vật mỡnh chọn kể.	-HS lần lượt nói về nhân vật đó chọn.
-GV lưu ý HS: Khi kể các em nhớ kể có đầu, có cuối và phải xưng tôi hoặc em. Em phải là nhân vật tring tâm chuyện ấy.	
c). HS kể chuyện:	-Từng cặp HS kể cho nhau nghe câu chuyện của mỡnh.
- Cho HS kể theo cặp.	
-GV đến từng nhóm, nghe HD kể, hướng dẫn, góp ý.	-Một vài HS nối tiếp nhau đọc tiêu chuẩn đánh giá bài kể chuyện.
- Cho HS thi kể.	-HS thi kể chuyện và trả lời câu hỏi của GV hoặc của bạn hỏi.
-GV dán lên bảng tiêu chuẩn đánh giá bài kể chuyện.	-Lớp nhận xét.
-GV nhận xét và bỡnh chọn HS kể hay nhất.	
3. Củng cố, dặn dũ:	
-GV nhận xét tiết học.	
-Yêu cầu HS về nhà kể lại câu chuyện cho người thân nghe.	

-Dặn HS về nhà xem trước tranh minh hoạ truyện trong SGK bài Con vịt xấu xí.	

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Âm nhạc

Học hỏt bài: BÀN TAY MẸ

I. Mục tiờu

- Hát đúng giai điệu và lời ca.
- Cho học sinh tập cách hát có luyến xuống, mỗi tiếng là 2 móc đơn (một phách).
- Qua bài hát nhắn như các em càng thêm biết ơn và kính yêu mẹ.

II. Chuẩn bị

- Giáo viên: Chép sẵn nhạc và lời của bài hát lên bảng, thanh phách.
- Học sinh: Nhạc cụ, sách giáo khoa.

III. Các hoạt động dạy học chủ yếu:

1. ổn định tổ chức *2. Kiểm tra bài cũ* *3. Bài mới* *a. Giới thiệu bài:* *b. Nội dung:*	
- Giáo viên hát cho cả lớp nghe lần 1. - Giáo viên giới thiệu sơ lược về tác giả, tác phẩm.	- Học sinh lắng nghe - Học hát từng câu theo hướng dẫn của giáo viên
**** Hoạt động 1:*** Dạy học sinh hát từng câu theo lối móc xích. “Bàn tay mẹ bế chúng con, bàn tay mẹ chăm chúng con. Cơm con ăn tay mẹ nấu, nước con uống tay mẹ đun. Trời nóng bức gió từ tay mẹ con ngủ ngon. Trời giá rét cũng vòng tay mẹ ủ ấm con. Bàn tay mẹ vì chúng con, từ tay mẹ con lớn khôn”.	
- Cho học sinh hát kết hợp cả bài (2 - 4 lần).	- Học sinh hát cả bài - Hát kết hợp với gõ đệm theo phách,

* ***Hoạt động 2:***	theo nhịp.
- Cho học sinh hát kết hợp với gõ nhịp theo phách, theo nhịp.	
- Cho học sinh hát kết hợp với một số động tác phụ họa (giáo viên hướng dẫn mẫu).	- Thi biểu diễn trước lớp.
- Gọi 1 vài cá nhân, hoặc nhóm lên bảng biểu diễn trước lớp.	- Lời ru của mẹ, chỉ có một trên đời …
**** Hoạt động 3:***	
? Em hãy kể tên một số bài hát viết về mẹ mà em biết	- Học sinh hát
? Em có thể hát bài hát mà ca ngợi về mẹ cho cả lớp nghe được không	
- Giáo viên nhận xét, tuyên dương học sinh.	- Học sinh lắng nghe.
- Giáo viên đọc bài thơ "Gió từ tay mẹ" trong sách giáo khoa cho cả lớp nghe.	
4. Củng cố dặn dò	
- Bắt nhịp cho cả lớp hát lại bài hát 1 lần.	
- Giáo viên nhận xét tinh thần giờ học.	
- Dặn dò: Về nhà ôn lại bài và chuẩn bị bài tiếp sau.	

Thứ năm ngày 12 thỏng 1 năm 2012

Lịch sử

NHÀ HẬU Lấ VÀ VIỆC TỔ CHỨC QUẢN LÍ ĐẤT NƯỚC

I.Mục tiừu:

- Biết nhà Hậu Lê đó tổ chức quản lớ đất nước tương đối chặt chẽ: soạn Bộ luật Hồng Đức (nắm được những nội dung cơ bản), vẽ lại bản đồ đõt nước.

II/ ẹoà duứng daùy- hoùc:

-Sơ đồ về nhà nước thời Hậu lê (để gắn lên bảng).

-Một số điểm của bộ luật Hồng Đức.

III. Các hoạt động dạy học

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*
1.Ổn định: **2.KTBC :** **3.Bài mới :** **a.Giới thiệu bài:** **b.Phỏt triển bài :** ***Hoạt động cả lớp:**	
-GV giới thiệu một số nét khái quát về nhà Lê: Tháng 4-1428, Lê Lợi chính thức lên ngôi vua, đặt lại tên nước là Đại Việt. Nhà Lê trải qua một số đời vua. Nước đại Việt ở thời Hậu Lê phát triển rực rỡ nhất ở đời vua Lê Thánh Tông(1460-1497)	-HS lắng nghe và suy nghĩ về tỡnh hỡnh tổ chức xó hội của nhà Hậu Lờ cú những nột gỡ đáng chú ý.
***Hoạt động nhóm :** -GV tổ chức cho các nhúm thảo luận theo câu hỏi sau: +Nhà Hậu Lê ra đời trong thời gian nào? Ai là người thành lập? Đặt tên nước là gỡ? Đóng đô ở đâu?	-HS các nhóm thảo luận theo câu hỏi GV đưa ra. +Nhà Hậu Lê ra đời năm 1428, lấy tên nước là Đại Việt, đóng đô ở Thăng Long.
+Vỡ sao triều đại này gọi là triều Hậu Lê ?	+Gọi là Hậu Lê để phân biệt với triều Lê do Lê Hoàn lập ra.
+Việc quản lí đất nước dưới thời Hậu Lê như thế nào ?	+Việc quản lý đất nước ngày càng được củng cốvà đạt tới đỉnh cao vào đời vua Lê Thánh Tông.
-Việc quản lý đất nước thời Hậu lê như thế nào chúng ta tìm hiểu qua sơ đồ. (GV treo sơ đồ lên bảng) -GV nhận xét, kết luận.	-HS quan sát và đại diện HS trả lời và đi đến thống nhất: tập quyền rất cao. Vua là con trời (Thiên tử) có quyền tối cao, trực tiếp chỉ huy quân đội.
*** Hoạt động cá nhân:** -GV thông báo một số điểm về nội dung của Bộ luật Hồng Đức (như trong SGK). HS trả lời các câu hỏi và đi đến thống nhất nhận định:	-HS trả lời cỏ nhõn. -HS cả lớp nhận xét. -vua, nhà giàu, làng xó, phụ nữ.

+Luật Hồng Đức bảo vệ quyền lợi của ai? +Luật hồng Đức có điểm nào tiến bộ ? +Em cú biết vỡ sao bản đồ đầu tiên của nước ta có tên là Hồng Đức? -GV cho HS nhận định và trả lời. **4.Củng cố :** -Cho Hs đọc bài trong SGK. -Những sự kiện nào trong bài thể hiện quyền tối cao của nhà vua ? -Nêu những nội dung cơ bản của Bộ luật Hồng Đức . **5.Tổng kết - Dặn dũ:** -Về nhà học bài và chuẩn bị trước bài: Trường học thời Hậu Lê . -Nhận xét tiết học .	-3 HS đọc . -HS trả lời . -HS cả lớp.

Toởn

QUY ĐỒNG MẪU SỐ CÁC PHÂN SỐ (tt)

I.Mục tiờu: : Giỳp HS:

-Biết quy đồng mẫu số của hai phõn số.

- Bài tập cần làm: 1; 2 a, b,c

II/ ẹoà duứng daùy- hoùc:

III. Các hoạt động dạy học

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*
1.Ổn định: **2.KTBC:** **3.Bài mới:** **a).Giới thiệu bài:** **b).Quy đồng mẫu số hai phân số $\frac{7}{6}$ và $\frac{5}{12}$** -Hóy tìm MSC để quy đồng hai phân số trên.	-HS nờu MSC 6 x 12 = 72, hoặc MSC 12.

* Em cú nhận xét gỡ về mẫu số của hai phõn số $\frac{7}{6}$ và $\frac{5}{12}$?	-Ta thấy 6 x 2 = 12 và 12 : 6 = 2.
-Yêu cầu HS thực hiện quy đồng mẫu số hai phân số $\frac{7}{6}$ và $\frac{5}{12}$ với MSC là 12.	-HS thực hiện: $\frac{7}{6} = \frac{7x2}{6x2} = \frac{14}{12}$. Giữ nguyờn phõn số $\frac{5}{12}$.
-Khi thực hiện quy đồng mẫu số hai phân số $\frac{7}{6}$ và $\frac{5}{12}$ ta được các phân số nào ?	-Khi thực hiện quy đồng mẫu số hai phân số $\frac{7}{6}$ và $\frac{5}{12}$ ta được các phõn số $\frac{14}{12}$ và $\frac{5}{12}$.
-Yêu cầu HS nêu cách quy đồng mẫu số hai phân số khi có mẫu số của một trong hai phân số là MSC .	-Khi quy đồng mẫu số hai phân số, trong đó mẫu số của một trong hai phân số là MSC ta làm như sau:
-GV nờu thờm một số chỳ ý:	- Xác định MSC.
+Trước khi thực hiện quy đồng mẫu số các phân số, nên rút gọn phân số thành phân số tối giản (nếu có thể).	- Tìm thương của MSC và mẫu số của phân số kia.
+Khi quy đồng mẫu số các phân số nên chọn MSC bé nhất có thể.	- Lấy thương tìm được nhân với mẫu số của phân số kia. Giữ nguyên phân số cú mẫu số là MSC.
c).Luyện tập – Thực hành	-Một vài HS nhắc lại.
Bài 1, 2 -GV yêu cầu HS tự làm bài. -GV chữa bài, sau đó yêu cầu HS đổi chéo vở để kiểm tra bài của nhau.	-4 HS lên bảng làm bài, mỗi HS thực hiện quy đồng 2 cặp phân số, HS cả lớp làm bài vào VBT.
Bài 3: HSKG -GV yêu cầu HS đọc đề bài.	-Viết các phân số lần lượt bằng $\frac{5}{6}$; $\frac{9}{8}$ và cú MSC là 24.
-Em hiểu yêu cầu của bài như thế nào ?	- Viết một phõn số mới bằng phõn số $\frac{5}{6}$ và một phõn số khỏc bằng phõn số $\frac{9}{8}$. Hai phõn số mới cú MSC là 24.
-Yêu cầu HS tự làm bài. Với HS không	-HS làm bài:

tự làm bài được GV đặt câu hỏi để HS nhận ra từng bước làm -GV yêu cầu HS báo cáo kết quả, sau đó yêu cầu nêu rừ cách làm. - Các em cần nhớ khi thực hiện quy đồng mẫu số các phân số chúng ta nên chọn MSC là số bé nhất có thể. **4.Củng cố**: GV tổng kết giờ học. **5.Dặn dũ:** -Dặn dũ HS về nhà làm các bài tập hướng dẫn luyện tập thờm và chuẩn bị bài sau.	Nhẩm 24 : 6 = 4 Viết $\frac{5}{6} = \frac{5x4}{6x4} = \frac{20}{24}$ Nhẩm 24 : 8 = 3 Viết $\frac{9}{8} = \frac{9x3}{8x3} = \frac{27}{24}$ -HS nêu các bước làm như GV hướng dẫn riêng cho các HS gặp khó khăn đó giới thiệu ở trên.

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Luyện từ và câu

VỊ NGỮ TRONG CÂU KỂ : AI THẾ NÀO ?

I. Mục tiờu

1. Nắm được kiến thức cơ bản để phục vụ cho việc nhận biết VN trong câu kể Ai thế nào ?

2. Nhận biết và bước đầu tạo được câu kể Ai thế nào ? theo yêu cầu cho trước qua thực hành luyện tập.

II. Chuẩn bị: 2 tờ giấy khổ to viết 6 câu kể Ai thế nào ? trong đoạn văn ở phần nhận xét; 1 tờ phiếu ghi lời giải câu hỏi 3.

III. Các hoạt động dạy học chủ yếu

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*
1. KTBC: **2. Bài mới:** **a). Giới thiệu bài:** **b). Phần nhận xét** * Bài tập 1 + 2: -Cho HS đọc yêu cầu BT và đọc đoạn văn -Cho HS làm việc và HS trỡnh bày. -GV nhận xét và chốt lại lời giải đúng: Trong đoạn văn có các câu kể Ai thế nào	-1 HS ủoùc to, lụựp laộng nghe. -HS ủoùc thaàm ủoaùn vaờn vaứ ủaựnh thửự tửù caõu. -HS ủoùc ủoaùn vaờn vaứ tìm caõu. -Moọt soỏ HS phaựt bieồu yự kieỏn. Lụựp nhaọn xeựt.

? là câu 1, 2, 4, 6, 7.

* Bài tập 3:

-Cho HS đọc yêu cầu BT 3.

-Cho HS làm bài. GV dán lên bảng các câu văn đó chuẩn bị trước.

-GV nhận xét và chốt lại lời giải đúng.

-1 HS ủoùc, lụựp laộng nghe.

-HS leõn baỷng, gaùch dửụựi CN 2 gaùch, gaùch dửụựi VN 1 gaùch. Lụựp duứng vieỏt chỡ gaùch trong SGK.

Cõu	TP phụ	Chủ ngữ	Vị ngữ
1	Về đêm	cảnh vật	thật im lỡm.
2		sụng	thôi vỗ sóng dồn dập vô bờ như hồi chiều.
4		ụng Ba	trầm ngõm.

* Bài tập 4:

-Cho HS đọc yêu cầu của BT 4.

-Cho HS làm bài, HS trỡnh bày.

-GV nhận xét và chốt lại lời giải đúng.

-HS laứm baứi caự nhaõn.

-HS laàn lửụùt phaựt bieồu.

-Lụựp nhaọn xeựt.

Cõu	VN trong cõu biểu thị	Từ ngữ tạo thành VN
1	trạng thỏi của sự việc (cảnh vật)	cụm tớnh từ
2	trạng thỏi của sự việc (sụng)	cụm động từ (ĐT: thôi)
4	trạng thái của người (ông Ba)	động từ

c). Ghi nhớ:

-Cho HS đọc ghi nhớ.

-2 – 3 HS ủoùc ghi nhụự.

* Bài tập 1:

-Cách tiến hành: như ở BT 4 (phần nhận xét).

-Lời giải đúng:

a). Tất cả các câu trong đoạn văn đều là câu kể Ai thế nào ?

b). Vị ngữ của các câu trên và những từ ngữ tạo thành là:

Chủ ngữ	Vị ngữ	Từ ngữ tạo thành vị ngữ
Cánh đại bàng	rất khỏe	Cụm TT
Mỏ đại bàng	dài và cứng	Hai TT
Đôi chân của nú	giống như cái móc hàng của cần cẩu	Cụm TT

* Baứi taọp 2: -Cho HS ủoùc yeõu caàu cuỷa BT 2. -Cho HS laứm baứi, HS trỡnh baứy. -GV nhaọn xeựt vaứ khen nhửừng HS ủaởt caõu ủuựng, hay. 3. Cuỷng coỏ, daởn doứ: GV nhaọn xeựt tieỏt hoùc. -Daởn HS veà nhaứ hoùc thuoọc ghi nhụự, vieỏt laùi vaứo vụỷ 5 caõu keồ Ai theỏ naứo ?	-1 HS ủoùc to, lụựp ủoùc thaàm. -HS laứm baứi caự nhaõn. -HS noỏi tieỏp nhau ủoùc 3 caõu vaờn mỡnh ủaừ ủaởt. -Lụựp nhaọn xeựt.

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Khoa học

SỰ LAN TRUYỀN ÂM THANH

I.Mục tiờu: Sau bài học HS cú thể:

-Nêu được những VD về âm thanh có thể lan truyền qua chất rắn, chất lỏng.

****** BVMT:*** Cần giữ gỡn trật tự nơi cụng cộng khụng làm ảnh hưởng đến người khỏc.

II/ ẹoà duứng daùy- hoùc: HS chuẩn bị theo nhúm:

-2 lon sữa bũ, giấy vụn, 2 miếng ni lông, dây chun, dây đồng hoặc dây gai, túi ni lông, đồng hồ để bàn, chậu nước, trống nhỏ.

-Các mẫu giấy ghi thụng tin.

III. Các hoạt động dạy học

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*
1/.KTBC: **2/.Bài mới:** ***Giới thiệu bài:** ***Hoạt động 1:**Sự lan truyền õm thanh trong khụng khớ.	-HS trả lời theo suy nghĩ của bản thõn:

-Tại sao khi gừ trống, tai ta nghe được tiếng trống ? -Yêu cầu HS đọc thí nghiệm trang 84. -Gọi HS phát biểu dự đoán của mỡnh. -Tổ chức cho HS làm thớ nghiệm trong nhúm. +Khi gừ trống, em thấy cú hiện tượng gỡ xày ra? +Vỡ sao tấm ni lụng rung lờn ? +Giữa mặt ống bơ và trống có chất gỡ tồn tại ? Vỡ sao em biết ? +Trong thớ nghiệm này, khống khớ cú vai trũ gỡ trong việc làm cho tấm ni lụng rung động ? +Khi mặt trống rung, lớp không khí xung quanh như thế nào ? -Kết luận -Gọi HS đọc mục Bạn cần biết trang 84. -Nhờ đâu mà người ta có thể nghe được âm thanh ? -Trong thí nghiệm trên âm thanh lan	+Vỡ tai ta nghe thấy sự rung động của vật. +Vỡ õm thanh lan truyền trong khụng khớ và vọng đến tai ta. HS phát biểu dự đoán của mỡnh. +Khi đặt dưới ống một cái ống bơ, miệng ống bơ bọc ni lông trên đó rắc ít giấy vụn và gừ trống ta thấy các mẫu giấy vụn nảy lờn, tai ta nghe thấy tiếng trống. +Khi gừ trống ta cũn thấy tấm ni lụng rung. -HS làm thí nghiệm cho nhóm quan sát. Các thành viên quan sát hiện tượng, trao đổi và trả lời câu hỏi. +Khi gừ trống em thấy tấm ni lụng rung lờn làm các mẫu giấy vụn chuyển động, nảy lên, mặt trống rung và nghe thấy tiếng trống. +Tấm ni lông rung lên là do âm thanh từ mặt trống rung động truyền tới. +Giữa mặt ống bơ và trống cú khụng khớ tồn tại. Vỡ khụng khớ cú ở khắp mọi nơi, ở trong mọi chỗ rỗng của vật. +Trong thí nghiệm này không khí là chất truyền âm thanh từ trống sang tấm ni lông, làm cho tấm ni lông rung động. +Khi mặt trống rung, lớp khụng khớ cũng rung động theo. -HS lắng nghe. -2 HS đọc thành tiếng, cả lớp đọc thầm theo. -Ta có thể nghe được âm thanh là do sự rung động của vật lan truyền trong

truyền qua môi trường gỡ ? -GV nêu: Có 1 chậu nước, dùng một ca nước đổ vào giữa chậu. -Theo em, hiện tượng gỡ sẽ xảy ra trong thớ nghiệm trên ? -GV yêu cầu HS làm thớ nghiệm. -GV nêu: Sóng nước từ giữa chậu lan ra khắp chậu đó cũng là sự lan truyền rung động. Sự lan truyền rung động trong không khí cũng tương tự như vậy. ***Hoạt động 2:**Âm thanh lan truyền qua chất lỏng, chất rắn. -GV dùng chiếc ni lông buộc chặt chiếc đồng hồ đang đổ chuông rồi thả vào chậu nước. Yêu cầu 3 HS lên áp tai vào thành chậu, tai kia bịt lại và trả lời xem các em nghe thấy gỡ ? +Hóy giải thớch tại sao khi ỏp tai vào thành chậu, em vẫn nghe thấy tiếng chuông đồng hồ kêu mặc dù đồng hồ đó bị buộc trong tỳi nilon. +Thí nghiệm trên cho thấy âm thanh có thể lan truyền qua môi trường nào ? +Các em hóy lấy những vớ dụ trong thực tế chứng tỏ sự lan truyền của õm thanh qua chất rắn và chất lỏng.	không khí và lan truyền tới tai ta làm cho màn nhĩ rung động. +Âm thanh lan truyền qua môi trường không khí. -HS nghe GV phổ biến cách làm thí nghiệm và chuẩn bị đồ dùng. -HS trả lời theo suy nghĩ. -Làm thớ nghiệm theo nhúm. -HS trả lời: Có sóng nước xuất hiện ở giữa chậu và lan rộng ra khắp chậu. -HS lắng nghe. -Quan sỏt, HS lờn ỏp tai vào thành chậu, lắng nghe và núi Em nghe thấy tiếng chuông đồng hồ kêu. +Khi đó buộc chặt đồng hồ trong túi nilon rồi thả vào chậu nước ta vẫn nghe thấy tiếng chuông khi áp tai vào thành chậu là do tiếng chuông đồng hồ lan truyền qua túi nilon, qua nước, qua thành chậu và lan truyền tới tai ta. +Âm thanh cú thể lan truyền qua chất lỏng, chất rắn. -HS phỏt biểu theo kinh nghiệm của bản thõn: +Cá có thể nghe thấy tiếng chân người bước trên bờ, hay dưới nước để lẩn trốn. +Gừ thước vào hộp bút trên mặt bàn, áp tai xuống mặt bàn, bịt tai kia lại, vẫn nghe thấy tiếng gừ.

-GV nờu kết luận ***Hoạt động 3**:Âm thanh yếu đi hay mạnh lên khi lan truyền ra xa. -Theo em khi lan truyền ra xa âm thanh sẽ yếu đi hay mạnh lên ? ***Thớ nghiệm 1:** -GV nêu: cô sẽ vừa đánh trống vừa đi lại, cả lớp hóy lắng nghe xem tiếng trống sẽ to hay nhỏ đi nhé ! +Khi đi xa thì tiếng trống to hay nhỏ đi ? ***Thớ nghiệm 2:** +Khi đưa ống bơ ra xa em thấy có hiện tượng gỡ xảy ra ? +Qua hai thớ nghiệm trên em thấy õm thanh khi truyền ra xa thì mạnh lờn hay yếu đi và vỡ sao ? +GV yêu cầu: hóy lấy các VD cụ thể để chứng tỏ âm thanh yếu dần đi khi lan truyền ra xa nguồn âm. -GV nhận xét, tuyên dương HS lấy VD đúng, có hiểu biết về sự lan truyền âm thanh khi ra xa nguồn âm thì yếu đi. 3/Củng cố: chơi trũ chơi "Nói chuyện qua điện thoại" 4/.Dặn dũ: Nhận xét tiết học. -Về học bài và chuẩn bị bài tiết sau.	+Áp tai xuống đất, có thể nghe tiếng xe cộ, tiếng chân người đi. +Nộm hũn gạch xuống nước, ta vẫn nghe tiếng rơi xuống của hũn gạch … -Lắng nghe. -HS trả lời theo suy nghĩ. -HS nghe +Khi đi ra xa thì tiếng trống nhỏ đi. -HS nghe GV phổ biến cách làm sau đó thực hiện thí nghiệm theo nhóm. +Khi đưa ống bơ ra xa thì tấm ni lụng rung động nhẹ hơn, các mẫu giấy vụn cũng chuyển động ít hơn. +Khi truyền ra xa thì õm thanh yếu đi vỡ rung động truyền ra xa bị yếu đi. -HS lấy VD theo kinh nghiệm của bản thõn. +Khi ô tô đứng gần ta nghe thấy tiếng cũi to, khi ụ tụ đi xa dần ta nghe tiếng cũi nhỏ dần đi. +Ở trong lớp nghe bạn đọc bài rừ, ra khỏi lớp nghe thấy bạn đọc bé và đi quá xa thì khụng nghe thấy gỡ nữa. +Ngồi gần đài nghe tiếng nhạc to, đi xa dần nghe tiếng nhạc nhỏ đi… -HS nghe GV phổ biến cách chơi. -HS lờn thực hiện trũ chơi.

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Kĩ thuật

ĐIỀU KIỆN NGOẠI CẢNH CỦA CÂY RA HOA

I/ Mục tiêu:

-HS biết được các điều kiện ngoại cảnh và ảnh hưởng của chúng đối với cây rau, hoa.

-Có ý thức chăm sóc cây rau,hoa đúng kỹ thuật.

II/ Đồ dùng dạy- học:

-Tranh ĐDDH (hoặc photo hình trong SGK trên khổ giấy lớn) điều kiện ngoại cảnh đối với cây rau, hoa.

III/ Hoạt động dạy- học:

Hoạt động của giáo viên	*Hoạt động của học sinh*
1.Ổn định: Hát. *2.Kiểm tra bài cũ:* Kiểm tra dụng cụ học tập. *3.Dạy bài mới:* *a)Giới thiệu bài:* Yêu cầu điều kiện ngoại cảnh của cây rau, hoa. *b)Hướng dẫn cách làm:* * **Hoạt động 1**: ***GV hướng dẫn tìm hiểu các điều kiện ngoại cảnh ảnh hưởng đến sự sinh trưởng phát triển của cây rau, hoa.*** -GV treo tranh hướng dẫn HS quan sát H.2 SGK. Hỏi: + Cây rau, hoa cần những điều kiện ngoại cảnh nào để sinh trưởng và phát triển ? * **Hoạt động 2**: ***GV hướng dẫn HS tìm hiểu ảnh hưởng của các điều kiện ngoại cảnh đối với sự sinh trưởng phát triển của cây rau, hoa.*** -GV hướng dẫn HS đọc nội dung SGK	-Chuẩn bị đồ dùng học tập. -HS quan sát tranh SGK. -Nhiệt độ, nước, ánh sáng, chất dinh dưỡng, đất, không khí. -HS lắng nghe.

.Gợi ý cho HS nêu ảnh hưởng của từng điều kiện ngoại cảnhđối với cây rau, hoa. *** Nhiệt độ:** +Nhiệt độ không khí có nguồn gốc từ đâu? +Nhiệt độ của các mùa trong năm có giống nhau không? +Kể tên một số loại rau, hoa trồng ở các mùa khác nhau. *** *Nước*.** + Cây, rau, hoa lấy nước ở đâu? +Nước có tác dụng như thế nào đối với cây? +Cây có hiện tượng gì khi thiếu hoặc thừa nước? -GV nhận xét, kết luận. *** Ánh sáng*:*** + Cây nhận ánh sáng từ đâu? +Ánh sáng có tác dụng gì đối với cây ra hoa? +Những cây trồng trong bóng râm, em thấy có hiện tượng gì? +Muốn có đủ ánh sáng cho cây ta phải làm thế nào? -GV nhận xét và tóm tắt nội dung. *** Chất dinh dưỡng*:*** -Hỏi: Các chất dinh dưỡng nào cần thiết cho cây? +Nguồn cung cấp các chất dinh dưỡng cho cây là gì ? +Rễ cây hút chất dinh dưỡng từ đâu? +Nếu thiếu, hoặc thừa chất dinh dưỡng thì cây sẽ như thế nào ?	-Mặt trời. -Không. -Mùa đông trồng bắp cải, su hào... Mùa hè trồng mướp, rau dền. -Từ đất, nước mưa, không khí. -Hoà tan chất dinh dưỡng... -Thiếu nước cây chậm lớn, khô héo. Thừa nước bị úng, dễ bị sâu bệnh phá hoại... -Mặt trời -Giúp cho cây quang hợp, tạo thức ăn nuôi cây. -Cây yếu ớt, vươn dài, dễ đổ, lá xanh nhợt nhạt. -Trồng, rau, hoa ở nơi nhiều ánh sáng ... -HS lắng nghe. -Đạm, lân, kali, canxi,..... -Là phân bón. -Từ đất. -Thiếu chất dinh dưỡng cây sẽ chậm lớn, còi cọc, dễ bị sâu bệnh phá hoại. Thừa chất khoáng, cây mọc nhiều thân, lá, chậm ra hoa, quả, năng suất thấp.

*** Không khí:** -GV yêu cầu HS quan sát tranh và đặt câu hỏi: + Cây lấy không khí từ đâu ? +Không khí có tác dụng gì đối với cây ? +Làm thế nào để bảo đảm có đủ không khí cho cây? -GV cho HS đọc ghi nhớ. 3.Nhận xét- dặn dò: -Nhận xét tinh thần, thái độ học tập của HS. -Hướng dẫn HS đọc bài mới. -HS chuẩn bị các vật liệu, dụng cụ cho bài "Làm đất và lên luống để gieo trồng rau, hoa".	-Từ bầu khí quyển và không khí có trong đất. -Cây cần không khí để hô hấp, quang hợp. Thiếu không khí cây hô hấp, quang hợp kém, dẫn đến sinh trưởng phát triển chậm, năng suất thấp. Thiếu nhiều cây sẽ bị chết. -Trồng cây nơi thoáng, thường xuyên xới cho đất tơi xốp. -HS đọc ghi nhớ SGK. -HS cả lớp.

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Thứ sáu ngày .... tháng ... năm 20...

<u>Thể dục</u>

(Giáo viên chuyên dạy)

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

<u>Toỏn</u>

LUYỆN TẬP

I.Mục tiờu: Giúp HS:

-Thực hiện được quy đồng mẫu số hai phân số.

-Bài tập cần làm: 1a, 2a, 4.

II/ ẹoà duứng daùy- hoùc:

III. Các hoạt động dạy học

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*
1.Ổn định: ***2.KTBC:***	

3.Bài mới: ***a).Giới thiệu bài:*** ***b).Hướng dẫn luyện tập*** ***Bài 1 a*** -GV yêu cầu HS tự làm bài. -GV yêu cầu HS nhận xét bài làm của bạn trên bảng, sau đó nhận xét và cho điểm HS. ***Bài 2a*** -GV gọi HS đọc yêu cầu phần a. * Khi quy đồng mẫu số $\frac{3}{5}$ và 2 ta được hai phân số nào ? -GV yêu cầu HS tự làm tiếp phần b. -GV chữa bài và cho điểm HS. ***Bài 3HSKG*** - Hóy quy đồng mẫu số ba phân số sau: $\frac{1}{2}$; $\frac{1}{3}$; $\frac{2}{5}$. * Làm thế nào để từ phân số $\frac{1}{2}$ có được phân số có mẫu số là 30 ? -GV yêu cầu HS nhõn cả tử và mẫu số của phõn số $\frac{1}{2}$ với tớch 3 x 5. -GV yêu cầu HS tiếp tục làm với hai phõn số cũn lại. **Bài 4** -GV yêu cầu HS đọc đề bài. * Em hiểu yêu cầu của bài như thế nào	-3 HS leõn baỷng laứm baứi, moói HS thửùc hieọn quy ủoàng 2 caởp phaõn soỏ , HS caỷ lụựp laứm baứi vaứo VBT. -Haừy vieỏt $\frac{3}{5}$ vaứ 2 thaứnh 2 phaõn soỏ ủeàu coự maóu soỏ laứ 5 là $\frac{2}{1} = \frac{2x5}{1x5} = \frac{10}{5}$; Giửừ nguyeõn $\frac{3}{5}$ -Khi quy ủoàng maóu soỏ $\frac{3}{5}$ vaứ 2 ta ủửụùc hai phaõn soỏ $\frac{3}{5}$ vaứ $\frac{10}{5}$. -2 HS leõn baỷng laứm baứi. HS caỷ lụựp laứm baứi vaứo VBT. -HS neõu: MSC laứ 2 x 3 x 5 = 30. -Nhaõn caỷ tửỷ soỏ vaứ maóu soỏ cuỷa phaõn soỏ $\frac{1}{2}$ vụựi tớch 3 x 5 (vụựi 15) là $\frac{1}{2} = \frac{1x3x5}{2x3x5} = \frac{15}{30}$ -2 HS leõn baỷng laứm baứi, HS caỷ lụựp laứm baứi vaứo VBT. -1 HS ủoùc trửụực lụựp. -Quy ủoàng maóu soỏ hai phaõn soỏ

? -GV yêu cầu HS làm bài. -GV chửa baứi vaứ cho ủieồm HS. **Baứi 5: HSKG** -GV vieọt leõn baỷng phaàn a vaứ yeõu caàu HS ủoùc. * Haừy chuyeồn 30 thaứnh tớch cuỷa 15 nhaõn vụựi moọt soỏ khaực. * Thay 30 baống tớch 15 x 2 vaứo phaàn a, ta ủửụùc gỡ ? * Tớch treõn gaùch ngang vaứ dửụựi gaùch ngang vụựi 15 roài tớnh. -GV yeõu caàu HS tửứ laứm caọc phaàn coứn laùi cuỷa baứi -GV chửa baứi vaứ cho ủieồm HS. **4.Cuỷng coỏ**: GV toồng keỏt giụứ hoùc. **5. Daởn doứ:** -Daởn doứ HS veà nhaứ laứm caọc baứi taọp luyeọn taọp theõm veà quy ủoàng maóu soỏ caọc phaõn soỏ vaứ chuaồn bũ baứi sau.	$\frac{7}{12}$; $\frac{23}{30}$ vụựi MSC laứ 60. -1 HS leõn baỷng laứm baứi, HS caỷ lụựp laứm baứi vaứo VBT. $\frac{7}{12}=\frac{7x5}{12x5}=\frac{35}{60}$; $\frac{23}{30}=\frac{23x2}{30x2}=\frac{46}{60}$ -HS ủoùc : $\frac{15x7}{30x11}$ -HS neõu 30 = 15 x 2 -Ta ủửụùc $\frac{15x7}{15x2x11}$ -Tớch treõn gaùch ngang vaứ tớch dửụựi gaùch ngang ủeàu chia heỏt cho 15. -HS thửùc hieọn $\frac{15x7}{30x11}=\frac{15x7}{15x2x11}=\frac{7}{22}$ a). $\frac{4x5x6}{12x15x9}=\frac{2x2x5x6}{2x6x5x3x9}=\frac{7}{22}$ b). $\frac{6x8x11}{33x16}=\frac{3x2x2x4x11}{3x11x4x4}=\frac{4}{4}=1$ Hoaởc $\frac{6x8x11}{33x16}=\frac{3x2x8x11}{33x16}=\frac{33x16}{33x16}=1$

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Chớnh tả (Nhớ – Viết)

CHUYỆN CỔ TÍCH VỀ LOÀI NGƯỜI

PHÂN BIỆT r/d/gi , dấu hỏi / dấu ngó

I.Mục tiờu:

-Nhớ và viết lại đúng chính tả, trỡnh bày đúng 4 khổ thơ trong bài Chuyện cổ tích về loài người.

-Làm đỳng BT 3, kết hợp đọc đoạn văn sau khi hoàn chỉnh.

II/ ẹoà duứng daùy- hoùc:-3,4 tờ giấy khổ to ghi nội dung BT 2a (hoặc 2b) 3a (hoặc 3b).

III. Các hoạt động dạy học

Hoạt động dạy	***Hoạt động học***
1. KTBC:	
2. Bài mới:	
a). Giới thiệu bài:	
b). Nhớ - viết:	
**** Hướng dẫn chính tả.***	
-GV yêu cầu HS viết một đoạn trong bài: Chuyện cổ tích về loài người (Từ Mắt trẻ con sáng lắm … hỡnh trũn là trỏi đất).	-HS đọc thuộc lũng bài CT.
- Cho HS đọc thuộc lũng 4 khổ thơ viết chính tả và viết những từ ngữ dễ viết sai: sáng rừ, rộng …	-1 HS viết những từ ngữ dễ viết sai.
-GV nhắc HS cách trỡnh bày bài.	-HS nhớ – viết bài chớnh tả.
**** Cho HS viết bài.***	-HS đổi tập cho nhau chữa lỗi.
-GV cho HS viết.	
**** Chấm, chữa bài.***	
-GV chấm 5 – 7 bài.	
-Nhận xét chung.	
**** Bài tập 2:***	-1 HS đọc yêu cầu BT, lớp đọc thầm.
b). Đặt dấu hỏi hay dấu ngó sao cho đúng.	-3 HS lờn làm bài trên giấy.
-Lời giải đúng: mỗi - mỏng - rừ - rải - thoảng - tản.	-HS cũn lại làm bài cỏ nhõn.
**** Bài tập 3:***	-Lớp nhận xét.
-Cách tiến hành như ở BT 2a.	-HS chép lời giải đúng vào vở.
-Lời giải đúng: Những tiếng thích hợp trong ngoặc đơn cần chọn là: dáng - dần - điểm - rắn - thẫm - dài - rỗ - mẫn.	

3. Củng cố, dặn dũ: GV nhận xét tiết học. -Yêu cầu HS về nhà xem lại các bài tập để ghi nhớ các từ ngữ đó luyện tập, khụng viết sai chớnh tả.	

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Tập làm văn

CẤU TẠO BÀI VĂN MIÊU TẢ CÂY CỐI

I.Mục tiờu:

- Nắm được cấu tạo 3 phần (mở bài, thân bài, kết bài) của một bài văn tả cây cối.
- Nhận biết được trỡnh tự miờu tả trong bài văn tả cõy cối; biết lập dàn ý tả một cõy ăn quả quen thuộc theo một trong hai cách đó học.

***** BVMT**: Qua bài *Bói ngụ* HS cảm nhận được vẻ đẹp của cõy cối trong MT thiờn nhiờn

II/ ẹoà duứng daùy- hoùc:

-Tranh ảnh một số cây ăn quả.

-Bảng phụ ghi lời giải BT 1, 2 (phần nhận xét).

III. Các hoạt động dạy học

Hoạt động dạy	***Hoạt động học***
1. Bài mới: **a). Giới thiệu bài:** **b). Phần nhận xét** *** Bài tập 1:** -Cho HS đọc yêu cầu nội dung của BT 1. -Cho HS làm bài và trỡnh bày. -GV nhận xét và chốt lại lời giải đúng: (GV đưa bảng phụ đó ghi kết quả lời giải đúng lên). Đoạn 1: 3 dũng đầu. Đoạn 2: 4 dũng tiếp. Đoạn 3: Cũn lại.	-HS lắng nghe. -1 HS đọc to, lớp theo dừi trong SGK. -HS đọc thầm lại bài Bói ngụ, xỏc định các đoạn và nội dung từng đoạn. -HS lần lượt trỡnh bày, Lớp nhận xét. -Giới thiệu bao quỏt về bói ngụ, tả cõy ngụ từ khi cũn lấm tấm như mạ non đến lúc nở thành những cây ngô với lá rộng dài, nừn nà. -Tả hoa và búp ngô non giai đoạn đơm hoa, kết trái. -Tả hoa và lá ngô giai đoạn bắp ngô đó

*** Bài tập 2**: -Cho HS đọc lại yêu cầu BT 2. -Cho HS làm bài. + Bài Cõy mai tứ quý cú mấy đoạn ? Nội dung từng đoạn ? -GV nhận xét và chốt lại lời giải đúng * Cây mai tứ quý có 3 đoạn: +Đoạn 1: 4 dũng đầu: Giới thiệu bao quát về cây mai (chiều cao, dáng, thân, tán gốc, cành, nhỏnh). +Đoạn 2: 4 dũng tiếp: Đi sâu tả cánh hoa, trái cây. +Đoạn 3: 4 dũng cũn lại: Nờu cảm nghĩ của người miêu tả. *** Bài tập 3:** -Cho HS đọc yêu cầu của BT 3. -Cho HS làm bài và trỡnh bày. -GV nhận xét và chốt lại. Bài văn miêu tả cây cối thường có 3 phần (mở bài, thân bài, kết bài). **c). Ghi nhớ:** -Cho HS đọc phần ghi nhớ. -GV cú thể nhắc lại một nội dung ghi nhớ. **d). Phần luyện tập** *** Bài tập 1:** -Cho HS đọc yêu cầu của BT 1 và đọc bài Cây gạo. -Cho HS làm việc và trỡnh bày. -GV nhận xét	mập và chắc, cú thể thu hoạch. -1 HS đọc to, lớp lắng nghe. -HS đọc thầm bài Cây mai tứ quý . -HS phỏt biểu ý kiến. -Lớp nhận xét. * So sỏnh trỡnh tự miờu tả giữa 2 bài: -Bài Cõy mai tứ quý tả từng bộ phận của cõy. -Bài Bói ngụ tả từng thời kỡ phỏt triển của cõy. -1 HS đọc to, lớp lắng nghe. -HS đối chiếu so sánh và rút ra kết luận. -Một số HS phỏt biểu. + Phần mở bài: Tả hoặc giới thiệu bao quỏt về cõy. + Phần thõn bài: Cú thể tả từng bộ phận hoặc tả từng thời kỡ phỏt triển của cõy. + Phần kết bài: có thể nêu ích lợi của cây, ấn tượng đặc biệt hoặc tỡnh cảm của người tả cây cối. -4 HS đọc to. -Cả lớp đọc thầm. -HS suy nghĩ tìm câu trả lời: bài văn tả cây gạo theo từng thời kỡ phỏt triển của bụng gạo, từ lỵc hoa cũn đỏ mọng đến lúc hoa đó rụng hết, hỡnh thành những

*** Bài tập 2:** -Cho HS đọc yêu cầu BT 2. -Cho HS làm bài. -Cho HS trỡnh bày kết quả. -GV nhận xét và khen thưởng những HS làm bài tốt. 3. Củng cố, dặn dũ: GV nhận xét tiết học. -Yêu cầu HS về nhà hoàn chỉnh dàn ý. -Dặn HS về nhà quan sát một cây ăn quả.	quả gạo → những mảnh vỏ tỏch ra, lộ những mỳi bụng … gạo mới. -1 HS đọc, lớp lắng nghe. -3 HS làm bài vào giấy, HS cũn lại làm bài vào giấy nhỏp. -HS lần lượt phát biểu, 3 HS dán lên bảng bài làm. -Lớp nhận xét.

SINH HOẠT CUỐI TUẦN 21

I. Mục tiêu:

- HS nắm được những ưu điểm, khuyết điểm của mình trong tuần để có hướng sửa chữa.

II. Nội dung:

1. GV nhận xét chung về ưu điểm, nhược điểm của lớp:

a. Ưu điểm:

- Đi học đều, đúng giờ, khăn quàng, giày dép đầy đủ.
- ý thức học tập có tiến bộ hơn.
- Một số em có ý thức học tốt hơn như: .....
- Một số em viết chữ tương đối đẹp: .....

b. Nhược điểm:

- Một số em ý thức học tập chưa tốt như: .....
- Một số em viết chữ rất xấu như: .....
- Một số em vệ sinh cá nhân chưa sạch như: .....
- Một số chưa có ý thức giữ gìn sách vở : .....

2. Phương hướng:

- Tiếp tục phát huy những ưu điểm đã có.
- Chấm dứt tình trạng nói chuyện riêng trong giờ.
- Tuyên dương 1 số HS ý thức học tốt.
- Nhắc nhở 1 số HS có nhiều khuyết đi.

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Tuần 22

Thứ hai ngày..... tháng .... năm 20.....

Tập đọc

SẦU RIÊNG

(*Mai Văn Tạo*)

I, Mục đích yêu cầu: Giúp học sinh

- Bước đầu biết đọc một đoạn trong bài có nhấn giọng từ ngữ gợi tả.
- Hiểu nụi dung bài: *Tả cây sầu riêng có nhiều nét đặc sắc về hoa, quả và nét độc đáo về dáng cây.* Trả lời các câu hỏi SGK.

II, Đồ dùng dạy học: - Bảng phụ kẻ sẵn câu, đoạn cần luyện đọc.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	***Hoạt động của trò***
A. Kiểm tra bài cũ **B. Dạy học bài mới** *** Giới thiệu bài:** *** Hướng dẫn luyện đọc** ? Bài tập đọc có thể chia làm mấy đoạn? Cụ thể mỗi đoạn từ đâu đến đâu? + Theo dõi, sửa lỗi phát âm cho học sinh. + Đọc mẫu bài tập đọc. * <u>Tìm hiểu bài</u> +YC HS đọc thầm đoạn 1, trao đổi trả lời câu hỏi. ? Sầu riêng là đặc sản của vùng nào? + Dựa vào bài văn, hãy miêu tả những nét đặc sắc của: a, Hoa sầu riêng:	Đoạn 1: Sầu riêng... kì lạ Đoạn 2: Hoa sầu riêng tháng 5 ta Đoạn 3: Đứng... đam mê. + Học sinh nối tiếp nhau đọc theo đoạn + 1 - 2 HS đọc phần chú giải (SGK). +2HS nêu cách đọc và đọc đúng câu văn dài. + HS luyện đọc nhóm đôi. + Một HS đọc to, cả lớp đọc thầm, trả lời câu hỏi. + Sầu riêng là đặc sản của miền nam. + HS đọc lướt cả bài. + HS thảo luận theo nhóm đôi và nêu: a. Hoa sầu riêng trổ vào cuối năm, thơm ngát như hương cau, hương bưởi,

b, Quả sầu riêng: c, Dáng cây sầu riêng: ? Em có nhận xét gì về cách miêu tả hoa sầu riêng, quả sầu riêng với dáng cây sầu riêng? + Hãy tìm những câu văn thể hiện tình cảm của tác giả đối với cây sầu riêng? + Hãy tìm ý chính cho mỗi đoạn? + Tiểu kết câu trả lời đúng. <u>Nội dung:</u> Ca ngợi vẻ đẹp và giá trị đặc sắc của cây sầu riêng. 3: **Luyện đọc diễn cảm** + Yêu cầu 3 HS tiếp nối nhau đọc 3 đoạn. + Theo em, để làm nổi bật giá trị và vẻ đẹp đặc sắc của cây sầu riêng, chúng ta nên đọc bài với giọng đọc như thế nào? + Nhật xét, tuyên dương. C, **Củng cố - dặn dò:** - Củng cố nội dung bài học.	màu trắng ngà, cánh hoa nhỏ như vảy cá, hao hao giống cánh sen con, lác đác vài nhụy li ti giữa những cánh hoa. b. Quả sầu riêng lủng lẳng giữa cành trông như những tổ kiến, mùi thơm đượm, bay xa, lâu tan trong không khí, còn hàng chục mét mới tới nơi để sầu riêng đã thấy mùi thơm ngào ngạt, thơm mùi thơm của mít chín quyện với hương bưởi, béo cái béo của trứng gà, ngọt vị ngọt của mật ong già hạn. c. Thân khẳng khiu, cao vút, cành ngang thẳng đuột, lá nhỏ xanh vàng, hơi khép lại tưởng là lá héo. + Tác giả miêu tả hoa sầu riêng, quả sầu riêng rất đặc sắc, vị ngọt đến đam mê khác hẳn với tả dáng cây sầu riêng. + Sầu riêng là loại trái quý hiếm của miền nam. + Hương vị quyến rũ đến kỳ lạ. + Đứng ngắm mãi cây sầu riêng tôi cứ nghĩ mãi về dáng cây kỳ lạ này. + Vậy mà khi trái chín, hương tỏa ngọt ngào, vị ngọt đến đam mê. + HS trao đổi và nêu. ý1: Hương vị đặc biệt của quả sầu riêng. ý2: Những nét đặc sắc của hoa sầu riêng. ý3: Dáng vẻ kỳ lạ của cây sầu riêng. + 3 HS đọc. + Đọc giọng tả nhẹ nhàng, chậm rãi,

- Dặn HS chuẩn bị bài sau "Chợ Tết".	nhấn giọng các từ ngữ: Trái quý, hết sức đặc biệt, thơm, đậm... + HS xác định cá từ cần nhấn giọng và luyện đọc nhóm đôi. + 2 HS thi đọc trước lớp.

Toỏn

LUYỆN TẬP CHUNG

I, Mục tiêu: Giúp học sinh

- Rút gọn được phân số
- Quy đồng được mẫu số hai phân số.
- Bài tập 1, 2, 3 a, b, c

II, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	***Hoạt động của trò***
. HĐ1: Kiểm tra bài cũ: ***.HĐ2: Hướng dẫn luyện tập*** *Bài 1: + Rút gọn các phân số. +GVnhận xét, đánh giá, củng cố lại cách rút gọn các phân số cho HS. *Bài 2 : +Gọi HS lên bảng chữa bài. +GV nhận xét ,đánh giá ,củng cố lại cách quy đồng mẫu số các phân số cho HS Bài3:	+ HS nêu yêu cầu của từng bài tập. + 1 HS lên chữa bài, học sinh nêu cách rút gọn 1 phân số. +4 HS lên bảng chữa bài. $\frac{18}{30}=\frac{18:6}{30:6}=\frac{3}{5}$; $\frac{25}{40}=\frac{25:5}{40:5}=\frac{5}{5}$ $\frac{42}{72}=\frac{42:6}{72:6}=\frac{7}{12}$; $\frac{80}{100}=\frac{80:20}{100:20}=\frac{4}{5}$ + 3 HS lên chữa bài + HS nhận xét bổ sung a) $\frac{5}{3}$.và $\frac{4}{7}$; Ta có : $\frac{5}{3}=\frac{5x7}{3x7}=\frac{35}{21}$; $\frac{4}{7}=\frac{4x3}{7x3}=\frac{12}{21}$ b) $\frac{3}{4}$ và $\frac{9}{16}$. Ta có : $\frac{3}{4}=\frac{3x4}{4x4}=\frac{12}{16}$ c).... + HS nêu miệng tại chỗ. + HS nhận xét, bổ sung.

+Gọi 4HS lên bảng chữa bài-lớp đổi vở để kiển tra bài lẫn nhau. +GV nhận xét, đánh giá, củng cố lại cách làm. ***HĐ4 : Củng cố - dặn dò*** - Củng cố lại nội dung bài học. - Làm bài tập ở SGK.	+2HS lên bảng chữa bài -Lớp đổi chéo kiểm tra bài lẫn nhau. +Nhận xét, đối chiếu bài trên bảng, thống nhất cách làm đúng. a) Khoanh vào ý D b) Khoanh vào ý C .

Địa lí:

Hoạt động sản xuất của người dân ở Đồng bằng Nam Bộ

I, Mục tiêu:

- Trình bày được những hoạt động sản xuất của người dân ở Đồng bằng Nam Bộ: Trồng lúa nước; nuôi, đánh bắt thủy sản và chế biến lương thực.
- Trình bày được quy trình xuất khẩu gạo và nêu được một số sản vật nổi tiếng của địa phương.
- Tôn trọng những nét văn hóa đặc trưng của người dân Đồng bằng Nam Bộ.

****** GDMT:*** Vấn đề ô nhiễm không khí, nước, mật độ dân số cao và nhu cầu SXCN, nông nghiệp... ngày càng phát triển thì việc BVMT đặc biệt chú trọng hơn.

II, Đồ dùng dạy học:

- Một số tranh ảnh về hoạt động sản xuất hoa quả, xuất khẩu gạo của người dân ở Đồng bằng Nam Bộ.
- Nội dung các sơ đồ.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	*Hoạt động của trò*
A. Bài cũ: **B. Dạy học bài mới:** *** Giới thiệu bài** ***HĐ1: Tìm hiểu vì sao Đồng bằng Nam Bộ là vựa lúa, vựa trái cây lớn nhất cả nước.**	

+ YC HS dựa vào các đặc điểm tự nhiên của Đồng bằng Nam Bộ, thảo luận nhóm đôi: Nêu những đặc điểm về hoạt động sản xuất nông nghiệp và các sản phẩm của người dân nơi đây?	+ Các nhóm thảo luận và trình bày. + Nhóm khác nhận xét, bổ sung. - Người dân trồng lúa. - Người dân trồng nhiều cây ăn quả như: Dừa, chôm chôm, măng cụt…
+ Lúa gạo, trái cây ở Đồng bằng Nam Bộ được tiêu thụ ở đâu?	+ Tiêu thụ trong cả nước và xuất khẩu.
+ YC HS quan sát từ H1a, b, c, d, e và nêu quy trình chế biến, xuất khẩu gạo? + YC 2 HS lên trình bày.	+ Cả lớp quan sát, thảo luận nhóm đôi. → Nước ta là nước xuất khẩu gạo thứ 2 của thế giới. → Để được bát cơm ngon như vậy, người dân đã rất vất vả qua từng công đoạn. Vì thế chúng ta cần biết ơn những người đã sản xuất ra lúa gạo.
***HĐ2: Tìm hiểu vì sao Đồng bằng Nam Bộ là nơi nuôi và đánh bắt nhiều thủy sản nhất ở nước ta.** + Nêu các đặc điểm về sông ngòi, kênh rạch của Đồng bằng Nam Bộ?	+ Đồng bằng Nam Bộ có sông ngòi kênh rạch chằng chịt và vùng biển rộng lớn.
+ Nhờ có hệ thống sông ngòi, kênh rạch chằng chịt như vậy, nghề đánh bắt và nuôi trồng thủy sản ở Đồng bằng Nam Bộ phát triển như thế nào? → Tiểu kết ý chính: Do mạng lưới sông ngòi chằng chịt.	+ Nghề nuôi trồng và đánh bắt thủy sản ở Đồng bằng Nam Bộ rất phát triển. Đây là vùng có sản lượng thủy sản lớn nhất cả nước. Người dân nuôi cá tiêu thụ trong nước và xuất khẩu: Cá bara, cá tra, tôm…
C, Củng cố - dặn dò: - Dặn HS học bài và chuẩn bị bài sau.	

Đạo đức

Lịch sự với mọi người (Tiết 2)

I, Mục tiêu: Giúp học sinh

- Củng cố hành vi đạo đức "*lịch sự với mọi người*".
- Biết cư xử lịch sự với những người xung quanh.
- Có thái độ tôn trọng nếp sống văn minh, cư xử lịch sự với bạn bè, thầy cô.

****** KNS:***

- Kĩ năng ra quyết định lựa chọn hành vi và lời nói phù hợp trong một số tỡnh huống.

- Kĩ năng kiểm soát cảm xúc khi cần thiết

II, Đồ dùng dạy học: Bảng phụ chép sẵn các tình huống ở bài tập 2; các bông hoa Đ, S.

III,Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	*Hoạt động của trò*
A. Kiểm tra bài cũ **B. Dạy học bài mới:** ***. Giới thiệu bài** ***. HĐ1: Bày tỏ ý kiến (Bài tập 2)** - Gọi 1 - 2HS nêu YC và ND của bài tập 2 - Yêu cầu thảo luận cặp đôi, đưa ra ý kiến nhận xét cho mỗi trường hợp và giải thích các lý do cho từng trường hợp của bài tập 2. + Trung nhường ghế ôtô buýt cho một người phụ nữ mang bầu. + Một ông lão ăn xin vào nhà Nhàn. Nhàn cho ông ít gạo rồi quát "Thôi đi đi". + Lâm hay kéo tóc các bạn nữ trong lớp. + Trong rạp chiếu bóng mấy anh thanh niên vừa xem phim vừa bình phẩm, vừa cười đùa. + Trong giờ ăn cơm, Vân vừa ăn vừa cười đùa nói chuyện. - Qua bài tập 2, hãy nêu những biểu hiện của phép lịch sự. ***. HĐ2: Đóng vai "Tập làm người lịch sự" (Bài tập 4)** - Chia lớp làm 4 nhóm, yêu cầu các	- 1-2HS nêu YC và ND bài tập 2 - Lớp đọc thầm. - HS thảo luận cặp đôi tình huống. - Đại diện các nhóm trình bày ý kiến. - Nhóm khác nhận xét, bổ sung. + Việc làm của Trung là đúng vì chị phụ nữ ấy rất cần một chỗ ngồi trên xe ôtô buýt. Đang mang bầu nên chị không thể đứng lâu được. + Sai. Vì mặc dù ông lão là người ăn xin nhưng ông cũng là người lớn tuổi đáng được tôn trọng, lễ phép. + Sai. Việc làm đó thể hiện sự không tôn trọng các bạn nữ, làm các bạn nữ khó chịu, bực mình. + Việc làm của các anh ấy là sai, là không tôn trọng những người xung quanh và làm ảnh hưởng đến những người xung quanh. + Sai. Không nên nói chuyện khi ăn uống sẽ mất vệ sinh. - Lễ phép chào hỏi người lớn, nhịn em bé…

nhóm thảo luận bài tập 4 – câu a. - Các nhóm chuẩn bị đóng vai, 1 nhóm lên đóng vai, nhóm khác có thể lên đóng vai nếu có cách giải quyết khác. ***HĐ3: Sưu tầm các câu ca dao ,tục ngữ nói về phép lịch sự** - Yêu cầu HS tìm các câu ca dao, tục ngữ nói về lịch sự với mọi người. - Em hiểu nghĩa của các câu ca dao, tục ngữ đó như thế nào? -GV nhận xét ,bổ sung. **C, Củng cố - dặn dò:** - Thực hiện cư xử lịch sự với mọi người. - Dặn HS chuẩn bị bài sau.	+ Lớp nhận xét, đánh giá cách giải quyết. +HS lần lượt nêu các câu ca dao ,tục ngữ mà các em đã sưu tầm được +Lớp theo dõi ,nhận xét ,bổ sung. +HS nêu ý nghĩa của các câu ca dao ,tục ngữ đó . +Lớp nhận xét, bổ sung.

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Thứ ba ngày ..... tháng ..... năm .....

Thể dục

Giáo viên chuyên dạy

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Toán:

So sánh hai phân số cùng mẫu số

I, Mục tiêu: Giúp học sinh

- Biết so sánh hai phân số cùng mẫu số.
- Nhận biết 1 phân số < 1 hoặc > 1.
- Bài tập cần làm: 1, 2a, b, làm được bài tập 1,2

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	*Hoạt động của trò*
****. HĐ1: Kiểm tra bài cũ*** ****.HĐ2: Học sinh so sánh 2 phân số có cùng mẫu số*** ***a. Ví dụ:*** Lấy đoạn thẳng $AC = \frac{2}{5}AC$ và $AD = \frac{3}{5}AB$	+ HS quan sát.

? Độ dài đoạn thẳng AC bằng mấy phần đoạn thẳng AB? ? Độ dài đoạn thẳng AD bằng mấy phần đoạn thẳng AB? + Hãy so sánh độ dài đoạn thẳng AC và AD? ? Vậy hãy so sánh $\frac{2}{5}$ và $\frac{3}{5}$?	+ Bằng $\frac{2}{5}$ đoạn thẳng AB. + Bằng $\frac{3}{5}$ đoạn thẳng AB. + Đoạn thẳng AC bé hơn đoạn thẳng AD. + $\frac{2}{5} < \frac{3}{5}$
b. Nhận xét: + Em có nhận xét gì về tử số và mẫu số của hai phân số $\frac{2}{5}$ và $\frac{3}{5}$? + Vậy muốn so sánh hai phân số cùng mẫu số ta chỉ việc thế nào? + YC HS so sánh các phân số $\frac{3}{4}$ và $\frac{1}{4}$; $\frac{15}{6}$ và $\frac{17}{6}$;....	+ Hai phân số $\frac{2}{5}$ và $\frac{3}{5}$ có mẫu số bằng nhau. Còn phân số $\frac{2}{5}$ có tử số < phân số $\frac{3}{5}$. + Ta chỉ việc so sánh tử số của hai hân số với nhau: Phân số có tử số lớn hơn thì lớn hơn, phân số có tử số bé hơn thì bé hơn + HS nêu.
****.HĐ3: Hướng dẫn luyện tập*** +Gọi HS nêu YC và ND các bài tập VBT +YC HS tự làm bài vào vở . +HD HS chữa bài.	
Bài 1: Củng cố cách so sánh 2 phân số có cùng mẫu số : >; <; = + YC HS nêu cách so sánh	+4 HS nêu yêu cầu. + HS tự làm bài. + Một số HS chữa bài, nêu lại cách so sánh.
Bài 2: Củng cố cách so sánh phân số với 1 : >; <; = + Hãy so sánh hai phân số $\frac{9}{4}$ và $\frac{4}{4}$? → $\frac{9}{4} > \frac{4}{4}$ mà $\frac{4}{4} = 1 \Rightarrow \frac{9}{4} > 1$. + Hãy so sánh tử số và mẫu số của phân số: $\frac{9}{4}$.	+ 2 HS lên bảng làm : $\frac{4}{7} > \frac{3}{7}$; $\frac{9}{11} < \frac{12}{11}$; ; $\frac{48}{63} = \frac{32}{42}$....- 3 em lên bảng làm . Lớp theo dõi n/x. + $\frac{9}{4} > \frac{4}{4}$; $\frac{4}{4} = 1$.

? Những phân số có tử số lớn hơn mẫu số thì như thế nào với 1? + HS tương tự 1 phân số $\frac{13}{15}$ và $\frac{15}{15}$. ***Bài 3: HSKG*** +YC HS tự đổi vở để kiểm tra kết quả lẫm nhau . +Gọi 1HS lên bảng chữa bài +GV nxét, đánh giá, củng cố lại cách so sánh các phân số có cùng mẫu số ***Bài 4 :*** Củng cố cách sắp xếp các phân số có cùng MS theo thứ tự từ bé đến lớn HĐ4 : <u>Củng cố - dặn dò:</u> +Củng cố nội dung bài học. +Dặn HS chuẩn bị bài sau.	+ Tử số lớn hơn mẫu số. + Những phân số có tử số lớn hơn mẫu số thì > 1. + HS theo dõi, HS tự làm bài tập 2. + Một HS lên chữa bài, nhận xét. +1HS lên bảng chữa bài, lớp tự đổi vở để kiểm tra kết quả lẫn nhau. +Thống nhất cách làm đúng -Các phân số bé hơn 1, có mẫu số là 4, tử số lớn hơn 0 là : $\frac{1}{4};\frac{2}{4};\frac{3}{4}$;... - 1 em lên bảng làm . Lớp theo dõi n/x : KQ : $\frac{3}{7};\frac{4}{7};\frac{6}{7}$.

ଌ✻ଌ✻ଌ✻ଌ✻ଌ

<u>Luyện từ và câu:</u>

Chủ ngữ trong câu kể Ai - thế nào?

I, Mục đích yêu cầu : Giúp học sinh

- Hiểu cấu tạo và ý nghĩa của bộ phận chủ ngữ trong câu kể Ai – Thế nào? Nội dung ghi nhớ
- Nhận biết câu kể Ai thế nào? trong đoạn văn ở bài tập 1; viết được đoạn văn khoảng 5 câu, trong đó có câu kể ai thế nào? ở bài tập 2.

II, Đồ dùng dạy học: - Bảng lớp viết sẵn đoạn văn phần nhận xét.
- Bảng phụ viết đoạn văn ở bài tập 1.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	***Hoạt động của trò***
A. <u>Kiểm tra bài cũ:</u> ***B. <u>Bài học bài mới:</u>*** ****. <u>Giới thiệu bài</u>*** ***1: <u>Tìm hiểu ví dụ</u>*** ***<u>Bài 1</u>:*** +Gọi HS nêu YC và ND bài tập 1 +GV kết luận cách làm đúng .	+ 2 HS nêu yêu cầu và đọc đoạn văn. + 1 HS lên làm trên bảng, cả lớp dùng bút chì gạch chân các câu kể Ai - Thế

Bài 2: +Gọi HS nêu YC và ND bài tập 2: Xác định chủ ngữ trong mỗi câu vừa tìm được + Chủ ngữ trong các câu trên biểu thị nội dung gì? Chúng có những từ ngữ nào tạo thành? GV nxét, kết luận, rút ra Ghi nhớ (SGK). + Lấy ví dụ để chứng minh điều đó. ***2 : Hướng dẫn luyện tập*** <u>Bài 1:</u> Tìm chủ ngữ của các câu kể Ai – Thế nào? trong đoạn văn dưới đây. +Gọi HS lên bảng chữa . +YC lớp đổi vở để kiểm tra KQ lẫn nhau. +GV nxét , kết luận cách làm đúng. <u>Bài 2:</u> Viết đoạn văn… + Nhắc nhở HS cách viết đoạn văn. + Theo dõi, giúp đỡ học sinh, yêu cầu học sinh gạch chân các câu kể Ai – Thế nào? có trong đoạn văn. ***C, Củng cố - dặn dò:*** - Củng cố nội dung bài học. - Dặn HS chuẩn bị bài sau.	nào? + HS nhận xét, chữa bài. +1HS đọc YC và ND bài 2-Lớp đọc thầm . +HS tự làm vào vở . +1số HS nêu miệng KQ. +Lớp nxét ,thống nhất cách làm đúng -Chủ ngữ trong các câu trên biểu thị trạng thái của sự vật, người được nờu ở vị ngữ. Do danh tứ taùo thaứnh + 2 - 3 HS đọc. + 3 - 4 HS lấy ví dụ. + 2 HS nêu yêu cầu và đọc đoạn văn. + HS trao đổi, thảo luận. + 1 HS lên chữa bài: Ghi câu đó ra và gạch chân dưới chủ ngữ. + 2 HS nêu yêu cầu. + HS tự làm vào vở. + Một số HS đọc đoạn văn. + HS khác lắng nghe, nhận xét chữa lỗi.

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

<u>Khoa học</u>:

Âm thanh trong cuộc sống

I, Mục tiêu: Giúp học sinh

- Nêu được ví dụ về ích lợi của âm thanh trong cuộc sống: âm thanh dùng để giao tiếp trong sinh hoạt, học tập, lao động, giải trí; dùng để báo hiệu như còi tàu, xe, trống trường...

***** MT:** Cần giữ gìn trật tự nơi công cộng không ảnh hưởng đến người khác. Những âm thanh vui nhộn, tha thiết tạo nên môi trường thân thiện, vui tươi, đoàn kết mọi người trong cuộc sống.

***** KNS:** -Kĩ năng tìm kiếm và xử lý thụng tin về nguyờn nhõn, giải phỏp chống ụ nhiễm tiếng ồn

II, Đồ dùng dạy học: *

- Học sinh (chuẩn bị theo nhóm): 5 vỏ chai hoặc 5 cốc thủy tinh giống nhau.
- Tranh ảnh về các loại âm thanh khác nhau trong cuộc sống.
- Hình minh họa SGK phóng to (nếu có điều kiện).

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu

Hoạt động của thầy	*Hoạt động của trò*
A. Kiểm tra bài cũ: ***B. Dạy học bài mới:*** ****Giới thiệu bài :*** ***HĐ1: Tìm hiểu vai trò của âm thanh trong cuộc sống.*** + YC HS quan sát các hình minh họa của hình 86 và ghi lại vai trò của âm thanh thể hiện trong hình và những vai trò khác mà em biết + Hướng dẫn, giúp đỡ các nhóm. - GV tiểu kết *- Âm thanh giúp cho con người giao lưu văn hóa văn nghệ, trao đổi tâm tư, tình cảm chuyện trò với nhau. Học sinh nghe được cô giáo giảng bài, cô giáo nghe được học sinh nói gì.* *- Âm thanh giúp con người nghe được những tín hiệu đã quy định như: Tiếng trống trường, tiếng còi xe, tiếng kẻng, tiếng còi báo hiệu có đám cháy…* ****. HĐ2: Nói về âm thanh ưa thích và không ưa thích*** + Âm thanh rất cần cho hoạt động của con người nhưng có những âm thanh người	- Các nhóm làmviệc theo mhóm bàn + Các nhóm trình bày. HS của nhóm khác nhận xét, bổ sung. *- Âm thanh giúp con người thư giãn thêm yêu cuộc sống:* *→ Âm thanh rất cần thiết và quan trọng đối với cuộc sống của chúng ta. Nhờ có âm thanh chúng ta có thể học tập, nói chuyện với nhau, thưởng thức âm nhạc…* + Một số HS nêu, và giả thích vì sao + HS nhận xét. + Một số HS trả lời.

này ưa thích nhưng người khác lại không ưa thích. Các em thì sao? Hãy nói cho bạn các em biết em thích những loại âm thanh nào và không thích những loại âm thanh nào? Vì sao? ****. HĐ3: Tìm hiểu ích lợi của việc ghi lại được âm thanh*** + Em thích nghe bài hát nào? Lúc muốn nghe bài hát đó em làm như thế nào? + Bật đài cho HS nghe một số bài hát thiếu nhi mà các em thích. + Việc ghi lại âm thanh có ích lợi gì? + Hiện nay có những cách ghi âm nào? + YC HS đọc mục bạn cần biết (ý thứ 2) ***. HĐ4: Trò chơi:*** "***Làm nhạc cụ***" + YC các nhóm đổ nước vào chai hoặc cốc từ vơi đến gần đầy. Sau đó dùng bút chì gõ vào chai. + YC các tổ lên gõ, nếu tổ nào tạo được nhiều âm thanh cao thấp khác nhau thì chiến thắng. + Nhận xét, tuyên dương học sinh. ***C, Củng cố – dặn dò:*** - Củng cố nội dung bài học. - Dặn HS học bài cũ và chuẩn bị bài sau.	+ HS lắng nghe. + Giúp cho chúng ta có thể nghe lại được bài hát, đoạn nhạc hay từ nhiều năm trước. + Việc ghi lại âm thanh còn giúp cho chúng ta không phải nói đi, nói lại nhiều lần một điều gì đó. + Dùng băng, đĩa trắng ghi âm qua đài, đầu quay. + 2 HS nêu. + Nêu nhận xét về âm thanh phát ra khi gõ chai: Chai nhiều nước thì âm thanh phát ra trầm hơn các chai khác.

ଌ✻ଌ✻ଌ✻ଌ✻ଌ

<u>Tập làm văn:</u>

Luyện tập và quan sát cây cối

I, Mục đích yêu cầu : Giúp học sinh

- Biết quan sát cây cối theo trình tự hợp lí, kết hợp các giác quan khi quan sát cây cối. Bước đầu nhận ra được sự giống nhau giữa miêu tả 1 loài cây với miêu tả một cái cây.
- Quan sát và ghi lại được kết quả quan sát cái cây cụ thể theo trình tự nhất định ở bài tập 2

II, Đồ dùng dạy học: - Giấy khổ to kẻ sẵn bảng nội dung bài tập 1a.

- Bảng phụ viết sẵn lời giải của bài tập 1d, c, e…

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	***Hoạt động của trò***
A. Kiểm tra bài cũ ***B. Dạy học bài mới:*** ***1. Giới thiệu bài:*** ***2 Học sinh làm bài tập*** ***Bài 1:*** Đọc lại 3 bài văn tả cây cối mới học: Sầu riêng, bãi ngô, cây gạo và nhận xét. a. Tác giả mỗi bài văn quan sát theo trình tự nào? b) Các tác giả quan sát cây bằng những giác quan nào? c. Chỉ ra những hình ảnh so sánh và nhân hóa mà em thích. Theo em, các hình ảnh so sánh và nhân hóa này có tác dụng gì? d…. e…. + Bài văn nào tác giả quan sát từng bộ phận của cây để tả? + Bài văn "Bãi ngô" và "Cây gạo" tác giả quan sát theo trình tự nào? + Theo em trong văn miêu tả dùng các hình ảnh so sánh và nhân hóa có tác dụng gì?	+ 2 HS nêu yêu cầu của bài tập. + HS thảo luận nhóm đôi. Tự đọc lại các bài văn và trả lời. + Trình tự quan sát: **Sầu riêng: Tả từng bộ phận của cây* **Bãi ngô: Tả theo từng thời kỳ phát triển của cây* **Cây gạo: Tả theo từng thời kỳ phát triển của cây.* + Tác giả quan sát bằng những giác quan: *Sầu riêng: Mắt, mũi, lưỡi.* *Bãi ngô: Mắt, tai.* *Cây gạo: Mắt, tai.* + Trái sầu riêng thơm.... tổ kiến. Hoa sầu riêng thơm ngát....sen con. Cây ngô lúc còn nhỏ lấm tấm như mạ non. Hoa ngô lúc nhỏ.... cỏ may. + Bài "Sầu riêng" tác giả đã quan sát từng bộ phận của cây để tả. + Quan sát theo từng thời kỳ phát triển của cây. + Các bài văn miêu tả nhờ sử dụng biện pháp so sánh và nhân hóa thêm cụ thể, sinh động và hấp dẫn gần gũi với người đọc.

+ Trong bài văn trên, bài nào miêu tả 1 cái cây, bài nào miêu tả một loài cây? ***Bài 2:*** Quan sát 1 cây mà em thích trong khu vực trường em. + HS quan sát 1 cây cụ thể có thể là cây bóng mát, cây ăn quả, cây hoa nhưng cây đó là cây có thật trồng ở khu vực trường em hoặc nơi em ở. + YC HS trình bày các ý đã quan sát được. + Tiểu kết, tuyên dương những học sinh làm tốt. ***C. Củng cố- dặn dò:*** Củng cố nội dung bài học.	+ Bài "Sầu riêng", "Bãi ngô" tả 1 loài cây. Bài "Cây gạo" tả 1 cái cây cụ thể. + 2 HS nêu yêu cầu, HS tự làm bài. + 4-5 HS trình bày. + Nhận xét: - Cây bạn quan sát có trong thực tế không? - Cây bạn quan sát có gì khác với cây cùng loài? - Tình cảm của bạn đối với cây đó như thế nào?

Thứ tư ngày 1 thỏng 2 năm 2012

Mỹ thuật

Vẽ theo mẫu : Vẽ cái ca và quả .

I Mục tiêu : Giúp HS :

- Biết cấu tao của các vật mẫu .
- Biết bố cục bài vẽ sao cho hợp lý; biết cách vẽ và vẽ được hình gần giống mẫu; biết cách vẽ đậm nhạt bằng bút chì đen hoặc màu vẽ.
- Biết quan tâm yêu quý mọi vật xung quanh

II Chuẩn bị : SGK ; mẫu vẽ; Hình gợi ý cách vẽ , VT Vẽ , chì , tấy ....

III Các HĐ dạy học chủ yếu :

Hoạt động của thầy	***Hoạt động của trò***
HĐ1 : Quan sát nhận xét : -GV GT vật mẫu đặt trên bàn kết hợp cùng với hình gợi ý trong ĐDDH -HD HS quan sát : về hình dáng , vì trí của cái ca và quả + Màu sắc và độ đậm nhạt của mẫu. ***HĐ2 : Cách vẽ cái ca và quả*** ;	- HS quan sát vật mẫu- nhận xét về cách bày mẫu , bố cục . - H S nhận xét : H2 a , b, c, có bố cục không đẹp vì không cân đối

- Y/C HS xem H2 T51-SGK - HD HS phác khung hình chung, tìm tỉ lệ các bộ phận và cách lên màu . ***HĐ3 : Thực hành :*** - GV bao quát và yêu cầu HS + Quan sát mẫu, ước lượng tỉ lệ giữa chiều cao và chiều ngang của mẫu để vẽ khung hình. + Ước lượng chiều cao, chiều rộng của cái ca và quả . + Phác nét vẽ hình cho giống mẫu. ***HĐ4 : Nhận xét đánh giá:*** - -GV gợi ý HS n/x 1 số bài vẽ về bố cục tỉ lệ , hình vẽ - Tuyên dương những em có bài vẽ đẹp . ***Dặn dò:*** VN quan sát hình dáng người khi hoạt động.	- HS q/s và nhớ lại trình tự vẽ theo mẫu đã được học - HS thực hành vẽ vào vở tập vẽ - HS tham gia đánh giá, xếp loại

Tập đọc:

Chợ tết

I, Mục đích yêu cầu : Giúp học sinh

- Biết đọc diễn cảm một đoạn trong bài thơ với giọng nhẹ nhàng, tình cảm.
- Hiểu được nội dung bài thơ: Cảnh chợ tết miền trung du có nhiều nét đẹp về thiên nhiên, gợi tả cuộc sống êm đềm của người dân quê.
- Trả lời các câu hỏi, học thuộc vài câu thơ yêu thích.

*** GDMT: HS cảm nhận được vẻ đẹp của bức tranh thiên nhiên giàu sức sống qua các câu thơ trong bài.

3. Học thuộc lòng bài thơ.

II, Đồ dùng dạy học: - Tranh minh họa phóng to (nếu có điều kiện).
- Bảng phụ ghi sẵn câu thơ, đoạn thơ cần luyện đọc.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	***Hoạt động của trò***
A. Bài cũ **B. Dạy học bài mới** ***. Giới thiệu bài**	

1: Hướng dẫn luyện đọc + YC HS nối tiếp, mỗi học sinh đọc 4 dòng thơ. + Theo dõi, sửa lỗi phát âm cho học sinh. + Chú ý cho học sinh ngắt nhịp và nhấn giọng ở các dòng thơ.	+ 4HS nối tiếp nhau đọc ,mỗi HS 4 câu (3 lượt) +2HS đọc chú giải SGK + HS nêu cách ngắt nhịp và chỗ nhấn giọng các câu thơ. +Lớp theo dõi nxét . + HS luyện đọc nhóm đôi. + 1 HS khá đọc toàn bài. + 1 HS đọc cả bài thơ, cả lớp đọc thầm.
. HĐ2: Tìm hiểu bài +Gọi 1HS đọc cả bài -Lớp đọc thầm. + Người các ấp đi chợ tết trong khung cảnh như thế nào? + Mỗi người đi chợ tết ở những dáng vẻ ra sao? + Bên cạnh những dáng vẻ riêng, những người đi chợ tết có điểm gì chung? + Bài thơ là bức tranh giàu màu sắc về chợ tết. Em hãy tìm những từ ngữ đã tạo nên bức tranh giàu màu sắc ấy? + Các màu hồng, đỏ, tía, thắm, son có cùng gam màu gì? Dùng các màu sắc như vậy nhằm mục đích gì? - + Bài thơ cho ta biết điều gì?	+ Người các ấp đi chợ tết trong khung cảnh thiên nhiên rất đẹp. Mặt hồ ló ra sau đỉnh núi, sương chưa tan, núi uốn mình, đồ hoa. Những tia nắng nghịch ngợm bên ruộng lúa. + Những thằng cu áo đỏ chạy lon ton. Cụ già chống gậy bước lom khom. Cô gái mặc áo yếm đỏ che môi cười lặng lẽ. Em bé nép đầu bên yếm mẹ. Hai người gánh lợn, theo sau con bò vàng ngộ nghĩnh. + Bên cạnh dánh vẻ riêng, người dân đi chợ tết đều rất vui vẻ. Họ tưng bừng ra chợ tết, vui vẻ kéo hàng trên cỏ biếc. + Các màu sắc trong bức tranh: Trắng, đỏ, hồng lam, xanh biếc thắm, vàng, tím, son. + Các màu đó có gam màu đỏ. Dùng các màu như vậy để miêu tả thấy được phiên chợ tết rất đông vui, nhộn nhịp, đủ sắc màu. + **<u>Nội dung:</u>** *Bài thơ cho ta thấy một bức tranh chợ tết miền trung du giàu màu sắc ấn tượng và vô cùng sinh động. Qua đây*
HĐ3: Luyện đọc diễn cảm và học thuộc lòng bài thơ	

+ YC 2 HS nối tiếp nhau đọc bài thơ. + HS luyện đọc thuộc lòng theo từng dòng thơ, cả bài. + Nhận xét, ghi điểm. **C, Củng cố – dặn dò:** - Củng cố nội dung bài học. - Dặn HS học thuộc lòng bài thơ và chuẩn bị bài sau.	*ta thấy cảnh sinh hoạt của người dân quê rất vui vẻ, đầm ấm.* + 2 HS nêu cách đọc bài thơ. + HS nêu cách ngắt nhịp và gạch chân các từ cần nhấn giọng. + HS luyện đọc theo nhóm đôi. + Một số học sinh thi đọc trước lớp.

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Toán:

Luyện tập

I, Mục tiêu: Giúp học sinh

- So sánh được hai phân số có cùng mẫu số
- So sánh được một phân số với 1
- Biết viết các phân số theo thứ tự từ bé đến lớn.
- Bài tập 1, 2 ; 3 a, c

II, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	***Hoạt động của trò***
**** HĐ1: Kiểm tra cách so sánh hai phân số cùng mẫu số, so sánh phân số với 1*** ****HĐ2: Hướng dẫn học sinh luyện tập*** ****HĐ3: Hướng dẫn chữa bài*** ***Bài 1+2:*** >; <; = + Nêu cách so sánh 2 phân số cùng mẫu số? + Muốn so sánh 1 phân số với 1 ta làm như thế nào? +GV nxét ,củng cố lại cách so sánh phân số với 1. ***Bài 3:*** Củng cố cách tìm phân số lớn nhất, bé nhất . - GV n/x chốt câu trả lời đúng: a) Phân số lớn nhất là : $\frac{7}{9}$ b) Phân số bé nhất là : $\frac{3}{8}$ ***Bài 4: HSKG***	+ HS nêu cách so sánh 2 phân số có cùng MS : $\frac{4}{5} > \frac{2}{5}$; $\frac{5}{7} < \frac{6}{7}$;..... + 1 HS lên chữa bài 2 + HS nhận xét. + HS nêu cách so sánh phân số với 1. + 2 HS đứng tại chỗ nêu kết quả. + Lớp nhận xét. +2-3HS nêu ý kiến +Lớp nxét ,bổ sung.

- Viết các phân số theo thứ tự từ bé đến lớn. +Muốn viết được các phân số có cùng MS theo thứ tự từ bé đến lớn chúng ta phải làm gì ? +Gọi2HS lên bảng chữa bài +GV nxét ,đánh giá ,củng cố lại cách sắp xếp các phân số theo thứ tự tăng dần , giảm dần Bài 5 : Nêu cách so sánh hai phân số $\frac{5}{6}$ và $\frac{6}{5}$ - HD HS so sánh các phân số với 1 ***HĐ4 : Củng cố dặn dò:*** - Nhận xét, củng cố lại giờ học - Làm bài tập ở SGK.	+Phải so sánh các tử số của các phân số đó +2HS lên chữa bài. + HS nhận xét nêu cách so sánh. a, Vì 3<5<6 <7 nên $\frac{3}{8}<\frac{5}{8}<\frac{6}{8}<\frac{7}{8}$ b) .... - HS nêu cách so sánh từng phân số vơí 1 rồi đưa ra kết luận so sánh 2 phân số

Kể chuyện:

Con Vịt xấu xí

I, Mục đích yêu cầu: Giúp HS

- Dựa vào lời kể của giáo viên, tranh minh họa để sắp xếp đúng thứ tự nội dung câu chuyện và bước đầu biết kể lại từng đoạn câu chuyện rõ ý chính đúng diễn biến.
- Hiểu được ý nghĩa của câu chuyện: *Cần nhận ra cái đẹp của người khác, biết thương yêu người khác, không lấy mình để làm chuẩn để đánh giá người khác.*

****** MT:*** Cần yêu quý các loài vật quanh ta, không vội đánh giá một con vật chỉ vì hình thức bên ngoài.

II, Đồ dùng dạy học: - Tranh phóng to SGK.
- Tập kể chuyện cổ An-đéc-xen (nếu có).

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	***Hoạt động của trò***
A. Kiểm tra bài cũ **B. Dạy học bài mới:** **1. Giới thiệu bài** **2.: Kể chuyện** + YC lắng nghe cô kể chuyện để sắp xếp tranh lại theo đúng nội dung chuyện. - Thiên Nga ở lại cùng đàn vịt trong hoàn cảnh nào?	 + HS lắng nghe + Vì nó còn quá nhỏ và yếu ớt, không thể cùng bố mẹ về phương nam tránh rét được.

- Thiên Nga cảm thấy thế nào khi ở lại cùng đàn vịt? Vì sao nó lại có cảm giác như vậy?	+ Thiên Nga cảm thấy buồn lắm khi ở cùng đàn vịt. Vì nó không có ai làm bạn, vịt mẹ thì bận bịu kiếm ăn, đàn vịt con thì chành chọc, bắt nạt, hắt hủi nó. Trong mắt của vịt con, nó là một con vịt xấu xí, vô tích sự.
- Thái độ của Thiên Nga như thế nào khi được bố mẹ đến đón?	+ Khi được bố mẹ đến đón, nó vô cùng sung sướng. Nó quên hết mọi chuyện buồn đã qua. Nó cảm ơn vịt mẹ đã lưu luyến chia tay nó với đàn vịt con.
- Câu chuyện kết thúc như thế nào?	+ Kết thúc khi Thiên Nga bay đi cùng bố mẹ, đàn vịt con nhận ra lỗi lầmcủa mình.
3. Hướng dẫn sắp xếp tranh minh họa + Treo tranh minh họa theo thứ tự như SGK. Yêu cầu học sinh sắp xếp tranh theo đúng nội dung và viết các câu theo đúng nội dung mỗi tranh. + Lắng nghe, viết câu dưới tranh. + Thứ tự đúng:T3 , 1 , 2 ,4 .	+ HS trao đổi, sắp xếp các tranh theo đúng nội dung câu chuyện. + HS nhận xét, bổ sung. + HS nêu nội dung của từng bức tranh.
4. Hướng dẫn kể chuyện trong nhóm + YC HS kể theo nhóm bàn: Mỗi học sinh kể nội dung của 1 tranh sau đó mỗi học sinh kể lại cả câu chuyện và trao đổi ý nghĩa câu chuyện. + Theo dõi, giúp đỡ các nhóm làm việc.	+ HS thực hành kể chuyện theo nhóm và trao đổi ý nghĩa câu chuyện.
5.: Thi kể chuyện trước lớp + YC 1 - 2 nhóm thi kể từng đoạn. + YC 5 - 6 HS kể cả câu chuyện. + Nhận xét tuyên dương HS kể hay.	+ HS kể theo nhóm. + 5-6 HS kể chuyện trước lớp. + HS lắng nghe, đặt câu hỏi cho bạn.
HĐ4 : Củng cố dặn dò: - Làm bài tập ở SGK.	

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Âm nhạc

Giáo viên chuyên dạy

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Thứ năm ngày 2 thỏng 2 năm 2012

Lịch sử:

Trường học thời hậu Lê

I, Mục tiêu: Giúp học sinh

- Biết được nhà Hậu Lê quan tâm đến giáo dục, tổ chức dạy học, thi cử, nội dung dạy học dưới thời Hậu Lê.
- Nắm được những việc làm của nhà Hậu Lê để khuyến khích việc học tập.

II, Đồ dùng dạy học:

Phiếu thảo luận ***Nhóm: .....***

Đánh dấu X vào ☐ trước những ý trả lời đúng cho mỗi câu sau:

1. Nhà Hậu Lê đã tổ chức trường học như thế nào?

- ☐ *Dựng lại Quốc Tử Giám xây dựng nhà Thái học.*
- ☐ *Xây dựng chỗ ở cho học sinh trong trường.*
- ☐ *Mở thư viện chung cho toàn quốc.*
- ☐ *Mở trường công ở các đạo.*
- ☐ *Phát triển hệ thống trường của các thầy đồ.*

2. Dưới thời Hậu Lê, những ai được vào học trong trường Quốc Tử Giám?

- ☐ *Tất cả mọi người có tiền đều được vào học.*
- ☐ *Chỉ con cháu Vua, Quan mới được theo học.*
- ☐ *Trường thu nhận con cháu vua quan và cả dân thường nếu học giỏi.*

4. Nền nếp thi cử dưới thời Hậu Lê được quy định như thế nào?

- ☐ *Cứ 5 năm có một kỳ thi Hương ở các địa phương và thi Hội ở kinh thành.*
- ☐ *Tất cả mọi người học đều tham gia 3 kỳ thi: Thi Hương, thi Hội, thi Đình*
- ☐ *Cứ 3 năm có một kỳ thi Hương ở các địa phương và thi Hội ở kinh thành.*

Những người đỗ cuộc thi Hội được dự thi Đình để chọn tiến sỹ.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	***Hoạt động của trò***
A. Kiểm tra bài cũ: ***B. Dạy học bài mới.*** ****. Giới thiệu bài*** **** HĐ1: Tìm hiểu tổ chức giáo dục thời Hậu Lê.***	

+GV phát phiếu thảo luận cho các nhóm + YC HS đọc SGK và thảo luận theo phiếu (4'). - GV y/c dựa vào ND phiếu và kể tóm tắt việc tổ chức giáo dục dưới thời Hậu Lê về nề nếp thi cử . ***.HĐ2: Tìm hiểu những biện pháp khuyến khích học tập của nhà Hậu Lê*** +Tổ chức cho HS hoạt động cả lớp. + YC HS đọc thầm SGK và hỏi. ? Nhà Hậu Lê làm gì để khuyến khích việc học tập? GV nhận xét, tiểu kết: *Nhà Hậu Lê rất quan tâm đến việc học tập. Sự phát triển của giáo dục đã góp phần quan trọng không chỉ đối với việc xây dựng đất nước mà còn nâng cao trình độ dân trí và văn hóa người Việt.* C, ***Củng cố - dặn dò:*** - Treo tranh, củng cố nội dung của bài học. - Giới thiệu thêm cho HS về văn miếu Quốc Tử Giám và chế độ thi cử thời Hậu Lê - Dặn HS học bài và chuẩn bị bài	+HS chia lớp làm 4 nhóm . +Các nhóm nhận phiếu, thảo luận theo nhóm. - 1 HS trình bày, Em khác theo dõi n/x . +HS đọc SGK trả lời các câu hỏi. *+ Tổ chức lễ xướng danh (lễ đọc tên người đỗ đạt).* *+ Tổ chức lễ vinh quy (lễ đón rước người đỗ cao về làng).* *+ Khắc tên tuổi người đỗ cao vào bia đá dựng ở văn miếu Quốc Tử Giám để tôn vinh người có tài.* *+ Nhà Hậu Lê còn kiểm tra định kỳ trình độ của quan lại để các quan phải thường xuyên học tập.*

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

<u>Toán:</u>

So sánh hai phân số khác mẫu số .

I, ***Mục tiêu:*** Giúp học sinh

- Biết so sánh hai phân số khác mẫu số bằng cách quy đồng mẫu số 2 phân số rồi so sánh.
- Bài tập cần làm:1, 2a

II, Đồ dùng dạy học: 2 băng giấy kẻ vẽ như phần bài học SGK.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	*Hoạt động của trò*
HĐ1: Kiểm tra bài cũ	
HĐ2: Hướng dẫn cách so sánh hai phân số khác mẫu số	
+ Đưa ra hai phân số $\frac{2}{3}$ và $\frac{3}{4}$ và hỏi: Em có nhận xét gì về mẫu số của hai phân số này?	+ 2 phân số này có mẫu số khác nhau.
+ Hãy suy nghĩ để tìm cách so sánh 2 phân số này với nhau?	+ HS thảo luận nhóm đôi, tìm cách so sánh
+ Chia băng giấy thứ 2 làm 4 phần bằng nhau, tô màu 3 phần, vậy đã tô màu mấy phần băng giấy?	+ Đã tô màu $\frac{3}{4}$ băng giấy.
+ Băng giấy nào được tô màu nhiều hơn?	+ Băng giấy thứ hai được tô màu nhiều hơn.
+ Vậy $\frac{2}{3}$ và $\frac{3}{4}$ phân số nào lớn hơn?	+ Phân số $\frac{3}{4}$ > phân số $\frac{2}{3}$.
+ Hãy viết kết quả so sánh 2 phân số?	+ $\frac{2}{3} < \frac{3}{4}$ và $\frac{3}{4} > \frac{2}{3}$ + Một số học sinh nêu ghi nhớ (SGK).
+ Muốn so sánh 2 phân số khác mẫu số ta làm như thế nào?	
+ YC HS so sánh 2 phân số $\frac{4}{5}$ và $\frac{5}{6}$.	+ 1 HS lên bảng làm, cả lớp làm vào giấy nháp.
HĐ3: Luyện tập	
Bài 1: So sánh 2 phân số (Theo mẫu).	+ HS nêu yêu cầu.
+ Lưu ý mẫu cho học sinh.	+ Cả lớp làm bài Vào VBT .
+GV nxét, đánh giá kết luận cách làm đúng, củng cố lại cách so sánh hai phân số khác mẫu số.	+ 3 học sinh lên chữa bài, học sinh nhận xét. + Nhắc lại các bước so sánh 2 phân số khác mẫu số.
Bài 2a: So sánh 2 phân số (theo mẫu).	+ 2 HS nêu yêu cầu.
+ So sánh: $\frac{6}{12}$ và $\frac{3}{4}$ ta có: $\frac{6}{12} = \frac{6:3}{12:3} = \frac{2}{4}$ Mà: $\frac{2}{4} < \frac{3}{4}$ nên $\frac{6}{12} < \frac{3}{4}$.	+ Cả lớp làm bài. + 2 HS lên chữa bài.
Bài 3: HSKG:	

+ Muốn biết bạn nào ăn nhiều bánh hơn ta phải làm gì? ***C, Củng cố - dặn dò:*** - Củng cố nội dung bài học. - Dặn HS học bài và chuẩn bị bài sau.	+ 2 HS đọc đề bài. + Chúng ta cần phải so sánh số bánh mà hai bạn đó đã ăn với nhau. + Học sinh lên chữa bài, cả lớp làm vào vở. *- Bạn Vân đã ăn* $\frac{2}{5}$ *cái bánh tức là đã ăn* $\frac{14}{35}$ *cái bánh; Bạn Lan đã ăn* $\frac{3}{7}$ *cái bánh tức là đã ăn* $\frac{15}{35}$ *cái bánh đó. Vì* $\frac{14}{35} < \frac{15}{35}$ *nên bạn Vân ăn ít hơn bạn Lan.*

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Luyện từ và câu:

Mở rộng vốn từ: Cái đẹp

I, Mục đích yêu cầu: Giúp học sinh

- Biết thêm một số từ ngữ nói về chủ điểm: Vẻ đẹp muôn màu ; Biết đặt câu với một số từ theo chủ điểm đã học BT1, BT2, BT3 ; Bước đầu làm quen với một số câu thành ngữ liên quan đến cái đẹp BT4.

*** GDMT: HS biết yêu quý và quý trọng cái đẹp trong cuộc sống.

II, Đồ dùng dạy học: - Bảng phụ viết sẵn cột B - bài tập 1.

- Các băng giấy nhỏ ghi: đẹp người, đẹp nết, mặt tươi như hoa, chữ như gà bới.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	*Hoạt động của trò*
A. Kiểm tra bài cũ ***B. Dạy học bài mới:*** **** Giới thiệu bài*** ***. HĐ1: Hướng dẫn làm bài tập*** ***Bài 1:*** Tìm các từ + Tổ chức cho HS làm việc theo 4 nhóm. + Tiểu kết câu trả lời đúng. ***a. Các từ vẻ đẹp bên ngoài của con người:*** Đẹp, xinh, xinh đẹp, xinh tươi,	+ 2 HS nêu yêu cầu và mẫu. + HS thảo luận nhóm, tìm từ theo yêu cầu. + 2 nhóm viết vào giấy khổ to, sau

xinh xắn, xinh xẻo, xinh xinh, duyên dáng, uyển chuyển, kiêu sa, quý phái, tươi tắn, tươi giòn, rực rỡ, lộng lẫy, thướt tha, tha thướt, yểu điệu.... ***b. Các từ thể hiện nết đẹp trong tâm hồn, tính cách của con người:*** Thùy mị, dịu dàng, hiền dịu, đằm thắm, đậm đà, đôn hậu, lịch sự, lịch lãm, thanh lịch, thật thà, tế nhị, nết na, chân thật, chân thực, chân tình....	đó dán lên bảng để cả lớp nhận xét, chữa bài.
Bài 2: Tìm các từ... + Tiểu kết các từ đúng. ***a. Tươi đẹp, sặc sỡ, huy hoàng, tráng lệ, diễm lệ, mỹ lệ, hùng vĩ, kỳ vĩ, hùng tráng, hoành tráng, yên bình, cổ kính....*** ***b. Xinh xắn, xinh đẹp, xinh tươi, lộng lẫy, rực rỡ, duyên dáng, thướt tha...***	+ 2 HS nêu yêu cầu của bài tập. + Suy nghĩ tự tìm từ. + Nối tiếp nhau nêu từ theo từng mẫu. + Nhận xét.
Bài 3: Đặt câu với một từ vừa tìm được ở bài tập 1 hoặc bài tập 2	+ Nêu yêu cầu, tự đặt câu. + Nối tiếp nhau nêu từ câu đã đặt. + Nhận xét, chữa lỗi đặt câu.
Bài 4: Điền các thành ngữ hoặc cụm từ thích hợp ở cột A vào... ở cột B. + 1 học sinh lên gắn các từ vào cột B. + Em hiểu nghĩa câu: "*Mặt tươi như hoa*", "*Chữ như gà bới*" là thế nào? ***C, Củng cố - dặn dò:*** - Đọc thuộc các từ ngữ ở bài tập 1, 2 và các thành ngữ ở bài tập 4.	+ Nêu yêu cầu của bài tập. + Tự làm bài. + Nêu câu đã hoàn chỉnh, nhận xét. - "*Chữ như gà bới*": *Chữ viết xấu, nguyệch ngoạc, nát vụn, rời rạc, không thành từ.* - "*Mặt tươi như hoa*": *Khuôn mặt xinh đẹp, tươi tắn.*

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Khoa học:

Âm thanh trong cuộc sống (tiếp)

I, Mục tiêu: Giúp học sinh

- Nêu được ví dụ về:

+ Tác hại của tiếng ồn: tiếng ồn ảnh hưởng đến sức khỏe như đau đầu, mất ngủ,.. gây mất tập trung trong công việc, học tập,..
+ Biện pháp phòng chống tiếng ồn.
- Thực hiện các biện pháp không gây ồn nơi công cộng
- Biết cách phòng chống tiếng ồn nơi công cộng; bịt tai khi nghe âm thanh quá to, đóng cửa để ngăn cách tiếng ồn, ...
****** GDMT:*** ảnh hưởng của tiếng ồn đối với đời sống và biện pháp giảm thiểu tiếng ồn.
II, Đồ dùng dạy học: Tranh phóng to (SGK) nếu có điều kiện, tranh ảnh về các loại tiếng ồn và việc phòng chống.
III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	***Hoạt động của trò***
A: Kiểm tra bài cũ: ***B. Dạy học bài mới:*** ***. HĐ1: Tìm hiểu các loại tiếng ồn và nguồn gây tiếng ồn*** + YC HS hoạt động nhóm đôi: Quan sát hình vẽ SGK và trao đổi thảo luận: *- Tiếng ồn phát ra từ đâu?* *- Nơi em ở có những loại tiếng ồn nào?* + Các nhóm ghi kết quả thảo luận, báo cáo trước lớp. + Nhóm khác nhận xét, bổ sung. + Theo em, hầu hết các tiếng ồn là do tự nhiên hay do con người gây ra? ****HĐ2: Tìm hiểu tác hại của tiếng ồn và biện pháp phòng chống*** + Yêu cầu học sinh quan sát hình 5- 6 (SGK) đọc phần bạn cần biết để trả lời câu hỏi. *+ Tiếng ồn có tác hại gì?* *+ Cần có biện pháp nào để phòng*	*+ Tiếng ồn có thể được phát ra từ động cơ ôtô, xe máy, ti vi, loa, chợ, trường học giờ ra chơi, chó sủa trong đêm, máy cưa, máy khoan bê tông...* *+ Những loại tiếng ồn: Tiếng tàu hỏa, tiếng loa phóng thanh công cộng, loa đài, ti vi mở quá to...* + Do con người gây ra. *+ Gây chói tai, nhức đầu, mất ngủ, suy nhược thần kinh, ảnh hưởng tới tai.* *+ Các biện pháp để phòng chống tiếng ồn là: Có những quy định chung về*

chống tiếng ồn? *+ Em hãy nêu các việc em nên làm và những việc em không nên làm để góp phần phòng chống tiếng ồn cho bản thân và những người xung quanh.* + Tiểu kết bài học. ***C, Củng cố - dặn dò:*** - Củng cố nội dung bài học. - Dặn HS học bài và chuẩn bị bài sau.	*không gây tiếng ồn ở những nơi công cộng; sử dụng các vật ngăn cách làm giảm tiếng ồn đến tai, trồng nhiều cây xanh.* + Một số học sinh nêu: *Trồng cây xanh, không cười đùa, la hét, nghịch ngợm quá to trong giờ ra chơi....* Không nên làm: *Không mở tivi, nghe nhạc to...*

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Kĩ thuật

TRỒNG CÂY RAU, HOA (tiết 2)

I/ Mục tiêu:

-HS biết cách chọn cây con rau hoặc hoa đem trồng.

-Trồng được cây rau, hoa trên luống hoặc trong bầu đất.

-Ham thích trồng cây, quí trọng thành quả lao động và làm việc chăm chỉ, đúng kỹ thuật.

II/ Đồ dùng dạy- học:

- Cây con rau, hoa để trồng.

-Túi bầu có chứa đầy đất.

-Dầm xới, cuốc, bình tưới nước có vòi hoa sen(loại nhỏ).

III/ Hoạt động dạy- học:

Hoạt động của giáo viên	***Hoạt động của học sinh***
1.Ổn định lớp: *2.Kiểm tra bài cũ:* Kiểm tra dụng cụ của HS. *3.Dạy bài mới:* *a)Giới thiệu bài:* Trồng cây rau, hoa. *b)HS thực hành:*	-Chuẩn bị dụng cụ học tập.

* **<u>Hoạt động 3</u>*: HS thực hành trồng cây con.*** -GV cho HS nhắc lại các bước và cách thực hiện qui trình trồng cây con. -GV hướng dẫn HS thực hiện đúng thao tác kỹ thuật trồng cây, rau hoa. -Phân chia các nhóm và giao nhiệm vụ, nơi làm việc. -GV lưu ý HS một số điểm sau : *+Đảm bảo đúng khoảng cách giữa các cây trồng cho đúng.* *+Kích thước của hốc trồng phải phù hợp với bộ rễ của cây.* *+Khi trồng, phải để cây thẳng đứng, rễ không được cong ngược lên phía trên, không làm vỡ bầu.* *+Tránh đổ nước nhiều hoặc đổ mạnh khi tưới làm cho cây bị nghiêng ngả.* -Nhắc nhở HS vệ sinh công cụ và chân tay. * **<u>Hoạt động 4</u>*: Đánh giá kết quả học tập.*** -GV gợi ý cho HS đánh giá kết quả thực hành theo các tiêu chuẩn sau: *+Chuẩn bị đầy đủ vật liệu, dụng cụ trồng cây con.*	+Xác định vị trí trồng. +Đào hốc trồng cây theo vị trí đã xác định. +Đặt cây vào hốc và vun đất, ấn chặt đất quanh gốc cây. +Tưới nhẹ quanh gốc cây. -HS trồng cây con theo nhóm. -HS lắng nghe. -HS phân nhóm và chọn địa điểm. -HS lắng nghe. -HS tự đánh giá theo các tiêu chuẩn trên.

+Trồng cây đúng khoảng cách quy định. Các cây trên luống cách đều nhau và thẳng hàng. *+Cây con sau khi trồng đứng thẳng, vững, không bị trồi rễ lên trên.* *+Hoàn thành đùng thời gian qui định.* -GV nhận xét và đánh giá kết quả học tập của HS. ***3.Nhận xét- dặn dò:*** -Nhận xét sự chuẩn bị, tinh thần học tập và kết quả thực hành của HS. -Hướng dẫn HS về nhà đọc trước bài và chuẩn bị vật liệu, dụng cụ theo SGK để học bài" Trồng cây rau, hoa trong chậu".	-HS cả lớp.

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Thứ sỏu ngày 3 thỏng 2 năm 2012

Thể dục

Giáo viên chuyên dạy

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Toán:

Luyện tập

I, Mục tiêu: Giúp học sinh

- Rèn kỹ năng so sánh 2 phân số khác mẫu số.
- Biết cách so sánh hai phân số cùng tử số.
- Bài tập cần làm: 1, 2, 3

II, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	*Hoạt động của trò*
HĐ1: Kiểm tra bài cũ ***HĐ2: Hướng dẫn luyện tập*** ***Bài tập 1:*** Chú ý tìm mẫu số chung bé nhất. ***Bài tập 2:*** So sánh với 1 và so sánh bằng cách	+ HS nêu yêu cầu của từng bài tập.

quy đồng. + Theo dõi, giúp đỡ học sinh làm bài. + Chấm bài của một số em, nhận xét. ***HĐ3: Hướng dẫn chữa bài*** <u>Bài 1:</u> Củngcố về so sánh hai phân số * So sánh 2 phân số. + Muốn so sánh 2 phân số khác mẫu số ta phải làm thế nào? ***Bài 2:*** Củng cố so sánh 2 phân số bằng 2 cách: *So sánh hai phân số bằng hai cách khác nhau: + Trong bài toán so sánh 2 phân số, trường hợp nào ta có thể áp dụng cách so sánh phân số với 1. ***Bài 3:*** So sánh 2 phân số có cùng tử số (Theo mẫu). + Nếu 2 phân số có cùng tử số, ta so sánh 2 phân số như thế nào? ***Bài 4: HSKG*** - Viết các phân số theo thứ tự từ bé đến lớn: + Dựa vào đâu mà em sắp xếp được các phân số theo thứ tự. ***HĐ4 : Củng cố -dặn dò:*** - Củng cố nội dung bài học. - Làm bài tập ở SGK- trang 122.	+ HS tự làm bài tập. + 2 HS lên chữa: VD: a) $\frac{3}{4}$ và $\frac{5}{10}$ (rút gọn $\frac{5}{10}=\frac{1}{2}$) -Quy đồng mẫu số của $\frac{3}{4}$ và $\frac{1}{2}$ ta được $\frac{3}{4}$ và $\frac{2}{4}$ mà $\frac{3}{4}>\frac{2}{4}$ nên: $\frac{3}{4}>\frac{5}{10}$ + Nhận xét. + Nêu lại cách so sánh 2 phân số khác mẫu số. + 2 HS lên làm. a) $\frac{7}{5}$ và $\frac{5}{7}$ ***Cách 1:*** Quy đồng mẫu số của hai phân số rồi mới so sánh. ***Cách2:*** So sánh phân số với 1 + Khi một phân số > 1 và một phân số < 1. + 2 HS lên chữa bài. + Lớp nhận xét củng cố ghi nhớ so sánh 2 phân số có cùng tử số. + Lớp nhận xét củng cố cách so sánh để xếp thứ tự các phân số. -Theo dõi. -1 em lên làm. -Lớp nhận xét, củng cố so sánh hai phân số bằng cách so sánh với 1.

Chính tả:

Sầu riòng

***I, Mục đích*:** Giúp học sinh

- Nghe viết đúng, trình bày đẹp đoạn từ: "Hoa sầu riêng tổ vào cuối năm… tháng năm ta" trong bài "Sầu riêng".
- Làm đúng bài tập chính tả phân biệt: ut/uc.

II, Đồ dùng dạy học: Bảng lớp viết sẵn bài tập 2b. Bài tập 3 viết sẵn vào 2 tờ giấy to + bút dạ.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	*Hoạt động của trò*
A. Bài cũ:	
B. Dạy học bài mới	
**** Giới thiệu bài***	
1 . Hướng dẫn nghe -viết chính tả	+ 2 HS đọc đoạn văn.
+ Đoạn văn miêu tả gì?	+ Miêu tả hoa sầu riêng.
? Những từ ngữ nào cho ta biết hoa sầu riêng rất đặc sắc.	+ Hoa thơm ngát như hương cau, hương bưởi, hoa đậu từng chùm, màu trắng ngà, hoa cánh nhỏ li ti như vảy cá, hoa hao giống cánh sen con, lác đác vài nhụy li ti.
+ Trong bài có các từ nào dễ lẫn khi viết?	+ Trổ, tỏa, nhụy, lủng lẳng, cuống.
+ YC HS luyện viết.	
+GV nxét, đánh giá, lưu ý HS các từ thường hay viết sai.	+ 2 HS lên bảng luyện viết, cả lớp luyện viết vào nháp.
+ Đọc bài chính tả.	+ HS chép bài vào vở.
+ Chấm bài của một số em, chữa lỗi.	+ HS đổi vở soát bài.
2. Hướng dẫn luyện tập	
Bài tập 2b: Điền vào chỗ trống ut hay uc	+ HS nêu yêu cầu.
	+ 1 HS lên làm trên bảng, cả lớp làm vào vở.
	+ HS nhận xét, chữa bài.
Bài 3: Chọn tiếng thích hợp ( ) để hoàn chỉnh bài văn sau: "Cái đẹp"	+ HS đọc 2 khổ thơ đã hoàn chỉnh.
	+ 2 HS nêu yêu cầu.
+ Gắn tờ phiếu ghi bài tập lên bảng yêu cầu 2 nhóm thi nhau tìm từ điền vào.	+ 2 nhóm thi nhau tiếp sức, mỗi HS chỉ

C, Củng cố- dặn dò: - Củng cố lại nội dung giờ học. - Dặn HS luyện viết ở nhà.	điền 1 từ vào dấu ( ). + Đại diện 2 nhóm đọc đoạn văn đã hoàn chỉnh. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

<u>Tập làm văn:</u>

Luyện tập miêu tả các bộ phận của cây cối

I, Mục đích: Giúp học sinh

- Nhận biết được một số điểm đặc sắc trong cách quan sát và miêu tả các bộ phận của cây cối trong đoạn văn mẫu BT1, viết được đoạn văn ngắn tả lá hoặc thân, gốc một cây em thích.

II, Đồ dùng dạy học:

- Bảng phụ chép sẵn những điểm đáng chú ý trong cách tả của mỗi tác giả ở từng đoạn văn.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	***Hoạt động của trò***
A. Kiểm tra bài cũ ***B. Dạy học bài mới:*** ****. Giới thiệu bài:*** ***HĐ1: Hướng dẫn làm bài tập.*** ***Bài 1:*** + YC HS nêu yêu cầu và đọc 2 đoạn văn "Lá bàng" và "Cây sồi". Còn đoạn văn "Bàng thay lá" và "Cây tre" đọc thêm ở nhà. + Chia lớp làm 4 nhóm, yêu cầu các nhóm thảo luận. - Đoạn văn miêu tả cái gì? - Tác giả dùng những biện pháp nghệ thuật gì để miêu tả? Lấy ví dụ minh họa. + Theo dõi, nhận xét các nhóm. + Treo bảng phụ ghi sẵn những điểm đáng chú ý trong cách tả của tác giả ở mỗi đoạn văn. a. Đoạn văn "Lá bàng" của Đoàn Giỏi.	 + 2 HS nêu yêu cầu. + 2 HS nối tiếp nhau đọc đoạn văn "Lá bàng" và "Cây sồi". + HS thảo luận nhóm. + Đại diện nhóm nêu, nhóm khác nhận xét. a. Đoạn văn "Lá bàng". *- Tác giả tả sự thay đổi màu sắc của lá bàng*

b. Đoạn văn "Cây sồi" của Leptôn-xtôi.	*qua 4 mùa: Xuân, hạ, thu, đông.* *- Tác giả tả rất cụ thể, chính xác, sinh động.* b. Đoạn văn "Cây sồi". *- Tác giả tả sự thay đổi của cây sồi từ mùa đông sang mùa hè.* *- Tác giả sử dụng biện pháp so sánh như: Nó như một con quái vật già nua, cau có và kinh kỉnh đứng giữa đám bạch dương tươi cười, biện pháp nhân hóa: Mùa đông, cây sồi già cau có,... buồn rầu. Mùa xuân,... đung đưa.*
Bài 2: Viết một đoạn văn tả lá, thân cây hay gốc của một cây mà em thích. + YC HS viết bài, lưu ý sử dụng biện pháp so sánh, nhân hóa để đoạn văn thêm hay. + Theo dõi, giúp đỡ học sinh làm bài. + YC một số học sinh đọc đoạn văn trước lớp. ***C. Củng cố - dặn dò:*** - Củng cố nội dung bài học. - Dặn HS chuẩn bị bài sau.	+ 2 HS nêu yêu cầu. + Cả lớp tự làm vào vở. + Lớp nhận xét, bổ sung.

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

SINH HOẠT CUỐI TUẦN 22

I. Mục tiêu:

- HS nắm được những ưu điểm, khuyết điểm của mình trong tuần để có hướng sửa chữa.

II. Nội dung:

1. GV nhận xét chung về ưu điểm, nhược điểm của lớp:

a. Ưu điểm:

- Đi học đều, đúng giờ, khăn quàng, giày dép đầy đủ.
- ý thức học tập có tiến bộ hơn.
- Một số em có ý thức học tốt hơn như: .....
- Một số em viết chữ tương đối đẹp: .....

b. Nhược điểm:

- Một số em ý thức học tập chưa tốt như: .....
- Một số em viết chữ rất xấu như: .....
- Một số em vệ sinh cá nhân chưa sạch như: .....
- Một số chưa có ý thức giữ gìn sách vở : .....

2. Phương hướng:

- Tiếp tục phát huy những ưu điểm đã có.
- Chấm dứt tình trạng nói chuyện riêng trong giờ.
- Tuyên dương 1 số HS ý thức học tốt.
- Nhắc nhở 1 số HS có nhiều khuyết điểm.

Tuần 23

Thứ hai ngày .. tháng .... năm 2.....

Tập đọc:

Hoa học trò

(Theo Xuân Diệu)

I, Mục đích yêu cầu: Giúp học sinh

- Biết đọc diễn cảm một đoạn trong bài với giọng nhẹ nhàng, tình cảm.
- Hiểu nội dung bài: *Tả vẻ đẹp độc đáo của hoa phượng, loài hoa gắn với những kỉ niệm và niềm vui của tuổi học trò.*
- Trả lời được các câu hỏi SGK.

II, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	***Hoạt động của trò***
A. Bài cũ	
B. Bài mới:	
****Giới thiệu bài***	
****Hướng dẫn luyện đọc***	
+ Bài tập đọc có thể chia làm mấy đoạn? Cụ thể mỗi đoạn từ đâu đến đâu?	+ 3 đoạn: - Đoạn 1: .... đậu khít nhau - Đoạn 2: .... bất ngờ vậy - Đoạn 3: Còn lại
+Chú ý HD sửa lỗi phát âm (nếu có)	
+HD HS đọc đúng câu dài " Phượng không phải là.....góc trời đỏ rực".	+ HS luyện đọc theo đoạn (3 lượt) Lượt1: Luyện đọc + luyện đọc đúng Lượt2:Luyện đọc + giảI nghĩa từ Lượt3: Luyện đọc lại
+Y/C HS luyện đọc nhóm đôi	+ HS luyện đọc nhóm đôi
+ Y/C 2 HS đọc	+ 2 HS đọc
+ Đọc mẫu bài tập đọc.	
2: Hướng dẫn tìm hiểu bài	
+ Tìm những từ ngữ cho biết hoa phượng nở rất nhiều?	*+ Cả 1 loạt, cả 1 vùng, cả 1 góc trời đỏ rực, người ta chỉ... bướm thắm.*

+ Em hiểu "đỏ rực" có nghĩa là như thế nào? *+ Trong đoạn văn trên tác giả đã sử dụng biện pháp gì để miêu tả số lượng hoa phượng? Dùng như vậy có gì hay?* + Như vậy ở đoạn 1 tác giả giới thiệu điều gì? ***Đoạn 2+ 3: Còn lại*** *+ Tại sao tác giả lại gọi hoa phượng là hoa học trò.* + Chốt ý: Vì thế hoa phượng được nhà thơ Xuân Diệu gọi với cái tên thân thiết "hoa học trò". *+ Hoa phượng nở gợi cho cậu học trò cảm giác gì? Vì sao?* *+ Hoa phượng còn có gì đặc biệt làm ta náo nức?* *+ ở đoạn 2 tác giả đã dùng những giác quan nào để cảm nhận vẻ đẹp của lá phượng?* *+ Màu hoa phượng thay đổi như thế nào theo thời gian?* *+ Em cảm nhận được điều gì qua đoạn văn thứ 2?* *+ Em cảm nhận được điều gì qua bài tập đọc?*	*+ Rất đỏ và tươi.* *+ Tác giả sử dụng biện pháp so sánh để tả số lượng hoa phượng. So sánh hao phượng với muôn ngàn con bướm thắm để ta cảm nhận được hoa phượng nở rất nhiều, rất đẹp.* → ý1: ***Giới thiệu số lượng hoa phượng rất lớn.*** + Cả lớp đọc thầm. *+ Vì phượng là loài cây rất gần gũi thân quen với tuổi học trò. Phượng được trồng rất nhiều trên các sân trường. Hoa phượng thường nở vào mùa hè, mùa thi của học trò. Hoa phượng nở làm các cậu học trò nghĩ đến mùa thi và những ngày hè. Hoa phượng gắn liền với những kỉ niệm buồn vui của tuổi học trò.* *+ Cảm giác vừa buồn lại vừa vui. Buồn vì hoa phượng báo hiệu sắp kết thúc năm học, sắp phải xa trường, xa thầy, xa bạn. Vui vì hoa phượng báo được nghỉ hè, hứa hẹn những ngày hè lí thú.* *+ Hoa phượng nở nhanh đến bất ngờ. Màu phượng mạnh mẽ làm thành phố rực lên như tết đến nhà nhà dán câu đối đỏ.* *+ Tác giả đã dùng thị giác, vị giác, xúc giác để cảm nhận vẻ đẹp của lá phượng.* *+ Bình minh,... rực lên.* ***→ý2: Vẻ đẹp đặc sắc của hoa phượng*** ***<u>Nội dung:</u> Vẻ đẹp độc đáo, rất riêng của hoa phượng - loài hoa gần gũi, thân thiết với tuổi học trò.*** + 3 HS đọc.

3:Hướng dẫn đọc diễn cảm + YC 3 HS tiếp nối nhau đọc từng đoạn của bài tập đọc. + Theo em, để giúp người nghe cảm nhận được vẻ đẹp độc đáo của hoa phượng thì bài tập đọc nên đọc với giọng như thế nào? + Đọc mẫu. + Đoạn này cần nhấn giọng các từ ngữ nào? +Y/C HS luyện đọc nhóm đôi. + Y/C 4 HS thi đọc trước lớp. ***C, Củng cố - dặn dò:*** - Củng cố lại nội dung bài học. - Dặn HS chuẩn bị bài sau.	+ Đọc nhẹ nhàng, suy tư, nhấn giọng ở các từ ngữ gợi cảm. + HS nêu: *Không phải, 1 đóa, không phải vì cành, cả một loạt, cả 1 vùng, cả 1 góc trời đỏ rực, xã hội thắm tươi, cây, hàng, tán lớn xòe ra, muôn ngàn con bướm thắm.* + HS luyện đọc nhóm đôi. + 4 HS thi đọc trước lớp.

Toán:

Luyện tập chung

I, Mục tiêu: Giúp học sinh

- Biết so sánh 2 phân số.
- Biết vận dụng dấu hiệu chia hết 2, 3, 5, 9 trong một số trường hợp đơn giản.
- Các bài tập cần làm: ***Bài 1*** đầu trang 123; ***bài 2*** đầu trang 123; ***bài 1a, c*** ở cuối trang 123 (***a*** chỉ cần tìm 1 số).

II, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	***Hoạt động của trò***
A. Bài cũ ***B. Dạy học bài mới*** ****Giới thiệu bài*** ****HĐ1: HD học sinh luyện tập*** + YC HS nêu yêu cầu của từng bài tập (VBT). + Nếu phân số có cùng mẫu số, ta so sánh 2 phân số như thế nào? + Nếu các phân số có tử số bằng nhau, ta so sánh các phân số đó như thế nào?	- HS làmvào VBT + HS lần lượt nêu yêu cầu của từng bài tập. + So sánh tử số với nhau: phân số nào có tử số lớn hơn thì phân số đó lớn hơn. + Ta chỉ việc so sánh các mẫu số với nhau. Phân số nào có mẫu số bé hơn thì phân số

+ Khi nào thì so sánh 2 phân số với 1? + Theo dõi, giúp đỡ HS làm bài tập. + Chấm bài của 1 số em. *. HĐ2: Hướng dẫn chữa bài ***Bài 1/ 123:*** So sánh hai phân số: >; < ; = + YC HS nêu cách so sánh 1 số trường hợp. *+ GV củng cố lại cách so sánh phân số với 1, so sánh 2 phân số có cùng mẫu số, so sánh 2 phân số có cùng tử số.*	đó lớn hơn. + Khi có 1 phân số >1 và 1 phân số<1 + HS làm bài tập. + 2 HS lên chữa bài. + HS nhận xét, bổ sung. + HS nêu 1số trường hợp so sánh như thế nào? a) $\frac{6}{11}<\frac{8}{11}$; $\frac{9}{15}=\frac{6}{10}$; b) $\frac{8}{5}>\frac{8}{7}$; $\frac{21}{23}>\frac{21}{27}$ c) Ta có: $\frac{7}{9}<1$; $1<\frac{9}{7}$ Vậy: $\frac{7}{9}<\frac{9}{7}$ d) Ta có $\frac{95}{96}<1$; $\frac{96}{95}>1$ vậy: $\frac{95}{96}<\frac{96}{95}$
Bài 2/123: Củng cố về việc sắp xếp các phân số theo thứ tự từ bé đến lớn. *Viết các phân số sau theo thứ tự từ bé đến lớn. + Lưu ý câu b cần rút gọn các phân số → so sánh. ***Bài 1/ cuối 123:*** củng cố lại về dấu hiệu chia hết cho 2, 3, 5, 9 cho HS. ***C, Củng cố - dặn dò:*** - Củng cố lại nội dung bài học. - Dặn HS chuẩn bị bài sau.	+ 2 HS lên chữa bài. + Dưới lớp 1 số HS đọc kết quả + Lớp nhận xét. + 1 HS lên chữa bài. Nhận xét, sửa sai. + Học sinh lí giải vì sao điền chữ số đó. + Nhắc lại dấu hiệu chia hết cho 2, 3, 5, 9.

Địa lí:

HĐSX của người dân ở Đồng bằng Nam bộ (Tiếp)

I, Mục tiêu: Giúp học sinh

- Nêu được một số hoạt động sản xuất chủ yếu của người dân ở đồng bằng Nam Bộ:

+ Sản xuất công nghiệp mạnh nhất cả nước

+ Những ngành công nghiệp nổi tiếng là khai thác dầu khí, chế biến lương thực, thực phẩm, dệt may.

II, Đồ dùng dạy học:

- Một số tranh ảnh về hoạt động sản xuất công nghiệp - chợ nổi của người dân ở Đồng bằng Nam bộ, Phiếu học tập của HĐ1.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

<table>
<tr><th colspan="3">Hoạt động của thầy</th><th>Hoạt động của trò</th></tr>
<tr><td colspan="3">A. Kiểm tra bài cũ:
B. Dạy học bài mới:
1. Giới thiệu bài
2. HĐ1: Tìm hiểu ngành công nghiệp ở Đồng bằng Nam bộ Mục 3 (SGK)
+ Yêu cầu lớp thảo luận theo 4 nhóm để hoàn thành phiếu.</td><td>+ Đại diện các nhóm trình bày.
+ Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.</td></tr>
<tr><td>STT</td><td>Ngành Công nghiệp</td><td>Sản phẩm chính</td><td>Thuận lợi do</td></tr>
<tr><td>1</td><td>Khai thác dầu khí</td><td>Dầu thô, khí đốt</td><td>Vùng biển có nhiều dầu khí</td></tr>
<tr><td>2</td><td>Sản xuất điện</td><td>Điện</td><td>Sông ngòi có thác ghềnh</td></tr>
<tr><td>3</td><td>Chế biến LT-TP</td><td>Gạo, trái cây</td><td>Có đất phù sa màu mỡ
Có nhiều nhà máy.</td></tr>
<tr><td colspan="3">Kết luận: Nhờ có nguồn nguyên liệu và lao động lại có đầu tư xây dựng nhiều nhà máy nên Đồng bằng Nam bộ đã trở thành vùng có ngành công nghiệp mạnh nhất nước ta với 1 số ngành nghề chính như: Khai thác dầu khí, chế biến LT - TP, ...
3. HĐ2: Tìm hiểu chợ nổi trên sông ở Đồng bằng Nam bộ
+ Hãy nhắc lại phương tiện giao thông chủ yếu của người dân ở Đồng bằng Nam bộ là gì?
+ Vậy các hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa của người dân thường diễn ra ở đâu?
→ Chợ nổi - một nét đặc trưng của người dân ở Đồng bằng Sông Cửu long.
+ Kể tên các chợ nổi ở Đồng bằng Sông Cửu</td><td>+ Ghe, xuồng
+ Trên các con sông.
+ Chợ Cái Răng, Phong Điền (Cần Thơ),</td></tr>
</table>

long mà em biết? + Thảo luận cặp đôi, mô tả những hoạt động mua bán, trao đổi ở chợ nổi trên sông ở Đồng bằng Nam bộ? + Treo tranh ảnh giới thiệu thêm. ***C, Củng cố - dặn dò:*** - Nhận xét giờ học. - Dặn HS chuẩn bị bài sau.	*chợ Phụng Hiệp (Hậu Giang).* + Học sinh thảo luận cặp đôi. + Một số học sinh nêu, cả lớp nhận xét.

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Đạo đức:

Giữ gìn các công trình công cộng (Tiết 1)

I, Mục tiêu: Giúp học sinh

- Biết được vì sao phải giữ gìn các công trình công cộng.
- Nêu được một số việc cần làm để bảo vệ các công trình công cộng.
- Có ý thức bảo vệ, giữ gìn các công trình công cộng ở địa phương.

II, Đồ dùng dạy học: Phóng to các tranh vẽ ở bài tập 1 (SGK) - nếu có điều kiện.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	*Hoạt động của trò*
A. Kiểm tra bài cũ ***B. Dạy học bài mới:*** ****. Giới thiệu bài*** ****. HĐ1: Xử lí tình huống*** (T 34 - SGK) + Nêu tình huống như SGK. +Chia lớp làm 4 nhóm . YC 4 nhóm đóng vai xử lí tình huống. <u>Kết luận</u>*: Công trình công cộng là tài sản chung của xã hội. Mọi người dân đều có trách nhiệm bảo vệ, giữ gìn.* ****HĐ2:Thảo luận cặp đôi (***BT1 - SGK) + YC HS thảo luận cặp đôi bài tập 1. +Y/C các nhóm trình bày, nhóm khác	 + 2 HS nêu lại. + Các nhóm thảo luận, đóng vai xử lí tình huống. + Đại diện các nhóm trình bày. +Các nhóm khác nhận xét ,bổ sung . Thống nhất cách trả lời đúng. *Nếu là bạn Thắng, em sẽ không đồng tình với lời rủ của bạn Tuấn vì nhà văn hóa xã là nơi sinh hoạt văn hóa, văn nghệ của mọi người nên mọi người cần phải giữ gìn, bảo vệ. Viết vẽ lên tường sẽ làm bẩn tường.* + HS đọc thầm y/c bài 1 và thảo luận.

nhận xét. + Theo dõi, kết luận: *Mọi người dân, không kể già, trẻ, nghề nghiệp...đều phải có trách nhiệm giữ gìn, bảo vệ các công trình cộng cộng.* **** HĐ3: Xử lí tình huống*** (BT2- SGK) + YC HS nêu yêu cầu của bài tập 3? + Chốt ý đúng*: Giữ gìn các công trình công cộng cũng chính là bảo vệ lợi ích của mình. Đó là trách nhiệm của mọi người dân, không kể già, trẻ, nghề nghiệp... đều phải có trách nhiệm giữ gìn các công trình công cộng.* → Ghi nhớ (SGK). **** Liên hệ thực tế:*** + Hãy kể 3 công trình công cộng mà em biết? + Hãy đề ra việc làm của em để giữ gìn bảo vệ các công trình công cộng đó? ***C, Củng cố - dặn dò:*** - Củng cố nội dung bài học. - Dặn HS chuẩn bị trước bài 3, 4 (SGK).	+ Các nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét. *Tranh 1, 3: Sai* *Tranh 2, 4: Đúng* + Đại diện nhóm lí giải vì sao? + 2 HS nêu. + HS thảo luận nhóm đôi. + Các nhóm giơ thẻ từng tình huống. Đáp án: *Câu đúng: a.* *Câu sai: b, c.* + 2 HS đọc to. + Một số HS nêu.

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Thứ ba ngày 7 tháng 2 năm 2012

<u>Thể dục</u>

Giáo viên chuyên dạy

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

<u>Toán</u>

Luyện tập chung

I, Mục tiêu: Giúp học sinh

- Biết tính chất cơ bản của phân số, phân số bằng nhau, so sánh phân số.
- Bài tập 2/123; bài tập 3/124; bài tập 2 c,d /125

II, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	***Hoạt động của trò***
A. Bài cũ:	

B.Dạy học bài mới: ****Giới thiệu bài:*** ****HĐ1:*** HD học sinh luyện tập ***HĐ2: Hướng dẫn chữa bài*** ***Bài2/123:*** Viết phân số thích hợp vào chỗ chấm: + Củng cố cách tìm tỉ số của 2 số ***Bài 3/ 124:*** Củng cố tìm phân số bằng nhau *Khoanh vào những phân số $=\frac{7}{9}$ ***Bài 2 c, d/125*** - Gọi HS nêu yêu cầu. - Yêu cầu HS tự làm bài ***C, Củng cố - dặn dò:*** - Củng cố lại nội dung bài học. - Dặn HS làm bài tập ở SGK và chuẩn bị bài sau.	+ 1 HS lên chữa bài. Lớp nhận xét. KQ : Tổng số gà trong đàn gà là: 86 con. a) Phân số chỉ phần gà trống trong cả đàn gà là : $\frac{51}{86}$ b) Phân số chỉ phần gà mái trong cả đàn gà là : $\frac{35}{86}$ + 1 HS lên chữa bài. + Nêu vì sao khoanh tròn số đó. + 1 HS nhắc lại tính chất cơ bản của phân số. - So sánh phân số. + 1 HS lên chữa bài. Lớp làm vào vở.

Luyện từ và câu:
Dấu gạch ngang

I, Mục đích Giúp học sinh

- Nắm được tác dụng của dấu gạch ngang.
- Nhận biết và nêu được tác dụng của dấu gạch ngang trong bài văn ở bài tập 1; viết được đoạn văn có dùng dấu gạch ngang để đánh dấu lời đối thoại và đánh dấu phần chú thích bài tập 2.
- HSKG viết được đoạn văn ít nhất 5 câu đúng yêu cầu cảu bài tập 2

II, Đồ dùng dạy học:

- Bảng phụ viết sẵn đoạn văn a ở bài tập 1 (phần nhận xét).
- Giấy khổ to + bút dạ.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	***Hoạt động của trò***
A. Bài cũ:	

B. Bài mới: ***1. Giới thiệu bài*** ***2: Tìm hiểu ví dụ*** ***Bài 1:*** Y/C hs nêu y/c bài tập - Y/C hs đọc đoạn văn - Tìm những câu có chứa dấu gạch ngang (dấu -) trong các đoạn văn sau: + Trong mỗi đoạn văn trên, dấu gạch ngang có tác dụng gì? <u>Kết luận:</u> *Dấu gạch ngang dùng để đánh dấu chỗ bắt đầu lời nói của nhân vật trong đối thoại, phần chú thích trong câu, các ý trong một đoạn liệt kê.* + Dấu gạch ngang dùng để làm gì? + Lấy ví dụ về việc sử dụng dấu gạch ngang? ***3. Luyện tập*** <u>Bài 1:</u> Tìm dấu gạch ngang trong mẫu chuyện sau đây và nêu tác dụng của mỗi dấu. + Chốt ý trả lời đúng.	 + 2 HS nêu yêu cầu. + 3 HS tiếp nối nhau đọc 3 đoạn văn. + HS đứng lên tiếp nối nhau đọc các câu có dấu gạch ngang. + HS thảo luận nhóm đôi và nêu: *- Dấu gạch ngang đánh dấu chỗ bắt đầu lời nói của nhân vật trong đối thoại (câu a).* *- Dấu gạch ngang đánh dấu phần chú thích trong câu văn (câu b).* *- Dấu gạch ngang liệt kê những biện pháp cần thiết để bảo quản quạt điện được bền (câu c).* + Ghi nhớ (SGK) – 3 HS + Một số HS nêu. + 2 HS nêu yêu cầu và đọc nội dung. + 1 HS khá làm vào giấy khổ to – Cả lớp làm vào vở bài tập. + HS nối tiếp nhau nêu, mỗi HS chỉ nêu 1 câu và tác dụng của dấu gạch ngang.
Câu có dấu gạch ngang	***Tác dụng của dấu gạch ngang***
Paxcan thấy bố mình - Một viênchức Sở Tài chính - vẫn cặm cụi trước bàn làm việc.	*- Đánh dấu phần chú thích trong câu (bố Paxcan là 1 viên chức Sở Tài chính)*
-Những dãy tính cộng hàng ngàn con số. Một công việc buồn tẻ làm sao- - Paxcan nghĩ thầm.	*- Đánh dấu phần chú thích trong câu (Đây là ý nghĩ của Paxcan)*
- Con hy vọng món quà-	*- Đánh dấu chỗ bắt đầu câu nói của Paxcan*
- Paxcan nói	*- Đánh dấu phần chú thích*
<u>Bài 2:</u> Viết 1 đoạn văn + Trong đoạn văn em viết, dấu gạch ngang được sử dụng có tác dụng gì?	+ 2 HS nêu yêu cầu + Dùng để đánh dấu câu đối thoại và đánh dấu phần chú thích. + HS thực hành viết đoạn văn. + 3 HS lên bảng viết đoạn văn.

C, Củng cố - dặn dò: - Nhận xét giờ học. - Dặn HS VN học bài và chuẩn bị bài sau	+ Lớp nhận xét, bổ sung.

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Khoa học:

ánh sáng

I, Mục tiêu: Giúp học sinh

- Nêu được ví dụ về các vật tự chiếu sáng và các vật được chiếu sáng:

+ Vật tự chiếu sáng: Mặt trời, ngọn lửa,...

+ Vật được chiếu sáng: Mặt trăng, bàn ghế,....

- Nêu được các vật do ánh sáng truyền qua và các vật không cho ánh sáng truyền qua.

- Nhận biết được ta chỉ nhìn thấy 1 vật khi có ánh sáng từ vật đó đi tới mắt.

II, Đồ dùng dạy học: Hộp cát tông kín, đèn pen, tấm kính, nhựa trong, tấm kính mờ, tấm gỗ, bìa cát tông.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu

Hoạt động của thầy	***Hoạt động của trò***
A. Bài cũ: ***B. Dạy học bài mới:*** **** Giới thiệu bài mới*** ***HĐ1: Tìm hiểu các vật tự phát ra ánh sáng và các vật được chiếu sáng*** + Tổ chức cho HS thảo luận cặp đôi: Quan sát tranh minh họa 1, 2 trang 90 (SGK) viết tên những vật tự phát sáng và những vật được chiếu sáng. *Kết luận: *Ban ngày, vật tự phát sáng duy nhất là mặt trời, còn tất cả các vật khác được mặt trời chiếu sáng.* ***HĐ2: Tìm hiểu về đường truyền của ánh sáng***	+ 2 HS quan sát tranh minh họa và trao đổi với nhau. + Một số HS nêu, HS khác nhận xét: - H1: Vẽ cảnh ban ngày. Vật tự phát sáng: *Mặt trời.* Vật được chiếu sáng: *Bàn ghế, gương, tủ...* - H2: Cảnh ban đêm. Vật tự phát sáng: *đèn điện, con đom đóm.* Vật được chiếu sáng: *Mặt trăng, gương, bàn ghế, tủ…*

- Nhờ đâu ta có thể nhìn thấy vật? - Vậy theo em ánh sáng truyền theo đường thẳng hay đường cong? + Như vậy ánh sáng truyền theo đường thẳng hay theo đường cong? * Thí nghiệm 2 (SGK) - trang 90. + Qua thí nghiệm trên em rút ra kết luận gì? . ***HĐ3: Tìm hiểu sự truyền ánh sáng qua các vật*** + Tổ chức cho học sinh thực hiện thí nghiệm theo 4 nhóm. + Trong cuộc sống người ta đã ứng dụng các vật cho ánh sáng truyền qua và các vật không cho ánh sáng truyền qua để làm gì? ***Kết luận:** ánh sáng truyền theo đường thẳng và có thể truyền qua: các lớp không khí, nước, thủy tinh, nhựa trong...* ***HĐ4: Tìm hiểu mắt nhìn thấy vật khi nào?*** + Giới thiệu hộp đen, các bộ phận và tiến hành thí nghiệm. Yêu cầu học sinh dự đoán kết quả và thực hành thí nghiệm (SGK). + Vậy mắt ta nhìn thấy mọi vật khi nào? *Kết luận: *Ta chỉ nhìn thấy vật khi ánh sáng từ vật đó truyền đến mắt ta.* ***C,Củng cố - dặn dò:*** Nhận xét giờ học	+ Ta có thể nhìn thấy vật là do vật đó tự phát sáng hoặc có ánh sáng chiếu vào vật đó. + HS nêu dự đoán. + ánh sáng truyền theo đường thẳng. + 1 HS lên thực hiện thí nghiệm. + ánh sáng truyền theo đường thẳng. + Các nhóm thực hiện thí nghiệm và nêu. + Người ta làm các loại cửa bằng kính trong, kính mờ, cửa gỗ, bể cá… + Một số HS nêu dự đoán. + Một số HS nêu kết quả thí nghiệm. - Khi đèn chưa sáng… - Khi đèn sáng... + Mắt ta nhìn thấy vật khi có ánh sáng từ vật đó truyền vào mắt ta.

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Tập làm văn:

Luyện tập miêu tả các bộ phận của cây

I, Mục tiêu:

- Nhận biết được một số điểm đặc sắc trong cách quan sát và miêu tả các bộ phận của cây cối trong đoạn văn mẫu ở bài tập 1; viết được đoạn văn ngắn tả một loài hoa mà em yêu thích trong bài tập 2.

II, Đồ dùng dạy học:

- Giấy khổ to + bút dạ (Làm bài tập 2).
- Bảng phụ viết sẵn nhận xét về cách miêu tả của Vũ Bằng và Ngô Văn Phú.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu

Hoạt động của thầy	***Hoạt động của trò***
A. Kiểm tra bài cũ ***B. Dạy học bài mới:*** ***1. Giới thiệu bài*** ***2. HĐ1: Hướng dẫn học sinh làm bài tập.*** ***Bài 1:*** Đọc một số đoạn văn miêu tả hoa, quả dưới đây và nêu nhận xét về cách miêu tả của tác giả. + Yêu cầu 2 HS nối tiếp nhau đọc 2 đoạn văn "Hoa sầu đâu" và "quả cà chua". + YC HS trao đổi cặp đôi theo gợi ý: *- Cách miêu tả của nhà văn như thế nào?* *- Hoa, quả miêu tả có nét gì đặc sắc?* *- Tác giả sử dụng biện pháp nghệ thuật gì để miêu tả?* Bài 2: + Y/C hs nêu y/c bài tập Viết một đoạn văn tả một loài hoa hoặc 1 thứ quả mà em thích. + Sửa lỗi ngữ pháp, dùng từ cho học sinh. + Tuyên dương các học sinh làm bài tốt. ***C, Củng cố - dặn dò:***	+ 2 HS đọc bài + HS trao đổi theo gợi ý a. Hoa sầu đâu: *- Tả cả chùm hoa, không tả từng bông vì hoa sầu đâu nhỏ mọc từng chùm, có cái đẹp của cả chùm.* *- Tả mùi thơm đặc biệt của hoa bằng hình ảnh so sánh (mùi thơm mát mẻ hơn cả hương cau, dịu dàng hơn cả hương hoa mộc), cho rằng mùi thơm huyền diệu đó hòa quyện với các hương vị khác của đồng quê…* *- Dùng từ ngữ, hình ảnh thể hiện tình cảm của tác giả: hoa nở như cười, bao nhiêu thứ đó trong nỗi thương yêu.* b. Quả cà chua: *- Tả cây cà chua từ khi hoa rụng, từ khi quả xanh → quả chín.* *- Tả cà chua ra quả xum xuê, chi chít với những hình ảnh so sánh: quả lớn, quả bé vui mắt như đàn gà mẹ đông con, mỗi quả cà chua chín là một mặt trời nhỏ hiền dịu. Hình ảnh nhân hóa: quả leo nghịch ngợm lên ngọn lá. Cà*

- Củng cố lại nội dung bài học. - Hoàn thành đoạn văn và nhận xét cách miêu tả của tác giả qua bài văn "Hoa mai vàng" và "Trái vải tiến Vua".	*chua thắp đèn lồng trong lùm cây xanh.* + 2 HS nêu yêu cầu. + HS làm bài vào vở, 3 HS làm vào giấy. + Dán giấy lên bảng, HS nhận xét. + Dưới lớp một số HS đọc bài làm của mình.

Thứ tư ngày 8 tháng 2 năm 2012

Mĩ thuật:

Tập nặn tạo dáng: ***Tạo dáng người đơn giản***

I.Mục tiêu: Giúp hs

- Biết quan sát , nhận xét các dáng người đã nặn mẫu
- HS biết cách nặn và nặn được dáng người bằng đất nặn
- Có kĩ năng tạo dáng người đơn giản, có tình cảm yêu thương con người

II.Đồ dùng dạy học:

- Hình gợi ý cách nặn, một số hình SGK, Đất nặn

III.Hoạt động dạy học:

Hoạt động của thầy	*Hoạt động của trò*
A.Kiểm tra sự chuẩn bị đồ dùng của HS ***B. Bài mới*** ***1. HD quan sát , nhận xét:*** - HD quan sát các hình SGK và một số ảnh người và nhận xét về hình dáng, tỉ lệ, các bộ phận chính cua người: đầu, thân, tay,chân? - Các động tác và đi lại , chạy nhảy, ngồi, nằm... ***2.HD cách nặn:*** - GV nặn và giảI thích cách nặn dựa vào hình gợi ý ***Có 2 cách nặn:*** + Nặn từng bộ phận chính trước, các bộ phận phụ nặn sau rồi ghép, dính lại + Có thể dùng que tăm, dây thép làm khung cốt bên trong để nặn các chi tiết	-Quan sát nhận xét được: - Thường thường: đầu + đầu = thân -Quan sát và nắm được cách nặn - HS thực hành theo yêu cầu của GV - Trưng bày sản phẩm - Nhận xét bài của bạn

3.Thực hành: Nặn một dáng người hoặc một nhóm người theo ý thích. GV theo dõi hs thực hành ***4. Đanh giá sản phẩm:*** - Y/C hs trưng bày sản phẩm - Y/C hs nhận xét sản phẩm lẫn nhau - GV nhận xét, dánh giá, tuyên dương những hs có sản phẩm đẹp. ***5. Củng cố dặn dò:***- Chuẩn bị bài tiết sau	

ꕥ❋ꕥ❋ꕥ❋ꕥ❋ꕥ

Tập đọc

Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ

(Nguyễn Khoa Điềm)

I, Mục đích yêu cầu: Giúp học sinh

- Đọc diễn cảm một đoạn trong bài với giọng nhẹ nhàng, có xúc cảm.
- Hiểu nội dung của bài: *Ca ngợi tình yêu nước, yêu con sâu sắc của người phụ nữ Tà - ôi trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.*
- Trả lời được các câu hỏi SGK, học thuộc một khổ thơ trong bài.

*** KNS: + Giao tiếp.
+ Đảm nhận trọch nhiệm phự hợp với lứa tuổi.
+ Lắng nghe tớch cực

II, Đồ dùng dạy học: Tranh minh họa SGK, Bảng phụ viết sẵn đoạn thơ cần luyện đọc.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	*Hoạt động của trò*
A. Kiểm tra bài cũ ***B. Dạy học bài mới*** ***1. Giới thiệu bài*** ***2. Hướng dẫn luyện đọc*** + Bài thơ gồm mấy khổ thơ? + Yêu cầu học sinh đọc nối tiếp theo khổ thơ: + Theo dõi, sửa lỗi phát âm cho HS. +Y/C HS luyện đọc nhóm đôi +Y/C 2 HS đọc	 + 1 HS đọc cả bài thơ. + Bài thơ gồm 2 khổ thơ và 1 câu thơ. + HS đọc nối tiếp (3 lượt) Lượt1: Luyện đọc + luyện đọc đúng Lượt2:Luyện đọc + giảI nghĩa từ

+ Đọc mẫu toàn bài. ***3. Hướng dẫn tìm hiểu bài*** + YC HS đọc thầm toàn bài. + Người mẹ làm những công việc gì? Những công việc đó có ý nghĩa như thế nào? + Em hiểu câu thơ "nhịp chày nghiêng giấc ngủ em nghiêng" như thế nào? + Những hình ảnh nào trong bài nói lên tình yêu thương và niềm hi vọng của người mẹ đối với con? + Theo em, cái đẹp được thể hiện trong bài thơ này là gì? * Cái tài tình là tác giả đã khắc họa được điều đó thông qua lời ru của người mẹ. - Nêu nội dung bài? ***4. Hướng dẫn đọc diễn cảm - học thuộc lòng*** + YC 2 HS tiếp nối nhau đọc bài thơ. + Để thể hiện được nội dung của bài thơ chúng ta cần đọc bài với giọng như thế nào? + Treo đoạn 1. Đọc mẫu, HD ngắt nhịp + Tổ chức cho HS đọc thuộc lòng bài thơ. - Em thích dòng thơ nào nhất? Vì sao? + Nhận xét, ghi điểm. ***C, Củng cố - dặn dò:*** - Củng cố lại nội dung bài. - Dặn HS chuẩn bị bài sau.	Lượt3: Luyện đọc lại + HS luyện đọc nhóm đôi; 2 HS đọc + HS đọc thầm toàn bài. + Người mẹ vừa lao động: Giã gạo, tỉa bắp vừa nuôi con khôn lớn. Mẹ còn giã gạo để nuôi bộ đội. Những công việc đó góp phần to lớn vào công cuộc chống Mỹ cứu nước của toàn dân tộc ta. + Nhịp chày nghiêng bên này, nghiêng bên kia của mẹ đều làm lưng mẹ cũng chuyển động theo như một chiếc võng ru em bé ngủ ngon giấc. + Lưng đưa nôi và tim hát thành lời, mẹ thương A-Kay, mặt trời của mẹ con nằm trên lưng. + Niềm hi vọng của mẹ đối với con: Mai sau con lớn vung chày lún sân. + Cái đẹp trong bài thơ là thể hiện được lòng yêu nước thiết tha và tình thương con của người mẹ miền núi. → <u>Nội dung:</u> Ca ngợi tình yêu nước, thương con sâu sắc, cần cù lao động để góp sức mình vào công cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của người mẹ miền núi. + 2 HS đọc. + Đọc giọng to vừa đủ nghe, nhẹ nhàng, tình cảm, đầy tình thương yêu. + HS tìm cách ngắt nhịp thơ và luyện đọc đoạn theo cặp đôi. + HS tự nhẩm thuộc lòng 1 khổ thơ mà mình thích.

	+ Một số HS thi đọc trước lớp và nêu câu trả lời

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Toán

Phép cộng phân số

I, Mục tiêu: Giúp học sinh

- Biết cộng 2 phân số cùng mẫu số.
- Bài tập: 1, 3

II, Đồ dùng dạy học:

- Mỗi học sinh chuẩn bị 1 băng giấy HCN: 2cm x 8cm, bút màu.
- Giáo viên chuẩn bị 1 băng giấy 20cm x 80cm.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	*Hoạt động của trò*
A.Bài cũ:	
B. Bài mới: Giới thiệu bài	
HĐ1: Hướng dẫn cách cộng 2 phân số có cùng mẫu số	
+ Băng giấy được chia làm mấy phần bằng nhau?	+ 8 phần bằng nhau.
+ Lần thứ nhất bạn Nam tô màu hết mấy phần băng giấy?	+ $\frac{3}{8}$ băng giấy.
+ Lần thứ 2 Nam tô mấy phần băng giấy? (giáo viên tô màu).	+ $\frac{2}{8}$ băng giấy (Học sinh tô màu)
+ Như vậy bạn Nam đã tô màu mấy phần băng giấy?	+ $\frac{5}{8}$ băng giấy.
Kết luận: *Cả 2 lần bạn Nam đã tô màu được* $\frac{5}{8}$ *băng giấy.*	
**** Hướng dẫn cộng 2 phân số cùng mẫu số***	
+ Hãy nêu cách thực hiện phép cộng $\frac{3}{8}+\frac{2}{8}=?$	+ $\frac{3}{8}+\frac{2}{8}=\frac{5}{8}$(tính dưa vào số phần trên băng giấy)
+ Từ đó ta có phép cộng: $\frac{3}{8}+\frac{2}{8}=\frac{3+2}{8}=\frac{5}{8}$.	+ Ta lấy 3 + 2 = 5; 8 giữ nguyên
+ Vậy muốn cộng 2 phân số có cùng mẫu số ta làm thế nào?	+ Muốn cộng 2 phân số có cùng mẫu số ta lấy 2 tử số cộng lại với nhau, còn mẫu số giữ nguyên. + 3 HS nhắc lại.

→ Ghi nhớ (SGK). + Yêu cầu học sinh vận dụng thực hiện: $\frac{4}{11}+\frac{6}{11}=?$; $\frac{13}{41}+\frac{25}{41}=?$	+ HS thực hành ví dụ
HĐ2: Luyện tập + Giao bài tập 1, 2, 3 (vở bài tập - trang 35). ***Bài 1:*** * Tính - Củng cố về cộng hai phân số cùng MS	+ HS nêu yêu cầu của từng bài tập. + 1 HS lên bảng làm bài. + Lớp nhận xét, làm bài vào vở. $\frac{15}{37}+\frac{29}{37}=\frac{15+29}{37}=\frac{44}{37}$; $\frac{3}{7}+\frac{5}{7}=\frac{3+5}{7}=\frac{8}{7}$ + 2 HS nhắc lại cách cộng 2 phân số cùng mẫu số.
Bài 2: HSKG: Viết tiếp vào chỗ chấm. - Y/C hs chữa bài tập 2 - Qua kết quả bài tập 2 em có nhận xét gì? + Nêu tính chất giao hoán của phép cộng 2 số tự nhiên? + Phép cộng 2 phân số cũng có tính chất giao hoán, y/c hs nêu lại tính chất giao hoán đối với phân số.	+ 1 HS chữa bài: $\frac{2}{5}+\frac{7}{5}=\frac{7}{5}+\frac{2}{5}$ + *Khi ta thay đổi vị trí các phân số trong 1 tổng thì tổng không thay đổi.* + 2 HS nêu: *Khi ta đổi chỗ các số hạng trong 1 tổng thì tổng không thay đổi.* + 2 hs nêu
Bài 3: Củng cố về KN giải toán có lời văn thông qua cách cộng phân số * Lưu ý: Khi giải có phép tính phân số chúng ta nháp ra ngoài rồi ghi kết quả vào phép tính. - Y/C hs chữa bài - Y/C hs nhận xét và nêu lời giải khác nếu có	+ 1 HS đọc lại đề bài. + 1 HS lên chữa bài. ***Bài giải:*** Sau 2 giờ ô tô đó đi được số phần quãng đường là : $\frac{4}{13}+\frac{6}{13}=\frac{10}{13}$ (quãng đường) Đáp số: $\frac{10}{13}$ quãng đường + Lớp nhận xét, bổ sung.
HĐ3 : Củng cố - dặn dò: - Nhận xét giờ học - Giao bài tập về nhà.	

Kể chuyện:

Kể chuyện đã nghe, đã đọc

I, Mục đích yêu cầu :

- Dựa vào gợi ý trong SGK, chọn và kể lại được câu chuyện đã nghe, đã đọc ca ngợi cái đẹp hay phản ánh cuộc đấu tranh giữa cái đẹp và cái xấu, giữa cái thiện và cái ác.
- Hiểu nội dung chính của câu chuyện đã kể.

II, Đồ dùng dạy học:

- Bảng lớp viết sẵn đề bài.
- Chuẩn bị các câu chuyện.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	*Hoạt động của trò*
A. Kiểm tra bài cũ:	
B. Dạy học bài mới:	
1.Giới thiệu bài	
2 .Tìm hiểu yêu cầu của đề bài	
+ Yêu cầu học sinh đọc đề bài.	+ 3-4 học sinh đọc.
+ Đề bài yêu cầu chúng ta làm gì? (Gạch chân các từ: *Kể, được nghe, được đọc, ca ngợi cái đẹp, cuộc đấu tranh, đẹp, xấu, thiện, ác*)	+ Học sinh nêu.
3. Hướng dẫn kể chuyện	
+ Yêu cầu học sinh nối tiếp nhau đọc phần gợi ý.	+ Học sinh tiếp nối nhau trả lời: Ví dụ: Chim họa mi, cô bé lọ lem, nàng công chúa và hạt đậu, cô bé tí hon, con vịt xấu xí, nàng Bạch Tuyết và bảy chú lùn…
+ Truyện ca ngợi cái đẹp. ở đây có thể là cái đẹp của tự nhiên, của con người hay 1 quan niệm về cái đẹp của con người.	- Ví dụ: Cây tre trăm đốt, cây Khế, Thạch Sanh, Tấm Cám, Sọ Dừa, Gà trống và Cáo.
4 .<u>Kể chuyện trong nhóm</u>	
+ Yêu cầu học sinh kể chuyện trong nhóm đôi.	+ Học sinh nối tiếp nhau trả lời.
+ Theo dõi, giúp đỡ học sinh kể chuyện. Yêu cầu học sinh đánh giá bạn kể theo các tiêu chí đề ra.	+ Học sinh kể chuyện cho nhau nghe, nhận xét và trao đổi ý nghĩa câu chuyện.
Gợi ý các câu hỏi:	+ Kể xong có thể đặt câu hỏi cho bạn hoặc bạn hỏi lại người kể.

- Bạn thích nhân vật nào trong truyện tôi vừa kể? Vì sao? *- Việc làm nào của nhân vật khiến bạn nhớ nhất?* *- Câu chuyện muốn nói với chúng ta điều gì?* ***5. Thi kể và trao đổi ý nghĩa câu chuyện*** + Yêu cầu một số học sinh lên kể chuyện trước lớp. + Bình chọn bạn kể hay nhất. ***C, Củng cố - dặn dò:*** - Nhận xét giờ học - Dặn HS về kể chuyện cho gia đình nghe.	*+ Tại sao bạn lại chọn câu chuyện này?* *+ Câu chuyện bạn kể có ý nghĩa gì?* *+ Bạn thích nhất tình tiết nào trong truyện?* + 5-7 bạn kể.

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Âm nhạc

học hát bài chim sáo

Giáo viên chuyên dạy

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Thứ năm ngày 9 tháng 2 năm 2012

Lịch sử:

Văn học và khoa học thời Hậu Lê

I, Mục tiêu: Giúp học sinh

- Biết được đến thời Hậu Lê, văn học và khoa học phát triển rực rỡ hơn hẳn các triều đại trước.
- Nêu tên được 1 số tác giả và tác phẩm thời Hậu Lê như: Ngô Sĩ Liên, Lê Thánh Tông, Nguyễn Trãi..

II, Đồ dùng dạy học:

- Hình minh họa SGK phóng to (nếu có điều kiện); Phiếu thảo luận nhóm.
- Sưu tầm 1 số tác phẩm văn học, khoa học thời Hậu Lê: Nguyễn Trãi, Lê Thánh Tông, Lương Thế Vinh.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	*Hoạt động của trò*
A. Kiểm tra bài cũ: ***B. Dạy học bài mới:*** ****Giới thiệu bài*** ***HĐ1: Tìm hiểu văn học thời Hậu Lê***	

<table>
<tr><td colspan="2">+ Chia lớp thành các nhóm theo bàn, các nhóm thảo luận.
+ Tiểu kết câu trả lời đúng.
+ Các tác giả, tác phẩm văn học tiêu biểu thời Hậu Lê.</td><td>+ HS thảo luận.
+ Đại diện các nhóm nêu.
+ Nhóm khác nhận xét, bổ sung.</td></tr>
<tr><td>Tác giả</td><td>Tác phẩm</td><td>Nội dung</td></tr>
<tr><td>Nguyễn Trãi</td><td>Bình Ngô đại cáo</td><td>Phản ánh khí phách anh hùng và niềm tự hào chân chính của dân tộc ta.</td></tr>
<tr><td>Vua Lê Thánh Tông,
Hội Tao Đàn</td><td>Các tác phẩm thơ</td><td>Ca ngợi nhà Hậu Lê, đề cao và ca ngợi công đức của nhà vua.</td></tr>
<tr><td>Nguyễn Trãi</td><td>ức trai thi tập</td><td rowspan="2">Nói lên tâm sự của những người muốn đem tài năng, trí tuệ ra giúp ích cho đất nước, cho dân nhưng lại bị quan lại ghen ghét, vùi dập.</td></tr>
<tr><td>Lý Tử Tấn, Nguyễn Húc</td><td>Các bài thơ</td></tr>
<tr><td colspan="2">+ Các tác phẩm văn học thời kỳ này được viết bằng chữ gì?
→ Chữ Hán là chữ của người Trung Quốc.
Chữ Nôm là chữ viết do người Việt ta sáng tạo dựa trên hình dạng của chữ Hán.
+ Hãy kể các tác phẩm, tác giả văn học thời kỳ này?
+ Nội dung của các tác phẩm thời kỳ này nói lên điều gì?
HĐ2:Tìm hiểu khoa học thời Hậu Lê
+Yêu cầu tiếp tục thảo luận nhóm bàn
+ Theo dõi, tiểu kết các ý trả lời đúng của học sinh.</td><td>+ Bằng cả chữ Hán và chữ Nôm.
+ Học sinh nêu (3-4 học sinh)
+ Cho ta thấy cuộc sống của xây dựng thời Hậu Lê.
+ HS đọc thầm SGK và thảo luận.
+ Đại diện các nhóm nêu.
+ Nhóm khác nhận xét, bổ sung.</td></tr>
<tr><td>Tác giả</td><td>Tác phẩm</td><td>Nội dung</td></tr>
<tr><td>Ngô Sĩ Liên</td><td>Đại Việt sử kí toàn thư</td><td>Ghi lại lịch sử nước ta từ thời Hùng Vương đến thời Hậu Lê.</td></tr>
<tr><td>Nguyễn Trãi</td><td>Lam Sơn thực lục</td><td>Ghi lại diễn biến của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn</td></tr>
<tr><td>Nguyễn Trãi</td><td>Dư địa chí</td><td>Xác định rõ ràng lãnh thổ quốc gia, nêu lên những tài nguyên, sản phẩm phong phú của đất</td></tr>
</table>

		nước và 1 số phong tục tập quán của nhân dân ta
Lương Thế Vinh	Đại thành toán pháp	Kiến thức toán học

+ Kể tên các lĩnh vực khoa học đã được các tác giả quan tâm nghiên cứu trong thời kì Hậu Lê. Chốt ý: *Dưới thời Hậu Lê, văn học và khoa học nước ta phát triển rực rỡ hơn hẳn các thời kì trước.* + Qua tìm hiểu, em thấy những tác giả nào là tác giả tiêu biểu cho thời kì này? ***C. Củng cố - dặn dò:*** - Giáo viên tổ chức giới thiệu 1 số tác phẩm lớn thời Hậu Lê. - Dặn HS tìm đọc các tác phẩm VH-KH thời Hậu Lê và chuẩn bị bài sau.	+ Thời Hậu Lê, các tác giả đã nghiên cứu về lịch sử, địa lí, toán học, y học. + Nguyễn Trãi và Lê Thánh Tông là 2 tác giả tiêu biểu cho thời kỳ này.

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Toán:

Phép cộng phân số (tiếp)

I, Mục tiêu: Giúp học sinh

- Biết cộng 2 phân số khác mẫu số.
- Bài tập: 1 a, b, c; 2 a, b

II, Đồ dùng dạy học:

- Mỗi học sinh chuẩn bị 3 băng giấy hình chữ nhật 2cm x 12cm; kéo.
- Giáo viên chuẩn bị 3 băng giấy màu kích thước: 1dm x 6dm.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	*Hoạt động của trò*
1. HĐ1: Kiểm tra cách cộng 2 phân số cùng mẫu số ***2. HĐ2: Hình thành cách cộng 2 phân số khác mẫu số*** + 3 băng giấy này có độ dài như thế nào? + Hãy gấp đôi băng giấy theo chiều dài rồi dùng thước chia mỗi phần đó thành 3 phần bằng nhau.	 + Độ dài của 3 băng giấy bằng nhau. + Thực hiện chia băng giấy thành 6 phần bằng nhau.

+ Hãy cắt lấy $\frac{1}{2}$ băng giấy thứ nhất và $\frac{1}{3}$ băng giấy thứ 2. + Hãy đặt $\frac{1}{2}$ băng giấy thứ nhất và $\frac{1}{3}$ băng giấy thứ hai lên băng giấy thứ 3? + Vậy 2 bạn đã lấy đi mấy phần của băng giấy? **** Hướng dẫn cách cộng 2 phân số khác mẫu số*** + Muốn biết 2 bạn đã lấy đi bao nhiêu phần băng giấy ta làm phép tính gì? + 2 phân số này có cùng mẫu số chưa? Muốn thực hiện phép cộng 2 phân số này thì ta làm thế nào?	+ Cắt $\frac{1}{2}$ băng giấy thứ nhất và $\frac{1}{3}$ băng giấy thứ 2. + Thực hiện. + 2 bạn đã lấy đi $\frac{5}{6}$ băng giấy. + $\frac{1}{2}+\frac{1}{3}$ + 2 phân số này khác mẫu số, muốn cộng 2 phân số này ta phải quy đồng mẫu số 2 phân số.
+ Qua bài toán trên, hãy cho biết muốn cộng 2 phân số khác mẫu số ta làm thế nào? + YC HS vận dụng tính: 1) $\frac{4}{5}+\frac{2}{3}$ 2) $\frac{3}{2}+\frac{5}{7}$	+ 1 HS lên quy đồng mẫu số 2 phân số. + 1 HS lên thực hiện: $\frac{1}{2}+\frac{1}{3}=\frac{3}{6}+\frac{2}{6}=\frac{5}{6}$ + Muốn cộng 2 phân số khác mẫu số ta: - *Quy đồng mẫu số 2 phân số.* - *Cộng 2 phân số đó.*
3. HĐ3: Luyện tập ***Bài 1***: Củng cố công 2 phân số	+ 2 HS lên bảng làm. + Cả lớp làm vào vở. $\frac{4}{5}+\frac{2}{3}=\frac{12}{15}+\frac{10}{15}=\frac{22}{15}$; $\frac{3}{2}+\frac{5}{7}=\frac{21}{14}+\frac{10}{14}=\frac{31}{14}$
Bài 2: Tính (Theo mẫu) - Hướng dẫn mẫu: $\frac{5}{12}+\frac{7}{4}=\frac{5}{12}+\frac{7\times3}{4\times3}=\frac{5}{12}+\frac{21}{12}=\frac{5+12}{12}=\frac{26}{12}=\frac{13}{6}$	+ 2 HS lên bảng làm 2 câu còn lại. Cả lớp làm vào vở. + Nhận xét kết luận bài làm đúng. $\frac{53}{44};\frac{77}{26}$ + Nhắc lại cách thực hiện. Theo dõi và làm bài + 3 HS lên chữa 3 câu. Lớp nhận xét.
* Củng cố cộng hai phân số khác mẫu số	

- Trước khi cộng có thể rút gọn phân số (nếu cần) *- Kết quả của phép tính để ở phân số tối giản* ***Bài 3:HSKG:*** Củng cố về giải toán có lời văn + YC HS đọc đề bài. + 1 HS lên chữa bài. + Y/C hs nhận xét và nêu lời giải khác cho bài toán ***3, Củng cố -dặn dò:*** - Củng cố bài học. Làm bài tập ở SGK.	+) $\frac{4}{5}+\frac{1}{7}=\frac{4}{35}+\frac{1\times5}{7\times5}=\frac{4+5}{35}=\frac{9}{35}$ +) $\frac{4}{5}+\frac{5}{21}=\frac{4\times7}{3\times7}+\frac{5}{21}=\frac{28+5}{21}=\frac{33}{21}=\frac{11}{7}$ +) $\frac{2}{9}+\frac{5}{3}=\frac{2}{9}+\frac{5\times3}{3\times3}=\frac{2+15}{9}=\frac{17}{9}$ + Nêu lại cách cộng 2 phân số khác mẫu số - 1 HS chữa bài: Đáp số: 59/ 60 tấn - HS nhận xét và nêu lời giảI khác cho bài toán.

Luyện từ và câu:

Mở rộng vốn từ: *Cái đẹp*

I, Mục tiêu: Giúp học sinh

- Biết được 1 số câu tục ngữ có liên quan đến cái đẹp BT1.
- Nêu được một trường hợp có sử dụng 1 câu thành ngữ đã biết BT2.
- Dựa theo mẫu để tìm được một vài từ ngữ tả mức độ của cái đẹp BT3, đặt câu với một từ tả mức độ cao của cái đẹp BT4.

II, Đồ dùng dạy học: - Bảng phụ chép sẵn bài tập 1.
- Giấy khổ to + bút dạ.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	***Hoạt động của trò***
A. Kiểm tra bài cũ: ***B. Dạy học bài mới*** ***1. Giới thiệu bài*** ***2. Hướng dẫn làm bài tập*** ***Bài 1:*** Giúp hs hiểu nghĩa các câu tục ngữ + Y/C hs nêu y/c bài tập +Treo bảng phụ ghi bài tập 1, trao đổi theo cặp tìm nghĩa đúng của câu tục ngữ. 1 hs làm trên bảng phụ. + Nhận xét, kết luận lời giải đúng.	+ 2 HS nêu yêu cầu. + Trao đổi nhóm đôi, 1 HS làm bảng phụ. + Nhận xét bài làm của bạn. + HS chữa bài (nếu sai) + Học thuộc lòng 4 câu tục ngữ. + 1 HS đọc trước lớp các câu tục ngữ.

Câu1: ứng với nghĩa của dòng 1,3 Câu2: ứng với nghĩa của dòng 2,4 ***Bài 2:*** Nêu 1 trường hợp có thể sử dụng 1 trong các câu trạng ngữ nói trên. + Theo dõi, giúp đỡ học sinh làm bài. ***Bài 3:*** Giúp hs mở rộng từ ngữ thuộc chủ đề. + Tìm các từ ngữ miêu tả mức độ cao của cái đẹp. M: Tuyệt vời + YC HS thảo luận theo 4 nhóm. + Y/C các nhóm trình bày + Nhận xét các từ thuộc chủ đề *Cái đẹp* ***Bài 4:*** Đặt câu hỏi với mỗi từ ngữ em tìm được ở bài tập 3. + Theo dõi, sửa lỗi về đặt câu cho học sinh. * Củng cố về cách đặt câu cho hs ***C, Củng cố - dặn dò:*** - Nhận xét giờ học. Dặn HS chuẩn bị bài sau.	- 2 HS nêu yêu cầu. - HS tự làm bài. - 2-3 HS nêu trước lớp, cả lớp nhận xét. + 2 HS nêu yêu cầu và mẫu. + HS thảo luận nhóm. + Các nhóm trình bày, nhóm khác bổ sung: *Tuyệt diệu, tuyệt kế, giai nhân, tuyệt trần, mê hồn, kinh hồn, mê li, vô cùng, không tả xiết, không bút văn nào tả nổi, như tiên, nghiêng nước nghiêng thành, không tưởng tượng nổi*. + HS nêu yêu cầu, tự đặt câu (Mỗi HS đặt 3 câu). + Tiếp nối nhau đọc câu mình đặt.

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Khoa học:

Bóng tối

I, ***Mục tiêu:*** Giúp học sinh

- Nêu được bóng tối xuất hiện ở phía sau vật cản sáng khi được chiếu sáng.
- Nhận biết được khi vị trí của vật cản thay đổi về hình dạng, kích thước khi vị trí của vật chiếu sáng đối với vật đó thay đổi.

II, Đồ dùng dạy học: Đèn pin, tờ giấy to hoặc tấm vải, kéo, thanh tre nhỏ, 1 số nhân vật hoạt hình quen thuộc.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	***Hoạt động của trò***
A: Kiểm tra bài cũ ***B. Dạy học bài mới*** ***1. Giới thiệu bài*** **** Khởi động:*** Quan sát hình 1 (SGK). *+ Mặt trời chiếu sáng từ phía nào? Vì sao em biết?*	*+ Mặt trời chiếu sáng từ phía bên phải của hình vẽ vì ta thấy bóng người đó đổ về phía bên trái. Nửa bên phải vẫn có*

+ Bóng của người xuất hiện ở đâu? *+ Hãy tìm vật chiếu sáng, vật được chiếu sáng?* ***HĐ1:Tìm hiểu về bóng tối:*** + Đặt 1 tờ bìa to phía sau quyển sách với khoảng cách 5cm. Đặt đèn pin thẳng hướng với quyển sách trên mặt bàn và bật đèn. + Hãy dự đoán xem: - Bóng tối xuất hiện ở đâu? - Bóng tối có hình dạng như thế nào khi dịch đèn lại sát quyển sách? + YC các nhóm tiến hành thí nghiệm và ghi kết quả quan sát được. + YC các nhóm thay quyển sách bằng vỏ hộp và tiến hành thí nghiệm. + ánh sáng có truyền qua quyển sách hay vỏ hộp được không? → Những vật không cho ánh sáng truyền qua được gọi là vật cản sáng. *+ Bóng tối xuất hiện ở đâu?* *+ Bóng tối xuất hiện khi nào?* ***HĐ2: Tìm hiểu sự thay đổi về hình dạng, kích thước của bóng tối*** *+ Theo em, hình dạng, kích thước của bóng tối có thay đổi hay không? Nó thay đổi khi nào?* *+ Hãy giải thích khi trời nắng, bóng tối*	*bóng râm còn nửa bên trái vẫn có ánh nắng của mặt trời.* *+ Bóng của người xuất hiện ở phía sau người vì có ánh sáng mặt trời chiếu xiên từ bên phải xuống.* *+ Mặt trời là vật chiếu sáng; người, nhà cửa, núi đồi... là vật được chiếu sáng.* + HS theo dõi. + Một số HS nêu dự đoán. + Một số HS nêu dự đoán. + Các nhóm tiến hành thí nghiệm, nêu kết quả quan sát. + Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. *- Bóng tối xuất hiện phía sau quyển sách.* *- Bóng tối có dạng giống hình quyển sách và to hơn khi dịch đèn pin về phía quyển sách.* + Các nhóm thực hiện và nêu kết quả. + Không + 2 HS nhắc lại *+ Bóng tối xuất hiện phía sau vật cản sáng.* *+ Bóng tối xuất hiện khi vật cản sáng được chiếu sáng.* *+ Hình dạng, kích thước của bóng tối*

của người dài vào buổi sáng hay buổi chiều, bóng tròn vào buổi trưa? *+ Bóng của vật thay đổi khi nào?* *+ Làm thế nào để bóng của vật to hơn?* <u>Kết luận:</u> *Do ánh sáng truyền theo đường thẳng nên bóng của vật phụ thuộc vào vật chiếu sáng. Vị trí của vật chiếu sáng thay đổi thì bóng của vật thay đổi.* ***HĐ3:Trò chơi** "**Xem bóng đoán vật**"* + Yêu cầu học sinh cử làm 2 đội + Đứng phía dưới lớp dùng đèn chiếu từng con vật, các nhóm giơ cờ báo hiệu đoán. Nhóm nào phất cờ trước được quyền đoán. + Tổng kết, tuyên dương đội chơi tốt. ***C, Củng cố - dặn dò:*** - Củng cố lại nội dung bài học. - Dặn HS chuẩn bị bài sau.	*thay đổi. Nó thay đổi khi vị trí của vật chiếu sáng đối với vật cản sáng thay đổi.* *+ Nêu theo ý mình.* + Nhóm khác nhận xét, bổ sung. *+ Bóng của vật thay đổi khi vị trí của vật chiếu sáng đối với vật đó thay đổi.* *+ Để bóng của vật to hơn thì ta đặt vật đó ở gần vật chiếu sáng.* - HS thực hiện chơi trò chơi theo HD của GV

ꕥ✲ꕥ✲ꕥ✲ꕥ✲ꕥ

<u>Kĩ thuật</u>

TRỒNG CÂY RAU, HOA

I/ Muùc tieõu:

-HS bieát cạych choùn caõy con rau hoaởc hoa ủem troàng.

-Troàng ủuựùc caõy rau, hoa treõn luoỏng hoaởc trong baàu ủaỏt.

-Ham thớch troàng caõy, quớ troùng thaứnh quaỷ lao ủoọng vaứ laứm vieọc chaờm chỉ, ủuựng kyừ thuaọt.

****** HSKT (em Nghĩa):*** bieát cạych choùn caõy con rau hoaởc hoa ủem troàng, troàng ủuựùc caõy rau, hoa treõn luoỏng.

II/ ẹoà duứng daùy- hoùc:

- Caõy con rau, hoa ủeồ troàng.

-Tuựi baàu coự chửựa ủaày ủaỏt.

-Daàm xuựi, cuoỏc, bỡnh tửụựi nửụực coự voứi hoa sen(loaùi nho)ỷ.

III/ Hoaùt ủoọng daùy- hoùc:

Hoaùt ủoọng cuỷa giaựo vieõn	***Hoaùt ủoọng cuỷa hoùc sinh***

1.OÅn ủũnh lụ̣p: ***2.Kieồm tra baứi cuừ:*** Kieồm tra duùng cuù cuỷa HS. ***3.Daùy baứi mụ̣i:*** ***a)Giụ̣i thieọu baứi:*** Troàng caõy rau, hoa. ***b)HS thửùc haứnh:*** **** Hoaùt ủoọng 3:*** *HS thửùc haứnh troàng caõy con.* -GV cho HS nhaộc laùi caực bửụực vaứ caựch thửùc hieọn qui trỡnh troàng caõy con. *+Xaực ủũnh vũ trớ troàng.* *+ẹaứo hoỏc troàng caõy theo vũ trớ ủaừ xaực ủũnh.* *+ẹaởt caõy vaứo hoỏc vaứ vun ủaởt, aỏn chaởt ủaởt quanh goỏc caõy.* *+Tửụ̣i nheù quanh goỏc caõy.* -GV hửụựng daón HS thửùc hieọn ủuựng thao taực kyừ thuaọt troàng caõy, rau hoa. -Phaõn chia caực nhoựm vaứ giao nhieọm vuù, nụi laứm vieọc. -GV lửu yự HS moọt soỏ ủieồm sau : *+ẹaỷm baỷo ủuựng khoaỷng caựch giửừa caực caõy troàng cho ủuựng.* *+Kớch thửụực cuỷa hoỏc troàng phaỷi phuứ hụùp vụ̣i boọ reó cuỷa caõy.* *+Khi troàng, phaỷi ủeồ caõy thaỳng ủửựng, reó khoõng ủửụùc cong ngửụùc leõn phớa treõn, khoõng laứm vụừ baàu.* *+Traựnh ủoồ nửụực nhieàu hoaởc ủoồ maùnh khi tửụ̣i laứm cho caõy bũ nghieõng ngaỷ.* -Nhaộc nhụỷ HS veọ sinh coõng cuù vaứ chaõn tay.	-Chuaồn bũ duùng cuù hoùc taọp. -HS troàng caõy con theo nhoựm. -HS laộng nghe. -HS phaõn nhoựm vaứ choùn ủũa ủieồm. -HS laộng nghe. -HS tửứ ủaựnh giaự theo caực tieõu chuaồn treõn.

* **Hoaùt ủoọng 4:** ***ẹaựnh giaự keỏt quaỷ hoùc taọp.***	
-GV gụùi yự cho HS ủaựnh giaự keỏt quaỷ thửùc haứnh theo caực tieõu chuaồn sau:	-HS caỷ lụựp.
+Chuaồn bũ ủaày ủuỷ vaọt lieọu, duùng cuù troàng caõy con.	
+Troàng caõy ủuựng khoaỷng caựch quy ủũnh. Caực caõy treõn luoỏng caựch ủeàu nhau vaứ thaỳng haứng.	
+Caõy con sau khi troàng ủửụng thaỳng, vửừng, khoõng bũ troài reó leõn treõn.	
+Hoaứn thaứnh ủuựng thụứi gian qui ủũnh.	
-GV nhaọn xeựt vaứ ủaựnh giaự keỏt quaỷ hoùc taọp cuỷa HS.	
3.Nhaọn xeựt- daởn doứ:	
-Nhaọn xeựt sửù chuaồn bũ, tinh thaàn hoùc taọp vaứ keỏt quaỷ thửùc haứnh cuỷa HS.	
-Hửụựng daón HS veà nhaứ ủoùc trửụực baứi vaứ chuaồn bũ vaọt lieọu, duùng cuù theo SGK ủeồ hoùc baứi" Troàng caõy rau, hoa trong chaọu".	

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Thứ sỏu ngày 10 tháng 2 năm 2012

Thể dục

Giáo viên chuyên dạy

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Toán

Luyện tập

I, Mục tiêu: Giúp học sinh

- Rút gọn được phân số
- Thực hiện được phép cộng hai phân số.
- Bài tập 1; 2a, b; 3a, b.

II, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	***Hoạt động của trò***
HĐ1: Củng cố kĩ năng cộng phân số + Gọi 2 HS lên bảng tính: $\frac{5}{9}+\frac{4}{9}$; $\frac{5}{6}+\frac{3}{5}$ + Nhận xét, cho điểm. ***HĐ2: Luyện tập*** ***Bài 1:*** Tính + Y/C hs chữa bài và nêu cách làm + Nhận xét, củng cố lại cách cộng 2 phân số ***Bài 2:*** Rút gọn rồi tính. + Nhận xét, lưu ý HS khi cộng các phân số có thể rút gọn phân số rồi tính sẽ thuận lợi hơn Bài 3: - Yêu cầu HS nêu cách làm và tự làm vào vở ***Bài 4: HSKG:*** Giải toán + Nhận xét, đánh giá. + Thu 1 số vở để chấm bài. + Củng cố về giải toán. ***3. Củng cố- dặn dò:*** - Nhận xét giờ học.	+ 2 HS lên bảng thực hiện tính rồi nêu cách tính. + Lớp làm vào giấy nháp. - HS làm bài vào VBT + 4 HS nối tiếp nhau nêu yêu cầu của bài tập. + Nhận nhiệm vụ. Tự làm các bài tập vào vở. + Vài HS đọc kết quả trước lớp . $\frac{1}{4}+\frac{3}{5}=\frac{5}{20}+\frac{12}{20}=\frac{17}{20}$; $\frac{3}{2}+\frac{2}{3}=\frac{9}{6}+\frac{4}{6}=\frac{13}{6}$;... +HS nêu lại cách cộng hai phân số + 2 HS lên bảng làm. + Đối chiếu với bài làm trên bảng, nhận xét, sửa chữa (nếu sai). a) $\frac{3}{15}+\frac{2}{5}=\frac{1}{5}+\frac{2}{5}=\frac{3}{5}$ b) $\frac{4}{6}+\frac{18}{27}=\frac{2}{3}+\frac{2}{3}=\frac{4}{3}$ - HS nêu đề bài và tự làm. + HS nêu lại cách thực hiện + 1 HS đọc đề toán. + 1 HS lên bảng chữa. Lớp tự làm vào vở. ***giải*** Số đội viên tham gia tập hát và đá bóng là: $\frac{3}{7}+\frac{2}{5}=\frac{29}{35}$ (số đội viên chi đội) Đáp số: $\frac{29}{35}$ số đội viên chi đội

Chính tả:

Chợ tết

I, Mục đích: Giúp học sinh

- Nhớ viết đúng, trình bày đẹp đoạn thơ từ "dải mây trắng... ngộ nghĩnh đuổi theo sau" trong bài thơ "Chợ tết".
- Làm đúng bài tập chính tả: phân biệt các vần ưc/ưt trong bài tập 2.

II, Đồ dùng dạy học:

- Giấy khổ to viết sẵn 2 lần nội dung mẫu chuyện "Một ngày và một năm".
- Viết sẵn các từ cần kiểm tra bài cũ vào 1 tờ giấy nhỏ.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	***Hoạt động của trò***
A. Bài cũ: ***B. Dạy học bài mới:*** ***1. Giới thiệu bài*** ***2: Hướng dẫn nhớ-viết chính tả*** ***a) Tìm hiểu đoạn văn*** + Yêu cầu học sinh đọc thuộc lòng từ "dải mây trắng... đuổi theo sau" trong bài "Chợ tết". *+ Mọi người đi chợ tết trong khung cảnh đẹp như thế nào?* *+ Mỗi người đi chợ tết với những tâm trạng và dáng vẻ ra sao?* ***b) HD HS viết từ dễ lẫn khi viết*** + Hãy tìm các từ dễ lẫn khi viết? + Yêu cầu học sinh luyện viết từ khó. c) Y/C hs nhớ viết + Yêu cầu học sinh nhớ và viết bài chính tả (Lưu ý cách trình bày bài thơ). + Chấm bài của 1 số học sinh, nhận xét. ***3. Luyện tập*** Ô 2: Chứa tiếng có âm ưc hoặc ưt.	+ 2 HS đọc.HS khác theo dõi *+ Mọi người đi chợ tết trong khung cảnh rất đẹp: Mây trắng đỏ dần theo ánh nắng mặt trời trên đỉnh núi, sương chưa tan hết.* *+ ... trong tâm trạng vui, phấn khởi: thằng cu áo đỏ chạy lon xon, cụ già chống gậy bước lom khom, cô yếm thắm che môi cười lặng lẽ, thằng em bé nép đầu bên yếm mẹ, hai người thôn gánh lợn chạy đi đầu.* *+ ôm ấp, nhà gianh, viền, nép, lon xon, yếm thắm, ngộ nghĩnh...* + HS luyện viết. + HS viết bài. + HS soát bài chính tả.

+ Truyện đáng cười ở điểm nào? ***C, Củng cố - dặn dò:*** - Nhận xét giờ học - Dặn HS luyện viết ở nhà và chuẩn bị bài sau.	+ 2 HS nêu yêu cầu của bài tập. + 2 HS lên bảng lớp làm, cả lớp dùng bút chì làm vào vở. ***Họa sĩ, nước Đức, sung sướng, không hiểu sao, bức tranh.*** *+ Người họa sĩ trẻ ngây thơ không hiểu rằng Men-xen là 1 họa sĩ nổi tiếng, ông dành nhiều tâm huyết, thời gian cho mỗi bức tranh nên ông được mọi người hâm mộ và tranh của ông bán rất chạy.*

Tập làm văn:

Đoạn văn trong bài văn miêu tả cây cối

I, Mục tiêu: Giúp học sinh

- Nắm được đặc điểm nội dung hình thức của đoạn văn trong bài văn miêu tả cây cối.
- Nhận biết và bước đầu biết cách xây dựng một đoạn văn nói về lợi ích của loài cây mà em biết.

II, Đồ dùng dạy học: Tranh ảnh về cây gạo hoặc cây trám đen (nếu có), giấy khổ to + bút dạ.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	*Hoạt động của trò*
A. Kiểm tra bài cũ: ***B. Dạy học bài mới:*** ***1. Giới thiệu bài*** ***2. Tìm hiểu ví dụ*** ***Bài 1, 2, 3:*** + YC HS thảo luận cặp đôi theo trình tự: 1) Đọc bài "Cây gạo" trang 32. 2) Xác định từng đoạn văn trong bài.	+ 1 HS đọc yêu cầu và nội dung. + Thảo luận cặp đôi.Tiếp nối nhau nêu. - *Đoạn 1: "Cây gạo già... nom chật*

3) Tìm nội dung chính của mỗi đoạn. → Ghi nhớ (SGK) ***3: Luyện tập*** ***Bài 1:*** Xác định các đoạn văn và nội dung chính của từng đoạn trong bài văn dưới đây. + Kết luận câu trả lời đúng. *- Đ1: "ở đầu bản tôi... chừng một gang": Tả bao quát thân cây, cành cây, tán lá và lá cây trám đen.* *- Đ2: "Trám đen...mà không chạm hạt": Tả 2 loại trám đen: Trám đen tẻ và trám đen nếp.* <u>Bài 2:</u> Hãy viết 1 đoạn văn nói về ích lợi của 1 loài cây mà em biết. + Chữa bài trên bảng và bài của 1 số HS đọc. ***C, Củng cố - dặn dò:*** - Nhận xét giờ học - Dặn HS chuẩn bị bài sau.	*hẹp".* *Tả thời kì ra hoa của cây gạo* *- Đoạn 2: "Hết mùa hoa... về thăm quê mẹ".* *Tả cây gạo hết mùa hoa* *- Đoạn 3: "Ngày tháng đi… nồi cơm gạo mới"* *Tả cây gạo thời kì ra quả* + 2 HS đọc to. + 2 HS nêu yêu cầu của bài tập và đọc nội dung. + Thảo luận cặp đôi. Đại diện các nhóm nêu. *- Đ3: "Cùi trám đen… trộn với xôi hay cốm": ích lợi của quả trám đen.* *- Đ4: "Chiều chiều… ở đầu bản": Tình cảm của dân bản và người tả với cây trám đen.* + 1 HS nêu yêu cầu của bài tập. + Cả lớp làm vào vở; 3 HS làm vào tờ giấy to. + Trình bày, nhận xét

SINH HOẠT CUỐI TUẦN 23

I. Mục tiêu:

- HS nắm được những ưu điểm, khuyết điểm của mình trong tuần để có hướng sửa chữa.

II. Nội dung:

1. GV nhận xét chung về ưu điểm, nhược điểm của lớp:

a. Ưu điểm:

- Đi học đều, đúng giờ, khăn quàng, giầy dép đầy đủ, cú ý thức học tập có tiến bộ hơn.
- Một số em có ý thức học tốt hơn như: .....
- Một số em viết chữ tương đối đẹp: .....

b. Nhược điểm:

- Một số em ý thức học tập chưa tốt như: .....

- Một số em viết chữ rất xấu như: .....
- Một số em vệ sinh cá nhân chưa sạch như: .....
- Một số chưa có ý thức giữ gìn sách vở : .....

2. Phương hướng:

- Tiếp tục phát huy những ưu điểm đã có.
- Chấm dứt tình trạng nói chuyện riêng trong giờ.
- Tuyên dương 1 số HS ý thức học tốt.
- Nhắc nhở 1 số HS có nhiều khuyết điểm

Tuần 24

Thứ hai ngày ... tháng .... năm 20....

Tập đọc:

VẼ VỀ CUỘC SỐNG AN TOÀN

I, Mục đích: Giúp học sinh

- Bieọt ụọc đúng bản tin giọng hơi nhanh, phù hợp với nội dung báo tin vui.
- Hiểu nội dung bài: *Cuộc thi vẽ **em muốn sống an toàn** được thiếu nhi cả nước hưởng ứng bằng những bức tranh thể hiện nhận thức đúng đắn về an toàn, đặc biệt là an toàn giao thông.*
- Trả lời đúng các câu hỏi trong SGK.

******KNS:***

-Tự nhận thức, xác định gái trị cá nhân.

- Tư duy sáng tạo.
- Đảm nhận trách nhiệm

Trả lời được các câu hỏi trong SGK.

II, Đồ dùng dạy học: - Tranh vẽ của học sinh về an toàn giao thông (nếu có).

- Bảng phụ ghi sẵn câu văn, đoạn văn cần luyện đọc.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	***Hoạt động của trò***
A. Kiểm tra bài cũ ***B. Dạy học bài mới:*** ***1. Giới thiệu bài*** ***2. Hướng dẫn luyện đọc*** + Chia đoạn, y/c hs đọc nối tiếp đoạn + Theo dõi, sửa lỗi phát âm cho học sinh + HD HS đọc ngắt nghỉ đúng các câu dài	+ 5 HS lần lượt đọc nối tiếp nhau theo 5 đoạn của bài (3 lượt). - Lượt1: Luyện đọc đúng

+ Y/C hs đọc bài theo cặp + Y/C hs đọc bài cá nhân + Đọc mẫu toàn bài với giọng thông báo tin vui, rõ ràng, mạch lạc, to, tốc độ hơi nhanh. ***3. Tìm hiểu bài*** + YC HS đọc thầm toàn bài, trao đổi, thảo luận và tiếp nối nhau trả lời câu hỏi. *+ Chủ đề của cuộc thi vẽ là gì?* *+ Cuộc thi vẽ tranh về chủ điểm: "Em muốn sống an toàn" nhằm mục đích gì?* *+ Tên của chủ điểm gợi cho em điều gì?* *+ Thiếu nhi hưởng ứng cuộc thi như thế nào?* *+ Đoạn 1 và 2 nói lên điều gì?* + YC HS đọc phần còn lại, trao đổi và trả lời câu hỏi. *+ Điều gì cho thấy các em nhận thức đúng về chủ đề cuộc thi?* *+ Những nhận xét nào thể hiện sự đánh giá cao khả năng thẩm mĩ của các em?* *+ Đoạn cuối bài cho ta biết điều gì?* + Bài đọc có nội dung chính là gì? ***4 . Hướng dẫn đọc diễn cảm*** + YC HS đọc toàn bài. Cả lớp theo dõi để phát hiện ra giọng đọc hay. + YC HS tìm ra cách đọc và luyện đọc.	+ 2HS nêu cách đọc và đọc đúng các câu dài - Lượt2: Luyện đọc + giải nghĩa từ - Lượt 3: luyện đọc lại + Luyện đọc theo cặp. + 2 HS đọc toàn bài. + Đọc thầm. + 2 HS ngồi cùng bàn trao đổi, thảo luận. *+ Chủ đề của cuộc thi vẽ là "Em muốn sống an toàn".* *+ Nhằm nâng cao ý thức phòng tránh tai nạn cho trẻ em.* *+ Muốn nói đến ước mơ, khát vọng của thiếu nhi về một cuộc sống an toàn, không có tai nạn giao thông, người chết hay bị thương.* *+ Chỉ trong vòng 4 tháng đã có 50000 bức tranh của thiếu nhi từ khắp mọi miền đất nước gửi về ban tổ chức.* ****** ý1: Sự hưởng ứng của thiếu nhi cả nước với cuộc thi.*** + Đọc thầm trao đổi, thảo luận tìm câu trả lời. *+ Chỉ cần điểm tên 1 số tác phẩm cũng thấy kiến thức an toàn giao thông của thiếu nhi cũng rất phong phú.* *+ 60 bức tranh được chọn treo ở triển lãm, trong đó có 46 bức đoạt giải. Phòng tranh trưng bày là phòng tranh đẹp, màu sắc tươi tắn, bố cục rõ ràng, ý tưởng hồn nhiên, trong sáng…* ***ý2: Nhận thức của các em nhỏ về***

+ Tổ chức cho HS luyện đọc diễn cảm đoạn văn trên. + Gọi HS đọc diễn cảm toàn bài. + Nhận xét, cho điểm HS. ***C, Củng cố - dặn dò:*** - Củng cố lại nội dung bài học. - Dặn HS chuẩn bị bài sau.	***cuộc sống an toàn bằng ngôn ngữ hội họa*** Nội dung: ***Sự hưởng ứng của thiếu nhi cả nước đối với cuộc thi vẽ tranh theo chủ đề:*** "***Em muốn sống an toàn***". + 1 HS đọc cả bài. + Lớp theo dõi phát hiện ra giọng đọc hay. + 2 HS ngồi cùng bàn tìm ra giọng đọc + HS luyện đọc diễn cảm theo cặp + 3 - 5 HS thi đọc. + Cả lớp theo dõi và bình chọn bạn đọc hay. + 2 HS đọc toàn bài.

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Toán:

LUYỆN TẬP

I, Mục tiêu: Giúp học sinh

- Thực hiện được phép cộng hai phân số, cộng một số tự nhiờn với phõn số, cộng một phõn số với số tự nhiờn.
- Bài tập cần làm: 1, 3

II, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	***Hoạt động của trò***
HĐ1: Củng cố kĩ năng cộng phân số ***HĐ2: Luyện tập*** + YC HS nối tiếp nhau nêu yêu cầu các bài tập. +GV theo dõi HS làm bài, có thể giúp đỡ HS yếu . + Hướng dẫn HS chữa bài tập. ***Bài 1:*** Tính	 - HS làmbài vào VBT + 4 HS nối tiếp nhau nêu yêu cầu của bài tập. + Nhận nhiệm vụ. Tự làm các bài tập vào vở. + HS tự làm vào vở. + Vài HS đọc kết quả trước lớp .

+ Nhận xét, củng cố lại cách cộng 2 phân số	+ Lớp theo dõi, nhận xét. +Thống nhất KQ đúng . $\frac{1}{4}+\frac{3}{5}=\frac{5}{20}+\frac{12}{20}=\frac{17}{20}$; $\frac{3}{2}+\frac{2}{3}=\frac{9}{6}+\frac{4}{6}=\frac{13}{6}$; ...
Bài 3: Rút gọn rồi tính. + Nhận xét, lưu ý HS khi cộng các phân số có thể rút gọn phân số rồi tính sẽ thuận lợi hơn	+ 2 HS lên bảng làm. + Lớp đổi vở để kiểm tra kết quả lẫn nhau. + Đối chiếu với bài làm trên bảng, nhận xét, sửa chữa (nếu sai). a) $\frac{3}{15}+\frac{2}{5}=\frac{1}{5}+\frac{2}{5}=\frac{3}{5}$; b) $\frac{4}{6}+\frac{18}{27}=\frac{2}{3}+\frac{2}{3}=\frac{4}{3}$
Bài 4: HSKG: Giải toán	+ 1 HS đọc đề toán. 1 HS lên bảng chữa. + Lớp tự làm vào vở. Nhận xét, bổ sung. ***Giải*** Số đội viên tham gia tập hát và đá bóng là: $\frac{3}{7}+\frac{2}{5}=\frac{29}{35}$ (số đội viên chi đội) Đáp số: $\frac{29}{35}$ số đội viên chi đội
+ Nhận xét, đánh giá. + Thu 1 số vở để chấm bài. ***3. Củng cố - dặn dò:*** - Nhận xét giờ học. - Giao bài tập về nhà.	

Địa lí:

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

I, Mục tiêu: Giúp học sinh nêu được một số đặc điểm chủ yếu của Thành phố Hồ Chí Minh:

- Vị trí: nằm ở đồng bằng Nam Bộ, ven sông Sài Gũn.
- Thành phố lớn nhất cả nước.
- Trung tâm kinh tế, văn hóa, khoa học lớn: các sản phẩm công nghiệp của thành phố đa dạng; hoạt động thương mại rất phát triển .
- Chỉ được thành phố Hồ Chí Minh trên bản đồ.

II, Đồ dùng dạy học:

- Bản đồ Việt Nam hoặc lược đồ Đồng bằng Nam Bộ
- Lược đồ hoặc bản đồ Thành phố Hồ Chí Minh.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	*Hoạt động của trò*
A. Kiểm tra bài cũ: ***B. Dạy học bài mới:*** ***1. Giới thiệu bài*** ***HĐ1: Tìm hiểu Thành phố Hồ Chí Minh là thành phố lớn nhất cả nước*** * Yêu cầu học sinh đọc SGK và trả lời câu hỏi theo cặp: *- Thành phố Hồ Chí Minh đã bao nhiêu tuổi?* *- Trước đây Thành phố có tên gọi là gì?* *- Thành phố mang tên Bác từ khi nào?* → Với lịch sử hơn 300 năm, Thành phố Hồ Chí Minh được coi là 1 thành phố trẻ. * Quan sát lược đồ hình 1 SGK, chỉ vị trí của Thành phố Hồ Chí Minh trên lược đồ, trả lời câu hỏi SGK. + Treo lược đồ Thành phố Hồ Chí Minh, yêu cầu học sinh lên chỉ. + Treo bản đồ Việt Nam yêu cầu học sinh lên chỉ và nêu 2 câu trả lời 2 câu hỏi SGK. * Yêu cầu học sinh quan sát bảng số liệu trang 128. + Tại sao nói Thành phố Hồ Chí Minh là thành phố lớn nhất cả nước? + YC HS đánh số thứ tự về diện tích, dân số của các tỉnh trong bảng số liệu theo thứ tự lớn dần. + YC 1 HS lên chỉ trên bản đồ và nêu vị	 +Thảo luận, đại diện các nhóm trình bày. + Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. *- Thành phố Hồ Chí Minh đã hơn 300 tuổi rồi.* *- Trước đây có tên là Sài Gòn - Gia Định.* *- Từ 1976.* + HS chỉ trong SGK. + 2 HS lên chỉ trên bảng. + 2 HS lên chỉ trên bản đồ và nêu: *- Thành phố Hồ Chí Minh tiếp giáp với các tỉnh: Bà Rịa - Vũng Tàu, Đồng Nai, Bình Dương, Tây Ninh, Long An, Tiền Giang.* *- Từ Thành phố Hồ Chí Minh đi tới các tỉnh khác bằng các loại đường giao thông: Đường ô tô, đường sắt, đường thủy, đường hàng không.* + 1 HS đọc to bảng số liệu. + Vì có số dân nhiều nhất và diện tích lớn nhất cả nước. + 1 HS nêu, lớp nhận xét.

trí của thành phố Hồ Chí Minh. ***HĐ2: Tìm hiểu vì sao Thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm văn hóa, kinh tế, khoa học của cả nước*** + YC HS quan sát hình 3, 4, 5 (SGK) và giới thiệu về chợ Bến Thành: 1) Vì sao Thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm kinh tế lớn của cả nước? 2) Vì sao nói Thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm khoa học lớn của cả nước? 3) Vì sao nói Thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm văn hóa lớn của cả nước? → Chốt ý. ***C, Củng cố - dặn dò:*** - Nhận xét giờ học. - Dặn HS học bài và chuẩn bị bài sau.	+ 1 HS lên chỉ và nêu. +HS quan sát hình 3, 4, 5 (SGK) và giới thiệu: *Đây là chợ Bến Thành, 1 chợ lớn nổi tiếng của Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi đây trao đổi buôn bán rất nhiều hàng hóa. Hoạt động mua bán diễn ra tấp nập, thường xuyên.* *- Đây là 1 góc của công viên Đầm Sen – nhà hoa ôn đới. Công viên Đàm Sen nổi tiếng khắp cả nước về các khu vui chơi, giải trí kì lạ, nhiều trò chơi hấp dẫn.* *- Đây là những hoạt động sản xuất diễn ra thường ngày ở Thành phố Hồ Chí Minh. Các sản phẩm này sẽ được sử dụng trong nước và xuất khẩu.* *+ Vì ở đây có các ngành công nghiệp rất đa dạng: điện, luyện kim....* *- Ở đây có các khu chợ, siêu thị lớn: chợ Bến Thành, siêu thị Metra, Makco....* *- Ở đây có cảng Sài Gòn, sân bay Tân Sơn Nhất.* *- Vì ở đây có các trường Đại học lớn của cả nước: Đại học Quốc gia, Đại học Kĩ thuật, Đại học Kinh tế, Đại học Y Dược.....* *- Có viện nghiên cứu các bệnh nhiệt đới, các bệnh viện lớn....* *- Vì ở nơi đây có khu bảo tàng lịch sử*

	Việt Nam, khu lưu niệm Bác Hồ, bảo tàng Tôn Đức Thắng. *- Nơi đây có nhà hát lớn thành phố.* *- Ở đây còn có khu công viên nước Đầm Sen, khu du lịch Suối Tiên.*

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Đạo đức:

GIỮ GÌN CÁC CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG (Tiết 2)

I, Mục tiêu:

- Có ý thức giữ gìn, bảo vệ các công trình công cộng.
- Đồng tình, khen ngợi những người tham gia giữ gìn các công trình công cộng, không đồng tình với những người không có ý thức giữ gìn các công trình công cộng.
- Biết tôn trọng giữ gìn và bảo vệ các công trình công cộng.

****** KNS:***

- Kĩ năng xác định giá trị văn hóa tinh thần của những nơi công cộng.
- Kĩ năng thu thập xử lí thông tin về các hoạt động giữ gỡn các cụng trỡnh cụng cộng ở địa phương

****** BVMT:*** Cần bảo vệ và giữ gỡn mụi trường các cụng trỡnh cụng cộng vỡ nú ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng cuộc sống của chỳng ta.

II, Đồ dùng dạy học: - Tranh minh họa SGK.
- Mỗi học sinh có 3 tấm bìa: xanh, đỏ, trắng.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	***Hoạt động của trò***
A. Kiểm tra bài cũ ***B. Dạy học bài mới:*** **** Giới thiệu bài*** **** HĐ1:Tìm hiểu tại sao phải bảo vệ các công trình công cộng*** + Chia 4 nhóm, tổ chức cho HS thảo luận tình huống trang 34 SGK. + Y/C các nhóm trình bày + Nhận xét, tiểu kết: *Công trình công cộng là tài sản chung của xã hội. Mọi người dân đều có trách nhiệm và giữ*	 + Các nhóm trao đổi, thảo luận thư kí ghi kết quả thảo luận. + Đại diện các nhóm lên trình bày kết quả. + Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. *- Nếu là bạn Thắng, em sẽ không đồng*

gìn. ***HĐ2:Tìm hiểu về bảo về công trình công cộng như thế nào (BT 4 - SGK)*** + Giao cho từng cặp thảo luận bài tập 4. +Y/C các nhóm trình bày + Nhận xét, kết luận*: Mọi người dân không kể già, trẻ, nghề nghiệp... đều phải có trách nhiệm giữ gìn, bảo vệ các công trình công cộng.* **** HĐ3: Xử lí tình huống*** (BT 3 - SGK) + YC 2 HS lên nêu tình huống SGK. + YC các nhóm thảo luận, xử lí tình huống. + Nhận xét, tiểu kết → Rút ra nội dung bài học. ***C, Củng cố - dặn dò:*** - Nhận xét giờ học. Dặn HS chuẩn bị bài sau.	*tình với việc làm của Tuấn. Vì nhà văn hóa xã là nơi sinh hoạt văn hóa của mọi người. Viết, vẽ lên tường sẽ làm bẩn tường.* + 2 HS nêu yêu cầu của bài 1. + Các nhóm thảo luận theo cặp. + Theo từng nội dung, đại diện các nhóm trình bày, tranh luận ý kiến trước lớp. *a, Cần báo cho người lớn, hoặc những người có trách nhiệm về việc này như công an, nhân viên đường sắt.* *b, Cần phân tích ích lợi của biển báo giao thông, giúp các bạn nhỏ thấy rõ tác hại của hành động ném đất đá vào biển báo và khuyên ngăn họ.* + 2 HS đọc phần ghi nhớ. + Lớp đọc thầm.

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Thứ ba ngày 15 tháng 2 năm 2011

<u>Thể dục</u>

Giáo viên chuyên dạy

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

<u>Toán:</u>

PHÉP TRỪ PHÂN SỐ

I, Mục tiêu: Giúp học sinh

- Biết trừ 2 phân số có cùng mẫu số.
- Bài 1, 2.

II, Đồ dùng dạy học: 2 băng giấy hình chữ nhật có kích thước 1dm x 6dm, kộo.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	*Hoạt động của trò*
A. Kiểm tra bài cũ:	
B. Dạy học bài mới:	
**** Giới thiệu bài***	
****HĐ1: Hướng dẫn học sinh hoạt động với đồ dùng trực quan***	
+ YC HS cắt lấy $\frac{3}{6}$ băng giấy.	+ HS dùng bút và thước chia 2 băng giấy đã chuẩn bị thành 6 phần bằng nhau.
+ YC HS đặt phần còn lại lên băng giấy còn nguyên.	+ HS thực hành cắt lấy 3 phần bằng nhau.
+ Nhận xét xem phần còn lại bằng bao nhiêu phần của băng giấy?	
+ Vậy $\frac{5}{6}-\frac{3}{6}=?$	+ Còn $\frac{2}{6}$ băng giấy.
**** HĐ2: Hình thành phép trừ 2 phân số có cùng mẫu số***	+ Học sinh nêu $\frac{5}{6}-\frac{3}{6}=\frac{2}{6}$.
+ Theo kết quả hoạt động với băng giấy thì $\frac{5}{6}-\frac{3}{6}=?$	+ HS cùng thảo luận để đưa ra ý kiến. Lấy 5 - 3 = 2 được tử số của hiệu, mẫu số vẫn giữ nguyên.
+ Theo em làm thế nào để có $\frac{5}{6}-\frac{3}{6}=\frac{2}{6}$.	
+ Yêu cầu HS nêu cách trừ 2 phân số có cùng mẫu số như SGK.	+ 2 HS nhắc lại quy tắc SGK.
+ Muốn kiểm tra phép trừ ta làm như thế nào?	
+ Nhận xét, củng cố lại.	+ Thử lại bằng phép cộng $\frac{2}{6}+\frac{3}{6}=\frac{5}{6}$.
**** HĐ3: Thực hành***	
Bài 1: Tính	
+ Củng cố lại cách trừ 2 phân số có cùng mẫu số cho học sinh.	+ HS tự làm bài tập trong vở bài tập.
Bài 2, 3: Củng cố về rút gọn phân số	
- Giáo viên lưu ý học sinh khi làm bài 2, 3 rút gọn đưa về hai phân số cùng mẫu số rồi tính.	+ 2 HS lên bảng làm. Kết quả: $1;\frac{3}{2};\frac{2}{5};\frac{12}{41}$

Bài 4: Củng cố về giải toán có phép tính trừ phân số. ***C, Củng cố - dặn dò:*** - Nhận xét giờ học. Dặn HS chuẩn bị bài sau.	+ Lớp nhận xét, bổ sung. Nêu cách trừ hai phân số cùng mẫu số. HS chữa bài: Kết quả: Bài 2: $2;\frac{1}{3};\frac{3}{5};$ Bài 3: $\frac{5}{2};\frac{1}{3};\frac{1}{2}$ + Nhận xét, chữa bài. Nêu lại cách rút gọn phân số. + HS lên bảng chữa bài 4: KQ: $\frac{2}{23}$ số trẻ em + Lớp nhận xét, bổ sung (nếu sai).

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Luyện từ và câu:

CÂU KỂ AI LÀ GÌ ?

I, Mục đích Giúp học sinh

- Hiểu tác dụng và cấu tạo của câu kể Ai là gì?
- Nhận biết được câu kể *Ai là gì?* trong đoạn văn ở bài tập 1.
- Biết đặt câu kể Ai là gì? theo mẫu đã học để giới thiệu về người bạn, người thân trong gia đình ở bài tập 2.

II, Đồ dùng dạy học: - Giấy khổ to ghi từng phần bài tập 1 lên bảng.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	***Hoạt động của trò***
A. Kiểm tra bài cũ: ***B. Dạy học bài mới:*** ****Giới thiệu bài*** ***1: Tìm hiểu ví dụ*** + YC 4 HS tiếp nối nhau đọc phần nhận xét. ***Bài 1+2:*** + YC HS trao đổi, thảo luận, tiếp nối nhau trả lời câu hỏi. *+ Câu nào dùng để giới thiệu, câu nào nêu nhận định về bạn Diệu Chi?* + Nhận xét, kết luận câu trả lời đúng.	 + 4 HS nối tiếp nhau đọc trước lớp. + 2 HS ngồi cùng bàn trao đổi, thảo luận và tìm câu trả lời. *+ Câu giới thiệu về bạn Diệu Chi:* ***Đây là Diệu Chi... trường TH Thành Công.*** *+ Câu nhận định về bạn Diệu Chi:* ***Bạn ấy là một họa sĩ nhỏ đấy.***

Bài 3: + Gọi HS nêu yêu cầu của bài tập. + YC HS thảo luận nhóm đôi, hoàn thành bài tập 3 vào vở bài tập. + Nhận xét, bổ sung, chốt lại lời giải đúng + Giới thiệu*: Các câu giới thiệu và nhận định về bạn Diệu Chi là kiểu câu kể Ai là gì?* + Vậy bộ phận chủ ngữ và vị ngữ trong câu chỉ Ai là gì? trả lời cho những câu hỏi nào? ***Bài 4:*** + Nêu yêu cầu: Các em hãy cho biết 3 kiểu câu đã học Ai làm gì? Ai thế nào? Ai là gì? giống và khác nhau ở điểm nào? ***2: Ghi nhớ:*** + Nhận xét, bổ sung, tiểu kết → Rút ra nội dung cần ghi nhớ. + Lấy VD minh họa ***3: Luyện tập*** ***Bài 1:*** + Gọi HS nêu yêu cầu của bài tập. + YC HS tự làm bài. Hướng dẫn học sinh chữa bài. Nhận xét, kết luận lời giải đúng .	+ 1 HS nêu yêu cầu bài 3. + 2 HS ngồi cạnh nhau trao đổi, thảo luận hoàn thành bài tập 3. + Đại diện 2 nhóm lên làm bài trên bảng. + Lớp nhận xét, bổ sung. ***Ai?*** ***Là gì? (Là ai?)*** - ***Đây//*** *là Diệu Chi, bạn mới của lớp ta* - ***Bạn Diệu Chi*** *// là học sinh của Trường TH Thành Công* - ***Bạn ấy//*** *là một họa sĩ nhỏ đấy* *+ Bộ phận chủ ngữ trả lời cho câu hỏi Ai?* *+ Bộ phận vị ngữ trả lời cho câu hỏi Là gì?* + HS thảo luận cả lớp. 1 số HS nêu ý kiến. + Lớp nhận xét, bổ sung. - Giống nhau: ***Bộ phận chủ ngữ cùng trả lời cho câu hỏi Ai? (Cái gì, con gì)*** - Khác nhau: **** Câu kể Ai làm gì? Vị ngữ trả lời cho câu hỏi Làm gì?*** **** Câu kể Ai thế nào? Vị ngữ trả lời cho câu hỏi thế nào?*** **** Câu kể Ai là gì? Vị ngữ trả lời cho câu hỏi là gì?*** + 2 HS đọc phần ghi nhớ – Lớp đọc thầm. + Lấy VD minh họa ghi nhớ

Câu kể Ai là gì? ***a) Thì ra đó là.... chế tạo*** ***Đó là chiếc máy... hiện đại*** ***b) Lá là lịch của cây*** ***- Cây lại là lịch đất.*** ***- Trăng lặn....mọc/ Là lịch.... bầu trời.*** ***- Mười ngón tay là lịch.*** ***- Lịch lại là trang sách.*** ***c) Sầu riêng là loại...miền Nam.*** * GV củng cố về câu kể Ai là gì? ***Bài 2:***+ Gọi HS đọc yêu cầu của bài tập. + YC HS làm việc theo cặp. + Hướng dẫn học sinh cả lớp bình chọn bạn có đoạn giới thiệu đúng đề tài, hay nhất. ** Giúp hs phát triển kĩ năng nói tự nhiên qua việc giới thiệu về bạn.* ***C, Củng cố - dặn dò:*** - Nhận xét giờ học. Dặn HS chuẩn bị bài sau	+ 1 HS nêu yêu cầu bài tập 1. + 3 HS làm bài vào giấy khổ to lên bảng dán kết quả. + Lớp nhận xét, chữa bài cho bạn. Tác dụng ***+ Câu giới thiệu về thứ máy mới.*** ***- Câu nhận định về giá trị của chiếc máy tính đầu tiên.*** ***+ Nêu nhận định (chỉ mùa)*** ***-Nêu nhận định (chỉ vụ hoặc chỉ năm)*** ***- Nêu nhận định (chỉ ngày đêm)*** ***- Nêu nhận định (đếm ngày, tháng)*** ***- Nêu nhận định (năm học)*** ***+ Chủ yếu nêu nhận định về giá trị của sầu riêng bao hàm cả giới thiệu về loại trái cây này.*** + 1 HS nêu yêu cầu của bài tập. + 2 HS ngồi cùng trao đổi, thảo luận, giới thiệu về gia đình mình cho nhau nghe. + 4 - 5 học sinh nối tiếp nhau giới thiệu về bạn hoặc gia đình mình trước lớp. + Lớp nhận xét, bổ sung. + HS lớp bình chọn.

Khoa học:

ÁNH SÁNG CẦN CHO SỰ SỐNG

I, Mục tiêu: Giúp học sinh

- Nêu được vai trò của ánh sáng đối với đời sống con người: có thức ăn, sưởi ấm, sức khỏe; đối với đời sống thực vật.
- Hiểu được mỗi loài thực vật có nhu cầu ánh sáng khác nhau.

- Hiểu được nhờ ứng dụng các kiến thức về nhu cầu ánh sáng của thực vật trong trồng trọt.

II, Đồ dùng dạy học: Học sinh mang đến lớp cây đã trồng ở tiết trước.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu

Hoạt động của thầy	***Hoạt động của trò***
A. Kiểm tra bài cũ: ***B. Dạy học bài mới:*** ***1. Giới thiệu bài*** ***HĐ1: Vai trò của ánh sáng đối với sự sống của thực vật*** +Tổ chức cho HS hoạt động theo nhóm. + Yêu cầu HS quan sát các cây trao đổi, thảo luận nội dung sau: *+ Em có nhận xét gì về cách mọc của cây đậu?* *+ Cây có đủ ánh sáng sẽ phát triển như thế nào?* *+ Cây sống ở nơi thiếu ánh sáng sẽ ra sao?* *+ Điều gì sẽ xảy ra với thực vật nếu không có ánh sáng?* + Nhận xét kết quả thảo luận của các nhóm → Tiểu kết. + Yêu cầu HS quan sát hình 2 SGK và cho biết *tại sao những bông hoa này có tên là hoa hướng dương?* ***HĐ2:Tìm hiểu nhu cầu về ánh sáng của thực vật*** + YC HS đọc SGK thảo luận nhóm đôi nội dung sau: *- Tại sao 1 số loài cây chỉ sống được ở nơi ít ánh sáng, lại có những loài cây*	+ Các nhóm quan sát thảo luận trao đổi. + Đại diện 1 số nhóm nêu ý kiến. + Lớp nhận xét, bổ sung. *+ Các cây đậu khi mọc đều hướng về phía có ánh sáng. Thân nghiêng hẳn về phía có ánh sáng.* *+ Phát triển bình thường, lá xanh thẫm tươi.* *+ Sẽ bị héo lá, úa vàng, bị chết.* *+ Thực vật sẽ không quang hợp được và sẽ bị chết.* *+ Vì khi nở hoa quay về phía mặt trời.* + HS đọc SGK, thảo luận nhóm đôi. + Đại diện nêu ý kiến. Lớp nhận xét, bổ sung. *- Vì nhu cầu ánh sáng của mỗi loài cây là khác nhau.* *- Các loài cây cần nhiều ánh sáng như: Cây lúa, ngô, cây ăn quả…*

sống được ở những nơi nhiều ánh sáng? *- Hãy kể 1 số loài cây cần nhiều ánh sáng, 1 số loài cây cần ít ánh sáng.* → Rút ra nội dung bài học. ***C, Củng cố - dặn dò:*** - Nhận xét giờ học. Dặn HS chuẩn bị bài sau.	*- Các cây cần ít ánh sáng như: Cây gừng, riềng, lá lốt, sống đời…* + Vài HS đọc phần bạn cần biết SGK.

Tập làm văn:

LUYỆN TẬP XÂY DỰNG ĐOẠN VĂN MIÊU TẢ CÂY CỐI

I, Mục đích: Giúp học sinh

- Vận dụng những hiểu biết về đoạn văn trong bài văn tả cây cối đã học để viết được một số đoạn văn cho hoàn chỉnh ở bài tập 2.

II, Đồ dùng dạy học:

- Viết sẵn vào bảng phụ 4 đoạn văn chưa hoàn chỉnh (4 tờ).

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu

Hoạt động của thầy	***Hoạt động của trò***
A. Kiểm tra bài cũ: ***B. Dạy học bài mới:*** ***1. Giới thiệu bài:*** ***2. Hướng dẫn học sinh làm bài tập.*** ***Bài 1:*** + YC HS đọc yêu cầu và nội dung. + Từng nội dung trong dàn ý trên thuộc phần nào trong cấu tạo của bài văn "Tả cây cối"? ***Bài 2:*** + 4 đoạn văn của bạn Hồng Nhung được viết theo các phần trong dàn ý ở bài tập 1. Các em viết tiếp vào… để hoàn chỉnh các đoạn văn.	 + 1 HS đọc trước lớp. *- Giới thiệu cây chuối: Phần mở bài.* *- Tả bao quát, tả từng bộ phận của cây chuối: Phần thân bài.* *- Nêu ích lợi của cây chuối: Phần kết bài.* + HS nêu yêu cầu của bài tập. + 4 HS làm vào 4 tờ phiếu. Cả lớp làm vào vở bài tập + 4 hs dán phiếu bài làm trên bảng

+ YC HS dán phiếu lên bảng lớp. + Nhận xét , kết luận bài làm đúng. ***C, Củng cố - dặn dò:*** - Nhận xét giờ học. Dặn HS chuẩn bị bài sau	+ 1 số HS đọc bài văn hoàn chỉnh. + Lớp nhận xét.

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Thứ tư ngày 16 tháng 2 năm 2011

Mỹ thuật:

TẬP NẶN TẠO DÁNG: NẶN DÁNG NGƯỜI ĐƠN GIẢN.

I .Mục tiêu: Giúp hs:

-Nhận biết được các bộ phận chính và các động tác của con người khi hoạt động.

-Làm quen với hình khối điêu khắc (tượng tròn) và nặn được một dáng người đơn giản theo ý thích.

-Hs quan tâm tìm hiểu các hoạt động của con người.

II. Đồ dùng dạyhọc:

-GV: Sưu tầm tranh ảnh về các dáng người, hoặc tượng có hình ngộ nghĩnh, cách điệu như búp bê, con tò he. Đất nặn.

-HS: Đất nặn. Một miếng gỗ nhỏ hay bìa cứng để làm bảng nặn. Một thanh tre hay gỗ có một đầu nhọn, một đầu dẹt để khắc, nặn các chi tiết.

III. Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	***Hoạt động của trò.***
****GTB: Trực tiếp.*** ****HĐ1: Quan sát, nhận xét*** -Gv giới thiệu ảnh, một số tượng người. - HD HS quan sát n/x về: dáng người các bộ phận, chất liệu để nặn, tạc. **** HĐ2 : Cách nặn dáng người*** - GV vừa thao tác vừa HD HS cách nặn B1 : Nhào, bóp đất sét cho mềm dẻo B2 : Nặn hình các bộ phận: đầu, mình, chân tay B3 : Gắn, dính các bộ phận thành hình người. B4 : Tạo thêm các chi tiết hoặc các h/ả	- HS theo dõi . - Quan sát nêu hoạt động của dáng người, các bộ phận đầu, mình, chân tay; chất liệu bằng đất hoặc gỗ. - HS tập trung q/sát các thao tác của GV.

khác có liờn quan đến ND nặn. **** HĐ3 : Thực hành :*** - GV nêu y/c thực hành: Nặn dáng người đơn giản. + Gợi ý HS sắp xếp các hình nặn thành đề tài theo ý thích. Nặn xong để khô sau đó có thể vẽ thêm màu cho đẹp . **** HĐ4 : Nhận xét đánh giá:*** - Gợi ý HS n/x về: Tỉ lệ hình, dáng HĐ và cách sắp xếp theo đề tài - GV n/x đánh giá và tuyên dương những em có SP đẹp. ***Dặn dò :*** VN nặn tạo dáng người theo ý thích. - Quan sát kiểu chữ nét thanh, nét đậm	- HS thực hành nặn - HS n/x bài của bạn theo bàn .

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Tập đọc

ĐOÀN THUYỀN ĐÁNH CÁ

I, Mục đích Giúp học sinh

- Bước đầu biết đọc diễn cảm một, hai khổ thơ trong bài với giọng vui, tự hào.
- Nội dung: ***Ca ngợi vẻ đẹp huy hoàng của biển cả và vẻ đẹp của lao động.***
- Trả lời được các câu hỏi SGK, thuộc 1,2 khổ thơ yêu thích.

*** BVMT: Qua câu chuyện giúp HS cảm nhận được vẻ đẹp huy hoàng của biển cả đồng thời thấy được giá trị của môi trường thiên nhiên đối với cuộc sống con người.

II, Đồ dùng dạy học: - Tranh minh họa SGK phóng to (nếu có điều kiện)
- Bảng phụ viết sẵn khổ thơ, đoạn thơ cần luyện đọc.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	*Hoạt động của trò*
A. Kiểm tra bài cũ ***B. Dạy học bài mới*** ****. Giới thiệu bài*** ***1: Hướng dẫn luyện đọc*** + Bài thơ gồm mấy khổ thơ?	+ 5 khổ thơ.

+ Y/C hs đọc nối tiếp khổ thơ +Y/C HS luyện đọc nhóm đôi. + Y/C hs luyện đọc cá nhân + Đọc mẫu bài tập đọc. ***2: Tìm hiểu bài*** + YC HS đọc thầm cả bài thơ. *+ Bài thơ miêu tả cảnh gì?* *+ Đoàn thuyền đánh cá ra khơi vào lúc nào? Những câu thơ nào cho biết điều đó?* *+ Đoàn thuyền đánh cá trở về vào lúc nào? Em biết điều đó nhờ những câu thơ nào?* *+ Tìm những hình ảnh nói lên vẻ đẹp huy hoàng của biển?* *+Vậy ý 1 của bài là gì* *+ Tìm những hình ảnh nói lên công việc đánh cá rất đẹp?* *+Nêu nội dung của ý 2:* *+Em cảm nhận được điều gì qua bài thơ?* ***3: Luyện đọc diễn cảm HTL*** + YC 5 HS tiếp nối nhau đọc.	+ 5 HS đọc nối tiếp theo khổ thơ (3 lượt) + HS luyện đọc nhóm đôi. + 2 HS đọc trước lớp. + HS đọc thầm cả bài thơ. *+ Bài thơ miêu tả cảnh đoàn thuyền đánh cá ra khơi và trở về với cá nặng đầy khoang.* *+ Đoàn thuyền đánh cá ra khơi vào lúc hoàng hôn. Câu thơ: "Mặt trời xuống biển như hòn lửa. Sóng đã cài then, đêm sập cửa" cho biết điều đó.* *+ Đoàn thuyền đánh cá trở về vào lúc bình minh. Những câu thơ cho biết điều đó là:* *Sao mờ kéo lưới kịp trời sáng* *Mặt trời đội biển nhô màu mới* *+ Mặt trời xuống biển như hòn lửa* *Sóng đã cài then, đêm sập cửa* *Mặt trời đội biển nhô màu mới* *Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi* ***ý1: Vẻ đẹp huy hoàng của biển*** *+ Câu hát căng buồm cùng gió khơi.* *Hát rằng: Cá bạc Biển Đông lặng* *Cá thu Biển Đông như đoàn thoi* *... Nuôi lớn đời ta tự buổi nào* *.....* *Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời.* ***ý2: Vẻ đẹp của những con người lao động trên biển*** Nội dung: ***Ca ngợi vẻ đẹp huy hoàng của biển và vẻ đẹp của những con người lao động trên biển.***

+ Bài thơ cần đọc như thế nào? + YC HS đọc khổ thơ 1 + 2. + Tổ chức cho HS học thuộc lòng theo từng khổ thơ, cả bài thơ. ***C, Củng cố - dặn dò:*** Dặn HS chuẩn bị bài sau	+ 5 HS đọc. + Đọc với giọng nhịp nhàng, khẩn trương thể hiện tâm trạng, hào hứng, phấn khởi của những người đánh cá trên biển. + 2 HS đọc trước lớp, HS nhận xét. + HS đọc nối tiếp theo khổ thơ, cả bài. + Một số HS học thuộc lòng trước lớp cả bài thơ.

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Toán:

Phép trừ phân số (tiếp)

I, Mục tiêu: Giúp học sinh

- Biết phép trừ 2 phân số khác mẫu số. Bài 1, 3

II, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	*Hoạt động của trò*
A. Kiểm tra bài cũ: ***B. Dạy học bài mới:*** ****Giới thiệu bài*** ****. HĐ1: Hướng dẫn cách trừ 2 phân số khác mẫu số*** + Nêu bài toánnhư sgk: + Để biết cửa hàng còn lại bao nhiêu phần của tấn đường ta làm thế nào? + HD thực hiện phép trừ $\frac{4}{5}-\frac{2}{3}$. + YC 1 số HS phát biểu ý kiến. + Vậy muốn thực hiện phép trừ 2 phân số khác mẫu số ta làm thế nào? ****. HĐ2: Luyện tập*** +YC HS tự làm bài vào vở . + Chấm bài của 1 số em, nhận xét.	 + 2 HS đọc đề bài, 1 HS tóm tắt đề toán. + Lấy $\frac{4}{5}-\frac{2}{3}$ + HS nêu: Ta quy đồng mẫu số của 2 phân số. - Thực hiện trừ 2 phân số. + 1 HS lên bảng làm bài. - Trừ 2 phân số: $\frac{4}{5}-\frac{2}{3}=\frac{12}{15}-\frac{10}{15}=\frac{2}{15}$ + Ta quy đồng mẫu số 2 phân số đó rồi trừ 2 phân số đó . + Ghi nhớ SGK – 2 HS nhắc lại. + HS lần lượt nêu yêu cầu của từng bài tập.

+ Hướng dẫn học sinh chữa bài. ***Bài 1,2:*** GV củng cố lại cách trừ 2 phân số khác mẫu số cho HS. ***Bài 3,4:*** Củng cố về giải toán * Lưu ý cách ghi đơn vị ở kết quả phép tính cho hs. ***C. Củng cố - dặn dò:*** - Làm bài tập ở SGK trang 130 và chuẩn bị bài sau.	+ HS tự làm bài tập. + 2 HS lên chữa bài 1,2. + Lớp nhận xét, bổ sung. Thống nhất cách làm đúng. Kết quả: Bài1: $\frac{11}{12};\frac{11}{5};\frac{34}{35};\frac{49}{15}$ Bài2: $\frac{5}{9};\frac{1}{6};\frac{23}{21}$ + 2 HS lên chữa bài. Đáp số bài 3: $\frac{1}{55}$ tấn thức ăn Đáp số bài4: $\frac{1}{12}$ bể nước - HS nhận xét và nêu lời giảI khác cho bài toán nếu có

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Kể chuyện:

KỂ CHUYỆN ĐƯỢC CHỨNG KIẾN HOẶC THAM GIA

I,_Mục đích Giúp HS

- Chọn được câu chuyện nói về một hoạt động đã tham gia để góp phần giữ gìn làng xóm (đường phố, trường học) xanh, sạch, đẹp.
- Biết sắp xếp các sự việc cho hợp lí để kể lại rõ ràng.
- Biết trao đổi với bạn về ý nghĩa câu chuyện.

******KNS:***

- Giao tiếp
- Thể hiện sự tự tin
- Ra quyết định
- Tư duy sáng tạo

****** BVMT:***

- Qua câu chuyện kể của mỡnh, HS biết phải BVMT để giữ gìn làng xóm (đường phố, trường học) xanh, sạch, đẹp.

II, Đồ dùng dạy học:

- Tranh ảnh về các phong trào giữ gìn môi trường xanh, sạch, đẹp.
- Dàn ý viết sẵn vào bảng phụ.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	*Hoạt động của trò*
A. Kiểm tra bài cũ:	
B. Dạy học bài mới	
1: Giới thiệu bài:	
2: Hướng dẫn kể chuyện	
+ Gọi HS đọc đề bài SGK.	+ 2 HS đọc thành tiếng trước lớp.
+ Phân tích đề bài, gạch chân dưới các từ: *em đã làm gì, xanh, sạch, đẹp.*	+ Theo dõi.
+ Gọi HS đọc phần gợi ý 1 SGK.	+ 2 HS tiếp nối nhau đọc từng phần gợi ý
+ YC HS giới thiệu về câu chuyện mình định kể trước lớp.	+ HS lần lượt giới thiệu về câu chuyện của mình trước lớp.
3. Thực hành	+ 2 HS đọc to - Lớp đọc thầm.
a. Kể trong nhóm:	
+ YC 2 HS ngồi cạnh nhau cùng kể chuyện, trao đổi với nhau.	+ 2 HS ngồi cùng bàn cùng kể chuyện, trao đổi với nhau về ý nghĩa của việc làm.
+ Đi giúp đỡ các nhóm gặp khó khăn.	
b. Kể trước lớp:	
+ Tổ chức cho HS thi kể trước lớp.	+ 5 - 7 HS thi kể và trao đổi với các bạn về ý nghĩa việc làm được kể trong truyện.
+ Khuyến khích học sinh lắng nghe và hỏi lại bạn để tạo không khí sôi nổi.	+ HS theo dõi, nhận xét để hỏi lại bạn hoặc trả lời câu hỏi bạn đưa ra.
+ Nhận xét, biểu dương.	+ Bình chọn bạn có câu chuyện hay có ý nghĩa.
C, Củng cố - dặn dò:	
- Nhận xét giờ học. Dặn HS chuẩn bị bài sau	

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Âm nhạc

ÔN BÀI HÁT *CHIM SÁO*

ÔN TẬP *TĐN SỐ 5, SỐ 6*

Giáo viên chuyên dạy

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Thứ năm ngày 17 tháng 2 năm 2011

Lịch sử:

ÔN TẬP

I, Mục tiêu: Giúp học sinh ôn tập

- Bốn giai đoạn: Buổi đầu độc lập, nước Đại Việt thời Lý, nước Đại Việt thời Trần và nước Đại Việt buổi đầu thời Hậu Lê.
- Các sự kiện lịch sử tiêu biểu của mỗi giai đoạn và trình bày tóm tắt các sự kiện đó bằng ngôn ngữ của mình.

II, Đồ dùng dạy học:

- Phiếu học tập cho học sinh.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	*Hoạt động của trò*
A. Kiểm tra bài cũ: ***B. Dạy học bài mới:*** ***1. Giới thiệu bài*** ***HĐ1: Ôn lại các giai đoạn lịch sử và sự kiện lịch sử tiêu biểu từ năm 938 đến thế kỉ XV*** + Phát phiếu học tập cho từng HS và yêu cầu các em hoàn thành nội dung của phiếu. + Nhận xét, bổ sung, tiểu kết lại các giai đoạn lịch sử đã học. ***HĐ2:Thi kể về các sự kiện, nhân vật lịch sử đã học*** + Giới thiệu chủ đề cuộc thi, sau đó cho học sinh xung phong thi kể về các sự kiện lịch sử, các nhân vật lịch sử mà mình đã chọn. + Tổng kết cuộc thi, tuyên dương những học sinh kể tốt. ***C, Củng cố - dặn dò:*** - Nhận xét giờ học. Dặn HS chuẩn bị bài sau	+ HS làm việc cá nhân trên phiếu + 3 HS lên bảng nêu kết quả làm việc. + 1 HS làm bài tập 1; 1 HS làm bài 2a; 1 HS làm bài 2b. Lớp nhận xét, bổ sung. + HS thi kể trước lớp. Theo định hướng. - Kể về sự kiện lịch sử: ***Sự kiện đó là sự kiện gì? Xảy ra ở đâu, lúc nào? Diễn biến chính của sự kiện. Ý nghĩa của sự kiện đó.*** - Kể về nhân vật lịch sử: ***Tên nhân vật, nhân vật đó sống ở thời kì nào? Nhân vật đó có đóng góp gì cho lịch sử nước nhà.*** + Lớp theo dõi, nhận xét.

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

<u>*Toán:*</u>

LUYỆN TẬP

I, Mục tiêu: Giúp học sinh

- Thực hiện được phép trừ 2 phân số. Trừ một số tự nhiờn cho một phõn số; trừ một phõn số cho một số tự nhiờn.
- Bài 1, 2, 3

II, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	*Hoạt động của trò*
A. Kiểm tra bài cũ: ***B. Dạy học bài mới*** ****. Giới thiệu bài*** ****HĐ1: Hướng dẫn học sinh luyện tập*** ****. HĐ2: Hướng dẫn chữa bài*** ***Bài 1,2:*** Tính + Củng cố trừ hai phân số cùng mẫu số + Muốn cộng 2 phân số cùng mẫu số ta làm như thế nào? ***Bài 3:*** Tính (theo mẫu) + Củng cố cách trừ một số tự nhiên cho một phân số: *Biểu thị số tự nhiên thành phân số có mẫu số bằng mẫu số của phân số kia rồi trừ hai phân số cùng mẫu số hoặc có thể biểu thị bằng phân số có mẫu số bằng 1 rồi trừ hai phân số khác mẫu số* ***Bài 4:*** Giải toán: Củng cố về giải toán ***3, Củng cố - dặn dò:*** - Củng cố lại nội dung bài học.	+ Cả lớp tự làm bài tập. + Một số hs chữa bài: kết quả: Bài1: 2; $\frac{11}{2};\frac{1}{2};1$ Bài2: $\frac{1}{9};\frac{7}{6};\frac{5}{6};\frac{33}{56}$ + Lớp nhận xét, bổ sung. + HS nêu lại cách trừ hai phân số. + 2 HS lên chữa bài 3. Lớp nhận xét. Kết quả đúng: $\frac{12}{5};\frac{13}{8};\frac{2}{7};\frac{10}{7}$ + 1 HS nhắc lại cách tính. - 1 hs chữa bài 4: a) $\frac{29}{25}$ diện tích vườn b) $\frac{1}{35}$ diện tích vườn - HS nhận xét bài và nêu lời giảI khác cho bài toán.

ଌ✻ଌ✻ଌ✻ଌ✻ଌ

Luyện từ và câu:

VỊ NGỮ TRONG CÂU KỂ AI LÀ GÌ?

I, ***Mục đích***: Giúp học sinh

- Nắm được kiến thức cơ bản để phục vụ cho việc nhận biết vị ngữ trong câu kể *Ai là gì?*
- Nhận biết và bước đầu tạo được câu kể *Ai là gì?* bằng cách ghép hai bộ phận câu BT1, BT2; biết đặc 2-3 câu kể *Ai là gì?* dựa theo hai đến ba từ ngữ cho trước ở bài tập 3.

****** BVMT:*** Đoạn thơ trong bài tập 1b nói về vẻ đẹp quê hương có tác dụng của bảo vệ môi trường.

II, Đồ dùng dạy học:

- Sưu tầm ảnh các con: Sư tử, gà trống, đại bàng, chim công.

- Bảng phụ chép sẵn bài tập 2.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	***Hoạt động của trò***
A. Kiểm tra bài cũ: ***B. Dạy học bài mới*** ***1. Giới thiệu bài*** ***2. Tìm hiểu ví dụ:*** ***Bài 1,2,3:*** Ghi bảng đoạn văn. + Đoạn văn trên gồm mấy câu? + Trong đó có những câu nào là câu kể Ai là gì? + Xác định vị ngữ trong các câu Ai là gì? + Vì sao câu "***Em là con nhà ai mà về làng chạy muối thế này?***" không phải là câu kể Ai là gì? + Trong câu "***Em là cháu bác Tự***", bộ phận nào trả lời cho câu hỏi là gì? Đó là những từ ngữ nào? + Những từ ngữ nào có thể làm vị ngữ trong câu kể Ai là gì? + Vị ngữ được nối với chủ ngữ bằng từ gì? → Ghi nhớ (SGK). + Lấy ví dụ về câu kể Ai là gì? và xác định vị ngữ trong mỗi câu đó? ***3. Luyện tập*** ***Bài 1:*** Giúp hs xcs định vị ngữ trong câu kể Ai là gì + Làm thế nào mà em xác định được vị ngữ trong mỗi câu? ***Bài 2:***	+ 2 HS đọc bài tập 1. + 4 câu. + HS nêu. + HS xác định, gạch chân sau khi học sinh nêu**: -** ***Em là cháu bác Tự.*** ***VN*** + Vì trong câu: "***Em là...*** " không phải là câu kể mà là câu hỏi. + Bộ phận vị ngữ: ***Là cháu bác Tự.*** + Danh từ hoặc cụm danh từ có thể làm vị ngữ trong câu kể Ai là gì? + Bằng từ "***là***". + 2 HS nhắc lại. + 3 HS lấy ví dụ. + HS nêu yêu cầu của bài tập. + 1 HS lên chữa trên bảng, cả lớp làm vào vở. HS nhận xét, bổ sung. + Em đặt câu hỏi: ***- Người là ai?*** ***- Quê hương là gì?*** + HS nêu yêu cầu. + HS chơi trò chơi. + 1 HS đọc lại các câu hoàn chỉnh.

+ Tổ chức cho HS thi tiếp sức: 2 nhóm, mỗi nhóm 4 học sinh, mỗi học sinh chỉ nối 1 câu. ***Bài 3:*** ***C, Củng cố - dặn dò:*** - Nhận xét giờ học. Dặn HS chuẩn bị bài sau	+ HS nêu yêu cầu. Tự làm bài. + Nối tiếp nêu các câu đã đặt. + Lớp nhận xét, bổ sung.

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Khoa học:

ÁNH SÁNG CẦN CHO SỰ SỐNG (TIẾP)

I, Mục tiêu: Giúp học sinh

- Nêu được vai trò của ánh sáng đối với sự sống của con người, động vật.
- Nêu được ví dụ chứng tỏ ánh sáng rất cần thiết cho sự sống của con người, động vật và ứng dụng kiến thức đó vào cuộc sống.

II, Đồ dùng dạy học:

- Hình vẽ trang 96 - 97 phóng to (nếu có điều kiện).
- Khăn dài sạch có thể bịt mắt được.
- Câu hỏi thảo luận nhóm.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	***Hoạt động của trò***
A: Kiểm tra bài cũ ***B. Dạy học bài mới;*** ***1. Giới thiệu bài*** ***2. HĐ1:Tìm hiểu vai trò của ánh sáng đối với đời sống của con người*** + Tổ chức cho 1 nhóm học sinh chơi bịt mắt bắt dê, cả lớp cùng hô to "Bịt mắt bắt dê". + Các bạn bị bịt mắt có dễ dàng bắt được dê không? Tại sao? + Yêu cầu thảo luận nhóm bàn. *1) Học sinh có vai trò như thế nào đối với sự sống của con người?*	 + Thực hiện chơi trò chơi. + Không dễ dàng vì không thấy gì cả. + Thảo luận nhóm và nêu: *- Ánh sáng giúp ta nhìn thấy mọi vật, phân biệt được màu sắc, phân biệt được các loại thức ăn, nước uống, nhìn thấy được hình ảnh*

2) Lấy những ví dụ chứng tỏ ánh sáng có vai trò rất quan trọng đối với sự sống của con người? *+ Cuộc sống của con người sẽ ra sao nếu không có ánh sáng mặt trời?* *+ Ánh sáng có vai trò như thế nào đối với sự sống của con người?* ***3. HĐ2: Tìm hiểu vai trò của ánh sáng đối với đời sống động vật*** + YC HS thảo luận theo 4 nhóm: *1) Kể tên 1 số động vật mà em biết? Những con vật đó cần ánh sáng để làm gì?* *2) Kể tên 1 số loài động vật kiếm ăn vào ban đêm, kiếm ăn vào ban ngày?* *3) Em có nhận xét gì về nhu cầu ánh sáng của mỗi loài động vật đó?* *4) Trong chăn nuôi, người ta đã làm gì để kích thích cho gà ăn nhiều, chóng tăng cân và đẻ nhiều trứng?* ***C, Củng cố- dặn dò:*** - Nhận xét giờ học. Dặn HS chuẩn bị bài sau.	*cuộc sống… Giúp cho con người khỏe mạnh, có thức ăn, sưởi ấm cho cơ thể.* *- HS nối tiếp lấy ví dụ.* *+ Nếu không có ánh sáng mặt trời thì trái đất sẽ tối đen như mực, con người sẽ không nhìn thấy mọi vật, không tìm được thức ăn, nước uống, động vật sẽ tấn công con người, bệnh tật sẽ làm cho con người yếu đuối và có thể chết.* *+ Ánh sáng tác động lên mỗi chúng ta trong suốt cả cuộc đời. Nó giúp chúng ta có thức ăn, sưởi ấm và cho ta sức khỏe. Nhờ ánh sáng mà chúng ta cảm nhận được tất cả vẻ đẹp của thiên nhiên.* + HS các nhóm thảo luận. *+ Chim, hổ, báo, hươu, nai, chó, mèo.... Các con vật đó cần ánh sáng để di cư đi nơi khác tránh rét, tránh nóng, tìm thức ăn, nước uống, chạy trốn kẻ thù.* *+ Động vật kiếm ăn vào ban đêm: Sư tử, chó sói, mèo, chuột, cú mèo, dơi, ếch, nhái, côn trùng, rắn....* *- Động vật kiếm ăn vào ban ngày: Gà, vịt, trâu, bò, hươu, nai, tê giác, thỏ, khỉ...* *+ Các loài động vật khác nhau có nhu cầu về ánh sáng khác nhau.* *+ Người ta dùng ánh sáng điện để kéo dài thời gian chiếu sáng trong ngày, kích thích cho gà ăn được nhiều, chóng tăng cân và đẻ nhiều trứng.*

Kĩ thuật

CHĂM SÓC RAU, HOA (T1)

I, Mục tiêu:

- Bieát muùc ñích caùc caùch thu hoaïch rau , hoa .
- Bieát caùch thu hoaïch rau , hoa .
- Coù yù thöùc laøm vieäc caån thaän .

II, Đồ dùng dạy học: Vaät lieäu , duïng cuï : Dao saéc , keùo caét caønh .

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	*Hoạt động của trò*
1. <u>Khởi ñoäng</u> : Haùt . ***2. <u>Baøi cuõ</u>*** : Neâu laïi ghi nhôù baøi hoïc tröôùc . ***3. <u>Baøi môùi</u>*** : Thu hoaïch rau , hoa . ***a) <u>Giôùi thieäu baøi</u>*** : ***b) <u>Caùc hoaït ñoäng</u>*** : **<u>Hoaït ñoäng 1</u>** : Höôùng daãn HS tìm hieåu caùc yeâu caàu cuûa vieäc thu hoaïch rau , hoa - Caây rau hoa deó bò giaäp naùt , hö hoûng … Vaäy khi thu hoaïch caàn ñaûm baûo yeâu caàu gì ? ***- Chốt*** **<u>Hoaït ñoäng 2</u>** : Höôùng daãn HS tìm hieåu kó thuaät thu hoaïch rau , hoa . - Ngöôøi ta thu hoaïch boä phaän naøo cuûa caây rau, hoa? Thu hoaïch baèng caùch naøo? - Höôùng daãn caùch thu hoaïch rau, hoa theo noäi dung SGK vaø neâu vò duï minh hoïa. *- Rau sau khi thu hoaïch, neáu chöa söû duïng ngay, caàn ñöïng baûo quaûn, cheá bieán döôùi caùc hình thöùc nhö: ñöa vaøo phöông laïnh, ñoâng hoäp, saáy khoâ ñeå cung caáp daàn cho ngöôøi tieâu duøng. Rieâng ñoái vôùi hoa, neáu vaän chuyeån ñi xa phaûi ñöïng ñoâng hoäp hoaëc bao goùi caån thaän ñeå hoa khoâng bò giaäp naùt, hö hoûng .* ***4. <u>Cuûng coá</u>*** : Neâu ghi nhôù SGK . ***5. <u>Daën doø</u>*** : Daën HS veà nhaø hoïc thuoäc	- Thu hoaïch ñöôïc ñoäi chín, khoâng thu hoaïch sôùm quaù hoaëc muoän quaù; thu hoaïch nheù nhaøng, ñöôïc caùch, caån thaän ñeå rau, hoa töôi , khoâng daäp naùt .. -Tuøy loaïi caây, ngöôøi ta thu hoaïch boä phaän caây khaùc nhau . - Quan saùt hình SGK vaø neâu caùc caùch thu hoaïch rau, hoa: + Rau : haùi , ngaét , caét , ñaùo … + Hoa : caét caønh , böùng goác …

ghi nhụự ; oõn taọp laùi caực baứi ủaừ hoùc .	

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Thứ sỏu ngày 18 tháng 2 năm 2011

Thể dục

Giáo viên chuyên dạy

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Toán:

LUYỆN TẬP CHUNG

I, Mục tiêu: Giúp học sinh

- Thực hiện cộng, trừ 2 phân số. Cộng, trừ một số tự nhiờn cho một phõn số, cộng, trừ một phõn số cho một số tự nhiờn.
- Củng cố về tìm thành phần chưa biết của phép tính.
- Bài 1b c, 2b c, 3

II, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	*Hoạt động của trò*
1. HĐ1: Kiểm tra bài cũ ***2. HĐ2: Hướng dẫn luyện tập*** ***3. HĐ3: Hướng dẫn chữa bải tập*** ***Bài 1:*** Tính y + Củng cố tìm thành phần chưa biết trong phép tính. + Muốn tìm số hạng chưa biết, muốn tìm số bị trừ, muốn tìm số trừ ta làm thế nào? ***Bài 2:*** Tính rồi so sánh giá trị của 2 biểu thức. + Củng cố về tính chất một số trừ đi một tổng + Muốn trừ 1 số cho tổng 2 số ta làm thế nào? ***Bài 3:*** Tính bằng cách thuận tiện. + Củng cố tính chất kết hợp, giao hoán trong phép cộng phân số. + Dựa vào đâu mà em tính nhanh như vậy? ***Bài 4 HSKG:*** Giải toán.	+ 2 HS lên chữa bài. Lớp nhận xét, bổ sung. $y=\frac{1}{20}$ $y=\frac{5}{12}$ $y=\frac{15}{22}$ $y=\frac{77}{18}$ + Nêu cách tìm số hạng, tìm số bị trừ, tìm số trừ chưa biết. + 1 HS lên chữa bài, lớp nhận xét. Kết quả bài2: Hai biểu thức bằng nhau và bằng $\frac{5}{4}$ + Muốn trừ 1 số cho tổng của 2 số ta có thể lấy số đó trừ đi số thứ nhất rồi được bao nhiêu trừ đi số thứ 2. +1HS lên chữa bài. Lớp nhận xét, bổ sung. Kết quả đúng: $\frac{37}{15}$; $\frac{28}{7}$ + Dựa vào tính chất giao hoán, kết hợp của phép cộng các phân số.

+ Củng cố về giải toán ***4. Củng cố - dặn dò:*** - Nhận xét giờ học. - Làm bài tập ở SGK và chuẩn bị bài sau.	+ 2 HS nêu tính chất. 1 HS lên chữa bài. + Lớp nhận xét, bổ sung. ***Số bài đạt điểm giỏi chiếm số phần của bài kiểm tra là:*** $\frac{29}{35}-\frac{3}{7}=\frac{14}{35}$ ***(số bài kiểm tra)*** ***Đáp số:*** $\frac{14}{35}$ ***số bài kiểm tra***

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Chính tả:

HOẠ SĨ Tễ NGỌC VÂN

I, Mục đích Giúp học sinh

- Nghe - viết đúng, trình bày đẹp bài văn chính tả văn xuôi: "Họa sĩ Tô Ngọc Vân"
- Làm đúng bài tập chính tả phân biệt dấu hỏi / dấu ngã.

II, Đồ dùng dạy học: Bài tập 2b viết sẵn vào bảng phụ.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	*Hoạt động của trò*
A. Kiểm tra bài cũ: **B. Dạy học bài mới:** ***Giới thiệu bài** **1: Hướng dẫn viết chính tả** **a. Tìm hiểu nội dung bài viết** + Gọi 1 HS đọc bài văn: "Họa sĩ Tô Ngọc Vân" 1 HS đọc phần chú giải. + Họa sĩ Tô Ngọc Vân nổi danh với những bức tranh nào? + Đoạn văn nói về điều gì? **b. Hướng dẫn viết từ khó.** + Giáo viên YC HS tìm các từ khó, dễ lẫn khi viết chính tả. + HD hs viết các từ khó + Nhắc HS cần viết hoa các tên riêng như Tô Ngọc Vân, Trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương...	+ 2 HS nối tiếp nhau đọc từng phần. + ánh mặt trời, Thiếu nữ bên hoa huệ, Thiếu nữ bên hoa sen... + Đoạn văn ca ngợi Tô Ngọc Vân là một nghệ sĩ tài hoa, tham gia công tác cách mạng bằng tài năng hội họa của mình và đã ngã xuống trong kháng chiến. + HS tự phát hiện và nêu ý kiến. + Lớp nhận xét, bổ sung: **nghệ sĩ tài hoa, hội họa, hỏa tuyến.** + HS viết vào với nháp , một số hs lên bảng viết .Đối chiếu nhận xét

c. Học sinh viết chính tả **d. Soát lỗi, chấm bài** + Sau khi HS viết xong đọc cho HS soát lỗi. + Thu 1/2 số vở để chấm. **2: Hướng dẫn làm bài tập chính tả** **Bài 2b:** + Gọi HS đọc yêu cầu bài 2b. Y/C hs lên bảng làm + Nhận xét, kết luận lời giải đúng. **- <u>Mở</u> hộp thịt thấy toàn thịt <u>mỡ</u>.** **- Nó cứ tranh <u>cãi</u>, mà không lo <u>cải</u> tiến công việc.** **- Anh không lo nghỉ ngơi. Anh phải <u>nghĩ</u> đến sức khỏe chứ.** <u>Bài 3:</u> Gọi HS nêu yêu cầu bài tập. + Tổ chức cho HS chơi trò chơi. + YC HS hoạt động trao đổi trong nhóm. + Nhận xét, tuyên dương nhóm thắng cuộc. **C, Củng cố- dặn dò:** - Nhận xét giờ học - Dặn HS chuẩn bị bài sau.	+ Tự chép bài vào vở. + Tự soát lỗi + Tự sửa lỗi + 1 HS đọc yêu cầu. + 2 HS lên bảng làm. + HS dưới lớp gạch chân các từ sai và viết lại cho đúng. + 1 HS nêu yêu cầu bài tập. + 1 HS lên làm chủ trò chơi, các nhóm xung phong trả lời. Nhóm nào có tín hiệu trước được trả lời trước. + Nhóm thắng cuộc là nhóm trả lời được nhiều chữ. Lời giải: **a) Nho - nhỏ - nhọ** b) **Chi - chì - chỉ - chị**

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

<u>Tập làm văn:</u>

TÓM TẮT TIN TỨC

I, ***Mục đích:*** Giúp học sinh

- Hiểu thế nào là tóm tắt tin tức, cách tóm tắt tin tức.
- Bước đầu nắm được cách tóm tắt tin tức qua thực hành tóm tắt một bản tin.

****** KNS:***

- Tìm kiếm và xử lí thông tin, phân tích, đối chiếu.
- Đảm nhận trách nhiệm.

*** BVMT:

- HS túm tắt bản tin *Vịnh Hạ Long được tôi cụng nhận là di sản văn húa thế giới* qua đú thấy được gỏi tri cao quý của cảnh vật thiờn nhiờn trên đất nước ta

II, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

<table>
<tr><th colspan="2">Hoạt động của thầy</th><th>Hoạt động của trò</th></tr>
<tr><td colspan="2">A. Kiểm tra bài cũ:
B. Dạy học bài mới:
1. Giới thiệu bài
2. Hướng dẫn tìm hiểu ví dụ
Bài 1: Đọc lại bản tin “Vẽ về cuộc sống an toàn” trang 54, 55
+ Bản tin này gồm mấy đoạn?
+ Thảo luận nhóm đôi tìm nội dung chính của mỗi đoạn?</td><td>+ 1 HS đọc to. Cả lớp đọc thầm.

+ 4 đoạn
+ HS thảo luận nhóm đôi.</td></tr>
<tr><td>Đoạn</td><td>Sự việc chính</td><td>Tóm tắt mỗi đoạn</td></tr>
<tr><td>1</td><td>- Cuộc thi vẽ “Em muốn sống an toàn” vừa được tổng kết.</td><td>- UNICEF, báo Thiếu niên tiền phong vừa tổng kết cuộc thi vẽ “Em muốn sống an toàn”</td></tr>
<tr><td>2</td><td>- Nội dung, kết quả cuộc thi.</td><td>- Trong 4 tháng có 50000 bức tranh của thiếu nhi gửi đến.</td></tr>
<tr><td>3</td><td>- Nhận thức của thiếu nhi bộc lộ qua cuộc thi.</td><td>- Tranh vẽ cho thấy kiến thức của thiếu nhi về an toàn giao thông rất phong phú.</td></tr>
<tr><td>4</td><td>- Năng lực hội họa của thiếu nhi được bộc lộ qua cuộc thi.</td><td>- Tranh dự thi có ngôn ngữ hội họa sáng tạo đến bất ngờ.</td></tr>
<tr><td colspan="2">+ Hãy tóm tắt toàn bản tin?

<u>Bài 2:</u> Từ bài tập trên, hãy rút ra nhận xét:
- Thế nào là tóm tắt tin tức?</td><td>+ UNICEF và báo thiếu niên tiền phong vừa tổng kết cuộc thi vẽ với chủ đề “Em muốn sống an toàn”. trong vòng 4 tháng kể từ tháng 4 - 2001 đã có tới 50000 bức tranh của thiếu nhi từ khắp nơi gửi về. Đề tài của tranh vẽ cho thấy kiến thức của thiếu nhi về cuộc sống an toàn rất phong phú. Các tranh dự thi có ngôn ngữ hội họa sáng tạo đến bất ngờ.

+ Tóm tắt tin tức là tạo ra tin tức ngắn</td></tr>
</table>

- Muốn tóm tắt tin tức chúng ta cần làm gì? → Ghi nhớ (SGK). **3. Luyện tập** Bài 1: Tóm tắt bản tin sau đây bằng 3 hoặc 4 câu. + Theo dõi, giúp đỡ học sinh làm bài tập. + Nhận xét, tuyên dương. Bài 2: + Khi tóm tắt bảng tin cần trình bày bằng số liệu, những thiếu nhi nổi bật, ấn tượng. Các em có thể tham khảo 6 dòng đầu trong bài "Vẽ về cuộc sống an toàn". **C, Củng cố- dặn dò**: - Nhận xét giờ học. Dặn HS chuẩn bị bài sau.	hơn nhưng vẫn đầy đủ về nội dung. + Chúng ta cần: Đọc kĩ để nắm được nội dung bản tin, chia bản tin thành các đoạn, xác định sự việc chính ở mỗi đoạn, trình bày lại các tin tức đã tóm tắt. + 2 HS đọc to. + 1 HS nêu yêu cầu và nội dung của bài 1. + 1 HS làm trên bảng lớp, cả lớp làm vào vở bài tập. + Một số học sinh đọc bài làm. Lớp nhận xét. + HS nêu yêu cầu bài tập. HS làm bài. + 1 số HS nêu. Lớp nhận xét. Ví dụ: - 17/11/1994 Vịnh Hạ Long được công nhận là di sản thiên nhiên thế giới. - 29/11/2000 là di sản văn hóa về địa chất, địa mạo. - Việt Nam rất quan tâm đến bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa.

SINH HOẠT CUỐI TUẦN 24

I. Mục tiêu:

- HS nắm được những ưu điểm, khuyết điểm của mình trong tuần để có hướng sửa chữa.

II. Nội dung:

1. GV nhận xét chung về ưu điểm, nhược điểm của lớp:

a. Ưu điểm:

- Đi học đều, đúng giờ, khăn quàng, giày dép đầy đủ, cú ý thức học tập có tiến bộ hơn.

- Một số em có ý thức học tốt hơn như: .....

- Một số em viết chữ tương đối đẹp: .....

b. Nhược điểm:

- Một số em ý thức học tập chưa tốt như: .....
- Một số em viết chữ rất xấu như: .....
- Một số em vệ sinh cá nhân chưa sạch như: .....
- Một số chưa có ý thức giữ gìn sách vở : .....

2. Phương hướng:

- Tiếp tục phát huy những ưu điểm đã có.
- Chấm dứt tình trạng nói chuyện riêng trong giờ.
- Tuyên dương 1 số HS ý thức học tốt. Nhắc nhở 1 số HS có nhiều khuyết điểm.

Tuần 25

Thứ hai ngày ..... tháng .... năm 20....

Tập đọc:

KHUẤT PHỤC TÊN CƯỚP BIỂN

I, Mục đích yêu cầu : Giúp học sinh

- Bước đầu biết đọc diễn cảm một đoạn phân biệt rừ lời nhõn vật, phự hợp với nội dung, diễn biến sự việc.
- Hieồu noọi dung: **Ca ngợi hành động dũng cảm của bác sĩ Ly trong cuộc đối đầu với tên cướp biển hung hón.** (Traỷ lựứi ửựcù caực caõu hoỷi trong SGK).

***** KNS*:** - Tự nhận thức: xác định giá trị cá nhân.

- Ra quyết định.
- Ứng phó, thương lượng.
- Tư duy sáng tạo:bnh luận, phân tích.

II, Đồ dùng dạy học: Tranh minh họa phóng to. Bảng phụ ghi sẵn câu văn, đoạn văn cần luyện đọc.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	*Hoạt động của trò*
A. Kiểm tra bài cũ **B. Dạy học bài mới:** **1. Giới thiệu bài, giới thiệu chủ điểm** **2. Hướng dẫn luyện đọc** + Bài tập đọc có thể chia làm mấy đoạn? Cụ thể các đoạn như thế nào?	+ 3 đoạn: - Đ1: Từ đầu... man rợ

+ Y/ C hs luyện đọc nối tiếp đoạn 3 lượt + Hướng dẫn học sinh luyện đọc + Theo dõi, sửa lỗi phát âm cho học sinh. + Y/C HS luyện đọc nhóm đôi. + Y/C 1 HS đọc trước lớp. + Đọc mẫu cho học sinh. **3. Tìm hiểu bài** *** Đoạn 1:** Từ đầu... man rợ + Những từ ngữ nào cho thấy tên cướp biển rất dữ tợn? + Vậy Đ1 cho biết điều gì? *** Đoạn 2:** Một lần... sắp tới + Tính hung hãn của tên cướp biển được thể hiện qua những chi tiết nào? + Thấy tên cướp như vậy, bác sĩ Ly đã làm gì? + Những cử chỉ ấy của bác sĩ Ly cho thấy ông là người như thế nào? + Đ2 kể với chúng ta chuyện gì? *** Đoạn 3:** Còn lại + Cặp câu nào trong bài khắc họa 2 hình ảnh ngược nhau của bác sĩ Ly và tên cướp biển? + Vì sao bác sĩ Ly khuất phục được tên	- Đ2: Một lần... sắp tới. - Đ3: Trông BS ... như thóc. + HS đọc theo đoạn (1 lượt). + HS đọc theo đoạn lượt 2 và kết hợp giải nghĩa từ + HS đọc nối tiếp đoạn lượt 3 + HS luyện đọc nhóm đôi. + 1 HS đọc trước lớp. + 1 HS đọc to, cả lớp đọc thầm. + Trên má có vết sẹo chém dọc xuống trắng bệch, uống rượu nhiều, lên cơn loạn óc, hát những bài ca man rợ. → ý1: **Tên cướp biển rất hung dữ và đáng sợ** + Cả lớp đọc thầm. + Hắn đập tay xuống bàn quát mọi người im, hắn quát bác sĩ Ly "Có câm mồm đi không?", hắn rút soạt dao ra định lăm lăm chực đâm bác sĩ Ly. + Bác sĩ Ly vẫn ôn tồn giảng giải cho ông chủ quán cách trị bệnh, điềm tĩnh khi hỏi lại hắn: Anh bảo tôi có phải không?; Bác sĩ Ly dõng dạc và quả quyết: nếu hắn không cất dao sẽ đưa hắn ra tòa. + Ông là người nhân từ, điềm đạm nhưng cũng rất cứng rắn, dũng cảm, dám đối đầu chống cái xấu, cái ác, bất chấp nguy hiểm. → ý2: **Cuộc đối đầu giữa bác sĩ Ly và tên cướp biển**

cướp biển hung hãn? Hãy chọn ý đúng trong 3 ý (Câu 4 - SGK). + Vậy ý 3 của bài là gì? + Đọc thầm toàn bài và nêu nội dung của bài?	+ 1 HS đọc, cả lớp đọc thầm. + Một đằng thì… nhốt vào chuồng. + HS nêu ýc: Vì ông bình tĩnh và cương quyết bảo vệ lẽ phải. **→ ý3: Tên cướp biển bị khuất phục**
4: Luyện đọc diễn cảm + YC 3 HS nối tiếp nhau đọc cả bài. + Treo đoạn 2, giáo viên đọc mẫu. + Hãy gạch chân các từ cần nhấn giọng.	* **<u>Nội dung:</u>** Ca ngợi hành động dũng cảm của bác sĩ Ly trong cuộc đối đầu với tên cướp biển hung hãn. Ca ngợi sức mạnh của chính nghĩa thắng sự hung ác, bạc ngược. + 3 HS đọc, nêu cách đọc cả bài. + Theo dõi. + Trừng mắt, câm mồm, điềm tĩnh, phải, tống anh, dữ dội, phắt, rút soạt dao ra, lăm lăm chực đâm, dõng dạc, quả quyết, quyết, treo cổ.
C, Củng cố - dặn dò: - Củng cố lại nội dung bài học. - Dặn HS chuẩn bị bài sau.	+ Luyện đọc nhóm đôi. + 2 HS đọc trước lớp.

<u>*Toán:*</u>

PHÉP NHÂN PHÂN SỐ

I, Mục tiêu: Giúp học sinh

- Biết thực hiện phộp nhõn hai phõn số.
- Bài tập cần làm: Bài 1, bài 3 ***Bài 2* dành cho HS khỏ, giỏi.***

II, Đồ dùng dạy học: Bảng phụ vẽ phóng to hình vẽ (SGK).

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	*Hoạt động của trò*
HĐ1: Kiểm tra cách cộng, trừ 2 phân số ***HĐ2:Hướng dẫn tìm quy tắc thực hiện phép nhân 2 phân số*** • Nêu bài toán như sgk: • Muốn tính diện tích hình chữ nhật ta	 + 2 HS nhắc lại. + Ta lấy số đo chiều dài x số đo chiều

làm thế nào? + Hình vuông cạnh dài 1m, tớnh diện tích hình vuông? + Nếu chia hình vuông thành 15 ô vuông có diện tích bằng nhau thì mỗi ô có diện tích bằng bao nhiêu? + Hình chữ nhật được tô màu gồm bao nhiêu ô? + Vậy diện tích hình chữ nhật bằng bao nhiêu phần m^2? + Dựa vào cách tính diện tích hình chữ nhật bằng đồ dùng trực quan, hãy cho biết $\frac{4}{5}\times\frac{2}{3}=?$ => Muốn nhân 2 phân số ta làm thế nào? → Ghi nhớ (SGK). + Vận dụng tính: $\frac{1}{3}\times\frac{2}{5}=?;\ \frac{2}{3}\times\frac{4}{3}=?$ ***HĐ3: Luyện tập*** ***Bài 1:*** Củng cố nhân hai phân số + Muốn nhân 2 phân số ta làm thế nào? ***Bài 2:*** Rút gọn rồi tính + Củng cố rút gọn phân số + ***Lưu ý:*** Khi nhân 2 phân số với nhau, nếu các phân số đó có thể rút gọn được thì ta rút gọn đi rồi mới tính. ***Bài 3:*** Giải toán + Củng cố về giải toán và cách tính diện tích hình chữ nhật.	rộng (cùng 1 đơn vị đo). + Hình vuông có diện tích: 1x1 = $1m^2$ + Mỗi ô có diện tích $\frac{1}{15}$ m^2. + Hình chữ nhật tô màu gồm 8 ô. + Diện tích hình chữ nhật bằng $\frac{8}{15}m^2$. + HS nêu: $\frac{4}{5}\times\frac{2}{3}=\frac{8}{15}$ + Muốn nhân 2 phân số ta lấy tử số x tử số, mẫu số x mẫu số. + 2 HS lên bảng tính. Cả lớp làm vào giấy nháp. + 1 HS lên chữa bài. + HS nêu lại cách nhân 2 phân số - 1 HS lên chữa bài. Lớp nhận xét, bổ sung. Đáp án: +) $\frac{5}{15}\times\frac{13}{8}=\frac{1}{3}\times\frac{13}{8}=\frac{1\times13}{3\times8}=\frac{13}{24}$ +) $\frac{11}{7}\times\frac{6}{8}=\frac{11}{7}\times\frac{3}{4}=\frac{11\times3}{7\times4}=\frac{33}{28}$ +) $\frac{6}{9}\times\frac{2}{8}=\frac{2}{3}\times\frac{1}{4}=\frac{2\times1}{3\times4}=\frac{2}{24}$ - HS nêu lại cách làm + 1 HS lên chữa bài. Đáp số: $\frac{56}{59}m^2$ + HS nhận xét và nêu lại cách tính diện tích hình chữ nhật. + HS sinh khoanh vào D + Lớp nhận xét, bổ sung.

Bài 4: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng. ***3. Củng cố - dặn dò:*** - Nhận xét giờ học. Về nhà làm bài tập ở SGK và chuẩn bị bài sau.	

Địa lí:

THÀNH PHỐ CẦN THƠ

I/ Muùc tieõu:

- Neõu ủửụùc moọt soỏ ủặc ủiểm chuỷ yeỏu của Thành phố Cần Thơ.
  + Thành phố ở trung tâm đồng bằng sông Cửu Long, bên sông Hậu.
  + Trung tâm kinh tế, văn hóa và khoa học đồng bằng sông Cửu Long.
- Chỉ được Thành phố Cần Thơ trên bản đồ (lược đồ).

II/ ẹoà duứng daùy-hoùc: Caực baỷn ủoà haứnh chớnh, giao thoõng Vieọt Nam. Tranh, aỷnh veà Caàn Thụ

III/ Caực hoaùt ủoọng daùy-hoùc:

Hoạt động của thầy	*Hoạt động của trò*
A/ KTBC: Thaứnh phoỏ Hoà Chớ Minh - Goùi hs leõn chỗ vũ trớ TP HCM treõn baỷn ủoà. - Neõu moọt soỏ ngaứnh coõng nghieọp chớnh, moọt soỏ nụi vui chụi giaỷi trớ cuỷa TPHCM. - Nhaọn xeựt, cho ủieồm **B/ Baứi mụựi:** **1. Giụựi thieọu baứi:** 2. **Bài mới:** ***** Hoaùt ủoọng 1: Thaứnh phoỏ ụỷ trung taõm ẹBSCL** - Goùi hs ủoùc SGK - Dửùa vaứo SGK, caực em haừy xaực ủũnh ủũa giụựi cuỷa TP Caàn Thụ? - Cho bieỏt TP Caàn Thụ giaựp vụựi nhửừng tỉnh naứo?	- 2 hs leõn baỷng thửùc hieọn yeõu caàu - ẹieọn, luyeọn kim, cụ khớ , ủieọn tửỷ ,hoựa chaỏt, saỷn xuaỏt vaọt lieọu xaõy dửùng, deọt may…; Thaỷo caàm vieõn, ẹaàm Sen, Coõng vieõn Tao ẹaứn… - Laộng nghe - 1 hs ủoùc to trửụực lụựp - 1 hs leõn chỗ vũ trớ cuỷa Caàn Thụ treõn BẹVN. - TP Caàn Thụ naốm beõn bụứ soõng Haọu, giaựp vụựi Vúnh Long, ẹoàng Thaựp, An Giang, Kieõn Giang, Haọu Giang. - ẹửựng boọ, ủửựng thuyỷ

- Tửứ TP naúy coự theồ ủi caực tổnh khaực baống caực loaùi ủửụứng giao thoõng naứo? **Keỏt luaọn:** TP Caàn Thụ naốm beõn bụứ soõng Haọu, giaựp caực tổnh Vúnh Long, ẹoàng Thaựp, An Giang, Kieõn Giang, Haọu Giang. Phửụng tieọn giao thoõng chuỷ yeỏu ủửụứng boọ, ủửụứng thuyỷ	- Laộng nghe
***__Hoaùt ủoọng 2: Trung taõm kinh teỏ, vaờn hoựa, khoa hoùc cuỷa ẹBSCL:__ - TP Caàn Thụ naốm beõn bụứ soõng Haọu. Vụựi vũ trớ ụỷ trung taõm ẹBSCL, Caàn Thụ coự ủieàu kieọn thuaọn lụùi trong vieọc giao lửu vụựi caực nụi khaực ụỷ trong nửụực vaứ theỏ giụựi. - Goùi hs ủoùc noọi dung hỡnh 2,4 - 2 ngaứnh naứo goựp phaàn laứm cho KT ụỷ Caàn Thụ phaựt trieồn? - Caực em haừy thaỷo luaọn nhoựm ủoõi tìm nhửừng daón chửựng theồ hieọn Caàn Thụ laứ (thoõng qua phieỏu hoùc taọp) + Trung taõm kinh teỏ: + Trung taõm vaờn hoựa, khoa hoùc + Trung taõm du lũch - Goùi ủaùi dieọn nhoựm trỡnh baứy - Cửứng hs nhaọn xeựt, boồ sung **Keỏt luaọn:** ẹBSCL laứ nụi saỷn xuaỏt nhieàu lửụng gaùo nhaỏt caỷ nửụực, laứ vửùa lửụng lụùn nhaỏt caỷ nửụực. ẹeồ phuùc vuù cho saỷn	- Laộng nghe - hs ủoùc noọi dung hỡnh 2,4 - Chụù thửùc phaồm, rau quaỷ; cheỏ bieỏn mửùc - Chia nhoựm thaỷo luaọn - ẹaùi dieọn nhoựm trỡnh baứy + Caàn Thụ laứ nụi saỷn xuaỏt maựy noõng nghieọp, phaõn boựn, thuoỏc trửứ saõu. Nụi ủaõy tieỏp nhaọn caực haứng noõng saỷn, thuyỷ saỷn cuỷa caực vuứng ẹBSCL xuaỏt ủi caực nụi khaực ụỷ trong nửụực vaứ theỏ giụựi. + Caàn Thụ coự trửụứng ẹH, Cao ẹaỳng, caực trung taõm daùy ngheà ủaứo taùo cho ẹBSCL nhieàu caựn boọ KHKT, nhieàu lao ủoọng coự chuyeõn moõn gioỷi, coự vieọn nghieõn cửựu lửa taùo ra nhieàu gioỏng lửa mụựi… + Du khaựch ủeỏn Caàn Thụ coự theồ tham quan: chụù Noỏi, beỏn Ninh Kieàu, vửụứn Coứ Baống Laờng, caực mieọt vửụứn ven soõng…

xuaởt lửụng thửùc thửùc phaồm cuỷa vuứng, TP Caàn Thụ ủaừ coự caực vieọn nghieõn cửựu, trửụứng ủaứo taùo ủoọi nguừ caựn boọ vaứ cung caỏp maựy noõng nghieọp. TP Caàn Thụ laứ trung taõm vaờn hoựa, khoa hoùc cuỷa vuứng ẹBSCL	- Laộng nghe
***** Hoaùt ủoọng 3: Tìm hieồu caực nụi tham quan, du lũch ụỷ TP Caàn Thụ** - Caực em haừy hoaùt ủoọng nhoựm 4 thaỷo luaọn caực noọi dung sau (treo tranh + quan saựt tranh SGK)	- Chia nhoựm 4 thaỷo luaọn
+ Nhoựm 1,2: Giụựi thieọu veà mieọt vửụứn Caàn Thụ	+ ẹeỏn Caàn Thụ coự theồ tham quan raỏt nhieàu caực khu vửụứn troàng nhieàu caõy aờn quaỷ nhử: nhaừn, xoaứi, maờng cuùt, saàu rieõng, choõm choõm…
+ Nhoựm 3,4: Em bieỏt gỡ veà vửụứn coự Baống Laờng?	+ ẹaõy laứ nụi cử truự cuỷa nhieàu loaùi chim coự, coự caỷ loaứi raỏt quy hieỏm. Hieọn nay caực vửụứn coự caàn ửụực baỷo veọ.
+ Nhoựm 5,6: Haừy giụựi thieọu veà beỏn Ninh Kieàu?	+ Beỏn Ninh Kieàu noồi tieỏng Caàn Thụ, ủaõy laứ nụi coự caỷnh ủeùp soõng nửụực raỏt eõm aỷ, tỏnh laởng, nụi ủaõy coự nhieàu taứu qua laùi, coự nhieàu raởng dửứa xanh maựt phuùc vuứ cho khaựch ủeỏn tham quan.
+ Nhoựm 7,8: Haừy giụựi thieọu veà chụù noồi Caàn Thụ?	+ Chụù noồi Caàn Thụ raỏt noồi tieỏng, ụỷ ủaõy moùi hoaùt ủoọng buoõn baựn ủeàu dieón ra treõn thuyeàn, soõng, coự nhieàu thuyeàn ủaọu san saựt nhau, haứng hoựa chuỷ yeỏu laứ caực loaùi rau, quaỷ, caực saỷn phaồm noõng nghieọp.
Keỏt luaọn: Caàn Thụ noồi tieỏng laứ nụi coự nhieàu caỷnh quan du lũch. Beõn caùnh ủoự, ngửụứi daõn ụỷ ủaõy cuứng raỏt meỏn khaựch.	- Laộng nghe
C/ Cuỷng coỏ, daởn doứ:	

- Goùi hs ủoùc ghi nhụự SGK/133 - Giaựo duùc: ẹaỏt nửụực VN raỏt phong phuự, tửù haứo veà ủaỏt nửụực cuỷa mỡnh. - Veà nhaứ xem laùi baứi, tìm hieồu theõm veà TP Caàn Thụ. - Baứi sau: Kieồm tra, oõn taọp	- vaứi hs ủoùc to trửụực lụựp

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Đạo đức:

ÔN TẬP VÀ THỰC HÀNH KĨ NĂNG GIỮA HỌC KÌ II

I, Mục tiêu: Giúp học sinh

- OÂn taọp tửứ baứi 8 ủeỏn baứi 11
- Hoùc sinh neõu ủửụùc caực vieọc laứm theồ hieọn loứng yeõu lao ủoọng, kớnh troùng vaứ bieỏt ụn ngửụứi lao ủoọng, lũch sửù vụựi moùi ngửụứi vaứ bảyo veọ ủửụực caực coõng trỡnh coõng coọng.

II, Đồ dùng dạy học: Phiếu học tập cá nhân cho học sinh. Phiếu thảo luận nhóm.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	***Hoạt động của trò***
1. Hướng dẫn học sinh ôn tập. + Phát phiếu học tập cho học sinh.	+ HS tự suy nghĩ và hoàn thành nội dung của phiếu.

Đánh dấu (x) vào ý em cho là đúng:

- ❑ *Chỉ cần lịch sự với người lớn tuổi.*
- ❑ *Phép lịch sự khi ở thành phố, thị xã*
- ❑ *Phép lịch sự giúp cho mọi người gần gũi nhau hơn.*
- ❑ *Mọi người cần cư xử lịch sự, không kể già trẻ, nam nữ, giàu nghèo.*
- ❑ *Lịch sự với bạn bè, người thân là không cần thiết.*
- ❑ *Giữ gìn các công trình công cộng cũng chính là bảo vệ lợi ích của mình.*
- ❑ *Chỉ cần giữ gìn các công trình công cộng ở địa phương mình.*
- ❑ *Bảo vệ các công trình công cộng là trách nhiệm riêng của các chú công an.*
- ❑ *Tham gia vào các hoạt động nhân đạo là việc làm cao cả.*
- ❑ *Chỉ cần tham gia vào các hoạt động nhân đạo do nhà trường tổ chức.*
- ❑ *Điều quan trọng nhất khi tham gia vào hoạt động nhân đạo là để mọi người khỏi chê mình ích kỉ.*
- ❑ *Cần giúp đỡ nhân đạo không chỉ với người ở địa phương mình mà với cả những người ở địa phương khác, nước khác*

+ Phát phiếu thảo luận cho các nhóm, yêu cầu các nhóm thảo luận cách xử lí tình huống. 1) Một hôm đến trường em thấy có 1 bạn học sinh đang tẩy xóa nội dung bảng tin của nhà trường. Em sẽ xử lí tình huống đó như thế nào? 2) Tiến sang nhà Linh, 2 bạn cùng chơi đồ hàng ở đó thật vui vẻ. Chẳng may Tiến lỡ tay làm hỏng đồ chơi của Linh. Theo em, 2 bạn cần làm gì khi đó. 3) Trong lớp em có 1 bạn có hoàn cảnh gia đình rất khó khăn. Nếu em là chi độ trưởng của lớp em sẽ làm gì? ***2. Củng cố - dặn dò:*** - Nhận xét giờ học. Dặn HS học bài và thực hiện tốt các việc làm thể hiện hoạt động nhân đạo.	+ Lớp chia làm 4 nhóm thảo luận cách xử lí tình huống. + Hết thời gian, các nhóm báo cáo. + Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét.

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Thứ ba ngày 21 tháng 2 năm 2012

Thể dục

Giỏo viòn chuyòn dạy

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Toán

LUYỆN TẬP

I, Mục tiêu: Giúp học sinh

- Bieỏt thực hiện phộp nhõn hai phõn số, nhõn phõn số với số tự nhiờn, nhõn số tự nhiờn với phõn số.
- Baứi taọp caàn laứm baứi 1, baứi 2 , bài 4; **Baứi 3* và bài 5* daứnh cho HSKG**

II, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	***Hoạt động của trò***
HĐ1: Kiểm tra bài cũ ***HĐ2: Hướng dẫn luyện tập*** + Giao bài tập (Vở bài tập trang 44). + Yêu cầu 2 HS đọc mẫu bài tập 1+2. Yêu cầu cả lớp suy nghĩ và nêu: Em hiểu mẫu như thế nào?	 + HS nêu yêu cầu của từng bài tập. + 2 HS đọc. + Một số HS nêu theo ý hiểu của mình.

+ Giảng: $\frac{3}{7}\times 4=\frac{3}{7}\times\frac{4}{1}=\frac{3\times 4}{7\times 1}=\frac{12}{7}$ nên ta có thể thực hiện nhân tử số với số tự nhiên đó và giữ nguyên mẫu số. ***HĐ3: Hướng dẫn chữa bài*** ***Bài 1, 2:*** Tính (theo mẫu). + Muốn nhân 1 phân số với 1 ta làm thế nào? + Muốn nhân 1 phân số với 0 ta làm thế nào? ***Bài 3:*** Tính rồi so sánh kết quả của $\frac{1}{5}\times 3$ và $\frac{1}{5}+\frac{1}{5}+\frac{1}{5}$. + Củng cố về phép cộng các phân số bằng nhau chuyển về phép nhân. ***Bài 5:*** Củng cố về giải toán + Yêu cầu HS nhắc lại cách tính chu vi, diện tích của hình vuông. ***C, Củng cố - dặn dò:*** Củng cố nội dung bài học. Dặn HS làm bài tập ở SGK sau.	+ Cả lớp theo dõi. +1 HS lên chữa bài, lớp nhận xét, bổ sung. 1) $\frac{21}{25}\times 1=\frac{21\times 1}{25}=\frac{21}{25}$; $\frac{5}{11}\times 7=\frac{5\times 7}{11}=\frac{35}{11}$ $\frac{5}{6}\times 0=\frac{5\times 0}{6}=\frac{0}{6}=0$ + HS nêu cách nhân phân số với 0 và nhân phân số với 1 + 1 HS lên chữa bài. + Lớp nhận xét, bổ sung. Phép nhân $\frac{1}{5}\times 3$ chính là phép cộng 3 phân số bằng nhau $\frac{1}{5}+\frac{1}{5}+\frac{1}{5}$. + 1 HS chữa bài : Đáp số: Chu vi: $\frac{12}{8}$ m Diện tích: $\frac{9}{64}$ m^2

Luyện từ và câu:

CHỦ NGỮ TRONG CÂU KỂ AI LÀ GÌ ?

I, Mục đích yêu cầu : Giúp học sinh

- Hiểu cấu tạo và ý nghĩa của bộ phận chủ ngữ trong câu kể *Ai là gỡ ?* (ND Ghi nhụự)
- Nhận biết được câu kể *Ai là gỡ ?* trong đoạn văn và xác định được chủ ngữ của câu tìm được (BT1, mục III); biết ghép các bộ phận cho trước thành câu kể theo

mẫu đó học (BT2); đặt được câu kể *Ai là gỡ ?* với từ ngữ cho trước làm chủ ngữ (BT3).

II, Đồ dùng dạy học: - Bảng phụ ghi cột B của bài tập 2 (luyện tập) và các thẻ từ ở cột A.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	***Hoạt động của trò***
A. Kiểm tra bài cũ: ***B. Dạy học bài mới:*** ***1. Giới thiệu bài*** ***2. Tìm hiểu ví dụ*** + Yêu cầu HS đọc câu a, b (phần nhận xét). + Trong những câu trên, câu nào có dạng Ai là gì? Hãy xác định chủ ngữ trong các câu vừa tìm được? + Chủ ngữ trong các câu trên do các từ ngữ như thế nào tạo thành? + Qua việc tìm hiểu ví dụ, 1 bạn hãy cho biết câu kể Ai là gì có chủ ngữ là từ ngữ như thế nào? Chủ ngữ trả lời cho câu hỏi nào? → Ghi nhớ (SGK). ***3: Luyện tập*** ***Bài 1:*** Gọi HS nêu yêu cầu + Muốn xác định được chủ ngữ trong các câu kể trên em làm thế nào? + Chủ ngữ trong các câu trên do những từ ngữ nào tạo thành? - Gv n/x chốt câu trả lời đúng ***Bài 2:*** + Treo bảng phụ, yêu cầu HS lên gắn thẻ từ phù hợp với cột B để tạo thành câu đúng.	+ 2 HS đọc. + 1 HS nêu. Lớp nhận xét. - ***Ruộng rẫy*** / là chiến trường. - ***Cuốc cày*** / là vũ khí. - ***Nhà nông*** / là chiến sĩ. - ***Kim Đồng và các bạn anh*** / là những đội viên đầu tiên của Đội ta. + Chủ ngữ do danh từ tạo thành (câu 1, 2, 3) hoặc do cụm danh từ tạo thành (câu 4). + 2 HS nhắc lại. + Chủ ngữ trả lời câu hỏi Ai? Con gì? cái gì? + HS nêu lại ghi nhớ. Lấy ví dụ minh họa + 2 HS nêu yêu cầu. + 2 HS làm trên bảng lớp, cả lớp làm vào vở. a) ***Văn hóa nghệ thuật*** cũng là một mặt trận. ***Anh chị em*** là chiến sĩ trên mặt trận ấy.

- Bạn Lan là người Hà Nội. ***- Người là vốn quý nhất.*** ***- Cô giáo là người mẹ thứ 2 của em.*** ***- Trẻ em là tương lai của đất nước.*** <u>Bài 3:</u> Đặt câu + Yêu cầu HS tự đặt câu. ***C, Củng cố - dặn dò:*** - Nhận xét giờ học. Dặn HS chuẩn bị bài sau	b) ***<u>Vừa buồn mà lại vừa vui</u>*** mới thực là nỗi niềm bông phượng. ***<u>Hoa phượng</u>*** là hoa học trò. + HS nêu yêu cầu của bài tập. + HS lên gắn thẻ từ phù hợp với cột B để tạo thành câu đúng. + HS nhận xét, bổ sung. - HS nêu y/c : + Hs tự đặt câu . Lớp theo dõi n/x

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

<u>Khoa học</u>:

ÁNH SÁNG VÀ VIỆC BẢO VỆ ĐÔI MẮT

I, Mục tiêu: Giúp học sinh

- Tránh để ánh sáng quá mạnh chiếu vào mắt: không nhõn thẳng vào Mặt Trời, khụng chiếu đèn pin vào mắt nhau,…
- Tránh đọc, viết dưới ánh sáng quá yếu.

****** KNS:***

- *Kĩ năng trỡnh bày về các việc nờn, khụng nờn làm để bảo vệ đụi mắt.*
- *Kĩ năng bỡnh luận về các quan điểm khỏc nhau liờn quan tới việc sử dụng ỏnh sỏng.*

II, Đồ dùng dạy học: Hình minh họa trang 98, 99 (SGK) phóng to. Kính lúp, đèn pin.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu

Hoạt động của thầy	***Hoạt động của trò***
A. Kiểm tra bài cũ: **B. Dạy học bài mới:** ***Giới thiệu bài** **HĐ1: Tìm hiểu những trường hợp ánh sáng quá mạnh không được nhìn trực tiếp vào nguồn sáng** + Yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi.	

Quan sát hình vẽ 1, 2 trang 98 và dựa vào kinh nghiệm sống của bản thân trả lời các câu hỏi: 1) Tại sao chúng ta không nên nhìn trực tiếp vào ánh mặt trời hay tia lửa hàn?	+ HS thảo luận, một số HS nêu. + Vì ánh sáng được chiếu sáng trực tiếp từ mặt trời rất mạnhvà còn có tia lửa ngoại gây hại cho mắt, nhìn trực tiếp vào mặt trời ta cảm thấy hoa mắt, chóng mặt, chói mắt. ánh lửa hàn rất mạnh, trong ánh lửa hàn còn chứa nhiều tạp chất độc như: bụi sắt, gỉ sắt, các chất khí độc do quá trình nóng chảy kim loại sinh ra có thể làm hỏng mắt.
2) Lấy ví dụ về những trường hợp ánh sáng quá mạnh, cần tránh, không để chiếu vào mắt.	+ Đèn pin, đèn laze, ánh điện đèn nê-ông, đèn pha ôtô...
HĐ2: Tìm hiểu một số việc nên, không nên làm để đảm bảo đủ ánh sáng khi đọc, viết + Yêu cầu HS quan sát tiếp hình 3, 4 (SGK) cùng nhau xây dựng 1 đoạn kịch có nội dung như hình minh họa để nói về những việc nên, không nên làm để tránh tác hại do ánh sáng quá mạnh gây ra.	+ HS đóng vai dưới hình thức hỏi đáp. Ví dụ: Trời nắng to, Hùng, Mai, Lan đi học, Nga chạy theo sau: Nga: Các cậu chờ tớ lấy mũ với. Hùng: Tại sao khi đi trời nắng, chúng ta nên đeo kính râm, đội mũ hay đi ô nhỉ? Mai: Cậu không biết sao, ánh mặt trời chiếu quá mạnh, nếu chiếu trực tiếp lên cơ thể chúng ta rất dễ bị nhức đầu, sổ mũi, đặc biệt là có hại cho mắt đấy. Lan: Bài trước chúng ta đã học rồi. Để tạo ra bóng râm thì cần vật cản sáng hay vật chỉ cho ánh sáng truyền qua 1 phần. Mà mũ, ô, kính râm thì là những vật như vậy nên ánh sáng mặt trời không
+ Yêu cầu HS tiếp tục quan sát hình 5, 6, 7, 8 (trang 99) và trả lời các câu hỏi sau: + Những trường hợp nào cần tránh để đảm bảo ánh sáng khi đọc, viết?	

→ Kết luận: Khi đọc, viết, tư thế ngồi phải ngay ngắn... **C, Củng cố - dặn dò:** - Nhận xét giờ học . VN chuẩn bị bài sau	thể trực tiếp chiếu vào cơ thể chúng ta được. + Hình 5: Nên ngồi học như bạn nhỏ vì bàn của bạn nhỏ kê cạnh cửa sổ, đủ ánh sáng và ánh sáng mặt trời không trực tiếp chiếu vào mắt được. + Hình 6: Không nên nhìn quá lâu vào màn hình vi tính. Bạn nhỏ dùng máy vi tính khuya như vậy sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe, có hại cho mắt. + Hình 7: Không nên nằm đọc sách sẽ tạo bóng tối làm tối các dòng chữ làm mỏi mắt, có thể dẫn đến cận thị. + Hình 8: Nên ngồi học như bạn nhỏ. đèn ở phía bên trái thấp hơn đầu nên ánh sáng điện không trực tiếp chiếu vào mắt.

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Tập làm văn:

LUYỆN TẬP TÓM TẮT TIN TỨC

I, Mục tiêu: Giúp học sinh

- Biết tóm tắt một tin cho trước bằng một, hai câu (BT1, 2); bước biết viết được một tin ngắn (4, 5 câu) về hoạt động học tập, sinh hoạt (hoặc tin hoạt động ở địa phương), tóm tắt được tin đó viết bằng 1, 2 câu.

****** KNS:***

- Tìm và xử lớ thụng tin, phõn tớch, đối chiếu.

- Ra quyết định: tìm kiếm cách lựa chọn.

- Đảm nhận trỏch nhiệm

II, Đồ dùng dạy học: Giấy khổ to + bút dạ.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu

Hoạt động của thầy	*Hoạt động của trò*
A. Kiểm tra bài cũ: **B. Dạy học bài mới:** **1. Giới thiệu bài:** **2. Hướng dẫn học sinh làm bài**	

tập. **Bài 1:** Đọc các tin sau: + Muốn tóm tắt được tin tức các em cần nắm vững nội dung bản tin, xác định được các sự việc chính trong bản tin và diễn đạt các sự việc ấy bằng 1 đến 2 câu. + Bản tin có những sự việc chính nào? (Yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi). Bài 2: Em hãy tóm tắt 1 trong 2 tin trên bằng 1 hoặc 2 câu. + Theo dõi, giúp đỡ học sinh làm bài.	+ 2 HS nêu yêu cầu và nội dung 2 đoạn tin. Cả lớp đọc thầm SGK. + HS thảo luận nhóm đôi và nêu: *** <u>Bản tin a có các sự việc chính:</u>** - Liên đội TN TPHCM trường Tiểu học Lê Văn Tám phường An Sơn, Tam Kì, Quảng Nam đã tổ chức: + Trao 10 suất học bổng cho HS nghèo học giỏi. + Tặng 12 phần quà cho các bạn ở lớp học tình thương. + Tặng 2 suất học bổng cho HS trường Tiểu học Tam Thăng. *** <u>Bản tin b có các sự việc chính:</u>** - Học sinh Tiểu học trường Quốc tế Liên hợp quốc ở phố Vạn Phúc, Hà Nội nhiều quốc tịch nhưng rất đoàn kết và có nhiều sinh hoạt bổ ích như: + Tổ chức buổi sinh hoạt cộng đồng vào thứ 6 hàng tuần. + Tổ chức hội chợ bán các sản phẩm do chính mình làm ra để góp tiền tặng chương trình phẫu thuật nụ cười. * 2 HS nêu yêu cầu, cả lớp đọc thầm. + Cả lớp cùng làm bài. + Một số HS đọc trước lớp, cả lớp nhận xét, bổ sung. Ví dụ: a) Liên đội trường Tiểu học Lê Văn Tám (An Sơn, Tam Kì, Quảng Nam) trao học bổng và quà cho các bạn học sinh nghèo học giỏi và

Bài 3: Dựa vào cách đưa tin như trên, em hãy viết 1 tin về hoạt động của chi đội, liên đội hay của trường mà em đang học. + Em sẽ chọn viết tin gì? **C, Củng cố - dặn dò:** - Củng cố lại nội dung bài học. Dặn HS chuẩn bị bài sau.	các bạn có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. b) Học sinh trường Tiểu học Quốc tế Liên hợp quốc ở phố Vạn Phúc - Hà Nội rất đoàn kết và có nhiều sinh hoạt bổ ích như tổ chức sinh hoạt cộng đồng, tổ chức hội chợ bán sản phẩm do HS tự làm để lấy tiền tặng chương trình "phẫu thuật nụ cười". * 2 HS nêu yêu cầu. + HS tự viết vào nháp. + 3 HS viết vào giấy khổ to, dán trên lớp. + Một số HS đọc, nhận xét.

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Thứ tư ngày 22 tháng 2 năm 2012

Mỹ thuật :

VẼ TRANH: ĐỀ TÀI TRƯỜNG EM

I. Mục tiêu : Giúp HS :

- HS biết tìm, chọn ND và h/ả đẹp về trường học để vẽ tranh.
- Biết cách vẽ và vẽ được bức tranhvề trường của mình, vẽ màu treo ý thích.
- Thêm yêu mến trường của mình.

II . Đồ dùng dạy học : 1 số tranh ảnh về trường học, Hình gợi ý, SGK, Vở thực hành, chì, tẩy

III. Các HĐ dạy học chủ yếu :

Hoạt động của thầy	***Hoạt động của trò***
HĐ1 : Tìm, chọn nội dung đề tài - Gv giới thiệu tranh ảnh: + Phong cảnh có cây, nhà, bồn hoa, cây cối ... + Cổng trường và HS đang tới lớp + Sân trường trong giờ ra chơi có nhiều HĐ khác nhau. + Cho HS q/s thêm tranh trong SGK T59, 60 - Gv tóm tắt có nhiều cách thể hiện khi vẽ tranhvề đề tài trường em ***HĐ2 : Cách vẽ tranh*** - Gv y/c HS chọnND để vẽ tranhvề trường của mình: Vẽ cảnh nào? có những gì ?	- HS xem tranh, ảnh -HS quan sát dể nhận biết thêm về đề tài nhà trường như: cảnh vui chơi sau giờ học; Đi học dưới trời mưa; -Trong lớp học ; ngôi trường bản em

- Gợi ý HS cách vẽ tranh + Vẽ h/a chính trước cho rõ ND đề tài đó chọn + Vẽ thêm các h/ả khác cho ND phong phú hơn. + Vẽ màu theo ý thích. ***HĐ3 : Thực hành*** - giúp đỡ HS còn lúng túng ***HĐ4 : Nhận xét đánh giá*** - n/x đánh giá 1 số bài vẽ - xếp loại bài vẽ và tuyờn dương những em có bài vẽ đẹp . *Dặn dò* : VN sưu tầm tranh của thiếu nhi .	- HS chú ýtheo dõi GV HD - HS thực hành vào vở thực hành vẽ .

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Tập đọc

BÀI THƠ VỀ TIỂU ĐỘI XE KHÔNG KÍNH

I, Mục đích yêu cầu: Giúp học sinh

- Bước đầu biết đọc diễn cảm một, hai khổ thơ trong bài với giọng vui, lạc quan.
- Hieồu noọi dung: Ca ngụùi tinh thần dũng cảm, lạc quan của các chiến sĩ lái xe trong kháng chiến chống Mĩ cứu nước. (trả lời được các câu hoỏi trong SGK; thuoọc 1, 2 khổ thơ).

3. Học thuộc lòng bài thơ.

II, Đồ dùng dạy học:

- Tranh minh họa cho bài tập đọc SGK. Bảng phụ viết sẵn câu thơ, đoạn thơ cần luyện đọc.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	*Hoạt động của trò*
A. Kiểm tra bài cũ **B. Dạy học bài mới** **1. Giới thiệu bài** **2. Hướng dẫn luyện đọc** + Bài thơ gồm có mấy khổ thơ? + Yêu cầu HS đọc nối tiếp khổ thơ. + Theo dõi, sửa sai cho HS +Y/C HS luyện đọc nhóm đôi. +Y/C HS luyện đọc cá nhân.	 + 4 khổ thơ. + HS đọc nối tiếp (3 lượt). + Lượt1: Luyện đọc + luyện phát âm + Lượt2: Luyện đọc + giải nghĩa tư + Lượt 3: Luyện đọc lại

+ Đọc mẫu bài thơ. **3. Tìm hiểu bài** + Yêu cầu HS đọc thầm toàn bài thơ. + Qua bài thơ, em hình dung ra điều gì về các chiến sĩ lái xe? + Trong những năm tháng đầy bom đạn ấy, các chiến sĩ lái xe của ta vẫn lạc quan, yêu đời, hăng hái đi chiến đấu. Hình ảnh nào trong bài thơ nói lên điều đó? + Hình ảnh những chiến sĩ không có kính vẫn băng băng ra trận giữa bom đạn của kẻ thù gợi cho em cảm nghĩ gì? + Yêu cầu HS thảo luận nhóm bàn, nêu ý chính của từng khổ thơ và nội dung của bài thơ. **4: Luyện đọc diễn cảm - Đọc thuộc**	+ HS luyện đọc nhóm đôi. 2 HS thi đọc trước lớp. + 1 HS đọc to, cả lớp đọc thầm. + Qua bài thơ em thấy các chiến sĩ lái xe rất dũng cảm, lạc quan, yêu đời, hăng hái đi chiến đấu. + Những hình ảnh: - Bom giật, bom rung kính vỡ đi rồi Ung dung buồng lái ta ngồi Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng Không có kính, ừ thì ướt áo Mưa tuôn, mưa xối như ngoài trời Chưa cần thay, lái trăm cây số nữ - Gặp bạn bè suốt dọc đường đi tới. Bắt tay nhau qua cửa kính vỡ rồi + Các chú bộ đội thật dũng cảm, lạc quan yêu đời, coi thường khó khăn gian khổ, bấp chấp bom đạn của kẻ thù. + Các nhóm thảo luận. + Một số nhóm nêu, nhóm khác nhận xét. + Tiểu kết câu trả lời đúng: ý1: Tâm thế bình thản, ung dung của người chiến sĩ lái xe Trường Sơn. ý2: Tinh thần lạc quan của những chiến sĩ lái xe Trường Sơn. ý3: Tinh thần vượt qua khó khăn gian khổ của các chiến sĩ lái xe Trường Sơn. ý4: Tình đồng chí đồng đội thắm thiết. Nội dung: Ca ngợi tinh thần lạc quan, dũng cảm của các chiến sĩ lái xe trong những năm tháng chống Mỹ cứu nước. + HS luyện đọc theo cặp.

lòng + Yêu cầu 4 HS nối tiếp nhau đọc 4 khổ thơ và nêu cách đọc hay từng khổ thơ. + Treo bảng phụ chép sẵn phần luyện đọc + Tổ chức cho HS luyện đọc học thuộc lòng nối tiếp theo từng khổ thơ, cả bài thơ. + Yêu cầu 1 số HS đọc thuộc lòng. + Nhận xét, tuyên dương. **C, Củng cố - dặn dò:** - Củng cố lại nội dung bài. Dặn HS đọc thuộc lòng bài thơ và chuẩn bị bài sau.	+ 2 HS thi đọc trước lớp. + Lớp nhận xét. + HS luyện đọc thuộc lòng theo cặp đôi. + Một số HS đọc trước lớp theo khổ thơ và cả bài thơ.

Toán

LUYỆN TẬP

I, Mục tiêu: Giúp học sinh

- Bieỏt giải bài toán liên quan đến phép cộng và phép nhân phân số.
- Bài tập cần làm bài 1a, bài 2, bài 3 và **bài 1b,c* dành cho HS khỏ giỏi.**

II, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	***Hoạt động của trò***
1: Kiểm tra bài cũ: ***2: Hướng dẫn luyện tập*** ***HĐ1: Giới thiệu tính chất giao hoán trong phép tính phân số.*** + Y/C hs làm và chữa bài 1 + Vậy khi thay đổi vị trí các phân số trong 1 tích thì tích đó có thay đổi không? + Em có nhận xét gì về tính chất giao hoán của phép nhân 2 phân số với tính chất giao hoán của phép nhân số tự nhiên? ***HĐ2: Giới thiệu tính chất một số nhân một tổng áp dụng trong phép tính phân số***	 + HS chữa bài và nêu nhận xét: Kết quả 2 phép tính bằng nhau. + Tích không thay đổi. + Đều có tính chất giống nhau.

+ Y/C hs chữa bài 2 + Y/C hs nhận xét và so sánh 2 biểu thức + Em đã vận dụng tính chất gì để tính bằng 2 cách của câu a, b, c? + Muốn nhân 1 tổng 2 phân số với phân số thứ 3 ta có thể làm thế nào? ***HĐ3: Củng cố tính chất giao hoán, kết hợp trong phép nhân phân số*** ***Bài 3:*** Tính bằng 2 cách. + Y/C hs chữa bài, nêu cách làm + Cách tính nào nhanh hơn? ***Bài 4:*** Củng cố về giải toán. + Y/C hs nêu cách tính diện tích HCN ***C. Củng cố - dặn dò:*** - Nhận xét giờ học. Làm bài tập 2,3 (SGK trang 134).	+ HS tính và nêu kết quả. + 2 biểu thức trên có giá trị bằng nhau và bằng b) $\frac{3}{4}$ c) $\frac{25}{28}$ +Tính chất nhân 1 tổng 2 phân số với phân số thứ 3. + Nêu được tính chất + 1 HS lên chữa bài. Kết quả: $\frac{82}{15}$ - Cách 2 nhanh hơn + 1 HS lên chữa bài. Đáp số: $\frac{18}{25}$ +HS nhận xét, nêu cách tính diện tích HCN

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Kể chuyện:

NHỮNG CHÚ BÉ KHÔNG CHẾT

I, Mục đích yêu cầu: Giúp học sinh

- Dựa vào lời kể của GV và tranh minh hoạ SGK, kể lại được từng đoạn của câu chuyện *Những chỳ bộ khụng chết* rừ ràng, đủ ý (BT1); kể nối tiếp toàn bộ câu chuyện (BT2).
- Biết trao đổi với bạn về ý nghĩa của câu chuyện và đặt tên khác cho truyện phù hợp với nội dung.

II, Đồ dùng dạy học: Các hình minh họa cho câu chuyện (được cấp).

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	***Hoạt động của trò***
A. Kiểm tra bài cũ ***B. Dạy học bài mới*** ***1. Giới thiệu bài:*** ***2. Kể chuyện*** + Giáo viên kể chuyện: - Lần 1: GV kể chuyện	- Hs theo dõi GV kể

- Lần 2:GV kể chuyện kết hợp sử dụng tranh minh họa. ***3. Hướng dẫn kể chuyện*** + Yêu cầu HS dựa vào tranh minh họa, kể từng đoạn và toàn bộ câu chuyện trong nhóm. + Theo dõi, giúp đỡ HS kể chuyện. ***4. Thi kể chuyện trước lớp*** + Treo tranh minh họa, yêu cầu HS lần lượt lên kể chuyện trước lớp. - Thi từng đoạn - Thi kể toàn bộ câu chuyện và nêu ý nghĩa câu chuyện. + Yêu cầu HS bầu BGK, cả lớp lắng nghe và đánh giá theo các tiêu chí đã nêu. ***C. Củng cố - dặn dò:*** - Củng cố lại nội dung câu chuyện. - KC cho gia đình nghe và chuẩn bị bài sau.	+ HS luyện kể theo nhóm bàn và trao đổi ý nghĩa của câu chuyện. + Nhận xét bạn của nhóm mình kể. + Một số HS lên kể chuyện trên bảng theo từng đoạn và cả câu chuyện. + HS lắng nghe, nhận xét bạn kể. + HS kể hỏi bạn hoặc HS nghe kể hỏi: - Câu chuyện ca ngợi phẩm chất gì ở các chú bé? - Tại sao chuyện có tên: Những chú bé không chết? - Bạn có thể đặt tên cho câu chuyện là gì?

ଌ✻ଌ✻ଌ✻ଌ✻ଌ

<u>Âm nhạc</u>

Giỏo viờn chuyờn dạy

ଌ✻ଌ✻ଌ✻ଌ✻ଌ

Thứ năm ngày 24 tháng 2 năm 2011

<u>Lịch sử:</u>

TRỊNH - NGUYỄN PHÂN TRANH

I, Mục tiêu: Giúp học sinh

- Bieột được một vài sự kiện về sự chia cắt đất nước, tỡnh hỡnh kinh tế sa sỳt:

+ Từ thế kỉ XVI, triều đỡnh nhà Lờ suy thoỏi, đất nước từ đây bị chia cắt thành Nam triều và Bắc triều, tiếp đó là Đàng Trong và Đàng ngoài.

+ Nguyên nhân của việc chia cắt đất nước là do cuộc tranh giành quyền lực cuả các phe phái phong kiến.

+ Cuộc tranh giành quyền lực giữa các phe phỏi phong kiến khiến cuộc sống của nhân dân ngày càng khổ cực: đời sống đói khát, phải đi lính và chết trận, sản xuất không phát triển.

- Dùng lược đồ Việt Nam chỉ ra ranh giới chia cắt Đàng Ngoài và Đàng trong.

II, Đồ dùng dạy học:

- Phiếu học tập cá nhân. Bảng phụ ghi sẵn các câu hỏi gợi ý cho thảo luận nhóm. Lược đồ Việt Nam thế kỉ XVI - XVII.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	*Hoạt động của trò*
HĐ1: Giới thiệu bài **HĐ2: Tìm hiểu sự suy sụp của triều Hậu Lê** + YC HS đọc thầm SGK và tìm những biểu hiện cho thấy sự suy sụp của triều đình Hậu Lê từ đầu thế kỷ XV? + Tiểu kết ý chính → Trước sự suy sụp của nhà Hậu Lê, nhà Mạc đã cướp ngôi nhà Lê. Chúng ta cùng tìm hiểu về sự ra đời của nhà Mạc. **HĐ3: Tìm hiểu sự ra đời của nhà Mạc và sự phân chia Nam Triều - Bắc Triều** + Yêu hs thảo luận nhóm 4 các câu hỏi sau: 1) Nhà Mạc ra đời như thế nào? Triều đình nhà Mạc được sử cũ gọi là gì? Nam Triều là triều đình của dòng họ phong kiến nào? Ra đời như thế nào? 3) Vì sao có chiến tranh Nam - Bắc Triều? 4) Chiến tranh Nam - Bắc Triều kéo dài bao nhiêu năm và có kết quả như thế nào? **HĐ4:Tìm hiểu chiến tranh Trịnh-Nguyễn**	+ 3 HS nêu, lớp nhận xét. - Vua chỉ bày trò ăn chơi xa xỉ suốt ngày đêm. - Bắt nhân dân xây thêm nhiều cung điện. - Nhân dân gọi vua Lê Hy Mục là "Vua quỷ" gọi vua Lê Tương Dực là "Vua lợn". - Quan lại trong triều đánh giết lẫn nhau để tranh giành quyền lực. + HS thảo luận và nêu. + Nam Triều là triều đình của họ Lê. Năm 1533, một quan võ của họ Lê là Nguyễn Kim đã đưa 1 người thuộc dòng dõi nhà Lê lên ngôi đã lập nên triều đình riêng ở Thanh Hóa. + 2 thế lực phong kiến Nam Triều và Bắc Triều tranh giành quyền lực với nhau gây nên cuộc chiến tranh Nam - Bắc Triều. + Kéo dài hơn 50 năm, đến năm 1592 khi Nam Triều chiếm được Thăng Long thì chiến tranh mới kết thúc.

+ YC HS thảo luận theo bàn các câu hỏi: 1) Nguyên nhân nào dẫn đến chiến tranh Trịnh - Nguyễn? 2) Trình bày diễn biến chính của cuộc chiến tranh Trịnh - Nguyễn? 3) Nêu kết quả của chiến tranh Trịnh - Nguyễn? + Chiến tranh liên miên dẫn đến đời sống của nhân dân ta lúc bấy giờ như thế nào? **C. Củng cố - dặn dò:** Nhận xét giờ học. - Dặn học sinh chuẩn bị bài sau.	+ HS thảo luận theo bàn. + Khi Nguyễn Kim chết, con rể là Trịnh Kiểm lên thay nắm toàn bộ triều chính đã đẩy con trai của Nguyễn Kim là Nguyễn Hoàng vào trấn thủ vùng Thuận Hóa, Quảng Nam. Hai thế lực phong kiến Trịnh - Nguyễn đã tranh giành quyền lực gây nên chiến tranh Trịnh - Nguyễn. + Trong khoảng 50 năm, 2 họ Trịnh-Nguyễn đánh nhau 7 lần. Vùng đất miền Trung trở thành chiến trường ác liệt. + Hai họ lấy sông Gianh (Quảng Bình) làm gianh giới. Đàng Ngoài từ sông Gianh trở ra, Đàng Trong từ sông Gianh trở vào. Đất nước bị chia cắt hơn 200 năm. + Vô cùng khổ cực.

ଌ✲ଌ✲ଌ✲ଌ✲ଌ

Toán:

TÌM PHÂN SỐ CỦA MỘT SỐ

I, Mục tiêu: Giúp học sinh

- Biết cách giải các bài toỏn dạng: *Tìm phõn số của một số.*
- Baứi taọp caàn laứm baứi 1, baứi 2 vaứ ***baứi 3* daứnh cho HS khaự gioỷi.***

II, Đồ dùng học tập: Vẽ sẵn lên bảng lớp hình minh họa SGK.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	***Hoạt động của trò***
HĐ1: Kiểm tra bài cũ: ***HĐ2: Ôn tập về tìm 1 phần mấy của 1 số*** + Lớp 4A có 36 học sinh, số học sinh thích học toán bằng $\frac{1}{3}$ số học sinh cả lớp. Hỏi lớp 4A có bao nhiêu học sinh tích học toán? + Mẹ mua 12 quả cam, mẹ đem biếu bà $\frac{1}{3}$ số	+ 2 HS đọc đề bài. + HS trả lời: Số học sinh thích học toán của lớp 4A là: 36 : 3 = 12 (em).

cam đó. Hỏi mẹ đã biếu bà bao nhiêu quả cam. ***HĐ3: Hướng dẫn học sinh tìm phân số của 1 số*** * Một rổ cam có 12 quả, hỏi $\frac{2}{3}$ số cam trong rổ là bao nhiêu quả? + $\frac{2}{3}$ số cam trong rổ như thế nào so với $\frac{1}{3}$ số cam trong rổ? + Vậy muốn biết $\frac{2}{3}$ số cam trong rổ là bao nhiêu ta làm thế nào? + Vậy $\frac{2}{3}$ của 12 quả cam trong rổ là bao nhiêu? + Em hãy suy nghĩ và điền dấu >, <, = thích hợp: $12.....\frac{2}{3}=8$. + Vậy muốn tính $\frac{2}{3}$ của 12 ta làm thế nào + Hãy tính $\frac{2}{3}$ của 15; $\frac{3}{4}$ của 16. ***HĐ4: Luyện tập*** + Giao bài 1, 2, 3 (vở bài tập trang 46). + Theo dõi, giúp đỡ HS làm bài. + Chấm bài của một số em, nhận xét. + Hướng dẫn học sinh chữa bài. + Nhận xét, nêu cách làm. Bài tập1,2,3: Củng cố cách tìm phân số của một số. ***5. Củng cố - dặn dò:*** - Củng cố nội dung bài học. Làm bài tập ở SGK.	+ HS đọc đề bài. + 1 HS trả lời: Mẹ đã biếu bà số quả cam là: 12 : 3 = 4 (quả cam). + 2 HS đọc lại. + $\frac{2}{3}$ số cam gấp đôi $\frac{1}{3}$ số cam trong rổ. + Lấy kết quả của $\frac{1}{3}$ số cam trong rổ nhân với 2 (4 x 2 = 8 quả) + $\frac{2}{3}$ của 12 quả cam là 8 quả. + HS suy nghĩ và điền dấu x (HS thực hiện $12\times\frac{2}{3}=\frac{24}{3}=8$) + Muốn tính $\frac{2}{3}$ của 12 ta lấy số 12 x $\frac{2}{3}$. + 2 HS vận dụng tính. Cả lớp làm vào vở nháp. + 3 HS đọc đề bài. + 3 HS lên bảng chữa bài, mỗi HS làm 1 bài.Kết quả: Bài1: 24 học sinh Bài2: 16 học sinh nam Bài3: 120 m + HS nêu lại cách tìm phân số của một số

Luyện từ và câu

MỞ RỘNG VỐN TỪ: DŨNG CẢM

I, Mục đích yêu cầu : Giúp học sinh

- Mở rộng được một số từ ngữ thuộc chủ điểm ***Dũng cảm*** qua việc tìm từ cựng nghĩa, việc ghộp từ (BT1, BT2); hiểu nghĩa một vài từ theo chủ điểm (BT3); biết sử dụng một số từ theo chủ điểm qua việc điền từ vào chỗ trống trong đoạn văn (BT4).

II, Đồ dùng dạy học:

- Chuẩn bị từ điển Tiếng Việt Tiểu học.
- Thẻ từ ghi sẵn các từ ở cột A (Bài tập 2), bảng lớp ghi sẵn cột B. Viết sẵn bài tập 4 lên bảng phụ.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	***Hoạt động của trò***
A. Kiểm tra bài cũ: ***B. Dạy học bài mới*** ***1. Giới thiệu bài*** ***2. Hướng dẫn học sinh làm bài tập:*** ***Bài 1:*** Tìm các từ cùng nghĩa với từ "***dũng cảm***" trong các từ dưới đây: *Gan dạ, thân thiết, hòa thuận, hiếu thảo, anh hùng, anh dũng, chăm chỉ, lễ phép, chuyên cần, can đảm, can trường, gan góc, gan lì, tận tụy, tháo vát, thông minh, bạo gan, quả cảm.* + Em hiểu "***Dũng cảm***" có nghĩa là gì? + Đặt câu với từ "***Dũng cảm***"? và đặt câu với các từ cùng nghĩa với "***Dũng cảm***" mà các em vừa tìm được? ***Bài 2:*** Ghép từ "Dũng cảm" vào trước hoặc sau từng từ ngữ dưới đây để tạo thành những cụm từ có nghĩa + Y/C hs trình bày + GV nhận xét thóng nhất những câu ghép đúng: ***Tinh thần dũng cảm*** ***Hành động dũng cảm*** ***Người chiến sĩ dũng cảm***	+ 2 HS đọc yêu cầu và nội dung của bài tập. + HS thảo luận cặp đôi. + Một số HS nêu, lớp nhận xét. *Gan dạ, anh hùng, anh dũng, can đảm, can trường, gan góc, gan lì, bạo gan, quả cảm.* *+ Dũng cảm là có dũng khí, dám đương đầu với sự nguy hiểm khó khăn để làm những việc nên làm.* + 1 số HS nêu. + HS nêu yêu cầu và các từ ở bài tập 2. + HS thảo luận theo bàn. + Một số HS nêu, học sinh khác nhận xét, bổ sung. + Các câu ghép đúng là: *Dũng cảm xông lên* *Dũng cảm nhận khuyết điểm*

Nữ du kích dũng cảm	*Dũng cảm cứu bạn* *Dũng cảm chống lại cường quyền* *Dũng cảm trước kẻ thù* *Dũng cảm nói lên sự thật*
Bài 3: Tìm từ (ở cột A) phù hợp với lời giải nghĩa (ở cột B). + Treo bảng phụ viết sẵn phần giải nghĩa (cột B). Y/C hs lên nối đúng. + Nhận xét thống nhất câu đúng	+ HS nêu yêu cầu của bài tập. + HS chữa bài: Lên bảng nối Gan dạ: *Không sợ nguy hiểm* Gan góc: *Chống chọi kiên cường, không lùi bước.*
Bài 4: Tìm từ ngữ trong ngoặc đơn hợp với mỗi chỗ trống của đoạn văn sau. + Treo bảng phụ.Y/C hs lên bảng chữa bài + Nhận xét thống nhất bài làm đúng. ***C, Củng cố - dặn dò:*** Nhận xét giờ học. Dặn HS chuẩn bị bài sau.	Gan lì: *Gan đến mức trơ ra, không còn biết sợ là gì* HS nêu yêu cầu của bài tập. + 1 HS lên làm trên bảng lớp, cả lớp làm vào vở. 1 số HS đọc đoạn văn, nhận xét. + Thứ tự các từ cần điền là: ***Người liên lạc, can đảm, mặt trận, hiểm nghèo, tấm gương.***

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Khoa học

NÓNG, LẠNH VÀ NHIỆT ĐỘ

I, Mục tiêu: Giúp học sinh

- Nêu được ví dụ về vật nóng hơn có nhiệt độ cao hơn, vật lạnh hơn có nhiệt độ thấp hơn.
- Sử dụng được nhiệt kế để xác định nhiệt độ cơ thể, nhiệt độ không khí.

II, Đồ dùng dạy học:

Giáo viên: Một số loại nhiệt kế, phích nước sôi, nước đá đang tan, 4 chậu nhỏ.

Học sinh: Chuẩn bị theo nhóm: Nhiệt kế, 3 cái cốc.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	***Hoạt động của trò***
A: Kiểm tra bài cũ: ***B. Dạy học bài mới;*** **** Giới thiệu bài*** ***HĐ1:Tìm hiểu sự nóng, lạnh của vật*** + Hãy kể tên những vật có nhiệt độ cao	+ ***Vật nóng***: Nước đang sôi, bóng đèn

và những vật có nhiệt độ thấp?	đang thắp sáng, bàn là đang cắm điện, nồi vừa nấu thức ăn xong... ***Vật lạnh***: Nước đá, khe tủ lạnh, đồ dùng trong tủ lạnh...
+ Yêu cầu HS quan sát hình 1 SGK và cho biết: Cốc a nóng hơn cốc nào và lạnh hơn cốc nào? Vì sao em biết? + Hình 1, cốc nước nào có nhiệt độ cao nhất? Cốc nước nào có nhiệt độ lạnh nhất?	+ Cốc a nóng hơn cốc c và lạnh hơn cốc b vì cốc a là cốc nước nguội, cốc b là cốc nước nóng còn cốc c là cốc nước đá. + Cốc b có nhiệt độ cao nhất, cốc c có nhiệt độ lạnh nhất.
HĐ2:Tìm hiểu cách sử dụng nhiệt kế + Yêu cầu 2 HS lên làm thí nghiệm với 3 chậu nước núng, lạnh, bỡnh thường + Tay em có cảm giác như thế nào? Vì sao có hiện tượng đó? + Yêu cầu HS lên thực hành đo nhiệt độ cơ thể người (4 nhóm). → ***Nhiệt độ cơ thể người lúc khỏe mạnh vào khoảng 37^0C. Khi nhiệt độ cơ thể cao hơn hoặc thấp hơn mức 37^0C là cơ thể có dấu hiệu bị bệnh.*** + Yêu cầu các nhóm thực hành đo nhiệt độ của hơi nước sôi đang bốc. → Tiểu kết ý chính. ***C. Củng cố - dặn dò:*** Củng cố nội dung bài. - Dặn HS học bài và chuẩn bị bài sau.	+ HS nêu. Lớp lắng nghe. + Các nhóm báo cáo kết quả. + Các nhóm thực hành và nêu.

ꕥ❋ꕥ❋ꕥ❋ꕥ❋ꕥ

Kĩ thuật

CHĂM SÓC RAU, HOA (T2)

I/ Mục tiêu:

- Biết mục đích tác dụng, cách tiến hành một số công việc chăm sóc rau, hoa.
- Biết cách tiến hành một số công việc chăm sóc rau, hoa.
- Làm được một số công việc chăm sóc rau, hoa.

II/ Các hoạt động dạy-học:

Ho¹t ®éng cña thÇy	Ho¹t ®éng cña trß
A/ KTBC: ***Chăm sóc rau, hoa***	- 2 hs trả lời
1) Nêu tác dụng của việc tưới nước?	1) Cung cấp nước, giúp cho hạt nảy mầm, hòa tan các chất dinh dưỡng trong đất cho cây hút và giúp cây sinh trưởng phát triển thuận lợi.
2) Tỉa cây, làm cỏ cho rau, hoa nhằm mục đích gì?	2) Giúp cho cây đủ ánh sáng và chất dinh dưỡng.
- Nhận xét, đánh giá	
B/ Bài mới:	
*** ***Giới thiệu bài:***	
*** ***Hoạt động 1: Vun xới đất cho rau, hoa***	
- Cho hs quan sát đất trên luống, trong chậu rau, hoa.	- Quan sát
- Nêu những biểu hiện của đất ở trên luống hoặc trong chậu?	- Đất khô, đất ẩm, tơi xốp
- Nguyên nhân làm cho đất bị khô, không tơi xốp?	- Do đất bị dí chặt do mưa và tưới nước liên tục lâu ngày không được xới lên, đất khô do không tưới nước.
- Tại sao phải xới đất?	- Làm cho đất tơi xốp, có nhiều không khí.
- Nêu tác dụng của vun gốc?	- Giữ cho cây không đổ, rễ cây phát triển mạnh.
Kết luận: ***Ta phải vun xới đất để làm cho đất tơi xốp, đảm bảo đủ không khí cho cây.***	- Lắng nghe
- Các em quan sát hình 3 SGK nêu dụng cụ vun xới đất và cách xới đất?	- Dùng cuốc hoặc dầm xới, vừa thực hiện xới đất vừa vun đất vào gốc cây.
- Làm mẫu cách vun, xới đất	- Quan sát
- Nhắc nhở: *Các em nhớ khi xới cố gắng không làm gãy cây hoặc làm cây bị sây sát. Kết hợp xới đất và vun gốc,*	- Ghi nhớ

xới nhẹ trên mặt đất và vun đất vào gốc nhưng không vun quá cao làm lấp thân cây. ****** Hoạt động 2: HS thực hành chăm sóc rau, hoa*** - Chăm sóc cây rau, hoa bao gồm những công việc nào? - Nêu mục đích các công việc chăm sóc rau, hoa? - Gọi hs đọc ghi nhớ SGK/65 - Kiểm tra sự chuẩn bị lao động của hs - Giao nhiệm vụ thực hành - Quan sát, uốn nắn những sai sót của hs và nhắc nhở các em đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh khi làm xong ****** Hoạt động 3: Đánh giá kết quả học tập*** - Y/c hs tự đánh giá công việc thực hành. - Nhận xét, đánh giá kết quả học tập của hs ***C/ Củng cố, dặn dò:*** - Tại sao phải thường xuyên tưới nước, làm cỏ và vun xới đất cho rau, hoa? - Bài sau: Bón phân cho rau, hoa.	- tỉa cây, tưới nước, làm cỏ, vun xới - Tỉa cây, làm cỏ giúp cho cây đủ ánh sáng và chất dinh dưỡng, tưới nước giúp cho cây hòa tan các chất dinh dưỡng trong đất, vun xới làm cho đất tơi xốp, có nhiều không khí. - Vài hs đọc to trước lớp. - Nhóm trưởng báo cáo - Thực hành trong nhóm - HS thu dọn dụng cụ, cỏ dại và vệ sinh dụng cụ, chân ta khi làm xong - HS đánh giá theo các tiêu chuẩn: + Chuẩn bị dụng cụ thực hành đầy đủ + Thực hiện đúng thao tác kĩ thuật. + Chấp hành đúng về an toàn lao động và có ý thức hoàn thành công việc được giao, đảm bảo thời gian qui định.

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Thứ sau ngày .... tháng .... năm 20....

Thể dục

Giáo viên chuyên dạy

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Toán:

PHÉP CHIA PHÂN SỐ

I, Mục tiêu: Giúp học sinh

- Biết thực hiện phép chia hai phân số: lấy phân số thứ nhất nhân với phân số thứ hai dảo ngược.
- Baứi taọp caàn laứm baứi 1, baứi 2, baứi 3; **baứi 4* daứnh cho HS khaự gioỷi**

II, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	*Hoạt động của trò*
1. HĐ1: Kiểm tra bài cũ	
2. HĐ2: Hướng dẫn thực hiện phép chia phân số	
+ Hình chữ nhật ABCD có diện tích $\frac{7}{15}m^2$, chiều rộng là $\frac{2}{3}$m. Tính chiều dài của hình chữ nhật đó?	+ 2 HS đọc đề bài.
+ Khi đã biết diện tích và chiều rộng của hình chữ nhật, muốn tính chiều dài của hình chữ nhật ta làm thế nào?	+ Ta lấy diệt tích của hình chữ nhật chia cho chiều rộng.
+ Bạn nào biết thực hiện phép tính trên?	Chiều dài của hình chữ nhật là: $\frac{7}{15}:\frac{2}{3}$
→Hướng dẫn: Muốn thực hiện phép chia 2 phân số người ta lấy phân số thứ nhất nhân với phân số thứ 2 đảo ngược. Trong bài toán trên, phân số $\frac{3}{2}$ được gọi là phân số đảo ngược của phân số $\frac{2}{3}$. Từ đó ta thực hiện được phép tính: $\frac{7}{15}:\frac{2}{3}=\frac{7}{15}\times\frac{3}{2}=\frac{21}{30}=\frac{7}{10}$ ***(m)***	+ HS nêu.
+ Vậy chiều dài của hình chữ nhật là bao nhiêu mét?	+ Là 10 m + 2 HS nêu. + 2 HS lên bảng làm, cả lớp làm vào giấy nháp.

+ Hãy nhắc lại cách chia phân số? + Vận dụng tính: $\frac{2}{3}:\frac{3}{4}$; $\frac{5}{9}:\frac{6}{7}$ ***3. HĐ3: Luyện tập*** ***Bài 1:*** + GV nxét, đánh giá, kết luận kết quả đúng. + GVcủng cố cách đảo ngược phân số cho HS ***Bài 2, 3:*** Tính + GV hướng dẫn HS chữa bài. + Nxét, đánh giá, bổ sung, củng cố lại cách chia phân số cho HS + Lưu ý cho học sinh có thể rút gọn kết quả nếu phân số đó chưa là phân số tối giản. ***4. Củng cố - dặn dò:*** - Nhận xét giờ học. Làm bài tập ở SGK và chuẩn bị bài sau.	+ 1 số HS nêu tại chỗ cách làm. + Lớp nhận xét, bổ sung. + Thống nhất cách làm đúng + 2 HS lên chữa bài. Lớp nhận xét theo dõi . +Thống nhất cách làm đúng. Bài 2: Kết quả: $\frac{8}{9};\frac{35}{54};\frac{3}{5};\frac{4}{7}$ Bài3: Kết quả: $\frac{35}{28};\frac{3}{4};\frac{5}{7};\frac{1}{35};\frac{1}{5};\frac{1}{7}$ + HS nêu lại cách chia phân số

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Chính tả:

Bài "***Khuất phục tên cướp biển***"

I, Mục đích yêu cầu : Giúp học sinh

- Nghe viết chính xác, đẹp đoạn từ "*Cơn tức giận... nhốt trong chuồng*" trong bài "***Khuất phục tên cướp biển***".
- Làm đúng bài tập chính tả phân biệt r/d/gi.

II, Đồ dùng dạy học: Bài tập 2a viết sẵn vào 2 tờ giấy to.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	*Hoạt động của trò*
A. Kiểm tra bài cũ: ***B. Dạy học bài mới:*** ***1. Giới thiệu bài*** ***2. Hướng dẫn viết chính tả*** ***a) Tìm hiểu nội dung đoạn văn:*** + Y/C hs đọc đoạn văn + *Những từ ngữ nào cho thấy tên cướp*	 + 2 HS đọc đoạn văn. Cả lớp theo dõi + *Đứng phắt dậy, rút soạt dao ra, lăm*

biển rất hung dữ? *+ Hình ảnh và từ ngữ nào cho thấy bác sĩ Ly và tên cướp biển trái ngược nhau?* ***b) HD viết tiếng khó:*** + Trong bài có những từ ngữ nà dễ lẫn khi viết? + HD HS viết từ khó. ***c) Viết chính tả:*** + Đọc chậm từng câu của bài chính tả. + Đọc cho hs soát bài + Chấm bài 1 số em, nhận xét. ***3.: Hướng dẫn luyện tập*** ***Bài 2a:*** + Tổ chức cho HS thành 2 nhóm thi điền nhanh. Nhóm nào điền xong trước mà đúng nội dung thì thắng cuộc. + Tiểu kết, tuyên dương. ***C, Củng cố - dặn dò:*** Nhận xét giờ học	*lăm chực đâm, hung hăng.* *+ Bác sĩ Ly: Hiền lành, đức độ, nghiêm nghị. Tên cướp nanh ác, hung hăng như con thú dữ nhốt chuồng.* + Tức giận, dữ dội, rút soạt dao ra, quả quyết, nghiêm nghị, gườm gườm. + 2 HS viết từ khó lên bảng lớp, cả lớp viết vào vở nháp. + HS viết bài vào vở. + Đổi vở soát lỗi cho nhau. + Nêu yêu cầu của bài tập. + 2 nhóm thi điền từ. + Đáp án: *Không gian, bao giờ, dẫi dầm, đứng gió, rõ ràng, khu rừng.*

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Tập làm văn:

LUYỆN TẬP XÂY DỰNG MỞ BÀI TRONG BÀI VĂN MIÊU TẢ CÂY CỐI

I, Mục tiêu: Giúp học sinh

- Nắm được hai cách mở bài (trực tiếp, gián tiếp) trong bài văn miêu tả cây cối; vận dụng kiến thức đó biết để viết được đoạn mở bài cho bài văn tả một cây mà em thích.

****** MT:***

- Thụng qua các bài tập cụ thể, HS tập viết đoạn mở bài để giới thiệu đoạn về cây sẽ tả, có thái độ gần gũi, yêu quý các loài cõy trụng trong mụi trường thiên nhiên.

II, Đồ dùng dạy học: 4 tờ giấy khổ to và bút dạ.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	*Hoạt động của trò*
****. HĐ1: Kiểm tra bài cũ*** ****.HĐ2: Hướng dẫn HS làm bài tập*** ***Bài 1:*** Gọi HS đọc yêu cầu và nội dung. + YC HS làm bài theo cặp.	 + 2 HS nối tiếp nhau đọc. Lớp đọc thầm

+ Gọi HS phát biểu ý kiến, YC HS khác bổ sung. + Nhận xét, tiểu kết. <u>Bài 2:</u> Gọi HS đọc yêu cầu bài tập. + YC HS làm việc theo nhóm. + YC các nhóm viết mở bài trực tiếp và gián tiếp để viết vào giấy. + Hướng dẫn HS nhận xét, sửa lỗi về câu, dùng từ cho bạn. + Giáo viên chữa bài trên bảng thật kĩ, nhận xét cho điểm bài viết tốt. + Gọi HS đọc 2 cách mở bài của mình. + Nhận xét từng bài và cho điểm bài viết tốt. ***C, Củng cố, dặn dò:*** Củng cố lại nội dung bài	+ 2 HS ngồi cùng bàn, đọc thầm từng đoạn mở bài, trao đổi, thảo luận. +1 số HS nêu ý kiến. Lớp nhận xét, bổ sung. - ***Giống nhau:*** *Các đoạn mở bài trên đều có mục đích giới thiệu cõy cối cần tả* - ***Khác nhau:*** *Đoạn a, b là kiểu mở bài trực tiếp. Đoạn c là kiểu mở bài gián tiếp.* + 1 HS đọc yêu cầu SGK, lớp đọc thầm. + Chia nhóm. Các nhóm nhận đồ dùng. + Các nhóm trao đổi, thảo luận, thư kí viết bài vào giấy. + Đại diện các nhóm lên bảng dán kết quả và đọc bài của nhóm mình. + Các nhóm khác theo dõi, chữa bài cho bạn (nếu có) + 5-7 HS đọc.

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

SINH HOẠT TẬP THỂ CUỐI TUẦN

I.Mục tiêu: Giúp HS :

- Đánh giá lại các mặt hoạt động của tuần 25: *Về học tập, đạo đức, đội - sao và các mặt hoạt động khác.*
- Biết tự quá trình rèn luyện tu dưỡng của bản thân.

II.Nội dung buổi sinh hoạt :

****** HS tự nhận xét , đánh giá về các mặt hoạt động trong tuần .***

- GV yêu cầu HS tự nhận xét về: *Đạo đức, học tập, hoạt động Đội - Sao, Lao động, trực nhật* và các mặt hoạt động khác .

+ Từng HS nối tiếp đứng dậy tự nhận xét về mình.

+ Gv gợi ý để HS nhận xét được đầy đủ các mặt. Tuyên dương những HS có nhiều điểm tốt trong tuần, những HS dám đề cao tính tự phê cho bản thân.

****** Nhận xét chung.***

- Giáo viên nhận xét chung nội dung tiết sinh hoạt. Phổ biến kế hoạch tuần 26:
- Tiếp tục phát huy những ưu điểm đã có.
- Chấm dứt tình trạng nói chuyện riêng trong giờ.
- Tuyên dương 1 số HS ý thức học tốt. Nhắc nhở 1 số HS có nhiều khuyết điểm.
- Dặn dò học sinh về nhà thực hiện tốt yêu cầu đề ra.

ଌ✻ଌ✻ଌ✻ଌ✻ଌ

Tuần 26

Thứ 2 ngày ... tháng .... năm 20...

Tập đọc:

THẮNG BIỂN

I, Mục đích: Giúp học sinh

- Biết đọc diễn cảm một đoạn trong bài với giọng sôi nổi, bước đầu biết nhấn giọng các từ ngữ gợi tả.
- Hiểu nooi dung: ***Ca ngợi lũng dũng cảm, ý chớ quyết thắng của con người trong cuộc đấu tranh chống thiên tai, bảo vệ đê, giữ gỡn cuộc sống bỡnh yờn***. (Trả lựi ửựcù caực caõu hoỏi 2, 3, 4 trong SGK).

KNS*: - Giao tieỏp: heồ hieọn sửù caỷm thoõng.

- Ra quyeỏt ủũnh , ửựng phoự.

- ẹaỷm nhaọn traựch nhieọm.

II, Đồ dùng dạy học: Tranh minh họa phóng to. Bảng phụ ghi sẵn câu văn, đoạn văn cần luyện đọc.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	*Hoạt động của trò*
A. Kiểm tra bài cũ	
B. Dạy học bài mới:	
1. Giới thiệu bài	
2. Hướng dẫn luyện đọc	
+ Bài tập đọc có thể chia làm mấy đoạn? Cụ thể các đoạn như thế nào?	+ 1 HS đọc cả bài. + 3 đoạn, mỗi chỗ chấm xuống dòng là 1 đoạn.
+ Yêu cầu HS đọc nối tiếp theo đoạn.	+ HS đọc nối tiếp theo đoạn (3 lượt). + HS đọc theo đoạn (1 lượt).

+ Theo dõi, sửa lỗi phát âm cho HS. + Y/C HS luyện đọc nhóm đôi. +Y/C 1 HS đọc trước lớp. + Đọc mẫu bài tập đọc. ***3. Tìm hiểu bài*** ***Đoạn 1:*** *+ Cuộc chiến đấu giữa con người và bão biển được miêu tả theo trình tự như thế nào?* *+ Tìm những từ ngữ, hình ảnh nói lên sự đe dọa của cơn bão biển?* *+ Các từ ngữ, hình ảnh đó gợi cho em điều gì?* *+ Vậy đoạn 1 cho biết điều gì?* ***Đoạn 2:*** *+ Tìm các từ ngữ, hình ảnh miêu tả cuộc tấn công dữ dội của cơn bão biển?* *+ Tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật gì để miêu tả hình ảnh của biển cả?* *+ Tác giả sử dụng các biện pháp nghệ thuật ấy có tác dụng gì?* ***→ Tác giả đã miêu tả thật rõ nét và sinh động về một cơn bão có sức phá hủy tưởng như không thể có gì ngăn cản nổi.*** *+ Ý chính của đoạn 2 là gì?* ***Đoạn 3:*** Còn lại *+ Những từ ngữ, hình ảnh nào thể hiện lòng dũng cảm, sức mạnh và chiến thắng của con*	+ 3 HS đọc đoạn và kết hợp giảI nghĩa từ + HS đọc nối tiếp đoạn lượt 3 + HS luyện đọc nhóm đôi. + 1 HS đọc trước lớp. + 1 HS đọc to, cả lớp đọc thầm. *+ Cuộc chiến đấu giữa con người và bão biển được miêu tả theo trình tự: biển đe dọa con đê, biển tấn công con đê, con người thắng biển, ngăn được dòng lũ, cứu sống đê.* *+ Gió bắt đầu mạnh, nước biển càng dữ, biển cả muốn nuốt tươi con đê mỏng manh, như con cá mập đớp con cá chim nhỏ bé.* *+ Cho thấy cơn bão biển rất mạnh, hung dữ, nó có thể cuốn phăng con đê mỏng manh bất cứ lúc nào.* ý1: *Cơn bão biển đe dọa* + 1 HS đọc to đoạn 2, cả lớp đọc thầm *+ Cuộc tấn công dữ dội của cơn bão biển được miêu tả: Như một đàn cá voi lớn, sóng trào qua những cây vọt cao nhất, vụt vào thân đê rào rào, một bên là biển, là gió trong cơn giận dữ điên cuồng, một bên là hàng ngàn người… với tinh thần quyết tâm chống giữ.* *+ Tác giả sử dụng biện pháp so sánh: như con cá mập đớp con cá chim, như một đàn cá voi lớn.* *- Biện pháp nhân hóa: Biển cả muốn nuốt tươi con đê mỏng manh, gió giận dữ, điên cuồng.* *+ Tác giả sử dụng các biện pháp ấy giúp ta thấy được cơn bão biển hung dữ. Làm cho người đọc hình dung được cụ thể, rõ nét về cơn bão biển và gây ấn tượng mạnh mẽ.*

người trước cơn bão biển? *- Đoạn 3 nói lên điều gì ?* *+ Nêu nội dung chính của bài tập đọc?* ***4. Hướng dẫn luyện đọc diễn cảm*** + Yêu cầu học sinh nối tiếp nhau đọc theo đoạn. Nêu cách đọc của mỗi đoạn. + Treo bảng phụ chép sẵn đoạn 3. Yêu cầu HS gạch chân các từ cần nhấn giọng. +Y/CHS Luyện đọc nhóm đôi. + Tổ chức HS thi đọc trước lớp. + Theo dõi, nhận xét. ***C, Củng cố - dặn dò:*** Dặn HS chuẩn bị bài sau.	ý2: *Sự tấn công của cơn bão biển.* + 1 HS đọc to, cả lớp đọc thầm. *+ Hơn 2 chục người thanh niên, mỗi người vác….* ý3: *Con người quyết chiến, quyết thắng cơn bão* * <u>Nội dung:</u> ***Ca ngợi lòng dũng cảm, ý chí quyết thắng của con người trong cuộc đấu tranh chống thiên tai, bảo vệ con đê, bảo vệ cuộc sống bình yên.*** + 3 HS đọc. + Nêu cách đọc mỗi đoạn. + Luyện đọc nhóm đôi. + 2 HS thi đọc trước lớp.

ꕥ✶ꕥ✶ꕥ✶ꕥ✶ꕥ

<u>Toán</u>

LUYỆN TẬP

I, Mục tiêu: Giúp học sinh

- Thực hiện được phép chia hai phõn số.
- Biết tìm thành phần chưa biết trong phép nhân, phép chia phân số.

Bài tập cần làm: Bài 1, bài 2 ***Bài 3* vaứ baøi 4* dành cho HS khỏ, giỏi.***

II, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	***Hoạt động của trò***
HĐ1: Kiểm tra bài cũ ***HĐ2: Hướng dẫn luyện tập*** + Gọi HS nêu YC của các bài tập. +Lưu ý, nhắc nhở HS trước khi làm. +Hướng dẫn, gợi ý HS cách làm bài 3 + Muốn tính diện tích của hình bình hành ta làm thế nào? + Muốn tính chiều cao của hình bình hành ta làm thế nào?	 + HS nêu yêu cầu của bài tập.(VBT) + Diện tích hình bình hành = đáy x chiều cao. + Chiều cao = diện tích : cạnh đáy

+ Muốn tính cạnh đáy của hình bình hành ta làm thế nào? +YC HS tự làm bài vào vở. + Theo dõi, giúp đỡ học sinh làm bài tập. + Chấm bài 1 số em. ***HĐ3: Hướng dẫn chữa bài*** ***Bài 1:*** Tính rồi rút gọn => Nếu kết quả có thể rút gọn được thì ta rút gọn phân số để đưa về phân số tối giản. +) $\frac{2}{5}:\frac{2}{3}=\frac{2}{5}\times\frac{3}{2}=\frac{6}{10}=\frac{3}{5}$ +) $\frac{1}{6}:\frac{1}{3}=\frac{1}{6}\times\frac{3}{1}=\frac{3}{6}=\frac{1}{2}$ - GV n/x củng cố chia phân số ***Bài 2:*** Củng cố về tìm thành phần chưa biết : *Tìm x +GVn/x củng cố lại cách tìm thừa số và số chia chưa biết cho HS. + Muốn tìm thừa số chưa biết ta làm thế nào? + Muốn tìm số chia ta làm thế nào? ***Bài 3:*** Củng cố về giải toán + Lưu ý cho HS cách trình bày bài. - GV n/x chốt lời giải đúng ***Bài 4:*** Nối phép chia và phép nhân: - Tổ chức chơi TC : Ai nhanh, ai đúng - Gv n/x củng cố cách nhân, chia phân số ***C, Củng cố - dặn dò:*** Dặn HS chuẩn bị bài sau.	+ Cạnh đáy = diện tích : chiều cao + HS làm bài tập. + 2 HS lên chữa bài, nhắc lại cách chia 2 phân số. +) $\frac{4}{7}:\frac{4}{5}=\frac{4}{7}\times\frac{5}{4}=\frac{20}{28}=\frac{5}{7}$ +) $\frac{1}{4}:\frac{1}{8}=\frac{1}{4}\times\frac{8}{1}=\frac{8}{4}=\frac{2}{1}$ + 1 HS lên chữa bài, lớp nhận xét. a/ $\frac{3}{8}\times x=\frac{4}{7}$ b/ $\frac{1}{7}:x=\frac{1}{3}$ $x=\frac{4}{7}:\frac{3}{8}$ $x=\frac{1}{7}:\frac{1}{3}$ $x=\frac{32}{21}$ $x=\frac{3}{7}$ + 1HS lên bảng chữa +Lớp đổi vở để kiểm tra KQ lẫn nhau. ***Bài giải*** + Độ dài đáy của hình bình hành là: $\frac{1}{6}:\frac{1}{3}=\frac{3}{6}$(m) Đáp số : $\frac{3}{6}$m(hoặc $\frac{1}{2}$m) - HS làm bài, cử đại diện 2 tổ lên thi (tiếp sức)

ꕥ✶ꕥ✶ꕥ✶ꕥ✶ꕥ

Địa lí:

ÔN TẬP

I, Mục tiêu: Giúp học sinh

- Chỉ hoặc điền được vị trí của đồng bằng Bắc Bộ, đồng bằng Nam Bộ, sông Hồng, sông Thái Bỗnh, sụng Tiền, sụng Hậu trên bản đồ, lược đồ Việt Nam.
- Hệ thống một số đặc điểm tiêu biểu của đồng bằng Bắc Bộ, đồng bằng Nam Bộ.
- Chỉ trên bản đồ vị trí của thủ đô Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ và nêu một vài đặc điểm tiêu biểu của các thành phố này.

II, Đồ dùng dạy học:

- Lược đồ ĐBBB, ĐBNB, bản đồ hành chính Việt Nam (HĐ1), các tờ giấy A_4 (HĐ2).
- Bản đồ trống Việt Nam treo tường.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	***Hoạt động của trò***
A. Kiểm tra bài cũ: ***B. Dạy học bài mới:*** ***HĐ1: Ôn tập vị trí các đồng bằng và các dòng sông lớn*** + Treo bản đồ tự nhiên Việt Nam. Yêu cầu HS làm việc cặp đôi. Chỉ trên bản đồ 2 vùng: ĐBBB và ĐBNB và các dòng sông lớn tạo nên các đồng bằng đó? + Treo bản đồ hành chính Việt Nam. → Sông Tiền và sông Hậu là 2 nhánh sông lớn của sông Cửu Long. ***HĐ2: Ôn tập về các đặc điểm thiên nhiên của ĐBBB và ĐBNB*** + Yêu cầu HS làm việc theo nhóm vào các tờ giấy A_4.	 + HS quan sát. + Làm việc cặp đôi, lần lượt chỉ cho nhau các ĐBBB, ĐBNB và các dòng sông lớn tạo nên 2 đồng bằng đó: Sông Hồng, sông Thái Bình, sông Đồng Nai, sông Tiền, sông Hậu. + Một số HS lên chỉ trên bản đồ. + Các nhóm dán phiếu thảo luận lên bảng. Nhóm khác nhận xét, bổ sung.

Đặc điểm tự nhiên	***Giống nhau***	***Khác nhau***	
		ĐBBB	***ĐBNB***
Địa hình	*Tương đối bằng*	*Tương đối cao*	*Có nhiều vùng trũng dễ ngập*

	phẳng		*nước*
Sông ngòi	*Nhiều sông ngòi. Về mùa mưa lũ nước thường dâng cao gây ngập lụt*	*Có hệ thống đê chạy dọc 2 bên bờ sông*	*Không có hệ thống đê ven sông ngăn lũ*
Đất đai	*Đất phù sa màu mỡ*	*Đất không được bồi đắp thêm phù sa nên kém màu mỡ dần*	*Đất được bồi đắp thêm phù sa màu mỡ sau mỗi mùa lũ, có đất phèn, mặn và chua*
Khí hậu	*Khí hậu nóng ẩm*	*Có 4 mùa trong năm, có mùa đông lạnh và mùa hè nhiệt độ lên cao*	*Chỉ có 2 mùa: mùa mưa và mùa khô. Thời tiết thường nóng ẩm, nhiệt độ cao.*

HĐ3: Ôn tập về con người và hoạt động sản xuất ở ĐBBB và ĐBNB + Treo bản đồ hành chính Việt Nam. + Chỉ trên bản đồ các thành phố lớn nằm ở ĐBBB và ĐBNB? + Yêu cầu HS thảo luận cặp đôi bài tập sau: + Kết quả đúng: - ĐBBB: Đặc điểm 2, 3, 5, 7, 8 - ĐBNB: Đặc điểm 1, 4, 6, 9, 10	+ HS quan sát. + 2 HS lên bảng chỉ và nêu tên các thành phố lớn ở ĐBBB và ĐBNB: Hà Nội, Hải Phòng, Thành phố Hồ Chí Minh... + Các nhóm nêu, nhóm khác nhận xét, bổ sung.

Nối đặc điểm với đồng bằng tương ứng:

Đồng bằng bắc bộ	***1) sản xuất nhiều lúa gạo nhất cả nước*** ***2) Có trung tâm văn hóa, chính trị lớn nhất cả nước*** ***3) Có dòng sông lớn cung cấp đất phù sa màu mỡ*** ***4) Có trung tâm công nghiệp lớn nhất cả nước*** ***5) Người dân đắp đê ngăn lũ dọc 2 bên sông và làm hệ thống kênh tưới tiêu.*** ***6) Sản xuất nhiều thủy sản nhất cả nước.*** ***7) Chăn nuôi nhiều gia súc, gia cầm nhất cả nước.*** ***8) Có các chợ phiên*** ***9) Có chợ nổi*** ***10) Phương tiện đi lại chủ yếu là xuồng, ghe.***	**Đồng bằng nam bộ**

C, Củng cố - dặn dò: Dặn HS học bài và chuẩn bị bài sau.

Đạo đức:

TÍCH CỰC THAM GIA CÁC HOẠT ĐỘNG NHÂN ĐẠO (Tiết 1)

I, Mục tiêu: Giúp học sinh

- Nêu được ví dụ về hoạt động nhân đạo.
- Thông cảm với bạn bè và những người gặp khó khăn, hoạn nạn của lớp, ở trường và công cộng.

***** KNS*: Kĩ năng đảm nhận trách nhiệm khi tham gia các hoạt động nhân đạo.**

***** TT.HCM: Lướng nhaõn aựi, vũ tha.**

II, Đồ dùng dạy học: Tranh phóng to minh họa SGK (nếu có điều kiện).

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	***Hoạt động của trò***
A. Kiểm tra bài cũ ***B. Dạy học bài mới:*** **** Giới thiệu bài*** ***HĐ1: Tìm hiểu ý nghĩa của các hoạt động nhân đạo*** + YC HS đọc thầm thông tin và thảo luận nhóm đôi câu hỏi 1, 2 (SGK). *1) Em suy nghĩ gì về những khó khăn, thiệt hại mà các nạn nhân đã phải hứng chịu do thiên tai, chiến tranh gây ra ?* *2) Em sẽ phải làm gì để giúp đỡ họ?* +GV nxét, bổ sung, kết luận **** HĐ2: Tìm hiểu những việc làm của hoạt động nhân đạo - bài tập 1.*** ***** KNS*: Kĩ năng đảm nhận trách nhiệm khi tham gia các hoạt động nhân đạo.** + Chia lớp làm 4 nhóm, yêu cầu các nhóm đọc thầm yêu cầu bài tập 1 và thảo luận các việc làm: *a) Sơn đã không mua truyện, để dành tiền*	 + HS thảo luận nhóm.đôi + Các nhóm trình bày ý kiến, nhóm khác nhận xét. Thống nhất cau trả lời đúng . *+ Họ rất đau buồn vì có nạn nhân bị mất trong các cuộc chiến tranh. Họ không có quần áo, chăn màn... Cuộc sống của họ thật khó khăn.* *+ Em cần cảm thông, chia sẻ với họ, quyên góp tiền của để giúp đỡ họ.* + Các nhóm thảo luận. + Đại diện các nhóm nêu, nhóm khác nhận xét.Thống nhất kết quả đúng . *+ Việc làm đó của Sơn là đúng vì Sơn đã biết nghĩ và có sự cảm thông, chia sẻ với*

giúp đỡ các bạn HS bị thiên tai . *b) Trong buổi quyên góp...* *c) Đọc báo thấy...* + GVnxét, bổ sung, kết luận. + Qua các việc làm ở bài tập 1 và thực tế cuộc sống, hãy cho biết những biểu hiện của hoạt động nhân đạo là gì? Kết luận: *Mọi người cần tích cực tham gia các hoạt động nhân đạo phù hợp với hoàn cảnh của mình.* ***HĐ3: Xử lí tình huống - Bài tập 3*** - GV phổ biến cho HS cách bày tỏ thái độ qua các tấm bìa màu: đỏ -tán thành ; xanh - phản đối; trắng - phân vân, lưỡng lự. + YC 1 em làm quản trò HS nêu ý kiến trong. - GV kết luận chung: Các ý kiến a, d, , là đúng ; ý kiến b, c là sai - Cho hs đọc phần ghi nhớ **TT.HCM@: Loứng nhaõn aựi, vũ tha.** ***C, Củng cố - dặn dò:*** Dặn HS cbị bài sau .	*các bạn có hoàn cảnh khó khăn hơn mình.* *+ Việc làm của Lương là sai vì quyên góp là sự tự nguyện chứ không phải nâng cao hay tính toán thành tích.* *+ Việc làm của Cường là đúng vì Cường đã biết chia sẻ và giúp đỡ các bạn gặp khó khăn hơn mình, phù hợp với khả năng bản thân.* + Một số HS nêu: *- Tích cực tham gia ủng hộ các hoạt động vì người có hoàn cảnh khó khăn.* *- San sẻ một phần vật chất để giúp đỡ các bạn gặp thiên tai, lũ lụt.* *- Dành tiền, sách vở... theo khả năng để trợ giúp cho các bạn học sinh nghèo.* + HS nêu yêu cầu của bài tập. - Làm việc cá nhân - HS để các tấm bìa trước mặt - Lắng nghe và giơ các tấm bìa mà mình chọn và giải thích vì sao - 3 em đọc . Lớp theo dõi

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Thứ 3 ngày 1 tháng 3 năm 2011

Thể dục

Giaùo vieõn chuyeõn daùy

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Toán

LUYỆN TẬP

I, Mục tiêu: Giúp học sinh

- Thực hiện được phép chia hai phân số, chia số tự nhiên cho phân số.
- Bài tập cần làm bài 1, bài 2 và **bài 3* dành cho HS khỏ giỏi.**

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	*Hoạt động của trò*
HĐ1: Kiểm tra bài cũ	
HĐ2: Hướng dẫn luyện tập	
+YC HS lần lượt nêu YC các bài tập.	
+Lưu ý cho HS;	
-ở bài tập1, sau khi tính các em nhớ rút gọn.	+ HS lần lượt nêu yêu cầu của bài tập
-ở bài tập 2 các em nên trình bày theo cách viết gọn.	(VBT)
+YC HS tự làm bài vào vở .	
+ Theo dõi, giúp đỡ HS làm bài tập.	+HS tự làm bài vào vở.
+ Chấm bài của 1 số em, nhận xét.	
HĐ3: Hướng dẫn chữa bài	
Bài 1: Viết kết quả vào ô trống	+ 2 HS lên chữa bài.
	Kết quả: $\frac{21}{42};\frac{30}{45};\frac{40}{60};\frac{8}{6};\frac{10}{5}$ $\frac{1}{2};\frac{2}{3};\frac{2}{3};\frac{2}{1}=2$
+ GVnxét, bổ sung, kết luận cách làm đúng.	+ Nêu cách chia 2 phân số và cách rút gọn phân số.
+ Củng cố cách chia 2 phân số và cách rút gọn phân số.	+ 1 HS lên chữa bài. $\frac{21}{2};\frac{8}{9};\frac{6}{1}=6;\frac{12}{1}=12$
Bài 2: Củng cố cách chia số tự nhiên cho phân số	
+ Yêu cầu HS nhắc lại cách thực hiện.	+ Nêu cach chia một số tự nhiên cho một phân số.
+GV yêu cầu HS tính để hiểu cách chia số tự nhiên cho phân số.	+1HS lên bảng làm.
	+Lớp đổi vở để kiểm tra KQ lẫn nhau
Bài 3: Củng cố về giải toán	***Bài giải***
	Chiều dài HCN là : $2:\frac{1}{2}=4(\text{m})$
	Đáp số : 4 m
+GVnxét, bổ sung, củng cố lại cách tìm CD HCN khi biết DT và CR	- 1em lên bảng làm mẫu
Bài 4 : Tìm phân số gấp mấy lần	- Lớp làm vào vở. sau đó 3 em lên bảng làm
C, Củng cố - dặn dò:	
Nhận xét giờ học, Dặn HS cbị bài sau.	

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Luyện từ và câu:

LUYỆN TẬP VỀ CÂU KỂ AI LÀ GÌ?

I, Mục tiêu: Giúp học sinh

- Nhận biết được câu kể *Ai là gỡ ?* trong đoạn văn , nêu được tác dụng của câu kể tìm được (BT1); biết xác định CN, VN trong mỗi câu kể Ai là gỡ? Đó tìm được (BT2); viết được đoạn văn ngắn có dùng câu kể *Ai là gỡ ?* (BT3).

II, Đồ dùng dạy học: Bảng phụ chép sẵn 4 câu kể trong từng đoạn văn. Giấy khổ to + bút dạ.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	***Hoạt động của trò***
A. Kiểm tra bài cũ: ***B. Dạy học bài mới:*** ***1. Giới thiệu bài*** ***2.: Hướng dẫn HS làm bài tập*** ***Bài 1:*** + Yêu cầu cả lớp đọc thầm từng câu a, b, c và nêu các câu kể Ai là gì? + Tiểu kết, treo bảng phụ chép sẵn các câu kể Ai là gì? + Tiểu kết câu trả lời đúng.	 + 3 HS nêu yêu cầu và đọc các đoạn văn a, b, c. + 3 HS lên bảng làm bài, cả lớp làm vào vở bài tập. + Nhận xét, bổ sung.
Câu kể Ai là gì?	***Tác dụng***
1) Nguyễn Tri Phương là người Thừa Thiên. ***2) Cả hai ông đều không phải là người Hà Nội.*** ***3) Ông Năm là dân ngụ cư của vùng này.*** ***4) Cần trục là cánh tay kì diệu của các chú công nhân.***	***Câu giới thiệu*** ***Câu nêu nhận định*** ***Câu giới thiệu*** ***Câu nêu nhận định***
+ Tại sao câu "*Tàu nào có hàng bốc lên là cần trục vươn tay tới*" không phải là câu kể Ai là gì? *Bài 2:* Xác định chủ ngữ, vị ngữ trong câu Ai là gì? em vừa tìm được. + Chủ ngữ trong câu kể Ai là gì? do những từ ngữ nào tạo thành? + Vị ngữ trong câu kể Ai là gì? do những từ ngữ nào tạo thành?	+ Vì câu này không nêu lên 1 nhận xét hay giới thiệu về cần trục. + 2 HS nêu yêu cầu. + 1 HS lên bảng chữa bài. Lớp nhận xét. + Danh từ, cụm danh từ. + Danh từ, cụm danh từ.

+ Vị ngữ trong câu kể Ai là gì? thường được bắt đầu bằng từ nào?	"là"; "đều là"…
Bài 3: Các em tưởng tượng mình và các bạn đến nhà bạn Hà lần đầu. Gặp bố mẹ bạn Hà em sẽ làm gì? Chú ý viết câu câu kể Ai là gì?	+ HS nêu yêu cầu. Cả lớp làm bài, 1số HS làm bài vào tờ giấy to. + Một số HS đọc bài, chỉ ra các câu kể Ai là gì?
C, Củng cố - dặn dò: Dặn HS cbị bài sau.	

Khoa học:

NÓNG, LẠNH VÀ NHIỆT ĐỘ (tiếp theo)

I, Mục tiêu: Giúp học sinh

- Nhận biết được chất lỏng nở ra khi nóng lên, co lại khi lạnh đi.
- Nhận biết được vật ở gần vật nóng hơn thì thu nhiệt nờn núng lờn; vật ở gần vật lạnh hơn thì tỏa nhiệt nờn lạnh đi.

II, Đồ dùng dạy học: Phích nước sôi, 2 chiếc chậu, 1 chiếc cốc, lọ cắm ống thủy tinh, nhiệt kế.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	***Hoạt động của trò***
A. Kiểm tra bài cũ ***B. Dạy học bài mới:*** *****Giới thiệu bài .*** ***HĐ1: Tìm hiểu về sự truyền nhiệt***	
- Yêu cầu các nhóm dự đoán xem một lúc sau mức độ nóng lạnh của cốc nước và chậu nước có thay đổi không? Nếu có thay đổi thì thay đổi như thế nào?	+ Các nhóm dự đoán và làm thí nghiệm. + Đại diện các nhóm nêu, nhóm khác nhận xét.
+ Tổ chức cho các nhóm làm thí nghiệm: *Đo và ghi nhiệt độ của cốc nước, chậu nước trước và sau khi đặt cốc nước nóng vào chậu nước rồi so sánh nhiệt độ.*	-Nhiệt độ của cốc nước nóng giảm đi, nhiệt độ của chậu nước tăng lên.
+ Tại sao mức nóng lạnh của cốc nước và chậu nước lại thay đổi?	+ Là do có sự truyền nhiệt từ cốc nước nóng sang chậu nước lạnh.
+ Hãy lấy các ví dụ trong thực tế mà em biết về các vật nóng lên hoặc lạnh	+ *Các vật nóng lên: Rót nước sôi vào cốc, nồi nấu thức ăn, múc canh nóng vào*

đi? + Trong các ví dụ trên vật nào là vật thu nhiệt, vật nào là vật tỏa nhiệt? + Kết quả sau khi thu nhiệt và tỏa nhiệt của các vật là thế nào? + Y/C HS đọc mục bạn cần biết trang 102. ** ***HĐ2: Tìm hiểu sự co giãn của nước khi nóng lên và lạnh đi*** *+ Đổ nước nguội vào đầy lọ, đo và đánh dấu mức nước. Sau đó lần lượt đặt lọ nước vào cốc nước nóng, nước lạnh. Sau mỗi lần đặt phải đo và xem lại mức nước trong lọ có thay đổi không.* + Yêu cầu HS dùng nhiệt kế đo: Ghi lại mức chất lỏng lúc ban đầu, mức chất lỏng đo sau khi nhúng vào bình nước nóng, bình nước lạnh. + Hãy giải thích vì sao có sự thay đổi mức chất lỏng đó? + Vậy chất lỏng thay đổi như thế nào khi nóng lên và lạnh đi? + Dựa vào mực chất lỏng trong bầu nhiệt kế ta biết được điều gì? ***C, Củng cố - dặn dò:*** Dặn HS cbị bài sau.	*bát, cắm bàn là vào ổ điện…* *+ Các vật lạnh đi: để rau, củ quả vào tủ lạnh, bàn là sau khi ngắt điện, chườm đá lên trán, trán lạnh đi…* + Vật thu nhiệt: *Cái cốc, cái bát, cái bàn là…* + Vật tỏa nhiệt: *Nước nóng, canh nóng, bàn là…* + Vật thu nhiệt thì nóng lên, vật tỏa nhiệt thì lạnh đi. + 2 HS đọc. + Các nhóm làm thí nghiệm và nêu kết quả: *Mức nước sau khi đặt lọ nước vào cốc nước nóng tăng lên. Mức nước sau khi đặt lọ nước vào cốc nước nguội giảm đi so với mực nước ban đầu.* + Các nhóm nêu. *Khi nhúng bầu nhiệt kế vào bình nước nóng, mực chất lỏng tăng lên và khi nhúng bầu nhiệt kế vào bình nước lạnh thì mức chất lỏng tụt xuống.* *+ Khi dùng nhiệt kế đo các vật có nóng lạnh khác nhau thì mức chất lỏng trong ống nhiệt kế cũng thay đổi khác nhau. Vì chất lỏng trong ống nhiệt kế nở ra khi ở nhiệt độ cao, co lại khi ở nhiệt độ thấp.* + Chất lỏng nở ra khi nóng lên và co lại khi lạnh đi. + Ta biết được nhiệt độ của vật.

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

TẬP LÀM VĂN:

LUYỆN TẬP XÂY DỰNG KẾT BÀI TRONG BÀI VĂN MIÊU TẢ CÂY CỐI

I, Mục tiêu: Giúp học sinh

Nắm hai cách kết bài (mở rộng, không mở rộng) trong bài văn miêu tả cây cối; vận dụng kiến thức đó biết để bước đầu viết được đoạn kết bài mở rộng cho bài văn tả một cây mà em thích.

II, Đồ dùng dạy học: Chuẩn bị tranh ảnh về 1 số loài cây. Bảng phụ viết sẵn gợi ý ở bt2 t

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	***Hoạt động của trò***
A. Kiểm tra bài cũ: ***B. Dạy học bài mới:*** ***1. Giới thiệu bài:*** ***2. Hướng dẫn học sinh làm bài tập.*** ***Bài 1:*** Có thể dùng các câu sau để kết bài không? Vì sao? + Thế nào là kết bài mở rộng trong bài văn miêu tả cây cối? ***Bài 2:*** + Y/C hs trình bày kết quả quan sát và nhận xét Bài 3: Dựa vào các câu trả lời trên, hãy viết 1 kết bài mở rộng cho bài văn. + Y/C hs trình bày + Nhận xét, tuyên dương bài làm tốt. ***Bài 4:*** Giúp hs viết mở bài mở rộng theo gợi ý ***4. Củng cố - dặn dò:*** Nhận xét giờ học - Làm bài tập ở SGK và chuẩn bị bài sau.	+ 1 HS nêu yêu cầu và nội dung. + Trao đổi nhóm đôi. Một số HS nêu, nhóm khác nhận xét. *Có thể dùng các câu ở đoạn a, b để kết bài. Đoạn a nói lên tình cảm của người tả đối với cây. Đoạn b nêu lên lợi ích và tình cảm của người tả đối với cây. Đây là kết bài mở rộng.* *+ Kết bài mở rộng là nêu lên được tình cảm của người tả đối với cây hoặc nêu lên ích lợi của cây.* + HS nêu yêu cầu của bài tập. + Tự viết các ý quan sát 1 cây. Ví dụ: *Em quan sát cây bàng. Cây bàng cho bóng mát, lá để gói xôi, quả ăn được, cành để làm chất đốt. Cây bàng gắn với tuổi học trò của mỗi chúng em…* + 1 HS nêu yêu cầu. Tự viết kết bài vào vở. + Một số HS đọc trước lớp, cả lớp nhận xét. + 1 HS nêu yêu cầu. + Tự làm bài. Một số HS đọc trước lớp. Lớp nhận xét.

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Thứ 4 ngày 2 tháng 3 năm 2011

Mỹ thuật :

THƯỜNGTHỨC MỸ THUẬT : XEM TRANH ĐỀ TÀI SINH HOẠT

I, Mục tiêu: Giúp HS :

- Biết đầu biết hiểu về ND của tranh qua bố cục , hình ảnh và màu sắc
- Biết cách khai thác ND khi xem tranh về các đề tài .
- Cảm nhận được và yêu thích vẻ đẹp, cảnh đẹp có ý thức giữ gìn cảnh quan,tham gia các hoạt động làm đẹp cảnh quan môI trường.

II, Đồ dùng dạy học: Sưu tầm các tranh ảnh phiên bản của thiếu nhi và các tranh của lớp trước.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	*Hoạt động của trò*

HĐ1: Xem tranh: 1 ***Thăm ông bà . Tranh sáp màu của Thu Vân*** - Cảnh thăm ôngbà diễn ra ở đâu ? - Trong tranh có những h/ả nào ? Hãy miêu tả hình dáng của mỗi người trong công việc? - Màu sắc của bức tranh ntn ? - Gv tiểu kết chung : ***2 Chúng em vui chơi. Tranh sáp màu của Thu Hà.*** - Trong tranhvẽ gì ?H/ả nào là h/ả chính trong tranh ? H/ả nào là h/ả phụ - Các dáng HĐ trong tranh của các bạn nhỏ có sinh động không ? - Màu sắc trong tranh thế nào ? - Gv tiểu kết chung. 3. ***Vệ sinh môi trường chào đón Sea Game22. Tranh sáp màu của Phương Thảo .*** - Tên của bức tranh là gì ? Bạn nào vẽ bức tranh này ? - Tranhcó những h/ả nào ? Những h/ả nào là chính . h/ả nào là phụ ? - Các HĐ diễn ra ra đâu ? Vì sao em biết - Màu sắc của tranh thế nào ? - Em có n/x gì về bức tranh này ? ***HĐ2 : Nhận xét - đánh giá*** - Nhận xét tiết học ***Dặn dò*** : VN sưu tầm tranh và tập n/x về cách vẽ hình , vẽ màu .	-HS xem tranh và tìm hiểu nội dung . Hs xem tranh và trả lời -Tranh vẽ h/a ông bà , các cháu với các dáng HĐ rất sinh động thể hiện t/cảm thân thương, gần gũi ruột thịt. - Màu sắc trong tranh tươi sáng gợi lên không khí ấm cúng của gia đình +HS xem tranh và trả lời câu hỏi - Vẽ các em đangvui chơi - HS trả lời -.. Rất sinh động : em cầm hoa , em cầm búng nhảy tung tăng . - Màu sắc tươi sáng rực rỡ làm cho tranh thêm đẹp, thêm vui . - HS xem tranh trả lời các câu hỏi - HS nêu . - H/ả làm VS MT của các bạn thiếu nhi là chính .... - HĐ diễn ra ở Hà Nội .... -Màu sắc trong tranh tươi sáng thể hiịen rõ trọng tâm không khí LĐ sôi nổi hăng say . +Về nhà có ý thức giữ gìn cảnh quan,tham gia các hoạt động làm đẹp cảnh quan môi trường.

Tập đọc:

GA-VRỐT NGOÀI CHIẾN LŨY

I, Mục tiêu: Giúp học sinh

- Đọc đúng tên riêng nước ngoài; biết đọc lời đối đáp giữa các nhân vật và phân biệt với lời người dẫn chuyện.

- Hieồu noọi dung: ***Ca ngụùi lũng dũng cảm của chỳ bộ Ga-vrốt***. (trả lời được các câu hoỷi trong SGK).

KNS*: - Tửù nhaọn thửực, xaực ủũnh giaự trũ caự nhaõn.

- Ra quyeỏt ủũnh.

- ẹaỷm nhaọn traựch nhieọm

II, Đồ dùng dạy học:

- Tranh minh họa SGK phóng to (nếu có điều kiện).
- Bảng phụ viết sẵn câu văn, đoạn văn cần luyện đọc.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	*Hoạt động của trò*
A. Kiểm tra bài cũ	
B. Dạy học bài mới	
1. Giới thiệu bài	
2. Hướng dẫn luyện đọc	
+ Bài tập đọc có thể chia làm mấy đoạn? Cụ thể mỗi đoạn từ đâu đến đâu?	+ Một số HS nêu: 3 đoạn: *Đ1: Ăng-giôn-ra... làm mưa đạn.* *Đ2: Thì ra...Ga-vrốt nói.* *Đ3: Còn lại.*
+ Y/C hs luyện đọc nối tiếp đoạn + Theo dõi, sửa lỗi phát âm cho HS.	+ HS luyện đọc theo đoạn (3 lượt). +HS đọc theo đoạn. Kết hợp đọc đúng tiếng và câu khó. + HS đọc giải nghĩa từ
+Y/C HS luyện đọc nhóm đôi. +Y/C HS đọc trước lớp. + Đọc mẫu cả bài tập đọc.	+ HS luyện đọc nhóm đôi. + 1 HS đọc trước lớp.
3. Tìm hiểu bài	
Đoạn 1: *+ Ga-vrốt ra ngoài chiến lũy để làm gì?* *+ Vì sao Ga-vrốt lại ra ngoài chiến lũy trong lúc mưa đạn như vậy?* *+ Vậy đoạn 1 cho biết điều gì?*	+ 1 HS đọc to, cả lớp đọc thầm. *+....để nhặt đạn giúp nghĩa quân.* *+ Vì em nghe thấy Ăng-giôn-ra nói chỉ còn 10 phút nữa thì chiến lũy không còn quá 10 viên đạn.*
Đoạn 2: *+ Tìm những chi tiết thể hiện lòng dũng cảm của Ga-vrốt?*	***ý1: Lí do Ga-vrốt ra ngoài chiến lũy*** + 1 HS đọc to, cả lớp đọc thầm. *+ Bóng cậu thấp thoáng dưới làn mưa đạn, chú bé dốc vào miệng giỏ những chiếc bao*

+ Ý của đoạn 2 là gì? ***Đoạn 3:*** *+ Vì sao tác giả nói Ga-vrốt như một thiên thần?* *+ Em có cảm nghĩ gì về nhân vật Ga-vrốt?* *+ Vậy ý đoạn 3 nói lên điềugì?* *+ Yêu cầu HS đọc thầm cả bài, nêu nội dung chính của bài tập đọc?* ***4. Luyện đọc diễn cảm*** + Yêu cầu 4 HS đọc nối tiếp phân vai. + Yêu cầu HS tìm ra cách đọc của từng nhân vật. + Treo bảng phụ chép sẵn đoạn văn cần luyện đọc. ***C, Củng cố - dặn dò:*** Dặn HS cbị bài sau.	*đầy đạn của bọn lính chết ngoài chiến lũy, Cuốc-phây-rắc thét lên, giục cậu quay vào chiến lũy nhưng cậu vẫn nán lại để nhặt đạn, cậu phốc ra, lui, tới, cậu chơi trò ú tim với cái chết.* ***ý2: Lòng dũng cảm của Ga-vrốt*** + 1 HS đọc to, cả lớp đọc thầm. *+ Vì Ga-vrốt giống như các thiên thần có phép thuật, không bao giờ chết.* *+ Ga-vrốt là một thiếu niên anh hùng không sợ nguy hiểm đến thân mình lo cho nghĩa quân không còn đạn để tiếp tục chiến đấu.* ***ý3: Ga-vrốt là một thiên thần*** ***Nội dung: Ca ngợi lòng dũng cảm của chú bé Ga-vrốt.*** + Luyện đọc nhóm đôi, 2 HS thi đọc trước lớp. + Một số HS thi đọc, lớp nhận xét.

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Toán

LUYỆN TẬP CHUNG

I, Mục tiêu: Giúp học sinh

- Thực hiện được phộp chia hai phõn số.
- Biết cách tớnh và viết gọn phộp chia một phõn số cho số tự nhiờn.
- Biết tìm phõn số của một số.

Bài tập cần làm bài 1a, bài 2, bài 4 và **bài 3* dành cho HS khỏ giỏi.**

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	*Hoạt động của trò*
HĐ1: Kiểm tra bài cũ: ***HĐ2. Hướng dẫn luyện tập*** + Yêu cầu HS nêu yêu cầu của bài tập VBT - Bài 2: Yêu cầu HS thực hiện chuyển 5 thành	 + HS nêu yêu cầu của các bài tập. + HS theo dõi, 1 HS làm trên lớp.

phân số và tính. + Muốn chia 1 phân số cho 1 số tự nhiên ta làm thế nào? + Yêu cầu HS đọc kĩ yêu cầu rồi làm bài. + Theo dõi, giúp đỡ HS làm bài. + Chấm bài của một số em, nhận xét. ***HĐ3: Hướng dẫn chữa bài*** ***Bài 1:*** Củng cố cách chia 2 phân số: a) $\frac{4}{9}:\frac{5}{7}=\frac{4}{9}\times\frac{7}{5}=\frac{28}{45}$; $\frac{5}{7}:\frac{4}{9}=\frac{5}{7}\times\frac{9}{4}=\frac{45}{28}$ + Yêu cầu HS nêu cách chia 1 phân số cho 1 phân số. <u>Bài 2:</u> Tính (theo mẫu) + Yêu cầu HS nêu cách chia 1 phân số cho 1 số tự nhiên dựa vào bài mẫu. ***Bài 3:*** Củng cố cách thực hiện tính giá trị biểu thức : + Trong bài toán có nhiều phép tính khác nhau ta cần thực hiện như thế nào? ***Bài 4:*** Củng cố về giải toán + Yêu cầu HS nêu câu lời giải khác. ***4. Củng cố - dặn dò:*** Nhận xét giờ học - Làm bài tập ở SGK và chuẩn bị bài sau.	+ 2 HS nêu. + Cả lớp làm bài. + 2HS lên chữa bài. Lớp nhận xét b) $\frac{1}{3}:\frac{1}{4}=\frac{1}{3}\times\frac{4}{1}=\frac{4}{3}$; $\frac{1}{4}:\frac{1}{3}=\frac{1}{4}\times\frac{3}{1}=\frac{3}{4}$ +HS nêu cách chia 1 phân số cho 1 phân số. + 1 HS lên chữa bài. Lớp nhận xét, bổ sung. $\frac{7}{8}:2=\frac{7}{8\times2}=\frac{7}{16}$; $\frac{4}{3}:5=\frac{4}{3\times5}=\frac{4}{15}$ + 1 HS lên chữa bài. + Nêu cách tính. Lớp nhận xét, bổ sung. KQ :a) $\frac{3}{4}\times\frac{5}{6}-\frac{1}{6}=\frac{15}{6}-\frac{1}{6}=\frac{14}{6}$ + 1 HS lên chữa bài. Đổi $\frac{3}{10}$kg = 300g Mỗi túi có số gam kẹo là: 300 : 3 = 100 (gam) Đáp số: 100 gam

<u>Kể chuyện:</u>

KỂ CHUYỆN ĐÃ NGHE, ĐÃ ĐỌC

I, Mục tiêu: Giúp học sinh

- Kể lại câu chuyện (doạn truyện) đó nghe, đó đọc nói về lũng dũng cảm.
- Hiểu nội dung chính của câu chuyện (đoạn truyện) đó kể và biết trao đổi về ý nghĩa của câu chuyện (đoạn truyện).

*** **TT.HCM:** ***Baực Hoà yeõu nửụực vaứ saỹn saứng vửụùt qua nguy hieồm thửỷ thaựch ủeồ goựp sửực mang laùi ủoọc laọp cho ủaỏt nửụực.***

II, Đồ dùng dạy học: Đề bài viết sẵn lên bảng phụ. Học sinh sưu tầm sẵn truyện.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	*Hoạt động của trò*
A. Kiểm tra bài cũ: ***B. Dạy học bài mới*** ***1. Giới thiệu bài:*** ***2. Tìm hiểu yêu cầu của đề bài*** + Đề bài yêu cầu chúng ta làm gì? + Gạch chân các từ quan trọng: Kể, được nghe, được đọc, lòng dũng cảm. + Nối tiếp nhau đọc phần gợi ý SGK? ***3. Hướng dẫn kể chuyện*** + Em sẽ kể câu chuyện gì? + Yêu cầu HS kể chuyện trong nhóm đôi, kể cho nhau nghe, rút kinh nghiệm, trao đổi ý nghĩa câu chuyện và phỏng vấn nhau từ 1 - 2 câu hỏi ***4. Thi kể chuyện trước lớp*** + Tổ chức cho HS kể chuyện, đánh giá bạn kể theo các tiêu chí đã nêu. + Theo dõi, cố vấn cho HS. ***C, Củng cố - dặn dò:*** Nhận xét giờ học, Dặn HS cbị bài sau.	 + 1 số HS đọc. + HS nêu. + 4 HS tiếp nối nhau đọc. + HS tiếp nối nhau nêu câu chuyện sẽ kể. + HS kể chuyện trong nhóm + HS thi kể trước lớp (5 -7 HS). + Lắng nghe, nhận xét lời kể cả bạn và đặt câu hỏi cho bạn hoặc người kể đặt câu hỏi cho lớp trả lời. + Tổ chức bình chọn bạn kể hay nhất, bạn đặt câu hỏi hay nhất.

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Âm nhạc

***BÀI 26: HỌC HÁT BÀI* CHÚ VOI CON Ở BẢN ĐÔN**

Giaùo vieân chuyeân daïy

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Thứ 5 ngày 3 tháng 3 năm 2011

Lịch sử:

CUỘC KHẨN HOANG Ở ĐÀNG TRONG

I, Mục tiêu: Giúp học sinh

- Biết sơ lược về quá trỡnh khẩn hoang ở Đàng Trong:

+ Từ thế kỉ XVI, các chúa Nguyễn tổ chức khai khẩn đất hoang ở Đàng Trong. Những đoàn người khẩn hoang đó tiến vào vựng đất ven biển Nam Trung Bộ và đồng bằng sông Cửu Long.

+ Cuộc khẩn hoang đó mở rộng diện tích canh tác ở những vựng hoang hóa, ruộng đất được khai phá, xóm làng được hình thành và phát triển.

- Dùng lược chỉ ra vùng đất khẩn hoang.

II, Đồ dùng dạy học: Phiếu thảo luận, bản đồ Việt Nam (HĐ1). Bảng phụ kẻ sẵn nội dung bảng so sánh tình hình ở Đàng Trong trước khi khẩn hoang và sau khi khẩn hoang (HĐ2).

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	***Hoạt động của trò***
A. Kiểm tra bài cũ: ***B. Dạy học bài mới*** ****. Giới thiệu bài:*** ***HĐ1: Tìm hiểu việc các chúa Nguyễn tổ chức khai hoang*** + Yêu cầu HS thảo luận nhóm 4. *1) Ai là lực lượng chủ yếu cho cuộc khẩn hoang ở Đàng Trong?* *2) Chính quyền chúa Nguyễn đã có biện pháp gì giúp dân khẩn hoang?* *3) Đoàn người khẩn hoang đến những đâu?* *4) Người đi khẩn hoang đã làm gì ở nơi họ đến?* + Yêu cầu HS suy nghĩ, lên chỉ trên bản đồ Việt Nam mô tả lại cuộc khẩn hoang của nhân dân Đàng Trong (2 -3 HS). + Tiểu kết. ***HĐ2:Tìm hiểu kết quả của cuộc khẩn hoang*** + Yêu cầu HS thảo luận theo nhóm bàn để hoàn thành phiếu bài tập.	+ Các nhóm thảo luận. Đại diện các nhóm trình bày, nhận xét. *+ Nông dân, quân lính.* *+ Cấp lương thực trong một nửa năm và một số nông cụ cho dân khẩn hoang.* *+ Họ đến vùng Phú Yên, Khánh Hòa, Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, Đồng bằng Sông Cửu Long.* *+ Đi đến đâu họ lập làng, lập ấp mới đến đó để trồng trọt, chăn nuôi, buôn bán.* + Các bàn thảo luận. Một số nhóm nêu ý kiến, nhóm khác nhận xét.

Tiêu chí so sánh	***Tình hình ở Đàng Trong***	
	Trước khi khẩn hoang	***Sau khi khẩn hoang***
Diện tích đất	*Đến hết vùng Quảng Nam*	*Mở rộng đến hết vùng ĐBSCL*
Tình trạng đất	*Hoang hóa nhiều*	*Đất hoang giảm, đất được sử dụng tăng*

Làng xóm, dân cư	*Làng xóm, dân cư thưa thớt*	*Có thêm làng xóm và ngày càng trù phú*
+ Dựa vào bảng so sánh, hãy nêu kết quả của cuộc khẩn hoang ở Đàng Trong? *+ Cuộc sống chung giữa các diện tích phía Nam đã đem lại kết quả gì?* ***C, Củng cố - dặn dò:*** Nhận xét giờ học, Dặn HS cbị bài sau.		*+ Cuộc khẩn hoang ở Đàng Trong đã làm cho bờ cõi đất nước được phát triển, diện tích đất nông nghiệp tăng, sản xuất nông nghiệp phát triển, đời sống nhân dân ấm no hơn.* *+ Nền văn hóa của các dân tộc hòa vào nhau đã bổ sung cho nhau tạo nên nền văn hóa chung của dân tộc Việt Nam, một nền văn hóa thống nhất và có nhiều bản sắc.*

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Toán

LUYỆN TẬP CHUNG

I, Mục tiêu: Giúp học sinh

- Thực hiện được các phép tính với phõn số.
- Baứi taọp caàn laứm baứi 1, baứi 2 , baứi 3, baứi 4 vaứ **baứi 5* daứnh cho HS khaự gioỷi.**

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	***Hoạt động của trò***

HĐ1: Kiểm tra bài cũ	
HĐ2: Hướng dẫn luyện tập	
+ Muốn nhân 1 phân số với 1 số tự nhiên ta làm thế nào?	+ 1 HS nêu yêu cầu của từng bài tập
+ Muốn chia 1 phân số cho 1 số tự nhiên ta làm thế nào?	+ 2 HS nêu.
+ Yêu cầu HS nêu tóm tắt bài tập 3, 4.	+ 2 HS tóm tắt trên bảng lớp.
+ Theo dõi, giúp đỡ HS làm bài tập.	+ HS làm bài tập.
+ Chấm bài của 1 số em, nhận xét.	
HĐ3: Hướng dẫn chữa bài	
Bài 1: Củng cố cách cộng trừ 2 psố khác MS	+ 2 HS lên bảng chữa bài.
+ Muốn cộng, trừ 2 phân số khác mẫu số ta làm thế nào?	+ Dưới lớp nhận xét.
	KQ :a) $\frac{4}{7}+\frac{3}{7}=\frac{7}{7}$; b) $\frac{3}{8}+\frac{3}{4}=\frac{3}{8}+\frac{6}{8}=\frac{9}{8}$
	c) ...
Bài 2: Củng cố nhân, chia 2 psố	+ 2 HS lên chữa bài, lớp nhận xét.
+ Tuyên dương những em biết rút gọn kết quả để kết quả là phân số tối giản.	+ HS có thể rút gọn kết quả của mỗi bài làm.
+ Yêu cầu HS nhắc lại cách nhân, chia phân số.	a) $\frac{2}{3}\times\frac{5}{6}=\frac{10}{18}=\frac{5}{9}$; b) $\frac{3}{4}\times 12=\frac{36}{4}=\frac{9}{1}=9$
	c) $\frac{6}{5}:\frac{2}{3}=\frac{18}{10}=\frac{9}{5}$; d) $\frac{3}{8}:2=\frac{3}{16}$
Bài 3: Củng cố về giải toán:	+ 1 HS chữa bài, lớp nhận xét, nêu câu lời giải khác (nếu có).
+ Yêu cầu HS nêu câu lời giải khác.	a) Cả 2 phần gộp lại bằng số phần tấm vải là: $\frac{5}{13}+\frac{2}{7}=\frac{71}{91}$ (tấm vải)
	b) Phần thứ ba bằng số phần tấm vải là: $1-\frac{71}{91}=\frac{20}{91}$ (tấm vải)
	Đáp số: a) $\frac{71}{91}$ tấm vải
	b) $\frac{20}{91}$ tấm vải
	+ 1 HS lên chữa bài. Lớp nhận xét, bổ sung.
Bài 4: Giải toán	***Giải***
	Cả 9 chai có số mật ong là:

+ Yêu cầu HS nêu câu lời giải khác. ***4. Củng cố - dặn dò:*** Nhận xét giờ học - Làm bài tập ở SGK và chuẩn bị bài sau	$\frac{1}{2} \times 9 = \frac{9}{2}$ (lít) Mỗi người có số lít mật ong là: $\frac{9}{2} : 4 = \frac{9}{8}$ (lít) Đáp số: $\frac{9}{8}$ lít

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Luyện từ và câu:

MỞ RỘNG VỐN TỪ: DŨNG CẢM

I, Mục tiêu: Giúp học sinh

Mở rộng được một số từ ngữ thuộc chủ điểm Dũng cảm qua việc tìm từ cựng nghĩa, từ trỏi nghĩa (BT1); biết dựng từ theo chủ điểm để đặt câu hay kết hợp với từ ngữ thích hợp (BT2, BT3); biết được một số thành ngữ nói về lũng dũng cảm và đặt được một câu với thành ngữ theo chủ điểm (BT4, BT5).

II, Đồ dùng dạy học: Giấy khổ to + bút dạ. Bảng phụ viết sẵn các thành ngữ ở bài tập 3.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	***Hoạt động của trò***
A. Kiểm tra bài cũ: ***B. Dạy học bài mới*** ***1. Giới thiệu bài*** ***2. Hướng dẫn học sinh làm bài tập:*** ***Bài 1:*** Tìm các từ cùng nghĩa và những từ trái nghĩa với từ "dũng cảm" + Theo dõi các nhóm thảo luận.	+ 1 HS nêu yêu cầu bài tập. + Thảo luận theo nhóm, viết vào phiếu. + Các nhóm dán phiếu lên bảng. Lớp nhận xét, bổ sung. - Từ cùng nghĩa: *quả cảm, can đảm, gan dạ, gan góc, gan lì, bạo gan, táo bạo, anh hùng, can trường...* - Từ trái nghĩa: *Nhát, nhát gan, nhút nhát, hèn nhát, bạc nhược, nhu nhược, hèn hạ, hèn mạt...*
Bài 2: Đặt câu với 1 trong các từ vừa tìm được. - Gv n/x chốt câu trả lời đúng	+ Tự đặt câu, nối tiếp nêu câu đã đặt. + Cả lớp nhận xét.
Bài 3: Chọn từ thích hợp trong các từ sau đây để điền vào chỗ trống: *anh dũng, dũng cảm, dũng mónh.*	+ 1 HS nêu yêu cầu của bài tập. + 1 HS làm trên bảng. Cả lớp nhận xét. + Kết luận câu trả lời đúng: ***- Dũng cảm bênh vực lẽ phải.*** ***- Khí thế dũng mãnh.*** ***- Hi sinh anh dũng.***
<u>Bài 4:</u> Trong các thành ngữ sau, những thành ngữ nào nói về lòng dũng cảm?	+ 1 HS nêu yêu cầu của bài tập và nội dung.

+ Giải nghĩa các câu thành ngữ cho học sinh hiểu. Bài 5: Đặt câu với 1 thành ngữ vừa tìm được. ***4. Củng cố - dặn dò:*** Làm bài tập ở SGK và chuẩn bị bài sau.	+ HS ngồi cùng bàn trao đổi. + Một số HS nêu câu trả lời. Lớp nhận xét. + 2 câu thành ngữ nói về lòng dũng cảm: - *Vào sinh ra tử.* - *Gan vàng dạ sắt.* + 1 HS nêu yêu cầu. Một số HS nêu trước lớp. Lớp nhận xét. VD: Ông tôi vào sinh ra tử ngoài chiến trường.

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Khoa học:

VẬT DẪN NHIỆT VÀ VẬT CÁCH NHIỆT

I, Mục tiêu: Giúp học sinh

Kể được tên một số vật dẫn nhiệt tốt và vật dẫn nhiệt kộm.

+ Các kim loại (đồng, nhôm,…) dẫn nhiệt tốt.

+ Không khí, các vật xốp như bông, len dẫn nhiệt kém.

KNS*: - Kĩ năng lựa chọn giải pháp cho các tõnh huống cần dẫn nhiệt/ cách nhiệt tốt.

- Kĩ năng giải quyết vấn đề liên quan tới dẫn nhiệt, cách nhiệt.

II, Đồ dùng dạy học: Phích nước nóng, cốc, thìa nhôm, thìa nhựa, xoong, nồi, cái lót tay, giỏ ấm, giấy báo cũ, len, nhiệt kế.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	*Hoạt động của trò*
A: Kiểm tra bài cũ ***B. Dạy học bài mới;*** ****. Giới thiệu bài*** ***HĐ1: Tìm hiểu vật dẫn nhiệt và vật cách nhiệt*** + Yêu cầu HS đọc thí nghiệm (trang 104) và dự đoán kết quả thí nghiệm. + Tổ chức cho HS làm thí nghiệm theo nhóm. + Ghi nhanh kết quả song song với phần dự đoán của HS.	+ Tiến hành thí nghiệm theo nhóm: Sau khi rót nước nóng vào cốc, từng thành viên trong nhóm lần lượt cầm vào từng cán thìa và nói kết quả mà tay mình cảm nhận được. + Các nhóm trình bày kết quả thí nghiệm: Cán thìa nhôm nóng hơn cán thìa nhựa. Điều này cho thấy nhôm dẫn nhiệt tốt hơn nhựa.

+ Tại sao thìa nhôm lại nóng lên? → Kết luận: *Các kim loại: đồng, nhôm, sắt dẫn nhiệt tốt còn gọi là vật dẫn nhiệt. Gỗ, nhựa, len, bông dẫn nhiệt kém còn gọi là vật cách nhiệt.* + Thế nào là vật dẫn nhiệt? + Thế nào là vật cách nhiệt? *+ Hãy lí giải vì sao ở các xoong thường làm bằng nhom, i nốc và quai xoong thường làm bằng nhựa?*	+ Thìa nhôm nóng lên do nhiệt độ của nước nóng đã truyền cho thìa. + HS nêu. *+ Xoong thường được làm bằng nhôm, gang, inốc vì những chất này dẫn nhiệt tốt, nấu nhanh. Quai xoong được làm bằng nhựa để cách nhiệt khi ta bưng bê không bị nóng tay.*
HĐ2:Tìm hiểu sự cách nhiệt của không khí + Yêu cầu HS dựa vào kinh nghiệm trả lời: *+ Bên trong giỏ ấm thường được làm bằng chất liệu gì? Sử dụng chất liệu đó có ích lợi gì?* *+ Giữa các chỗ rỗng của xốp, bông, len, dạ… có nhiều chỗ rỗng không?* *+ Trong các chỗ rỗng của vật có chứa gì?* *+ Không khí là chất dẫn nhiệt tốt hay kém?* Lưu ý: Đo nhiệt độ của cốc nước 2 lần, mỗi lần cách nhau 5 phút. + Qua thí nghiệm trên em rút ra kết luận gì?	*+ Bên trong giỏ ấm thường được làm bằng xốp, len, dạ… vì đó là những vật dẫn nhiệt kém nên giữ cho nước trong ấm nóng lâu hơn.* *+ Có rất nhiều chỗ rỗng.* *+ Không khí.* *+ Một số HS nêu.* + HS làm thí nghiệm và nêu kết quả: *Nước trong cốc được quấn báo không chặt còn nóng hơn cốc quấn báo chặt.* + Không khí là vật cách nhiệt.
HĐ3:Trò chơi: "***Tôi là ai, tôi làm bằng gì?***" + Nêu luật chơi: Chia lớp làm 2 đội, mỗi đội sẽ lần lượt đưa ra ích lợi của mình để đội kia đoán xem đó là vật gì? làm bằng chất liệu gì? Lưu ý: Các câu hỏi về công dụng của các vật cách điện. ***4. Củng cố - dặn dò:*** Nhận xét giờ học	+ Các đội thi lần lượt trả lời.

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Kĩ thuật

CÁC CHI TIẾT VÀ DỤNG CỤ CỦA BỘ LẮP GHẫP Mễ HèNH KĨ THUẬT

I/ Muùc tieõu:

- Biết tờn gọi, hỡnh dạng các chi tiết trong bộ lắp ghộp mụ hỡnh kĩ thuật.

- Sử dụng được cờ-lê, tua-vít để lắp vít, tháo vít.
- Biết lắp rộp một số chi tiết với nhau.

II/ Caực hoaùt ủoọng daùy-hoùc: Boọ laộp gheựp moõ hỡnh kú thuaọt

III/ Caực hoaùt ủoọng daùy-hoùc:

Hoaùt ủoọng daùy	Hoaùt ủoọng hoùc
I/ Giụựi thieọu baứi: Neõu muùc ủớch baứi hoùc **II/ Bài mới:** ***Hoaùt ủoọng 1: HD hs goùi teõn, nhaọn daùng caực chi tieỏt vaứ duùng cuù*** - Cho hs xem boọ laộp gheựp vaứ giụựi thieọu: Coự 34 loaùi chi tieỏt vaứ duùng cuù khaực nhau, ủửụùc phaõn thaứnh 7 nhoựm chớnh, laàn lửụùt giụựi thieọu tửứng nhoựm chi tieỏt theo muùc 1 (SGK) - YC hs quan saựt, nhaọn daùng vaứ ủeỏm soỏ lửụùng cuỷa tửứng chi tieỏt duùng cuù trong baỷng. - Phaựt boọ laộp gheựp cho tửứng hs, YC hs tửù goùi teõn moọt vaứi nhoựm chi tieỏt - Choùn moọt soỏ chi tieỏt vaứ hoỷi ủeồ hs nhaọn daùng, goùi teõn ủuựng vaứ soỏ lửụùng caực loaùi chi tieỏt. + ẹaõy goùi laứ gỡ? (laàn lửụùt hoỷi nhử theỏ) - HD caựch saộp xeỏp caực chi tieỏt: Caực loaùi chi tieỏt ủửụùc xeỏp trong hoọp coự nhieàu ngaờn, moói ngaờn ủeồ moọt soỏ chi tieỏt cuứng loaùi hoaởc 2-3 loaùi khaực nhau. - Cho hs goùi teõn, nhaọn daùng tửứng loaùi chi tieỏt, duùng cuù theo nhoựm 4 ***Hoaùt ủoọng 2: HD hs caựch sửỷ duùng cứ-leõ, tua vớt*** ***a/ Laộp vớt*** - HD thao taực: Khi laộp caực chi tieỏt, dứng ngoựn tay caựi vaứ ngoựn tay troỷ cuỷa tay traựi vaởn oỏc vaứo vớt. Sau khi ren cuỷa oỏc	- Quan saựt, thửùc hieọn theo yeõu caàu - Nhoựm truùc; oỏc vaứ vớt; cứ-leõ, tua vớt… - Laàn lửụùt traỷ lụứi + ẹaõy laứ taỏm lụựn, soỏ lửụùng 1 + ẹaõy laứ taỏm nhoỷ, soỏ lửụùng 1 + ẹaõy laứ taỏm 25 loó, soỏ lửụùng 2… + ẹaõy laứ thanh chửừ U daứi, soỏ lửụùng 6 - Laộng nghe, quan saựt trong hoọp ủoà duứng - Goùi teõn, nhaọn daùng chi tieỏt, duùng cuù trong nhoựm 4 - Theo doừi, quan saựt - 2 hs leõn thửùc hieọn

khụựp vụựi ren cuỷa vớt, ta duứng cụứ-leõ giửừ chaởt oỏc, tay phaỷi duứng tua vớt ủaởt vaứo raừnh cuỷa vớt vaứ quay caựn tua vớt theo chieàu kim ủoàng hoà. Vaởn chaởt vớt cho ủeỏn khi oỏc giửừ chaởt caực chi tieỏt caàn gheựp laùi vụựi nhau (hinh2) - Goùi hs leõn thửùc hieọn - YC hs tửù taọp laộp vớt. ***b/ Thaựo vớt*** - Khi thaựo, tay traựi duứng cụứ-leõ giửừ chaởt oỏc, tay phaỷi duứng tua vớt ủaởt vaứo raừnh cuỷa vớt, vaởn caựn tua-vớt ngửụùc chieàu kim ủoàng hoà. - ẹeồ thaựo vớt, em sửỷ duùng cụứ-leõ vaứ tua-vớt nhử theỏ naứo? ***c/ Laộp gheựp moọt soỏ chi tieỏt*** - Quan saựt hỡnh 4, em haừy goùi teõn vaứ soỏ lửụùng caực chi tieỏt caàn laộp gheựp - Thao taực maóu moỏi gheựp b hỡnh 4 - Tieỏp tuùc thao taực maóu caựch thaựo caực chi tieỏt cuỷa moỏi gheựp vaứ saộp xeỏp goùn gaứng vaứo hoọp boọ laộp gheựp. ***III/ Cuỷng coỏ, daởn doứ:*** - Goùi hs ủoùc ghi nhụự SGK/81 - Veà nhaứ taọp laộp gheựp (neỏu coự boọ duùng cuù ụỷ nhaứ) - Baứi sau: Laộp caựi ủu	- Tửù laộp vớt - Laộng nghe, theo doừi ***- Khi thaựo, tay traựi duứng cụứ-leõ giửừ chaởt oỏc, tay phaỷi duứng tua vớt ủaởt vaứo raừnh cuỷa vớt, vaởn caựn tua-vớt ngửụùc chieàu kim ủoàng hoà.*** - Laàn lửụùt hs traỷ lụứi - Quan saựt - Thửùc hieọn saộp xeỏp duùng cuù, chi tieỏt vaứo hoọp - Vaứi hs ủoùc to trửụực lụựp

Thứ 6 ngày 4 tháng 3 năm 2011

<u>Thể dục</u>

Giaựo vieõn chuyeõn daùy

<u>Toán:</u>

LUYỆN TẬP CHUNG

I, Mục tiêu: Giúp học sinh

- Thực hiện được các phép tính với phân số.

- Biết giải bài toán có lời văn.

Baứi taọp caàn laứm baứi 1, baứi 3, baứi 4 vaứ **baứi 2* ; bài 5 daứnh cho HS khaự gioỷi**

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	*Hoạt động của trò*
HĐ1: Kiểm tra bài cũ ***HĐ2: Hướng dẫn luyện tập*** + Yêu cầu HS tóm tắt bài 4 lên bảng: 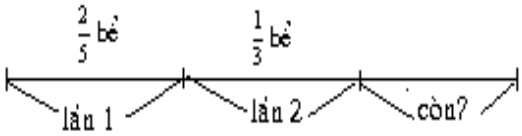 + Theo dõi, giúp đỡ HS làm bài tập. + Chấm bài của 1 số em, nhận xét. ***HĐ3: Hướng dẫn chữa bài*** ***Bài 1:*** Đúng ghi Đ, sai ghi S. + Củng cố cộng hai phân số + Lí giải vì sao điền chữ Đ, S. ***Bài 2, 3:*** Củng cố cách thực hiện phép tính + Yêu cầu 1 số HS nêu cách thực hiện tính. + Nêu thứ tự thực hiện tính trong biểu thức Bài 2: KQ a) $\frac{4}{3}+\frac{1}{3}+\frac{1}{5}=\frac{5}{3}+\frac{1}{5}=\frac{25}{15}+\frac{3}{15}=\frac{28}{15}$ b) .... ***Bài 4:*** Củng cố về giải toán + Y/C hs nêu lời giải khác cho bài toán ***4. Củng cố - dặn dò:*** Nhận xét giờ học. Làm	+ HS nối tiếp nhau nêu yêu cầu của các bài tập. + HS đọc thầm yêu cầu và làm bài tập + 1 HS lên chữa bài, lớp nhận xét. + Câu trả lời đúng: a) S b) S c) Đ d) S + HS nêu cách cộng hai phân số + 4 HS lên chữa bài. Lớp nhận xét, bổ sung. 2-3 HS nêu cách làm. Bài3: KQ : a) $\frac{5}{2}\times\frac{1}{4}-\frac{1}{8}=\frac{5}{8}-\frac{1}{8}=\frac{4}{8}$ b) $\frac{5}{2}+\frac{1}{4}\times\frac{1}{8}=\frac{5}{2}+\frac{1}{32}=\frac{90}{32}+\frac{1}{32}=\frac{91}{32}$ + 1 HS lên chữa bài.Lớp nhận xét, bổ sung. Lần thứ nhất và lần thứ 2 chảy được số phần của bể là: $\frac{2}{5}+\frac{1}{3}=\frac{11}{15}$ (bể) Số phần của bể chưa có nước là: $1-\frac{11}{15}=\frac{4}{15}$ (bể) Đáp số: $\frac{4}{15}$ bể

bài tập ở SGK và chuẩn bị bài sau.	

Chính tả
Thắng biển

I, Mục tiêu: Giúp học sinh

- Nghe – vieỏt ủuựng baứi chớnh taỷ; trỡnh baứy ủuựng đoạn văn trích.
- Laứm đúng baứi tập chớnh taỷ phương ngữ (2) b.
- GD hs loứng dũng cảm, tinh thần đoàn kết chống lại sự nguy hiểm do thiên tai gây ra để bảo vệ cuộc sống con người.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	*Hoạt động của trò*
A. Kiểm tra bài cũ:	
B. Dạy học bài mới:	
1. Giới thiệu bài	
2. Hướng dẫn nghe- viết chính tả	
+ Đọc bài chính tả.	+ 1 HS đọc lại bài chính tả.
+ Qua đoạn văn em thấy cơn bão biển hiện ra như thế nào?	+ Hình ảnh cơn bão biển hiện ra rất hung dữ, nó tấn công dữ dội vào khúc đê mỏng manh.
+ Đọc bài này em rút ra bài học gì?	+ Chúng ta cần phải biết dũng cảm, bíết đoàn kết chống thiên tai bảo vệ con người.
+ Tìm các từ dễ lẫn khi viết?	+ Dữ, ầm ĩ, giận dữ điên cuồng, chống giữ.
+ Đọc từng từ khó cho HS luyện viết.	+ 2 HS lên bảng viết, cả lớp viết vào vở nháp.
+ Đọc rõ từng câu của bài chính tả.	+ HS chép bài vào vở.
+ Đọc lại bài chính tả.	+ HS soát lỗi.
+ Chấm bài của 1 số em, nhận xét.	
3. Hướng dẫn HS làm BT	
Bài tập 2b: Điền vào chỗ trống tiếng có vần in hay inh.	
+ Chép đề bài lên bảng, yêu cầu 1 HS lên chữa bài, cả lớp làm vào vở.	+ 1 HS lên chữa bài, lớp nhận xét, bổ sung.
- Gv n/x chốt lời giải đúng.	- *Lung linh* - *Thầm kín* - *Giữ gìn* - *Lặng thinh* - *Bình tĩnh* - *Học sinh* - *Nhường nhịn* - *Gia đình* - *Rung rinh* - *Thông minh*
C, Củng cố - dặn dò:	
Nhận xét giờ học, Dặn HS cbị bài sau.	

Tập làm văn:

LUYỆN TẬP MIÊU TẢ CÂY CỐI

I, Mục tiêu: Giúp học sinh

- Lập được dàn ý sơ lược bài văn tả cây cối nêu trong đề bài.
- Dựa vào dàn ý đó lập, bước đầu viết được các đoạn thân bài, mở bài, kết bài cho bài văn cây cối xác định.
- GD biết yêu và bảo về môi trường thiên nhiên, yêu thích các loài cây có ích trong cuộc sống.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	***Hoạt động của trò***
A. Kiểm tra bài cũ:	
B. Dạy học bài mới:	
1. Giới thiệu bài	
2. Hướng dẫn học sinh làm bài tập	
+ Yêu cầu HS đọc đề bài tập làm văn.	+ Một số HS đọc đề bài.
+ Đề bài yêu cầu chúng ta làm gì?	+ Tả 1 cây bóng mát (hoặc cây ăn quả, cây hoa) mà em thích.
+ Các em chọn 1 trong 3 loại cây đó để tả.	
+ Em sẽ chọn cây nào để tả?	+ HS nối tiếp nhau nêu.
+ Muốn hoàn chỉnh được bài văn chúng ta cần thực hiện theo những bước nào?	+ Nối tiếp nhau nêu các gợi ý SGK.
+ Treo bảng phụ ghi dàn ý chung về bài văn miêu tả cây cối.	
3: Hướng dẫn viết bài văn	
+ Y/C hs trình bày bài làm	+ Cả lớp hoàn chỉnh bài viết.
+ GV nhận xét và hỏi thêm: ***Ngoài cây em tả trong bài em còn thích cây nào không? Em đă làm gì để bảo vệ cây cối?***	+ Một số HS đọc trước lớp. + Cả lớp nhận xét, bổ sung.
→ Đó là những việc cần làm để bảo vệ môi trường thiên nhiên.	+ HS nêu những việc làm để chăm sóc cây và bảo về môi trường thiên nhiên.
4. Củng cố - dặn dò: Nhận xét giờ học	

SINH HOẠT CUỐI TUẦN 26

I. Mục tiêu: HS nắm được những ưu điểm, khuyết điểm của mình trong tuần để có hướng sửa chữa.

II. Nội dung: 1. GV nhận xét chung về ưu điểm, nhược điểm của lớp:

a. Ưu điểm: Đi học đều, đúng giờ, khăn quàng, giày dép đầy đủ, cú ý thức học tập có tiến bộ hơn.

- Một số em có ý thức học tốt hơn như: .....
- Một số em viết chữ tương đối đẹp: .....

b. Nhược điểm:

- Một số em ý thức học tập chưa tốt, viết chữ rất xấu như: .....
- Một số chưa có ý thức giữ gìn sách vở : .....

2. Phương hướng:

- Tiếp tục phát huy những ưu điểm đã có.
- Chấm dứt tình trạng nói chuyện riêng trong giờ.
- Tuyên dương 1 số HS ý thức học tốt. Nhắc nhở 1 số HS có nhiều khuyết điểm

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

TUẦN 27

Thứ 2 ngày 15 tháng 3 năm 2010

Tập đọc:

DÙ SAO TRÁI ĐẤT VẪN QUAY !

I, Mục tiêu: Giúp học sinh

1. Đọc thành tiếng:

- Đọc đúng các từ ngữ: ***Cô-péc-níc, Ga-li-lê, sửng sốt, tà thuyết, cổ vũ.***
- Đọc trôi chảy toàn bài, ngắt nghỉ hơi đúng sau các dấu câu.
- Đọc diễn cảm toàn bài với giọng kể rõ ràng, chậm rãi.

2. Đọc - hiểu:

- Hiểu được nghĩa các từ***: Cô-péc-níc, Ga-li-lê, thiên văn học, tà thuyết, chân lí***
- Hiểu được nội dung của bài tập đọc: ***Ca ngợi những nhà khoa học chân chính đã dũng cảm kiên trì bảo vệ chân lí khoa học.***

II, Đồ dùng dạy học: - Ảnh chân dung Cô-péc-níc và Ga-li-lê.
- Sơ đồ trái đất trong hệ mặt trời.
- Bảng phụ ghi sẵn câu văn, đoạn văn cần luyện đọc.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	***Hoạt động của trò***
A. Kiểm tra bài cũ (4’) + Gọi 4 HS đọc phân vai truyện “Ga-vrốt ngoài chiến lũy”?. Nêu nội dung của câu chuyện? + Nhận xét, cho điểm. ***B. Dạy học bài mới:*** ***1. Giới thiệu bài*** ***2Hướng dẫn luyện đọc (10’)*** + Bài tập đọc có thể chia làm mấy	 + 4 HS đọc phân vai và nêu nội dung. + Lớp nhận xét, bổ sung. + 1 HS đọc cả bài. + 3 đoạn: Đ1: Xưa kia... chúa trời.

đoạn? Cụ thể các đoạn như thế nào? + Yêu cầu HS đọc nối tiếp theo đoạn. Lưu ý cho HS đọc đúng câu: ***Dù sao trái đất vẫn quay***! (Thể hiện thái độ bực tức, phẫn nộ của Galilê). + Theo dõi, sửa lỗi phát âm cho HS. + Y/C HS luyện đọc nhóm đôi. + Y/C 2 HS đọc trước lớp. + Đọc mẫu: giọng kể, chậm rãi. ***3. Hướng dẫn tìm hiểu bài*** (10') **Đoạn 1:** *+ Ý kiến của Cô-péc-níc có điểm gì khác với ý kiến chung lúc bấy giờ?* *+ Vì sao phát hiện của Cô-péc-níc lại được coi là tà thuyết?* + Vậy Đoạn 1 cho ta biết điều gì? **Đoạn 2:** *+ Ga-li-lê viết sách nhằm mục đích gì?* *+ Vì sao tòa án lúc ấy lại xử phạt ông?* + Đoạn 2 kể lại chuyện gì? **Đoạn 3:** *+ Lòng dũng cảm của Cô-péc-níc và Galilê được thể hiện ở chỗ nào?* - Đoạn 3 cho em biết điều gì ? + Bài tập đọc ca ngợi điều gì? ***4. Hướng dẫn luyện đọc*** (8') + Yêu cầu 3 HS đọc từng đoạn của bài	Đ2: Chưa đầy... bảy chục tuổi Đ3: Còn lại. + HS luyện đọc theo đoạn (3 lượt). - Lượt1: Luyện đọc và phát âm tiếng khó - Lượt2: Luyện đọc và giải nghĩa từ mới - Lượt3: Luyện đọc lại + HS luyện đọc nhóm đôi. + 2 HS đọc trước lớp. + 1 HS đọc to, cả lớp đọc thầm. *+ Lúc bấy giờ người ta cho Trái đất là trung tâm của vũ trụ, đứng yên một chỗ còn mặt trời, mặt trăng và các vì sao quay xung quanh trái đất. Cô-péc-níc lại chứng minh rằng trái đất quay xung quanh mặt trời.* *+ Vì nó ngược lại với những phán bảo của chúa trời.* ý1: ***Cô-péc-níc dũng cảm bác bỏ ý kiến sai lầm, công bố phát hiện mới.*** + 1 HS đọc to, cả lớp đọc thầm. *+ Nhằm ủng hộ, cổ vũ ý kiến của Cô-péc-níc.* *+ Vì cho rằng ông cũng như Cô-péc-níc nói ngược với những lời phán bảo của chúa trời.* → ý2: ***Galilê bị xét xử.*** - 1 em đọc *+ 2 ông đã dám nói lên khoa học chân chính, nói ngược với lời phán bảo của Chúa Trời. Galilê đã bị đi tù nhưng ông vẫn bảo vệ chân lí.* ***→ ý3: Sự dũng cảm bảo vệ chân lí của***

tập đọc. + Để thể hiện được nội dung của bài tập đọc chúng ta cần đọc với giọng như thế nào? + Đưa đoạn 3 (chép sẵn bảng phụ). + Đoạn văn cần nhấn giọng ở những từ ngữ nào? (Gạch chân các từ) ***4. Củng cố - dặn dò:*** Nhận xét giờ học. Chuẩn bị bài sau.	***nhà bác học Ga-li-lê.*** → Nội dung: ***Ca ngợi những nhà khoa học chân chính đã dũng cảm, kiên trì bảo vệ chân lí khoa học.*** + 3 HS đọc. + HS nêu. + 1 HS đọc. + HS nêu: *Cổ vũ, cấm, mang, xét xử.* + HS luyện đọc nhóm đôi. + 2 HS thi đọc trước lớp.

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Toán

LUYỆN TẬP CHUNG

I, Mục tiêu: Giúp học sinh

- Ôn tập một số nội dung cơ bản về phân số: Khái niệm ban đầu về phân số, rút gọn phân số, quy đồng mẫu số các phân số, phân số bằng nhau.
- Rèn kĩ năng giải bài toán có lời văn.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	***Hoạt động của trò***
HĐ1: Kiểm tra bài cũ (3 - 5’) + Gọi 2 HS lên bảng chữa 2 bài tập 1, 2 (SGK). + Nhận xét, ghi điểm. ***HĐ2: Hướng dẫn luyện tập*** (20’) + Giao bài tập 1, 2, 3, 4 + Lưu ý cho HS đọc kĩ yêu cầu của từng bài tập. + Theo dõi, giúp đỡ HS làm bài tập. + Chấm bài của 1 số em, nhận xét. ***HĐ3: Hướng dẫn chữa bài*** (10’) ***Bài 1:*** Củng cố cách rút gọn phân số + Yêu cầu HS nêu cách rút gọn phân số, tính chất cơ bản của phân số.	 + 2 HS lên bảng chữa. + Lớp nhận xét. + HS lần lượt nêu yêu cầu của bài tập.(VBT) + HS tóm tắt trên bảng bài 2, 3, 4. + HS tự làm bài tập. + 2 HS lên chữa bài. + HS nhận xét, bổ sung, nêu cach rút gọn

Bài 2, 3, 4:Củng cố KN giải toán + Yêu cầu HS nhận xét, nêu câu lời giải khác, nêu cách tính $\frac{3}{4}$ của 32, $\frac{3}{5}$ của 20. - GV n/x chốt KQ đúng ***4. Củng cố - dặn dò:*** Nhận xét giờ học. Chuẩn bị bài sau.	phân số. a) $\frac{14}{16}=\frac{14:2}{16:2}=\frac{7}{8}$; $\frac{14}{10}=\frac{14:2}{10:2}=\frac{7}{5}$ b) $\frac{7}{8}=\frac{7\times5}{8\times5}=\frac{35}{40}$; $\frac{14}{10}=\frac{14\times4}{10\times4}=\frac{56}{40}$ $\frac{7}{5}=\frac{7\times8}{5\times8}=\frac{56}{40}$; $\frac{14}{16}=\frac{7\times5}{8\times5}=\frac{35}{40}$ $\frac{19}{40}$ giữ nguyên. c) Trong các phân số trên $\frac{7}{8}=\frac{14}{16}$ + 3 HS lên chữa bài. + HS nhận xét, bổ sung.Nêu lời giảI khác cho bài toán. <u>Bài 2:</u>Đáp số: a) $\frac{3}{4}$ tổng số học sinh b) 24 học sinh Bài 3: Đáp số: 12 tấn Bài 4 : Đáp số: 50 tấn

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

<u>Đạo đức</u>

TÍCH CỰC THAM GIA CÁC HOẠT ĐỘNG NHÂN ĐẠO (Tiết 2)

I, Mục tiêu: Giúp học sinh

- Khắc sâu hành vi đạo đức "Tích cực tham gia các hoạt động nhân đạo".
- Có thái độ ủng hộ các hoạt động nhân đạo ở trường, ở cộng đồng nơi mình ở.
- Tuyên truyền, tích cực tham gia các hoạt động nhân đạo phù hợp với điều kiện bản thân.

II, Đồ dùng dạy học: - Thẻ Đ, S. Bảng phụ chép sẵn các ý kiến ở bài tập 3, 4.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	*Hoạt động của trò*
A. Kiểm tra bài cũ (3-5') -Thế nào là hoạt động nhân đạo ? -Vì sao cần tích cực tham ra các hoạt động nhân đạo ?	+ 2 HS lên bảng trả lời. + Lớp nhận xét, bổ sung.

B. Dạy học bài mới: ****. Giới thiệu bài*** (1') HĐ1: Giúp HS hiểu thế nào là hoạt động nhân đạo (Bài tập 4 - SGK). + Yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi. Yêu cầu HS giơ thẻ Đ, S. +GV nxét, kết luận đáp án đúng và tiểu kết: *Có rất nhiều cách để thể hiện tình nhân đạo của các em tới những người gặp hoàn cảnh khó khăn như:góp tiền ủng hộ XD quỹ vì người nghèo, hiến máu nhân đạo* . HĐ2: Xử lí tình huống (bài tập 2-SGK)-10 + Yêu cầu HS thảo luận theo nhóm bàn và giao cho mỗi nhóm một tình huống . +Gọi đại diện các nhóm trình bày ý kiến . +GV nxét các câu trả lời của HS và kết luận. ***HĐ3: Báo cáo kết quả điều tra*** (10') **BT 5 – SGK** + GV chia lớp làm 4 nhóm, YC các nhóm thảo luận ,ghi KQ điều tra ra giấy khổ to + Theo dõi, yêu cầu HS trình bày. + Tiểu kết ý chính: *Cần phải cảm thông chia sẻ, giúp đỡ những người gặp khó khăn hoạn nạn bằng cách tham gia các HĐ nhân đạo phù hợp với bản thân* . ***4. Củng cố - dặn dò:*** Nhận xét giờ học. Chuẩn bị bài sau.	+ HS nêu yêu cầu của bài tập. + Thảo luận nhóm đôi bài tập 4. + 1 HS đọc to từng ý kiến, cả lớp giơ thẻ. HS lí giải vì sao cho là đúng, vì sao cho là sai. a) Đúng c) Sai b) Sai d) Đúng +HS chia nhóm .Các nhóm thảo luận . +Đại diện các nhóm trình bày . +Các nhóm khác,tranh luận, bổ sung. -Tình huống (a): có thể đẩy xe lăn giúp bạn (nếu bạn có xe lăn), quyên góp tiền giúp bạn mua xe (nếu bạn chưa có xe) -Tình huống (b): có thể thăm hỏi, trò chuyện với bà cụ, giúp đỡ bà một số công việc như: quét nhà, quét sân, nấu cơm, thu dọn nhà cửa + HS nêu yêu cầu của bài tập. + Các nhóm nhận n/v, tiến hành thảo luận nhóm . +Đại diện từng nhóm trình bày . +Cả lớp trao đổi ,bình luận .

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Địa lí:

NGƯỜI DÂN VÀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT Ở ĐỒNG BẰNG DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG

I, Mục tiêu: Giúp học sinh

- Giải thích được: Dân cư tập trung khá đông ở duyên hải miền Trung do có điều kiện thuận lợi cho sinh hoạt, sản xuất.
- Trình bày được một số nét tiêu biểu về hoạt động sản xuất nông nghiệp.
- Khai thác các thông tin để giải thích sự phát triển của 1 số ngành sản xuất nông nghiệp ở đồng bằng duyên hải miền Trung.

II, Đồ dùng dạy học: - Bản đồ dân cư Việt Nam.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	***Hoạt động của trò***
A. Kiểm tra bài cũ: (3-5’) - Chỉ vị trí của dãy đồng bằng duyên hải miền Trung? - Vì sao ở phía bắc và phía nam của dải đồng bằng duyên hải miền Trung lại có khí hậu khác biệt? ***B. Dạy học bài mới:*** **** Giới thiệu bài*** (1’) ***HĐ1:Tìm hiểu dân cư tập trung khá đông đúc.(***7’) + Thông báo số dân của các tỉnh miền Trung và lưu ý cho HS: Phần lớn số dân này sống ở làng mạc, thị xã và thành phố ở duyên hải. + Chỉ trên bản đồ dân cư Việt Nam, chỉ cho HS thấy sự phân bố dân cư ở duyên hải miền Trung. + Dân tộc nào là dân tộc chủ yếu ở duyên hải miền Trung ? + Quan sát hình 1-2 (SGK) và cho biết: Trang phục của phụ nữ Kinh và phụ nữ Chăm có gì khác nhau?	+ 2 HS lên bảng trả lời. + Lớp nhận xét, bổ sung. - Chủ yếu là DT Kinh và DT Chăm + Phụ nữ Kinh mặc áo dài, cổ cao. Còn phụ nữ Chăm mặc váy áo, váy dài, có đai thắt ngang và khăn choàng đầu.

→ *Trang phục hàng ngày của người Kinh và người Chăm gần giống nhau như áo sơ mi, quần đài để thuận tiện trong lao động, sản xuất.* ***HĐ2: Tìm hiểu hoạt động sản xuất của người dân ở đồng bằng duyên hải miền Trung*** (20') + Yêu cầu HS quan sát các ảnh chụp trang 139, thảo luận nhóm đôi về nội dung của mỗi ảnh chụp: *Đầm nuôi tôm công nghiệp.Cánh đồng mía. Cánh đồng lúa. Chăn nuôi gia súc. Cánh đồng muối. Làng chài.* + Yêu cầu HS sắp xếp tên mỗi bức tranh vào đúng tên ngành sản xuất cho phù hợp. + Yêu cầu HS đọc bảng số liệu trang 140. + Yêu cầu HS thảo luận theo 4 nhóm: Vì sao đồng bằng duyên hải miền Trung lại có các hoạt động sản xuất trên? *=> Mặc dù thiên nhiên thường gây bão lụt và khô hạn, người dân miền Trung vẫn luôn khai thác các điều kiện để sản xuất ra nhiều sản phẩm phục vụ nhân dân trong vùng và các vùng khác.* ***4. Củng cố - dặn dò:*** Nhận xét giờ học. Chuẩn bị bài sau.	+ HS thảo luận nhóm đôi. + Một số HS nối tiếp nhau nêu nội dung ảnh. + HS sắp xếp: - Trồng trọt: Trồng lúa, mía. - Chăn nuôi: Gia súc (bò). - Nuôi, đánh bắt thủy sản: Đánh bắt cá, nuôi tôm. - Các ngành khác: Làm muối. + 1 – 2 HS đọc to. + HS thảo luận theo 4 nhóm. + Đại diện các nhóm nêu, nhóm khác nhận xét. + 1 - 2 HS đọc phần đóng khung (SGK).

Thứ 3 ngày 16 tháng 3 năm 2010

Khoa học:

CÁC NGUỒN NHIỆT

I, Mục tiêu: Giúp học sinh

- Kể được các nguồn nhiệt thường gặp trong cuộc sống và nêu được vai trò của chúng.

- Biết thực hiện những quy tắc đơn giản để phóng tránh nguy hiểm, rủi ro khi sử dụng các nguồn nhiệt.
- Có ý thức tiết kiệm khi sử dụng các nguồn nhiệt trong cuộc sống.

II, Đồ dùng dạy học:

- Hộp diêm, nến, bàn là, kính lúp (nếu trời nắng).
- Giấy khổ to kẻ sẵn 2 cốt:
  + Những rủi ro, nguy hiểm có thể xảy ra khi sử dụng nguồn nhiệt.
  + Cách phòng tránh.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu

Hoạt động của thầy	***Hoạt động của trò***
A. *Kiểm tra bài cũ:* (4’) - Lấy ví dụ về vật cách nhiệt, vẫn dẫn nhiệt và ứng dụng trong cuộc sống. - Hãy mô tả nội dung thí nghiệm chứng tỏ không khí có tính cách nhiệt. ***B. Dạy học bài mới:*** **** Giới thiệu bài*** (1’) ***HĐ1: Tìm hiểu các nguồn nhiệt và vai trò của chúng* (12’)** + Tổ chức cho HS thảo luận cặp đôi. Quan sát tranh minh họa, dựa vào hiểu biết thực tế trả lời các câu hỏi sau: *+ Em hãy cho biết những vật nào là nguồn tỏa nhiệt cho các vật xung quanh? Nêu vai trò của từng nguồn nhiệt ấy?* *+ Các nguồn nhiệt thường được dùng để làm gì?* *+ Khi ga, củi hay than bị cháy hết thì còn nguồn nhiệt nữa hay không?* ***→ Kết luận về các nguồn nhiệt và vai trò***	 + 2 HS lên bảng trả lời. + Lớp nhận xét, bổ sung. + Thảo luận cặp đôi. + Một số HS nêu, lớp nhận xét, bổ sung. *- Mặt trời giúp cho mọi sinh vật sưởi ấm, phơi khô thóc, lúa, quần áo...* *- Ngọn lửa của bếp ga, củi... giúp ta nấu chín được thức ăn, đun sôi nước..* *- Lò sưởi điện làm cho không khí nóng lên vào mùa đông, giúp con người sưởi ấm.* *- Bàn là điện giúp ta là khô, là phẳng quần áo...* *+ Thường được dùng để: đun nấu, sấy khô, sưởi ấm....* *+ Khi ga, củi, than cháy hết thì ngọn*

của từng nguồn nhiệt. ***HĐ2: Tìm hiểu những rủi ro, nguy hiểm khi sử dụng nguồn nhiệt*** + Nhà em sử dụng nguồn nhiệt nào? + Em còn biết những nguồn nhiệt nào khác? + Tổ chức cho HS thảo luận nhóm bàn: *Hãy ghi những rủi ro, nguy hiểm và cách phòng tránh rủi ro, nguy hiểm khi sử dụng các nguồn điện* (theo phiếu).	*lửa sẽ tắt và không còn nguồn nhiệt nữa.* + HS nêu: Ánh sáng mặt trời, bếp củi, bếp điện, bàn là điện, bếp than, bếp ga, lò sưởi, mấy sấy tóc... + Lò nung gạch, lò nung đồ gốm, lò rèn... + HS thảo luận. Đại diện các nhóm nêu, nhóm khác nhận xét. + Dán phiếu lên bảng.
Những rủi ro, nguy hiểm có thể xảy ra khi sử dụng nguồn nhiệt	***Cách phòng tránh***
- Bị cảm nắng *- Bị bỏng do bàn là, nước sôi...* *- Cháy nồi xoong do lửa quá to...*	*- Đội mũ, đeo kính khi ra đường. Không nên chơi ở chỗ quá nắng.* *- Không nên chơi đùa gần với nơi có bàn là, bếp than, ấm nước hay phích nước sôi.* *- Cần để lửa vừa phải.*
+ Tại sao chúng ta phải dùng lót tay để bê nồi xoong ra khỏi nguồn nhiệt? ***HĐ3: Tìm hiểu việc thực hiện tiết kiệm khi sử dụng nguồn nhiệt*** *+ Vì sao chúng ta cần sử dụng tiết kiệm các nguồn nhiệt?* *+ Chúng ta cần sử dụng các nguồn nhiệt tiết kiệm như thế nào?* ***4. Củng cố - dặn dò:*** Nhận xét giờ học. Chuẩn bị bài sau.	*+ Vì lót tay là vật cách nhiệt tốt sẽ giúp bê xoong nồi ra k hỏi nguồn nhiệt sẽ tránh cho nguồn nhiệt truyền vào tay ta, tránh làm hỏng nồi xoong, hỏng đồ dùng.* *+ Bởi vì chỉ có ánh sáng mặt trời là vô tận còn các nguồn nhiệt khác đều có thể cạn kiệt nếu không sử dụng tiết kiệm.* *+ Một số HS nêu.*

Toán

KIỂM TRA ĐỊNH KỲ LẦN 3

(Theo đề của sở GD)

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Luyện từ và câu:

CÂU KHIẾN

I, Mục tiêu: Giúp học sinh

- Hiểu được cấu tạo và tác dụng của câu khiến.
- Nhận diện được câu khiến, sử dụng linh hoạt câu khiến trong văn cảnh nói.

II, Đồ dùng dạy học: Giấy khổ to viết sẵn bài tập 1 (Phần luyện tập).

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	*Hoạt động của trò*
A. Kiểm tra bài cũ: ***B. Dạy học bài mới:*** ***1. Giới thiệu bài*** ***2. Hướng dẫn nhận xét*** ***Bài 1, 2***: Y/C hs đọc nội dung và yêu cầu bài tập + Câu nào trong đoạn văn được in nghiêng? + Câu in nghiêng đó dùng để làm gì? + Cuối câu đó sử dụng dấu gì? + Vậy thế nào là câu khiến? Cho ví dụ? ***Bài 3:*** Y/C hs nêu yêu cầu đề bài + Theo dõi, giúp đỡ học sinh đóng vai → Chốt ý cho học sinh về khái niệm câu khiến. Ghi nhớ (SGK). ***3. Luyện tập*** ***Bài 1:*** Tìm câu khiến trong những đoạn trích sau: ***Bài 2:*** Tìm 3 câu khiến trong SGK Tiếng Việt hoặc Toán của em. ***Bài 3:*** Hãy đặt 1 câu khiến để nói với	 + 2 HS nêu yêu cầu. + Câu: *Mẹ mời sứ giả vào đây cho con!* + Là lời nói của Gióng nhờ mẹ gọi sứ giả vào. + Cuối câu đó sử dụng dấu than. + Một số học sinh nêu. + 2 HS nêu yêu cầu, làm việc cặp đôi. + Một số HS đứng tại chỗ đóng vai: *1 HS đứng tại chỗ đóng vai mượn vở, 1 HS cho mượn.* + HS nêu được ghi nhớ + 2 HS nhắc lại. + 2 HS nêu yêu cầu và các đoạn văn. + 2 HS lên làm trên bảng phụ. Cả lớp làm vào vở bài tập. + HS nhận xét bài làm của bạn, chữa

bạn, với anh chị hoặc với thầy giáo (cô giáo). ***4. Củng cố - dặn dò:*** Nhận xét giờ học. Chuẩn bị bài sau.	bài. + 2 HS nêu yêu cầu. + HS thảo luận nhóm đôi. + Một số HS nêu, lớp nhận xét, bổ sung. + 2 HS nêu yêu cầu + HS tự đặt câu. + 1 số HS nêu, lớp nhận xét.

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Lịch sử:

THÀNH THỊ Ở THẾ KỈ XVI - XVII

I, Mục tiêu: Giúp học sinh

- Biết được vào thế kỉ XVI - XVII, nước ta nổi lên 3 đô thị lớn là Thăng Long, Phố Hiến, Hội An.
- Mô tả được cảnh các đô thị lớn thế kỉ XVI - XVII.
- Biết được sự phát triển của thành thị phảnánh sự phát triển của nền kinh tế, đặc biệt là thương mại.

II, Đồ dùng dạy học:

- Phiếu học tập cá nhân, các hình minh họa SGK phóng to (nếu có điều kiện).
- Sưu tầm tranh tư liệu về 3 thành thị lớn thế kỉ XVI - XVII

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	***Hoạt động của trò***
A. Kiểm tra bài cũ ***B. Dạy học bài mới*** **** Giới thiệu bài:*** ****HĐ1: Tìm hiểu 3 thành thị lớn ở nước ta ở thế kỉ XVI - XVII*** + Theo em, thành thị là gì? + Phát phiếu học tập cho học sinh. Yêu cầu học sinh dựa vào SGK để hoàn thành phiếu bài tập.	 + HS nêu. + Thảo luận, hoàn thành phiếu. + Một số HS nêu, nhận xét.

Đặc điểm / Thành thị	***Dân cư***	***Quy mô thành thị***	***Hoạt động buôn bán***
Thăng Long	*Đông dân hơn nhiều thành thị*	*Lớn bằng thành thị ở một số nước*	*- Những ngày chợ phiên, dân các vùng lân cận gánh hàng hóa đến đông không thể*

	ở Châu Á.	*châu Á.*	*tưởng tượng được.* *- Buôn bán nhiều mặt hàng như áo, tơ lụa, vóc…*
Phố Hiến	*Có nhiều dân nước ngoài như Trung Quốc, Hà Lan, Anh…*	*Có hơn 2000 nóc nhà của người nước khác đến ở.*	*Là nơi buôn bán tấp nập.*
Hội An	*Là dân địa phương và các nhà buôn Nhật Bản.*	*Phố cảng đẹp và lớn nhất Đàng Trong.*	*Thương nhân ngoại quốc thường lui tới buôn bán.*
HĐ2: Tìm hiểu tình hình kinh tế nước ta thế kỉ XVI - XVII** + Yêu cầu HS thảo luận cặp đôi. *+ Theo em, cảnh buôn bán sôi động ở các đô thị nói lên điều gì về tình hình kinh tế nước ta thời đó?* ***4. Củng cố - dặn dò: Nhận xét giờ học. Chuẩn bị bài sau.			*+ Cho thấy thành thị nước ta thời đó rất đông người, buôn bán sầm uất chứng tỏ ngành nông nghiệp phát triển mạnh tạo nhiều sản phẩm để trao đổi, buôn bán.*

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Kể chuyện:

KỂ CHUYỆN ĐƯỢC CHỨNG KIẾN HOẶC THAM GIA

I, Mục tiêu: Giúp học sinh

- Kể được câu chuyện có nội dung về lòng dũng cảm của con người mà em được chứng kiến hoặc tham gia bằng lời kể của mình một cách tự nhiên, chân thực.
- Biết nhận xét, đánh giá câu chuyện bạn kể theo các tiêu chí.

II, Đồ dùng dạy học: Bảng phụ ghi sẵn gợi ý 2 (SGK).

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	***Hoạt động của trò***
A. Kiểm tra bài cũ: ***B. Dạy học bài mới*** ***1. Giới thiệu bài*** ***2. Hướng dẫn tìm hiểu yêu cầu của đề bài*** + Yêu cầu HS đọc đề bài → Chép bảng.	+ 3 - 5 HS đọc đề bài.

+ Đề bài yêu cầu chúng ta làm gì? + Gạch chân các từ: *Kể, lòng dũng cảm, chứng kiến hoặc tham gia.* ***3. Hướng dẫn kể chuyện*** + Nối tiếp nhau đọc mục gợi ý (SGK). + Em định kể câu chuyện về ai? Câu chuyện đó xảy ra khi nào? + Yêu cầu HS kể theo nhóm bàn: Kể cho nhau nghe, nhận xét, đánh giá lời kể của bạn rồi trao đổi ý nghĩa của câu chuyện. ***4. Thi kể chuyện trước lớp*** + Treo bảng phụ chép sẵn các tiêu chí đánh giá. + Yêu cầu HS lên kể trên bảng lớp. Giáo viên ghi nhanh tên tryện, tên người kể. + Tuyên dương những HS kể hay. ***4. Củng cố - dặn dò:*** Nhận xét giờ học. Chuẩn bị bài sau.	+ Kể một câu chuyện về lòng dũng cảm mà em được chứng kiến hoặc tham gia. + 2 HS đọc to. + HS tiếp nối nhau nêu. + Kể theo nhóm bàn. + 1 HS đọc to trước lớp. + 5 – 7 HS lên kể. + Lớp lắng nghe, nhận xét bạn kể, đặt câu hỏi cho bạn.

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Thứ 4 ngày 17 tháng 3 năm 2010

Thể dục

BÀI 54

Anh Cường dạy

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Tập đọc:

CON SẺ

I, Mục tiêu: Giúp học sinh

1. Đọc thành tiếng:

- Đọc đúng các từ ngữ: *tuồng như, nhúm, chậm rãi, mõm...*
- Đọc trôi chảy toàn bài, ngắt nghỉ hơi đúng sau các dấu câu, giữa các cụm từ.
- Đọc diễn cảm toàn bài, chuyển đổi giọng linh hoạt.

2. Đọc - hiểu:

- Hiểu được nghĩa các từ ngữ: Tuồng như, khản đặc, bối rối, kính cẩn.
- Hiểu được nội dung của bài tập đọc*: Ca ngợi hoạt động dũng cảm, xả thân cứu sẻ non của sẻ già.*

II, Đồ dùng dạy học: Tranh minh họa cho bài tập đọc SGK. Bảng phụ viết sẵn câu văn, đoạn văn cần luyện đọc.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	***Hoạt động của trò***
A. Kiểm tra bài cũ	
B. Dạy học bài mới	
1. Giới thiệu bài	
2. Hướng dẫn luyện đọc	
+ Cô có thể chia bài tập đọc thành 5 đoạn. Mỗi chỗ chấm xuống dòng là 1 đoạn. + Yêu cầu HS nối tiếp nhau đọc theo đoạn. + Theo dõi, sửa lỗi phát âm cho HS. +Y/C HS luyện đọc nhóm đôi. + Y/C HS luyện đọc trước lớp. + Đọc mẫu toàn bài.	+ HS luyện đọc (3 lượt). Lượt1: Luyện đọc và phát âm tiếng khó Lượt2: Luyện đọc và giảI nghĩa từ mới Lượt3: Luyện đọc lại + Luyện đọc nhóm đôi. + 2 HS luyện đọc trước lớp.
3. Hướng dẫn tìm hiểu bài	
**** Đoạn 1, 2, 3:*** - Yêu cầu HS đọc thầm đoạn 1, 2, 3. *+ Trên đường đi con chó thấy gì?* *+ Con chó định làm gì với sẻ non?* *+ Tìm những từ ngữ cho thấy con sẻ còn non và yếu ớt?* *+ Việc gì đột ngột xảy ra khiến con chó dừng lại?* *+ Hình ảnh con sẻ mẹ dũng cảm lao xuống cứu con được miêu tả như thế nào?* ***+ Vậy đoạn 1, 2, 3 kể lại chuyện gì?*** **** Đoạn 4+5:*** *+ Vì sao tác giả tỏ lòng kính phục đối với*	+ HS đọc thầm, trao đổi nhóm đôi. *+ Trên đường đi con chó đánh hơi thấy 1 con sẻ non vừa rơi trên tổ xuống.* *+ Con chó chậm rãi tiến lại gần sẻ non.* *+ Con sẻ non mép vàng óng, trên đầu có một nhúm lông tơ.* *+ Bỗng từ trên cây cao gần đó một con sẻ già từ trên cây cao lao xuống đất để cứu con, nó lấy thân mình phủ kín sẻ con, nó rít lên, dáng vẻ rất hung dữ.* *+ Con sẻ mẹ lao xuống..., lông dựng ngược, nó rít lên bằng giọng hung dữ và khản đặc.*

con sẻ nhỏ bé? *+ Đoạn 4, 5 nói lên điều gì?* ***+ Bài tập đọc muốn ca ngợi điều gì?*** ***4. Hướng dẫn luyện đọc diễn cảm*** + Yêu cầu 5 HS nối tiếp nhau đọc theo đoạn. + Tổ chức cho HS đọc diễn cảm đoạn 2, 3. +Y/C HS luyện đọc cặp đôi. + Tổ chức cho HS thi đọc trước lớp. ***4. Củng cố - dặn dò:*** Nhận xét giờ học. Chuẩn bị bài sau.	→ ý1***: Cuộc đối đầu giữa sẻ mẹ bé nhỏ và con chó khổng lồ*** + 1 HS đọc to, cả lớp đọc thầm. *+ Vì con sẻ nhỏ bé dũng cảm, đối đầu với con chó to hung dữ để cứu con.* → ý2: ***Sự ngưỡng mộ của tác giả trước tình mẹ con thiêng liêng, hành động dũng cảm cứu con của sẻ mẹ.*** Nội dung: ***Ca ngợi hành động dũng cảm xả thân cứu sẻ non của sẻ già.*** + HS đọc 1 lượt. + HS đọc thầm và gạch chân các từ + HS luyện đọc cặp đôi. + 2 HS thi đọc trước lớp.

Toán

HÌNH THOI

I, Mục tiêu: Giúp học sinh

- Nhận biết hình thoi và 1 số đặc điểm của hình thoi.
- Phân biệt được hình thoi và 1 số hình đã học.

II, Đồ dùng dạy học: Bốn thanh gỗ dài 20 x 30cm, có khoét lỗ ở 2 đầu, ốc vít, hình thoi.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	***Hoạt động của trò***
HĐ1: Kiểm tra bài cũ ***HĐ2: Giới thiệu về hình thoi và nhận biết 1 số đặc điểm của hình thoi*** + Yêu cầu HS dùng các thanh nhựa trong bộ lắp ghép mô hình kĩ thuật để lắp thành một hình vuông. Giáo viên cũng thao tác trên bảng. + "Xô" lệch hình vuông. + Hình được tạo từ mô hình này được gọi là	+ HS thực hiện. + Làm theo yêu cầu tạo hình thoi. + Chỉ theo cặp đôi, 2 HS ngồi cạnh nhau chỉ cho nhau xem.

hình thoi. (Vẽ lên bảng) + Yêu cầu HS quan sát đường diềm ở SGK và yêu cầu HS chỉ hình thoi có trong đường diềm. + Đặt tên cho hình thoi trên bảng là ABCD và yêu cầu HS đọc. + Hãy kể tên các cặp cạnh song song có trong hình thoi ABCD? + Hãy dùng thước thẳng đo độ dài các cạnh của hình thoi ABCD? Nêu nhận xét? + Vậy hình thoi có những đặc điểm gì? ***HĐ3: Luyện tập*** ***Bài 1:*** Nối mỗi tên vẽ của hình với hình vẽ tương ứng. + Vẽ hình lên bảng. Yêu cầu HS nối. + Yêu cầu HS nhắc lại các đặc điểm của hình thoi. - GV củng cố về đặc điểm của các hình đã học ***Bài 2:*** Giới thiệu 2 đường chéo của hình thoi vuông góc với nhau. ***Bài 3,4:*** Củng cố cách vẽ hình. và nhận biết hình + Yêu cầu HS quan sát hình vẽ để vẽ đúng yêu cầu. + Yêu cầu HS nêu đặc điểm của hình thoi, hình vuông. ***4. Củng cố - dặn dò:*** Nhận xét giờ học. Chuẩn bị bài sau.	+ HS quan sát đường diềm ở SGK và yêu cầu HS chỉ hình thoi có trong đường diềm. + 2 HS đọc: Hình thoi ABCD. + Cạnh AB//CD; BC//DA + 1 HS lên bảng đo, nêu nhận xét: Các cạnh của hình thoi có độ dài bằng nhau. + Hình thoi có 2 cặp cạnh đối diện // và 4 cạnh bằng nhau. + 1 HS lên bảng chữa bài, lớp nhận xét, bổ sung. + 2 HS nhắc lại. + 1 HS lên bảng vẽ, cả lớp vẽ vào vở bài tập. Kiểm tra xem 2 đường chéo có vuông góc với nhau không? + Dưới lớp HS nêu, nhận xét. + Nêu hai đường chéo của hình thoi vuông góc. + Vẽ đúng yêu cầu. + 1 HS nêu.

Tập làm văn:

MIÊU TẢ CÂY CỐI (kiểm tra 1 tiết)

I, Mục tiêu: Giúp học sinh

- Thực hành viết bài văn miêu tả cây cối.
- Bài viết đúng nội dung, yêu cầu của đề bài.

- Lời văn sinh động, chân thực, giàu tình cảm, sáng tạo.

II, Đồ dùng dạy học: Bảng phụ chép sẵn các đề bài cho HS lựa chọn. Bảng phụ chép sẵn dàn ý bài văn miêu tả cây cối.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

1. Kiểm tra bài cũ:

2. Kiểm tra

+ Yêu cầu HS chọn 1 trong các đề sau:

1) Hãy tả 1 cái cây em có dịp quan sát.

2) Hãy tả một cái cây ở trường gắn với nhiều kỉ niệm của em có phần mở bài gián tiếp.

3) Hãy tả lại một cây do chính tay em vun trồng có phần kết bài mở rộng.

+ Yêu cầu HS nhắc lại dàn ý của bài văn miêu tả cây cối.

+ Treo bảng phụ chép sẵn dàn ý.

+ Lưu ý cho HS một số điểm:

- Chữ viết rõ ràng.
- Câu văn trong sáng, đủ ý, sử dụng phép so sánh, nhân hóa.
- Hết mỗi phần cần chấm xuống dòng.

+ Thu, chấm 1 số bài, nhận xét.

4. Củng cố - dặn dò: Nhận xét giờ học. Chuẩn bị bài sau.

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Âm nhạc

BÀI 27: ÔN BÀI HÁT CHÚ VOI CON Ở BẢN ĐÔN

TẬP ĐỌC NHẠC: TĐN SỐ 7

I, Mục tiêu:

- Học sinh hát đúng và thuộc 2 lời của bài hát "Chú voi con ở bản Đôn" tập trình bày cách hát lĩnh xướng, hòa giọng, tập trình bày bài hát bằng hình thức đơn ca, song ca.
- Học sinh đọc đúng nhạc và lời của bài TĐN đồng lúa bên sông.

II, Đồ dùng dạy học:

- Giáo viên: Nhạc cụ, sách giáo khoa, chép sẵn nội dung bài TĐN số 7
- Học sinh: Nhạc cụ.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	***Hoạt động của trò***

1. Ổn định tổ chức	
2. Kiểm tra bài cũ	
3. Bài mới	
a. Giới thiệu bài:	
b. Nội dung:	
**** Hoạt động 1:*** Ôn bài hát "Chú voi con ở bản Đôn"	
- Giáo viên bắt nhịp cho học sinh ôn lại bài hát nhiều lần với các hình thức cả lớp, dãy, tổ ...	- Ôn lại bài hát
- Cho học sinh hát kết hợp gõ đệm và tập một vài động tác vận động phụ họa.	- Gõ đệm, vận động phụ họa
- Gọi cá nhân, nhóm, bàn lên bảng biểu diễn.	- Luyện tiết tấu bằng nhạc cụ.
* Tập đọc nhạc TĐN số 7	- Đọc nhạc và ghép lời TĐN số 7
- Cho học sinh luyện cao độ	
- Luyện tiết tấu	
- TĐN số 7: Đồng lúa bên sông	- HS đọc nhạc rồi ghép lời.
- Hướng dẫn đọc nhạc rồi ghép lời.	
- Tổ chức 1 dãy đọc nhạc, 1 dãy ghép lời và ngược lại.	
4. Củng cố dặn dò	
- Bắt nhịp cho học sinh hát lại bài hát và bài TĐN số 7 một lần.	
- Dặn dò: Về nhà ôn lại nội dung bài, chuẩn bị cho giờ sau.	

Thứ 5 ngày 18 tháng 3 năm 2010

<u>Luyện từ và câu:</u>

CÁCH ĐẶT CÂU KHIẾN

I, Mục tiêu: Giúp học sinh

- Hiểu được cách đặt câu khiến.
- Luyện tập đặt câu khiến trong các tình huống khác nhau.
- Nói đúng câu khiến với giọng điệu phù hợp.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	*Hoạt động của trò*
A. Kiểm tra bài cũ:	
B. Dạy học bài mới	
1. Giới thiệu bài	
2. Tìm hiểu ví dụ:	+ HS đọc yêu cầu và nội dung.
+ Trong câu: *Nhà vua hoàn lại gươm Long Vương* có động từ gì?	+ Động từ "hoàn".
+ Hãy thêm 1 từ thích hợp vào trước động từ "hoàn" để câu trên trở thành câu khiến?	+ Nhà vua ***hãy*** hoàn gươm lại cho Long Vương!
+ Hãy thêm 1 từ thích hợp vào cuối câu trên để câu trên trở thành câu khiến?	+ Nhà vua hoàn gươm lại cho Long Vương ***đi***!
+ Hãy thêm từ thích hợp vào đầu câu để câu kể trên trở thành câu khiến?	+ ***Xin*** nhà vua hoàn gươm lại cho Long Vương!
+ Yêu cầu HS hoàn chỉnh bài tập 1.	+ HS làm bài.
	+ Nối tiếp nhau nêu các câu cầu khiến đã chuyển từ câu kể trên.
+ Vậy có những cách nào để đặt câu khiến?	+ Thêm các từ: ***Hãy, đừng, chớ, …*** vào trước động từ.
	+ Thêm các từ: ***Đi, thôi, nào…*** vào cuối câu.
	+ Thêm các từ: ***Đề nghị, xin…*** vào đầu câu.
	+ 2 HS nhắc lại.
→ Ghi nhớ (SGK).	
3. Luyện tập	+ 2 HS nêu yêu cầu của bài tập.
Bài 1: *Thanh đi lao động.*	+ Thảo luận cặp đôi.
- Thanh phải đi lao động!	+ Tiếp nối nhau đọc từng câu khiến; HS nhận xét, bổ sung.
- Thanh nên đi lao động!	
- Thanh đi lao động thôi nào!	
- Xin Thanh hãy đi lao động!…	
+ Nhận xét, khen ngợi HS đặt câu kể hay.	
Bài 2:	
+ Yêu cầu HS hoạt động nhóm 4 HS: Sắm vai theo tình huống.Ví dụ:	+ 2 HS nêu yêu cầu và nội dung.
a) Ngân cho tớ mượn cái bút của cậu với!	+ HS đặt câu theo tình huống: *b) Thưa bác, bác cho cháu nói chuyện*

- Ngân ơi cho tớ mượn cái bút của cậu nào! *- Tớ mượn cậu cái bút nhé!* *- Làm ơn cho mình mượn cái bút nhé!* + Theo dõi, giúp đỡ HS làm bài. ***Bài 3, 4:*** + Tổ chức cho HS báo cáo kết quả làm bài trước lớp. ***4. Củng cố - dặn dò:*** Nhận xét giờ học. Chuẩn bị bài sau.	*với bạn Giang ạ!* *- Xin phép bác cho cháu nói với bạn Giang ạ!* *- Bác làm ơn cho cháu nói chuyện với bạn Giang ạ!* *- Nhờ bác chuyển máy cho cháu nói chuyện với bạn Giang ạ!* *c) Nhờ chú chỉ giúp nhà bạn Oanh cho cháu ạ!* *- Xin chú chỉ giúp cháu nhà bạn Oanh ở đâu ạ!* *- Chú làm ơn chỉ giúp cháu nhà bạn Oanh ở đâu ạ!* + HS đọc to yêu cầu. + Làm việc theo cặp: Khi đặt câu thì nêu luôn tình huống có thể sử dụng câu đó. + Một số HS nêu trước lớp, lớp nhận xét, chữa bài. Nêu cách đặt câu khiến.

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Toán

DIỆN TÍCH HÌNH THOI

I, Mục tiêu: Giúp học sinh

- Hình thành công thức tính diện tích hình thoi.
- Bước đầu biết áp dụng công thức tính diện tích hình thoi để giải các bài toán có liên quan.

II, Đồ dùng dạy học:

- Bảng phụ, miếng bìa cắt thành hình thoi ABCD như phần bài học (SGK), kéo
- Giấy kẻ ô li, kéo, thước kẻ.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	*Hoạt động của trò*
HĐ1: Kiểm tra bài cũ: ***HĐ2: Hình thành công thức tính diện tích hình thoi*** + Đưa ra miếng bìa hình thoi đã chuẩn bị và nêu: Hình thoi ABCD có AC = m; BD = n.	+ 2 HS đọc tên hình thoi.

Tính diện tích của hình thoi? + Hãy tìm cách cắt hình thoi thành 4 hình tam giác bằng nhau sau đó ghép lại để tạo thành 1 hình chữ nhật. + Thống nhất với cả lớp cách cắt ghép theo 2 đường chéo và ghép thành hình chữ nhật: AMNC (SGK). Thao tác trên bảng lớp. + Theo em, diện tích hình thoi ABCD so với diện tích hình chữ nhật AMNC như thế nào? + Hãy đo cạnh của hình chữ nhật và so sánh chúng với đường chéo của hình thoi ban đầu? + Vậy diện tích hình chữ nhật AMNC tính như thế nào? → Ta thấy $m \times \frac{n}{2} = \frac{m \times n}{2} \Rightarrow \frac{m \times n}{2}$ là diện tích của hình chữ nhật AMNC nên cũng là diện tích của hình thoi ABCD. (Viết bảng công thức). + Muốn tính diện tích hình thoi ta làm thế nào. + Nếu gọi diện tích của hình thoi là S; m, n là độ dài của 2 đường chéo. Hãy viết công thức tính diện tích của hình thoi?	+ Tìm cách cắt ghép: Một số HS nêu cách cắt ghép. + Thực hiện cắt ghép. + Diện tích của 2 hình bằng nhau. + Nêu: AC = m; AM = $\frac{n}{2}$ + Diện tích hình chữ nhật AMNC bằng $m \times \frac{n}{2}$ + Một số HS nêu (SGK). + HS nêu.
HĐ3: Luyện tập ***Bài 1,2:*** Củng cố về diện tích hình thoi + Vì sao em đánh dấu x vào hình thoi đó?(Bài1) + Yêu cầu HS nêu lại cách tính diện tích hình thoi? (bài 2) -GV n/x củng cố diện tích hình thoi	+ HS làm bài và chữa bài, giải thích cách làm + HS đứng tại chỗ nêu; lớp nhận xét, bổ sung. + Hình thoi EGHD có diện tích: $\frac{6 \times 5}{2} = 15$ cm^2 nên em đánh dấu, còn hình thoi ABCD, MNPQ có diện tích > $20cm^2$. + 1 HS lên chữa bài2, lớp nhận xét. + Lớp đổi chéo vở soát bài.

Hình thoi	(1)	(2)	(3)
Đường chéo	12cm	16dm	20m
Đường chéo	7cm	27dm	5m
Diện tích	$42cm^2$	$216dm^2$	$50m^2$

Bài 3: Củng cố về giải toán. - GV n/x củng cố cách làm ***4. Củng cố - dặn dò:*** Nhận xét giờ học. Chuẩn bị bài sau	+ 1 HS lên chữa bài, lớp nhận xét. Bài giải : Diện tích mảnh bìahình thoi là : 10 x 24 : 2 =120 (cm^2) Đáp số : 120 (cm^2)

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Chính tả:

Bài thơ về tiểu đội xe không kính

I, Mục tiêu: Giúp học sinh

- Nhớ - viết chính xác, đẹp đoạn từ "***Nhìn thấy gió vào xoa mắt đắng… bắt tay nhau qua cửa kính vỡ rồi***" trong bài "***Bài thơ về tiểu đội xe không kính***".
- Làm đúng bài tập chính tả phân biệt dấu hỏi/ ngó, âm đầu.

II, Đồ dùng dạy học: Bảng phụ chép sẵn bài tập 3a.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	***Hoạt động của trò***
A. Kiểm tra bài cũ: ***B. Dạy học bài mới:*** ***1. Giới thiệu bài*** ***2. Hướng dẫn nhớ-viết chính tả*** ***a) Tìm hiểu nội dung đoạn văn*** + Yêu cầu học sinh đọc 3 khổ thơ cuối trong bài "Bài thơ về tiểu đội xe không kính". *+ Hình ảnh nào trong đoạn thơ nói lên tinh thần dũng cảm và lòng hăng hái của các chiến sĩ lái xe?* *+ Tình đồng chí, đồng đội của các chiến sĩ được thể hiện qua những câu thơ nào?* ***b) HD hs viết từ khó*** + Trong 2 khổ thơ có những từ ngữ nào dễ lẫn khi viết? + Yêu cầu HS luyện viết từ khó. ***c) Viết chính tả*** + Đọc bài chính tả cho hs viết. + Đọc soát bài	+ 3 HS đọc. *+ Không có kính, ừ thì ướt áo. Mưa tuôn mưa xối như ngoài trời, chưa chần thay, lái trăm cây số nữa.* + Câu thơ: *Gặp bạn bè suốt dọc đường đi tới. Bắt tay nhau qua cửa kính vỡ rồi.* + Xoa mắt đắng, sa, ùa vào, ướt áo, tiểu đội… + HS luyện viết trên bảng. + HS viết bài. + HS soát bài.

+ Chấm bài của 1 số em, nhận xét. ***3. Luyện tập*** ***Bài tập 2a:*** Đáp án: Ví dụ *a) Sai, sài, sàn, sản, sảng, sánh, sau, sẩm, sấm…* *b) Xác, xé, xem, xế, xếch, xỉn, xìu, xíu…* ***Bài tập 3a:*** Chọn các tiếng thích hợp trong ngoặc đơn để hoàn chỉnh câu văn: + Học sinh nêu yêu cầu và làm bài. ***4. Củng cố - dặn dò:*** Nhận xét giờ học. Chuẩn bị bài sau.	 + 2 HS nêu yêu cầu. + HS thảo luận nhóm, tìm từ theo yêu cầu bài tập. Viết vào phiếu bài tập. + Các nhóm báo cáo. + Các nhóm khác nhận xét. + 2 HS đọc nội dung và đoạn văn. + 1 HS lên chữa bài, lớp nhận xét. + Đáp án: Sa mạc, xen kẽ.

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Khoa học:

NHIỆT CẦN CHO SỰ SỐNG

I, Mục tiêu: Giúp học sinh

- Nêu được ví dụ chứng tỏ mỗi loài sinh vật có nhu cầu về nhiệt khác nhau.
- Nêu được vai trò của nhiệt đối với sự sống trên trái đất.
- Biết 1 số cách phòng chống nóng, chống rét cho người, động vật, thực vật.

II, Đồ dùng dạy học:

- Tranh minh họa trang 108 - 109 phóng to (nếu có điều kiện).
- Phiếu có sẵn câu hỏi và đáp án cho BGK, phiếu câu hỏi cho các nhóm HS.
- 4 tấm thẻ có ghi A, B, C, D.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	*Hoạt động của trò*
A: Kiểm tra bài cũ: ***B. Dạy học bài mới;*** **** Giới thiệu bài*** ***HĐ1: Trò chơi: Cuộc thi "Hành trình văn hóa"*** + Yêu cầu lớp chia làm 4 nhóm, mỗi nhóm cử 1 HS làm BGK: BGK có nhiệm vụ đánh dấu câu trả lời đúng của từng nhóm và ghi điểm. + Các câu hỏi như Sách giáo viên. → Kết luận: Như mục bạn cần biết trang	 + 1 HS lần lượt đọc từng câu hỏi, mỗi đội trả lời bằng cách đưa ra đáp án: A, B, C, D và giải thích ngắn gọn: Đúng cộng 5 điểm; Sai trừ 1 điểm. + 1 HS đọc câu hỏi.

108. ***HĐ2: Tìm hiểu vai trò của nhiệt đối với sự sống trên trái đất*** + Yêu cầu HS thảo luận cặp đôi. *+ Điều gì sẽ xảy ra nếu trái đất không được mặt trời sưởi ấm?* + Tìm hiểu cách chống nóng, chống rét cho người, động vật, thực vật. Yêu cầu HS các nhóm thảo luận. + Cây: *Chống nóng bằng cách tưới nước vào buổi sáng sớm và chiều tối, che giàn. Chống rét bằng cách ủ ấm cho gốc cây bằng rơm, rạ, mùn, che gió.* + Vật nuôi: *Chống nóng bằng cách cho uống nhiều nước, chuồng trại thoáng mát, vệ sinh chuồng trại.* *Chống rét bằng cách cho ăn nhiều thức ăn bột đường, chuồng trại kín gió, bật bóng đèn điện.* ***4. Củng cố - dặn dò:*** Nhận xét giờ học. Chuẩn bị bài sau.	*+ Gió sẽ ngừng thổi; Trái đất sẽ trở nên lạnh giá; Nước trên trái đất sẽ ngừng chảy và đóng băng; Không có mưa; Không có sự sống trên trái đất; Không có sự bốc hơi nước, chuyển thể của nước; Không có vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên.* - Các nhóm thảo luận và nêu. Nhóm khác nhận xét. + Người: *Chống nóng bằng cách bật quạt điện, máy điều hòa, ở nơi thoáng mát, sạch sẽ, ăn nhiều thức ăn mát, bổ, uống nhiều nước hoa quả, mặc quần áo mỏng.* *Chống rét bằng cách mặc ấm...* + 2 HS đọc to mục bạn cần biết (SGK trang 109).

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Kĩ thuật

LẮP CÁI ĐU(T1)

(Chị Thuỷ dạy)

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Thứ 6 ngày 19 tháng 3 năm 2010

Thể dục

BÀI 55

Anh Cường dạy

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Tập làm văn:

TRẢ BÀI VĂN MIÊU TẢ CÂY CỐI

I, Mục tiêu: Giúp học sinh

- Hiểu được nhận xét chung của giáo viên về kết quả bài viết của các bạn để liên hệ với bài làm của mình.
- Biết sửa lỗi dùng từ, ngữ pháp, diễn đạt, chính tả, bố cục bài của mình và của bạn.
- Có tinh thần học hỏi những câu văn, đoạn văn hay của bạn.

II, Đồ dùng dạy học:

- Bảng phụ ghi sẵn 1 số lỗi về chính tả, cách dùng từ, cách diễn đạt, ngữ pháp... cần chữa chung cả lớp.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	***Hoạt động của trò***
1. Nhận xét chung về ưu, khuyết điểm bài làm của HS: ** Nhận xét về ưu điểm:* + HS hiểu đề, viết đúng yêu cầu của đề bài. + Đa số các em xác định đúng yêu cầu của đề bài, làm bài đủ 3 phần. + Các sử dụng câu, từ diễn đạt tương đối tốt. + Một số bài làm tương đối tốt, lời văn trong sáng. ** Nhược điểm:*Vẫn còn 1 số em câu văn còn lủng củng, trình bày chưa rõ 3 phần. + Treo bảng phụ ghi các lỗi và nêu cho HS thấy. ***2. Hướng dẫn chữa bài:*** + Yêu cầu HS tự chữa bài của mình theo nhóm đôi. + Theo dõi, giúp đỡ HS chữa bài. ***3. Học tập những đoạn văn hay:*** + Một số HS đọc đoạn văn hay của HS, của văn mẫu. ***4. Hướng dẫn viết lại đoạn văn:*** + Yêu cầu HS viết lại đoạn văn khi: - Đoạn văn có nhiều lỗi chính tả. - Đoạn văn lủng củng, diễn đạt chưa rõ ý. - Đoạn văn dùng từ chưa hay. - Đoạn văn viết đơn giản, câu cụt.	- HS lắng nghe + Tự chữa bài của mình. + Lắng nghe, nêu cách dùng từ, cách diễn đạt, ý hay. + 1 - 2 HS đọc cả bài văn hay + HS viết lại đoạn văn có nhiều lỗi nhất.

Toán:

LUYỆN TẬP

I, Mục tiêu: Giúp học sinh

- Vận dụng công thức tính diện tích hình thoi để giải các bài toán có liên quan.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	***Hoạt động của trò***
HĐ1: Kiểm tra bài cũ:	
HĐ2: Hướng dẫn luyện tập	
+ Khi tính diện tích hình thoi thì số đo của 2 đường chéo phải như thế nào? (Lưu ý bài tập 1 đổi về cùng đơn vị).	+ HS lần lượt nêu yêu cầu của bài tập
+ Khi biết diện tích của hình thoi, muốn tìm độ dài của đường chéo ta làm thế nào?	+ Hai đường chéo phải cùng 1 đơn vị đo. + Đường chéo = diệt tích x 2 : đường chéo đã biết.
+ Ở bài tập 3 làm thế nào để tính được chu vi hình chữ nhật?	+ Cần tìm số đo chiều rộng = diện tích : chiều dài → Chu vi.
+ Theo dõi, giúp đỡ HS làm bài.	+ HS làm bài tập ở vở bài tập.
+ Chấm bài của 1 số em, nhận xét.	
HĐ3: Hướng dẫn chữa bài	
Bài 1: Viết số thích hợp vào chỗ chấm.	+ 1 HS lên chữa bài, nêu cách làm của 1 số cột.
- GV n/x củng cố cách làm , lưu ý cách đổi về cùng đơn vị đo	+ HS nhắc lại quy tắc và công thức tính diện tích hình thoi.
Bài 2, 3, 4: Củng cố về giải toán	+ 2 HS lên bảng làm, lớp nhận xét. Bài 2) *Độ dài đường chéo thứ 2 là:* *360 x 2 : 24 = 30 (cm).* Bài 3) *Diện tích hình chữ nhật là:* *36 x 2 = 72 (cm^2)* *Chiều rộng của hình chữ nhật là:* *72 : 12 = 6 (cm).* *Chu vi của hình chữ nhật là:* *(12 + 6) x 2 = 36 (cm).* Bài 4) *Chiều dài hình chữ nhật là:* *3 + 3 = 6 (m)* *Diện tích của hình chữ nhật là:* *2 x 6 = 12 (cm^2)*
+ Vẽ sẵn trên bảng hình vẽ bài 3, 4.	

- GV n/x củng cố cách làm ***4. Củng cố - dặn dò:*** Nhận xét giờ học. Chuẩn bị bài sau.	*Đáp số: 12 m^2* +HS nêu cách tính chu vi và diện tích hình chữ nhật

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Mĩ thuật

VẼ CÂY

I, Mục tiêu:

- HS biết được hình dáng , màu sắc của 1 số loại cây quen thuộc .
- HS biết cách vẽ và vẽ được 1 vài cây
- HS yêu mến và có ý thức chăm sóc bảo về cây xanh

II, Đồ dùng dạy học:

- Sưu tầm ảnh 1 số loại cây có hình đơn giản và đẹp. Hình gợi ý cách vẽ. Một số tranh tĩnh vật của các hoạ sĩ, tranh vẽ của HS năm trước. SGK, Mẫu vẽ, *Vở Tập vẽ 4.* Bút chì, tẩy, màu vẽ.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của Thầy	***Hoạt động của Trò***
**** GTB :*** ****HĐ1 : Quan sát, nhận xét :*** -Cho HS quan sát các hình ảnh về cây. - Y/c HS nêu tên các loại cây - Nêu các bộ phận chính của cây ? - Màu sắc của cây ntn? - Cho HS so sánh 1 số loài cây: khoai, ráy, cau, dừa . - Cho HS so sánh hình dáng cây chuối với dáng cây bàng, cây phượng. - Màu sắc của cây thường thay đổi ntn? ***HĐ2 : Cách vẽ cây*** - Gv giới thiệu hình gợi ý cách vẽ HD HS vẽ cây Gv gợi ý: Có thể vẽ 1 hoặc nhiều cây để thành vườn . ***HĐ3 : Thực hành:*** GV bao quát giúp đỡ	-HS quan sát hình vẽ - HS nêu - Gồm thân cành lá - Lá màu xanh, thân màu xanh (nâu) -HS nêu điểm khác nhau : + Khoai, ráy: có lá hình tim cuống lá dài mọc từ gốc toả ra xung quanh. + Cau, dừa: có thân hình trụ thẳng không có cành, có lá hình răng lược. - Thay đổi theo thời gian + Xanh non (mùa xuân) + Xanh đậm (mùa hè) + Vàng , nâu , đỏ (thu , đông) - HS chú ý theo dõi , nắm được: +Hình dáng chung của cây .

HS ***HĐ4 : Nhận xét đánh giá :*** - GV cùng HS chọn các bài vẽ đã hoàn thành và n/x về: + Bố cục, hình dáng, các h/ả phụ màu sắc - HS n/x và xếp loại * ***Dặn dò*** : VN quan sát hình dáng màu sắc của cây , q/sát lọ hoa có trang trí	+ Phác các nét sống lá + Vẽ chi tiết thân, lá, cành . Vẽ thêm quả (nếu có) - Vẽ màu theo ý thích - HS thực hành vẽ vào vở thực hành

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

SINH HOẠT CUỐI TUẦN 27

I. Mục tiêu:

- HS nắm được những ưu điểm, khuyết điểm của mình trong tuần để có hướng sửa chữa.

II. Nội dung:

1. GV nhận xét chung về ưu điểm, nhược điểm của lớp:

a. Ưu điểm:

- Đi học đều, đúng giờ, khăn quàng, giày dép đầy đủ, cú ý thức học tập có tiến bộ hơn.
- Một số em có ý thức học tốt hơn như: .....
- Một số em viết chữ tương đối đẹp: .....

b. Nhược điểm:

- Một số em ý thức học tập chưa tốt như: .....
- Một số em viết chữ rất xấu như: .....
- Một số chưa có ý thức giữ gìn sách vở : .....

2. Phương hướng:

- Tiếp tục phát huy những ưu điểm đã có.
- Chấm dứt tình trạng nói chuyện riêng trong giờ.
- Tuyên dương 1 số HS ý thức học tốt. Nhắc nhở 1 số HS có nhiều khuyết điểm

TUẦN 28

Thứ 2 / 22 / 3 / 2010 -> Thứ 4 / 31 / 3 / 2010 học chính trị

Thứ 5 ngày 1 tháng 4 năm 2010

Luyện từ và câu:

Giữ phép lịch sự khi bày tỏ yêu cầu, đề nghị

***I, Mục đích*:** Giúp học sinh

- Hiểu thế nào là lời nhờ cậy, yêu cầu, đề nghị lịch sự.
- Biết dùng từ ngữ với các tình huống khác nhau để đảm bảo tính lịch sự của lời yêu cầu, đề nghị.
- Hiểu tại sao phải giữ phép lịch sự khi bày tỏ yêu cầu, đề nghị.

II, Đồ dùng dạy học: - Bảng phụ ghi bài tập3. Giấy khổ to + bút dạ.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	***Hoạt động của trò***
A. Kiểm tra bài cũ:	
B. Dạy học bài mới	
1. Giới thiệu bài	
2. Tìm hiểu ví dụ:	
Bài 1, 2:	+ 2 HS nêu yêu cầu của bài tập.
+ Yêu cầu HS dùng bút chì gạch chân dưới các câu dùng để yêu cầu, đề nghị	+ Dùng bút chì gạch chân các câu dùng để yêu cầu, đề nghị.
+ Theo dõi, giúp đỡ HS làm bài.	+ Một số HS nêu, lớp nhận xét.
	- Bơm cho cái bánh trước. Nhanh lên nhé, trễ giờ học rồi.
	- Vậy, cho mượn cái bơm, tôi bơm lấy vậy.
Bài 3:	*- Bác ơi, cho cháu mượn cái bơm nhé.*
+ Em có nhận xét gì về cách nêu yêu cầu, đề nghị của 2 bạn Hùng và Hoa?	*- Nào để bác bơm cho.*
→ *Hùng và Hoa đều có yêu cầu như*	+ Bạn Hùng nói trống không, yêu cầu

nhau là muốn mượn bơm, muốn nhờ bác Hai bơm xe cho mình, nhưng cách nói của 2 bạn khác hẳn nhau. Hùng nói cộc lốc, trống không, thể hiện thái độ thiếu tôn trọng với người lớn khiến bác Hai phật ý, không cho mượn bơm và cũng không bơm hộ. Hoa lễ phép chào hỏi, thể hiện sự kính trọng với người lớn, lời nói nhẹ nhàng khiến bác Hai hài lòng và tự nguyện bơm xe cho 2 bạn.	bất lịch sự với bác Hai. Bạn Hoa yêu cầu lịch sự với bác Hai.
Bài 4: + Theo em, như thế nào là lịch sự khi yêu cầu, đề nghị? + Tại sao cần phải lịch sự khi yêu cầu, đề nghị? → Ghi nhớ (SGK).	*+ Lịch sự khi yêu cầu, đề nghị là lời yêu cầu phù hợp với quan hệ giữa người nói và người nghe có cách xưng hô phù hợp.* + Để người nghe hài lòng, vui vẻ, sẵn sàng làm cho mình. + 2 HS nhắc lại. Một số HS đặt câu.
3. Luyện tập ***Bài 1, 2:*** Gợi ý: Các em hãy đọc đúng ngữ điệu của câu khiến sẽ biết mình chọn cách nói nào.	+ HS nêu yêu cầu và bài tập. + Thảo luận nhóm đôi. + Tiếp nối nhau phát biểu ý kiến. + Lớp nhận xét, bổ sung.
<u>Bài 3:</u> + Theo dõi, giúp đỡ các nhóm thảo luận. + Tiểu kết câu trả lời đúng. *a) Lan ơi, cho tớ về với! → Lời nói lịch sự vì có các từ xưng hô: Lan, tớ, với, ơi thể hiện quan hệ thân mật.* *- Cho đi nhờ một cái! → Câu bất lịch sự vì nói trống không, thiếu từ xưng hô.* *b) Chiều nay chị đón em nhé! → Câu lịch sự vì có lời xưng hô "chị"- "em", có từ "nhé" thể hiện sự thân mật.* *- Chiều nay, chị phải đón em đấy! → Câu khô khan, mệnh lệnh, chưa lịch sự.*	Ví dụ: b*) Lan ơi, cho tớ mượn cái bút!* c) *Lan ơi, cậu có thể cho tớ mượn cái bút được không?* + 2 HS nêu yêu cầu của bài tập trước lớp. + Thảo luận theo bàn. + Đại diện các nhóm nêu, nhóm khác nhận xét.
<u>Bài 4:</u> Y/C HS đọc đề bài rồi tự làm	+ HS nêu yêu cầu. Tự làm bài. + HS nối tiếp nêu, HS khác nhận xét.

- GV n/x chốt KQ đúng ***C. Củng cố, dặn dò:*** - Nhận xét giờ học. Dặn HS chuẩn bị bài sau	

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Toán:

Luyện tập

***I, Mục đích*:** Giúp học sinh

- Rèn kĩ năng giải bài toán "Tìm 2 số khi biết hiệu và tỉ số của 2 số đó".

III ***Các hoạt động dạy học chủ yếu :***

Hoạt động của thầy	***Hoạt động của trò***
HĐ1 : Kiểm tra bài cũ ***HĐ2: Hướng dẫn luyện tập*** + Giao bài tập 1, 2, 3 trang 71, 72. + Theo dõi, giúp đỡ HS làm bài tập. + Chấm bài của 1 số em, nhận xét. ***HĐ3: Hướng dẫn chữa bài*** ***Bài 1:*** Viết số hoặc tỉ số vào chỗ chấm: - Cho HS đổi chéo vở cho nhau kiểm tra kết quả ***Bài 2:*** Củng cố về giải toán + Bài toán thuộc dạng toán nào đã học? Ta có sơ đồ: 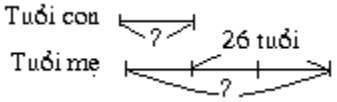 <u>Bài 3:</u> Dựa vào sơ đồ, giải bài toán: 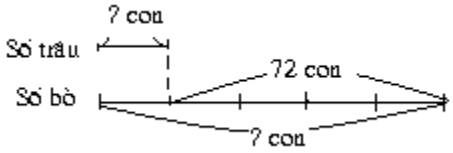 	+ HS nối tiếp nhau nêu yêu cầu của bài tập. + Tự giải các bài tập. + Một số HS ở dưới lớp nêu. + Lớp nhận xét, bổ sung. + 1 HS lên chữa bài. + Lớp nhận xét, bổ sung. <u>Bài giải</u> Hiệu số phải bằng nhau là: 3 - 1 = 2 (phần) Tuổi con là: 26 : 2 x 1 = 13 (tuổi) Tuổi mẹ là: 13 + 26 = 39 (tuổi) Đáp số: Con: 13 tuổi Mẹ: 39 tuổi + HS nhìn sơ đồ đọc đề bài toán. + 1 HS lên chữa bài, lớp nhận xét. <u>Bài giải</u>

C. Củng cố, dặn dò: - Nhận xét giờ học. Dặn HS chuẩn bị bài sau	Hiệu số phần bằng nhau là: 5 - 1 = 4 (phần) Số trâu là: 72 : 4 x 1 = 18 (con) Số bò là: 18 + 72 = 90 (con) Đáp số: Số trâu: 18 con Số bò: 90 con

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Chính tả:

Ai nghĩ ra các chữ số 1, 2, 3, 4....

***I, Mục đích*:** Giúp học sinh

- Nghe - viết chính xác, đẹp bài "***Ai đã nghĩ ra các chữ số 1, 2, 3, 4***.."
- Làm đúng bài tập phân biệt chính tả ch/tr.

II, Đồ dùng dạy học: Bài tập 2a viết lên bảng phụ. Bài tập 3 viết vào 4 tờ A_3.

III ***Các hoạt động dạy học chủ yếu :***

Hoạt động của thầy	***Hoạt động của trò***
A. Kiểm tra bài cũ: ***B. Dạy học bài mới:*** ***1. Giới thiệu bài*** ***2. Hướng dẫn nghe - viết*** + Đọc bài chính tả. + Đầu tiên người ta cho rằng ai đã nghĩ ra các chữ số? + Vậy ai đã nghĩ ra các chữ số? + Bài chính tả có những từ ngữ nào dễ lẫn khi viết? + Đọc từ khó, yêu cầu HS luyện viết. + Đọc bài chính tả. + Chấm bài 1 số em, nhận xét. ***3. Hướng dẫn luyện tập*** ***Bài tập 2a:*** Tìm các tiếng có nghĩa. ***Gợi ý:*** ghép âm đầu với vần sau đó thêm dấu thanh các em sẽ được những tiếng nghĩa: *Ch: + Chai, chài, chái, chải, chãi...*	 + 1 HS đọc bài. + Đầu tiên người ta cho rằng người ả Rập đã nghĩ ra các chữ số. + Người nghĩ ra các chữ số là một nhà thiên văn học người ấn Độ. + ả-rập, Bát-đa, ấn Độ, dâng tặng, truyền bá rộng rãi. +Luyện viết từ khó. + Viết bài chính tả. + Đổi vở cho nhau để soát bài. + 1 HS nêu yêu cầu của bài tập. + 1 HS lên làm trên bảng lớp, cả lớp làm vào vở. Lớp nhận xét, bổ sung. *Tr: + trai, trái, trải, trại.* *+ Tràm, trám, trảm, trạm.*

+ *Chàm, chạm.* + *Chan, chán, chạn.* + *Châu, chầu, chấu, chẫu, chậu.* + *Chăng, chằng, chẳng, chặng.* + *Chân, chần, chẩn.* + Hãy đặt câu với 1 trong các từ đó? Bài 3: + Yêu cầu HS thảo luận nhóm. ***C. Củng cố, dặn dò:*** - Nhận xét giờ học. Dặn HS chuẩn bị bài sau	+ *Tràn, trán.* + *Trâu, trầu, trấu.* + *Trăng, trắng.* + *trân, trần, trận.* + HS nối tiếp nhau nêu. + HS nêu yêu cầu và nội dung của bài + Thảo luận và dán phiếu lên bảng. + Các nhóm nhận xét, bổ sung. Các tiếng cần điền theo thứ tự là: nghếch, châu, kết, nghệt, trầm, trí.

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Khoa học:

Nhu cầu nước của thực vật

***I, Mục đích*:** Giúp học sinh

- Hiểu mỗi loài thực vật có nhu cầu về nước khác nhau.
- Kể được 1 số loại cây thuộc họ ưa ẩm, ưa nước, sống nơi khô hạn.
- ứng dụng nhu cầu về nước của thực vật trong trồng trọt.

II, Đồ dùng dạy học:

- Phóng to hình minh họa trang 116 - 117 (nếu có điều kiện).
- Sưu tầm tranh ảnh, cây thật về những cây sống nơi khô hạn, nơi ẩm ướt dưới nước.

III ***Các hoạt động dạy học chủ yếu :***

Hoạt động của thầy	***Hoạt động của trò***
A. Kiểm tra bài cũ: ***B. Dạy học bài mới;*** **** Giới thiệu bài*** ***HĐ1: Tìm hiểu nhu cầu về nước của mỗi loài thực vật*** + Kiểm tra việc chuẩn bị tranh ảnh, cây thật của HS. + Chia nhóm: Yêu cầu các nhóm phân loại tranh (ảnh), cây thật thành 4 nhóm: Cây sống ở nơi khô hạn, cây sống dưới	 - HS chuẩn bị cây để trước bàn - Từng nhúm trỡnh bày + Nhóm cây sống dưới nước: *Bèo, rong, rêu, khoai nước, đước, chàm, vẹt, sú…* + Nhóm cây sống nơi khô hạn: *Xương*

nước, cây sống cả trên cạn, cả dưới nước. + Em có nhận xét gì về nhu cầu nước của các loài cây? + Yêu cầu HS quan sát tranh vẽ trang 116 (SGK). → Kết luận: *Để tồn tại và phát triển mỗi loài thực vật cần có nước. Nhu cầu về nước của các loài thực vật khác nhau.* ***HĐ2: Tìm hiểu nhu cầu về nước ở từng giai đoạn phát triển của mỗi loài cây và ứng dụng trong trồng trọt*** + Yêu cầu HS quan sát tranh vẽ trang 117 và trả lời các câu hỏi theo nhóm đôi: *1) Mô tả những gì em vừa nhìn thấy trong hình vẽ?* *2) Vào giai đoạn nào thì cây lúa cần nhiều nước?* *3) Tại sao ở giai đoạn mới cấy và làm đòng, cây lúa lại cần nhiều nước?* *4) Em còn biết những loại cây nào mà ở giai đoạn phát triển khác nhau sẽ cần những lượng nước khác nhau?*	*rồng, phi lao, thầu dầu, dứa, hành, tỏi, thông…* + Nhóm cây sống nơi ẩm ướt: *Khoai môn, rau rệu, rau má, ráy, lá lốt, rêu...* + Nhóm cây vừa sống dưới nước vừa sống trên cạn: *dừa, rau muống, cỏ…* *+ Các loài cây khác nhau thì có nhu cầu về nước khác nhau. Có cây chịu được khô hạn, có cây ưa ẩm, có cây sống ở dưới nước, có cây lại vừa sống dưới nước vừa sống nơi khô.* + HS thảo luận nhóm đôi. - Hình 2: *Ruộng lúa vừa mới cấy, trên thửa ruộng, bà con nông dân đang làm cỏ lúa. Bề mặt ruộng lúa chứa nhiều nước.* - Hình 3: *Lúa đã chín vàng, bà con nông dân đang gặt lúa. Bề mặt ruộng lúa khô.* *+ Từ lúc mới cấy → lúa bắt đầu nốn câu, vào hạt.* *+ Giai đoạn mới cấy cần nhiều nước để sống và phát triển, giai đoạn làm đòng lúa cần nhiều nước để tạo hạt.* *+ Cây ngô: lúc ngô nảy mầm → ra hoa cần có đủ nước nhưng lúc bắt đầu vào hạt thì không cần nước. Các loại cây ăn quả lúc còn quả nhỏ cần tưới nhiều nước để quả sinh trưởng và phát triển.*

+ Khi thời tiết thay đổi, nhu cầu về nước của cây thay đổi như thế nào? *+ Biết được nhu cầu về nước của các loài thực vật để làm gì?* ***C. Củng cố, dặn dò:*** - Nhận xét giờ học. Dặn HS chuẩn bị bài sau	*Đến khi quả chín cây cần ít nước hơn.* *+ Khi thời tiết thay đổi, nhất là khi trời nắng, nhiệt độ ngoài trời tăng cao cũng cần tưới nước nhiều cho cây.* + HS nêu.

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Kĩ thuật

LẮP XE NẽI (T1)

(Chị Thuỷ dạy)

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Thứ 6 ngày 19 tháng 3 năm 2010

Thể dục

BÀI 55

Anh Cường dạy

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Toán:

Luyện tập chung

***I, Mục đích*: Giúp học sinh**

- Củng cố về khái niệm tỉ số.
- Củng cố cách giải bài toán "Tìm 2 số khi biết tổng và tỉ số", "tìm 2 số khi biết hiệu và tỉ số".

III ***Các hoạt động dạy học chủ yếu :***

Hoạt động của thầy	***Hoạt động của trò***
HĐ1. Kiểm tra bài cũ: ***HĐ2: Hướng dẫn luyện tập*** + Giao bài tập (VBT). + Bài 1 thuộc dạng toán nào đã học. Nêu cách giải bài toán? + Bài toán 2 thuộc dạng toán nào đã học? Nêu các bước giải bài toán? + Theo dõi, giúp đỡ HS làm bài. + Chấm bài của 1 số em, nhận xét. ***HĐ3: Hướng dẫn chữa bài***	 + HS nối tiếp nhau nêu yêu cầu của bài tập. + Bài 1 thuộc dạng toán "Tìm 2 số khi biết tổng và tỉ số của 2 số". + 1 HS nêu các bước giải. + HS nêu: "Hiệu... tỉ". + Nhắc lại các bước giải. + HS tự làm bài.

Bài 1: Củngcố về giải toán - Cho HS đổi chéo vở kiểm tra kết quả ***Bài 2:*** Giải toán ***Bài 3:*** Viết tỉ số vào ô trống. + Lưu ý cho HS có thể rút gọn → Tỉ số. ***C. Củng cố, dặn dò:*** - Nhận xét giờ học. Dặn HS chuẩn bị bài sau	+ 2 HS lên chữa bài. + HS nhận xét, bổ sung. Đáp số: a) Số bé: 60 b) Số bé: 60 Số lớn: 90 Số lớn: 90 + 2 HS lên chữa bài. + Lớp nhận xét, bổ sung. Đáp án: a) Số bé: 10 b) Số bé: 10 Số lớn: 30 Số lớn: 30 + HS dưới lớp nêu. + Lớp nhận xét.

Tập làm văn:

Cấu tạo một bài văn miêu tả con vật

I, Mục đích: Giúp học sinh

- Hiểu được cấu tạo của bài văn miêu tả con vật gồm 3 phần: MB - TB – KB.
- Lập dàn ý một bài văn miêu tả con vật.

II, Đồ dùng dạy học:

- Chuẩn bị 1 con vật (tranh) mà mình thích. Giấy khổ to + bút dạ.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	***Hoạt động của trò***
A. Kiểm tra bài cũ: ***B. Dạy học bài mới*** ***1. Giới thiệu bài:*** ***2. Hướng dẫn nhận xét*** + Yêu cầu 2 HS tiếp nối nhau đọc bài "Con mèo hung". + Bài văn có mấy đoạn? + Nội dung chính của mỗi đoạn là gì? + Như vậy bài văn tả con vật có mấy	- HS đọc + Bài văn có 4 đoạn. - *Đ1: "Meo meo... đấy": Giới thiệu con mèo định tả.* - *Đ2: "Chà... đáng yêu": tả hình dáng con mèo.* - *Đ3: "Có một... một tí": Tả hoạt động*

phần? Nội dung của mỗi phần là gì? → Ghi nhớ (SGK). ***3. Hướng dẫn luyện tập*** + Lập dàn ý chi tiết tả 1 con vật nuôi trong nhà (gà, chim, chó, lợn, trâu, bò). + Em sẽ lập dàn ý cho con vật nào? + Theo dõi, giúp đỡ HS làm bài. + Nhận xét chung. ***C. Củng cố, dặn dò:*** - Nhận xét giờ học. Dặn HS chuẩn bị bài sau	*thói quen của mèo.* *- Đ4: Câu cuối: Cảm nghĩ về con mèo* + HS nêu. + 2 HS nhắc lại. + 2 HS nêu yêu cầu. + HS nêu (nối tiếp). + Tự làm bài tập. + Một số HS nêu, lớp nhận xét, bổ sung.

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Mỹ thuật

Vẽ tranh : Đề tài an toàn giao thông

***I, Mục đích*:** Giúp HS:

Hiểu được đề tài và tìm chọn được hình ảnh phù hợp với ND .

-Biết cách vẽ và vẽ được tranh về đề tài an toàn giao thông theo cảm nhận riêng.

- Có ý thức chấp hành những quy định về an toàn giao thông.

II, Đồ dùng dạy học:

- Sưu tầm h/ả về giao thông đường bộ, đường thuỷ ... Hình gợi ý cách vẽ, Tranh của các lớp trước, Vở thực hành, giấy chì...

III ***Các hoạt động dạy học chủ yếu :***

Hoạt động của thầy	***Hoạt động cuả trò***
HĐ1 : Tìm chọn nội dung đề tài : - GT 1 số tranh ảnh về đề tài ATGT và gợi ý : + Tranh vẽ đề tài gì ? + Trong tranh có các h/ả nào? - Tranh vẽ về đề tài GT có các h/ả : + Giao thông đường bộ: Xe ô tô, xe máy, xe đạp .... + GT đường thuỷ: tàu, thuyền, ca nô .... - Đi trên đường bộ hay đường thuỷ cần phải chấp hành những quy định về ATGT : + Thuyền xe không được chở quá tải, đi	-Tranh vẽ đề tài ATGT -Con người và xe cộ tham gia giao thông.

dúng phần đường quy định .... - Không chấp hành đúng luật ATGT gây ra hậu quả gì ? - Khi tham gia giao thông mọi người cần chú ý những gì ? ***HĐ2 : Cách vẽ tranh:*** - GV gợi ý HS chon ND đề tài : *Vẽ cảnh giao thông trên đừng phố cần có những hình ảnh: đường phố, cây nhà, xe đi dưới lòng đường ...* - GV gợi ý HS vẽ cảnh vi phạm ATGT: Cảnh đi lại lộn xộn trên đường, gây ùn tắc.. - GV gợi ý HS cách vẽ: Vẽ h/ả chính trước, phụ sau, vẽ màu theo ý thích. ***HĐ3 : Thực hành:*** - Y/C HS vẽ vào vở thực hành - Gợi ý để HS tìm, sắp xếp các h/ả và vẽ màu cho rõ ND - GV bao quát giúp đỡ HS **HĐ4 : Nhận xét dánh giá :** - GV gợi ý HS nhận xét và xếp loại 1 số bài vẽ về : Nội dung, hình ảnh, màu sắc. - HS xếp loại bài vẽ - GV tổng kết và khen ngợi những em có bài vẽ đẹp ***Dặn dò***: Thực hiện theo đúng luật GT khi tham gia GT.	-Sẽ làm cho GT ùn tắc hoặc gây tai nạn nguy hiểm có thẻ làm chết người - Đều phải chấp hành tốt luật ATGT - HS thực hành - Tìm ND và vẽ theo ý thích - Sắp xếp các h/ả và vẽ màu.

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

SINH HOẠT CUỐI TUẦN 29

I. Mục tiêu:

- HS nắm được những ưu điểm, khuyết điểm của mình trong tuần để có hướng sửa chữa.

II. Nội dung:

1. GV nhận xét chung về ưu điểm, nhược điểm của lớp:

a. Ưu điểm:

- Đi học đều, đúng giờ, khăn quàng, giày dép đầy đủ, cú ý thức học tập có tiến bộ hơn.

- Một số em có ý thức học tốt hơn như: .....
- Một số em viết chữ tương đối đẹp: .....

b. Nhược điểm:

- Một số em ý thức học tập chưa tốt như: .....
- Một số em viết chữ rất xấu như: .....
- Một số chưa có ý thức giữ gìn sách vở : .....

2. Phương hướng:

- Tiếp tục phát huy những ưu điểm đã có.
- Chấm dứt tình trạng nói chuyện riêng trong giờ.
- Tuyên dương 1 số HS ý thức học tốt. Nhắc nhở 1 số HS có nhiều khuyết điểm

---

Tuần 30

Thứ ....ngày...tháng ... năm 2....

Tập đọc:

Hơn một nghìn ngày vòng quanh trái đất

I, Mục đích yêu cầu : Giúp học sinh

1. Đọc thành tiếng:

- Đọc đúng các tiếng, từ: Xê-vi-la, Ma-gien-lăng, Ma-tan, sống sót.
- Đọc trôi chảy toàn bài, ngắt nghỉ hơi đúng sau các dấu câu, giữa các cụm từ.
- Đọc diễn cảm toàn bài với giọng rõ ràng, chậm rãi, cảm hứng ngợi ca.

2. Đọc - hiểu:

- Hiểu được nghĩa các từ: Ma-tan, sứ mạng…
- Hiểu được nội dung của bài tập đọc: Ca ngợi Ma-gien-lăng và đoàn thám hiểm đã dũng cảm vượt bao khó khăn, hy sinh mất mát để hoàn thành sứ mạng lịch sử, khẳng định trái đất hình cầu, phát hiện Thái Bình Dương và những vùng đất mới.

II, Đồ dùng dạy học:

- Ảnh chân dung Ma-gien-lăng.
- Bản đồ thế giới.
- Bảng phụ ghi sẵn đoạn văn cần luyện đọc.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	*Hoạt động của trò*
A. Kiểm tra bài cũ ***B. Dạy học bài mới:*** ***1. Giới thiệu bài*** ***2. Hướng dẫn luyện đọc***	

+ Bài thơ tạm chia làm 6 đoạn, mỗi chỗ chấm xuống dòng là 1 đoạn. + Theo dõi, sửa lỗi phát âm cho HS. + Chú ý các từ: ***Xê-vi-la, Ma-gien-lăng, Ma-tan.*** + Nhận xét, tuyên dương. + Đọc mẫu bài tập đọc. ***3. Tìm hiểu bài*** + Yêu cầu 1 HS đọc toàn bài. Đoạn 1 : Cho 1 em đọc *+ Ma-gien-lăng thực hiện cuộc thám hiểm nhằm mục đích gì?* *+ Vì sao Ma-gien-lăng lại đặt tên cho đại dương mới tìm đến là Thái Bình Dương?* **** Đoạn 1 nói lên điều gì ?*** Đoạn 2 : Cho 1 em đọc *+ Đoàn thám hiểm đã gặp những khó khăn gì?* *+ Đoàn thám hiểm đã bị thiệt hại như thế nào?* **** ND đoạn 2 ý nói gì ?*** Đoạn 3 : Cho 1 em đọc *+ Hạm đội của Ma-gien-lăng đã đi theo hành trình nào?* *+ Dùng bản đồ thế giới chỉ hành trình của hạm đội.*	+ HS tiếp nối nhau đọc theo đoạn (3 lượt). + 1 HS đọc phần chú giải. + HS luyện đọc nhóm đôi. + 3 HS thi đọc trước lớp. - 1 HS đọc toàn bài. Cả lớp đọc thầm. - 1 HS đọc đoạn 1 *+ Cuộc thám hiểm của Ma-gien-lăng với mục đích khám phá con đường trên biển dẫn đến những vùng đất mới* *+ Vì ông thấy sóng biển ở đây lặng nên đặt tên cho là Thái Bình Dương.* ***ý1: Mục đích cuộc thám hiểm.*** - 1 HS đọc đoạn 2 *+ Hết thức ăn, hết nước ngọt, thủy thủ phải uống nước tiểu, ninh nhừ giày và thắt lưng da để ăn. Mỗi ngày có vài ba người chết, phải giao tranh với dân đảo Ma-tan và Ma-gien-lăng đã chết.* *+ Đoàn thám hiểm có 5 chiếc thuyền thì bị mất gần 4 chiếc thuyền lớn, gần 200 người bỏ mạng dọc đường. Chỉ huy Ma-gien-lăng bỏ mình khi giao chiến với dân đảo Ma-tan, chỉ còn 1 chiếc thuyền và 18 thủy thủ sống sót.* ***ý2: Phát hiện ra Thái Bình Dương*** - 1 HS đọc đoạn 3 *+ Đi từ Châu Âu → ĐTD → Châu Mỹ → TBD → Châu Á → Â ĐD → Châu Phi.* *+ 1 HS lên chỉ trên bản đồ.* ***ý3: Những khó khăn của đoàn thám***

**** Nêu ý chính đoạn 3 ?*** Đoạn 4 : Cho 1 em đọc *+ Đoàn thám hiểm của Ma-gien-lăng đã đạt những kết quả gì?* **** Nêu ý chính của đoạn cũn lại ?*** *+ Câu chuyện giúp em hiểu điều gì về các nhà thám hiểm?* **=> Bài tập đọc ca ngợi ai? Ca ngợi điều gì?** ***4. Luyện đọc diễn cảm*** + Yêu cầu HS nối tiếp nhau đọc các đoạn của bài tập đọc và nêu cách đọc hay bài tập đọc. + Trong 2 đoạn đó cần nhấn giọng ở những từ ngữ nào? + Nhận xét, ghi điểm. ***C, Củng cố - dặn dò:*** - Củng cố lại nội dung bài học. Dặn HS chuẩn bị bài sau.	***hiểm.*** - 1 HS đọc đoạn 4 *+ Đã khẳng định được: trái đất hình cầu, phát hiện ra vunàg biển Thái Bình Dương và nhiều vùng đất mới.* ***ý4: Kết quả của đoàn thám hiểm.*** *+ Các nhà thám hiểm rất dũng cảm, dám vượt qua mọi khó khăn để đạt được mục đích đề ra.* ***→ <u>Nội dung</u>: Ca ngợi Ma-gien-lăng và đoàn thám hiểm đã rất dũng cảm vượt qua bao khó khăn, hy sinh, mất mát để khẳng định được trái đất hình cầu, phát hiện ra Thái Bình Dương và những vùng đất mới.*** + 6 HS đọc và nêu. *+ Mênh mông, Thái Bình Dương, bát ngát, mãi chẳng thấy bờ, cạn, hết sạch, uống nước tiểu, ninh nhừ giày và thắt lưng da, vài ba người chết, ném xác, ổn định.* + HS luyện đọc nhóm đôi. + 2 HS thi đọc trước lớp.

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

<u>Toán:</u>

Luyện tập chung

I, Mục tiêu: Giúp học sinh củng cố về:

- Khái niệm ban đầu về phân số, các phép tính về phân số, tìm phân số của 1 số.
- Giải bài toán có liên quan đến giải bài toán: Tìm 2 số khi biết tổng (hoặc hiệu) và tỉ số của 2 số đó.

II, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	*Hoạt động của trò*
****HĐ1 : Kiểm tra bài cũ:*** ****HĐ2: Hướng dẫn luyện tập***	

+ Giao bài tập + Yêu cầu HS nêu cách cộng, trừ, nhân, chia phân số. + Theo dõi, giúp đỡ HS làm bài tập. + Chấm bài của 1 số em, nhận xét. ***HĐ3: Hướng dẫn chữa bài*** ***Bài 1:*** Tính + Củng cố thêm cho HS về tính cộng, trừ, nhân, chia phân số. ***Bài 2:*** Củng cố về giải toán + Yêu cầu HS nhắc lại công thức tính diện tích hình bình hành, cách tìm phân số của 1 số. ***Bài 3:*** Giải toán + Bài toán thuộc dạng toán nào đã học? Nhắc lại các bước giải bài toán? ***Bài 4:*** Viết phân số tối giản chỉ số phần đã tô đậm. - Cho HS đổi chéo vở cho nhau KT kết quả ***C. Củng cố - dặn dò:*** - Nhận xét giờ học. Làm bài tập ở SGK và chuẩn bị bài sau.	+ HS nối tiếp nêu yêu cầu. + 1 số HS nêu. + HS tự giải bài tập. + 3 HS lên chữa bài. + Dưới lớp 1 số HS nêu. + Lớp nhận xét, bổ sung. + 1 HS lên chữa bài. Lớp nhận xét, bổ sung. ***Giải*** *Chiều cao của hình bình hành là:* $20 \times \frac{2}{5} = 8\ (cm)$ *Diện tích hình bình hành là:* $20 \times 8 = 160\ (cm^2)$ *Đáp số: 160 cm^2* + 1 HS lên chữa bài. Lớp nhận xét, bổ sung. ***Giải*** *Hiệu số phần bằngnhau là :* *7- 2 = 5 (phần)* *Tuổi mẹ là :25 : 5 x 7= 35 (tuổi)* *Tuổi con là : 35 - 25 = 10 (tuổi)* *Đáp số: Tuổi con: 10 tuổi.* *Tuổi mẹ: 35 tuổi* + HS nêu tại chỗ. + Lớp nhận xét, bổ sung.

Địa lí:

Thành phố Đà Nẵng

I, Mục tiêu: Giúp học sinh

- Xác định được vị trí của thành phố Đà Nẵng trên bản đồ.
- Trình bày được các đặc điểm cơ bản của thành phố Đà Nẵng.

II, Đồ dùng dạy học:

- Tranh phóng to (SGK). Lược đồ thành phố Đà Nẵng, bản đồ Việt Nam hoặc lược đồ ĐB DHMT. Tranh ảnh về thành phố Đà Nẵng.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

<table>
<tr><th>Hoạt động của thầy</th><th>Hoạt động của trò</th></tr>
<tr><td>
A. Bài cũ:
B. Dạy học bài mới:
* Giới thiệu bài
HĐ1: Tìm hiểu vị trí của thành phố Đà Nẵng
+ YC HS quan sát lược đồ thành phố Đà Nẵng (SGK), xác định vị trí của thành phố Đà Nẵng trên lược đồ.
+ Treo lược đồ và bản đồ.
HĐ2: Tìm hiểu vì sao Đà Nẵng là thành phố cảng
+ YC HS thảo luận cặp đôi để trả lời các câu hỏi sau:
- Kể tên các loại đường giao thông có ở thành phố Đà Nẵng và những đầu mối giao thông quan trọng ở thành phố Đà Nẵng.

- Tại sao nói thành phố Đà Nẵng là đầu mối giao thông lớn nhất ở duyên hải miền Trung?

- Vì sao Đà Nẵng là thành phố cảng?
- YC HS quan sát hình 2 để thấy được sự
</td><td>

+ HS tự xác định vị trí của thành phố Đà Nẵng trên lược đồ. 1 số HS lên chỉ trên lược đồ, bản đồ và nêu: Thành phố Đà Nẵng ở phía Nam của đèo Hải Vân, bên sông Hàn và vịnh Đà Nẵng, bán đảo Sơn Trà. Giáp các tỉnh: Thừa thiên Huế và Quảng Nam.

+ Hoàn thành phiếu thảo luận.
<table>
<tr><th>Loại hình giao thông</th><th>Đầu mối giao thông quan trọng</th></tr>
<tr><td>Đường biển
Đường thủy
Đường bộ
Đường sắt
Đường hàng không</td><td>Cảng Tiên Sa
Cảng sông Hàn
Quốc lộ số 1
Đường tàu thống nhất Bắc Nam
Sân bay Đà Nẵng</td></tr>
</table>
+ Vì thành phố là nơi đến, nơi xuất phát của nhiều tuyến đường giao thông khác nhau. Từ thành phố có thể đi đến nhiều nơi khác ở vùng duyên hải miền trung và cả nước.
</td></tr>
</table>

phát triển của cảng Tiên Sa. **** HĐ3: Tìm hiểu vì sao Đà Nẵng là thành phố công nghiệp*** + YC thảo luận nhóm 4-5 em: Kể tên các hàng hóa được đưa đến Đà Nẵng và từ Đà Nẵng đưa đến nơi khác? + Qua đó hãy nêu tên 1 số ngành sản xuất của Đà Nẵng. **** HĐ4: Tìm hiểu vì sao Đà Nẵng là địa điểm du lịch*** *+ Vì sao Đà Nẵng trở thành địa điểm du lịch của cả nước và nước ngoài?* *+ Những nơi nào của Đà Nẵng thu hút khách du lịch?* ***C, Củng cố - dặn dò:*** - Củng cố lại nội dung bài học. Dặn HS chuẩn bị bài sau.	- HS quan sát hình 2 + Các nhóm thảo luận và nêu. - Hàng hóa đưa đến Đà Nẵng: ôtô, thiết bị, máy móc… - Hàng hóa từ Đà Nẵng đưa đến nơi khác: Vật liệu xây dựng , vải may, cá tôm… + Khai thác đá, cá, tôm, dệt… + HS thảo luận nhóm: *- Vì Đà Nẵng có vị trí sát biển, có nhiều bãi biển đẹp, có nhiều danh lam thắng cảnh.* *+ Chùa Non Nước, bãi biển, núi Ngũ Hành Sơn, bảo tàng Chăm, phố cổ Hội An.*

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Đạo đức:

Bảo vệ môi trường (tiết 1)

I, Mục tiêu: Giúp học sinh

- Hiểu được: *con người phải sống thân thiện với môi trường vì hôm nay và mai sau con người có trách nhiệm giữ gìn môi trường trong sạch.*
- Biết bảo vệ, giữ gìn môi trường trong sạch.
- Đồng tình, ủng hộ những hành vi bảo vệ môi trường.

II, Đồ dùng dạy học:

- Sưu tầm thêm các thông tin về môi trường trên báo chí. Thẻ màu.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	*Hoạt động của trò*
A. Kiểm tra bài cũ ***B. Dạy học bài mới*** **** Giới thiệu bài*** ****HĐ1: Trao đổi thông tin*** + Yêu cầu HS đọc thầm các thông tin ở	 + 1 HS đọc to, cả lớp đọc thầm.

SGK và những tin đã ghi chép được về môi trường. + Qua những thông tin trên theo em môi trường bị ô nhiễm do các nguyên nhân nào ? + Theo em, môi trường đang ở tình trạng như vậy là do những nguyên nhân nào? → *Hiện nay, môi trường đang bị ô nhiễm trầm trong, xuất phát từ nhiều nguyên nhân: khai thác tài nguyên bừa bãi, sử dụng không hợp lí..* → Ghi nhớ (SGK). **** HĐ2: Làm việc cá nhân - Bài tập 1 (SGK)*** - Sửa ý ***h*** thành: Đặt khu chuồng trại, gia súc ở gần nguồn nước ăn ***+ Liên hệ thực tế trường, lớp... và giáo dục môi trường*** ***C. Củng cố - dặn dò:*** - Nhận xét giờ học. Chuẩn bị trước bài tập 2, 3, 4, 5 (SGK). Tìm hiểu tình hình môi trường ở địa phương em.	+ Môi trường sống đang bị ô nhiễm. + Môi trường sống đang bị đe dọa như: ô nhiễm nước, đất bị hoang hóa, cằn cỗi. + Tài nguyên môi trường đang bị cạn kiệt dần: - Do khai thác rừng bừa bãi. - Do vứt rác bẩn xuống sông ngòi, ao hồ… - Đổ rác thải ra sông. - Chặt phá cây cối. + 2 HS nhắc lại. + 2 HS nêu yêu cầu của bài tập. + HS tự nêu ý kiến đánh giá bằng cách giơ thẻ màu. Đáp án: Đúng: b, c, đ, e + Một số HS lí giải.

Thứ 3 ngày 6 tháng 4 năm 2010

Khoa học:

Nhu cầu chất khoáng của thực vật

I, Mục tiêu: Giúp học sinh

- Nêu vai trò của chất khoáng đối với đời sống thực vật.
- Biết được mỗi loài thực vật có nhu cầu chất khoáng khác nhau.
- Ứng dụng nhu cầu về chất khoáng của thực vật trong trồng trọt.

II, Đồ dùng dạy học: Tranh minh họa trang 118 - 119. Tranh ảnh hoặc bao bì các loại phân bón.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu

Hoạt động của thầy	***Hoạt động của trò***
A. Kiểm tra bài cũ: ***B. Dạy học bài mới*** **** Giới thiệu bài*** ****HĐ1: Tìm hiểu vai trò của chất khoáng đối với thực vật*** + Yêu cầu HS thảo luận cặp đôi. *+ Trong đất có các yếu tố nào cần cho sự sống và phát triển của thực vật?* *+ Khi trồng cây, người ta có phải bón thêm phân cho cây trồng không? Làm như vậy để nhằm mục đích gì?* *+ Em biết những loài phân nào thường bón cho cây?* + Yêu cầu HS quan sát tranh vẽ trang 118. + Cây cà chua ở hình vẽ trên phát triển như thế nào? Hãy giải thích tại sao? → *Trong quá trình sống, nếu không được cung cấp đầy đủ các chất khoáng, cây sẽ phát triển kém, không ra hoa kết quả được hoặc nếu có, sẽ cho năng suất thấp. Nitơ là chất khoáng quan trọng mà cây cần nhiều.* **** HĐ2: Tìm hiểu nhu cầu các chất khoáng của thực vật*** + Yêu cầu HS đọc mục bạn cần biết trang 119. *+ Những loại cây nào cần được cung cấp nhiều nitơ?* *+ Những loại cây nào cần được cung cấp*	*+ Trong đất có mùn, cát, đất sét, các chất khoáng, xác chết động vật, không khí, nước cần cho sự sống và phát triển của cây.* *+ Khi trồng cây người ta phải bón thêm các loại phân cho cây vì khoáng chất không đủ cho cây sinh trưởng và phát triển tốt được. Bón thêm phân để cung cấp các chất khoáng cần thiết cho cây.* *+ Đạm, Lân, Kali, NPK, Bắc, Xanh…* + HS quan sát và trả lời. *+ Cây a phát triển tốt nhất: Cây cao, lá xanh, nhiều quả, quả to và mọng vì cây được bón đủ chất khoáng.* *+ Cây b phát triển kém nhất: Cây còi cọc, lá bé, thân mềm rũ xuống, cây không thể ra hoa kết quả được vì cây thiếu ni tơ.* *+ Cây phát triển chậm: Thân gầy, lá bé, cây không quang hợp hay tổng hợp chất hữu cơ được nên ít quả, còi cọc, chậm lớn là do thiếu can xi.* + 2 HS đọc. *+ Lúa, ngô, cà chua, rau đay, rau muống, rau dền, cải bắp… cần nhiều*

nhiều phốt pho hơn? *+ Những loại cây nào cần được cung cấp nhiều Kali hơn?* *+ Em có nhận xét gì về nhu cầu chất khoáng của cây?* *+ Hãy giải thích vì sao giai đoạn lúa vào hạt không cần bón nhiều phân đạm?* + Quan sát hình 2, nêu cách bón phân cho cây? *→ Mỗi loài cây khác nhau cần lượng chất khoáng khác nhau với liều lượng khác nhau. Cùng ở 1 cây, vào những giai đoạn phát triển khác nhau, nhu cầu về chất khoáng cũng khác nhau.* *+ Người ta thường ứng dụng nhu cầu về chất khoáng của cây trồng trong trồng trọt như thế nào?* ***C. Củng cố - dặn dò:*** - Nhận xét giờ học. Dặn HS chuẩn bị bài sau.	*nitơ hơn.* *+ Lúa, ngô, cà chua… cần nhiều phốt pho hơn.* *+ Cà rốt, khoai lang, khoai tây…* *+ Mỗi loài cây khác nhau có nhu cầu về chất khoáng khác nhau.* *+ Vì phân đạm có chứa nitơ. Nitơ cần cho sự phát triển của lá. Lúc này nếu lá lúa quá tốt sẽ dẫn tới sâu bệnh, thân nặng, khi gặp gió to dễ bị gẫy.* + 2 HS nêu. *+ Người ta bón phân thích hợp để cho cây phát triển tốt. Bón phân vào giai đoạn thích hợp để cây cho năng suất cao.*

Toán:

Tỉ lệ bản đồ

I, Mục tiêu: Giúp học sinh

- Hiểu được tỉ lệ bản đồ cho biết 1 đơn vị độ dài thu nhỏ trên bản đồ ứng với độ dài thật trên mặt đất là bao nhiêu.

II, Đồ dùng dạy học: Bản đồ thế giới, bản đồ Việt Nam, bản đồ 1 số tỉnh, thành phố.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	***Hoạt động của trò***
HĐ1 : Kiểm tra bài cũ ***HĐ2: Giới thiệu tỉ lệ bản đồ*** + Treo bản đồ Việt Nam, bản đồ thế giới, bản đồ 1 số tỉnh, thành phố... Yêu cầu HS đọc tỉ lệ	+ Một số HS đọc.

<table>
<tr>
<td>trên bản đồ.
+ Hỏi thêm một số tỉ lệ bản đồ khác.
HĐ3: Thực hành
+ Giao bài tập 1, 2, 3, 4 VBT
+ Chấm bài của 1 số em, nhận xét.
Bài 1, 2: Củng cố về cách tìm tỉ lệ bản đồ
- GV n/x sửa sai
Bài 3: Viết vào ô trống.
+ Củng cố về đơn vị đo của độ dài thu nhỏ và độ dài thật.
<table>
<tr><td>Tỉ lệ BĐ</td><td>1:1000</td><td>1:300</td><td>1:10000</td><td>1:500</td></tr>
<tr><td>Độ dài thu nhỏ</td><td>1mm</td><td>1cm</td><td>1dm</td><td>1m</td></tr>
<tr><td>Độ dài thật</td><td>1000mm</td><td>300cm</td><td>10000dm</td><td>500m</td></tr>
</table>
Bài 4: Đúng ghi Đ, sai ghi S.
- Cho HS đổi chéo vở để kiểm tra kết quả
C. Củng cố - dặn dò:
- Nhận xét giờ học. Dặn HS làm bài tập ở SGK và chuẩn bị bài sau.</td>
<td>+ 2 HS lên bảng nêu

+ HS nêu yêu cầu của từng bài tập.
+ HS tự giải các bài tập.
+ 1 HS nêu miệng kết quả.
+ Lớp nhận xét, bổ sung.
+ Dưới lớp 1 số HS nêu.
+ 1 HS lên chữa bài.
+ Lớp nhận xét, bổ sung.

+ 1 HS lên bảng chữa bài.
+ HS lí giải cách đổi, cách làm.
a) 10 000m S c) 10 000cm S
b) 10 000dm Đ d) 1km Đ</td>
</tr>
</table>

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Luyện từ và câu:

Mở rộng vốn từ: Du lịch - Thám hiểm

I, Mục đích yêu cầu : Giúp học sinh

- Mở rộng và hệ thống hóa vốn từ về du lịch, thám hiểm.
- Viết một đoạn văn về hoạt động du lịch, thám hiểm trong đó có sử dụng các từ ngữ vừa tìm được.

II, Đồ dùng dạy học: Giấy khổ to + bút dạ.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	*Hoạt động của trò*
A. Kiểm tra bài cũ: ***B. Dạy học bài mới:*** ***1. Giới thiệu bài*** ***2. Hướng dẫn làm bài tập***	

Bài 1: Cho HS nêu yêu cầu BT - Y/C HS làm việc theo nhóm + Giúp đỡ HS thảo luận. *a) Đồ dùng cần cho chuyến du lịch* *b) Phương tiện giao thông và những sự vật có liên quan* *c) Tổ chức nhân viên phục vụ* *d) Địa diểm tham quan du lịch* ***Bài 2:*** Cho HS nêu yêu cầu và mẫu *a) Quần áo, đồ ăn, nước uống, đèn pin, dao, bật lửa, diêm, vũ khí.* *b) Núi cao, vực sâu, rừng rậm, sa mạc, mưa, gió, rát, nóng, bão, tuyết, sóng thần, đói, khát…* - Gv n/x chốt câu trả lời đúng ***Bài 3:*** Cho HS nêu y/c ***C. Củng cố - dặn dò:*** - Nhận xét giờ học. Dặn HS chuẩn bị bài sau.	+ HS nêu yêu cầu và mẫu. HS thảo luận nhóm đôi. + Một số HS nêu, lớp nhận xét. *a) lều trại, giày thể thao, mũ, quần áo bơi, thiết bị nghe nhạc, dụng cụ thể thao, đồ ăn, nước uống, điện thoại…* *b) tàu hỏa, ô tô, máy bay, tàu điện, xe buýt, ga tàu, sân bay, cáp treo, bến xe, vé tàu, vé xe, xe máy, xích lô…* *c) Nhà nghỉ, phòng nghỉ, tuyến du lịch…* *d) công viên, hồ, núi, thác nước…* + HS nêu yêu cầu của bài tập, thảo luận nhóm bàn. + Các nhóm trình bày, lớp nhận xét, bổ sung. *c) Can đảm, táo bạo, bền gan, bền chí, thông minh, nhanh nhẹn, sáng tạo, mạo hiểm, tò mò, hiếu kì, ham hiểu biết…* + HS nêu yêu cầu. Cả lớp tự làm bài. + Một số HS đọc đoạn văn trước lớp. Lớp nhận xét, bổ sung.

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Lịch sử:

Những chính sách về kinh tế và văn hóa của vua Quang Trung

I, Mục tiêu: Giúp học sinh biết một số chính sách về kinh tế, văn hóa của vua Quang Trung và tác dụng của các chính sách đó đối với việc ổn định và phát triển đất nước.

II, Đồ dùng dạy học:

- Phiếu thảo luận nhóm.
- Sưu tầm các tư liệu về các chính sách kinh tế, văn hóa của vua Quang Trung.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	***Hoạt động của trò***
A. Kiểm tra bài cũ:	

B. Dạy học bài mới

**** Giới thiệu bài:***

**** HĐ1: Tìm hiểu việc Quang Trung xây dựng đất nước***

+ Tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm 4.

- Phát phiếu thảo luận cho HS.

+ Tiểu kết câu trả lời đúng.

Chính sách	***Nội dung chính sách***	***Tác dụng xã hội***
Nông nghiệp	***Ban hành "Chiếu khuyến nông": Lệnh cho dân đã từng bỏ làng quê phải trở về quê cũ cày cấy, khai phá ruộng hoang.***	***Vài năm sau, mùa màng trở lại tươi tốt, làng xóm lại thanh bình.***
Thương nghiệp	***- Đúc đồng tiền mới.*** ***- Yêu cầu nhà Thanh mở cửa biên giới để dân 2 nước tự do trao đổi hàng hóa.*** ***- Mở cửa biển cho thuyền buôn nước ngoài vào buôn bán.***	***- Thúc đẩy các ngành nông nghiệp, thủ công nghiệp phát triển.*** ***- Hàng hóa không bị ứ đọng.*** ***- Làm lợi cho sức tiêu dùng của nhân dân.***
Giáo dục	***- Banh hành "Chiếu lập học".*** ***- Cho dịch sách chữ Hán ra chữ Nôm, coi chữ Nôm là chữ***	***- Khuyến khích nhân dân học tập, phát triển dân trí.*** ***- Bảo tồn vốn***

+ HS thảo luận nhóm.

+ Đại diện các nhóm nêu, nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- HS thảoluận nhóm đôi

+ HS nêu. Nhóm khác nhận xét, bổ sung.

+ Vì chữ Nôm là chữ viết do nhân dân sáng tạo từ lâu đời, đã được các đời Lý, Trần sử dung. Chữ Nôm dựa vào cách viết của chữ Hán nhưng đọc theo âm tiếng Việt. Đề cao chữ Nôm là đề cao vốn quý của dân tộc, thể hiện ý thức tự cường dân tộc.

+ Vì học tập giúp con người mở mang kiến thức, làm việc tốt hơn. Công việc xây dựng đất nước cần người tài, chỉ học mới thành tài để xây dựng đất nước.

	chính thức của quốc gia.	***văn hóa dân tộc.***

**** HĐ2: Các chính sách về kinh tế văn hoỏ***

+ Yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi.

(1) Theo em, vì sao vua Quang Trung lại đề cao chữ Nôm?

→ Vua Quang Trung rất coi trọng chữ Nôm, ông muốn thay chữ Hán bằng chữ Nôm…

(2) Em hiểu câu "Xây dựng đất nước lấy việc học làm đầu" của vua Quang Trung như thế nào?

→ Công việc đang tiến hành thuận lợi thì vua Quang Trung mất (1792). Người đời sau đều thương tiếc một ông vua tài năng đức độ nhưng mất sớm.

C. Củng cố - dặn dò:

- Nhận xét giờ học. Dặn HS chuẩn bị bài sau.

Kể chuyện:

Kể chuyện đã nghe - đã đọc

I, Mục đích yêu cầu : Giúp học sinh

- Kể được câu chuyện đã nghe, đã đọc có cốt truyện, nhân vật, ý nghĩa nói về du lịch hay thám hiểm, một cách tự nhiên, sáng tạo.
- Hiểu được ý nghĩa câu chuyện bạn kể.
- Biết nhận xét, đánh giá nội dung truyện, lời kể của bạn.

II, Đồ dùng dạy học: Sưu tầm truyện. Viết vào bảng phụ dàn ý kể chuyện.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	***Hoạt động của trò***
A. Kiểm tra bài cũ: ***B. Dạy học bài mới*** ***1. Giới thiệu bài:*** ***2.Tìm hiểu yêu cầu của đề bài*** + Đề bài yêu cầu chúng ta làm gì? ***3. Hướng dẫn kể chuyện***	+ HS nêu.

+ Đọc to phần gợi ý (SGK)? + Hãy giới thiệu truyện của em tên gì? Kể về ai? Em đã nghe hoặc đọc truyện đó ở đâu? + Khi kể chuyện các em cần kể theo trình tự như thế nào? ***4. Kể chuyện theo nhóm*** + Yêu cầu HS kể chuyện theo nhóm đôi: Kể cho nhau nghe, đánh giá lời kể của bạn và trao đổi ý nghĩa câu chuyện. ***5. Thi kể chuyện trước lớp*** + Yêu cầu HS cử Ban giám khảo. + Tổ chức HS thi kể trước lớp 4 - 5 em. + Nhận xét, tuyên dương.	+ 2 HS nối tiếp nhau đọc. + HS tiếp nối nhau nêu. + Giới thiệu tên truyện, nhân vật mình kể.. - Mở đầu câu chuyện thế nào? - Diễn biến câu chuyện ra sao? - Kết thúc câu chuyện thế nào? + Nêu ý nghĩa câu chuyện. + HS kể chuyện trong nhóm đôi. + Lắng nghe, nhận xét bạn kể, đặt câu hỏi cho bạn hoặc trả lời câu hỏi của bạn. Bầu ra bạn kể chuyện hay nhất.

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Thứ 4 ngày 7 tháng 4 năm 2010

Thể dục

BÀI 50

Anh Cường dạy

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Tập đọc

Dòng sông mặc áo

I, Mục đích yêu cầu : Giúp học sinh

1. Đọc thành tiếng:

- Đọc đúng các từ ngữ: sáng vàng, chiều trôi thơ thẩn, nhòa.
- Đọc trôi chảy toàn bài, ngắt nghỉ hơi sau các dấu câu, giữa các cụm từ.
- Đọc diễn cảm toàn bài với giọng vui, dịu dàng, ngạc nhiên.

2. Đọc - hiểu:

- Hiểu được nghĩa các từ: ***điệu, hây hây, sáng, ngẩn ngơ.***
- Hiểu được nội dung của bài tập đọc: ***Ca ngợi vẻ đẹp của dòng sông quê hương.***

3. Học thuộc lòng bài thơ.

II, Đồ dùng dạy học:

- Tranh minh họa cho bài tập đọc SGK phóng to (nếu có điều kiện).
- Bảng phụ viết sẵn đoạn thơ cần luyện đọc.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	*Hoạt động của trò*
A. Kiểm tra bài cũ	
B. Dạy học bài mới	
1. Giới thiệu bài	
2. Hướng dẫn luyện đọc	+ 1 HS đọc cả bài.
+ Bài tập đọc có thể tạm chia làm 2 đoạn.	+ Đ1: 8 dòng thơ đầu. Đ2: Còn lại.
+ Yêu cầu HS luyện đọc tiếp nối theo đoạn.	+ HS luyện đọc theo đoạn (4 lượt).
+ Theo dõi, giúp đỡ HS phát âm đúng.	+ HS đọc các từ ở phần chú giải. + HS luyện đọc nhóm đôi. + 2 HS thi đọc trước lớp.
3. Tìm hiểu bài	+ HS đọc thầm đoạn 1, trao đổi nhóm đôi.
**** Đoạn 1 :***	
+ Vì sao tác giả nói dòng sông "điệu"?	*+ Vì dòng sông luôn thay đổi màu sắc giống như con người thay đổi áo.*
+ Tác giả sử dụng những từ ngữ nào để tả cái rất "điệu" của dòng sông?	*+ Thướt tha, mới may, ngẩn ngơ, nép, mặc áo hồng, áo xanh, áo vàng, áo đen, áo hoa...*
+ Đặt câu với từ "ngẩn ngơ"?	+ 2 HS nêu.
- Gv tiểu kết y/c HS neu ý chính đoạn 1	+ ý 1: ***Miêu tả màu áo của dòng sông vào các buổi sáng, trưa, chiều, tối.***
**** Đoạn 2 :***	- 1 em đọc thầm đoạn 2, trao đổi nhóm đôi.
+ Màu sắc của dòng sông thay đổi như thế nào trong 1 ngày?	*+ Lụa đào, áo xanh, hây hây sáng vàng, nhung tím, áo đen, áo hoa thay đổi theo thời gian: nắng lên, trưa về, chiều tối, đêm khuya, sáng sớm.*
+ Cách nói "dòng sông mặc áo" có gì hay?	*+ Cách nói đó làm cho dòng sông trở nên gần gũi, giống con người, làm nổi bật sự thay đổi màu sắc của dòng sông theo thời gian, màu nắng, màu cỏ cây.*
+ Bài thơ có rất nhiều hình ảnh thơ đẹp, em thích hình ảnh thơ nào? Vì sao? ** Nêu ý chính của mỗi đoạn?*	+ Một số HS nêu.
+ Bài thơ miêu tả cảnh gì?	+ ý 2: *màu áo của dòng sông lúc đêm*

4. Luyện đọc diễn cảm và HTL + Yêu cầu HS đọc nối tiếp theo đoạn, nêu cách đọc mỗi đoạn. + Tổ chức cho HS luyện đọc diễn cảm đoạn 1. + Tổ chức cho HS luyện đọc thuộc lòng cả bài thơ. ***C, Củng cố - dặn dò:*** - Củng cố lại nội dung bài. Dặn HS HTL bài thơ và chuẩn bị bài sau.	*khuya và trời sáng.* → Nội dung: ***Ca ngợi vẻ đẹp của dòng sông quê hương và nói lên tình yêu của tác giả đối với dòng sông quê hương.*** + 2 HS đọc và nêu cách đọc. + HS luyện đọc nhóm đôi theo đoạn 1. + 2 HS thi đọc trước lớp. + HS luyện đọc thuộc lòng tiếp sức từng dòng thơ, khổ thơ, cả bài. + Một số HS đọc thuộc lòng trước lớp.

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Toán:

Ứng dụng của tỉ lệ bản đồ

I, Mục tiêu: Giúp học sinh

- Biết cách tính độ dài thật trên mặt đất từ độ dài thu nhỏ và tỉ lệ bản đồ.

II, Đồ dùng dạy học:

- Bản đồ trường Mầm non xã Thắng Lợi vẽ sẵn trên bảng phụ hoặc giấy khổ to

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	***Hoạt động của trò***
A: Kiểm tra bài cũ ***B. Dạy học bài mới*** **** Giới thiệu bài*** ****HĐ1: Hướng dẫn cách tính độ dài thật dựa vào độ dài thu nhỏ và tỉ lệ bản đồ*** ******Bài toán 1*** + Treo bản đồ trường Mầm non Thắng Lợi. + Bản đồ vẽ theo tỉ lệ bao nhiêu? + Trên bản đồ, độ rộng của cổng trường thu nhỏ là bao nhiêu? + 1 cm trên bản đồ ứng với độ dài thật là bao nhiêu cm? + 2cm trên bản đồ ứng với độ dài thật là bao nhiêu? ****** Bài toán 2***	 + Quan sát, theo dõi, đọc đề bài. + 1: 300 + 2cm + 1cm trên bản đồ ứng với độ dài thật trên bản đồ là 300cm. + 300 x 2 = 600 cm. + 1 HS lên hoàn chỉnh bài giải.

+ Lưu ý cho HS: Khi tính ra độ dài thật cần đổi về đơn vị thông dụng: m; km. ***HĐ2: Thực hành*** ****** Bài 2:*** Củng cố về giải toán ***Giải*** Độ dài thật của quãng đường Thành phố Hồ Chí Minh - Quy Nhơn dài số km là: 2 500 000 x 27 = 67 500 000 cm = 675 km Đáp số: 675 km ***C. Củng cố - dặn dò:*** - Củng cố nội dung bài học. Dặn HS làm bài tập ở SGK và chuẩn bị bài sau.	+ 1 HS đọc đề bài. + 1 HS lên giải trên bảng, cả lớp làm vào nháp. 1 số HS nêu kết quả. ****** Bài 3:*** Củng cố về giải toán ***Giải*** Chiều dài của mảnh đất là: 500 x 5 = 2500 cm = 25 m Chiều rộng của mảnh đất là: 500 x 2 = 1000 cm = 10 m Đáp số: CD: 25m; CR: 10m

ꕥ❋ꕥ❋ꕥ❋ꕥ❋ꕥ

Tập làm văn:

Luyện tập quan sát con vật

I, Mục đích yêu cầu : Giúp học sinh

- Biết cách quan sát con vật, chọn lọc các chi tiết chính, cần thiết để miêu tả.
- Tìm được các từ ngữ, hình ảnh sinh động, phù hợp làm nổi bật ngoại hình, hoạt động của con vật định miêu tả.

II, Đồ dùng dạy học: - Tranh minh họa cho đàn ngan. Sưu tầm tranh ảnh về chó, mèo.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu

Hoạt động của thầy	*Hoạt động của trò*
A. Kiểm tra bài cũ: ***B. Dạy học bài mới*** ***1. Giới thiệu bài*** ***2. Hướng dẫn học sinh luyện tập*** ******Bài 1:*** Đọc bài văn sau. + Treo tranh: Đàn ngan con mới nở thật là đẹp. - Tác giả sử dụng các từ ngữ, hình ảnh làm cho đàn ngan trở nên sinh động và đáng yêu như thế nào? ******Bài 2:*** + Để miêu tả đàn ngan, tác giả đã quan	+ 2 HS đọc to, cả lớp đọc thầm. + Cả lớp quan sát tranh vẽ. + Hình dáng, bộ lông, đôi mắt, cái mỏ, cái đầu, 2 cái chân. - ***Hình dáng:*** chỉ to hơn cái trứng một

sát những bộ phận nào của chúng? + Những câu văn nào miêu tả đàn ngan mà em cho là hay? + Yêu cầu HS ghi vào vở những câu văn mà em thích. ***Bài 3: + Khi tả ngoại hình con chó (con mèo), em cần miêu tả những bộ phận nào? + Yêu cầu HS ghi kết quả quan sát vào vở, 1 số HS trình bày trước lớp. ***Bài 4: → Khi miêu tả con vật, ngoài việc miêu tả ngoại hình, các em cần quan sát kĩ hoạt động của con vật đó. Khi tả cần tả các hoạt động nổi bật của con vật. + Theo dõi, giúp đỡ HS làm bài. ***C. Củng cố - dặn dò:*** Nhận xét giờ học. Dặn HS chuẩn bị bài sau.	tí. - ***Bộ lông:*** Vàng óng, như màu của những con tơ nõn. - ***Đôi mắt:*** Chỉ bằng hột cườm, đen nhánh hạt huyền, long lanh đưa đi đưa lại. - ***Cái mỏ:*** Màu nhung hươu... - ***Cái đầu:*** Xinh xinh, vàng mượt... - ***2 cái chân*** lủn chủn, bé tí màu đỏ hồng... + Bộ lông, cái đầu, đôi mắt, bộ ria, 4 chân, cái đuôi. + HS ghi các ý quan sát vào vở. + Một số HS nêu, HS khác nhận xét. + 2 HS nêu yêu cầu. + HS tự làm bài. + Một số HS nêu. + Lớp nhận xét, bổ sung.

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Âm nhạc

ễn 2 bài hỏt: CHÚ VOI CON Ở BẢN ĐÔN VÀ THIẾU NHI THẾ GIỚI LIÊN HOAN

I, Mục tiêu:

- Học sinh ôn tập và trình bày 2 bài hát chú voi con ở bản Đôn và thiếu nhi thế giới liên hoan theo những cách hát như hòa giọng, lĩnh xướng và đối đáp.
- Học sinh tập trình bày theo các hình thức đơn ca, song ca hoặc tốp ca.
- Tập biểu diễn bài hát kết hợp động tác phụ họa.

II, Đồ dùng dạy học:

- Sách giáo khoa, thanh phách. Nhạc cụ (thanh phách), sách giáo khoa.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu

1. Ổn định tổ chức ***2. Kiểm tra bài cũ*** ***3. Bài mới*** ***a. Giới thiệu bài:*** ***b. Nội dung:*** **** Hoạt động 1:*** Ôn 2 bài hát "Chú voi con ở bản Đôn" và "Thiếu nhi thế giới liên hoan"	
- GV bắt nhịp cho HS hát theo nhiều hình thức cả lớp, dãy, tổ	- Cả lớp hát theo yêu cầu của giáo viên
- Tổ chức cho học sinh hát đối đáp nhóm, dãy, tổ	- Học sinh hát đối đáp, kết hợp động tác phụ họa.
- Trình bày bài hát theo cách hát lĩnh xướng, đối đáp, hòa giọng và kết hợp động tác phụ họa.	- Học sinh hát theo yêu cầu của giáo viên
- Kiểm tra việc trình bày 2 bài hát - Gọi 1 vài cá nhân, nhóm lên trình bày	- Học sinh trình diễn trước lớp theo tổ nhóm
- Giáo viên nhận xét đánh giá ***4. Củng cố dặn dò*** - Giáo viên tổng kết nội dung bài. Về ôn bài + CBBS. Nhận xét tinh thần giờ học.	

ଌ✻ଌ✻ଌ✻ଌ✻ଌ

Thứ 5 ngày 8 tháng 4 năm 2010

Luyện từ và câu:

Câu cảm

I, Mục đích yêu cầu : Giúp học sinh

- Hiểu được cấu tạo và tác dụng của câu cảm.
- Nhận diện được câu cảm.
- Biết chuyển các câu kể thành câu cảm.
- Biết sử dụng câu cảm trong các tình huống cụ thể.

II, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	*Hoạt động của trò*
A. Kiểm tra bài cũ ***B. Dạy học bài mới***	

1. Giới thiệu bài	
2. Hướng dẫn nhận xét	
****Bài 1,2,3:***	+ HS đọc 2 câu văn, thảo luận cặp đôi.
+ Những câu sau đây dùng để làm gì?	+ HS tiếp nối nhau trả lời câu hỏi.
- Chà, con mèo có bộ lông mới đẹp làm sao!	- Câu 1: Dùng để thể hiện cảm xúc ngạc nhiên, vui mừng trước vẻ đẹp của bộ lông mèo.
- A! Con mèo này khôn thật!	- Câu 2: Thể hiện cảm xúc thán phục sự khôn ngoan của mèo.
+ Cuối các câu văn trên có dấu câu gì?	+ Dấu !
+ Vậy thế nào là câu cảm? Lấy ví dụ về câu cảm?	+ Một số HS nêu.
=> Ghi nhớ (SGK).	
3. Luyện tập	
Bài 1: Chuyển các câu kể sau thành câu cảm.	+ 2 HS nêu yêu cầu của bài tập.
+ Hướng dẫn mẫu câu a.	+ 2 HS lên đặt câu cảm từ câu kể a:
+ Muốn chuyển thành câu cảm thì cần làm gì?	ví dụ: Ôi, con mèo mày bắt chuột giỏi quá!
+ Theo dõi, giúp đỡ HS làm bài.	Chà, con mèo này bắt chuột giỏi thật!
Bài 2: Đặt câu cảm cho các tình huống sau:	+ HS tự làm vào vở.
	+ Một số HS nêu trước lớp, lớp nhận xét.
Bài 3: Những câu cảm sau đây biểu lộ cảm xúc gì?	+ 2 HS nêu yêu cầu bài tập.
a) Ôi, bạn Nam đến kìa!	+ Một số HS nêu trước lớp các câu.
b) Ồ, bạn Nam thông minh quá!	+ Lớp nhận xét, bổ sung.
c) Trời, thật là khủng khiếp!	+ HS nêu yêu cầu và nội dung.
4. Củng cố dặn dò	+ HS tự đặt mình vào tình huống đó và nêu.
- tổng kết nội dung bài. Về ôn bài + CBBS. Nhận xét tinh thần giờ học.	+ Lớp nhận xét, bổ sung.

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

<u>Toán:</u>

Ứng dụng của tỉ lệ bản đồ (tiếp)

I, Mục tiêu: Giúp học sinh

- Biết cách tính độ dài chu vi nhỏ trên bản đồ dựa vào độ dài thật và tỉ lệ bản đồ.

II, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	***Hoạt động của trò***
A. Kiểm tra bài cũ	
B. Dạy học bài mới	
**** Giới thiệu bài***	
**** HĐ1: Hướng dẫn cách tính độ dài thu nhỏ trên bản đồ***	
******Bài toán 1 (SGK):***	+ 2 HS đọc.
+ Tỉ lệ bản đồ là bao nhiêu?	+ 1 : 500
+ Khoảng cách giữa 2 điểm A và B trên sân trường dài bao nhiêu mét?	+ 20 m
+ Bài toán yêu cầu tìm gì?	+ Tính khoảng cách giữa 2 điểm A và B trên bản đồ.
+ Suy nghĩ để tìm ra cách tính?	+ Lấy độ dài thật: 20 m : 500
+ Khoảng cách A và B trên bản đồ yêu cầu tính theo đơn vị nào?	+ cm
+ Vậy em cần làm gì trước khi tính?	+ Đổi 20 m = 2000 cm
******HĐ2: Luyện tập***	
Bài 1: Viết số thích hợp vào chỗ chấm.	+ 1 HS lên làm trên bảng, cả lớp làm vào vở nháp.
-Yêu cầu HS đổi chéo vở kiểm tra kết quả cho nhau.	Đáp số: (1) 50cm; (2) 5mm; (3) 1dm.
-GV n/x củng cố cách tính độ dài tren bản đồ khi biết tỉ lệ và đồ dài thật	+ 1 HS lên chữa bài, lớp nhận xét.
Bài 2, 3: Giải toán	
+ Củng cố về đơn vị đo và cách tính.	+ 2 HS lên chữa bài. Lớp nhận xét, bổ sung.
2) 2km = 1200 000 cm Quãng đường từ bản A đến bản B trên bản đồ dài là: **1 200 000 : 100 000 = 12 (cm)** Đáp số: 12 cm	3) Đổi 10 m = 1000cm; 6m = 600cm Chiều dài sân khấu trên bản đồ là: **1000 : 200 = 5 (cm)** Chiều rộng sân khấu trên bản đồ là: **600 : 200 = 3 (cm)** Đáp số: CD: 5cm; CR: 3cm
4. Củng cố dặn dò - tổng kết nội dung bài. Về ôn bài + CBBS. Nhận xét tinh thần giờ học.	

Chính tả:

Đường đi SaPa

I, Mục đích yêu cầu : Giúp học sinh

- Nhớ - viết đúng đoạn từ "*Hôm sau… đất nước ta*" trong bài "Đường đi SaPa"
- Làm đúng bài tập chính tả phân biệt r/d/gi.

II, Đồ dùng dạy học: - Bài tập 2a phôtô ra giấy A_3, bài 3a viết ra bảng phụ.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	***Hoạt động của trò***
A. Kiểm tra bài cũ:	
B. Dạy học bài mới:	
1. Giới thiệu bài	
2. Hướng dẫn viết chính tả	- 1 HS đọc đoạn văn viết chính tả.
+ Phong cảnh Sa Pa thay đổi như thế nào?	+ Phong cảnh Sa Pa thay đổi theo thời gian trong 1 ngày: thu, đông, xuân.
+ Vì sao Sa Pa được gọi là "*món quà tặng diệu kì của thiên nhiên*"?	+ Vì Sa Pa có phong cảnh rất đẹp và sự thay đổi mùa trong 1 ngày ở đây thật lạ lùng và hiếm có.
+ Trong bài chính tả có những từ nào dễ lẫn khi viết?	+ Thoắt cái, khoảnh khắc, mưa tuyết, hiếm quý.
+ Tổ chức cho HS luyện viết từ khó.	+ HS luyện viết từ khó.
- Yêu cầu HS viết chónh tả.	+ HS nhớ viết bài chính tả, soát bài.
+ Chấm bài 1 số em, nhận xét.	
3. Luyện tập	
****Bài tập 2a:***	+ HS nêu yêu cầu và nội dung bài tập.
+ Phát phiếu thảo luận, yêu cầu các nhóm thảo luận. Tiểu kết câu trả lời đúng.	+ Thảo luận theo nhóm hoàn thành phiếu thảo luận, dán lên bảng lớp. Lớp nhận xét, bổ sung.

	a	***ong***	***ông***	***ưa***
r	*Ra lệnh, ra vào, ra mắt, rà mìn, rà soát, rơm rạ, ...*	*Rong chơi, ròng ròng, rong biển, đi rong, bán hàng rong…*	*Nhà rông, con rồng, rộng, rống lên…*	*Rửa bát, thối rữa, dao rựa…*
d	*Da thịt, da trời, giả da, lòng dạ…*	*Cây dong, dòng nước, dong dỏng…*	*Cơn dông…*	*Muối dưa, quả dừa, quả dứa…*

Bài tập 3a:	+ HS nêu yêu cầu.
+ Treo bảng phụ.	+ 1 HS làm trên bảng phụ, cả lớp làm vào vở,

C, Củng cố - dặn dò: - Nhận xét giờ học. Dặn HS luyện viết ở nhà và chuẩn bị bài sau.	nhận xét. ***Đáp án***:Thế giới, rộng, biên giới, dài

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

<u>Khoa học</u>:

Nhu cầu không khí của thực vật

I, Mục tiêu: Giúp học sinh

- Nêu được vai trò của không khí đối với đời sông thực vật.
- Hiểu được vai trò của ôxi và các- bô -níc trong quá trình hô hấp và quang hợp.
- Biết được một vài ứng dụng trong trồng trọt về nhu cầu không khí của thực vật.

II, Đồ dùng dạy học:

- Tranh minh họa trang 120 - 121 (SGK).
- Chuẩn bị câysố 2 (Bài 57)

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	***Hoạt động của trò***
A. Kiểm tra bài cũ: ***B. Dạy học bài mới;*** **** Giới thiệu bài:*** **** HĐ1: Tìm hiểu vai trò của không khí trong quá trình trao đổi khí của thực vật*** + Không khí gồm những thành phần nào? + Những khí nào quan trọng đối với đời sống thực vật? + Yêu cầu HS quan sát tranh trang 120 - 121. *- Quá trình quang hợp chỉ diễn ra khi nào?* *- Bộ phận nào của cây chủ yếu thực hiện quá trình quang hợp?* *- Trong quá trình quang hợp, thực vật hút gì và thải ra khí gì?* *- Quá trình hô hấp diễn ra khi nào?* *- Điều gì sẽ xảy ra nếu một trong 2 quá*	+ ễxi , Nitơ và Các - bô -nic + Khí ôxi và khí các bô níc rất cần đối với đời sống thực vật. + HS quan sát tranh vẽ. *+ Khi có ánh sáng mặt trời.* *+ Lá cây.* *+ Thực vật hút $C0_2$ và thải ra 0_2.* *+ Diễn ra suốt ngày đêm.* *+ Nếu quá trình hô hấp hay quang hợp ngừng hoạt động thì thực vật sẽ chết.* *+ Giúp cho thực vật quang hợp và hô hấp.* *+ Khí 0_2 trong không khí cần cho quá*

trình trên ngừng hoạt động? *+ Không khí có vai trò như thế nào đối với thực vật?* *+ Những thành phần nào của không khí cần cho đời sống của thực vật? Chúng có vai trò gì?* **** HĐ2: Tìm hiểu ứng dụng nhu cầu không khí của thực vật trong trồng trọt*** + Thực vật ăn gì để sống? → *Thực vật có cơ quan tiêu hóa như người, động vật nhưng chúng vẫn phải thực hiện quá trình trao đổi chất: ăn, uống, thải ra. Khí $C0_2$ trong không khí được lá cây hấp thụ. Nước và các chất khoáng cần thiết có trong đất sẽ được rễ cây hút lên. Thực vật thực hiện được khả năng kì diệu đó là nhờ chất diệp lục có trong lá cây: cây sử dụng năng lượng mặt trời để tạo chất bột đường từ $C0_2$ và nước để nuôi cây.* + Hãy cho biết trong trồng trọt, con người đã sử dụng nhu cầu về $C0_2$, khí 0_2 của thực vật như thế nào? → Tiểu kết ý. ***C. Củng cố - dặn dò:*** *+ Tại sao vào ban ngày khi đứng dưới tán cây ta thấy mát mẻ?* *+ Tại sao vào ban đêm ta không nên để nhiều hoa, cây cảnh trong phòng ngủ?* - Dặn HS học bài và chuẩn bị bài sau.	*trình quang hợp của thực vật. Khí $C0_2$ có trong không khí cần cho quá trình quang hợp của thực vật. Nếu thiếu 0_2 hoặc $C0_2$, thực vật sẽ chết.* + HS phát biểu. + HS trao đổi cặp đôi và nêu: *- Tăng lượng $C0_2$ gấp đôi.* *- Bón phân xanh, phân chuồng cho cây.* *- Trồng nhiều cây xanh để điều hòa không khí.* + 2 HS đọc mục bạn cần biết trang 121.

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Kĩ thuật

LẮP CÁI NĐI (T2)

Chị Thuỷ dạy

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Thứ sáu ngày 5 tháng 3 năm 2010

Thể dục

BÀI 60

Anh Cường dạy

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Tập làm văn:

Điền vào giấy tờ in sẵn

I, Mục đích yêu cầu : Giúp học sinh

- Điền đúng nội dung vào những chỗ trống trong tờ giấy in sẵn: Phiếu khai báo tạm trú, tạm vắng.
- Hiểu được việc khai báo tạm trú, tạm vắng.

II, Đồ dùng dạy học:

- Phiếu khai báo tạm trú, tạm vắng cho từng học sinh.
- Phiếu khia báo tạm trú, tạm vắng phóng to dán trên bảng lớp.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	***Hoạt động của trò***
A. Kiểm tra bài cũ: ***B. Dạy học bài mới*** ***1. Giới thiệu bài:*** ***2. Hướng dẫn học sinh làm bài tập*** ***Bài 1:*** + Treo tờ phiếu phô tô và hướng dẫn HS: để hoàn thành đúng phiếu, em phải trả lời các câu hỏi sau: *1) Hai mẹ con đến chơi nhà ai? Họ tên chủ hộ là gì? Địa chỉ ở đâu?* *2) Nơi xin tạm trú là phường hoặc xã nào? quận hoặc huyện nào? tỉnh (thành phố) nào?* *3) Lí do 2 mẹ con đến là gì?* *4) Thời gian xin ở lại là bao lâu?* → Hướng dẫn từng mục như SGK để HS điền đúng. ***Bài 2:*** *Khi đi ra khỏi nhà mình qua đêm, mọi người cần phải khai báo để xin tạm vắng và đến nơi mình ở loại qua đêm xin tạm trú. Đây là thủ tục về quản lí hộ khẩu*	+ HS nêu yêu cầu và nội dung của bài tập. + HS thảo luận nhóm bàn. + Các nhóm báo cáo, nhóm khác nhận xét. + 2 HS nêu yêu cầu của bài tập. + HS thảo luận nhóm bàn. + Các nhóm báo cáo, nhóm khác nhận xét.

mà mọi người cần tuân theo để chính quyền địa phương quản lí được những người đang có mặt hoặc vắng mặt tại nơi ở. Việc làm này đơn giản nhưng rất có lợi cho bản thân và xã hội. Khi có việc xảy ra, các cơ quan nhà nước có căn cứ, cơ sở để điều tra, xem xét. ***C. Củng cố - dặn dò:*** Nhận xét giờ học. Dặn HS làm bài ở nhà và chuẩn bị bài sau.	

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Toán:

Thực hành

I, Mục tiêu: Giúp học sinh

- Biết cách đo độ dài một đoạn thẳng (Khoảng cách giữa 2 điểm) trong thực tế bằng thước dây. - Biết xác định 3 điểm thẳng hàng trên mặt đất bằng cách gióng thẳng hàng trên cọc tiêu.

II, Đồ dùng dạy học:

- 1 thước dây, 1 số cọc mốc, 1 số cọc tiêu. Chuẩn bị cho mỗi nhóm 1 phiếu thực hành.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	*Hoạt động của trò*
1. Giới thiệu bài: ***2. Hướng dẫn thực hành:*** ***a. Hướng dẫn thực hành tại lớp học*** + Dùng phấn đánh dấu 2 điểm A, B trên lối đi. - Yêu cầu HS dùng thước dây đo độ dài đoạn thẳng AB. + Gióng thẳng hàng các cọc tiêu trên mặt đất. + Yêu cầu HS quan sát hình vẽ và nêu: Để xác định 3 điểm trong thực tế có thẳng hàng với nhau hay không người ta sử dụng các cọc tiêu và gióng các cọc này. ***b. Hướng dẫn thực hành ngoài lớp học***	 + 3 - 4 HS đo. + HS quan sát. + Các nhóm báo cáo kết quả thực hành.

+ Yêu cầu HS thực hành theo nhóm, ghi kết quả vào phiếu. ***C. Củng cố - dặn dò:*** - Củng cố lại nội dung bài học. Làm bài tập ở vở bài tập trang 81.	

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Mĩ thuật:

Tập nặn tạo dáng tự do

I. Mục tiêu

- HS biết chọn đề tài và những hình ảnh phù hợp để nặn.
- HS biết cách nặn và nặn đợc một hay hai hình ngời hoặc con vật, tạo dáng theo ý thích.
- HS quan tâm đến cuộc sống xung quanh.

II. Đồ dùng dạy học :

- Tranh, ảnh một số con vật quen thuộc. Hình gợi ý cách nặn. Một số con vật nặn. Đất nặn.

III. Các hoạt động dạy - học chủ yếu

Hoạt động của GV	***Hoạt động của HS***

**** ổn định tổ chức lớp*** **** Giới thiệu bài*** **** Hoạt động 1: Quan sát, nhận xét*** - Hình dáng, các bộ phận của con vật nh-ư thế nào ? khi hoạt động con vật trụng nh thế nào ? - Nhận xét về đặc điểm nổi bật của con vật? - Em thích con vật nào nhất ? ***Hoạt động 2: Cách nặn con vật*** + Nặn các bộ phận chính của con vật (thân, đầu). + Nặn các bộ phận khác (chân, tai, đuôi). + Ghép, dính các bộ phận lại + Tạo dáng và sửa chữa hoàn chỉnh con vật. ***Hoạt động 3: Thực hành*** - Trước khi làm bài cho HS quan sỏt một số con vật đã được nặn trước để rút kinh nghiệm khi vẽ. ***Hoạt động 4: Nhận xét, đánh giá*** - Gợi ý HS bày sản phẩm và nhận xét. - Tóm tắt và khen ngợi một số tác phẩm đẹp. ***Dặn dò*** : VN quan sát các đồ vật có dạng hình vuông	+ Quan sát tranh, ảnh. + Hình dáng con gà trống: *có cái mào đỏ, cổ cao, lông đuôi dài và nhiều màu, có hai chân,....* + Con trâu có cái sừng dài cong và to,.... + Kể tên một số con vật và miêu tả chúng. + Nêu tên con vật mình thích. + Chuẩn bị đất nặn, giấy lót bàn để làm bài thực hành. + Chọn con vật quen thuộc và yêu thích để nặn. + Hình dáng chung (rõ đặc điểm, đẹp); + Các bộ phận, chi tiết (hợp lí, sinh động); + Màu sắc (hài hoà, vui tơi,...). + Xếp loại một số bài theo cảm nhân riêng. + Quan sát các đồ vật có ứng dụng trang trí hình vuông.

SINH HOẠT CUỐI TUẦN 30

I. Mục tiêu:

- HS nắm được những ưu điểm, khuyết điểm của mình trong tuần để có hướng sửa chữa.

II. Nội dung:

1. GV nhận xét chung về ưu điểm, nhược điểm của lớp:

a. Ưu điểm:

- Đi học đều, đúng giờ, khăn quàng, giày dép đầy đủ, cú ý thức học tập có tiến bộ hơn.

- Một số em có ý thức học tốt hơn như: .....
- Một số em viết chữ tương đối đẹp: .....

b. Nhược điểm:

- Một số em ý thức học tập chưa tốt như: .....
- Một số em viết chữ rất xấu như: .....
- Một số chưa có ý thức giữ gìn sách vở : .....

2. Phương hướng:

- Tiếp tục phát huy những ưu điểm đã có.
- Chấm dứt tình trạng nói chuyện riêng trong giờ.
- Tuyên dương 1 số HS ý thức học tốt. Nhắc nhở 1 số HS có nhiều khuyết điểm

---

Tuần 31

Thứ 2 ngày.... tháng ...năm 20....

Tập đọc:

ĂNG - CO - VÁT

(Theo "***Những kì quan thế giới***")

I, Mục đích yêu cầu : Giúp học sinh

1. Đọc thành tiếng:

- Đọc đúng các từ ngữ: XII, Ăng-co Vát, thốt nốt, thâm nghiêm...
- Đọc trôi chảy toàn bài, biết ngắt nghỉ hơi sau dấu câu, giữa các cụm từ.
- Đọc diễn cảm toàn bài với giọng tình cảm, thán phục.

2. Đọc - hiểu:

- Hiểu được các từ ngữ: ***Kiến trúc, điêu khắc, thốt nốt, kì thú, muỗm, thâm nghiêm***.
- Hiểu được nội dung của bài tập đọc: Ca ngợi vẻ đẹp tráng lệ, uy nghi của Ăng-co Vát, một công trình kiến trúc và điêu khắc tuyệt diệu của nhân dân Cam-pu-chia.

II, Đồ dùng dạy học: Ảnh khu đền Ăng-co Vát. Bảng phụ ghi sẵn câu, đoạn văn cần luyện đọc.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	***Hoạt động của trò***
A. Bài cũ	

B. Dạy học bài mới	
1. Giới thiệu bài	
2. Hướng dẫn luyện đọc	+ 1 HS đọc cả bài tập đọc.
+ Bài tập đọc có thể chia làm mấy đoạn? Cụ thể mỗi đoạn từ đâu đến đâu?	***Đoạn 1: Ăng-coVát - đầu thế kỷ XII.*** ***Đoạn 2: Khu đền chính - xây gạch vỡ*** ***Đoạn 3: Còn lại.***
+ Theo dõi, giúp đỡ HS luyện đọc, sửa lỗi phát âm cho HS, hướng dẫn HS đọc đúng câu	+ HS luyện đọc theo đoạn
	+ Đọc phần chú giải.
+ Đọc mẫu toàn bài tập đọc.	+ Luyện đọc nhóm đôi. 2 HS thi đọc trước lớp.
3. Tìm hiểu bài	+ 1 HS đọc to, cả lớp đọc thầm.
Đoạn 1:	
+ Ăng-co Vát được xây dựng ở đâu? và từ bao giờ?	+ Ăng-co Vát được xây dựng ở Campuchia từ đầu thế kỷ XII.
	→ ý1: ***Giới thiệu chung về khu đền Ăng-co Vát.***
Đoạn 2:	+ 1 HS đọc to, cả lớp đọc thầm.
+ Khu đền chính được xây dựng kì công như thế nào?	+ Khu đền chính được xây dựng gồm 3 tầng với những ngọn tháp lớn... xây gạch nữa.
+ Du khách cảm thấy như thế nào khi đến thăm Ăng-co Vát?	+ Du khách sẽ cảm thấy như lạc vào thế giới của nghệ thuật chạm khắc và kiến trúc cổ đại. Vì nét kiến trúc ở đây rất độc đáo và có từ rất lâu đời.
+ Đoạn 2 giới thiệu điều gì?	→ ý2: ***Đền Ăng-co Vát được xây dựng rất to đẹp.***
Đoạn 3:	
+ Đoạn 3 tả cảnh khu đền vào thời gian nào?	+ lúc hoàng hôn.
+ Lúc hoàng hôn, cảnh khu đền có gì đẹp?	+ Lúc hoàng hôn, Ăng-co Vát thật huy hoàng ... tỏa ra từ các ngách.
	→ ý3: ***Vẻ đẹp uy nghi, thâm nghiêm của khu đền vào lúc hoàng hôn.***
+ Bài tập đọc cho thấy điều gì?	***Nội dung: Ca ngợi vẻ đẹp tráng lệ, uy nghi của đền Ăng-co Vát, một công trình kiến trúc và điêu khắc tuyệt diệu của nhân dân Campuchia.***
4. Luyện đọc diễn cảm	
+ YC 3 HS nối tiếp nhau đọc bài tập	

đọc. + Treo đoạn văn cần luyện đọc (đoạn 3), đọc mẫu. + Đoạn văn cần nhấn giọng ở những từ ngữ nào? ***C, Củng cố - dặn dò:*** Củng cố nội dung bài học. Dặn HS học bài và chuẩn bị bài sau.	+ 3 HS đọc. + Nêu cách đọc toàn bài: *Chậm rãi, thể hiện sự kính phục, ngưỡng mộ.* + ***Huy hoàng, chiếu soi, cao vút, lấp loáng, uy nghi, cao, thâm nghiêm.*** + HS luyện đọc nhóm đôi. + Một số HS thi đọc trước lớp.

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Toán:

Thực hành (*Tiếp*)

I, Mục tiêu: Giúp học sinh

- Biết cách vẽ trên bản đồ (có tỉ lệ cho trước) một đoạn thẳng AB (thu nhỏ) biểu thị đoạn thẳng AB có độ dài thật cho trước.

II, Đồ dùng dạy học: Giấy vẽ, thước thẳng có chia vạch cm, bút chì.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	*Hoạt động của trò*
**** Giới thiệu bài*** **** HĐ1 : Hướng dẫn vẽ đoạn thẳng AB trên bản đồ*** + Nêu ví dụ (SGK). + Để vẽ được đoạn thẳng AB trên bản đồ, trước hết chúng ta cần xác định gì? + Có thể dựa vào đâu để tính độ dài của đoạn thẳng AB thu nhỏ? + Vậy độ dài của đoạn thẳng AB thu nhỏ là bao nhiêu? + Hãy nêu cách vẽ đoạn thẳng AB dài 5 cm? ***HĐ2 : Hướng dẫn thực hành*** ***Bài 1:*** + YC HS nêu chiều dài bảng lớp đã đo ở tiết trước. + Hãy vẽ đoạn thẳng biểu thị độ dài của bảng lớp trên bản đồ có tỉ lệ 1: 50	 + Chúng ta cần xác định được độ dài đoạn thẳng AB thu nhỏ. + Dựa vào độ dài thật của đoạn thẳng AB và tỉ lệ bản đồ. + HS tự tính vào vở nháp, nêu kết quả. Đổi 20 m = 2000 cm. Độ dài đoạn thẳng AB thu nhỏ là: 2000 : 400 = 5 (cm) + HS nêu và vẽ trên bảng lớp. - Chọn điểm A trên giấy. - Đặt 1 đầu thước tại điểm A sao cho điểm A trùng với vạch số 0 của thước. - Tìm vạch chỉ số 5 cm trên thước,

Bài 2: (Tương tự) - GV n/x củng cố cách tính và cách vẽ dạng toán tỉ lệ bản đồ KQ : Đổi 8 m = 800 cm ; 6m = 600 cm Chiều dài hình chữ nhật trên bản đồ là : 800 : 200 = 4 (cm) Chiều rộng HCN trên bản đồ là : 600 : 200 = 3 (cm) ***HĐ3 : Củng cố - dặn dò:*** Củng cố lại nội dung bài học. Làm bài tập ở SGK	chấm điểm B trùng với vạch chỉ 5 cm ở thước. - Nối A với B ta được đoạn thẳng AB. - Cả lớp thực hành vẽ vào vở nháp. + 2 HS nêu; 1 HS lên bảng lớp làm; Cả lớp làm vào vở. Ví dụ: Chiều dài thật bảng lớp: 3m = 300cm Tỉ lệ bản đồ: 1 : 50 + Chiều dài thu nhỏ của bảng lớp là: 300 : 50 = 6 (cm) + Vẽ chiều dài bảng lớp. - 1 em lên bảng làm . Lớp theo dõi n/x. + 1 em vẽ trên bảng lớp

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Đạo đức:

Bảo vệ môi trường *(Tiết 2)*

I, Mục tiêu: Giúp học sinh

- Củng cố hành vi đạo đức "Bảo vệ môi trường".
- Biết bảo vệ, giữ gìn môi trường trong sạch.
- Đồng tình, ủng hộ trước những hành vi bảo vệ môi trường.

II, Đồ dùng dạy học:

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	*Hoạt động của trò*
A. Kiểm tra bài cũ ***B. Dạy học bài mới:*** **** Giới thiệu bài*** ****HĐ1: Tập làm "nhà tiên tri" (Bài tập 2 - SGK)*** *****Bài 2:*** + Chia lớp làm các nhóm và giao nhiệm vụ thảo luận cho các nhóm. + Theo dõi, giúp đỡ các nhóm thảo luận. + Tổ chức cho các nhóm trình bày kết	 + 2 HS nêu yêu cầu của bài tập. + Đại diện các nhóm trình bày, các nhóm khác nêu ý kiến nhận xét, bổ sung. a. *Các loại cá tôm bị tuyệt diệt, ảnh*

quả thảo luận. ***HĐ2: Bày tỏ ý kiến của em** ****Bài tập 3 (SGK):** + Tổ chức cho HS thảo luận cặp đôi. + YC HS trình bày và lí giải vì sao tán thành? Vì sao không tán thành? - **Lưu ý HS ý (a) sửa lại** : Cần bảo vệ loại vật có ích và loại vật quý hiếm => ***Bảo vệ môi trường cũng chính là bảo vệ cuộc sống hôm nay và mai sau. Có nhiều cách bảo vệ môi trường như: trồng cây gây rừng, bảo vệ nguồn nước...*** ***HĐ3: Xử lí tình huống*** ****Bài tập 4 (SGK):** + Theo dõi, giúp đỡ các nhóm. + YC các nhóm nêu ý kiến. + Kết luận câu trả lời đúng. ***Kết luận: Bảo vệ môi trường là ý thức trách nhiệm của mọi người chứ không phải của riêng ai.*** ***C. Củng cố - dặn dò*** + Em biết gì về tình hình môi trường ở địa phương em? Em đã làm những gì để bảo vệ môi trường? Thực hiện các việc làm bảo vệ môi trường. - Chuẩn bị bài sau.	*hưởng đến sự tồn tại của chúng và thu nhập sau này của con người.* *b. Thực phẩm không an toàn ảnh hưởng đến sức khỏe con người, môi trường đất và nước bị ô nhiễm.* *c. Gây ra hạn hán, lũ lụt, hỏa hoạn, xói mòn đất, sạt núi.* *d. Làm ô nhiễm nguồn nước, động vật dưới nước bị chết.* *đ. Làm ô nhiễm không khí (bụi, tiếng ồn).* *e. Làm ô nhiễm nguồn nước, không khí.* + 2 HS nêu yêu cầu của bài tập. + HS thảo luận cặp đôi. + Một số HS trình bày ý kiến của mình. Nhận xét, bổ sung. a, Tán thành. b, Không tán thành. c, Tán thành d, Tán thành e, Tán thành + 2 HS nêu yêu cầu của bài tập. + Thảo luận theo 4 nhóm. + Đại diện các nhóm trình bày. + Nhóm khác nhận xét, bổ sung. + Một số học sinh nêu. + HS nêu.

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Địa lí:

Biển, đảo và quần đảo

I, Mục tiêu: Giúp học sinh

- Chỉ trên bản đồ Việt Nam, vị trí biển đông, vịnh Bắc Bộ, vịnh Hạ Long, vịnh Thái Lan, các đảo và quần đảo Cát Bà, Phú Quốc, Trường Sa, Hoàng Sa.

II, Đồ dùng dạy học: Bản đồ địa lí TNVN. Tranh, ảnh về biển, đảo Việt Nam.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	***Hoạt động của trò***
A. Kiểm tra bài cũ: ***B. Dạy học bài mới:*** ****Giới thiệu bài*** ***HĐ1: Tìm hiểu vùng biển Việt Nam*** + Yêu cầu HS thảo luận nhóm, quan sát và thực hiện các yêu cầu sau: - Chỉ trên bản đồ địa lí TNVN, vị trí biển Đông, vịnh Bắc Bộ, vịnh Thái Lan. - Nêu những giá trị của biển Đông đối với nước ta? + Nhận xét, tiểu kết. ***HĐ2: Tìm hiểu đảo và quần đảo của Việt Nam.*** +Yêu cầu HS đọc thầm phần 2 SGK + Giải thích 2 khái niệm đảo và quần đảo. + Chia lớp làm 6 nhóm, yêu cầu các nhóm thảo luận nội dung sau. + Chỉ trên bản đồ địa lí TNVN các đảo và quần đảo chính. + Nhóm 1+5: Vịnh Bắc Bộ. + Nhóm 2+4: Biển miền Trung. + Nhóm 3+6: Biển phía Nam và Tây Nam. => Nhận xét, tiểu kết: Nước ta có rất nhiều đảo và quần đảo → Mang nhiều lợi ích kinh tế, do đó chúng ta cần phải	+ Các nhóm tiến hành thảo luận, trao đổi. + Đại diện 4 nhóm trình bày kết quả trước lớp. Lớp theo dõi, nhận xét. + Chỉ trên bản đồ vị trí biển Đông, vịnh Bắc Bộ, vịnh Thái Lan. + Những giá trị mà biển Đông đem lại là: Muối, khoáng sản, hải sản, du lịch, cảng biển. + HS đọc SGK. Lớp theo dõi, ghi nhớ. + Tiến hành thảo luận nhóm. + Đại diện các nhóm nêu ý kiến. + Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - Vịnh Bắc Bộ có đảo Cái Bầu, Cát Bà, vịnh Hạ Long... - Biển miền Trung: Lí Sơn, Phú Quốc, quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. + Biển phía Nam và Tây Nam có Côn Đảo...

khai thác hợp lí nguồn tài nguyên này. ***C, Củng cố - dặn dò:*** - Nhận xét giờ học. Dặn HS chuẩn bị bài sau.	

Thứ 3 ngày 13 tháng 4 năm 2010

Khoa học:

Trao đổi chất ở thực vật

I, Mục tiêu: Giúp học sinh

- Nêu được trong quá trình sống, thực vật thường xuyên lấy gì từ môi trường và thải ra môi trường những gì?
- Vẽ và trình bày được sự trao đổi khí và trao đổi thức ăn ở thực vật.

II, Đồ dùng dạy học: Hình minh họa trang 122/ SGK. Bảng phụ vẽ sẵn sơ đồ sự trao đổi khí và trao đổi thức ăn ở thực vật.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu

Hoạt động của thầy	***Hoạt động của trò***
A. Bài cũ: ***B. Dạy học bài mới:*** ****. Giới thiệu bài*** ****. HĐ1: Tìm hiểu sự trao đổi chất ở thực vật*** + YC HS quan sát hình vẽ trang 112 và mô tả nội dung bức tranh? + Trong quá trình sống, cây thường xuyên phải lấy từ môi trường những gì? + Trong quá trình hô hấp, cây thải ra môi trường những gì? → *Quá trình trên được gọi là quá trình trao đổi chất ở thực vật.* + Thế nào là quá trình trao đổi chất ở thực vật? → *Trong quá trình sống, cây xanh phải thường xuyên trao đổi chất với môi trường. Cây xanh lấy từ môi trường các chất khoáng... và thải ra môi trường...*	+ HS thảo luận nhóm đôi và nêu hình vẽ mô tả cây xanh. + Các chất khoáng có trong đất, nước, khí 0_2 và $C0_2$. + Thải ra $C0_2$, hơi nước, khí 0_2 và các chất khoáng khác. + Là quá trình cây xanh lấy từ môi trường các chất khoáng, khí $C0_2$, 0_2, nước và thải ra môi trường khí $C0_2$, hơi nước và các chất khoáng khác. + Thực vật hấp thụ khí 0_2 và thải ra khí

Vậy sự trao đổi chất ở thực vật thông qua sự trao đổi khí và trao đổi thức ăn. + Sự trao đổi khí trong hô hấp ở thực vật diễn ra như thế nào? + Sự trao đổi thức ăn ở thực vật diễn ra như thế nào? ***HĐ2: Thực hành vẽ sơ đồ sự trao đổi chất ở thực vật*** - Yêu cầu các nhóm thảo luận nhóm, vẽ sơ đồ vào giấy nháp. - Nhận xét, tuyên dương các nhóm. ***C, Củng cố - dặn dò:*** - Nhận xét giờ học. Dặn HS chuẩn bị bài sau.	$C0_2$. + Dưới tác đụng của ánh sáng môi trường, thực vật hấp thụ khí 0_2, hơi nước, các chất khoáng và thải ra khí $C0_2$, hơi nước, các chất khoáng. + Học sinh nhận xét, bổ sung. + 1 số học sinh lên bảng trình bày trên bảng (chỉ vào sơ đồ và nêu).

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Toán:

Ôn tập về số tự nhiên

I, Mục tiêu: Giúp học sinh ôn tập về:
- Đọc iết số tự nhiên trong hệ thập phân.
- Hàng và lớp; giá trị của chữ số.
- Dãy số tự nhiên và 1 số đặc điểm của dãy số này.

II, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	*Hoạt động của trò*
**** Giới thiệu bài:*** **** HĐ1: Hướng dẫn ôn tập*** + Giao bài tập (VBT) + Lưu ý yêu cầu của từng bài tập cho học sinh, theo dõi, giúp đỡ học sinh làm bài. + Chấm bài của một số 3m, nhận xét. **** HĐ2: Chữa bài kết hợp củng cố kiến thức*** ***Bài 1:*** Viết vào ô trống (theo mẫu) + YC 1 số học sinh đọc số, nêu các hàng, lớp của số tự nhiên đã học.	 + 1 HS lên chữa bài. + HS nhận xét, bổ sung. -1 em lên bảng làm. Lớp theo dõi n/x KQ : Khoanh vào ý (C)

Bài 2: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng. + Vì sao em khoanh tròn vào câu C? - GV n/x củng cố cách chuyển 1 số thành 1 tổng ***Bài 3, 4:*** Viết tiếp vào chỗ chấm (theo mẫu). + Giá trị của chữ số phụ thuộc vào đâu? ***Bài 5:*** Viết số thích hợp vào ô trống: *+ 2 số tự nhiên liên tiếp hơn kém nhau bao nhiêu đơn vị?* *+ 2 số chẵn liên tiếp hơn kém nhau bao nhiêu đơn vị?* *+ 2 số lẻ liên tiếp hơn kém nhau bao nhiêu đơn vị?* ***C, Củng cố - dặn dò:*** - Củng cố nội dung bài học. Làm bài tập ở SGK.	+ Vì 70 508 có chữ số 7 đứng ở hàng chục nghìn nên có giá trị = 70 000… + 2 HS nêu.HS khác nhận xét. + Phụ thuộc vào vị trí của nó trong 1 số cụ thể. + 1 HS lên chữa bài. + HS nhận xét.

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Luyện từ và câu:

Thêm Trạng ngữ cho câu

I, Mục đích yêu cầu : Giúp học sinh

- Hiểu thế nào là trạng ngữ, ý nghĩa của trạng ngữ.
- Nhận diện được trạng ngữ trong câu và biết đặt câu có trạng ngữ.

II, Đồ dùng dạy học: Bài tập 1 viết vào bảng phụ.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	*Hoạt động của trò*
A. Kiểm tra bài cũ: ***B. Dạy học bài mới:*** ***1. Giới thiệu bài*** ***2. Tìm hiểu ví dụ*** **** Bài 1,2,3:*** + Phần in nghiêng trong câu b là gì? (Chép bảng câu, gạch chân từ in nghiêng). + Phần in nghiêng giúp em hiểu điều gì?	+ 3 HS tiếp nối nhau nêu yêu cầu của 3 bài tập.

+ Hãy đặt câu hỏi cho phần in nghiêng? + Hãy thay đổi phần in nghiêng trong câu? + Em có nhận xét gì về vị trí của các phần in nghiêng? + Khi ta thay đổi vị trí của các phần in nghiêng thì nghĩa của câu có bị thay đổi không? ***Kết luận: Các phần in nghiêng trong câu trên là TN. Đây là TPP trong câu xác định nguyên nhân, thời gian, nơi chốn, mục đích... của sự việc nêu trong câu.*** + Trạng ngữ trả lời cho những câu hỏi nào? Trạng ngữ đứng ở vị trí nào trong câu? → Ghi nhớ (SGK). ***3. Luyện tập*** ***Bài 1:*** Tìm trạng ngữ trong các câu sau: + Treo bảng phụ chép sẵn bài tập 1. + Vì sao em xác định được đó là trạng ngữ? + Nêu ý nghĩa của từng trạng ngữ trong câu? ***Bài 2:*** Viết 1 đoạn văn ngắn... + YC HS tự viết đoạn văn ngắn. + Một số HS đọc trước lớp. + HS nhận xét, chữa bài. ***C, Củng cố - dặn dò:*** - Củng cố nội dung bài học. Làm bài tập ở SGK.	+ Nhờ tinh thần học hỏi giúp em hiểu nguyên nhân vì sao I-ren trở thành nhà khoa học lớn và "Sau này" giúp em xác định được thời gian I-ren trở thành 1 nhà khoa học nổi tiếng. + HS tiếp nối nhau đặt câu hỏi. Ví dụ: Sau này, I-ren trở thành 1 nhà khoa học nổi tiếng nhờ ham học hỏi. + Phần in nghiêng có thể đứng đầu câu, cuối câu hoặc giữa câu. + Nghĩa của câu không thay đổi. + HS nêu + 2 HS nhắc lại. + 2 HS nêu yêu cầu. + 1 HS làm trên bảng lớp. Cả lớp làm vào vở bài tập. HS nhận xét, bổ sung kết quả làm bài trên lớp của bạn. a. Ngày xưa (thời gian) b. Trong vườn (nơi chốn) c. Từ tờ mờ sáng. Vì vậy, mỗi năm (TG) (KQ) (TG) + 2 HS nêu yêu cầu.

Lịch sử:

Nhà Nguyễn thành lập

I, Mục tiêu: Giúp học sinh

- Nêu được hoàn cảnh ra đời của nhà Nguyễn; Kinh đô thời Nguyễn và một số ông vua của triều Nguyễn.
- Nêu được các chính sách hà khắc, chặt chẽ của nhà Nguyễn nhằm đảm bảo quyền lợi của dòng họ mình.

II, Đồ dùng dạy học:

- Hình ảnh minh họa trong SGK phóng to (nếu có điều kiện)
- Bảng phụ viết sẵn câu hỏi gợi ý cho hoạt động 2.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	*Hoạt động của trò*
A. Bài cũ: ***B. Dạy học bài mới;*** **** Giới thiệu bài*** ***HĐ1: Tìm hiểu hoàn cảnh ra đời và sự thống trị của nhà Nguyễn*** + YC HS thảo luận nhóm câu hỏi: *- Nhà Nguyễn ra đời như thế nào?* *- Sau khi lên ngôi hoàng đế, Nguyễn Ánh lấy niên hiệu là gì? Đặt kinh đô ở đâu? Từ năm 1802 → 1858, triều Nguyễn đã trải qua các đời vua nào?* *- Nhà Nguyễn đã thống trị đất nước như thế nào?* ***HĐ2: Tìm hiểu đời sống của nhân dân dưới thời Nguyễn*** *+ Theo em, với cách thống trị hà khắc của các vua thời Nguyễn, cuộc sống của nhân dân ta sẽ như thế nào?*	*+ Sau khi vua Quang Trung mất, triều Tây Sơn suy yếu. Lợi dụng hoàn cảnh đó Nguyễn Ánh đã đem quân tấn công lật đổ nhà Tây Sơn và lập ra nhà Nguyễn.* *+ Năm 1802, Nguyễn Ánh lên ngôi vua chọn Phú Xuân (Huế) làm nơi đóng đô và đặt niên hiệu là Gia Long. Từ năm 1802 → 1858, nhà Nguyễn đã trải qua các đời vua Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức.* *+ Vua triều Nguyễn không muốn chia sẻ quyền hành cho ai. Tổ chức quân đội gồm nhiều thứ quân; ban hành bộ luật Gia Long...* + Cuộc sống của nhân dân ta vô cùng

→ Nêu 1 số dẫn chứng: *Dưới thời Nguyễn, vua quan bóc lột dân thậm tệ, người giàu có công khai sát hại người nghèo. Pháp luật dung túng cho người giàu. Chính vì thế mà nhân dân ta có câu ca:* *"Con ơi nhớ lấy câu này* *Cướp đêm là giặc, cướp ngày là quan"* ***C, Củng cố - dặn dò:*** Củng cố nội dung bài học. Dặn HS học bài và chuẩn bị bài sau.	cực khổ.

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Kể chuyện:

Kể chuyện được chứng kiến hoặc tham gia

I, Mục đích yêu cầu :

- Kể được một câu chuyện về một cuộc du lịch hoặc cắm trại mà em được chứng kiến hoặc tham gia theo lời kể của mình một cách tự nhiên.
- Biết đánh giá, nhận xét lời kể của bạn.

II , Đồ dùng dạy học : Bảng phụ ghi gợi ý trong SGK

II, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	*Hoạt động của trò*
A. Kiểm tra bài cũ ***B. Dạy học bài mới:*** ***1. Giới thiệu bài*** ***2. Tìm hiểu yêu cầu của đề bài*** + Đề bài yêu cầu chúng ta điều gì? ***3. Hướng dẫn kể chuyện*** + Hãy nối tiếp nhau đọc mục gợi ý (SGK). + Nội dung câu chuyện là gì? + Khi kể em nên dùng từ xưng hô như thế nào? + Hãy giới thiệu với các bạn câu chuyện em sẽ kể + Khi kể câu chuyện chúng ta cần kể theo	+ Một số học sinh đọc yêu cầu. + 2 HS đọc. + Kể về 1 chuyến du lịch hoặc cắm trại mà em được tham gia. + Xưng tôi (mình)... + HS nối tiếp nhau giới thiệu. + HS nêu (gợi ý 2 - SGK).

trình tự như thế nào? ***4. Hướng dẫn kể trong nhóm*** + Yêu cầu HS kể theo nhóm đôi. Trao đổi về ý nghĩa câu chuyện, đánh giá câu chuyện bạn kể, đặt câu hỏi cho bạn. + Theo dõi, giúp đỡ HS kể chuyện. ***5. Thi kể chuyện trước lớp*** + Tổ chức cho HS thi kể chuyện trước lớp. + Nhận xét, tuyên dương HS kể hay. ***C, Củng cố - dặn dò:*** Nhận xét giờ học. Dặn HS kể chuyện ở nhà và chuẩn bị bài sau	+ HS thực hành kể chuyện trong nhóm, trao đổi về ý nghĩa câu chuyện. + 5-7 HS thi kể chuyện trước lớp. + HS nhận xét bạn kể, đặt câu hỏi cho bạn hoặc trả lời câu hỏi của bạn.

.ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Thứ 4 ngày 14 tháng 4 năm 2010

Thể dục

BÀI 61

Anh Cường dạy

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Tập đọc:

Con chuồn chuồn nước

I, Mục đích yêu cầu: Giúp học sinh

1. Đọc thành tiếng:

- Đọc đúng các từ ngữ: lấp lánh, lộc vừng, lặng sóng, rì rào...
- Đọc trôi chảy toàn bài, ngắt nghỉ hơi đúng sau dấu câu, giữa các cụm từ.
- Đọc diễn cảm toàn bài với giọng nhẹ nhàng, êm ả.

2. Đọc - hiểu:

- Hiểu nghĩa các từ ngữ.
- Hiểu được nội dung bài: ***Ca ngợi vẻ đẹp sinh động của chú chuồn chuồn nước, cảnh đẹp của thiên nhiên, đất nước theo cánh bay của chú chuồn chuồn. Qua đó bộc lộ tình yêu quê hương đất nước của tác giả.***

II, Đồ dùng dạy học: Tranh phóng to SGK. Bảng phụ chép sẵn câu văn, đoạn văn cần luyện đọc.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	*Hoạt động của trò*
A. Bài cũ	

B. Dạy học bài mới	
1. Giới thiệu bài	
2.: Hướng dẫn luyện đọc	
+ Bài tập đọc có thể chia làm mấy đoạn? Cụ thể mỗi đoạn như thế nào?	+ 1 HS đọc cả bài tập đọc. + 2 đoạn: Đoạn 1: Từ đầu... phân vân Đoạn 2: Còn lại
+ YC HS luyện đọc nối tiếp theo đoạn, theo dõi, sửa lỗi phát âm cho học sinh.	+ Luyện đọc theo cặp (3 lượt)
+ Đọc mẫu toàn bài tập đọc.	+ Luyện đọc nhóm đôi. + 2 HS thi đọc trước lớp. + 1 HS đọc to, cả lớp đọc thầm.
3. Tìm hiểu bài	
**** Đoạn 1:***	
+ Chú chuồn chuồn nước được miêu tả đẹp như thế nào?	*+ Bốn cái cánh mỏng như giấy bóng. Hai con mắt long lanh như thủy tinh. Thân chú nhỏ và thon vàng như màu vàng của nắng mùa thu. Bốn cánh khẽ rung rung như còn đang phân vân.*
+ Chú chuồn chuồn nước được miêu tả rất đẹp nhờ biện pháp nghệ thuật nào?	*+ Nhờ biện pháp nghệ thuật so sánh.*
+ Em thích hình ảnh so sánh nào? Vì sao?	+ HS tự nêu.
+ Vậy đoạn 1 cho em biết điều gì?	ý1***: Miêu tả vẻ đẹp về hình dáng và màu sắc của chú chuồn chuồn nước.***
	+ 1 HS đọc to.
**** Đoạn 2:***	
+ Cách miêu tả chú chuồn chuồn bay của tác giả có gì hay?	*+ Tác giả tả đúng cách bay vọt lên bất ngờ của chú và theo cánh bay của chú, cảnh đẹp của đất nước lần lượt hiện lên.* *+ Mặt hồ trải... cao vút.*
+ Tình yêu quê hương đất nước của tác giả thể hiện qua những câu văn nào?	***ý2: Tình yêu quê hương đất nước của tác giả miêu tả cảnh đẹp của làng quê***
+ Đoạn 2 cho biết điều gì?	
+ Bài văn nói lên điều gì?	**** Nội dung: Ca ngợi vẻ đẹp sinh động của chú chuồn chuồn nước, cảnh đẹp của thiên nhiên đất nước theo cánh bay của chú chuồn chuồn. Qua đó bộc lộ tình yêu quê hương***
4: Luyện đọc diễn cảm	
+ YC 2 HS nối tiếp nhau đọc cả bài.	
+ Treo đoạn 1 đã viết sẵn ở bảng phụ.	

C, Củng cố - dặn dò: Nhận xét giờ học. Dặn HS chuẩn bị bài sau.	***đất nước của tác giả.*** + 2 HS đọc, nêu cách đọc cả bài. + Xác định các từ nhấn giọng. + Luyện đọc nhóm đôi. + Một số HS thi đọc trước lớp.

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Toán:

Ôn tập về số tự nhiên (*Tiếp*)

I, Mục tiêu: Giúp học sinh củng cố về:

- So sánh các số tự nhiên.
- Xếp thứ tự các số tự nhiên.

II, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	*Hoạt động của trò*
A. Bài cũ: ***B. Dạy học bài mới:*** **** Giới thiệu bài*** **** HĐ1: Hướng dẫn luyện tập*** - Lưu ý cho HS yêu cầu của từng bài. - Theo dõi, giúp đỡ HS làm bài. - Chấm bài của 1 số em, nhận xét. **** HĐ2: Hướng dẫn chữa bài*** ******Bài 1:*** >; <; = Căn cứ vào đâu mà em điền được dấu? + Nêu cách so sánh 2 số tự nhiên? - GV n/x củng cố cách so sánh 2 số tự nhiên ******Bài 2:*** Khoanh và chữ đặt trước câu trả lời đúng. ******Bài 3, 4, 5:*** + Hãy đọc to bảng số liệu điều tra dân số ở 1 số tỉnh, thành phố ở nước ta tháng 4 năm 1999. + Ở bài tập 4 vì sao em điền được số 200, 300, 400? ***C, Củng cố - dặn dò:*** - Nhận xét, củng cố	 + 2 HS nối tiếp nhau nêu yêu cầu. + Tự làm bài tập vào vở bài tập. + 1 HS lên chữa bài. + Nhận xét, bổ sung. + Dưới lớp 1 số HS nêu, HS khác nhận xét. + HS lí giải vì sao khoanh tròn vào câu D. + 3 HS lên chữa bài. + HS khác nhận xét, bổ sung. + 1-2 HS đọc. + Vì số cần tìm là số tròn trăm lớn hơn 190 và bé hơn 410.

lại giờ học. Làm bài tập ở SGK.	

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Tập làm văn:

Luyện tập miêu tả các bộ phận của con vật

I, Mục đích yêu cầu : Giúp học sinh

- Luyện tập quan sát các bộ phận của con vật.
- Biết sử dụng các từ ngữ miêu tả, hình ảnh so sánh để làm nổi bật những đặc điểm của con vật.

II, Đồ dùng dạy học: Chuẩn bị con vật mà em yêu thích. Bài tập 1 viết sẵn vào bảng phụ, 1 số tờ giấy A_4.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

<table>
<tr><th>Hoạt động của thầy</th><th>Hoạt động của trò</th></tr>
<tr><td>
A. Kiểm tra bài cũ
B. Dạy học bài mới
1. Giới thiệu bài:
2. Hướng dẫn làm bài tập
***Bài 1, 2:
+ YC HS dùng bút chì gạch chân dưới các từ ngữ miêu tả những biện pháp của con vật.
+ Kẻ bảng: Các biện pháp, từ ngữ miêu tả.
<table>
<tr><th>Các bộ phận</th><th>Từ ngữ miêu tả</th></tr>
<tr><td>- Hai tai
- Hai lỗ mũi
- Hai hàm răng
- Bờm
- Ngực
- Bốn chân
- Cái đuôi</td><td>- To, dựng đứng trên cái đầu rất đẹp.
- Ươn ướt, động đậy.
- Trắng muốt.
- Được cắt rất phẳng.
- Nở
-Khi đứng cứ dậm lộp cộp trên đất
-Dài, ve vẩy hết sang phải lại sang trái</td></tr>
</table>
***Bài 3:
+ Lưu ý cho HS khi viết cần sử dụng hình ảnh so sánh, phép nhân hóa.
+ Nhận xét, cho điểm HS viết tốt.
</td><td>
+ 2 HS nêu yêu cầu và nội dung của bài tập.
+ HS nêu.

+ HS nêu yêu cầu
+ HS tự làm vào vở bài tập, 2 HS làm vào giấy khổ to.
+ Dán phiếu lên bảng lớp. Nhận xét.
+ Một số HS khác đọc bài làm dưới lớp.
</td></tr>
</table>

C. Củng cố - dặn dò: Giao bài tập về nhà. Dặn HS chuẩn bị bài sau.	

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Thứ 5 ngày 15 tháng 4 năm 2010

Luyện từ và câu

Thêm trạng ngữ chỉ nơi chốn cho câu

I, Mục đích yêu cầu : Giúp học sinh

- Hiểu được ý nghĩa, tác dụng của trạng ngữ chỉ nơi chốn trong câu.
- Xác định được từ ngữ chỉ nơi chốn.
- Viết được câu có sử dụng trạng ngữ chỉ nơi chốn phù hợp với sự việc và tìm sự việc phù hợp với trạng ngữ chỉ nơi chốn.

II, Đồ dùng dạy học: Bảng phụ chép sẵn bài tập 1.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	*Hoạt động của trò*
A. Bài cũ: ***B. Dạy học bài mới:*** ***1. Giới thiệu bài*** ***2. Phần ví dụ*** ***Bài 1:*** Tìm trạng ngữ trong những câu sau và cho biết chúng bổ sung ý nghĩa gì cho câu? + Nêu yêu cầu và nội dung của bài tập?	+ 2 HS nêu yêu cầu và nội dung. + HS thảo luận cặp đôi. Dùng bút chì gạch chân dưới bộ phận trạng ngữ vào SGK. Muốn xác định được trạng ngữ trước hết phải xác định chủ ngữ, vị ngữ trong câu. + Một số HS nêu, HS khác nhận xét. a. Trước nhà (Chỉ nơi chốn). b. Trên các hè phố, trước cổng cơ quan, trên mặt đường nhựa, từ khắp nơi cửa ô trở về (trạng ngữ chỉ nơi chốn). + HS nối tiếp nhau nêu, HS khác nhận xét, bổ sung.
Bài 2: Đặt câu hỏi cho các trạng ngữ tìm được ở câu trên. + YC HS tự đặt câu hỏi.	- Ở đâu mấy cây hoa sấu nở tưng bừng? - Ở đâu hoa sấu vẫn nở, vẫn vương vãi khắp thủ đô? + Cho ta biết rõ nơi chốn diễn ra sự việc

	trong câu.
+ Trạng ngữ chỉ nơi chốn có ý nghĩa gì?	+ Trả lời câu hỏi: ở đâu?
+ Trạng ngữ chỉ nơi chốn trả lời cho câu hỏi nào?	+ 2 HS nhắc lại.
→ Ghi nhớ (SGK).	+ HS nêu yêu cầu và bài tập.
3. Luyện tập	
Bài 1: Tìm trạng ngữ chỉ nơi chốn trong các câu sau.	+ 1 HS làm bài trên bảng, cả lớp làm vào vở bài tập. HS nêu, HS khác trả lời. (Nhờ có các TN)
+ Làm thế nào em xác định được đó là trạng ngữ?	- Trước rạp. - Trên bờ. - Dưới những mái nhà ẩm nước.
Bài 2: Thêm các trạng ngữ chỉ nơi chốn cho các câu.	+ HS nêu yêu cầu. + Cả lớp tự làm bài. + HS nối tiếp nhau nêu, HS khác nhận xét.
Bài 3: Các câu dưới đây mới chỉ có trạng ngữ chỉ nơi chốn, hãy thêm những bộ phận cần thiết để hoàn chỉnh câu.	+ HS nêu yêu cầu. + Chủ ngữ và vị ngữ. + Tự làm bài.
+ Bộ phận cần thiết để hoàn chỉnh câu là những bộ phận nào?	+ HS nối tiếp nhau nêu, HS khác nhận xét.
C, Củng cố - dặn dò: Nhận xét giờ học. Dặn HS chuẩn bị bài sau.	

Toán:

Ôn tập về số tự nhiên (tiếp)

I, Mục tiêu: Giúp học sinh

- Ôn tập về các dấu hiệu chia hết cho 2, 3, 5, 9 và giải các bài toán có liên quan đến dấu hiệu chia hết.

II, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	***Hoạt động của trò***

A. Bài cũ ***B. Dạy học bài mới*** ****. Giới thiệu bài:*** **** HĐ1: Hướng dẫn luyện tập*** + Lưu ý cho HS yêu cầu từng bài tập. + Những số như thế nào thì chia hết cho 2, 3, 5, 9. + Số như thế nào vừa chia hết cho 2, vừa chia hết cho 3? + Theo dõi, giúp đỡ học sinh làm bài. + Chấm bài của 1 số em, nhận xét. **** HĐ2: Hướng dẫn chữa bài*** ***Bài 1:*** Viết tiếp vào chỗ chấm + Vì sao em biết đó là những số chia hết cho 2, 3, 5, 9? - GV n/x củng cố về các dấu hiệu chia hết ***Bài 2:*** Viết 2 số, mỗi số có 3 chữ số - Y/C hS nêu cách làm - GV n/x	+ HS nối tiếp nhau nêu yêu cầu của từng bài tập. + Số có chữ số tận cùng là chữ số chẵn và có tổng các chữ số là 1 số chia hết cho 3. + Tự làm bài tập + 1 HS lên bảng chữa bài. Lớp nhận xét, bổ sung. + 1-2 HS lí giải cách làm. + HS nối tiếp nhau nêu. + HS lắng nghe, nhận xét bổ sung. + HS lí giải cách làm. - 3 em lên bảng làm. Lớp theo dõi n/x. ***Bài 3:*** HS nêu số khoanh tròn, lí giải vì sao lại khoanh tròn vào chữ số đó.
Bài 3, 4, 5: ***C, Củng cố - dặn dò:*** Nhận xét, củng cố lại nội dung bài học. Làm bài tập ở SGK.	***Bài 4:*** HS nêu số viết được. Đáp án: 305, 350. ***Bài 5:*** 1 HS chữa bài, HS khác nhận xét. *Vì số bánh đó chia cho 2 bạn hoặc 5 bạn thì vừa đủ nên số bánh đó vừa chia hết cho 2 vừa chia hết cho 5. Số lớn hơn 12, bé hơn 30 vừa chia hết cho 2 vừa chia hết cho 5 chỉ có thể là 20.*

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Chính tả:

Nghe lời chim nói

I, Mục đích yêu cầu: Giúp học sinh

- Nghe - viết chính xác, đẹp bài thơ "Nghe lời chim nói".

- Làm đúng bài tập chính tả phân biệt hỏi / ngã.

II, Đồ dùng dạy học: Bài tập 3b viết sẵn lên bảng phụ, giấy khổ to.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	*Hoạt động của trò*
A. Bài cũ:	
B. Dạy học bài mới:	
1. Giới thiệu bài	
2. Hướng dẫn viết chính tả	
+ Gọi HS đọc bài chính tả.	+ 1 HS đọc lại.
+ Loài chim nói về điều gì?	+ Loài chim nói về những cánh đồng mùa nối mùa, với những con người say mê lao động, về những thành phố hiện đại, những công trình thủy điện.
+ Tìm trong bài chính tả những từ ngữ dễ lẫn khi viết?	+ Lắng nghe, bận rộn, say mê, thanh khiết, ngỡ ngàng.
+ Đọc từng từ khó.	+ Luyện viết từ khó.
+ Đọc từng câu của bài thơ.	+ Viết bài chính tả.
+ Chấm bài của 1 số em, nhận xét.	+ Soát lỗi.
3. Hướng dẫn luyện tập	
Bài tập 2b:	+ 2 HS nêu yêu cầu của bài tập.
	+ Các nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét, bổ sung
- Tìm 3 từ láy bắt đầu bằng tiếng có thanh hỏi: M: nghỉ ngơi.	- bỏm bẻm, bồi hồi bồi hồi, cỏn con, dở dang, hỏi han, hể hả, khảng khải, lả lướt, lẻ loi, ...
+ Tìm 3 từ láy bắt đầu bằng tiếng có thanh ngã. M: nghĩ ngợi.	+ Bão bùng, bẽn lẽn, bỗ bã, cãi cọ, dữ dội, hững hờ, kẽo kẹt, lẫm chẫm, lũn chũn, õng ẹo...
+ Các nhóm trình bày, nhóm khác bổ sung.	+ 2 HS nêu yêu cầu.
+ YC HS khác nêu các từ (nếu còn phát hiện ra).	+ 1 HS làm trên bảng lớp, cả lớp làm vào vở bài tập.
Bài tập 3b: Chọn các tiếng trong ngoặc đơn để hoàn chỉnh đoạn văn sau	+ HS nhận xét bài làm đúng: ở, cũng, cảm, cả.
	+ 1 HS đọc lại đoạn văn đã hoàn chỉnh.

C, <u>Củng cố – dặn dò:</u> - Củng cố lại nội dung giờ học.
- Dặn HS chuẩn bị bài sau.

Khoa học:

Động vật cần gì để sống ?

I, Mục tiêu: Giúp học sinh

- Biết cách làm thí nghiệm, phân tích thí nghiệm để biết được vai trò của nước, thức ăn, không khí và ánh sáng đối với đời sống của động vật.
- Hiểu được những điều kiện cần để động vật sống và phát triển bình thường.
- Có khả năng áp dụng những kiến thức khoa học trong việc chăm sóc vật nuôi trong nhà.

II, Đồ dùng dạy học: - Tranh minh họa trang 124, 125 SGK phóng to (nếu có điều kiện).
- Phiếu thảo luận nhóm.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

<table>
<tr><th>Hoạt động của thầy</th><th>Hoạt động của trò</th></tr>
<tr><td>A: Kiểm tra bài cũ:
B. Dạy học bài mới:
*. Giới thiệu bài:
HĐ1: Trình bày cách tiến hành thí nghiệm “Động vật cần gì để sống?”
+ Tổ chức cho HS thảo luận nhóm. Quan sát 5 con chuột trong thí nghiệm và trả lời các câu hỏi.</td><td>

+ HS thảo luận nhóm và trả lời.
+ Nhóm khác nhận xét.</td></tr>
<tr><td colspan="2"><table>
<tr><th>Chuột ở hộp</th><th>Điều kiện được cung cấp</th><th>Điều kiện còn thiếu</th></tr>
<tr><td>1</td><td>Ánh sáng, nước, không khí</td><td>Thức ăn</td></tr>
<tr><td></td><td>Ánh sáng, không khí, thức ăn</td><td>Nước</td></tr>
<tr><td>2</td><td>Ánh sáng, không khí, nước, thức ăn</td><td></td></tr>
<tr><td>3</td><td>Ánh sáng, nước, thức ăn</td><td>Không khí</td></tr>
<tr><td>4</td><td>Nước, không khí, thức ăn</td><td>Ánh sáng</td></tr>
<tr><td>5</td><td></td><td></td></tr>
</table></td></tr>
<tr><td>+ Các con chuột trên có những điều kiện sống nào giống nhau?
+ Những con chuột nào thiếu điều kiện sống? đó là điều kiện gì?
? Thí nghiệm các em vừa phân tích chứng tỏ điều gì?</td><td>+ Cùng nuôi thời gian như nhau, trong 1 chiếc hộp giống nhau.
- Con 1: Thiếu thức ăn vì trong hộp của nó chỉ có bát nước.
- Con 2: Thiếu nước uống vì trong hộp của nó chỉ có đĩa thức ăn.</td></tr>
</table>

+ Em hãy dự đoán xe, để sống thì động vật cần có những điều kiện nào? + Trong các con chuột trên, con chuột nào được cung cấp đủ các điều kiện đó? ***HĐ2: Tìm hiểu điều kiện cần để động vật sống và phát triển bình thường.*** + YC HS thảo luận nhóm bàn. Quan sát tiếp các con chuột và dự đoán xem con chuột nào sẽ chết trước? Vì sao? + Động vật sống và phát triển bình thường phải có những điều kiện nào? ***→ Động vật cần có đủ không khí, thức ăn, nước uống, ánh sáng thì mới tồn tại và phát triển bình thường được. Không có không khí để thực hiện trao đổi khí, động vật sẽ chết ngay. Nước uống cũng đóng vai trò rất quan trọng đối với động vật (chiếm tới 80 - 95% trọng lượng cơ thể). Không có thức ăn, động vật sẽ chết vì không có các chất hữu cơ lấy từ thức ăn để đi nuôi cơ thể. Thiếu ánh sáng, động vật sẽ sống yếu ớt, mất dần một số khả năng có thể thích nghi với môi trường.*** ***C, Củng cố - dặn dò:*** Nhận xét giờ học. Dặn HS chuẩn bị bài sau. Sưu tầm tranh ảnh về các con vật khác nhau.	- Con 3: ***Thiếu không khí để thở vì nắp hộp của nó được bịt kín, không khs không thể chui vào.*** - Con 5: ***Thiếu ánh ánh vì chiếc hộp nuôi nó được đặt trong bóng tối.*** + Để biết động vật cần gì để sống. + Để sống được thì động vật cần phải được cung cấp không khí, nước, ánh sáng, thức ăn. + Con chuột số 3. + HS nêu dự đoán. Nhóm khác bổ sung. + Động vật sống và phát triển bình thường phải cần có đủ: Không khí, nước uống, thức ăn, ánh sáng.

Toán:

Ôn tập các phép tính đối vơi số tự nhiên

I, Mục tiêu: Giúp học sinh ôn tập về:

- Phép cộng, phép trừ các số tự nhiên.
- Các tính chất, mối quan hệ giữa phép cộng và phép trừ.
- Các bài toán liên quan đến phép cộng và phép trừ.

II, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	*Hoạt động của trò*
A. Kiểm tra bài cũ:	

B. Dạy học bài mới	
**** Giới thiệu bài***	
HĐ1: Hướng dẫn ôn tập	
+Giao bài tập (VBT)	
+ Khi thực hiện phép tính +, - 2 số tự nhiên ta đặt tính như thế nào? và thực hiện như thế nào?	+ HS nối tiếp nhau nêu yêu cầu của từng bài tập. + 1-2 HS nêu.
+ Theo dõi, giúp đỡ học sinh làm bài tập.	
HĐ2: Chấm, chữa bài	+ HS tự giải các bài tập.
+ Chấm bài 1 số em.	
+ Hướng dẫn HS chữa bài.	
Bài 1: Đặt tính rồi tính.	+ 2 HS lên bảng thực hiện.
- Gv n/x củng cố cách cộng , trừ các số có nhiều c/ số	+ Nêu cách thực hiện tính. + HS nhận xét, bổ sung.
Bài 2: Tìm x	+ 1 HS lên chữa bài.
+ Thành phần chưa biết trong 2 phép tính trên là gì? Nêu cách tính?	a) x + 216 = 470 b) x – 129 = 427 x = 470 – 216 x = 427 + 129 x = 354 x = 556
- GV n/x củng cố cách tìm thành phần chưa biết	
Bài 3: Viết chữ hoặc số vào…	+ 1 HS lên chữa bài, HS nhận xét.
+ Vì sao em biết 7 + a = a + 7?	- Vì dựa vào tính chất giao hoán của phép cộng.
+ Dựa vào đâu em biết được: (a+b)+5=a+(b+5)?	- Dựa vào tính chất kết hợp của phép cộng.
Bài 4: Tính bằng cách thuận tiện nhất	+ HS lên chữa bài, nêu cách vận dụng tính. + 1 HS lên chữa bài, nêu cách tính khác.
Bài 5: Giải toán.	Bài giải : Số tiền em tiết kiệm được là : 135 000 – 28 000 = 107 000 (đồng) Cả hai anh em tiết kiệm được là : 135 000 + 107000 = 242 000 (đồng) Đáp số : 242 000 (đồng
- Gv n/x củng cố cách làm dạng toán ít hơn	

C. Củng cố – dặn dò: - Củng cố lại nội dung bài học.
- Làm bài tập ở SGK.

Thứ 6 ngày 17 tháng 4 năm 2008

Tập làm văn:

Luyện tập xây dựng đoạn văn miêu tả con vật

I, Mục đích yêu cầu : Giúp học sinh

- Ôn lại kiến thức về đoạn văn.
- Thực hành viết đoạn văn miêu tả các bộ phận của con vật (con gà trống). Yêu cầu các từ ngữ, hình ảnh chân thực, sinh động.

II, Đồ dùng dạy học: - Bảng phụ viết sẵn các câu văn ở bài tập 2.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
A. Kiểm tra bài cũ (3')	
+ Gọi 3 HS lên bảng đọc lại những ghi chép sau khi quan sát các bộ phận của con vật. + Nhận xét, ghi điểm.	+ 3 HS lên bảng đọc. + Lớp theo dõi, nhận xét.
B. Dạy học bài mới	
1. Giới thiệu bài:	
2. Hướng dẫn làm bài tập	
Bài 1: Bài "Con chuồn chuồn nước" có mấy đoạn văn? Tìm ý chính của mỗi đoạn. + Giúp đỡ các nhóm thảo luận. + Tiểu kết câu trả lời đúng. → Tiểu kết, chốt ý.	+ 1 HS đọc bài "Con chuồn chuồn nước". + Thảo luận nhóm đôi. + HS phát biểu và thống nhất ý kiến: Đoạn 1: Ôi chao… phân vân. (Tả ngoại hình của chú chuồn chuồn nước lúc đậu 1 chỗ.) Đoạn 2: Còn lại: (Tả chú chuồn chuồn nước lúc tung cánh bay, kết hợp tả cảnh đẹp của thiên nhiên theo cánh bay của chú chuồn chuồn.)
Bài 2: Sắp xếp các câu sau thành 1 đoạn văn. + YC HS đánh số 1, 2, 3 để tạo thành	+ HS nêu yêu cầu của bài tập. + HS suy nghĩ, thảo luận theo nhóm bàn.

đoạn văn. Bài 3: Hãy viết đoạn văn có chứa câu mở đoạn như sau: + YC HS tự làm bài.	+ Các nhóm nêu, thống nhất câu trả lời. → Đúng: b, a, c. + 1 HS đọc lại đoạn văn. + Tự làm bài. + Một số HS nêu trước lớp. + Lớp nhận xét, bổ sung.

Mỹ thuật :
Vẽ theomẫu :Mẫu có dạng hình trụ và hình cầu

I Mục tiêu : Giúp HS :
- Hiểu cấu tạo và đặc điểm của mẫu có dạng hình trụ và hình cầu.
-Biết cách vẽ và vẽ được hình gần giống mẫu .
-Ham thích tìm hiế các vật xung quanh.
II . Đồ dùng dạy học :
- GV : SGK , SGV , Mẫu vẽ , Hình gợi ý cách vẽ
- HS : SGK , Vở thực hành vẽ , chì , tẩy ...
III . Các hoạt động dạy học chủ yếu :

Hoạt động của Thầy	Hoạt động của Trò
* Giới thiệu bài : HĐ1 : Quan sát nhận xét : - GV bày mẫu cho HS quan sát : (cái cốc và quả cam) - Mẫu vẽ là cái gì ? - Hình dáng của từng vật mẫu có dạng hình gì ? - Đồ vật nào được dặt trước (sau) ? - Tỉ lệ của mỗi đồ vật như thế nào ? - Mầu sắc của từng đồ vật ? - Gv n/x bổ sung + Cho HS nhận xét mẫu ở 3 hướng khác nhau (chính diện , phải , trái) HĐ2 : HD HS cách vẽ : - GV treo hình gợi ý cách vẽ lên bảng ; - Gợi ý cách vẽ theo hình 2 (SGK)	- HS quan sát và nêu : - Mẫu vẽ là quả cam và cái cốc - Cái cốc coa dạng hình trụ , cái ca có dạng hình cầu . - HS nêu . -Tỉ lệ của cái ca hình trụ (HCN đứng) quả cam hình vuông - HS nêu - HS chú ý theo dõi

+ Yêu cầu HS ước lượng chiều cao , chiều ngang để phác khung hình chung cho cân đối + Tìm tỉ lệ từng vật mẫu để vẽ phác khung hình . + Nhìn mẫu vẽ các nét chính + Vẽ các chi tiết , vẽ đậm , nhạt HĐ3 : Thực hành : - Gv bao quát giúp đỡ HS làm bài HĐ4 : Đánh giá - nhận xét ; Gv gợi ý n/x 1 số bài hoàn thành về : + Bố cục (cân đối chưa) + Hình vẽ (rõ đặc điểm chưa) - HS n/x và xếp loại theo ý mình Dặn dò : VN quan sát chậu cảnh	-Ước lượng chiều cao , chiều ngang để phác khung hình chung -Tìm tỉ lệ từng vật mẫu để vẽ phác khung hình . - Hs thực hành vẽ vào vở thực hành

Tuần 32

Thứ 2 ngày ..... tháng .....năm 20.....

Tập đọc:

Vương quốc vắng nụ cười

I, Mục đích yêu cầu : Giúp học sinh

1. Đọc thành tiếng:

- Đọc đúng các tiếng, từ: ***rầu rĩ, lạo xạo, sườn sượt, ảo não, sằng sặc.***
- Đọc trôi chảy toàn bài, ngắt nghỉ hơi đúng sau các dấu câu, giữa các cụm từ.
- Đọc diễn cảm toàn bài với giọng chậm rãi, phù hợp với từng nhân vật.

2. Đọc - hiểu:

- Hiểu được nghĩa các từ khó: nguy cơ, thân hình, du học.
- Hiểu được nội dung của bài tập đọc: ***Cuộc sống thiếu tiếng cười sẽ vô cùng tẻ nhạt buồn chán.***

II, Đồ dùng dạy học: Tranh minh họa SGK phóng to. Bảng phụ ghi sẵn đoạn văn cần luyện đọc.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	*Hoạt động của trò*
A. Kiểm tra bài cũ	

B. Dạy học bài mới:	
1. Giới thiệu bài	
2. Hướng dẫn luyện đọc	
+ Yêu cầu HS tự chia đoạn cho bài tập đọc.	+ HS tự chia đoạn. - Đoạn 1: Từ đầu... môn học. - Đoạn 2: Tiếp... không vào - Đoạn 3: Đoạn còn lại.
+ Yêu cầu HS luyện đọc theo đoạn. + Theo dõi, trực tiếp sửa lỗi phát âm sai cho HS (nếu có). + Đọc mẫu toàn bài.	+ HS luyện đọc nối tiếp theo đoạn (3 lượt). + 2 HS đọc chú giải. + Luyện đọc nhóm đôi. + 2 HS khá đọc.
3. Tìm hiểu bài	
+ Yêu cầu HS đọc đoạn 1.	+ 1 HS đọc to. Lớp đọc thầm. + HS tự dùng bút chì gạch chân. + 1 - 2 HS nêu. Lớp nhận xét.
+ Yêu cầu HS dùng bút chì gạch chân các chi tiết cho thấy ***cuộc sống ở vương quốc nọ rất buồn.***	*- Mặt trời không muốn dậy, chim không muốn hót, hoa trong vườn chưa nở đã tàn, gương mặt mọi người rầu rĩ héo hon. Ngay cả ở kinh thành cũng chỉ nghe tiếng ngựa hí, tiếng sỏi đá lạo xạo dưới bánh xe, tiếng gió thở dài trên những mái nhà.*
+ Vì sao cuộc sống ở vương quốc ấy buồn chán như vậy? + Nhà vua đã làm gì? + Đoạn 1 cho chúng ta biết điều gì? + Yêu cầu HS đọc đoạn 2 - 3.	*+ Vì cư dân ở đó không biết cười.*
+ Yêu cầu HS trao đổi thảo luận các câu hỏi sau. *- Kết quả của viên đại thần đi du học là gì?*	*+ Nhà vua cử một viên đại thần đi du học nước ngoài chuyên về môn cười.* ***ý1: Kể về cuộc sống ở vương quốc nọ*** + 2 HS đọc to, lớp đọc thầm.
+ Điều gì đã xảy ra ở cuối đoạn 2?	*+ Sau 1 năm viên đại thần trở về, xin chịu tội vì đã gắng hết sức nhưng học không vào. Các quan nghe vậy ủ xìu, còn nhà vua thì thở dài, không khí triều đình ảo não.*
+ Thái độ của nhà vua thế nào khi nghe	

tin đó? + Đoạn 2 + 3 nói lên điều gì? + ***Phần đầu của truyện:*** "***Vương quốc vắng nụ cười***" ***nói lên điều gì?*** ***4. Luyện đọc diễn cảm*** + Yêu cầu 3 HS nối tiếp nhau đọc 3 đoạn của bài và nêu cách đọc của mỗi đoạn. + Treo bảng phụ đoạn 3. + Nhận xét, tuyên dương nhóm đọc hay. ***C, Củng cố - dặn dò:*** Củng cố lại nội dung bài học. Dặn HS chuẩn bị bài sau.	*+ Thị vệ bắt được một kẻ đang cười sằng sặc ở ngoài đường.* *+ Nhà vua phấn khởi ra lệnh dẫn người đó vào.* ***ý2: Việc nhà vua cử người đi du học thất bại.*** + Nội dung: ***Cuộc sống thiếu nụ cười sẽ vô cùng tẻ nhạt.*** +3 HS đọc. Lớp theo dõi, tìm ra cách đọc hay. + Đọc phân vai theo nhóm (bàn). + 1 số nhóm thi đọc trước lớp. + Lớp theo dõi, nhận xét.

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Toán:

Ôn tập về các phép tính đối với số TN (tiếp)

I, Mục tiêu: Giúp học sinh ôn tập về:

- Phép nhân, phép chia các số tự nhiên.
- Tính chất mối quan hệ giữa phép nhân và phép chia số tự nhiên.
- Giải bài toán có liên quan đến phép nhân và phép chia số tự nhiên.

II, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	*Hoạt động của trò*
A. Kiểm tra bài cũ: ***B. Dạy học bài mới:*** **** Giới thiệu bài:*** ***HĐ1: Hướng dẫn ôn tập*** + Muốn nhân 1 số tự nhiên với 10, 100... ta làm như thế nào? + Muốn nhân nhẩm với 11 ta làm như thế nào? + Yêu cầu HS tự làm bài. + Chấm bài 1 số em, nhận xét. ***HĐ2: Hướng dẫn HS chữa bài*** ***Bài 1***: Đặt tính	 + HS đọc tiếp nối nhau yêu cầu của bài tập. + 1 số HS nêu. + Lớp nhận xét, bổ sung. + HS tự làm bài tập vào vở.

+ Nhận xét, kết luận lời giải đúng. - Gv n/x củng cố nhân chia số có 2, 3 c/số. ***Bài 2:*** Tìm x + Củng cố về mối quan hệ giữa thành phần và kết quả phép tính (đối với phép nhân và chia). ***Bài 3 + 4:*** + Củng cố lại mối quan hệ giữa phép nhân và phép chia. + 1 số nhân với 1, chia cho 1, 1 số nhân với 0, và 0 chia cho 1 số. ***Bài 5:*** Giải toán ***C. Củng cố - dặn dò:*** Nhận xét giờ học. Làm bài tập ở SGK và chuẩn bị bài sau.	+ 2 HS lên bảng chữa bài và nêu cách thực hiện. Lớp theo dõi, nhận xét. + 2 HS lên bảng chữa bài. + Lớp đổi vở để kiểm tra kết quả lẫn nhau. + Nhận xét, đối chiếu với bài trên bảng. Kq : x $\times$ 30 = 1320 x = 1320 : 30 x = 44 ..... + 2 HS lên bảng làm, giải thích cách làm. + Lớp theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu sai). + 1 HS lên bảng giải. + Lớp theo dõi, nhận xét, bổ sung. ***Giải*** Quãng đường từ nhà An đến trường là 84 x 15 = 1260 (m) Nếu An đi bằng xe đạp thì hết số phút là: 1260 : 180 = 7 (phút) Đáp số: 7 phút

ଌ✻ଌ✻ଌ✻ଌ✻ଌ

Đạo đức:

Dành cho địa phương (tiết 1)

I, Mục tiêu: Giúp học sinh: Biết được tình hình giao thông ở địa phương.

- Có ý thức chấp hành luật giao thông.
- Nhắc nhở mọi người, bạn bè có ý thức chấp hành luật giao thông.

II, Đồ dùng dạy học:

- Một số tư liệu về luật giao thông đường bộ, một số tư liệu về các vụ tai nạn giao thông xảy ra trên địa bàn...

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	*Hoạt động của trò*
A. Kiểm tra bài cũ ***B. Dạy học bài mới*** ***1. Giới thiệu bài:*** ***HĐ1: Tìm hiểu về tình hình giao thông ở địa phương*** + Giới thiệu cho HS biết về tình hình giao thông ở địa phương trong thời gian gần đây. + Yêu cầu HS kể những gì em biết về tình hình giao thông xảy ra trên địa bàn. ***HĐ2: Liên hệ thực tế*** + Yêu cầu HS tự nêu về việc chấp hành luật giao thông của bản thân. + Nhận xét, biểu dương HS có ý thức chấp hành luật lệ giao thông. + Nhắc nhở HS chấp hành luật giao thông và tuyên truyền cho mọi người cần có ý thức chấp hành luật giao thông. ***HĐ3: Trò chơi:*** Đèn xanh, đèn đỏ + Phổ biến luật chơi và tính chất cho HS tham gia chơi. + Theo dõi, nhận xét, khen nhóm HS thực hiện tốt. ***C. Củng cố - dặn dò:*** Nhận xét giờ học. Nhắc nhở HS thực hiện tốt luật An toàn giao thông.	 + Chú ý lắng nghe. + 3 HS kể. + Cả lớp theo dõi, nhận xét, bổ sung. + 4 - 6 HS liên hệ về việc chấp hành luật giao thông của bản thân. + HS chú ý lắng nghe, thực hiện theo yêu cầu của giáo viên.

Địa lớ

KHAI THÁC KHOÁNG SẢN VÀ HẢI SẢN Ở VÙNG BIỂN VIỆT NAM

THMT BỘ PHẬN

I.Mục tiờu : Học xong bài này, HS biết:

- Kể tờn một số hoạt động khai thỏc nguồn lợi chớnh của biển đảo (hải sản, dầu khớ, du lịch, cảng biển,…): Khai thỏc khoỏng sản: dầu khớ, cỏt trắng, muối; Đỏnh bắt và nuụi trồng hải sản; Phỏt triển du lịch.

- Chỉ trên bản đồ tự nhiờn Việt Nam nơi khai thỏc dầu khớ, vựng đỏnh bắt nhiều hải sản của nước ta.

**** Tớch hợp mụi trường :***

Sự thớch nghi và cải tạo mụi trường của con người ở biển, đảo và quần đảo .

+ Khai thỏi dầu khớ, cỏt trằng .

+ Đỏnh bắt, nuụi trồng thủy hải sản

+ Khai thỏc tài nguyờn biển hợp lý.

-Cú ý thức giữ vệ sinh mụi trường biển khi đi tham quan, nghỉ mát ở vùng biển.

II.Chuẩn bị :

-Bản đồ địa lí tự nhiên VN. Bản đồ công nghiệp, nụng nghiệp VN.

-Tranh, ảnh về khai thác dầu khí; Khai thác và nuôi hải sản, ô nhiễm môi trường biển.

III.Hoạt động trên lớp :

Hoạt động của giáo viên	***Hoạt động của học sinh***
1.Ổn định lớp : ***2. Kiểm tra bài cũ :*** ***3.Bài mới :*** ***a.Giới thiệu bài:*** ***b.Phỏt triển bài :*** ***1/.Khai thỏc khoỏng sản :*** ****Hoạt động theo từng cặp:*** -Yêu cầu HS dựa vào SGK, tranh, ảnh trả lời câu hỏi *+Tài nguyờn khoỏng sản quan trọng nhất của vựng biển VN là gỡ?* *+Nước ta đang khai thác những khoáng sản nào ở vùng biển VN? Ở đâu? Dùng để làm gỡ?* *+Tìm và chỉ trên bản đồ vị trí nơi đang khai thác các khoáng sản đó.* ***2/.Đánh bắt và nuôi trồng hải sản :*** ****Hoạt động nhóm:*** -GV cho các nhóm dựa vào tranh, ảnh, bản đồ, SGK thảo luận theo gợi ý: *+Nờu những dẫn chứng thể hiện biển nước ta có rất nhiều hải sản.* *+Hoạt động đánh bắt hải sản của nước ta diễn ra như thế nào? Những nơi nào khai thác*	-HS trả lời . -HS trả lời . -HS trỡnh bày kết quả .

Hoạt động của giáo viên	*Hoạt động của học sinh*
nhiều hải sản? Hóy tìm những nơi đó trên bản đồ. *+Ngoài việc đánh bắt hải sản, nhân dân cũn làm gỡ để có thêm nhiều hải sản?* -GV cho các nhúm trỡnh bày kết quả lần lượt theo từng câu hỏi, chỉ trên bản đồ vùng đánh bắt nhiều hải sản. **** Tớch hợp mụi trường:*** - Sự thớch nghi và cải tạo mụi trường của con người ở biển , đảo và quần đảo. + Khai thỏi dầu khớ, cỏt trắng. + Đỏnh bắt, nuụi trồng thủy hải sản + Khai thỏc tài nguyờn biển hợp lý. -Cú ý thức giữ vệ sinh mụi trường biển khi đi tham quan, nghỉ mát ở vùng biển. ***4.Củng cố :*** -Theo em, nguồn hải sản cú vụ tận khụng ? -Những yếu tố nào ảnh hưởng tới nguồn tài nguyên đó ? ***5.Tổng kết - Dặn dũ:*** -Về xem lại bài và chuẩn bị tiết sau "Tìm hiểu địa phương".	-HS thảo luận nhúm . -HS trỡnh bày kết quả . -2 HS đọc -HS trả lời.

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Thứ 3 ngày 20 tháng 4 năm 2010

Khoa học:

Động vật ăn gì để sống

I, Mục tiêu: Giúp học sinh

- Phân loại động vật theo nhóm thức ăn của chúng.
- Kể tên 1 số loài động vật và thức ăn của chúng.

II, Đồ dùng dạy học: Sưu tầm tranh ảnh về các loài động vật.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu

Hoạt động của thầy	*Hoạt động của trò*
A. Kiểm tra bài cũ: ***B. Dạy học bài mới*** **** Giới thiệu bài*** ***HĐ1: Tìm hiểu thức ăn của động vật***	+ Chia nhóm (4 nhóm).

+ Tổ chức cho HS hoạt động theo nhóm. + Nhận xét, khen ngợi các nhóm sưu tầm được nhiều tranh, ảnh... trình bày đẹp, nói rõ ràng. ***HĐ2: Tìm thức ăn cho động vật*** + Chia lớp làm 2 đội. + Phổ biến luật chơi: 2 đội lần lượt đưa ra tên con vật sau đó đội kia phải tìm thức ăn cho nó. + Cho HS chơi thử. + Tổ chức cho HS chơi. + Tổng kết trò chơi. ***HĐ3: Trò chơi:*** "***Đố bạn con gì?***". + Phổ biến luật chơi. - Dán vào lưng 1 HS con vật mà không cho HS cả lớp biết. - HS chơi có nhiệm vụ đoán xem con vật mình đang mang là con vật gì? - HS chơi được hỏi các bạn dưới lớp 5 câu về đặc điểm của con vật. - HS dưới lớp chỉ trả lời Đ/S. ***C. Củng cố - dặn dò:*** Nhận xét giờ học. Dặn HS chuẩn bị bài sau.	+ Các nhóm trao đổi, thảo luận dán tranh ảnh sưu tầm con vật vào giấy khổ to theo: - *Nhóm ăn cỏ, lá cây.* - *Nhóm ăn thịt.* - *Nhóm ăn hạt.* - *Nhóm ăn côn trùng, sâu bọ.* - *Nhóm ăn tạp.* + Đại diện 4 nhóm lên trình bày. + Các nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung. + Chia lớp thành 2 đội. + Theo dõi để nắm luật chơi. + HS chơi trò chơi. + Theo dõi, nắm luật chơi. + HS chơi theo nhóm. + CHo HS xung phong chơi trước lớp.

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Toán:

Ôn tập các phép tính đối với số TN (tiếp)

I, Mục tiêu: Giúp học sinh ôn tập về:

- Các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với số tự nhiên.
- Các tính chất của phép tính với số tự nhiên.
- Giải bài toán liên quan đến các phép tính với số tự nhiên.

II, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	*Hoạt động của trò*
A. Kiểm tra bài cũ ***B. Dạy học bài mới:***	

**** Giới thiệu bài:*** **** HĐ1: Hướng dẫn ôn tập*** + Trong biểu thức có phép tính cộng, trừ, nhân, chia ta làm như thế nào? + ở bài tập 3 làm thế nào để tính được thuận tiện? + Yêu cầu HS tự làm bài vào vở. + Chấm bài một số em, nhận xét. ***HĐ2: Hướng dẫn chữa bài*** ***Bài 1:*** Đúng ghi Đ, sai ghi S. - Gv n/x củng cố cách thực hiện nhân, chia, cộng, trừ với số có nhiều c/số ***Bài 2 :*** Tính + Nhận xét, kết luận cách giải đúng. Củng cố cách tính giá trị biểu thức. ***Bài 3:*** Tính bằng cách thuận tiện nhất. + Yêu cầu HS nêu 1 số tính chất. a, áp dụng tính chất kết hợp của phép nhân. b, áp dụng tính chất chia 1 tích cho 1 số. ***Bài 4:*** Củng cố giải toán + Nhận xét kết luận cách giải đúng. ***C. Củng cố - dặn dò:*** Nhận xét giờ học. Giao bài tập về nhà. Dặn HS chuẩn bị bài sau.	+ HS làm bài tập (trang 89 - 90) + HS tiếp nối nhau nêu yêu cầu của bài tập. + Thực hiện nhân, chia trước, cộng, trừ sau. + Sử dụng tính chất kết hợp, tính chất 1 số nhân với 1 tổng, 1 số nhân với 1 hiệu… + HS tự làm bài vào vở. + 2 HS lên bảng chữa bài. Lớp theo dõi, đối chiếu với bài làm của mình. + 2 HS làm bài và giải thích cách làm. a)39275 - 306 x 25 = 39275 -7650 = 31625 b) ... + 2 HS lên chữa bài, nêu cách làm và giải thích. + Lớp theo dõi, đối chiếu với bài làm của mình, bổ sung (nếu sai). **a, *36 x 25 x 4 = 36 x (25 x 4) = 36 x 100 = 3600*** ***b, 18 x 24 : 9 = (18 : 9) x 24 = 2 x 24 = 48*** + 1 HS lên chữa bài. + Lớp đổi vở để kiểm tra kết quả lẫn nhau. **Giải** ***Mua truyện hết số tiền là:*** ***4500 x 20 = 90000 (đ)*** ***Mua bút hết số tiền là:*** $90000 \times \frac{1}{3} = 30000$ ***(đ)*** ***Đã mua hết tổng số tiền là:*** ***90000 + 30000 = 120000 (đ)***

	Đáp số: 120 000 đồng

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Luyện từ và câu

Thêm trạng ngữ chỉ thời gian cho câu

I, Mục đích yêu cầu : Giúp học sinh

- Hiểu tác dụng, ý nghĩa của trạng ngữ chỉ thời gian cho câu.
- Xác định được trạng ngữ chỉ thời gian cho câu.
- Thêm đúng trạng ngữ chi thời gian cho phù hợp với nội dung từng câu.

II, Đồ dùng dạy học: Bảng phụ chép sẵn bài tập 1.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	***Hoạt động của trò***
A. Kiểm tra bài cũ:	
B. Dạy học bài mới:	
1. Giới thiệu bài	
2. Phần nhận xét	
Bài 1: Yêu cầu HS đọc yêu cầu bài tập.	+ 1 HS nêu yêu cầu. Lớp đọc thầm.
+ Yêu cầu HS tìm trạng ngữ trong câu theo cặp.	+ HS thảo luận cặp đôi: dùng bút chì gạch chân dưới trạng ngữ trong câu.
+ Dùng phấn màu gạch chân trạng ngữ.	+ 1 số HS nêu, lớp nhận xét, bổ sung. Trạng ngữ : Đúng lúc đó
Bài 2: Nêu vấn đề.	- Bổ sung ý nghĩa thời gian (sự việc đang tức thời) cho câu.
+ BPTN: "Đúng lúc đó" bổ sung ý nghĩa gì cho câu?	
+ Nhận xét, tiểu kết.	
Bài 3, 4: Cho HS nêu y/c	+ Các nhóm thảo luận: Đặt câu có trạng ngữ chỉ thời gian, sau đó đặt câu hỏi cho các trạng ngữ chỉ thời gian.
+ Yêu cầu HS thảo luận nhóm bàn.	
+ Theo dõi, giúp đỡ các nhóm làm việc.	
+ Nhận xét, tuyên dương các nhóm làm tốt.	+ Các nhóm nêu kết quả thảo luận.
	+ Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
+ Vậy trạng ngữ chỉ thời gian có ý nghĩa gì trong câu?	
+ Trạng ngữ chỉ thời gian trả lời cho câu hỏi nào?	+ Giúp ta xác định được thời gian diễn ra sự việc trong câu: Bao giờ, khi nào, mấy giờ?
→ Rút ra ghi nhớ SGK.	+ 2 HS đọc to.
+ Yêu cầu HS lấy ví dụ về câu có trạng ngữ chỉ thời gian.	+ 1 số HS nêu ví dụ - lớp nhận xét.

3. Luyện tập ***Bài 1:*** Tìm trạng ngữ chỉ thời gian trong các câu. + Yêu cầu HS hoàn thành bài tập ở vở bài tập. + Nhận xét, kết luận cách làm đúng. ***Bài 2:*** Thêm trạng ngữ cho trong dấu () vào chỗ trống thích hợp. + Yêu cầu HS tự làm bài. + Nhận xét, kết luận câu trả lời đúng. ***C, Củng cố - dặn dò:*** Nhận xét giờ học. Dặn HS chuẩn bị bài sau.	+ 1 HS nêu yêu cầu, lớp đọc thầm. +HS tự làm bài tập ở vở bài tập, 2 HS lên bảng làm. Lớp đối chiếu kết quả bài làm của mình với bài trên bảng lớp. *a, - Buổi sáng hôm nay.* *- Vừa mới hôm qua.* *- Qua một đêm mưa rào.* *b, - Từ ngày còn ít tuổi.* *- Mỗi lần đứng trước... phố Hà Nội.* + Gọi 2 HS nêu yêu cầu bài 2. HS tự làm bài vào vở. 1 số HS nêu kết quả. Lớp nhận xét, bổ sung. Trạng ngữ: "Mùa đông" → đầu câu 2. Trạng ngữ: Đến ngày, đến tháng → đầu câu cuối.

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Lịch sử

Kinh thành Huế

I, Mục tiêu: Giúp học sinh: Nêu được sơ lược về quá trình xây dựng kinh thành Huế, sự đồ sộ, vẻ đẹp của kinh thành và lăng tẩm ở Huế.

II, Đồ dùng dạy học: Bản đồ Việt Nam. Sưu tầm tư liệu tranh ảnh về kinh thành Huế.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	***Hoạt động của trò***
A. Kiểm tra bài cũ: ***B. Dạy học bài mới*** **** Giới thiệu bài:*** ***HĐ1: Tìm hiểu quá trình xây dựng kinh thành Huế*** + Yêu cầu HS đọc SGK đoạn "Nhà Nguyễn... thời đó". +Yêu cầu HS mô tả quá trình xây dựng kinh thành Huế. + Tổng kết ý kiến của HS.	+ HS thảo luận nhóm. + Đại diện các nhóm nêu, nhóm khác nhận xét, bổ sung.

HĐ2: Tìm hiểu vẻ đẹp của kinh thành Huế + Tổ chức cho HS các tổ trưng bày sản phẩm tranh, ảnh sưu tầm được về kinh thành Huế. + Yêu cầu các tổ cử đại diện đóng vai là hướng dẫn viên du lịch để giới thiệu về kinh thành Huế. + Hướng dẫn HS nhận xét, bình chọn. + Nhận xét, đánh giá tổng kết lại nội dung và kết luận: ***Kinh thành Huế là một công trình kiến trúc đẹp đầy sáng tạo của nhân dân ta. Ngày 11/12/1993 UNESCO công nhận kinh thành Huế là di sản văn hóa thế giới.*** ***C. Củng cố - dặn dò:*** Nhận xét giờ học. Dặn học sinh chuẩn bị bài sau.	+ 2 HS đọc - Lớp đọc thầm. + 2 HS trình bày trước lớp. + Các tổ trưng bày tranh, ảnh mà tổ mình đã sưu tầm được. + Mỗi tổ cử một đại diện giới thiệu về kinh thành Huế theo các tư liệu mà tổ mình đã sưu tầm được. +Các nhóm lần lượt tham quan góc trưng bày và nghe đại diện các tổ giới thiệu. + Bình chọn tổ giới thiệu hay nhất có góc sưu tầm đẹp nhất.

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Kể chuyện

Khát vọng sống

I, Mục đích yêu cầu : Giúp học sinh

- Dựa vào tranh minh họa và lời kể của giáo viên, kể lại được từng đoạn và toàn bộ câu chuyện: "Khát vọng sống".
- Hiểu nội dung truyện: Ca ngợi con người với khát vọng sống mãnh liệt đã vượt qua đói, khát, chiến thắng thú dữ chiến thắng cái chết.
- Lời kể tự nhiên, sáng tạo, phối hợp với cử chỉ, điệu bộ.

II, Đồ dùng dạy học: Tranh minh họa phóng to.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	***Hoạt động của trò***
A. Kiểm tra bài cũ: ***B. Dạy học bài mới*** ***1. Giới thiệu bài:*** ***2. Giáo viên kể chuyện*** + Yêu cầu HS quan sát tranh minh họa, đọc nội dung mỗi bức tranh. + GV kể chuyện lần 1: Giọng kể thong thả, rõ ràng. + GV kể chuyện lần 2: Vừa kể vừa chỉ	+ Quan sát, đọc nội dung. + Lớp theo dõi. + Quan sát tranh + theo dõi giáo viên

vào tranh minh họa. ***3. Kể trong nhóm*** + Yêu cầu HS kể trong nhóm và trao đổi với nhau về ý nghĩa của truyện. + Giáo viên đi quan sát, giúp đỡ các nhóm gặp khó khăn. ***4. Thi kể trước lớp*** + Gọi HS kể trước lớp. + Gọi HS kể toàn chuyện. + Nhận xét HS kể chuyện, biểu dương những HS kể tốt. ***C, Củng cố - dặn dò:*** Nhận xét giờ học. Dặn HS chuẩn bị bài sau.	kể. + 4 HS tạo thành 1 nhóm. HS kể tiếp nối trong nhóm. Mỗi HS kể nội dung 1 bức tranh. + 2 lượt HS thi kể. Mỗi HS chỉ kể về nội dung một bức tranh. 3 HS kể. + Lớp theo dõi, nhận xét, đặt câu hỏi cho bạn kể chuyện. + Chi tiết nào trong truyện làm bạn xúc động? + Bạn học tập ở anh Giôn điều gì?

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Thứ 4 ngày 21 tháng 4 năm 2010

Thể dục

BÀI 63

Anh Cường dạy

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Tập đọc

Ngắm trăng - Không đề

I, Mục đích yêu cầu : Giúp học sinh

1. Đọc thành tiếng:

- Đọc đúng các tiếng, từ khó hoặc dễ lẫn do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương: Rượu, trăng soi, hững hờ...
- Đọc trôi chảy, lưu loát hai bài thơ, ngắt nghỉ hơi đúng nhịp thơ.

2. Đọc - hiểu:

- Hiểu được nghĩa các từ khó: hững hờ, bương.
- Hiểu được nội dung của bài tập đọc: Nói lên tinh thần lạc quan, yêu đời, yêu cuộc sống, bất chấp mọi hoàn cảnh khó khăn của Bác.

II, Đồ dùng dạy học: Bảng phụ ghi sẵn bài thơ.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	***Hoạt động của trò***

A. Kiểm tra bài cũ	
B. Dạy học bài mới	
1. Giới thiệu bài	
2. Hướng dẫn luyện đọc + tìm hiểu bài	
****Bài:* "**Ngắm trăng**"	
+ Gọi HS đọc bài thơ.	+ 3 HS đọc nối tiếp nhau (cả bài) 3 lượt.
a. Luyện đọc.	
+ Đọc mẫu giọng ngân nga thể hiện tâm trạng ung dung, thư thái lạc quan của Bác.	+ 1 HS đọc phần chú giải. + 2 HS khá đọc.
b. Tìm hiểu bài	
+ Yêu cầu HS đọc thầm bài thơ, trao đổi và trả lời câu hỏi:	+ 2 HS ngồi cùng bàn đọc thầm, trao đổi, nối tiếp nhau trả lời câu hỏi.
- *Bác Hồ ngắm trăng trong hoàn cảnh nào?*	*+ Bác Hồ ngắm trăng trong hoàn cảnh bị tù đày. Ngồi trong nhà tù Bác ngắm trăng qua khe cửa.*
- *Hình ảnh nói lên tình cảm gắn bó giữa Bác với trăng?*	*+ Hình ảnh người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ. Trăng nhìn khe cửa ngắm nhà thơ.*
- *Qua bài thơ em học được điều gì ở Bác Hồ.*	*- Qua bài thơ em học ở Bác tình yêu thiên nhiên bao la.*
+ Nhận xét, kết luận các ý như vậy đều đúng.	*- Qua bài thơ em học ở Bác tinh thần lạc quan yêu đời, ngay cả trong lúc khó khăn gian khổ.*
+ Bài thơ nói lên điều gì?	Nội dung: ***Bài thơ ca ngợi tinh thần lạc quan yêu đời, yêu cuộc sống, bất chấp mọi hoàn cảnh khó khăn của Bác.***
c. Đọc diễn cảm và đọc thuộc lòng.	
+ Gọi 1 HS đọc bài thơ.	+ 1 HS đọc to, lớp đọc thầm.
+ Treo bảng phụ có ghi sẵn bài thơ, yêu cầu HS đánh dấu chỗ ngắt, nghỉ nhấn giọng.	+ 1-2 HS nêu ý kiến.
+ Gạch dưới các từ cần nhấn giọng.	+ Lớp nhận xét, bổ sung (nếu sai). Các từ cần nhấn giọng: Không rượu, không hoa, hững hờ, ngắm, nhìn.
+ Tổ chức cho HS nhẩm HTL bài thơ.	+ 2 HS luyện đọc theo yêu cầu trên.
+ Gọi HS đọc thuộc lòng từng dòng thơ.	+ 2 HS ngồi cùng bàn nhẩm đọc thuộc

+ Nhận xét, cho điểm từng HS. ***Bài: Không đề **a. Luyện đọc** + Hướng dẫn HS tương tự các bước như bài ngắm trăng. + Đọc mẫu với giọng ngân nga, thư thái, vui vẻ. **b. Tìm hiểu bài** *+ Bác Hồ sáng tác bài thơ này trong hoàn cảnh nào?* *+ Em hình dung ra cảnh chiến khu như thế nào qua lời kể của Bác.* *+ Bài thơ nói lên điều gì về Bác.* + Nhận xét, ghi nội dung lên bảng. **c. Đọc diễn cảm và học thuộc lòng bài thơ.** + Các bước tiến hành tương tự như bài trên. + Yêu cầu HS tìm cách ngắt, nghỉ nhấn giọng khi đọc bài thơ. + Các bước còn lại tiến hành tương tự như trên. **C, Củng cố - dặn dò:** - Củng cố lại nội dung bài: *Hai bài thơ nói lên tinh thần lạc quan yêu đời, yêu cuộc sống của Bác. Trong mọi hoàn cảnh dù khó khăn, gian khổ, Bác vẫn sống lạc quan, ung dung, thư thái hòa mình với con người, với thiên nhiên. Đây là phẩm chất của người mà chúng ta cần học tập.*	lòng. + 3 lượt HS đọc thuộc lòng từng dòng thơ. + 3-5 HS thi đọc toàn bài thơ. + HS theo dõi giáo viên đọc mẫu. *+ Bác Hồ sáng tác bài thơ này ở chiến khu Việt Bắc trong thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp. Những từ ngữ cho ta biết điều đó là: đường non, rừng sâu quân đến, tung bay chim ngàn.* *+ Qua bài thơ của Bác, em thấy cảnh chiến khu rất đẹp, thơ mộng, mọi người sống giản dị, đầm ấm, vui vẻ.* *Nội dung:* ***Bài thơ nói lên tinh thần lạc quan yêu đời, phong thái ung dung của Bác, cho dù cuộc sống gặp rất nhiều khó khăn.*** + 2 - 3 HS nêu ý kiến. Lớp nhận xét, bổ sung. + Các từ cần nhấn giọng: hoa đầy, tung bay, xách bương, dắt trẻ.

- Dặn HS HTL bài thơ và chuẩn bị bài sau.	

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Toán

ễn tập về biểu đồ

I, Mục tiêu: Giúp học sinh ôn tập

- Đọc, phân tích và xử lí số liệu trên biểu đồ tranh và biểu đồ hình cột.

II, Đồ dùng dạy học: Các biểu đồ trang 164, 165 SGK.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	*Hoạt động của trò*
A: Kiểm tra bài cũ	
B. Dạy học bài mới	
****. Giới thiệu bài***	
HĐ1:Hướng dẫn HS luyện tập	
+ Gọi HS nêu yêu cầu của từng bài tập	+ 3 HS nối tiếp nhau đọc yêu cầu của bài tập.
+ Lưu ý HS trước khi làm bài cần đọc, phân tích sau đó mới xử lí số liệu của biểu đồ tranh vẽ và biểu đồ hình cột.	+ HS tự làm vào vở bài tập.
HĐ2: Chữa bài	
+ Thu 1 số vở để chấm.	
+ Nhận xét, hướng dẫn HS chữa bài.	+ HS quan sát biểu đồ.
Bài 1: Treo biểu đồ bài tập, yêu cầu HS quan sát biểu đồ và trả lời các câu hỏi của bài tập.	+ 1 số HS nêu miệng câu trả lời.
+ Giáo viên lần lượt gọi HS trả lời từng câu hỏi của bài tập 1.	+ Lớp nhận xét, bổ sung.
Bài 2: Tiến hành tương tự như bài 1.	+ 2 HS lên bảng l àm.
- GV n/x chốt kết quả đúng.	+ Lớp đổi vở để kiểm tra kết quả lẫn nhau. + Đối chiếu với kết quả trên bảng.
Bài 3:	a, Trong tháng 12 cửa hàng bán được số m vải hoa là: 50 x 42 = 2100 (m)
+ Treo biểu đồ, yêu cầu HS đọc biểu đồ, trả lời câu hỏi của bài tập.	b, Trong tháng 12 cửa hàng bán được số cuộn vải là: 42+50+37=129 (cuộn)
+ Nhận xét, kết luận cách làm đúng.	Trong tháng 12 cửa hàng bán được số m

C. Củng cố - dặn dò: Củng cố nội dung bài học. Dặn HS làm bài tập ở SGK và chuẩn bị bài sau.	vải là: 50 x 129 = 6450 (m)

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Tập làm văn

Luyện tập xây dựng đoạn văn miêu tả con vật

I, Mục đích yêu cầu : Giúp học sinh

- Củng cố lại kiến thức về đoạn văn.
- Thực hành viết đoạn văn tả ngoại hình, hoạt động của con vật.
- Yêu cầu sử dụng từ ngữ, hình ảnh miêu tả làm nổi bật con vật định tả.

II, Đồ dùng dạy học: Giấy khổ to và bút dạ.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu

Hoạt động của thầy	***Hoạt động của trò***
A. Kiểm tra bài cũ: ***B. Dạy học bài mới*** ***1. Giới thiệu bài*** ***2. Làm việc theo cặp:*** ***Bài tập 1*** + Yêu cầu HS đọc nội dung bài tập 1. + Yêu cầu HS trao đổi thảo luận theo cặp. + Nhận xét, kết luận câu trả lời đúng. ***3. Làm việc theo nhóm: Bài tập 2, 3*** + Gọi 2 HS nêu yêu cầu của bài tập. + Yêu cầu HS tự làm bài. + Lưu ý HS khi miêu tả ngoại hình cần miêu tả những đặc điểm bộ phận nổi bật, cần dùng những từ ngữ miêu tả, hình ảnh so sánh đặc biệt. + Hướng dẫn HS nhận xét, sửa chữa. + Nhận xét, cho điểm những HS viết đạt yêu cầu. + Gọi HS dưới lớp đọc đoạn văn của mình. + Nhận xét, cho điểm.	+ 1 HS đọc to - Lớp đọc thầm. + 2 HS ngồi cạnh nhau trao đổi, thảo luận cùng trả lời câu hỏi. Đại diện 1 số cặp nêu ý kiến. Lớp nhận xét, bổ sung. + Bài văn có 6 đoạn. *- Đoạn 1: Giới thiệu chung về con tê tê.* *- Đoạn 2: Miêu tả hàm, lưỡi, miệng và cách săn mồi của con tê tê.* *- Đoạn 3: Miêu tả bộ vảy của con tê tê.* *- Đoạn 4: Miêu tả chân và bộ móng của con tê tê.* *- Đoạn 5: Miêu tả nhược điểm dễ bắt.* *- Đoạn 6: Nêu lợi ích của con tê tê.* + Chia nhóm. Trao đổi thảo luận. + 2 HS viết bài ra giấy khổ to, lớp tự làm bài vào vở. + Gọi HS dán bài lên bảng. Đọc đoạn

C. Củng cố - dặn dò: Nhận xét giờ học. Dặn HS chuẩn bị bài sau.	văn. + 3 - 5 HS đọc đoạn văn của mình. + Lớp theo dõi, nhận xét

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Âm nhạc

HỌC BÀI HÁT TỰ CHỌN

I, Mục tiêu:

- Hát đúng nhạc và thuộc lời của bài "Bay cao tiếng hát ước mơ" hát đúng những tiếng có âm luyến.

***II, Đồ dùng dạy học*:** Sách giáo khoa, nhạc cụ

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu

Hoạt động của thầy	*Hoạt động của trò*
1. Ổn định tổ chức ***2. Kiểm tra bài cũ*** ***3. Bài mới*** ***a. Giới thiệu bài:*** ***b. Nội dung:*** - Giáo viên hát mẫu bài hát 1 lần -Giáo viên giới thiệu sơ lược về tác giả, tác phẩm ý nghĩa của bài hát - Giáo viên dạy hát từng câu. *Đỏ thắm khăn quàng trong màu cờ đẹp màu khăn quàng đỏ bay rực rỡ / tình yêu thương xiết bao. Nồng ấm trong tim tiếng Bác Hồ* - Giáo viên dạy hát từng câu theo lối móc xích cho đến hết bài. - Cho học sinh hát kết hợp cả bài theo dãy tổ, nhóm - Cho học sinh hát kết hợp một số động tác phụ họa (hoặc động tác nhún) - Hát kết hợp gõ đệm theo nhịp, phách theo tiết tấu lời ca ***4. Củng cố dặn dò***	- Học sinh lắng nghe - Học sinh lắng nghe - Học sinh học hát từng câu theo yêu cầu của giáo viên - Hát kết hợp nhún chân tại chỗ

- Nhận xét tinh thần giờ học. Về nhà học bài và chuẩn bị bài tiết sau.	

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Thứ 5 ngày .... tháng ... năm 20....

Luyện từ và câu:

Thêm trạng ngữ chỉ nguyên nhân cho câu

I, Mục đích yêu cầu : Giúp học sinh

- Hiểu tác dụng, ý nghĩa của trạng ngữ chỉ nguyên nhân trong câu.
- Xác định được trạng ngữ chỉ nguyên nhân trong câu.
- Thêm đúng trạng ngữ chỉ nguyên nhân cho phù hợp với nội dung từng câu.

II, Đồ dùng dạy học: Bảng phụ viết sẵn bài tập 1, 2.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	*Hoạt động của trò*
A. Kiểm tra bài cũ:	
B. Dạy học bài mới	
1. Giới thiệu bài	
2. Phần nhận xét	
+ Gọi HS nêu yêu cầu và nội dung bài tập 1.	+ 1 HS đọc to, lớp đọc thầm.
+ Yêu cầu HS thảo luận cặp đôi bài tập 1.	+ 2 HS ngồi cùng bàn, trao đổi thảo luận làm bài tập 2. Đại diện 1 số cặp nêu ý kiến.
+ Gọi HS phát biểu ý kiến.	
+ Hướng dẫn HS nhận xét, bổ sung.	+ Lớp nhận xét, bổ sung.
+ Chốt lại câu trả lời đúng.	- Trạng ngữ: "Vì vắng tiếng cười" bổ sung ý nghĩa nguyên nhân cho câu.
- Trạng ngữ ***Vì vắng tiếng cười*** trả lời cho câu hỏi nào ?	- Trạng ngữ trên trả lời cho câu hỏi "Vì sao vương quốc nọ buồn chán kinh khủng".
→ Rút ra phần bài học SGK.	
+ Yêu cầu HS đặt câu có trạng ngữ chỉ nguyên nhân.	+ 2 HS đọc phần ghi nhớ SGK.
	+ 1 số HS nêu ví dụ.
+ Nhận xét, sửa chữa, khen ngợi.	
3. Luyện tập	+ Lớp nhận xét, bổ sung.
Bài 1:	
+ Gọi HS đọc yêu cầu và nội dung bài tập 1.	+ 1 HS đọc to - Lớp đọc thầm.
+ Yêu cầu HS dùng bút chì gạch chân các	+ 1 HS lên bảng làm. Lớp tự làm vào

trạng ngữ chỉ nguyên nhân trong câu. + Gọi HS nhận xét bài làm trên bảng. + Nhận xét, kết luận lời giải đúng. ***Bài 2:*** + Gọi HS đọc yêu cầu và nội dung bài tập. + Yêu cầu HS tự làm bài. + Gọi HS nhận xét bài làm trên bảng. + Nhận xét, kết luận lời giải đúng. ***Bài 3:*** + Gọi HS đọc yêu cầu và nội dung bài tập 3. + Gọi 3 HS lên bảng đặt câu, HS dưới lớp làm vào vở. Gọi HS nhận xét 3 câu vừa đặt trên bảng. Nhận xét, kết luận câu đúng. + Gọi HS dưới lớp đọc câu mình đặt. + Nhận xét khen ngợi HS đặt câu đúng, hay. ***4. Củng cố dặn dò*** - Nhận xét tinh thần giờ học. Về nhà học bài và chuẩn bị bài tiết sau.	vở. + Nhận xét, chữa bài cho bạn (nếu có) *a, Nhờ siêng năng, cần cù...* *b, Vì rét,...* *c, Tại Hoa...* + 1 HS đọc thành tiếng, lớp đọc thầm. + 1 HS làm trên bảng lớp. Lớp tự làm vào vở. Nhận xét và chữa bài cho bạn. *a, Vì học giỏi, Nam được cô giáo khen.* *b, Nhờ bác lao công, sân trường lúc nào cũng sạch sẽ.* *c, Tại mãi chơi, Tuấn không làm bài tập.* + 1 HS đọc to, lớp đọc thầm. + HS thực hiện theo yêu cầu của giáo viên. + Lớp nhận xét, bổ sung (nếu sai). + 3 - 5 HS đọc câu mình đặt. + Lớp nhận xét, bổ sung.

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Toán:

Ôn tập về phân số

I, Mục tiêu: Giúp học sinh ôn tập về

- Khái niệm ban đầu về phân số.
- Rút gọn phân số, quy đồng mẫu số các phân số.
- Sắp xếp thứ tự các phân số.

II, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	*Hoạt động của trò*
A. Kiểm tra bài cũ ***B. Dạy học bài mới*** **** Giới thiệu bài*** ***HĐ1: Hướng dẫn HS ôn tập***	

+ Muốn rút gọn phân số ta làm như thế nào? + Nêu cách quy đồng mẫu số 2 phân số. + Yêu cầu HS làm bài tập vào vở. + Chấm 1 số bài. ***HĐ2: Chữa bài*** ***Bài 1+2:*** + Hướng dẫn HS nhận xét, kết luận cách giải đúng. + Củng cố lại khái niệm ban đầu về phân số. ***Bài 3+4:*** + Hướng dẫn HS nhận xét, chữa bài (nếu sai). + Kết luận cách giải đúng. + Củng cố lại cách rút gọn phân số cho HS. + Củng cố lại cách quy đồng mẫu số các phân số cho HS. <u>Bài 5:</u> Sắp xếp các phân số theo thứ tự từ bé đến lớn. + Yêu cầu HS nêu cách làm. + Củng cố lại cách so sánh các phân số cho HS. ***C. Củng cố - dặn dò:*** Nhận xét giờ học. Giao bài tập về nhà và dặn HS chuẩn bị bài sau	+ 1 số HS nêu. + Lớp nhận xét, bổ sung. + 5 HS nối tiếp đọc 5 yêu cầu của 5 bài tập. + HS tự làm bài tập ở vở bài tập. + 1 HS nêu miệng bài tập 1. + 1 HS lên bảng chữa bài 2. 2, $\frac{12}{18}=\frac{12:6}{18:6}=\frac{2}{3}$; $\frac{20}{35}=\frac{20:5}{35:5}=\frac{4}{7}$ $\frac{60}{12}=\frac{60:12}{12:12}=\frac{5}{1}$; $\frac{4}{40}=\frac{4:4}{40:4}=\frac{1}{10}$ + Lớp nhận xét, bổ sung (chữa) nếu sai. + 2 HS lên bảng chữa bài. + Lớp đổi vở để kiểm tra kết quả lẫn nhau. + Nhận xét, bổ sung. 3, quy đồng mẫu số $\frac{1}{2};\frac{1}{5}$ và $\frac{1}{3}$ Ta có: $\frac{1}{2}=\frac{1\times5\times3}{2\times5\times3}=\frac{15}{30}$; $\frac{1}{5}=\frac{1\times2\times3}{5\times2\times3}=\frac{6}{30}$; $\frac{1}{3}=\frac{1\times2\times5}{3\times2\times5}=\frac{10}{30}$ + 1 HS lên bảng làm bài 5 và nêu cách sắp xếp. Lớp theo dõi, nhận xét. + Trong các phân số trên - phân số < 1 là $\frac{1}{3};\frac{1}{6}$; phân số > 1 là: $\frac{5}{2};\frac{3}{2}$ Mà $\frac{1}{3}>\frac{1}{6}$; $\frac{5}{2}>\frac{3}{2}$ $=>\frac{1}{6};\frac{1}{3};\frac{3}{2};\frac{5}{2}$

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Chính tả:

Vương quốc vắng nụ cười

I, Mục đích yêu cầu : Giúp học sinh

- Nghe - viết chính xác, đẹp đoạn từ: "Ngày xửa, ngày xưa... mái nhà" trong bài "Vương quốc vắng nụ cười".
- Làm đúng bài tập chính tả phân biệt s/x.

II, Đồ dùng dạy học: - Chép sẵn bài tập 2a vào bảng phụ.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	***Hoạt động của trò***
A. Kiểm tra bài cũ:	
B. Dạy học bài mới:	
**** Giới thiệu bài***	
HĐ1: Hướng dẫn viết chính tả	
+ Đoạn văn kể cho chúng ta chuyện gì?	+ 2 HS đọc lại đoạn viết.
+ Những chi tiết nào cho thấy cuộc sống ở đây rất tẻ nhạt và buồn chán.	+ Kể về một vương quốc rất buồn chán và tẻ nhạt vì người dân ở đó không ai biết cười.
+ Tìm những từ, tiếng dễ lẫn khi viết?	+ Mặt trời không muốn dậy, chim không muốn hót, hoa chưa nở đã tàn, gương mặt mọi người rầu rĩ, héo hon.
+ Yêu cầu HS viết từ khó vào giấy nháp?	+ Vương quốc, kinh khủng, rầu rĩ, héo hon, nhộn nhịp, lạo xạo, thở dài.
+ Nhận xét, sửa lỗi (nếu có).	+ HS viết vào giấy nháp.
+ Đọc thong thả đoạn viết cho HS chép bài.	+ 2 HS lên bảng viết.
+ Thu 1/2 số vở để chấm.	+ HS chép bài.
+ Nhận xét, chữa 1 số lỗi phổ biến cho HS.	+ HS tự chữa lỗi.
+ Yêu cầu HS làm bài tập 2a theo nhóm.	+ Chia nhóm (4 nhóm).
+ Nhận xét, bổ sung, kết luận câu trả lời đúng.	+ Các nhóm thảo luận, hoàn thành phiếu bài tập.
	+ Đại diện các nhóm báo cáo kết quả.
	+ Lớp nhận xét, thống nhất ý kiến.
C, Củng cố - dặn dò: Nhận xét giờ học. Dặn HS chuẩn bị bài sau.	+ Vì sao, năm sau, xứ sở, gắng sức, xin lỗi, sự chậm trễ.

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Khoa học:

Trao đổi chất ở động vật

I, Mục tiêu: Giúp học sinh
- Nêu được trong quá trình sống lấy gì từ môi trường và thải ra mội trường những gì?
- Vẽ sơ đồ và trình bày sự trao đổi chất ở động vật.

II, Đồ dùng dạy học: Sơ đồ sự tra đổi chất ở động vật (vẽ sẵn).

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	***Hoạt động của trò***
A. Kiểm tra bài cũ: ***B. Dạy học bài mới;*** **** Giới thiệu bài:*** ***HĐ1: Tìm hiểu "Trong quá trình sống động vật lấy gì và thải ra mội trường những gì?"*** + Yêu cầu HS quan sát hình 128 SGK, thảo luận cặp đôi nội dung sau. *- Những yếu tố nào động vật thường xuyên phải lấy từ môi trường để duy trì sự sống?* *- Động vật thải ra môi trường những gì trong quá trình sống?* *- Quá trình trên được gọi là gì?* *- Thế nào là quá trình trao đổi chất?* + Nhận xét, tiểu kết lại. ***HĐ2: Tìm hiểu sự trao đổi chất giữa động vật và môi trường*** + Tổ chức cho HS hoạt động cả lớp. *+ Sự trao đổi chất ở động vật diễn ra như thế nào?* *+ Treo sơ đồ sự trao đổi chất ở động vật gọi 1 số HS lên bảng vừa chỉ vào sơ đồ vừa nêu sự trao đổi chất ở động vật.* + Nhận xét, tiểu kết lại.	 + HS quan sát hình minh họa. Thảo luận cặp đôi. Đại diện các nhóm nêu ý kiến. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. *+ Động vật thường xuyên lấy từ môi trường: thức ăn, nước, khí O_2 có trong không khí.* *+ Thường xuyên thải ra mội trường các khí các bô níc, phân, nước tiểu.* *+ Gọi là quá trình trao đổi chất ở động vật.* *+ Là quá trình động vật lấy thức ăn, nước uống, O_2 từ môi trường và thải ra môi trường CO_2, phân, nước tiểu.* + Đọc và quan sát SGK. *+ Hàng ngày, động vật lấy không khí, nước, thức ăn cần thiết cho cơ thể sống và thải ra môi trường khí các bô níc, nước tiểu, phân.* *+ 1 số HS lên mô tả những dấu hiệu bên ngoài của sự trao đổi chất giữa động vật và môi trường qua sơ đồ.*

HĐ3: Thực hành: Vẽ sơ đồ trao đổi chất ở động vật + Tổ chức cho HS hoạt động nhóm. + Yêu cầu: Vẽ sơ đồ sự trao đổi chất ở động vật. + Đi quan sát, giúp đỡ những nhóm yếu. + Gọi đại diện các nhóm trình bày. + Nhận xét, khen ngợi những nhóm trình bày tốt, vẽ đúng, đẹp. ***C. Củng cố dặn dò:*** Củng cố lại nội dung bài học. Dặn HS học bài và chuẩn bị bài sau.	+ Lớp theo dõi, nhận xét, bổ sung. + Chia nhóm (4 nhóm). Nhận đồ dùng. + Các thành viên trong nhóm tham gia vẽ sơ đồ. Sau đó trình bày sự trao đổi chất ở động vật theo sơ đồ mà nhóm mình vừa vẽ được. + Đại diện 4 nhóm lên trình bày. + Các nhóm khác bổ sung, nhận xét.

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Kĩ thuật

(Chị Thuỷ dạy)

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Thứ 6 ngày 23 tháng 4 năm 2010

Thể dục

Anh Cường dạy

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Tập làm văn:

Luyện tập xây dựng mở bài, kết bài trong bài văn miêu tả con vật

I, Mục đích yêu cầu : Giúp học sinh

- Củng cố kiến thức về mở bài, kết bài trong bài văn miêu tả con vật.
- Thực hành viết mở bài, kết bài cho bài văn miêu tả con vật mà HS đã miêu tả hình dáng và hoạt động để hoàn thành bài văn.

II, Đồ dùng dạy học: Giấy khổ to và bút dạ.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	***Hoạt động của trò***
A. Kiểm tra bài cũ: ***B. Dạy học bài mới*** ***1 Giới thiệu bài:*** ***2. Làm việc cặp đôi : Bài tập 1.*** + Gọi HS đọc yêu cầu và nội dung bài tập 1. + Yêu cầu HS làm việc theo cặp bài tập	 + 1 HS đọc to - Lớp đọc thầm. + 2 HS ngồi cạnh nhau trao đổi, thảo luận và làm bài.

1. + Gọi đại diện các cặp nêu ý kiến. + Hướng dẫn HS nhận xét, bổ sung. + Chốt lại cách làm đúng. + Đoạn mở bài, kết bài em vừa tìm được giống kiểu mở bài, kết bài nào đã học? + Yêu cầu HS biến đổi mở bài và kết bài trên thành mở bài trực tiếp, kết bài không mở rộng. ***3. Làm việc theo nhóm: Bài tập 2, 3.*** + Gọi HS nêu yêu cầu của bài tập. + Yêu cầu HS thảo luận theo nhóm. + Yêu cầu HS tự làm bài vào vở. + Gọi 4 HS làm bài vào giấy khổ to trên bảng dán và đọc bài của mình. + Nhận xét, cho điểm những HS viết tốt. + Gọi HS dưới lớp đọc đoạn mở bài và kết bài của mình. + Nhận xét, biểu dương những HS làm bài tốt. ***C. Củng cố - dặn dò:*** Nhận xét giờ học. Dặn HS chuẩn bị bài sau.	+ Đại diện các cặp nêu ý kiến. + Lớp nhận xét, bổ sung (nếu sai). - Mở bài: *Mùa xuân trăm hoa... là mùa công múa.* - Kết bài: *Quả không ngoa...rừng xanh.* + Đây là kiểu mở bài gián tiếp và kết bài mở rộng. + Mở bài trực tiếp: Mùa xuân là mùa công múa. + Kết bài không mở rộng: *Chiếc ô màu sắc đẹp... dưới nắng xuân ấm áp.* + 1 HS đọc yêu cầu bài tập. Lớp đọc thầm. + Chia nhóm (theo nhóm bàn 4 nhóm). + Tiến hành hoạt động nhóm. Các thành viên thảo luận, trao đổi. + HS tự làm bài vào vở. 4 HS dán bảng kết quả, đọc bài làm của mình. Lớp chữa bài. + 3 HS nối tiếp đọc mở bài. + 3 HS nối tiếp nhau đọc kết bài. + Lớp theo dõi, nhận xét.

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Toán:

Ôn tập các phép tính với phân số

I, Mục tiêu: Giúp học sinh ôn tập về:

- Phép cộng, phép trừ phân số.
- Tìm thành phần chưa biết của phép tính.
- Giải các bài toán liên quan đến tìm giá trị phân số của 1 số.

II, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	*Hoạt động của trò*
A. Kiểm tra bài cũ ***B. Dạy học bài mới***	

HĐ1: Hướng dẫn ôn tập + Gọi HS nêu yêu cầu của từng bài tập + ở bài tập 1, chú ý chọn mẫu số chung bé nhất có thể để quy đồng rồi thực hiện phép tính. + Bài tập 5 lưu ý HS đổi $\frac{2}{5}$ m ra cm; $\frac{1}{4}$ giờ ra phút rồi mới giải.	+ 5 HS nối tiếp nhau nêu yêu cầu 5 bài tập. + HS tự làm bài tập vào vở.
HĐ2: Hướng dẫn HS chữa bài. ***Bài 1, 2:*** Tính + Hướng dẫn HS nhận xét, chữa bài + Kết luận cách làm đúng. + Củng cố lại cách cộng, trừ phân số có cùng mẫu số, khác mẫu số, cách quy đồng mẫu số phân số.	+ 2 HS lên bảng chữa - Nêu cách tính. + Lớp theo dõi đối chiếu bài làm của mình với bài làm trên bảng. + Nhận xét, chữa (nếu sai).
Bài 3: Tìm x + Yêu cầu HS giải thích cách tìm x. a. Tìm số hạng chưa biết. b. Tìm số trừ chưa biết. c. Tìm số bị trừ chưa biết.	+ Gọi 3 HS lên bảng chữa - Nêu cách làm. + Lớp đổi vở để kiểm tra kết quả lẫn nhau. a) $x + \frac{1}{3} = \frac{4}{5}$ b) ..... $x = \frac{4}{5} - \frac{1}{3}$ $x = \frac{7}{15}$
Bài 4, 5: + Gọi 2 HS lên bảng chữa bài. + Hướng dẫn HS nhận xét. + Kết luận cách giải đúng.	+ 2 HS lên bảng chữa bài. + Lớp theo dõi, đối chiếu với bài làm của mình. **Giải** a, Số phần diện tích để trồng hoa và làm đường đi là: $\frac{3}{4} + \frac{1}{5} = \frac{19}{20}$ (vườn hoa) Số phần diện tích để xây bể nước là: $1 - \frac{19}{20} = \frac{1}{20}$ (vườn hoa) b, Diện tích vườn hoa là: 20 x 15 = 300

C. Củng cố - dặn dò: Nhận xét giờ học. Dặn HS chuẩn bị bài sau.	(m^2) Diện tích để xây bể là: 300 x $\frac{1}{20}$ = 15 (m^2) Đáp số: 15 m^2

Mỹ thuật :

Vẽ trang trí : Tạo dáng và trang trí chậu cảnh

I . Mục tiêu : Giúp HS :

- Thấy được vẻ đẹp của chậu cảnh qua sự đa dạng của hình dáng và cách trang trí .
- Biết cách tạo dáng và tạo được dáng , trang trí được chậu cảnh theo ý thích .
- Có ý thức bảo vệ và chăm sóc chậu cảnh .

II . Đồ dùng dạy học : Hình gợi ý cách tạo dáng, ảnh 1 số chậu, cây cảnh đẹp. Bài vẽ của HS năm trước

III . Các HĐ dạy học chủ yếu :

Hoạt động của Thầy	***Hoạt động của Trò***
**** Giới thiệu bài :*** ***HĐ1 : Quan sát nhận xét :*** - GV giới thiệu 1 vài chậu cảnh và cây cảnh - Hình dáng của từng vật mẫu có dạng hình gì ? - Nét tạo dáng thân chậu ntn ? - Cách trang trí các chậu ntn? Mầu sắc của các chậu ntn ? + Cho HS nhận xét tìm , chọn ra chậu đẹp và giải thích lý do ***HĐ2 : HD HS cách vẽ :*** + Yêu cầu HS ước lượng chiều cao, chiều ngang để phác khung hình chung cho cân đối. + Tìm tỉ lệ từng bộ phận để vẽ phác khung hình. + Vẽ các chi tiết , vẽ đậm , nhạt ***HĐ3 : Thực hành :*** ***HĐ4 : Đánh giá - nhận xét***	- HS quan sát và nêu: - Chậu cảnh có nhiều loại với nhiều hình dáng khác nhau: loại cao, loại thấp, loại có thân hình cầu, hình trụ ... - HS nêu: Khác nhau: nét cong , nét thẳng ... -Trang trí đa dạng, nhiều hình, nhiều vẻ trang trí bằng đường diềm - HS nêu : rất phong phú , đa dạng - HS chú ý theo dõi -Ước lượng chiều cao , chiều ngang để phác khung hình chung -Tìm tỉ lệ từng bộ phận để vẽ phác khung hình. - Hs thực hành vẽ vào vở thực hành

+ Bố cục. Hình vẽ. Trang trí - GV bổ sung chọn bài đẹp làm tư liệu, khen ngợi HS có bài vẽ đẹp ***Dặn dò*** : VN quan sát các hoạt động vui chơi trong hè	

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

SINH HOẠT TẬP THỂ CUỐI TUẦN

I.Mục tiêu: Giúp HS :

- Đánh giá lại các mặt hoạt động của tuần 32: *Về học tập, đạo đức, đội - sao và các mặt hoạt động khác.*
- Biết tự quá trình rèn luyện tu dưỡng của bản thân.

II.Nội dung buổi sinh hoạt :

1.Giới thiệu bài :

2. HS tự nhận xét , đánh giá về các mặt hoạt động trong tuần .

- GV yêu cầu HS tự nhận xét về: *Đạo đức, học tập, hoạt động Đội - Sao, Lao động, trực nhật* và các mặt hoạt động khác .

+ Từng HS nối tiếp đứng dậy tự nhận xét về mình.

+ Gv gợi ý để HS nhận xét được đầy đủ các mặt. Tuyên dương những HS có nhiều điểm tốt trong tuần, những HS dám đề cao tính tự phê cho bản thân.

3. Nhận xét chung.

- Giáo viên nhận xét chung nội dung tiết sinh hoạt. Phổ biến kế hoạch tuần 33.
- Dặn dò học sinh về nhà thực hiện tốt yêu cầu đề ra.

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Tuần 33

Thứ 2 ngày 28 tháng 4 năm 2008

Tập đọc:

Vương quốc vắng nụ cười (tiếp theo)

I, Mục tiêu: Giúp học sinh

1. Đọc thành tiếng:

- Đọc đúng các từ khó, dễ lẫn do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương: trọng thưởng, dải rút, dễ lây, rạng rỡ.
- Đọc trôi chảy toàn bài, nhấn giọng ở các từ ngữ gợi tả, gợi cảm.
- Đọc diễn cảm toàn bài với giọng vui, bất ngờ, hào hứng.

2. Đọc - hiểu:

- Hiểu được nghĩa các từ khó trong bài: tóc để trái đào, vườn ngự uyển.
- Hiểu được nội dung của bài tập đọc: Tiếng cười rất cần thiết với cuộc sống của chúng ta.

II, Đồ dùng dạy học: Bảng phụ ghi sẵn đoạn văn cần luyện đọc.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	*Hoạt động của trò*
A. Kiểm tra bài cũ	
B. Dạy học bài mới:	
1. Giới thiệu bài	
2. Hướng dẫn luyện đọc	
+ Yêu cầu HS tự chia đoạn cho bài tập đọc.	+ 1 - 2 HS nêu ý kiến. Lớp nhận xét. *Đ1: Từ đầu... trọng thưởng.* *Đ2: Tiếp... dải rút ạ.* *Đ3: Còn lại.* + 3 HS nối tiếp nhau đọc bài (3 lượt).
+ Yêu cầu HS tiếp nối nhau đọc toàn bài. + Yêu cầu HS luyện đọc theo cặp. + Đọc mẫu toàn bài với giọng vui, đầy hào hứng.	+ 1 - 2 HS đọc phần chú giải SGK. + 2 HS ngồi cạnh nhau, luyện đọc tiếp nối từng đoạn. + 2 HS khá đọc.
3. Tìm hiểu bài	+ Luyện đọc và trả lời câu hỏi theo cặp.
+ Yêu cầu 2 HS ngồi cạnh nhau đọc thầm toàn bài trao đổi trả lời câu hỏi SGK. + Gọi 2 HS đọc tiếp nối đoạn 1, 2. *- Con người phi thường mà cả triều đình háo hức nhìn là ai vậy?*	+ 2 HS đọc to - Lớp đọc thầm. *- Đó chỉ là 1 cậu bé chừng 10 tuổi tóc để trái đào.*

- Thái độ của nhà vua như thế nào khi gặp cậu bé? *- Cậu bé phát hiện ra những chuyện buồn cười ở đâu?* *+ Vì sao những chuyện ấy buồn cười?* *+ Vậy nội dung đoạn 1, 2 là gì?* + Gọi HS đọc đoạn 3. *+ Tiếng cười làm thay đổi cuộc sống ở vương quốc u buồn như thế nào?* *+ Vậy nội dung đoạn 3 là gì?* *+ Nêu nội dung chính của bài.* ***4. HĐ3: Đọc diễn cảm*** + Yêu cầu HS luyện đọc theo vai, người dẫn truyện, nhà vua, cậu bé. + Tổ chức cho HS đọc diễn cảm đoạn 3 + Yêu cầu HS luyện đọc theo cặp. + Tổ chức cho HS thi đọc trước lớp. + Nhận xét, cho điểm từng HS. ***C, Củng cố - dặn dò:*** Củng cố lại nội dung bài học. Dặn HS chuẩn bị bài sau.	*- Nhà vua ngọt ngào nói với cậu bé và nói sẽ trọng thưởng cho cậu.* *- Cậu bé phá hiện ra những chuyện buồn cười ở xung quanh cậu: Nhà vua quên lau miệng, bên mép vẫn... hạt cơm, quả táo cắn dở... ngự uyển. Cậu bé... dứt dải rút.* *+ Vì vua ngồi trên ngai vàng mà ăn cơm quên không lau miệng. Quan coi vườn ngự uyển lại ăn vụng. Cậu bé đứng lom khom vì bị đứt dải rút quần.* ***ý1: Tiếng cười có ở xung quanh ta.*** + 1 HS đọc to - Lớp đọc thầm. *+ Tiếng cười như có phép màu làm mọi gương mặt đều rạng rỡ, tươi tỉnh, hoa nở, chim hót, tia nắng mặt trời nhảy múa, sỏi đá reo vang dưới những bánh xe.* ***ý2: Tiếng cười làm thay đổi cuộc sống u buồn.*** *Nội dung: Tiếng cười như một phép màu làm cho cuộc sống ở vương quốc u buồn thay đổi thoát khỏi tàn lụi.* + 2 lượt HS đọc phân vai. + Lớp theo dõi, tìm ra giọng đọc phù hợp. + HS luyện đọc theo cặp. + 3 - 5 HS thi đọc.

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Toán:

Ôn tập các phép tính với phân số

I, Mục tiêu: Ôn tập về nhân, chia phân số.

II, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	***Hoạt động của trò***
A. Kiểm tra bài cũ:	
B. Dạy học bài mới:	

**** Giới thiệu bài:***

HĐ1: Hướng dẫn làm bài tập

+ Gọi HS nêu yêu cầu các bài tập.

C. <u>Củng cố – dặn dò:</u> - Nhận xét giờ học.

- Làm bài tập ở SGK và chuẩn bị bài sau.

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

<u>*Đạo đức:*</u>

Dành cho địa phương (tiết 2)

I, Mục tiêu: Giúp học sinh:

- Biết được tình hình ô nhiễm môi trường ở địa phương.
- Có ý thức bảo vệ, giữ gìn môi trường trong sạch.
- Đồng tình, ủng hộ những hành vi bảo vệ môi trường.

II, Đồ dùng dạy học: Tranh ảnh về môi trường ở địa phương.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	***Hoạt động của trò***
A. Kiểm tra bài cũ	
B. Dạy học bài mới	
**** Giới thiệu bài:***	
HĐ1: Tìm hiểu về tình hình môi trường ở địa phương	
+ Giới thiệu cho HS biết về tình hình môi trường ở địa phương trong thời gian gần đây.	+ Chú ý lắng nghe.
+ Yêu cầu HS kể những gì em biết về tình hình môi trường và ô nhiễm môi trường trong thời gian gần đây.	+ 3 HS kể về tình hình môi trường và ô nhiễm môi trường trên địa bàn.
+ Nhận xét, bổ sung.	+ Lớp theo dõi, nhận xét.
HĐ2: Liên hệ thực tế	
+ Yêu cầu HS tự nêu những việc đã làm để bảo vệ môi trường xanh, sạch.	+ 4 - 6 HS kể những việc mà bản thân đã làm được để bảo vệ và giữ gìn môi trường xanh, sạch đẹp.
+ Giáo viên nhận xét, biểu dương những HS có ý thức bảo vệ và giữ gìn môi trường xanh, sạch, đẹp.	+ HS chú ý lắng nghe, thực hiện theo yêu cầu của giáo viên.
+ Nhắc nhở HS có ý thức bảo vệ và giữ	

gìn môi trường và tuyên truyền cho mọi người cùng tham gia. HĐ3: Dự án "Tình nguyện xanh" (10') + Chia lớp thành 2 nhóm và giao nhiệm vụ cho các nhóm. + Tìm hiểu về tình hình môi trường, ở xóm phố nơi em sinh sống, những hoạt động bảo vệ môi trường, những vấn đề còn tồn tại và cách giải quyết. + Nhận xét, đánh giá kết quả của từng nhóm.	+ Chia nhóm. + Các nhóm nhận nhiệm vụ. + Tiến hành thảo luận nhóm. Thư kí ghi kết quả vào giấy. + Đại diện các nhóm trình bày kết quả làm việc. + Nhóm còn lại nhận xét, bổ sung.

C. Củng cố – dặn dò: - Nhận xét giờ học.
- Dặn HS chuẩn bị bài sau.

ଌ✻ଌ✻ଌ✻ଌ✻ଌ

Thứ 2 ngày ..... tháng .....năm ,.....

Khoa học:

QUAN HỆ THỨC ĂN TRONG TỰ NHIÊN

I.Mục tiêu:

-Hiểu thế nào là yếu tố vô sinh, yếu tố hữu sinh.

-Kể ra mối quan hệ giữa yếu tố vô sinh và yếu tố hữu sinh trong tự nhiên.

-Vẽ sơ đồ mối quan hệ sinh vật này là thức ăn của sinh vật kia.

-GDHS yêu thích tìm hiểu khoa học .

II.Đồ dùng dạy học:

-Hình minh hoạ trang 130, SGK (phóng to nếu có điều kiện).

-Hình minh họa trang 131, SGK phô tô theo nhóm.

-Giấy A_4.

III.Các hoạt động dạy học:

Hoạt động của giáo viên	*Hoạt động của HS*
1.KTBC: 2.Bài mới: *Giới thiệu bài: *Hoạt động 1: Mối quan hệ giữa thực vật và các yếu tố vô sinh trong tự nhiên	+Thức ăn của thực vật là nước, khí các-bô-níc, các chất khoáng hoà tan

-Gọi HS trình bày. Yêu cầu mỗi HS chỉ trả lời 1 câu, HS khác bổ sung. +"Thức ăn" của cây ngô là gì ? +Từ những "thức ăn" đó, cây ngô có thể chế tạora những chất dinh dưỡng nào để nuôi cây? +Theo em, thế nào là yếu tố vô sinh, thế nào yếu tố hữu sinh ? Cho ví dụ ? ***Hoạt động 2: Mối quan hệ thức ăn giữa các sinh vật*** +Thức ăn của châu chấu là gì ? +Giữa cây ngô và châu chấu có mối quan hệ gì? +Thức ăn của ếch là gì ? +Giữa châu chấu và ếch có mối quan hệ gì? +Giữa lá ngô, châu chấu và ếch có quan hệ gì? -Gọi HS trình bày, GV nhận xét phần sơ đồ của nhóm và trình bày của đại diện. ***Hoạt động 3: Trò chơi: Ai nhanh hơn*** 1 Cách tiến hành GV tổ chức cho HS thi vẽ sơ đồ thể hiện mối quan hệ thức ăn giữa các sinh vật trong tự nhiên. Cỏ → Cá → Người .	trong đất. +Thức ăn của động vật là thực vật hoặc động vật. +Là khí các-bô-níc, nước, các chất khoáng, ánh sáng. +Tạo ra chất bột đường, chất đạm để nuôi cây. +yếu tố vô sinh là những yếu tố không thể sinh sản được mà chúng đã có sẵn trong tự nhiên như: nước, khí các-bô-níc. Yếu tố hữu sinh là những yếu tố có thể sản sinh tiếp được như chất bột đường, chất đạm. +Là lá ngô, lá cỏ, lá lúa, ... +Cây ngô là thức ăn của châu chấu. +Là châu chấu. +Châu chấu là thức ăn của ếch. +Lá ngô là thức ăn của châu chấu, châu chấu là thức ăn của ếch. -Đại diện của 4 nhóm lên trình bày. -Quan sát, lắng nghe. - 1 HS trình bày mối quan hệ thức ăn.

Lá rau → Sâu → Chim sâu . Lá cây → Sâu → Gà . Cỏ → Hươu → Hổ . Cỏ → Thỏ → Cáo → Hổ ***3.Củng cố- Dặn dò:*** Nhận xét tiết học. Dặn HS về nhà vẽ tiếp các mối quan hệ thức ăn trong tự nhiên và chuẩn bị bài sau.	

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Toán:

Ôn tập các phép tính đối với số TN (tiếp)

I, Mục tiêu: Giúp học sinh ôn tập về:
- Các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với số tự nhiên.
- Các tính chất của phép tính với số tự nhiên.
- Giải bài toán liên quan đến các phép tính với số tự nhiên.

II, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	*Hoạt động của trò*
A. Kiểm tra bài cũ ***B. Dạy học bài mới:*** ***1. Giới thiệu bài:*** ***2. HĐ1: Hướng dẫn ôn tập*** + Giao nhiệm vụ cho HS. + Trong biểu thức có phép tính cộng, trừ, nhân, chia ta làm như thế nào? + ở bài tập 3 làm thế nào để tính được thuận tiện? + Yêu cầu HS tự làm bài vào vở. + Chấm bài một số em, nhận xét. ***3. HĐ2: Hướng dẫn chữa bài*** ***Bài 1, 2:***	 + HS làm bài tập (trang 89 – 90) + HS tiếp nối nhau nêu yêu cầu của bài tập. + Thực hiện nhân, chia trước, cộng, trừ sau. + Sử dụng tính chất kết hợp, tính chất 1 số nhân với 1 tổng, 1 số nhân với 1 hiệu... + HS tự làm bài vào vở.

+ Đúng ghi Đ, sai ghi S. + Tính + Nhận xét, kết luận cách giải đúng. ***Bài 3:*** Tính bằng cách thuận tiện nhất. + Yêu cầu HS nêu 1 số tính chất. a, áp dụng tính chất kết hợp của phép nhân. b, áp dụng tính chất chia 1 tích cho 1 số. <u>Bài 4:</u> Giải toán + Nhận xét kết luận cách giải đúng. ***C. Củng cố - dặn dò:*** Nhận xét giờ học. Giao bài tập về nhà. Dặn HS chuẩn bị bài sau.	+ 2 HS lên bảng chữa bài. + Lớp theo dõi, đối chiếu với bài làm của mình. + HS nêu và giải thích cách làm. + 2 HS lên chữa bài, nêu cách làm và giải thích. + Lớp theo dõi, đối chiếu với bài làm của mình, bổ sung (nếu sai). ***a, 36 x 25 x 4 = 36 x (25 x 4) = 36 x 100 = 3600*** ***b, 18 x 24 : 9 = (18 : 9) x 24 = 2 x 24 = 48*** + 1 HS lên chữa bài. + Lớp đổi vở để kiểm tra kết quả lẫn nhau. + Nhận xét, đối chiếu với bài trên bảng, bổ sung (nếu sai). ***<u>Giải</u>*** ***Mua truyện hết số tiền là:*** ***4500 x 20 = 90000 (đ)*** ***Mua bút hết số tiền là:*** $90000 \times \frac{1}{3} = 30000$ ***(đ)*** ***Đã mua hết tổng số tiền là:*** ***90000 + 30000 = 120000 (đ)*** ***Đáp số: 120 000 đồng***

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

<u>Luyện từ và câu:</u>

Thêm trạng ngữ chỉ thời gian cho câu

I, Mục tiêu: Giúp học sinh

- Hiểu tác dụng, ý nghĩa của trạng ngữ chỉ thời gian cho câu.
- Xác định được trạng ngữ chỉ thời gian cho câu.
- Thêm đúng trạng ngữ chi thời gian cho phù hợp với nội dung từng câu.

II, Đồ dùng dạy học: Bảng phụ chép sẵn bài tập 1.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	***Hoạt động của trò***

A. Kiểm tra bài cũ	
B. Dạy học bài mới:	
1. Giới thiệu bài	
2. HĐ1: Tìm hiểu ví dụ	
Bài 1: Yêu cầu HS đọc yêu cầu bài tập.	+ 1 HS nêu yêu cầu.
+ Yêu cầu HS tìm trạng ngữ trong câu theo cặp.	+ Lớp đọc thầm. + HS thảo luận cặp đôi: dùng bút chì gạch chân dưới trạng ngữ trong câu.
+ Dùng phấn màu bổ sung trạng ngữ.	
Bài 2:	
+ Nêu vấn đề.	+ 1 số HS nêu, lớp nhận xét, bổ sung.
+ BPTN: "Đúng lúc đó" bổ sung ý nghĩa gì cho câu?	+ Bổ sung ý nghĩa thời gian cho câu.
Bài 3, 4:	
+ Yêu cầu HS thảo luận nhóm bàn.	+ 2 HS nêu yêu cầu.
+ Theo dõi, giúp đỡ các nhóm làm việc.	+ Các nhóm thảo luận: Đặt câu có trạng ngữ chỉ thời gian, sau đó đặt câu hỏi cho các trạng ngữ chỉ thời gian.
+ Nhận xét, tuyên dương các nhóm làm tốt.	
+ Vậy trạng ngữ chỉ thời gian có ý nghĩa gì trong câu?	+ Giúp ta xác định được thời gian diễn ra sự việc trong câu.
+ Trạng ngữ chỉ thời gian trả lời cho câu hỏi nào?	+ Bao giờ, khi nào, mấy giờ?
→ Rút ra ghi nhớ SGK.	+ 2 HS đọc to.
+ Yêu cầu HS lấy ví dụ về câu có trạng ngữ chỉ thời gian.	+ 1 số HS nêu ví dụ - lớp nhận xét.
3. HĐ2: Luyện tập	
Bài 1: Tìm trạng ngữ chỉ thời gian trong các câu sau:	+ 1 HS nêu yêu cầu, lớp đọc thầm. + HS tự làm bài tập ở vở bài tập.
+ Yêu cầu HS hoàn thành bài tập ở vở bài tập.	+ 2 HS lên bảng làm.
+ Nhận xét, kết luận cách làm đúng.	a***, - Buổi sáng hôm nay.*** ***- Vừa mới hôm qua.*** ***- Qua một đêm mưa rào.*** ***b, - Từ ngày còn ít tuổi.*** ***- Mỗi lần đứng trước... phố Hà Nội.***
Bài 2: Thêm trạng ngữ cho trong dấu () vào	+ Gọi 2 HS nêu yêu cầu bài 2.

chỗ trống thích hợp. + Yêu cầu HS tự làm bài. + Nhận xét, kết luận câu trả lời đúng. ***C, Củng cố - dặn dò:*** Nhận xét giờ học. Dặn HS chuẩn bị bài sau.	+ HS tự làm bài vào vở. + 1 số HS nêu kết quả (miệng). Trạng ngữ: "Mùa đông" → đầu câu 2. Trạng ngữ: Đến ngày, đến tháng → đầu câu cuối.

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

Lịch sử:

TOÀNG KEỎT.

I.Muùc tieõu :

-Heọ thoảng nhửừng sửù kieọn tieõu bieồu cuỷa moái thụứi kỡ trong lũch sửỷ nửụực ta tửứ buoồi ủaàu dửùng nửụực ủeỏn giửừa theỏ kổ XIX (tửứ thụứi Vaờn Lang - Aõu Laùc ủeỏn thụứi Nguyeón): Thụứi Vaờn Lang - Aõu Laùc .

- Hụn moọt nghỡn naờm ủaỏu tranh choỏng Baộc thuoọc; buoồi ủaàu ủoọc laọp; Nửụựceàui Vieọt thụứi Lyự, thụứi Traàn, thụứi Haọu Leõ; thụứi Nguyeón.

- Laọp baỷng neõu teõn vaứ nhửừng coỏng hieỏn cuỷa caực nhaõn vaọt lũch sửỷ tieõu bieồu: Huứng Vửụng, An Dửụng Vửụng, Hai Baứ Trửng, Ngoõ Quyeàn, ẹinh Boọ Lúnh, Leõ Hoaứn, Lyự Thaựi Toồ, Lyự Thửụứng Kieọt, Traàn Hửng ẹaùo, Leõ Lụùi Nguyeón Traừi, Quang Trung.

- Giaựo duùc hoùc sinh yeõu queõ hửụng, ủaỏt nửụực .

II.Chuaồn bũ :Baờng thụứi gian bieồu thũ caực thụứi kỡ LS trong SGK ửụùc phoựng to .

III.Hoaùt ủoọng treõn lụựp:

Hoaùt ủoọng cuỷa thaày	***Hoaùt ủoọng cuỷa troứ***
1.KTBC : ***2.Baứi mụựi :*** ***a.Giụựi thieọu baứi:*** ***b.Phaựt trieồn baứi :*** ****Hoaùt ủoọng caự nhaõn:*** -GV ửỷa ra baờng thụứi gian, giaỷi thớch baờng thụứi gian. GV cho HS dửùa vaứo kieỏn thửực ủaừ hoùc ủeồ trả lụứi theo caõu hoỷi cuỷa GV. -GV nhaọn xeựt ,keỏt luaọn . ****Hoaùt ủoọng nhoựm;***	-HS dửùa vaứo kieỏn thửực ủaừ hoùc, laứm theo yeõu caàu cuỷa GV. -HS leõn ủieàn. -HS nhaọn xeựt ,boồ sung . -HS caực nhoựm thaỷo luaọn vaứ ghi toựm

- GV phaựt PHT coự ghi danh saựch caực nhaõn vaọt LS: ***Hứng Vửụng, An Dửụng Vửụng, Hai Baứ Trửng, Ngoõ Quyeàn, ẹinh Boọ Lúnh, Leõ Hoaứn, Lyự Thaựi Toồ, Lyự Thửụứng Kieọt, Traàn Hửng ẹaùo, Leõ Thaựnh Toõng, Nguyeón Traừi, Nguyeón Hueọ ……***	taột vaứo trong PHT .
-GV yeõu caàu caực nhoựm thaỷo luaọn vaứ ghi toựm taột veà coõng lao cuỷa caực nhaõn vaọt LS treõn.	-HS ủaùi dieọn nhoựm trỡnh baứy keỏt quaỷ laứm vieọc. -Caực nhoựm khaực nhaọn xeựt ,boồ sung.
-GV cho ủaùi dieọn HS leõn trỡnh baứy phaàn toựm taột cuỷa nhoựm mỡnh . GV nhaọn xeựt ,keỏt luaọn .	-HS caỷ lụựp leõn ủieàn . -HS khaực nhaọn xeựt ,boồ sung. -HS trỡnh baứy.
**** Hoaùt ủoọng caỷ lụựp:*** -GV ủửa ra moọt soỏ ủũa danh, di tớch LS, vaờn hoựa coự ủeà caọp trong SGK nhử: ***Laờng Hứng Vửụng, Thaứnh Coồ Loa, Soõng Baùch ẹaống, ẹoọng Hoa Lử, Thaứnh Thaờng Long, Tửụứng Phaọt A-di- ủaứ ….*** -GV yeõu caàu moọt soỏ HS ủieàn theõm thụứi gian hoaởc sửừa kieọn LS gaộn lieàn vụựi caực ủũa danh, di tớch LS, vaờn hoựa ủoự. - GV nhaọn xeựt, keỏt luaọn. ***3.Cuỷng coỏ - Daởn doứ***: Goùi moọt soỏ em trỡnh baứy tieỏn trỡnh lũch sửỷ vaứo sụ ủoà. -Veà nhaứ xem laùi baứi vaứ chuaồn bũ oõn taọp kieồm tra HK II.	

ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ✻ꕥ

KEÅ CHUYEÄN

KEÅ CHUYEÄN ẹAÁ NGHE, ẹAÁ ẹOẽC

I.Muùc tieõu:

1. Reứn kú naờng noựi:

-Bieỏt dửùa vaứo gụùi yự trong SGK, choùn vaứ keồ laùi ủửụùc caõu chuyeọn (ủoaùn truyeọn) ủaừ nghe, ủaừ ủoùc noựi veà tinh thaàn laùc quan, yeõu ủụứi.

- Hieồu noọi dung chớnh cuỷa caõu chuyeọn (ủoaùn truyeọn) ủaừ keồ, bieỏt trao ủoồi ủửụùc vụựi caực baùn veà yự nghúa caõu chuyeọn (ủoaùn truyeọn).

2. Reún kú naờng nghe: Laộng nghe baùn keồ, nhaọn xeựt ủuựng lụứi keồ cuỷa baùn.

3. Giaựo duùc HS coự tinh thaàn laùc quan , yeõu ủụứi .

II.ẹoà duứng daùy hoùc:Moọt soỏ saựch, baựo, truyeọn vieỏt veà nhửừng ngửụứi coự hoaứn caỷnh khoự khaờn vaứon laùc quan, yeõu ủụứi. Baỷng lụựp vieỏt saỹn ủeà baứi, daứn yự KC.

III.Hoaùt ủoọng treõn lụựp:

Hoaùt ủoọng cuỷa thaày	***Hoaùt ủoọng cuỷa troứ***
1. KTBC	
2. Baứi mụựi:	.
a). Giụựi thieọu baứi:	
b). Hửụựng daón HS tìm hieồu yeõu caàu ủeà baứi:	-1 HS ủoùc to, caỷ lụựp laộng nghe.
-Cho HS ủoùc ủeà baứi.	-HS noỏi tieỏp nhau ủoùc gụùi yự trong SGK.
-GV ghi ủeà baứi leõn baỷng lụựp vaứ gaùch dửụựi nhửừng tửứ ngửừ quan troùng.	-HS laàn lửụùt neõu teõn caõu chuyeọn mỡnh seừ keồ.
-Cho lụựp ủoùc gụùi yự.	
c). HS keồ chuyeọn:	-Tửứng caởp HS keồ chuyeọn vaứ neõu yự nghúa cuỷa caõu chuyeọn.
-Cho HS keồ chuyeọn theo caởp.	-ẹaùi dieọn caực caởp leõn thi keồ vaứ neõu yự nghúa cuỷa caõu chuyeọn mỡnh keồ.
-Cho HS thi keồ.	
-GV nhaọn xeựt, khen nhửừng HS coự caõu chuyeọn hay, keồ haỏp daón.	-Lụựp nhaọn xeựt.
3. Cuỷng coỏ, daởn doứ: GV nhaọn xeựt tieỏt hoùc.	
-Yeõu caàu HS veà nhaứ keồ laùi caõu chuyeọn cho ngửụứi thaõn nghe.	
-Daởn HS veà nhaứ ủoùc trửụực noọi dung baứi KC ụỷ tuaàn 34.	

Thứ 4 ngày 28 tháng 4 năm 2008

Tuần 35

Từ 14/5-18/5/2007

Đạo đức: Ôn tập và thực hành kĩ năng cuối học kỳ II

I, Mục tiêu:

- Ôn lại từ bài 9 đến bài 14.
- Tổ chức cho HS thực hành kĩ năng biết lắng nghe, biết bày tỏ ý kiến; quan tâm chăm sóc đối với ông bà cha mẹ; kính trọng thầy cô giáo và những ngời lao động.

II, Đồ dùng dạy học: - Phiếu học tập.
- Phiếu thảo luận.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
1. HĐ1: Trò chơi: "Phỏng vấn"	
+ Tổ chức cho HS làm việc cặp đôi.	
+ YC HS đóng vai phỏng vấn các bạn về các vấn đề:	+ HS làm việc cặp đôi: Lần lợt HS này là phóng viên – HS kia là ngời phỏng vấn.
- Trong học tập, vì sao phải trung thực. Hãy kể một tấm gơng trung thực.	
- Khi gặp khó khăn trong học tập, em sẽ làm gì?	
- Em đã hiếu thảo với ông bà, cha mẹ cha? Kể những việc tốt mà em đã làm.	
- Vì sao cần phải kính trọng, biết ơn thầy, cô giáo.	+ 2-3 HS lên thực hành.
+ Gọi 1 số cặp lên lớp thực hành phỏng vấn và trả lời.	+ Các nhóm khác theo dõi.
+ Hớng dẫn HS nhận xét, bổ sung.	
+ Giáo viên đánh giá, nhận xét chung.	
2. HĐ2: Làm việc theo phiếu	+ HS làm việc theo phiếu.
+ Phát phiếu học tập cho HS.	+ Hoàn thành bài tập ở phiếu.
+ YC HS hoàn thành phiếu.	+ 1 số HS nêu kết quả.
+ Hớng dẫn HS nhận xét, đánh giá	+ Lớp nhận xét, bổ sung.
+ Giáo viên nhận xét, chốt lại những	

việc làm đúng. 3. HĐ3: <u>Thực hành</u> + YC HS làm việc theo nhóm. + Phát giấy, bút cho HS. + Giáo viên YC HS trong nhóm kể cho nhau nghe những tấm gơng. - Trung thực trong học tập. - Tấm gơng hiếu thảo. - Các tấm gơng lao động mà em biết. + Nhận xét, biểu dơng.	+ Làm việc theo nhóm + Trong nhóm kể cho nhau nghe. + Ghi kết quả vào giấy những câu thành tục ngữ, ca dao nói về sự trung thực, lòng hiếu thảo… + Đại diện các nhóm lên bảng dán kết quả. + 1-2 HS kể chuyện. + Lớp theo dõi, nhận xét.

C, <u>Củng cố – dặn dò:</u> - Nhận xét giờ học.
- Dặn HS chuẩn bị bài sau.

Tập đọc: **Ôn tập: Tiết 1**

I, Mục tiêu:

1. Kiểm tra lấy điểm tập đọc và HTL, kết hợp kiểm tra kĩ năng đọc, hiểu.
2. Hệ thống đợc 1 số điều cần ghi nhớ về nội dung, về nhân vật của các bài tập tập đọc, là truyện kể thuộc 2 chủ điểm "Có chí thì nên", "Tiếng sáo diều".

II, Đồ dùng dạy học:

- Phiếu viết tên từng bài tập đọc và HTL đã học ở HK I.
- Bảng kẻ sẵn bài tập 2.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
1. Giới thiệu bài (1')	
2. HĐ1: Kiểm tra tập đọc và HTL (25')	
(Khoảng 1/6 số HS trong lớp)	
+ Gọi từng HS lên bốc thăm, chọn bài	+ Từng HS lên bốc thăm – xem lại bài 1-2 phút.
	+ HS đọc SGK (học thuộc lòng) 1 đoạn hoặc cả bài theo chỉ định trong phiếu.
+ Đặt 1 câu hỏi về đoạn HS vừa đọc.	+ HS trả lời.
+ Giáo viên cho điểm theo hớng dẫn.	
2. HĐ2: Hớng dẫn HS làm bài tập 2 SGK (10')	
+ Gọi 1 HS đọc yêu cầu.	+ 1 HS đọc yêu cầu – Lớp đọc thầm.
+ YC HS làm việc theo nhóm.	+ Chia nhóm.
+ Phát giấy, bút dạ cho các nhóm.	+ Nhận đồ dùng.
	+ Thảo luận, trao đổi để điền cho hoàn chỉnh nội dung vào bảng tổng kết.
+ Hớng dẫn HS nhận xét theo các yêu cầu.	
- Nội dung ghi từng cột có chính xác không?	+ Đại diện các nhóm lên bảng dán kết quả và trình bày.
- Lời trình bày có rõ ràng, mạch lạc không?	+ Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

C, <u>Củng cố – dặn dò:</u> - Nhận xét giờ học
- Dặn HS chuẩn bị bài sau.

<u>Toán:</u> ôn tập về tìm hai số khi biết tổng hoặc hiệu của hai số đó .

I, <u>Mục tiêu:</u> Giúp học sinh ôn tập về:
- Tìm hai số khi biết tổng hoặc hiệu của hai số đó .

II, <u>Các hoạt động dạy học chủ yếu:</u>

<u>Hoạt động của thầy</u>	**<u>Hoạt động của trò</u>**
A. <u>Kiểm tra bài cũ</u> (5’)	
+ Gọi HS chữa bài tập 4 SGK. + Nhận xét, đánh giá.	+ 1 HS lên bảng chữa. + Lớp nhận xét, bổ sung.
B. <u>Dạy học bài mới</u>	
1. HĐ1: <u>Hướng dẫn luyện tập</u> + Gọi HS nêu yêu cầu của từng bài tập. + Giao nhiệm vụ cho HS. + Lưu ý HS. + ở bài tập 1, chú ý chọn mẫu số chung bé nhất có thể để quy đồng rồi thực hiện phép tính. + Bài tập 5 lưu ý HS tìm hiệu giữa số tuổi của mẹ và con sau 3 năm nữa.	+ 5 HS nối tiếp nhau nêu yêu cầu 5 bài tập. + HS tự làm bài tập vào vở.
2. HĐ2: <u>Hướng dẫn HS chữa bài.</u> <u>Bài 1, 2:</u> Tính + Hướng dẫn HS nhận xét, chữa bài + Kết luận cách làm đúng. + Củng cố lại cách giải dạng toán tìm hai số khi biết tổng hoặc hiệu và tỉ số củahai số đó	+ 2 HS lên bảng chữa – Nêu cách tính. + Lớp theo dõi đối chiếu bài làm của mình với bài làm trên bảng. + Nhận xét, chữa (nếu sai).
<u>Bài 3:</u> + Yêu cầu HS giải thích cách làm .	

+GV nxét kết luận cách giải đúng . 3. Dặn dò : Nxét giờ học +Dặn HS chuẩn bị bài sau .	+ Gọi 3 HS lên bảng chữa – Nêu cách làm. + Lớp đổi vở để kiểm tra kết quả lẫn nhau. + Chữa bài trên bảng (nếu sai).

Lịch sử: **Kiểm tra định kỳ**

(Theo phiếu)

Thứ 3. 2.1.2007

Toán: Tiết 87 **Dấu hiệu chia hết cho 9**

I,

Chính tả: **Ôn tập: Tiết 2**

I, Mục tiêu:

1. Tiếp tục kiểm tra lấy điểm tập đọc và HTL (nh tiết 1).
2. Ôn luyện kĩ năng đặt câu, kiểm tra sự hiểu biết của HS về nhân vật (trong các bài đọc) qua các bài tập đặt câu, nhận xét về nhân vật.
3. Ôn các thành ngữ, tục ngữ đã học qua các bài thực hành chọn thành ngữ, tục ngữ hợp với tình huống đã cho.

II, Đồ dùng dạy học: - 1 số tờ phiếu to viết sẵn bài tập 3.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò

1. Giới thiệu bài (1’)	
2.HĐ1:Kiểm tra tập đọc và HTL (18’)	
+ YC HS lên bốc thăm chọn bài.	+ HS lên bốc thăm chọn bài, chuẩn bị, xem lại bài (1-2’)
+ Giáo viên đặt 1 câu hỏi về đoạn vừa đọc.	+ Từng HS đọc trong SGK hoặc đọc thuộc lòng từng đoạn hoặc cả bài theo yêu cầu.
+ Giáo viên cho điểm theo hướng dẫn.	+ HS trả lời.
3. HĐ2: Luyện tập.	
Bài 2: Gọi HS đọc yêu cầu	+ 1 HS đọc yêu cầu
+ YC HS làm bài tập vào vở.	+ HS tự làm bài vào vở
	+ 1 số HS nêu miệng câu mà mình vừa đặt.
+ Hướng dẫn HS nhận xét, bổ sung. Lu ý HS phải đặt câu với những từ ngữ thích hợp để nhận xét về các nhân vật.	+ Lớp nhận xét, bổ sung.
Bài 3: Gọi HS đọc yêu cầu.	+ 1 HS đọc – Lớp đọc thầm
+ YC HS làm việc theo phiếu.	+ Chia nhóm
+ Phát giấy chuẩn bị sẵn nội dung bài tập 3.	+ Nhận đồ dùng + Thảo luận, trao đổi viết vào phiếu những thành ngữ, tục ngữ thích hợp.
+ Hướng dẫn HS nhận xét, đánh giá.	+ Đại diện các nhóm lên bảng dán kết quả và trình bày vào vở.
+ Kết luận lời giải đúng.	+ Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

C, Củng cố – dặn dò: - Nhận xét giờ học
- Dặn HS chuẩn bị bài sau.

Luyện từ và câu: Ôn tập: Tiết 3

I, Mục tiêu:

1. Tiếp tục kiểm tra lấy điểm tập đọc – HTL.
2. Ôn luyện về các kiểu mở bài và kết bài trong bài văn kể chuyện.

II, Đồ dùng dạy học: - Phiếu viết tên từng bài tập đọc – HTL.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
1. Giới thiệu bài (1') 2.HĐ1:Kiểm tra tập đọc và HTL (18') (1/6 số HS trong lớp) Tiến hành tơng tự nh tiết trớc. 3. HĐ2: Luyện tập Bài 2: Gọi HS đọc yêu cầu của đề.	+ 1 HS đọc – Lớp đọc thầm truyện "Ông Trạng thả diều".
+ YC HS nhắc lại các kiểu mở bài và kết bài đã học.	+ 1 số HS nêu + Lớp nhận xét, bổ sung
+ YC HS viết phần mở bài gián tiếp, phần kết bài mở rộng cho câu chuyện về ông Nguyễn Hiền.	+ HS tự làm bài vào vở.
+ Gọi 1 số HS đọc bài của mình.	+ Lần lợt từng HS đọc tiếp nối các phần mở bài, kết bài.
+ Hớng dẫn HS nhận xét, bổ sung. Giáo viên sửa lỗi dùng từ, diễn đạt cho HS.	+ Lớp theo dõi, nhận xét.

C, Củng cố – dặn dò: - Nhận xét giờ học.
- Dặn HS chuẩn bị bài sau.

Buổi chiều

Khoa học: Kiểm tra định kì lần2 (theo phiếu)

Kể chuyện **Ôn tập: Tiết 4**

I, Mục tiêu:

- Kiểm tra đọc – hiểu (nh tiết trớc)
- Nghe – viết chính xác, đẹp bài thơ: "Đôi que đan".

II, Đồ dùng dạy học: Phiếu bốc thăm.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
1. Giới thiệu bài (1') 2. HĐ1: Kiểm tra đọc (20') (Tiến hành tơng tự nh tiết trớc) 3. HĐ2: Nghe – viết chính tả (15') a. Tìm hiểu nội dung bài thơ: + Gọi HS đọc bài thơ "Đôi que đan". + Từ đôi que đan và bàn tay của chị em những gì hiện ra? b. Hớng dẫn viết từ khó: + YC HS tự phát hiện và tìm từ khó, dễ lẫn thờng hay viết sai. + Nhận xét, bổ sung, yêu cầu HS viết bảng con. + Nhận xét, sửa lỗi. c. Nghe – viết chính tả: + Đọc thong thả cho HS viết bài vào vở. d. Soát lỗi – chấm bài: + Đọc lại bài cho HS soát lỗi. + Thu vở để chấm. + Nhận xét, sửa lỗi.	+ Tự làm bài, sau đó đổi vở để kiểm tra kết quả lẫn nhau. + 2 HS đọc – Lớp đọc thầm + Những đồ dùng hiện ra từ đôi que đan và bàn tay của chị em: mũ len, khăn, áo của bà, của bé, của cha mẹ. + Là những ngời rất chăm chỉ, yêu th-ơng những ngời thân trong gia đình. + HS nêu ý kiến. + Lớp nhận xét, bổ sung. + Viết bảng con các từ: mũ, chăm chỉ, giản dị, que tre. + Viết bài vào vở. + HS tự soát lỗi. + Tự sửa lỗi.

3. Củng cố – dặn dò: - Nhận xét giờ học

- Dặn HS tiếp tục ôn tập.

Thứ .....

Toán: Tiết 88 **Dấu hiệu chia hết cho 3**

I, Mục tiêu:

- Biết dấu hiệu chia hết cho 3 và không chia hết cho 3.
- áp dụng dấu hiệu chia hết cho 3, không chia hết cho 3 để giải các bài toán có liên quan.
- Củng cố dấu hiệu chia hết cho 9.

II, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
A. Bài cũ (4’)	
+ Cho các số: 1235, 4590, 1784, 25678, 352971.	+ 2 HS lên bảng làm.
a, Các số chia hết cho 9 là…	+ Lớp làm vào giấy nháp
b, Các số không chia hết cho 9 là…	
+ Nhận xét, sửa (nếu sai)	
B. Dạy học bài mới:	
1. Giới thiệu bài (1’)	
2. HĐ1: Lấy ví dụ các số chia hết cho 3 (6’)	
+ Chia lớp làm 2 nhóm.	+ Chia nhóm.
+ YC nhóm 1: Tìm các số chia hết cho 3.	+ Mỗi nhóm cử 5 HS lên bảng thi.
+ Nhóm 2: Tìm các số không chia hết cho 3.	+ Lần lợt đại diện các nhóm tìm số và ghi số lên bảng.
+ Ghi kết quả tìm đợc thành 2 cột, cột các số chia hết cho 3 và cột các số không chia hết cho 3.	
3. HĐ2: Tìm hiểu dấu hiệu chia hết cho 3 (7’)	+ 1 số HS đọc số, nêu ý kiến.
+ YC HS đọc các số chia hết cho 3 trên bảng và tìm đặc điểm chung của các số này.	+ Lớp nhận xét, bổ sung.
	+ HS tính vào giấy nháp.
+ YC HS tính tổng các chữ số của các số chia hết cho 3.	+ Tổng các chữ số của chúng cũng

+ Em hãy tìm mối quan hệ giữa tổng các chữ số của các số này với 3. + Đó chính là dấu hiệu chia hết cho 3. + YC HS tính tổng các chữ số không chia hết cho 3 và cho biết những tổng này có chia hết cho 3 không? + Nhận xét → Rút ra kết luận SGK. 3. HĐ3: Luyện tập + Giao nhiệm vụ cho HS. + Hướng dẫn HS chữa bài Bài 1+2: Gọi 2 HS nêu yêu cầu + Hướng dẫn HS nhận xét, sửa chữa (nếu sai) + Giáo viên củng cố lại dấu hiệu chia hết cho 3 và dấu hiệu không chia hết cho 3. Bài 3+4: + 2 HS nêu yêu cầu và nội dung bài. + Hướng dẫn HS nhận xét, sửa (nếu sai). + Củng cố lại dấu hiệu chia hết cho 3.	chia hết cho 3. + Vài HS nhắc lại. + Tính và rút ra nhận xét. Các tổng này không chia hết cho 3. + Vài HS đọc phần ghi nhớ SGK. + Tự làm bài tập vào vở. + 2 HS nêu yêu cầu. + Lớp tự làm vào vở. + 2 HS lên bảng chữa. + HS so sánh đối chiếu kết quả của mình với kết quả trên bảng, nêu nhận xét. Bài 1: Các số chia hết cho 3 là: 231, 1872, 92313. Bài 2: Các số không chia hết cho 3 là: 502, 6823, 641311. + 2 HS nêu + Lớp tự làm vào vở + 2 HS lên bảng chữa + Lớp đổi vở kiểm tra chéo kết quả lẫn nhau. + Nhận xét bài làm trên bảng.

C, Củng cố – dặn dò: - Nhận xét giờ học.
- Giao bài tập về nhà.

Địa lí: **Kiểm tra định kì**

(Theo phiếu)

Kể chuyện **Ôn tập: Tiết 4**

I, Mục tiêu:

- Kiểm tra đọc – hiểu (nh tiết trớc)
- Nghe – viết chính xác, đẹp bài thơ: "Đôi que đan".

II, Đồ dùng dạy học: Phiếu bốc thăm.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
1. Giới thiệu bài (1') 2. HĐ1: Kiểm tra đọc (20') (Tiến hành tơng tự nh tiết trớc) 3. HĐ2: Nghe – viết chính tả (15') a. Tìm hiểu nội dung bài thơ: + Gọi HS đọc bài thơ "Đôi que đan". + Từ đôi que đan và bàn tay của chị em những gì hiện ra? + Theo em, hai chị em trong bài là ngời nh thế nào? b. Hớng dẫn viết từ khó: + YC HS tự phát hiện và tìm từ khó, dễ lẫn thờng hay viết sai. + Nhận xét, bổ sung, yêu cầu HS viết bảng con. + Nhận xét, sửa lỗi. c. Nghe – viết chính tả: + Đọc thong thả cho HS viết bài vào vở. d. Soát lỗi – chấm bài: + Đọc lại bài cho HS soát lỗi. + Thu vở để chấm. + Nhận xét, sửa lỗi.	+ Tự làm bài, sau đó đổi vở để kiểm tra kết quả lẫn nhau. + 2 HS đọc – Lớp đọc thầm + Những đồ dùng hiện ra từ đôi que đan và bàn tay của chị em: mũ len, khăn, áo của bà, của bé, của cha mẹ. + Là những ngời rất chăm chỉ, yêu th-ơng những ngời thân trong gia đình. + HS nêu ý kiến. + Lớp nhận xét, bổ sung. + Viết bảng con các từ: mũ, chăm chỉ, giản dị, que tre. + Viết bài vào vở. + HS tự soát lỗi. + Tự sửa lỗi.

3. Củng cố – dặn dò: - Nhận xét giờ học

- Dặn HS tiếp tục ôn tập.

Thứ 5.....

Toán: Tiết 89 **Luyện tập**

I, Mục tiêu:

- Củng cố dấu hiệu chia hết cho 2, 5, 9, 3 và giải các bài toán có liên quan đến các dấu hiệu chia hết cho 2, 5, 9, 3.

II, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
A. Bài cũ:	
+ Gọi HS lên bảng làm bài tập sau: Cho các số 258, 371250, 1468, 127890, 4234. Tìm các số vừa chia hết cho 2, 3, 5, 9.	+ 2 HS lên bảng làm + Lớp làm vào giấy nháp
+ Nhận xét, bổ sung.	
B. Dạy học bài mới;	
1. Giới thiệu bài: (1')	
1. HĐ1: Luyện tập:	
Bài 1: Giáo viên yêu cầu HS đọc nội dung và yêu cầu bài 1.	+ 1 HS đọc yêu cầu + Lớp tự làm vào vở + 1 số HS nêu miệng kết quả.
+ Hướng dẫn HS nhận xét, sửa chữa.	+ Lớp nhận xét, bổ sung.
+ Giáo viên củng cố lại dấu hiệu chia hết cho 3 và cho 9.	- Các số chia hết cho 3 là: 4563, 2229, 3576, 66816. - Các số chia hết cho 9 là: 4563, 66816. - Các số chia hết cho 3 nhng không chia hết cho 9 là: 2229, 3576.
Bài 2: + Gọi HS đọc yêu cầu.	+ 1 HS đọc yêu cầu + Lớp tự làm vào vở + 3 HS lên bảng chữa + Lớp đổi vở để kiểm tra kết quả lẫn nhau.
+ Hướng dẫn HS nhận xét, bổ sung bài làm của bạn.	+ Nhận xét bài làm của bạn trên bảng. a, 945.

+ Giáo viên yêu cầu 3 HS lên bảng làm giải thích cách làm của mình.	b, 225, 255, 285. c, 762, 768.
Bài 3: Gọi HS nêu yêu cầu.	+ 1 HS nêu yêu cầu. + Lớp tự làm vào vở. + 1 số HS nêu miệng kết quả.
+ Gọi 4 HS lần lợt làm từng phần và giải thích rõ vì sao đúng/ sai?	+ Lớp nhận xét, bổ sung. a, Đ; b, S; c, S; d, Đ
2. HĐ2: Tổ chức cho HS chơi trò chơi: "Ghi nhanh kết quả"	
+ Chia lớp làm 2 nhóm.	+ Chia nhóm.
+ Mỗi nhóm cử 10 HS lên chơi.	+ Cử đại diện lên thi đua.
+ Gọi HS nêu yêu cầu của luật chơi (Bài tập 4).	+ 2 HS nêu + Các nhóm lên thi đua + Nhóm nào ghi đợc nhiều số đúng và nhanh, nhóm đó thắng.
+ Nhận xét, kết luận kết quả đúng.	a, 612, 621, 126, 162, 216, 261.
+ Chấm điểm cho từng nhóm.	b, 120, 102, 210, 201.

C, Củng cố – dặn dò: - Nhận xét giờ học
- Dặn HS về nhà làm bài tập.

Tập đọc: **Ôn tập: Tiết 5**

I, Mục tiêu:

- Kiểm tra đọc – hiểu (lấy điểm)
- Ôn luyện về danh từ, động từ, tính từ và đặt câu hỏi cho bộ phận in đậm.

II, Đồ dùng dạy học: - Phiếu bốc thăm ghi sẵn các bài TĐ – HTL đã học.
- Bảng lớp viết sẵn đoạn văn ở bài tập 2.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
1. HĐ1: Kiểm tra đọc (20’)	
+ Tiến hành tơng tự nh tiết 1.	
2. HĐ2: Ôn luyện về danh từ, động từ, tính từ và đặt câu hỏi cho bộ phận đợc in đậm (15’)	
+ Gọi HS đọc yêu cầu bài tập 2.	+ 1 HS đọc – Lớp đọc thầm.
+ YC HS tự làm bài.	+ Tự làm bài vào vở. + 1 HS lên bảng gạch chân dới các danh từ, động từ, tính từ.
+ Gọi HS chữa bài, bổ sung.	+HS đổi vở kiểm tra kết quả lẫn nhau.
+ Nhận xét, kết luận lời giải đúng.	+ So sánh đối chiếu, nhận xét bài làm trên bảng.
+ YC HS tự đặt câu cho bộ phận in đậm.	+ Lớp tự làm vào vở. + 1 số HS nêu miệng câu hỏi.
+ Gọi HS nhận xét, chữa câu cho bạn.	+ Lớp nhận xét, bổ sung.
+ Nhận xét, kết luận lời giải đúng.	- Buổi chiều, xe làm gì? - Nắng phố huyện nh thế nào? - Ai đang chơi đùa trớc sân?

C, Củng cố – dặn dò: - Nhận xét giờ học
- Dặn HS chuẩn bị bài sau.

Khoa học: Không khí cần cho sự sống

I, Mục tiêu:

- Hiểu đọc: ngời, động vật, thực vật đều cần đến không khí để thở.
- Hiểu đọc vai trò của không khí với quá trình hô hấp.
- Nêu đọc những ứng dụng vai trò của khí ôxi vào đời sống.

II, Đồ dùng dạy học:

- Giáo viên và HS chuẩn bị về cây, con vật nuôi, cây trồng đã giao từ tiết trớc
- Giáo viên su tầm về ngời bệnh đang thở bình ôxi, bể cá đợc bơm không khí.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
A. Bài cũ: (4’) Gọi HS lên bảng trả lời: + Khí ôxi có vai trò nh thế nào đối với sự cháy. + Nhận xét câu trả lời và cho điểm.	 + 2 HS lên bảng trả lời + Lớp theo dõi, nhận xét.
B. Dạy học bài mới: 1. Giới thiệu bài (1’) 2. HĐ1: Tìm hiểu vai trò của không khí đối với con ngời (10’) + Tổ chức cho HS hoạt động cả lớp. + YC cả lớp để tay trớc mũi, thở ra và hít vào, em có nhận xét gì?	 + Làm theo yêu cầu của giáo viên. + 1 số HS nêu ý kiến. - Để tay trớc mũi, thở ra và hít vào em thấy có luồng không khí chạm vào tay.
+ Nhận xét, tiểu kết. + YC 2 HS ngồi cùng bàn bịt mũi nhau lại và ngời bị bịt mũi phải ngậm miệng lại. - Em cảm thấy thế nào khi bị bịt mũi và ngậm miệng lại?	 + Làm việc cặp đôi theo yêu cầu của giáo viên. + Em cảm thấy tức ngực, tim đập nhanh và không thể nhịn thở thêm đ-ợc nữa.
+ Qua thí nghiệm trên, em thấy không khí có vai trò gì đối với con ngời? + Nhận xét, tiểu kết.	+ Không khí rất cần cho quá trình hô hấp của con ngời. Không có không khí để thở con ngời sẽ chết.

3. HĐ2: <u>Tìm hiểu vai trò của không khí đối với động, thực vật</u> (10’)	
+ YC các nhóm trng bày con vật, cây trồng theo yêu cầu của tiết trớc.	+ 4 nhóm trng bày con vật, cây trồng đã chuẩn bị lên một chiếc bàn trớc lớp.
+ YC đại diện của mỗi nhóm nêu kết quả thí nghiệm nhóm đã làm ở nhà.	+ 4 HS cầm con vật (cây trồng) của mình trên tay và nêu kết quả. - Nhóm 1: Con vật của nhóm em vẫn sống bình thờng. - Nhóm 2: Con vật nhóm em nuôi đã bị chết. - Nhóm 3: Hạt đậu nhóm en trồng vẫn phát triển bình thờng. - Nhóm 4: Hạt đậu sau khi nảy mầm đã bị héo.
+ Với những điều kiện nh nhau tại sao con vật (của nhóm 2) lại chết?	- Là do không có không khí để thở. Khi nắp lọ đợc đóng kín, lợng ôxi trong lọ hết là nó sẽ chết.
+ Còn hạt đậu (của nhóm 4) vì sao không sống đợc bình thờng?	- Vì do thiếu không khí. Cây sống đ-ợc là nhờ trao đổi khí với môi trêng.
+ Qua 2 thí nghiệm trên, em hiểu không khí có vai trò nh thế nào đối với thực vật, động vật?	- Không khí rất cần cho hoạt động sống của động thực vật. Thiếu ôxi trong không khí thì động, thực vật sẽ chết.
+ Nhận xét, tiểu kết.	
4. HĐ3: <u>ứng dụng vai trò của không khí trong đời sống</u> (10’)	
+ Tổ chức cho HS trao đổi cặp đôi.	+ 2 HS ngồi cạnh nhau quan sát tranh trao đổi, nêu ý kiến.
+ YC HS quan sát hình 5, 6 SGK và cho biết tên dụng cụ giúp ngời thợ lặn lặn sâu dới nớc.	+ 1 số HS lên bảng chỉ vào hình vừa nêu. - Dụng cụ giúp ngời thợ lặn lặn sâu d-ới nớc là bình ôxi.
+ Tên dụng cụ giúp cho bể cá có nhiều không khí hòa tan.	- Bể cá có nhiều không khí là máy bơm không khí vào nớc.
+ Cho HS quan sát tranh, ảnh (su tầm	- HS quan sát, nhận xét, nêu ý kiến.

đợc) ngời bệnh nặng đang thở bình ôxi. + Nhận xét, kết luân: Ngời, động vật muốn sống đợc cần có ôxi để thở. → Rút ra bài học.	- Lớp nhận xét, bổ sung. + Vài HS đọc mục bạn cần biết SGK.

C, <u>Củng cố – dặn dò:</u> - Nhận xét giờ học.
- Dặn HS chuẩn bị bài sau.

Buổi chiều

Luyện từ và câu: Ôn tập: Tiết 6

I, Mục tiêu:

- Kiểm tra đọc – hiểu (lấy điểm)
- Ôn luyện về văn miêu tả đồ vật.

II, Các hoạt động dạy học chủ yếu

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
1. HĐ1: Kiểm tra đọc (10’) Tiến hành nh tiết 1, 2.	
2.HĐ2: Ôn luyện về văn miêu tả (20’) + Gọi HS đọc yêu cầu SGK.	+ 1 HS đọc yêu cầu – Lớp đọc thầm
+ Gọi 1 HS đọc phần ghi nhớ SGK.	+ 1 HS đọc to – Lớp đọc thầm.
+ YC HS tự làm bài vào vở.	+ HS tự làm bài vào vở.
+Giáo viên lu ý HS trớc khi làm bài - Hãy quan sát kĩ chiếc bút, tìm những đặc điểm riêng mà không thể lẫn với chiếc bút của bạn. - Không nên tả quá chi tiết, rờm rà.	+ HS tự lập dàn ý, viết mở bài, kết thúc.
- Gọi HS trình bày dàn ý của mình.	+ 3-5 HS trình bày.
- Gọi HS đọc phần mở bài và kết bài.	+ 3-5 HS trình bày.
+ Giáo viên sửa lỗi dùng từ, diễn đạt cho từng HS.	

3, Củng cố – dặn dò: - Nhận xét giờ học
- Dặn HS chuẩn bị bài sau.

Tập làm văn: **Kiểm tra định kì**

(Theo phiếu)

Luyện Toán: **Tuần 18**

I, Mục tiêu:

- Củng cố lại dấu hiệu chia hết cho 2, 3, 5, 9.
- Vận dụng các dấu hiệu chia hết để giải các bài toán có liên quan.

II, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
1. HĐ1: Luyện tập (27')	
+ Ra đề bài.	+ Làm bài tập vào vở.

Bài 1: Cho các chữ số: 0, 1, 2, 5.

a, Hãy lập tất cả các số có 4 chữ số khác nhau chia hết cho 2.

b, Hãy lập tất cả các số có 4 chữ số khác nhau chia hết cho 5.

c, Hãy lập tất cả các số có 4 chữ số khác nhau chia hết cho 2 và 5.

Bài 2: Hãy tìm số tự nhiên nhỏ nhất khác 1 sao cho số đó chia hết cho 2, 3, 4, 5 và 9 đều d 1.

Bài 3: Hãy viết số tự nhiên nhỏ nhất khác 1 sao cho số đó chia cho 2 d 1, chia cho 3 d 2, chia cho 4 d 3, chia cho 5 d 4.

Bài 4: An có 3 tờ giấy, từ 3 tờ giấy này An lấy 1 tờ cắt ra làm 3 mảnh nhỏ, lấy 1 số mảnh cắt làm 3 mảnh nhỏ hơn, cứ thế mãi, liệu cuối cùng số mảnh giấy An thu đ-ợc có thể là 2005 mảnh không? Giải thích vì sao?

2. HĐ2: Chấm – chữa bài

+ Thu vở để chấm

+ Nhận xét, sửa lỗi (nếu sai)

3. Củng cố – dặn dò: - Nhận xét giờ học.

- Dặn HS chuẩn bị bài sau.

Thứ .....

Tập làm văn: **Kiểm tra định kì**

(Theo phiếu)

Toán: Tiết 90 **Luyện tập chung**

I, Mục tiêu:

- Củng cố dấu hiệu chia hết cho 2, 3, 5, 9.
- Vận dụng các dấu hiệu chia hết để giải các bài toán có liên quan.

II, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
1. HĐ1: Kiểm tra bài cũ (5') + Gọi HS lên bảng làm bài tập. - Cho các số: 1478, 2700, 5167, 2406, 1989. a, Tìm các số vừa chia hết cho 2 vừa chia hết cho 5. b, Tìm các số vừa chia hết cho 3 vừa chia hết cho 9. c, Tìm các số vừa chia hết cho 2, 3, 5 và 9. + Nhận xét, sửa chữa (nếu sai)	+ 3 HS lên bảng làm + Lớp làm vào giấy nháp.
2. HĐ2: Luyện tập (30') + Giao nhiệm vụ cho HS. Bài 1+2: Gọi HS đọc yêu cầu bài 1, 2. + YC HS tự làm bài. + Hướng dẫn HS nhận xét, sửa (nếu sai) + Giáo viên củng cố lại dấu hiệu chia hết cho 2, 3, 5, 9.	+ Tự làm bài tập vào vở. + 2 HS đọc – Lớp đọc thầm. + HS tự làm vào vở. + 1 số HS nêu miệng kết quả. + Lớp nhận xét, bổ sung. + Đổi vở để kiểm tra kết quả lẫn nhau. Bài 1: a, 4568, 2050, 35766. b, 2229, 35766. c, 7435, 2050 d, 35766.

	Bài 2: a, 65620, 5270 b, 57234, 64620 c, 64620.
Bài 3+4: Gọi HS nêu yêu cầu. + YC HS tự làm bài.	+ 2 HS nêu yêu cầu + Lớp tự làm vào vở + 4 HS lên bảng chữa. + Lớp đổi chéo bài để kiểm tra kết quả lẫn nhau. + Nhận xét bài làm của bạn trên bảng.
+ Hớng dẫn HS nhận xét, sửa chữa (nếu sai) + YC 4 HS vừa lên bảng lần lợt giải thích cách làm của mình.	Bài 3: a, 528, 558, 588 b, 603, 693 c, 240 d, 354 + 1-2 HS đọc đề bài – Lớp đọc thầm. + Lắng nghe.
Bài 5: Gọi HS đọc đề bài. + Lu ý HS: Xếp thành 3 hàng hoặc 5 hàng thì không thừa, không thiếu bạn nào, nghĩa là số HS lớp đó chia hết cho cả 3 và 5. + YC HS tự làm bài vào vở.	+ HS tự làm bài vào vở. + 1 HS lên bảng làm. + Lớp đổi vở để kiểm tra kết quả lẫn nhau.
+ Hớng dẫn nhận xét, bổ sung (nếu cần). + Nhận xét, chốt lại câu trả lời đúng.	+ Nhận xét, đối chiếu bài làm của bạn trên bảng. - Là số 30.

C, <u>Củng cố – dặn dò:</u> - Nhận xét giờ học.
- Dặn HS về nhà làm bài tập.

Tuần 18

Từ 1/1→ 6.1.2007

Đạo đức: **Ôn tập và thực hành kĩ năng cuối học kỳ I**

I, Mục tiêu:

- Ôn lại từ bài 1 đến bài 8.
- Tổ chức cho HS thực hành kĩ năng biết lắng nghe, biết bày tỏ ý kiến; quan tâm chăm sóc đối với ông bà cha mẹ; kính trọng thầy cô giáo và những ngời lao động.

II, Đồ dùng dạy học: - Phiếu học tập.
- Phiếu thảo luận.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
1. HĐ1: Trò chơi: "Phỏng vấn"	
+ Tổ chức cho HS làm việc cặp đôi.	
+ YC HS đóng vai phỏng vấn các bạn về các vấn đề: - Trong học tập, vì sao phải trung thực. Hãy kể một tấm gơng trung thực. - Khi gặp khó khăn trong học tập, em sẽ làm gì? - Em đã hiếu thảo với ông bà, cha mẹ cha? Kể những việc tốt mà em đã làm. - Vì sao cần phải kính trọng, biết ơn thầy, cô giáo.	+ HS làm việc cặp đôi: Lần lợt HS này là phóng viên – HS kia là ngời phỏng vấn.
+ Gọi 1 số cặp lên lớp thực hành phỏng vấn và trả lời.	+ 2-3 HS lên thực hành.
+ Hớng dẫn HS nhận xét, bổ sung.	+ Các nhóm khác theo dõi.
+ Giáo viên đánh giá, nhận xét chung.	
2. HĐ2: Làm việc theo phiếu	
+ Phát phiếu học tập cho HS.	

+ YC HS hoàn thành phiếu.	+ HS làm việc theo phiếu. + Hoàn thành bài tập ở phiếu.
+ Hướng dẫn HS nhận xét, đánh giá + Giáo viên nhận xét, chốt lại những việc làm đúng.	+ 1 số HS nêu kết quả. + Lớp nhận xét, bổ sung.
3. HĐ3: Thực hành + YC HS làm việc theo nhóm. + Phát giấy, bút cho HS.	+ Làm việc theo nhóm
+ Giáo viên YC HS trong nhóm kể cho nhau nghe những tấm gương. - Trung thực trong học tập. - Tấm gương hiếu thảo. - Các tấm gương lao động mà em biết.	+ Trong nhóm kể cho nhau nghe. + Ghi kết quả vào giấy những câu thành tục ngữ, ca dao nói về sự trung thực, lòng hiếu thảo… + Đại diện các nhóm lên bảng dán kết quả. + 1-2 HS kể chuyện. + Lớp theo dõi, nhận xét.
+ Nhận xét, biểu dương.	

C, Củng cố – dặn dò: - Nhận xét giờ học.
- Dặn HS chuẩn bị bài sau.

Tập đọc: **Ôn tập: Tiết 1**

I, Mục tiêu:

1. Kiểm tra lấy điểm tập đọc và HTL, kết hợp kiểm tra kĩ năng đọc, hiểu.
2. Hệ thống đọc 1 số điều cần ghi nhớ về nội dung, về nhân vật của các bài tập tập đọc, là truyện kể thuộc 2 chủ điểm "Có chí thì nên", "Tiếng sáo diều".

II, Đồ dùng dạy học:

- Phiếu viết tên từng bài tập đọc và HTL đã học ở HK I.
- Bảng kẻ sẵn bài tập 2.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
1. Giới thiệu bài (1') 2. HĐ1: Kiểm tra tập đọc và HTL (25') (Khoảng 1/6 số HS trong lớp)	

+ Gọi từng HS lên bốc thăm, chọn bài	+ Từng HS lên bốc thăm – xem lại bài 1-2 phút. + HS đọc SGK (học thuộc lòng) 1 đoạn hoặc cả bài theo chỉ định trong phiếu. + HS trả lời.
+ Đặt 1 câu hỏi về đoạn HS vừa đọc. + Giáo viên cho điểm theo hướng dẫn. 2. HĐ2: Hướng dẫn HS làm bài tập 2 SGK (10') + Gọi 1 HS đọc yêu cầu. + YC HS làm việc theo nhóm. + Phát giấy, bút dạ cho các nhóm.	+ 1 HS đọc yêu cầu – Lớp đọc thầm. + Chia nhóm. + Nhận đồ dùng.
+ Hướng dẫn HS nhận xét theo các yêu cầu. - Nội dung ghi từng cột có chính xác không? - Lời trình bày có rõ ràng, mạch lạc không?	+ Thảo luận, trao đổi để điền cho hoàn chỉnh nội dung vào bảng tổng kết. + Đại diện các nhóm lên bảng dán kết quả và trình bày. + Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

C, Củng cố – dặn dò: - Nhận xét giờ học
- Dặn HS chuẩn bị bài sau.

Toán: Tiết 86 **Luyện tập**

I, Mục tiêu:

- Củng cố dấu hiệu chia hết cho 2, dấu hiệu chia hết cho 5.
- Kết hợp dấu hiệu chia hết cho 2, cho 5 để tìm các số tự nhiên vừa chia hết cho 2, vừa chia hết cho 5.

II, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
1. HĐ1: Kiểm tra bài cũ (5') + Gọi HS lên bảng làm bài tập. Cho các số: 1354, 1260, 1786, 1425, 10578, 18676, 207680. a, Các số chia hết cho 2 là…	+ 2 HS lên bảng làm. + Lớp làm vào giấy nháp.

b, Các số chia hết cho 5 là… + Nhận xét, sửa chữa (nếu sai) 2. HĐ2: <u>Hướng dẫn luyện tập</u> (30') + Giao nhiệm vụ cho HS. <u>Bài1+2:</u> Gọi HS nêu yêu cầu và nội dung bài 1, 2. + Hướng dẫn HS nhận xét, sửa chữa. + Củng cố lại dấu hiệu chia hết cho 2 và dấu hiệu chia hết cho 5 cho HS. <u>Bài 3+4:</u> Gọi HS đọc yêu cầu. + Hướng dẫn HS nhận xét, bổ sung. + Củng cố lại dấu hiệu chia hết cho 2 và dấu hiệu chia hết cho 5 → Rút ra nhận xét dấu hiệu các số vừa chia hết cho 2 vừa chia hết cho 5 là số có tận cùng là chữ số 0. <u>Bài 5:</u> Gọi HS đọc đề bài. + Hướng dẫn HS nhận xét, bổ sung. + Củng cố lại dấu hiệu chia hết cho 2 và dấu hiệu chia hết cho 5.	+ Tự làm bài tập vào vở. + 2 HS nêu. + Lớp đọc thầm và tự làm bài. + 3 HS lên bảng chữa. + Lớp so sánh, đối chiếu kết quả của mình với bài làm trên bảng – Nhận xét, bổ sung (nếu cần). Bài 1:a, 4568, 66814, 2050, 3576, 900 b, 2050, 900, 2355. + 2 HS đọc yêu cầu. + Lớp đọc thầm, tự làm vào vở. + 2 HS lên bảng chữa. + Lớp đổi chéo vở để kiểm tra kết quả lẫn nhau. + Nhận xét, bổ sung bài làm trên bảng (nếu cần). Bài 3: a, 480, 2000, 9010. b, 296, 324. c, 345, 3995. + 1 HS đọc đề bài. + Lớp tự làm vào vở. + 1 số HS nêu miệng kết quả bài làm của mình. + Lớp nhận xét, bổ sung. - Là số 10.

C, <u>Củng cố – dặn dò:</u> - Nhận xét giờ học
- Giao bài tập về nhà.

<u>Lịch sử:</u> **Kiểm tra định kỳ**

(Theo phiếu)

Thứ .....

Toán: Tiết 87 **Dấu hiệu chia hết cho 9**

I, Mục tiêu:

- Biết dấu hiệu chia hết cho 9 và không chia hết cho 9.
- áp dụng dấu hiệu chia hết cho 9, không chia hết cho 9 để giải các bài toán có liên quan.

II, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
A. Bài cũ (4’)	
+ Gọi HS lên bảng làm.	
+ Tìm các số có 2 chữ số vừa chia hết cho 2 vừa chia hết cho 5.	+ 1 HS lên bảng làm. + Lớp làm vào giấy nháp.
+ Nhận xét, đánh giá.	
B. Dạy học bài mới	
1. Giới thiệu bài (1’)	
2.HĐ1: Tìm các số chia hết cho 9 (5’)	
+ Tổ chức cho HS tìm các số chia hết cho 9 và không chia hết cho 9.	+ HS nối tiếp nhau phát biểu ý kiến, mỗi HS nêu 2 số, 1 số chia hết cho 9 và 1 số không chia hết cho 9.
+ Ghi kết quả tìm đợc của HS làm 2 cột, cột các số chia hết cho 9 và cột các số không chia hết cho 9.	+ 1 số HS nêu.
3. HĐ2: Dấu hiệu chia hết cho 9 (7’)	
+ YC HS đọc và tìm điểm giống nhau của các số chia hết cho 9 vừa tìm đợc.	+ HS tự tìm và nêu ý kiến (có thể nêu các đặc điểm không phải là dấu hiệu chia hết cho 9).
+ YC HS tính tổng các chữ số của từng số chia hết cho 9.	+ HS tự tính tổng các chữ số trong các số vừa tìm đợc chia hết cho 9 và nêu ý kiến.
+ Em có nhận xét gì về tổng các chữ số của các số chia hết cho 9.	+ Tổng các chữ số trong các số đó đều chia hết cho 9.
+ YC HS tính tổng các chữ số của các số không chia hết cho 9.	+ HS tự tính tổng các chữ số trong các số không chia hết cho 9 và nêu ý kiến.
+ Em có nhận xét gì về tổng các chữ số của các số không chia hết cho 9.	

+ Nhận xét → Rút ra kết luận SGK. 4. HĐ3: Luyện tập (20') Bài 1+2: Gọi HS nêu yêu cầu bài 1, 2. + Hướng dẫn HS nhận xét, sửa chữa (nếu sai). + Củng cố lại dấu hiệu chia hết cho 9 và không chia hết cho 9. Bài 3+4: Gọi HS nêu yêu cầu. + Hướng dẫn HS nhận xét, sửa chữa (nếu sai) + Nhận xét, kết luận cách làm đúng.	+ Tổng các chữ số của các số này đều không chia hết cho 9. + Vài HS nêu ý kiến. + Tự làm bài vào vở. + 2 HS nêu + Lớp tự làm vào vở. + 2 HS lên bảng chữa. + Lớp so sánh, đối chiếu kết quả bài làm của mình với bài trên bảng. Bài 1: 99, 108, 5643, 39385. Bài 2: 96, 7857, 5554, 1097. + 2 HS nêu yêu cầu. + Lớp tự làm vào vở + 2 HS lên bảng chữa + Lớp đổi vở để kiểm tra kết quả lẫn nhau. + So sánh đối chiếu với bài trên bảng.

C, Củng cố – dặn dò: - Nhận xét giờ học
- Dặn HS chuẩn bị bài sau.

Chính tả: **Ôn tập: Tiết 2**

I, Mục tiêu:

1. Tiếp tục kiểm tra lấy điểm tập đọc và HTL (nh tiết 1).
2. Ôn luyện kĩ năng đặt câu, kiểm tra sự hiểu biết của HS về nhân vật (trong các bài đọc) qua các bài tập đặt câu, nhận xét về nhân vật.
3. Ôn các thành ngữ, tục ngữ đã học qua các bài thực hành chọn thành ngữ, tục ngữ hợp với tình huống đã cho.

II, Đồ dùng dạy học: - 1 số tờ phiếu to viết sẵn bài tập 3.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò

1. Giới thiệu bài (1’)	
2.HĐ1:Kiểm tra tập đọc và HTL (18’)	
+ YC HS lên bốc thăm chọn bài.	+ HS lên bốc thăm chọn bài, chuẩn bị, xem lại bài (1-2’)
+ Giáo viên đặt 1 câu hỏi về đoạn vừa đọc.	+ Từng HS đọc trong SGK hoặc đọc thuộc lòng từng đoạn hoặc cả bài theo yêu cầu.
+ Giáo viên cho điểm theo hướng dẫn.	+ HS trả lời.
3. HĐ2: Luyện tập.	
Bài 2: Gọi HS đọc yêu cầu	+ 1 HS đọc yêu cầu
+ YC HS làm bài tập vào vở.	+ HS tự làm bài vào vở
	+ 1 số HS nêu miệng câu mà mình vừa đặt.
+ Hướng dẫn HS nhận xét, bổ sung. Lu ý HS phải đặt câu với những từ ngữ thích hợp để nhận xét về các nhân vật.	+ Lớp nhận xét, bổ sung.
Bài 3: Gọi HS đọc yêu cầu.	
+ YC HS làm việc theo phiếu.	+ 1 HS đọc – Lớp đọc thầm
+ Phát giấy chuẩn bị sẵn nội dung bài tập 3.	+ Chia nhóm + Nhận đồ dùng + Thảo luận, trao đổi viết vào phiếu những thành ngữ, tục ngữ thích hợp.
+ Hướng dẫn HS nhận xét, đánh giá. + Kết luận lời giải đúng.	+ Đại diện các nhóm lên bảng dán kết quả và trình bày vào vở. + Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

C, Củng cố – dặn dò: - Nhận xét giờ học
- Dặn HS chuẩn bị bài sau.

Luyện từ và câu: Ôn tập: Tiết 3

I, Mục tiêu:
1. Tiếp tục kiểm tra lấy điểm tập đọc – HTL.
2. Ôn luyện về các kiểu mở bài và kết bài trong bài văn kể chuyện.

II, Đồ dùng dạy học: - Phiếu viết tên từng bài tập đọc – HTL.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò

1. Giới thiệu bài (1’) 2.HĐ1:Kiểm tra tập đọc và HTL (18’) (1/6 số HS trong lớp) Tiến hành tơng tự nh tiết trớc. 3. HĐ2: Luyện tập	
Bài 2: Gọi HS đọc yêu cầu của đề.	+ 1 HS đọc – Lớp đọc thầm truyện “Ông Trạng thả diều”.
+ YC HS nhắc lại các kiểu mở bài và kết bài đã học. + YC HS viết phần mở bài gián tiếp, phần kết bài mở rộng cho câu chuyện về ông Nguyễn Hiền.	+ 1 số HS nêu + Lớp nhận xét, bổ sung + HS tự làm bài vào vở.
+ Gọi 1 số HS đọc bài của mình.	+ Lần lợt từng HS đọc tiếp nối các phần mở bài, kết bài.
+ Hớng dẫn HS nhận xét, bổ sung. Giáo viên sửa lỗi dùng từ, diễn đạt cho HS.	+ Lớp theo dõi, nhận xét.

C, Củng cố – dặn dò: - Nhận xét giờ học.
- Dặn HS chuẩn bị bài sau.

Khoa học: Không khí cần cho sự cháy

I, Mục tiêu: Giúp HS
- Làm thí nghiệm để chứng minh
+ Càng có nhiều không khí thì càng có nhiều ôxi và sự cháy sẽ đợc tiếp diễn.
+ Muốn sự cháy diễn ra liên tục, không khí phải đợc lu thông.
- Biết đợc vai trò của khí nitơ đối với sự cháy diễn ra trong không khí.
- Biết đợc những ứng dụng thực tế có liên quan đến vai trò của không khí đối với sự cháy.

II, Đồ dùng dạy học: - 2 cây nến bằng nhau; 2 lọ thủy tinh (1 to, 1 nhỏ)
- 2 lọ thủy tinh không có đáy để kê.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
A. ổn định tổ chức	
+ Kiểm tra đồ dùng học tập	
B. Dạy học bài mới:	

1. Giới thiệu bài mới (1’)	
2. HĐ1: Tìm hiểu vai trò của ôxi đối với sự cháy (10’)	
+ Chia nhóm, yêu cầu các nhóm trởng báo cáo về việc chuẩn bị đồ dùng.	+ Chia nhóm, các nhóm trởng báo cáo.
+ YC các em đọc mục thực hành (trang 70 SGK) để biết cách làm.	+ HS đọc mục thực hành.
+ YC các nhóm làm thí nghiệm.	+ Các nhóm làm thí nghiệm nh hớng dẫn SGK.
+ YC HS quan sát và trả lời	+ HS quan sát, nêu ý kiến.
- Hiện tợng gì xảy ra?	- Cả 2 cây nến đều tắt, nhng cây nến trong lọ to cháy lâu hơn.
- Theo em, tại sao cây nến trong lọ to lại cháy lâu hơn?	- Vì trong lọ to chứa nhiều không khí hơn, mà trong không khí có chứa khí ôxi duy trì sự cháy.
- Vậy khí ôxi có vai trò gì?	- Ôxi để duy trì sự cháy, càng có nhiều không khí thì → nhiều ôxi → cháy lâu hơn.
+ Nhận xét → Tiểu kết.	
3. HĐ2: Tìm hiểu cách duy trì sự cháy (10’)	
+ Tiếp tục cho HS làm thí nghiệm theo nhóm.	+ Các nhóm trởng báo cáo về việc chuẩn bị các đồ dùng làm thí nghiệm.
+ YC HS đọc mục thực hành thí nghiệm trang 70, 71 SGK.	+ Đọc mục thực hành thí nghiệm SGK.
	+ HS làm thí nghiệm nh mục 1, mục 2 SGK trang 70, 71.
+ Theo em ở thí nghiệm 1, vì sao cây nến lại chỉ cháy đợc trong thời gian ngắn nh vậy?	+ Quan sát, giải thích nguyên nhân.
+ Vì sao ở thí nghiệm 2 cây nến có thể cháy bình thờng?	- Là do lợng ôxi trong lọ đã cháy hết mà không đợc cung cấp tiếp.
	- Là do cây nến đợc cung cấp ôxi liên tục. Để gắn nến không kín nên không khí liên tục tràn vào trong lọ cung cấp ôxi nên nến cháy liên tục.
+ Để duy trì sự cháy cần phải làm gì? Tại sao phải làm nh vậy?	- Để duy trì sự cháy liên tục cần cung

+ Nhận xét, tiểu kết. 3. HĐ3: <u>ứng dụng liên quan đến sự cháy</u> (10') + Tổ chức cho HS làm việc cặp đôi. + YC HS quan sát hình 5 SGK và thảo luận nội dung sau. - Bạn nhỏ đang làm gì? - Bạn làm nh vậy để làm gì? - Em nào còn có kinh nghiệm làm cho ngọn lửa bếp củi, bếp than không bị tắt. + Nhận xét, bổ sung, tiểu kết.	cấp không khí. Vì không khí chứa nhiều ôxi → Ôxi nhiều thì sự cháy sẽ diễn ra liên tục. + 2 HS ngồi cạnh nhau quan sát hình 5 SGK trao đổi, thảo luận. + 1 số HS nêu ý kiến – Lớp bổ sung. - Đang dùng ống nứa thổi không khí vào trong bếp củi. - Để không khí trong bếp đợc cung cấp liên tục. - HS trao đổi và trả lời. + Lớp nhận xét, bổ sung.

C, <u>Củng cố – dặn dò:</u> - Nhận xét giờ học
- Dặn HS chuẩn bị bài sau.

Thứ .....

<u>Toán:</u> Tiết 88 **Dấu hiệu chia hết cho 3**

I, <u>Mục tiêu:</u>
- Biết dấu hiệu chia hết cho 3 và không chia hết cho 3.
- áp dụng dấu hiệu chia hết cho 3, không chia hết cho 3 để giải các bài toán có liên quan.
- Củng cố dấu hiệu chia hết cho 9.

II, <u>Các hoạt động dạy học chủ yếu:</u>

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
A. <u>Bài cũ</u> (4') + Cho các số: 1235, 4590, 1784, 25678, 352971. a, Các số chia hết cho 9 là… b, Các số không chia hết cho 9 là… + Nhận xét, sửa (nếu sai)	+ 2 HS lên bảng làm. + Lớp làm vào giấy nháp

B. <u>Dạy học bài mới:</u> 1. <u>Giới thiệu bài</u> (1') 2. HĐ1: <u>Lấy ví dụ các số chia hết cho 3</u> (6') + Chia lớp làm 2 nhóm. + YC nhóm 1: Tìm các số chia hết cho 3. + Nhóm 2: Tìm các số không chia hết cho 3. + Ghi kết quả tìm đợc thành 2 cột, cột các số chia hết cho 3 và cột các số không chia hết cho 3. 3. HĐ2: <u>Tìm hiểu dấu hiệu chia hết cho 3</u> (7') + YC HS đọc các số chia hết cho 3 trên bảng và tìm đặc điểm chung của các số này. + YC HS tính tổng các chữ số của các số chia hết cho 3. + Em hãy tìm mối quan hệ giữa tổng các chữ số của các số này với 3. + Đó chính là dấu hiệu chia hết cho 3. + YC HS tính tổng các chữ số không chia hết cho 3 và cho biết những tổng này có chia hết cho 3 không? + Nhận xét → Rút ra kết luận SGK. 3. HĐ3: <u>Luyện tập</u> + Giao nhiệm vụ cho HS. + Hớng dẫn HS chữa bài <u>Bài 1+2:</u> Gọi 2 HS nêu yêu cầu + Hớng dẫn HS nhận xét, sửa chữa (nếu sai) + Giáo viên củng cố lại dấu hiệu chia hết cho 3 và dấu hiệu không chia hết cho 3.	+ Chia nhóm. + Mỗi nhóm cử 5 HS lên bảng thi. + Lần lợt đại diện các nhóm tìm số và ghi số lên bảng. + 1 số HS đọc số, nêu ý kiến. + Lớp nhận xét, bổ sung. + HS tính vào giấy nháp. + Tổng các chữ số của chúng cũng chia hết cho 3. + Vài HS nhắc lại. + Tính và rút ra nhận xét. Các tổng này không chia hết cho 3. + Vài HS đọc phần ghi nhớ SGK. + Tự làm bài tập vào vở. + 2 HS nêu yêu cầu. + Lớp tự làm vào vở. + 2 HS lên bảng chữa. + HS so sánh đối chiếu kết quả của mình với kết quả trên bảng, nêu nhận xét. Bài 1: Các số chia hết cho 3 là: 231, 1872, 92313.

Bài 3+4: + 2 HS nêu yêu cầu và nội dung bài. + Hướng dẫn HS nhận xét, sửa (nếu sai). + Củng cố lại dấu hiệu chia hết cho 3.	Bài 2: Các số không chia hết cho 3 là: 502, 6823, 641311. + 2 HS nêu + Lớp tự làm vào vở + 2 HS lên bảng chữa + Lớp đổi vở kiểm tra chéo kết quả lẫn nhau. + Nhận xét bài làm trên bảng.

C, Củng cố – dặn dò: - Nhận xét giờ học.
- Giao bài tập về nhà.

Địa lí: **Kiểm tra định kì**

(Theo phiếu)

Kể chuyện **Ôn tập: Tiết 4**

I, Mục tiêu:

- Kiểm tra đọc – hiểu (nh tiết trước)
- Nghe – viết chính xác, đẹp bài thơ: "Đôi que đan".

II, Đồ dùng dạy học: Phiếu bốc thăm.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
1. Giới thiệu bài (1') 2. HĐ1: Kiểm tra đọc (20') (Tiến hành tơng tự nh tiết trớc) 3. HĐ2: Nghe – viết chính tả (15') a. Tìm hiểu nội dung bài thơ: + Gọi HS đọc bài thơ "Đôi que đan". + Từ đôi que đan và bàn tay của chị em những gì hiện ra? + Theo em, hai chị em trong bài là ngời nh thế nào?	 + Tự làm bài, sau đó đổi vở để kiểm tra kết quả lẫn nhau. + 2 HS đọc – Lớp đọc thầm + Những đồ dùng hiện ra từ đôi que đan và bàn tay của chị em: mũ len, khăn, áo của bà, của bé, của cha mẹ. + Là những ngời rất chăm chỉ, yêu th-ơng những ngời thân trong gia đình.

b. Hướng dẫn viết từ khó: + YC HS tự phát hiện và tìm từ khó, dễ lẫn thường hay viết sai. + Nhận xét, bổ sung, yêu cầu HS viết bảng con. + Nhận xét, sửa lỗi.	+ HS nêu ý kiến. + Lớp nhận xét, bổ sung. + Viết bảng con các từ: mũ, chăm chỉ, giản dị, que tre.
c. Nghe – viết chính tả: + Đọc thong thả cho HS viết bài vào vở.	+ Viết bài vào vở.
d. Soát lỗi – chấm bài: + Đọc lại bài cho HS soát lỗi. + Thu vở để chấm. + Nhận xét, sửa lỗi.	+ HS tự soát lỗi. + Tự sửa lỗi.

3. Củng cố – dặn dò: - Nhận xét giờ học
- Dặn HS tiếp tục ôn tập.

Toán: Tiết 89 **Luyện tập**

I, Mục tiêu:

- Củng cố dấu hiệu chia hết cho 2, 5, 9, 3 và giải các bài toán có liên quan đến các dấu hiệu chia hết cho 2, 5, 9, 3.

II, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
A. Bài cũ: + Gọi HS lên bảng làm bài tập sau: Cho các số 258, 371250, 1468, 127890, 4234. Tìm các số vừa chia hết cho 2, 3, 5, 9. + Nhận xét, bổ sung.	+ 2 HS lên bảng làm + Lớp làm vào giấy nháp
B. Dạy học bài mới; 1. Giới thiệu bài: (1') 1. HĐ1: Luyện tập: Bài 1: Giáo viên yêu cầu HS đọc nội dung và yêu cầu bài 1. + Hướng dẫn HS nhận xét, sửa chữa.	+ 1 HS đọc yêu cầu + Lớp tự làm vào vở + 1 số HS nêu miệng kết quả. + Lớp nhận xét, bổ sung.

+ Giáo viên củng cố lại dấu hiệu chia hết cho 3 và cho 9.	- Các số chia hết cho 3 là: 4563, 2229, 3576, 66816. - Các số chia hết cho 9 là: 4563, 66816. - Các số chia hết cho 3 nhng không chia hết cho 9 là: 2229, 3576.
Bài 2: + Gọi HS đọc yêu cầu.	+ 1 HS đọc yêu cầu + Lớp tự làm vào vở + 3 HS lên bảng chữa + Lớp đổi vở để kiểm tra kết quả lẫn nhau.
+ Hướng dẫn HS nhận xét, bổ sung bài làm của bạn. + Giáo viên yêu cầu 3 HS lên bảng làm giải thích cách làm của mình.	+ Nhận xét bài làm của bạn trên bảng. a, 945. b, 225, 255, 285. c, 762, 768.
Bài 3: Gọi HS nêu yêu cầu. + Gọi 4 HS lần lợt làm từng phần và giải thích rõ vì sao đúng/ sai?	+ 1 HS nêu yêu cầu. + Lớp tự làm vào vở. + 1 số HS nêu miệng kết quả. + Lớp nhận xét, bổ sung. a, Đ; b, S; c, S; d, Đ
2. HĐ2: Tổ chức cho HS chơi trò chơi: "Ghi nhanh kết quả" + Chia lớp làm 2 nhóm. + Mỗi nhóm cử 10 HS lên chơi. + Gọi HS nêu yêu cầu của luật chơi (Bài tập 4).	+ Chia nhóm. + Cử đại diện lên thi đua. + 2 HS nêu + Các nhóm lên thi đua + Nhóm nào ghi đợc nhiều số đúng và nhanh, nhóm đó thắng.
+ Nhận xét, kết luận kết quả đúng. + Chấm điểm cho từng nhóm.	a, 612, 621, 126, 162, 216, 261. b, 120, 102, 210, 201.

C, Củng cố – dặn dò: - Nhận xét giờ học
- Dặn HS về nhà làm bài tập.

Tập đọc: Ôn tập: Tiết 5

I, Mục tiêu:

- Kiểm tra đọc – hiểu (lấy điểm)
- Ôn luyện về danh từ, động từ, tính từ và đặt câu hỏi cho bộ phận in đậm.

II, Đồ dùng dạy học: - Phiếu bốc thăm ghi sẵn các bài TĐ – HTL đã học.
- Bảng lớp viết sẵn đoạn văn ở bài tập 2.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
1. HĐ1: Kiểm tra đọc (20’)	
+ Tiến hành tơng tự nh tiết 1.	
2. HĐ2: Ôn luyện về danh từ, động từ, tính từ và đặt câu hỏi cho bộ phận đợc in đậm (15’)	
+ Gọi HS đọc yêu cầu bài tập 2.	+ 1 HS đọc – Lớp đọc thầm.
+ YC HS tự làm bài.	+ Tự làm bài vào vở. + 1 HS lên bảng gạch chân dới các danh từ, động từ, tính từ.
+ Gọi HS chữa bài, bổ sung.	+HS đổi vở kiểm tra kết quả lẫn nhau.
+ Nhận xét, kết luận lời giải đúng.	+ So sánh đối chiếu, nhận xét bài làm trên bảng.
+ YC HS tự đặt câu cho bộ phận in đậm.	+ Lớp tự làm vào vở.
+ Gọi HS nhận xét, chữa câu cho bạn.	+ 1 số HS nêu miệng câu hỏi.
+ Nhận xét, kết luận lời giải đúng.	+ Lớp nhận xét, bổ sung. - Buổi chiều, xe làm gì? - Nắng phố huyện nh thế nào? - Ai đang chơi đùa trớc sân?

C, Củng cố – dặn dò: - Nhận xét giờ học
- Dặn HS chuẩn bị bài sau.

Khoa học: Không khí cần cho sự sống

I, Mục tiêu:

- Hiểu đợc: ngời, động vật, thực vật đều cần đến không khí để thở.
- Hiểu đợc vai trò của không khí với quá trình hô hấp.
- Nêu đợc những ứng dụng vai trò của khí ôxi vào đời sống.

II, Đồ dùng dạy học:

- Giáo viên và HS chuẩn bị về cây, con vật nuôi, cây trồng đã giao từ tiết trớc
- Giáo viên su tầm về ngời bệnh đang thở bình ôxi, bể cá đợc bơm không khí.

III, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
A. Bài cũ: (4’)	
Gọi HS lên bảng trả lời:	
+ Khí ôxi có vai trò nh thế nào đối với sự cháy.	+ 2 HS lên bảng trả lời
+ Nhận xét câu trả lời và cho điểm.	+ Lớp theo dõi, nhận xét.
B. Dạy học bài mới:	
1. Giới thiệu bài (1’)	
2. HĐ1: Tìm hiểu vai trò của không khí đối với con ngời (10’)	
+ Tổ chức cho HS hoạt động cả lớp.	
+ YC cả lớp để tay trớc mũi, thở ra và hít vào, em có nhận xét gì?	+ Làm theo yêu cầu của giáo viên. + 1 số HS nêu ý kiến. - Để tay trớc mũi, thở ra và hít vào em thấy có luồng không khí chạm vào tay.
+ Nhận xét, tiểu kết.	
+ YC 2 HS ngồi cùng bàn bịt mũi nhau lại và ngời bị bịt mũi phải ngậm miệng lại.	+ Làm việc cặp đôi theo yêu cầu của giáo viên.
- Em cảm thấy thế nào khi bị bịt mũi và ngậm miệng lại?	+ Em cảm thấy tức ngực, tim đập nhanh và không thể nhịn thở thêm đợc nữa.
+ Qua thí nghiệm trên, em thấy không khí có vai trò gì đối với con ngời?	+ Không khí rất cần cho quá trình hô hấp của con ngời. Không có không khí để thở con ngời sẽ chết.
+ Nhận xét, tiểu kết.	
3. HĐ2: Tìm hiểu vai trò của không khí đối với động, thực vật (10’)	+ 4 nhóm trng bày con vật, cây trồng đã chuẩn bị lên một chiếc bàn trớc lớp.
+ YC các nhóm trng bày con vật, cây trồng theo yêu cầu của tiết trớc.	+ 4 HS cầm con vật (cây trồng) của mình trên tay và nêu kết quả.
+ YC đại diện của mỗi nhóm nêu kết quả thí nghiệm nhóm đã làm ở nhà.	- Nhóm 1: Con vật của nhóm em vẫn sống bình thờng.

	- Nhóm 2: Con vật nhóm em nuôi đã bị chết. - Nhóm 3: Hạt đậu nhóm en trồng vẫn phát triển bình thờng. - Nhóm 4: Hạt đậu sau khi nảy mầm đã bị héo. - Là do không có không khí để thở. Khi nắp lọ đợc đóng kín, lợng ôxi trong lọ hết là nó sẽ chết.
+ Với những điều kiện nh nhau tại sao con vật (của nhóm 2) lại chết?	- Vì do thiếu không khí. Cây sống đợc là nhờ trao đổi khí với môi trêng.
+ Còn hạt đậu (của nhóm 4) vì sao không sống đợc bình thờng?	- Không khí rất cần cho hoạt động sống của động thực vật. Thiếu ôxi trong không khí thì động, thực vật sẽ chết.
+ Qua 2 thí nghiệm trên, em hiểu không khí có vai trò nh thế nào đối với thực vật, động vật?	
+ Nhận xét, tiểu kết.	+ 2 HS ngồi cạnh nhau quan sát tranh trao đổi, nêu ý kiến.
4. HĐ3: <u>ứng dụng vai trò của không khí trong đời sống</u> (10’)	+ 1 số HS lên bảng chỉ vào hình vừa nêu.
+ Tổ chức cho HS trao đổi cặp đôi.	- Dụng cụ giúp ngời thợ lặn lặn sâu dới nớc là bình ôxi.
+ YC HS quan sát hình 5, 6 SGK và cho biết tên dụng cụ giúp ngời thợ lặn lặn sâu dới nớc.	- Bể cá có nhiều không khí là máy bơm không khí vào nớc. - HS quan sát, nhận xét, nêu ý kiến. - Lớp nhận xét, bổ sung.
+ Tên dụng cụ giúp cho bể cá có nhiều không khí hòa tan.	
+ Cho HS quan sát tranh, ảnh (su tầm đ-ợc) ngời bệnh nặng đang thở bình ôxi.	+ Vài HS đọc mục bạn cần biết SGK.
+ Nhận xét, kết luân: Ngời, động vật muốn sống đợc cần có ôxi để thở.	
→ Rút ra bài học.	

C, <u>Củng cố – dặn dò:</u> - Nhận xét giờ học.
- Dặn HS chuẩn bị bài sau.

Luyện từ và câu: Ôn tập: Tiết 6

I, Mục tiêu:

- Kiểm tra đọc – hiểu (lấy điểm)
- Ôn luyện về văn miêu tả đồ vật.

II, Các hoạt động dạy học chủ yếu

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
1. HĐ1: Kiểm tra đọc (10’) Tiến hành nh tiết 1, 2.	
2.HĐ2: Ôn luyện về văn miêu tả (20’)	
+ Gọi HS đọc yêu cầu SGK.	+ 1 HS đọc yêu cầu – Lớp đọc thầm
+ Gọi 1 HS đọc phần ghi nhớ SGK.	+ 1 HS đọc to – Lớp đọc thầm.
+ YC HS tự làm bài vào vở.	+ HS tự làm bài vào vở.
+Giáo viên lu ý HS trớc khi làm bài - Hãy quan sát kĩ chiếc bút, tìm những đặc điểm riêng mà không thể lẫn với chiếc bút của bạn. - Không nên tả quá chi tiết, rờm rà.	+ HS tự lập dàn ý, viết mở bài, kết thúc. + 3-5 HS trình bày.
- Gọi HS trình bày dàn ý của mình.	+ 3-5 HS trình bày.
- Gọi HS đọc phần mở bài và kết bài. + Giáo viên sửa lỗi dùng từ, diễn đạt cho từng HS.	

3, Củng cố – dặn dò: - Nhận xét giờ học
- Dặn HS chuẩn bị bài sau.

Tập làm văn: Kiểm tra định kì

(Theo phiếu)

Thứ .....

Tập làm văn: Kiểm tra định kì

Toán: Tiết 90 **Luyện tập chung**

I, Mục tiêu:

- Củng cố dấu hiệu chia hết cho 2, 3, 5, 9.
- Vận dụng các dấu hiệu chia hết để giải các bài toán có liên quan.

II, Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
1. HĐ1: Kiểm tra bài cũ (5') + Gọi HS lên bảng làm bài tập. - Cho các số: 1478, 2700, 5167, 2406, 1989. a, Tìm các số vừa chia hết cho 2 vừa chia hết cho 5. b, Tìm các số vừa chia hết cho 3 vừa chia hết cho 9. c, Tìm các số vừa chia hết cho 2, 3, 5 và 9. + Nhận xét, sửa chữa (nếu sai) 2. HĐ2: Luyện tập (30') + Giao nhiệm vụ cho HS. Bài 1+2: Gọi HS đọc yêu cầu bài 1, 2. + YC HS tự làm bài. + Hướng dẫn HS nhận xét, sửa (nếu sai) + Giáo viên củng cố lại dấu hiệu chia hết cho 2, 3, 5, 9. Bài 3+4: Gọi HS nêu yêu cầu. + YC HS tự làm bài. + Hướng dẫn HS nhận xét, sửa chữa (nếu sai) + YC 4 HS vừa lên bảng lần lợt giải thích cách làm của mình.	+ 3 HS lên bảng làm + Lớp làm vào giấy nháp. + Tự làm bài tập vào vở. + 2 HS đọc – Lớp đọc thầm. + HS tự làm vào vở. + 1 số HS nêu miệng kết quả. + Lớp nhận xét, bổ sung. + Đổi vở để kiểm tra kết quả lẫn nhau. Bài 1: a, 4568, 2050, 35766. b, 2229, 35766. c, 7435, 2050 d, 35766. Bài 2: a, 65620, 5270 b, 57234, 64620 c, 64620. + 2 HS nêu yêu cầu + Lớp tự làm vào vở + 4 HS lên bảng chữa. + Lớp đổi chéo bài để kiểm tra kết quả lẫn nhau. + Nhận xét bài làm của bạn trên bảng. Bài 3: a, 528, 558, 588

Bài 5: Gọi HS đọc đề bài. + Lu ý HS: Xếp thành 3 hàng hoặc 5 hàng thì không thừa, không thiếu bạn nào, nghĩa là số HS lớp đó chia hết cho cả 3 và 5. + YC HS tự làm bài vào vở. + Hướng dẫn nhận xét, bổ sung (nếu cần). + Nhận xét, chốt lại câu trả lời đúng. **C, Củng cố - dặn dò:** Nhận xét giờ học. Dặn HS về nhà làm bài tập.	b, 603, 693 c, 240 d, 354 + 1-2 HS đọc đề bài – Lớp đọc thầm. + Lắng nghe. + HS tự làm bài vào vở. + 1 HS lên bảng làm. + Lớp đổi vở để kiểm tra kết quả lẫn nhau. + Nhận xét, đối chiếu bài làm của bạn trên bảng. - Là số 30